BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TRẦN THỊ THANH NHỊ

DỰ BÁO TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM: NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam (Trung đại)
Mã số: 62.22.02.21

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
1. GS.TS. TRẦN NGỌC VƯƠNG
2. PGS.TS. VŨ THANH

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả luận án xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng mình. Những kết quả, số liệu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trên bất cứ tài liệu nào. Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về công trình nghiên cứu của mình.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

Tác giả luận án

Trần Thị Thanh Nhị

LỜI CẢM ƠN

Trong một ngày hè rực rỡ, ý tưởng đề tài đã đến, quyến rũ, hấp dẫn và khiêu khích, "bắt" tôi nhất định phải chọn lấy nó, nhưng có lẽ, đó không phải là một "tình yêu sét đánh", thực ra, nó đã đến bên tôi thật âm thầm từ lúc nào. Ánh sáng hài hoà, rõ nét của ngày hè chói lọi ấy như đã được bắt đầu từ những vệt mờ sáng, từ những ngày niên thiếu, tôi đã bị thu hút, cám dỗ bởi những sách như *Kinh Dịch*, tướng số, tử vi trên giá sách của ông ngoại, rồi sau đó là những công trình nghiên cứu phân tâm học về giấc mơ của Freud. Sự lựa chọn đề tài có gì đó như là định mệnh. Trong suốt chặng đường tìm thấy, nắm bắt, chiêm ngưỡng và làm lộ rõ giá trị của nó, có những phút giây tôi cảm thấy hưng phấn kì lạ, như được quay trở lại quá khứ, thầm thì trò chuyện cùng cổ nhân, một nền văn hoá nào đó đã bị ẩn lấp, phủ bụi của không gian và thời gian bất chợt rực sáng huy hoàng khiến tôi sửng sốt. Nhân duyên có hội hợp thì quả trái mới tựu thành. Luận án từ lúc sơ khởi cho đến lúc đi hết chặng đường, lộ ra như khuôn mặt của người thiếu nữ cởi bỏ lớp mạng che, không chỉ là sự nỗ lực của cá nhân tôi, mà là nhân duyên, kết quả của sự hỗ trợ của nhiều cá nhân và tập thể dưới nhiều vai trò khác nhau.

Isaac Newton đã từng nói: "*Nếu tôi nhìn thấy được xa hơn là bởi vì tôi được đứng trên vai những người khổng lồ*". Quả thực như vậy, không biết tôi đã đi xa đến đâu, nhưng hẳn đã rất xa so với điểm xuất phát ban đầu, lúc tôi chưa được gặp những người thầy đáng kính. Đầu tiên, tôi xin được bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đến GS.TS. Trần Ngọc Vương và PGS.TS. Vũ Thanh. GS.TS. Trần Ngọc Vương là người thầy mà tôi luôn ngưỡng mộ, trân trọng và tin cậy. Nhờ duyên hạnh ngộ với thầy mà tôi được khám phá, chiêm ngưỡng những vùng đất thoáng đãng, mới mẻ, rộng rãi, đầy tiềm năng và giàu có của khoa học. Những ý tưởng gợi dẫn "đắt giá" của thầy giống như ngọn đuốc, sợi dây và mũi tên dẫn dắt, cho tôi những suy tưởng, trải nghiệm tuyệt vời để khám phá, thực hiện, hoàn thành luận án. Tôi cảm thấy may mắn vì không chỉ được đứng trên vai một mà những hai "người khổng lồ". PGS.TS. Vũ Thanh với tôi không chỉ là một người thầy mà tôi luôn tự hào còn là một người đồng hành, người bạn, người thân. Thầy là người dẫn dắt tận tình, trách nhiệm và đầy khoa học cho tôi trong suốt quá trình làm luận án. Việc thầy luôn yêu cầu cao về sự chỉn chu, nghiêm cẩn trong công việc; việc thử thách bằng cách đề ra những mức độ triển khai ngày càng khó hơn qua các bản thảo; việc đưa ra sự gợi ý, hướng dẫn của thầy và những nguồn tư liệu phong phú mà thầy cung cấp đã làm cho luận án của tôi trong những ngày đầu tiên còn đầy những sự xù xì, thô ráp, nay đã sáng rõ, đẹp dần lên và hoàn thiện theo một mức nào đó theo chủ

kiến của riêng tôi. Không những vậy, những lời động viên, khích lệ của thầy đã tạo cho tôi sức mạnh để vượt qua những chặng đường khó khăn nhất.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các thầy cô giáo trong bộ môn Văn học Việt Nam, các thầy cô giáo trong Khoa Ngữ văn và Phòng Sau đại học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã cho tôi cơ hội tiếp xúc, làm việc với những chuyên gia đầu ngành, đồng thời cũng đã có những nhận xét, phản hồi, đóng góp quan trọng giúp cho những ý tưởng tôi triển khai trong đề tài trở nên mạch lạc, sáng rõ.

Bằng tất cả những tình cảm và sự tri ân, tôi muốn được thể hiện sự biết ơn chân thành và sâu sắc đến Khoa Ngữ văn và quý các thầy cô trong Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Huế. Trong thời gian làm luận án, tôi không những được Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Huế tạo mọi điều kiện thuận lợi mà tôi đã nhận được rất nhiều sự hỗ trợ, khích lệ, động viên nhiều mặt từ phía những đồng nghiệp. Sự giúp đỡ đó đã khiến tôi cảm thấy mình được khám phá, sáng tạo, được cống hiến, chia sẻ, và được ghi nhận. Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Hải – người luôn dành cho tôi sự ưu ái đặc biệt, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu, cũng sẵn lòng dành thời gian quý báu của mình cho những vấn đề tôi còn khúc mắc.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến bạn bè, gia đình, người thân - những người thân yêu, gần gũi nhất trong cuộc đời, đã luôn ở bên tôi, cả những lúc vui sướng và cả những lúc buồn đau; trong những lúc thảnh thơi, thưởng ngoạn và cả trong nhọc nhằn, vất vả. Sự động viên, khuyến khích, sự có mặt của bạn bè, gia đình, người thân không những giống như mặt đất, là điểm tựa cho tôi được an yên, vững chắc, như ngọn lửa nhen nhóm lên trong tôi bao cảm hứng, nhiệt huyết, say mê để tôi theo đuổi ước mơ, mà còn như đôi cánh vững cho tôi được bay lượn trong một không gian, bầu trời đầy ánh dương, tràn trề niềm tin và tình yêu.

Trong suốt chặng hành trình vừa qua, tôi đã gặt hái cho riêng mình, không chỉ là sự hoàn thành công việc tốt đẹp mà còn nhiều giá trị khác, đó là nhờ sự hội duyên kì diệu! "*Đạo khả đạo, phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh*" (Lão Tử), ngôn ngữ không thể diễn tả hết sự tri ân, nhưng tận sâu trong tận đáy lòng, tôi luôn trân trọng và khắc sâu những những tình cảm thương quý và sự giúp đỡ vô giá mà quý thầy cô, bạn bè, gia đình, người thân đã dành cho.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

Tác giả luận án

Trần Thị Thanh Nhị

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

STT	TÊN ĐẦY ĐỦ	CHỮ VIẾT TẮT
1	Các phương thức dự báo	CPTDB
2	*Công dư tiệp kí*	*CDTK*
3	*Đại Việt sử kí toàn thư*	*ĐVSKTT*
4	*Hoàng Lê nhất thống chí*	*HLNTC*
5	*Nam ông mộng lục*	*NÔML*
6	*Nam triều công nghiệp diễn chí*	*NTCNDC*
7	*Tang thương ngẫu lục*	*TTNL*
8	*Thiền uyển tập anh*	*TUTA*
9	*Truyền kì mạn lục*	*TKML*
10	*Truyền kì tân phả*	*TKTP*
11	Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam	VXTSTĐVN
12	*Việt điện u linh*	*VĐUL*

DANH SÁCH PHỤ LỤC

STT	TÊN PHỤ LỤC	TRANG
1	**Phụ lục 1**: Các loại dự báo phổ biến và không phổ biến	169
2	**Phụ lục 2**: Bảng motif dự báo trong văn học dân gian thế giới	174
3	**Phụ lục 3**: Bảng motif dự báo trong văn học dân gian Việt Nam	194
4	**Phụ lục 4**: Các phương thức dự báo trong truyện Nôm khuyết danh	201
5	**Phụ lục 5**: Phân loại các phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam	203
	Phụ lục 6: "Nghiên cứu hiện tượng dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên trong *Lên đồng* (Khảo sát trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam)"	228
6	**Phụ lục 7**: "Nhân vật Cao Biền trong văn học Việt Nam từ góc nhìn văn hoá phong thuỷ"	241
7	**Phụ lục 8**: "Vấn đề ma thuật, bùa chú trong các phương thức dự báo (Khảo sát trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam)"	254
8	**Phụ lục 9**: "Nhân vật trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam dưới góc nhìn tướng thuật (Khảo sát trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam)"	268
9	**Phụ lục 10**: Bài thơ *Cảnh tinh phú* (Đào Sư Tích)	283

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1
1. Lí do chọn đề tài 1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 1
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu 3
4. Phương pháp nghiên cứu 4
5. Đóng góp mới của luận án 5
6. Cấu trúc luận án 5
Chương 1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÍ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI 6
1.1. Khái niệm dự báo và dự báo trong các nền văn hoá trên thế giới 6
1.1.1. Định nghĩa về dự báo, phương thức dự báo 6
1.1.2. Tổng quan về dự báo trên thế giới 7
1.1.3. Dự báo ở Việt Nam 12
1.2. Cơ sở lí thuyết của đề tài 13
1.2.1. Cơ sở lí thuyết chung 13
1.2.1.1. Nghiên cứu văn học dưới góc nhìn văn hoá 13
1.2.1.2. Thi pháp học 15
1.2.2. Lí thuyết nền tảng cho các phương thức dự báo và văn xuôi tự sự trung đại 16
1.2.2.1. Lí thuyết nền tảng cho các phương thức dự báo 16
1.2.2.2. Văn xuôi tự sự trung đại - Tên gọi và sự phân loại 19
1.3. Tổng quan tình hình nghiên cứu về dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam 21
Tiểu kết Chương 1 29
Chương 2. CÁC TIỀN ĐỀ HÌNH THÀNH VÀ VẤN ĐỀ NHẬN DIỆN, PHÂN LOẠI DỰ BÁO TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM 30
2.1. Các tiền đề hình thành dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam 30
2.1.1. Lịch sử, xã hội, văn hoá 30
2.1.1.1. Lịch sử, xã hội 30
2.1.1.2. Văn hoá 32
2.1.2. Văn học 36
2.1.2.1. Nguồn mạch văn học dân gian 36
2.1.2.2. Truyền thống dự báo trong văn học Trung Quốc 37
2.1.2.3. Những yếu tố nội tại của văn học trung đại 38
2.2. Nhận diện, phân loại dự báo trong văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại 40
2.2.1. Nhận diện, phân loại dự báo theo hình thức, kĩ thuật dự báo 41

2.2.1.1. Tiên tri 41
2.2.1.2. Tiếp xúc với thế giới siêu nhiên 42
2.2.1.3. Điềm triệu 45
2.2.1.4. Chiêm mộng 47
2.2.1.5. Tướng số 49
2.2.1.6. Xem Kinh Dịch, tử vi 51
2.2.1.7. Phong thuỷ, trạch cát 52
2.2.1.8. Thái ất, lục nhâm, độn giáp 54
2.2.2. Nhận diện phân loại dự báo theo nội dung, chủ đề dự báo 58
2.2.2.1. Dự báo cho cá nhân 58
2.2.2.2. Dự báo cho cộng đồng, quốc gia 62
Tiểu kết Chương 2 66
Chương 3. GIÁ TRỊ NỘI DUNG TƯ TƯỞNG, VĂN HOÁ CỦA DỰ BÁO TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM 67
3.1. Dự báo phản ánh hiện thực xã hội thời trung đại 67
3.1.1. Cuộc sống người dân, khoa cử, quan trường 67
3.1.2. Mối quan hệ giữa thần quyền và vương quyền 70
3.2. Dự báo phản ánh tư tưởng, đạo đức thời trung đại 78
3.2.1. Quan niệm về Đức – Phúc 78
3.2.2. Đức Đế – Vương 83
3.3. Màu sắc văn hoá bản địa 91
3.3.1. Hệ thống thực vật xuất hiện trong dự báo 91
3.3.2. Hệ thống động vật xuất hiện trong dự báo 98
Tiểu kết Chương 3 100
Chương 4. HÌNH THỨC THỂ HIỆN VÀ GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CỦA DỰ BÁO TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM 101
4.1. Nghệ thuật thể hiện dự báo của văn xuôi tự sự qua khắc họa nhân vật 101
4.1.1. Kiểu loại nhân vật 101
4.1.1.1. Nhân vật mang chức năng dự báo 101
4.1.1.2. Nhân vật được dự báo 106
4.1.2. Sự tham dự của dự báo vào phương thức, kĩ thuật xây dựng nhân vật 109
4.1.2.1. Ảo hoá xuất thân, hành trạng và cái chết của nhân vật 109
4.1.2.2. Tạo tác chân dung nhân vật 110
4.1.2.3. Xác tín hoá thông tin nhân vật 114
4.2. Nghệ thuật thể hiện dự báo của văn xuôi tự sự trong xây dựng không gian và thời gian 116

4.2.1. Kiểu loại và đặc điểm không gian – thời gian dự báo 116
4.2.1.1. Không gian – thời gian từ điểm nhìn nền cảnh xuất hiện dự báo 116
4.2.1.2. Không gian – thời gian từ điểm nhìn kiểu loại nhân vật 121
4.2.2. Bút pháp nghệ thuật miêu tả không gian- thời gian dự báo 125
4.2.2.1. Lặp lại, kéo dài thời gian 125
4.2.2.2. Ảo hoá và thực hoá không gian 126
4.2.3. Vai trò của dự báo trong xây dựng không gian – thời gian nghệ thuật 131
4.2.3.1. Nới rộng, dịch chuyển không gian 131
4.2.3.2. Phóng chiếu và quy hồi thời gian 134
4.3. Nghệ thuật thể hiện dự báo trong văn xuôi tự sự qua ngôn ngữ 137
4.3.1. Đặc điểm, công thức ngôn ngữ dự báo 137
4.3.1.1. Công thức, kí hiệu dự báo mang kết quả tốt lành 137
4.3.1.2. Công thức, kí hiệu dự báo mang kết quả hung hoạ 141
4.3.2. Giá trị, hiệu quả nghệ thuật của ngôn ngữ dự báo 143
4.3.2.1. Lớp ngôn ngữ chuyên ngành dự báo làm giàu có, phong phú ngôn ngữ văn học trung đại 143
4.3.2.2. Sự mã hoá ngôn ngữ dự báo tạo nên sự ẩn mật, mơ hồ, huyền bí của thông tin dự báo 144
Tiểu kết Chương 4 145
PHẦN KẾT LUẬN 146
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 151
THƯ MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 153
PHỤ LỤC 168

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Dự báo có nguồn gốc từ văn hoá và đi vào tác phẩm văn học. Vì thế, nghiên cứu dự báo trong văn học cũng là một con đường nghiên cứu văn hoá dân tộc và thế giới. Dự báo là vấn đề thuộc về mảng tri thức, nhận thức luận, thậm chí là triết học, có nguồn gốc từ sự quan sát tự nhiên. Vào thời niên thiếu của loài người, do sức sản xuất còn thấp kém, tri thức hiểu biết nghèo nàn, bất lực trước sức mạnh tự nhiên, con người nhận thấy, dường như trước mỗi sự kiện, trong tự nhiên đã có sự "biết trước", cảm ứng lẫn nhau. Người ta tin mọi vật, mọi sự việc của nhân gian là do thần linh làm chủ và thần linh quan tâm đến hành vi con người nên ra dấu hiệu để chỉ dẫn. Sùng bái tự nhiên, sùng bái tô tem, sùng bái tổ tiên và sùng bái tôn thần ở thời đại viễn cổ phản ánh tư tưởng đó, phổ biến là vu giáo nguyên thuỷ. Các hoạt động như: săn bắn, xuất hành, cày cấy, gặt hái, dựng nhà, cúng tế, chinh chiến, truyền ngôi, cưới gả, sinh con… đều quyết định trên cơ sở hỏi ý các thần. Thời trung đại, sự phát triển của thần quyền cùng các hoạt động tôn giáo tâm linh chiếm ưu thế, đặc trưng của dự báo thời kì này là vừa mang tính mê tín (của thời cổ) vừa gắn với tri thức. Đây chính là đặc điểm "nhồng tính" của tri thức thời trung đại, một đầu bắt vào mê tín dị đoan, một đầu gắn với lí tính, tất nhiên là được duy lí hóa dần dần. Để báo trước tương lai của cá nhân, cộng đồng, có rất nhiều hình thức được sử dụng như: lên đồng, thuật xem tướng, xem phong thuỷ, thuật đoán mộng, thuật chiêm tinh, thuật xem bói mai rùa, thuật xem bói cỏ thi, thuật bói chữ, thuật xem bói (qua nội tạng) động vật. Trong văn hóa Việt Nam, với tư cách là văn hóa chính thống - như tín ngưỡng bản địa, Nho, Phật, Lão đã có những giải thích và quy định về sự lựa chọn giá trị con người; mặt khác, với tư cách là văn hóa thông tục, người xưa đã xây dựng một hệ thống quan niệm nhân sinh mang tính hiện thực và thế tục để tự nhận thức bản thân và tương lai. Chúng lắng đọng lại trong tâm linh con người như là cách tránh họa, cầu may. Điều này một phần được phản ánh vào trong văn học nói chung và văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam (VXTSTĐVN) nói riêng. Trong giai đoạn này, do chịu ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, văn học hình thành nên một hệ thống các phương thức dự báo (CPTDB) đặc thù mang đậm bản sắc dân tộc và phương Đông, phản chiếu tư duy thời đại. Nghiên cứu dự báo trong văn học cũng là một cách nghiên cứu tâm thức văn hoá dân tộc.

1.2. Dự báo xuất hiện trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam với rất nhiều kiểu nhóm loại với số lượng lớn, hình thức đa dạng. Nguyên nhân của hiện tượng trên là do bản thân các phương thức dự báo vốn đã quá phức tạp, khó phân loại một cách triệt để. Khi đi vào tác phẩm văn học, các tác giả có lúc lướt qua, có lúc lại dùng quá nhiều từ chuyên ngành hẹp dự báo, tạo nên sự khó khăn trong tiếp nhận, nhất là đối với một số bạn đọc phổ thông (không có

sự trang bị về kiến thức dự báo). Từ thực tế này, việc tìm hiểu, phân loại, tìm ra công thức, đặc điểm của các phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại càng trở nên cần thiết.

1.3. Dự báo xuất hiện trong VXTSTĐVN có mô hình từ văn hoá Trung Quốc đã đảm nhận vai trò phản ánh cuộc sống, tâm tư, tình cảm, quan niệm, tư duy của người Việt, vì thế, nó nhận được khá nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Những nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào vấn đề chính là: Dùng cái kì để phản ánh hiện thực đương thời và qua đó phản ánh bản sắc văn hoá dân tộc. Như thế, có thể thấy, quá thiếu vắng dạng công trình nghiên cứu chuyên biệt về dự báo, nghiên cứu để phân nhóm loại (những điểm chung và riêng), nghiên cứu những nguyên lí nền tảng hình thành dự báo trong văn hoá, nghiên cứu các cơ sở tiền đề cho sự xuất hiện dự báo trong văn học, nghiên cứu các giá trị tư tưởng ẩn chìm, nghiên cứu dấu ấn văn hoá Việt trong các phương thức dự báo… Đề tài chúng tôi thực hiện nhằm mong muốn bổ sung vào phần khuyết thiếu đáng kể và cấp thiết của bức tranh nghiên cứu dự báo.

1.4. Dự báo có "sứ mệnh kép" trong văn học nói chung và văn học trung đại nói riêng. Trong VXTSTĐVN, dự báo đảm nhận hai chức năng: vừa tham gia vào kiến tạo nội dung (ý nghĩa tác phẩm), là bản thân của cái đẹp, vừa là yếu tố tham gia vào hình thức tác phẩm (con đường dẫn đến cái đẹp), tạo nên giá trị thẩm mỹ đa chiều cho tác phẩm. Về phương diện nội dung, dự báo phản ánh bức tranh hiện thực rộng lớn thời trung đại, những vấn đề liên quan đến số phận cá nhân và cộng đồng gắn với các quan niệm tư tưởng thời đại. Về phương diện nghệ thuật, dự báo làm phong phú và giàu có thêm những motif (âm phù đánh giặc, lên ngôi, thi cử đỗ đạt nhờ mồ mả phong thuỷ, tướng lạ tài cao, mộng được tặng báu vật sinh con tài cao…), kiểu nhân vật đặc trưng (nhân vật bốc sư, Đạo sĩ, thầy phong thuỷ, trích tiên…), kỹ thuật (phục bút), cũng như chi phối đến thể loại (mỗi phương thức dự báo thường đi kèm những thể loại đặc trưng), cách đặt tên, kết cấu tác phẩm... Tác giả trung đại lấy dự báo làm chất liệu, từ đó thể hiện nhiều chủ đề sinh động, đa dạng, mang tính thời sự văn học. Thông qua dự báo, các tác giả biểu hiện lí tưởng thẩm mĩ của mình. Như vậy, dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại không chỉ là vấn đề về nội dung biểu đạt mà còn là vấn đề về nghệ thuật, thi pháp. Vì thế, nhiệm vụ đề tài chúng tôi đặt ra là nghiên cứu hai vấn đề trọng tâm: nội dung dự báo và phương thức thể hiện.

1.5. Văn xuôi tự sự trung đại là một phần quan trọng trong chương trình Ngữ văn ở bậc Phổ thông và Đại học (chuyên ngành Ngữ văn). Văn học trung đại nói chung và văn xuôi tự sự trung đại nói riêng do đặc trưng của loại hình nên khó tiếp nhận. Đề tài của chúng tôi, đi từ việc nghiên cứu chuyên sâu một vấn đề trong văn xuôi tự sự trung đại là dự báo, qua đó góp phần cung cấp, giải mã những tri thức văn hoá, văn học để việc tiếp cận được dễ dàng hơn.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong nội dung và phương thức thể hiện của vấn đề dự báo trong VXTSTĐVN. Dự báo trong VXTSTĐVN bao gồm các hiện tượng xem phong thuỷ, xem *Kinh Dịch*, tướng số, chiêm mộng, tử vi, trạch cát, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên… Đây là một đối tượng khoa học khá phức tạp, dưới ngòi bút của các nhà văn, dự báo phần nào đã bớt đi những từ chuyên ngành hẹp, dẫu vậy, trong VXTSTĐVN, không phải trường hợp dự báo nào người đọc cũng có thể dễ dàng tiếp nhận.

2.2. Phạm vi

+ Phạm vi tư liệu chúng tôi sử dụng là VXTSTĐVN, trong đó chúng tôi dựa vào bộ *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, gồm 4 tập, do Trần Nghĩa chủ biên để khảo sát. Bên cạnh đó, chúng tôi tiến hành đối chiếu so sánh với một số tuyển tập văn học chữ Hán khác như: *Truyện truyền kì Việt Nam*, gồm 2 tập, do Nguyễn Huệ Chi chủ biên và *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, gồm 3 tập, do Nguyễn Đăng Na biên soạn.

Ngoài ra, chúng tôi tham khảo thêm các bộ sử Việt Nam nổi tiếng như: *Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt sử kí tiền biên, Việt sử lược, Việt sử tiêu án, Lịch triều hiến chương loại chí*… để so sánh với VXTSTĐ và lí giải các vấn đề đưa ra sâu sắc và thuyết phục hơn.

+ Phạm vi nội dung: Dự báo trong VXTSTĐVN rất phong phú kiểu loại, tuy nhiên, luận án chọn lựa trọng tâm hướng đến một số phương thức dự báo tiêu biểu như: điềm triệu, xem phong thuỷ, chiêm mộng, tướng thuật, xem *Kinh Dịch*, trạch cát. Nội dung dự báo nói chung vốn rất đa dạng, nhưng trong phạm vi đề tài, chúng tôi hướng đến nội dung cụ thể, tập trung vào một số vấn đề như: dự báo của cá nhân (phúc hoạ, sống chết, tật bệnh, nhân duyên…), dự báo của cộng đồng (thiên tai, đánh giặc, sự thay thế triều đại…).

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án tìm hiểu dự báo trong VXTSTĐVN trên hai khía cạnh chính là: Nội dung phản ánh và hình thức, giá trị nghệ thuật.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

3.2.1. Tìm hiểu những nền tảng cho việc hình thành dự báo trong VXTSTĐVN như văn hoá, lịch sử - xã hội, văn học…

3.2.2. Xác lập nội hàm của dự báo trong VXTSTĐVN bao gồm những phương thức nào, từ đó hệ thống hoá, phân loại, số lượng CPTDB trong VXTSTĐVN ở 245 tác phẩm xuất hiện CPTDB/ 738 tác phẩm được khảo sát.

3.2.3. Nghiên cứu nội dung, tư tưởng của dự báo trong VXTSTĐVN như: Nội dung phản ánh đời sống xã hội, phản ánh tư tưởng, đạo đức, văn hoá thời trung đại.

3.2.4. Nghiên cứu hình thức biểu hiện, nghệ thuật của dự báo như: Kiểu loại nhân vật (dự báo và được dự báo); không gian - thời gian dự báo; đặc điểm ngôn ngữ dự báo

4. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu, nhưng trong đó có các phương pháp sau được sử dụng chủ yếu là:

Phương pháp loại hình học: Dự báo được tiếp cận một cách có hệ thống trong các thể loại VXTSTĐ như truyện truyền kì, kí, tiểu thuyết… mang đến những nội dung và hình thức biểu hiện, giá trị nghệ thuật khác biệt với văn vần tự sự (truyện thơ Nôm). Phương pháp nghiên cứu này cũng góp phần đắc lực trong việc nghiên cứu mức độ và biểu hiện của dự báo trong từng thể loại VXTSTĐ.

Phương pháp liên ngành: Do đề tài nghiên cứu dự báo với hai vấn đề trọng tâm là nội dung và hình thức, vì thế, phương pháp liên ngành là phương pháp tối ưu và quan trọng nhất khi tiến hành đề tài. Phương pháp này cho phép chúng tôi tiếp cận đề tài từ nhiều quan điểm của các ngành khác nhau như tâm lí học, xã hội học, lịch sử học… nhưng trọng tâm đặt vào hai phương pháp chính là văn hoá học và thi pháp học.

Phương pháp so sánh văn học: Phương pháp này giúp ta thấy được sự tương đồng và khác biệt của dự báo trong văn học dân gian và văn học viết; của CPTDB trong các thể loại của VXTSTĐVN; của dự báo trong VXTSTĐVN và văn vần tự sự trung đại Việt Nam; của văn học Việt Nam trong sự so sánh với khu vực và thế giới…

Phương pháp diễn ngôn: Diễn ngôn có khá nhiều cách tiếp cận, trong đó, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến hướng nghiên cứu xã hội học, với lí thuyết, quan niệm của Foucault đưa ra: Diễn ngôn như là công cụ kiến tạo tri thức và thực hành quyền lực. Diễn ngôn không chỉ là một cái gì tồn tại tự thân và được phân tích một cách cô lập mà nó là những qui tắc và cấu trúc tạo ra phát ngôn và những văn bản cụ thể, dựa trên hệ thống tư tưởng, khái niệm đặt trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể có ảnh hưởng đến tư duy, hành xử của một nhóm người. Việc ai nói, nói cái gì và nói như thế nào bị kiểm soát chặt chẽ bởi những quyền lực ngầm, những luật lệ bên trong và bên ngoài diễn ngôn. Quan niệm về diễn ngôn của Foucault là một trong những lí thuyết quan trọng định hướng phương pháp cho luận án. Chúng tôi không nghiên cứu dự báo trong tác phẩm VXTSTĐVN như một thực thể biệt lập, mà đặt nó trong mối liên hệ với những loại hình diễn ngôn khác như chính trị, đạo đức, tôn giáo, không chỉ nghiên cứu dự báo ở dạng ngôn từ mà cố gắng tìm hiểu những cơ chế tạo lập và chi phối các văn bản ngôn từ, yếu tố nằm ẩn sâu, đằng sau các văn bản.

Ngoài ra, luận án còn còn sử dụng kết hợp các phương pháp và thao tác khoa học khác như thống kê, phân tích, phân loại, miêu tả, đánh giá, cấu trúc, hệ thống...

5. Đóng góp mới của luận án

5.1. Đề xuất khái niệm dự báo trong VXTSTĐVN với những nội hàm và phương thức cụ thể.

5.2. Khảo sát, hệ thống CPTDB trong VXTSTĐVN từ đó nhận diện và phân loại chúng theo kiểu loại, hình thức, kĩ thuật và nội dung dự báo.

5.3. Nghiên cứu một cách có hệ thống nội dung dự báo phản ánh trong VXTSTĐVN, làm sáng tỏ những giá trị tư tưởng văn hoá trung đại.

5.4. Làm sáng tỏ vấn đề hình thức và giá trị nghệ thuật của dự báo trong VXTSTĐVN, tập trung vào những trọng tâm như phân loại và phân tích đặc điểm kiểu nhân vật dự báo; vai trò, giá trị của dự báo trong xây dựng nhân vật. Tìm hiểu không gian - thời gian đặc trưng cho dự báo xuất hiện (không gian sông nước, đền, chùa; thời gian đêm, thời điểm bất thường …); nghệ thuật miêu tả không gian - thời gian dự báo; vai trò giá trị nghệ thuật của dự báo trong xây dựng không gian - thời gian nghệ thuật. Nghiên cứu đặc điểm, công thức ngôn ngữ dự báo và vai trò của nó trong VXTSTĐVN.

6. Cấu trúc luận án

Ngoài *Mở đầu, Kết luận, Danh mục công trình, Thư mục tài liệu tham khảo, Phụ lục*, nội dung chính của luận án gồm 4 chương:

Chương1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu và cơ sở lí thuyết của đề tài

Chương 2. Các tiền đề hình thành và vấn đề nhận diện, phân loại dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam

Chương 3. Giá trị nội dung tư tưởng, văn hoá của dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam

Chương 4. Hình thức thể hiện và giá trị nghệ thuật của dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam

Chúng tôi muốn lưu ý thêm, tuy phần *Phụ lục* không nằm trong chính văn nhưng cũng là một trong những phát hiện và đóng góp của luận án. Sự tường minh, mạch lạc, thuyết phục của luận án sẽ được tăng thêm khi có sự đối chiếu với những bảng biểu, những bài dịch thuật, những bài nghiên cứu độc lập chuyên sâu phát triển từ tinh hoa luận án mà trong dung lượng ít ỏi của luận án chúng tôi không có dịp trình bày.

Chương 1
TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÍ THUYẾT CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Khái niệm dự báo và dự báo trong các nền văn hoá trên thế giới

1.1.1. Định nghĩa về dự báo, phương thức dự báo

Theo sự tìm hiểu của chúng tôi, các từ điển trong và ngoài nước đã có một số định nghĩa về *dự báo* như sau. Theo *Từ điển tiếng Việt*, dự báo là: "Báo trước về tình hình có nhiều khả năng sẽ xảy ra, dựa trên cơ sở những số liệu, thông tin đã có [thường nói về hiện tượng thiên nhiên, xã hội]" [131, tr. 344]. Theo *Từ điển Oxford* thì dự báo là cách thực hành để hiểu biết về tương lai hay những điều không biết qua các cách siêu nhiên. Đồng nghĩa với bói toán, cầu thần, tiên tri, dự đoán, tiên đoán, điềm (sẽ xảy ra) [239]. Theo *Từ điển Merriiam Webster* thì dự báo là nghệ thuật hoặc cách làm để tiên đoán hoặc dự báo trước các sự kiện trong tương lai hoặc khám phá những kiến thức ẩn giấu bằng cách giải thích các lời tiên tri hoặc bằng sự trợ giúp của các năng lực siêu nhiên [240]. Theo *Từ điển Larousse* thì dự đoán/ dự báo là nghệ thuật tiên đoán tương lai bằng quan sát hoặc là giải thích các hiện tượng [242]. Theo *Từ điển Robert* thì dự đoán/ dự báo là việc tiên đoán tương lai hay vờ đoán tương lai [241]. Theo *Từ điển Tôn giáo và các thể nghiệm siêu việt* thì sự dự đoán/ dự báo là một loại tiên tri trong đó thông tin về các sự kiện vị lai thu thập được thông qua người có khả năng tâm linh, thánh thần truyền linh hứng, đọc biết các biểu tượng, hay sự thay đổi ý thức. Trong khi lời tiên tri mang tầm vóc lớn liên quan đến nhiều người hay dân tộc, thì sự dự đoán chỉ liên quan đến cá nhân… sự dự đoán dựa trên nhận biết trước, hay hiểu biết vị lai trực tiếp. Hiểu biết này được tìm kiếm thông qua nhiều cách: trực giác, giấc mơ hay nhãn giới có được qua bói cầu, hoặc thông qua việc đọc các biểu tượng chẳng hạn như trong chiêm tinh, cỗ bài Tarot, xem chỉ tay, số khoa học, và các phương pháp bói toán khác [53, tr. 680].

Như vậy, từ các định nghĩa trên chúng ta có thể hiểu: "*Dự báo*" là việc (có thể) biết và báo trước về tương lai (một cách bị động và chủ động) của con người thông qua một số cách thức từ quan sát các hiện tượng sẵn có (điềm) đến tạo ra một số phương pháp để thăm dò tương lai (khi không có các dấu hiệu có sẵn), dựa trên sự giúp đỡ của thần linh và cả trí tuệ phân tích của con người.

Phương thức dự báo là các kiểu loại, phương pháp để đoán định trước tương lai. Một số kiểu loại dự báo được cho là có cơ sở khoa học, có tính chất logic, duy lí như tướng số, chiêm tinh… (lí thuyết của chúng được xem như là bộ nguồn, dữ liệu sẵn có, khi muốn dự báo cho một cá nhân, hiện tượng nào thì chỉ cần đưa thông tin cụ thể "tra cứu" trong lí thuyết dữ liệu thì sẽ có kết quả). Dẫu vậy, trong quá trình áp dụng vào đời sống thì hiếm có

một kiểu loại dự báo[1] nào duy lí, khoa học hoàn toàn vì chúng thường bị các tư tưởng tín ngưỡng, tôn giáo ảnh hưởng vào. Vì thế, phần lớn CPTDB ít nhiều đều mang màu sắc duy tâm, thần bí. Trên toàn thế giới, một số phương thức dự báo như chiêm tinh, chiêm mộng xuất hiện phổ biến ở nhiều quốc gia; tuy vậy, ở mỗi quốc gia với các nền văn hoá khác nhau thì có các kiểu dự báo riêng biệt.

1.1.2. Tổng quan về dự báo trên thế giới

Nhân loại ngoài sự sinh tồn, thoả mãn những nhu cầu vật chất đơn thuần thì luôn có xu hướng tìm kiếm câu trả lời cho những điều huyền bí nhất của cuộc sống như: Vì sao có hiện diện của loài người, có ai hay điều gì kiểm soát số phận của chúng ta? Cuộc đời, tương lai diễn ra như thế nào? Chúng ta đi về đâu sau cái chết? Các loại dự đoán đã được sử dụng từ thời kỳ sơ khai nhất để trả lời cho những câu hỏi này. Phần sau đây giới thiệu một cách vắn tắt tổng quan các dự báo tiêu biểu của các dân tộc trên thế giới về người có chức năng dự báo và các hình thức bói toán tiêu biêu.

Dự báo đã và đang tồn tại, phục vụ chức năng xã hội trong mọi nền văn minh trong suốt lịch sử, bằng cách cung cấp phương tiện để giải quyết tranh chấp. Người tiên đoán thường là giáo sĩ, nhà tiên tri, nhà sấm truyền, phù thuỷ, pháp sư, nhà tâm linh hay những người khác nổi tiếng về sức mạnh siêu nhiên. Trong những nền văn minh ban đầu, sự tiên đoán chủ yếu là chức năng thần thánh hay hoàng gia dùng để hướng dẫn các vấn đề chính sự và chiến tranh cũng như dự báo vì thế tránh hoặc làm giảm thiểu thiên tai. Hầu hết các triều đình đều tuyển dụng các nhà tiên đoán cho hoàng gia, mà cuộc đời họ lệ thuộc vào tính chính xác trong lời tiên đoán [53, tr. 229]. Theo lịch sử văn hoá nhân loại, có thể thấy từ xa xưa, khắp nơi trên thế giới ở nhiều quốc gia đã có hoạt động dự báo, các phương thức dự báo và có những nhân vật đảm nhận trọng trách dự báo cho cộng đồng. Có thể kể đến người Chaldea và Babylon dùng điềm báo làm dự báo, tiên đoán mà người đảm trách giải mã là các giáo sĩ. Người Trung Hoa cổ đại rất nổi tiếng với phương pháp bói bằng cỏ thi, mai rùa, xương thú với hệ thống các bốc sư chuyên nghiệp (Bốc sư là tên một chức quan giữ việc bói toán đời nhà Chu). Ở Ai Cập có các thầy tư tế ngủ trong đền với hi vọng nhận được thông tin thần thánh từ các vị thần trong giấc mơ. Ở La Mã cổ đại, một đẳng cấp giáo sĩ đặc biệt gọi là Augur giải thích dấu hiệu trong tự nhiên, cho rằng đây là sứ điệp do thần thánh gửi đến. Người Hy Lạp đoán các giấc mơ và qua các lời sấm truyền đặc biệt, những người này rơi vào trạng thái xuất thần để cho phép thần thánh nói chuyện thông qua họ. Theo nghiên cứu không phải người bình thường có thể đảm nhận chức năng này mà: "Trong các nền văn hoá bộ tộc, sự tiên đoán phần lớn là chức năng hoàng gia hay thần thánh. Trong các nền văn hoá pháp sư, tiên đoán do các pháp sư thực hiện, họ đi vào trạng thái xuất thần để

[1] Ở đây, chúng tôi giới hạn dự báo thời cổ trung đại, chứ không phải dự báo nói chung, hay mở rộng đến khoa học dự báo hiện đại, kiểu như dự báo thời tiết, khí tượng thuỷ văn, có sự tham gia của kĩ thuật khoa học hiện đại.

giao tiếp với hồn ma giúp đỡ. Ở nhiều nơi thuộc châu Phi, nhà tiên đoán của vua có sức mạnh của pháp luật" [53, tr. 229].

Dự báo xuất hiện ở các nền văn hoá trên thế giới với nhiều kiểu loại phong phú, đa dạng. Tuỳ thuộc vào điều kiện tự nhiên sinh hoạt, tín ngưỡng tôn giáo mà có các cách quan niệm, hình thành, thực hiện, giải đáp về dự báo khác nhau. Theo thời gian, con người có hai nhóm dự báo chính: thiên khải và nhân vi. Thiên khải là con người chờ đợi những dấu hiệu từ trời, thánh thần một cách bị động còn nhân vi là các hình thức do con người sáng tạo ra một cách chủ động để biết thông tin tương lai. Các nhóm loại dự báo đã xuất hiện trong các nền văn hoá là: Dự báo qua quan sát chủ yếu là các các hiện tượng bất thường trong thiên nhiên (điềm triệu), chiêm tinh, chiêm tướng, chiêm mộng, thuật số, xem *Kinh Dịch*, bài Tarot, chữ Rune và dự báo qua vu thuật (lên đồng…).

Các bộ lạc ở Châu Phi đã sử dụng xương trong các nghi thức dự đoán trong hàng nghìn năm. Người Ai Cập dùng phương pháp dự báo chính là lên đồng, dùng lửa, nước, dùng các giấc mộng và sấm ngữ để dự đoán. Người Hy Lạp dự đoán ý của Trời bằng cách quan sát bộ ruột của một con vật tế thần qua kích thước, hình dáng, màu sắc, dấu vết v.v. của những bộ phận trong bụng, thông thường là gan hoặc là mật, tim, và phổi, thậm chí là số hạt trong dạ dày con vật. Người La Mã quan sát những điềm báo từ các loại chim để biết ý định của các thần linh. Người Viking đã tham khảo những viên đá có dấu huyền bí. Những nền văn hóa khác quan sát bên trong vũ trụ (như những thổ dân da đỏ Úc với quan niệm các vị thần của họ đã tạo ra thế giới), hay sử dụng các thực vật gây thôi miên để nhìn thấy trước tương lai. Cũng có rất nhiều đoạn văn trong *Kinh Thánh* cổ ghi lại việc sử dụng một loạt những viên xúc xắc linh thiêng được gọi là Urim và Thummim (xem Chương 6, *Món Quà của Lời Tiên Tri* - Tiên Tri trong *Kinh Thánh*) [257, tr. 35 - 58], [12]. Ở cộng đồng thổ dân (dân da đỏ) ở Bắc Mỹ, phần lớn các tiết lộ về tương lai mà người thổ dân da đỏ tin là đến từ các quyền lực siêu nhân (thường được dự báo qua các giấc mộng. Thời xa xưa, ở Trung Quốc đã lưu hành hành hình thức "chiêm" (xem bói) và "bốc" (bói). Hai hình thức này về cơ bản có khác nhau đôi chút. "Chiêm" nặng về quan sát, bị động; "bốc" thì chủ động, có thao tác. Hình thức xem bói truyền thống Trung Quốc tuy có tên "chiêm" nhưng tuyệt đại bộ phận là "bốc". Thuật bói Trung Quốc gồm nhiều loại: mộng chiêm (xem mộng), triệu chiêm (xem điềm), triệu cốt (xem xương), tướng số, tử vi, trạch cát… Do sự hạn chế về dung lượng luận án nên chúng tôi chỉ trình bày vắn tắt một vài loại lưu hành rộng rãi. *Bói mai rùa, cỏ thi*: Phương pháp bói mai rùa lúc đầu dựa trên việc đọc các vạch nứt trên mai rùa, sau đó người Trung Quốc dùng vật liệu dễ tìm hơn là cỏ thi để thay thế (về sau quẻ bói dùng đồng tiền để thay thế cỏ thi). Bộ công cụ làm bằng 64 thẻ tre, người xem

bói rút trong số những thẻ đó để được tượng quẻ. Bói cỏ thi dựa trên luận giải *Kinh Dịch*[2]. *Bói tiêm thơ*: Phương pháp bói tiêm thơ dùng 60 hoặc 100 thẻ can chi, trên đó ghi các bài thơ với nội dung khá thông tục để dự báo tương lai. *Thuật xem ngày (trạch cát) và phong thuỷ*: *Trạch cát* là phương pháp thuật số chọn ngày lành giờ tốt dựa trên sự tương tác giữa người làm việc, hạng mục công việc và thời gian làm việc trong hệ thống trật tự thời gian - không gian, nhằm tạo sự hài hoà, thuận lợi; thuật xem phong thuỷ được xây dựng trên cơ sở thuyết âm dương, ngũ hành, bát quái, hoặc học thuyết lí khí. Phương pháp *xem phong thuỷ* cơ bản là vận dụng phù hiệu vũ trụ âm dương, ngũ hành, bát quái, can chi v.v… để suy đoán, mục đích là để tìm phúc lộc, tránh hoạ hoạn. *Thuật tám chữ* (bát tự): Phương pháp này dựa trên năm, tháng, ngày, giờ sinh của một người (nếu như dùng sáu mươi phù hiệu can chi để ghi lại thì có bốn nhóm can chi, các nhà thuật số gọi là tứ trụ: năm trụ, tháng trụ, ngày trụ, giờ trụ). Mỗi trụ đều có hai chữ: một can và một chi, tứ trụ gồm có tám chữ dùng để đoán vận mệnh dựa trên suy tính quan hệ sinh khắc. *Thuật xem tướng*: Phương pháp xem tướng dựa vào đặc trưng hình mạo con người để suy đoán phẩm hạnh, tính cách và vận mệnh người đó. Lập luận cơ bản của thuật xem tướng truyền thống là căn cứ vào hình mạo con người đối ứng với vũ trụ và phân tích hình mạo con người có liên quan với âm dương ngũ hành để đi đến suy đoán vận mệnh cá nhân. *Thái ất*: Phương pháp này dựa trên việc vận dụng một bảng bói toán vẽ một vòng tròn trung tâm và bốn lớp vòng tròn đồng tâm được chia thành 16 phần trên mỗi vòng tròn. Lớp đầu tiên được ghi đầy bằng các con số từ 1 đến 4 và từ 6 đến 9, tạo thành, cùng với số 5 tại vòng tròn trung tâm, một hình vuông ma thuật; lớp vòng tròn đầu tiên cũng chứa 8 hình ba hào và một số dấu hiệu quay tròn tuần hoàn. Lớp kế tiếp chứa danh tính của "các tác nhân thần thánh", lớp thứ ba, tên của các tỉnh của Trung Hoa. Lớp sau cùng, để trống và được giả định sẽ được lấp kín trong tiến trình bói toán. Người ta áp dụng phương pháp này chủ yếu liên quan đến các vấn đề quân sự, song đã có những trường hợp bói toán liên can đến các hiện tượng thiên nhiên. *Kì môn độn giáp*: là môn tính toán căn cứ vào sự tiêu trưởng của âm dương để đặt ra những nguyên tắc và định lý quyết đoán sự diễn tiến cát hung của sự vật, nghiên cứu ảnh hưởng của phong thủy đối với con người, là môn dự báo, phát sinh từ *Dịch* học, ứng dụng *Dịch* lý. Độn giáp là hệ thức thời gian theo can chi tương ứng với các thuộc tính của tiết khí, theo một chu kỳ tính theo

---

[2] ***Kinh Dịch*** là một trong những cuốn sách cổ nhất trên thế giới. Một trong những cách tiên đoán cổ điển nhất là dùng *Kinh Dịch* để xem bói. Theo truyền thuyết cổ đại Trung Hoa, Phục Hy đã sáng tạo ra *Kinh Dịch* lúc ông quan sát mai một con rùa nổi lên từ sông Hoàng Hà. Các bằng chứng khảo cổ học ở Trung Hoa đã cho thấy, từ rất sớm, người Trung Hoa đã biết xem dự báo bằng đọc các hoa văn mai rùa khi chúng được nung. Tư tưởng của Đạo giáo, Nho giáo cho rằng: việc đặt cạnh nhau một chuỗi hoán vị âm và dương đã tạo ra nền tảng của *Kinh Dịch*. Nếu Văn Vương là người đã tổng hợp một cách có hệ thống những diễn giải của *Kinh Dịch* thì Khổng tử, xuất hiện năm trăm năm sau đó, có thể là người thừa kế vĩ đại nhất của Văn Vương, đã nâng những văn bản diễn giải lên một tầm cao mới với những lời dẫn giải chi tiết. Ngày nay, phương pháp phổ biến nhất cho việc luận giải *Kinh Dịch* là tung ba đồng tiền xu sáu lần để tạo ra hào quẻ hoặc dùng cỏ thi.

năm (tháng) mà mỗi vị trí thời gian can chi phản ánh một quá trình phát sinh, phát triển và kết quả của sự vật, hiện tượng, con người, được ứng dụng trong việc lựa chọn thời gian, hướng xuất quân, cầu tài, cầu danh, cưới gả… *Lục nhâm đại độn* là một hình thức lập bản đồ để miêu tả thế giới tự nhiên và các quy luật vận hành. Lập quẻ lục nhâm chính là hành động vẽ bản đồ, giải quẻ lục nhâm chính là hành động xem bản đồ để hiểu vị trí của sự vật/ sự việc ở đâu để đưa ra quyết định.

Theo nghiên cứu của Paul O'Brien, có năm hệ thống tiên tri cụ thể được bắt nguồn từ lịch sử và ngày nay được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới là: Chiêm tinh học, thuật số, *Kinh Dịch*, bài Tarot và chữ Rune [253]. Chúng được trình bày ở đây theo thứ tự thời gian (Phần này chúng tôi lược dịch và giới thiệu theo bản tiếng Anh công trình *Divinaion sacred tools for reading the mind of God* của Paul O' Brien) (Phần *Kinh Dịch* chúng tôi không nhắc lại vì đã nói ở phần trên):

Chiêm tinh học sơ khai ra đời dựa trên sự kết hợp giữa thiên văn học và huyền bí học. Trong các nền văn hóa cổ đại (bao gồm văn hóa Maya, Ấn Độ và Trung Hoa), người ta đã sử dụng thiên văn học để xác định được những sự kiện vũ trụ như chu kỳ trăng, mùa, nhật thực và nguyệt thực và để giải thích các hiện tượng hoặc xác định thời điểm may mắn cho những sự kiện. *Thuật số*: nghệ thuật tiên đoán của thuật số đã tồn tại từ khi con người khám phá ra toán học cổ đại, đã gắn ý nghĩa đặc biệt cho một số những con số và vị trí theo trình tự của chúng với bảng chữ cái. Ngoài các con số, các nhà thuật số có thể sử dụng từ hoặc tên để tiết lộ ý nghĩa tiên tri dựa trên khả năng ứng dụng của các con số với các bảng chữ cái. Có ba loại hình thuật số chính - Kabbalic, Chaldean và Pythagorean. Thuật số Kabbalic - thường được sử dụng để giải thích tên - bắt nguồn từ người Do Thái, là một sự phát triển mạnh của bảng chữ cái Do Thái với hai mươi hai âm rung. Thuật số Chaldean có quan hệ gần hơn với chiêm tinh học, có nguồn gốc ở vùng Lưỡng Hà, nơi cũng được cho là cái nôi của chiêm tinh học phương Tây. Nó cũng liên quan đến hệ thống *Kinh Vệ Đà* của Ấn Độ, cũng như thuật huyền bí Kabbalad của Do Thái. Nền tảng của thuật số Chaldean là mỗi ký tự có một thanh rung độc đáo và được chỉ định một con số từ 1 đến 8 dựa trên phẩm chất năng lượng. Số 9 được tách biệt khỏi các số khác - ngoại trừ khi nó xuất hiện như một tổng số của thanh rung - bởi nó được cho là con số linh thiêng nhất. Loại hình thuật số thứ ba được phát triển bởi Pythagoras. Ông sáng lập ra thuật số và thực hành nó để tiên đoán về số phận của một cá nhân, dự báo các sự kiện ở những khu vực cụ thể, và sử dụng cách đổi tên như là một phương tiện để thay đổi số phận. *Runes:* Rune là những ký tự trong bảng chữ cái Na Uy cổ xưa, được gọi là *futhark*. Giống với bất kỳ bảng chữ cái nào, futhark có thể được dùng để ghi chép văn bản thông thường, cũng như để tạo ra những chuỗi ký tự rune bùa chú chỉ dành cho những mục đích dự báo. *Tarot*: Đầu thế kỷ XV, Tarot đã phổ biến đầu

tiên dưới dạng bói bài ở Châu Âu. Bob O'Neill cho rằng, mặc dù Tarot có lẽ khởi nguồn là một trò chơi bài, các thành viên của xã hội bí mật đã thổi vào đó những ý nghĩa huyền bí, cộng thêm vào với việc tương quan với các biểu tượng chiêm tinh, thuật số và ám chỉ huyền bí của người Do Thái cổ trong một thời gian dài. Các hình ảnh trên các quân bài Tarot hiện đại có nguồn gốc ít nhất là từ văn minh phương Tây, xa hơn nữa là từ Ai Cập và có lẽ cả Trung Hoa. Bởi vì, Tarot ngày nay kết hợp tổng thể của chiêm tinh học, thuật số, ám thị của người Do Thái và lý thuyết hài hòa. Học giả Tarot là Christine Payne-Towler đã xem Tarot như những thẻ bộ nhớ của phương Tây huyền bí. Bộ bài Tarot mang một biểu tượng cao để gìn giữ những giáo lý và hệ thống dự báo trong một giai đoạn khi nhà thờ Cơ đốc giáo nhất quyết đàn áp những kiến thức như vậy [253].

Trên thế giới, có các loại hình bói toán phổ biến và không phổ biến[3]. Những hình thức bói toán trên ta có thể thấy rõ trong bảng khảo sát mà chúng tôi đã lọc ra từ *Bảng tra các motif trong văn học dân gian của Smith Thompson* [257][4]. Qua hai bảng khảo sát chúng tôi vừa nêu lên đây cùng với phần khảo sát các motif dự báo trong văn học dân gian Việt Nam[5]; các phương thức dự báo trong truyện Nôm khuyết danh[6]; CPTDB trong VXTSTĐVN[7], quan sát các bảng biểu, đối chiếu chúng với nhau, ta dễ dàng nhận thấy dự báo phương Đông và phương Tây có sự tương đồng, có thể xếp vào các ô nhóm, kiểu loại như: dự báo qua điềm triệu, dự báo qua tướng hình, dự báo qua tiếp xúc với thánh thần, dự báo nhờ các công cụ, hình thức nhân tạo… Tuy nhiên, mỗi quốc gia, vùng miền lại có những hình thức biểu đạt dự báo riêng biệt. Trong dự báo phương Tây, ta bắt gặp các loài thực vật như lúa mì, cỏ bốn lá, cây tầm gửi, củ hành, cây sồi; các con vật như ngựa, cừu; các đạo cụ nhân tạo như bài Tarot, cầu thuỷ tinh, xúc xắc, bàn cầu cơ, kính thiên văn; đồ vật, sự vật, địa điểm, thời gian, con số: Thánh giá, *Kinh Thánh*, số 13, nhà thờ, Jesusalem, Giáng sinh; các nhân vật dự báo như: Chúa Jêsu, Thánh nhân Kitô giáo, Đức Giám mục… Những liệt kê trên hầu như khó bắt gặp trong các dự báo phương Đông nói chung, ở nước ta nói riêng. Còn những loài thực vật như trầu cau, mía, sen, cây gạo, cây đa, cỏ thi; các con vật như trâu, rùa, thạch sùng, cá chép…; các đạo cụ nhân tạo như đồng tiền âm dương, tróc long, mâm gạo, que/ gậy cây đào…; các nhân vật dự báo như: Lã Động Tân, Khổng Tử, Thánh Mẫu, Chử Đồng Tử… xuất hiện trong dự báo ở nước ta nói riêng, phương Đông nói chung nhưng lại không thấy xuất hiện trong các dự báo phương Tây. Sự khác biệt này là do những đặc điểm riêng về địa hình, khí hậu, phương thổ, văn hoá, mà đặc biệt là tín ngưỡng, tôn giáo tạo nên.

---

[3]Xin xem bản dịch của chúng tôi tại *Phụ lục 1*
[4] Xin xem bản dịch của chúng tôi tại *Phụ lục 2*
[5] Xin xem thêm *Phụ lục 3*
[6] Xin xem thêm *Phụ lục 4*
[7] Xin xem thêm *Phụ lục 5*

1.1.3. Dự báo ở Việt Nam

Để nghiên cứu lịch sử truyền thống dự báo ở nước ta, theo chúng tôi có một vài hướng khảo cứu rõ ràng, đáng tin cậy sau: a, *Điều tra các nguồn văn bản hiện tồn;* b, *nghiên cứu các bản văn báo cáo của các giáo sĩ truyền đạo Tây Phương hoạt động tại Việt Nam từ hồi đầu thế kỷ thứ XVII, cũng như của các khách lữ hành và các thương nhân Tây phương và Trung Hoa;* c, *tìm hiểu các công trình nghiên cứu văn hoá Việt Nam của các học giả trong nước;* d, *nghiên cứu văn bản văn chương*. Về hướng điều tra văn bản hiện tồn, chủ yếu là sách Hán Nôm về phương thuật đã có công trình *Chiêm tinh học và thuật bói toán tại Việt Nam cổ truyền* của V. Alexei. Trong công trình này, V. Alexei phần nào cho ta thấy sự quan tâm của các nhà Nho trung đại về sách bói toán [1]. Hướng *b* và *c*, chúng tôi sẽ kết hợp để làm nổi bật và làm sáng tỏ hơn cùng với hướng *d* chính là một phần nhiệm vụ quan trọng của luận án. Các tác giả Huard và Durand đưa ra một sự phác họa đại cương thuật bói toán Việt Nam, đã liệt kê: địa lí phong thủy (*geomancy*), chiêm tinh (*astrology*), phù thủy (*sorcery*), xem tướng (*physiognomy*), và "xem bói bằng chân tay thú vật [xem chân gà]: *zoochiromancy*" như các hình thức được thực hành rộng rãi nhất của thuật bói toán [1]. Theo V. Alexei có ba truyền thống ảnh hưởng nhất của chiêm tinh học Trung Hoa ảnh hưởng đến Việt Nam là *Thái ất*, *Kỳ môn độn giáp*, và *Lục nhâm*. Theo Đào Duy Anh trong *Việt Nam văn hoá sử cương*, mục XIII - *Phương thuật* chia dự báo ra các loại sau: phong thuỷ; bốc phệ (có 3 dạng: thi bốc hay bói cỏ thi, mai hoa bốc hay bói chiết tự, kim tiền bốc hay bói gieo tiền); tướng số, gồm: số (số Hà lạc, số tiền định, số tử vi), tướng (tướng mặt, tướng tay…); các phép chiêm đoán (nhâm độn, xin thẻ (xăm), phụ tiên (khi tiên lên thì xin bài thơ để đoán), cầu đồng cốt, xem chân giò (gà), nghiệm lời đồng dao, nghiệm lời sấm kí, các cách chiêm nghiệm (điềm), bói *Kiều* và bói âm dương. *Các loại hình dự báo của nước ta đa số tiếp nhận từ Trung Quốc. Tuy nhiên, nhân dân ta khi tiếp nhận dự báo cũng có một vài biến đổi cho phù hợp với đời sống văn hoá dân tộc. Bên cạnh việc tiếp nhận, người Việt cũng sáng tạo cho riêng mình những loại hình dự báo riêng,* tiêu biểu như bói Kiều (dùng *Truyện Kiều* làm phương tiện bói). Bói Kiều là một nét văn hóa xưa của nước ta. Người bói muốn "linh nghiệm" thì lòng phải tĩnh lặng, gạt bỏ tạp niệm, thành tâm khấn nguyện: "*Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thuý Kiều*", sau đó khấn rõ tên tuổi, quê quán và những điều mình muốn biết và xin xem nội dung lời giải vào trang số mấy, dòng số mấy từ dưới lên (hoặc trên xuống) của cuốn *Truyện Kiều*. Từ nội dung quẻ bói đó mới luận bàn, tìm ý nghĩa của nó. Luận *Kiều* cũng là chuyện rất lý thú, người càng uyên bác, càng lịch duyệt nhân tình thế thái thì giải quẻ bói *Kiều* càng hay. Ngoài ra, hình thức xem bói phổ thông dân gian nhất ở dân chúng là xin keo âm dương (dùng đồng tiền tung sấp - ngửa để biết ý thần linh) và bói lá trầu, chân gà (dựa trên ngũ hành). Theo Tư Mã Thiên, tại khu vực Đông Âu Việt, về sau là cả khu vực nước Nam Việt, đã xuất hiện hệ

thống các vu sư thờ Thượng Đế, thánh thần, ma quỷ, xem bói bằng chân gà, được gọi là *Việt vu*. Tư Mã Thiên cho biết: "Bấy giờ (110 trước Công nguyên) đã diệt nước Nam Việt. Người Việt là Dũng Chi bèn nói: Tục người Việt tin ma quỷ, đền thờ đều thấy ma quỷ, khấn vài lần đều linh nghiệm. Xưa vua Đông Âu kính ma quỷ, thọ đến một trăm sáu mươi tuổi. Đời sau khinh mạn nên suy tổn. Đoạn bèn sai Việt vu dựng đền thờ Việt, đặt bệ thờ, không có đàn tế, cũng thờ thần, Thượng Đế, dùng gà để bói. Hoàng thượng tin. Đền thờ Việt, phép bói gà bắt đầu sử dụng từ đây" [161].

Từ việc nghiên cứu dự báo thế giới và Việt Nam qua các tài liệu cổ, qua văn học dân gian, qua các tác phẩm văn học viết thời cổ trung đại, có thể thấy, dự báo đã ra đời từ rất sớm với các phương thức, kiểu loại phong phú, đa dạng. Mỗi vùng, quốc gia đều có những hình thức dự báo riêng nhưng có điểm chung về sự hình thành tư duy kiểu loại và hệ thống dự báo. Sự đồng dạng về dự báo có thể do một hoặc nhiều nguyên nhân kết hợp như sự ảnh hưởng, sự học hỏi, tiếp biến; nhưng cũng có khi là sự tương đồng do cùng điều kiện tự nhiên, lao động và sinh hoạt dẫn đến cách tư duy giống nhau. Hệ thống dự báo của người Việt có sự tương đồng với hệ thống dự báo thế giới nói chung và Trung Hoa nói riêng. Về cơ bản, dự báo Việt Nam được tiếp thu từ truyền thống dự báo của Trung Hoa. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp nhận, người Việt cũng có những biến đổi nhất định để phù hợp, tương thích với văn hoá nước ta. Đồng thời, người Việt cũng sáng tạo cho riêng mình những hình thức dự báo riêng, mà tiêu biểu và nổi tiếng nhất là *bói Kiều*.

1.2. Cơ sở lí thuyết của đề tài

1.2.1. Cơ sở lí thuyết chung

1.2.1.1. Nghiên cứu văn học dưới góc nhìn văn hoá

Văn hoá học: Nội hàm của khái niệm văn hoá học có thể được hiểu và lí giải theo những quan niệm khác nhau. Ở đây, chúng tôi quan niệm: Văn hoá là một hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần, do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử hoạt động thực tiễn mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc. Lí giải về niềm tin của con người vào thế giới tâm linh, A.JA.Gurêvich cho rằng: "Lòng tin ở những điều nhảm nhí, nào súc vật biết nói, nào ma quỷ vào nhà, nào phép chữa bệnh kì diệu, việc tôn thờ thánh cốt và các vật thiêng khác, việc giải thích các hiện tượng xã hội bằng vị trí của những thiên thể và điềm siêu nhiên khác… tất cả những điều này chẳng có gì đáng ngạc nhiên, nếu chúng ta nhớ rằng thời kì này ý thức hệ tôn giáo thống trị" [54, tr. 188]. Như thế, để lí giải các hiện tượng văn học trên thì việc tiếp cận từ góc nhìn văn hoá là một trong những hướng đi quan trọng. Theo nhà nghiên cứu Trần Nho Thìn, phương pháp tiếp cận tác phẩm văn học từ góc độ văn hoá học lấy con người làm trung tâm để xây dựng hệ thống vấn đề miêu tả trong tác phẩm. Con người với tính cách là một thực thể văn hoá bao giờ cũng tồn tại trong ba mối quan hệ căn bản: quan hệ với môi trường tự nhiên, với xã hội và với chính bản thân mình. Nhưng con người khác

với động vật ở chỗ có ý thức, con người không thể hiện mình một cách bản năng, tự phát trong các quan hệ ứng xử mà luôn lựa chọn các giá trị. Trong các tiến trình phát triển của mình con người không ngừng tìm kiếm, xác lập nguyên tắc ứng xử trong ba mối quan hệ này. Đến lượt mình, các nguyên tắc ứng xử ấy luôn luôn chi phối các phương diện thi pháp của một tác phẩm văn học. Đọc một tác phẩm văn học theo quan điểm văn hoá học là vận dụng những tri thức về văn hoá để nhận diện và giải mã các yếu tố nội dung và hình thức của tác phẩm. Mặt khác, do các tiền đề triết học của các mối quan hệ văn hoá nói trên cũng thay đổi theo thời gian nên đặc điểm ứng xử của văn hoá cũng thay đổi. *Tiếp cận từ góc nhìn văn hoá cũng là điều rất cần thiết khi nghiên cứu dự báo trong tác phẩm văn học trung đại*. Sự xuất hiện của dự báo trong văn học không chỉ là một hiện tượng văn học mà còn là một hiện tượng văn hoá, một dấu ấn văn hoá của thời đại đáng lưu ý. Nếu không có sự ảnh hưởng của huyền học, văn học dân gian, tam giáo ở các mức độ khác nhau vào đội ngũ nhà văn, vào đời sống văn học thì không thể có sự nở rộ của dự báo như thế. Vấn đề đặt ra là chúng ta cần tìm hiểu các mức độ ảnh hưởng, biểu hiện trên phương diện nào của văn hoá vào dự báo, cội nguồn, giá trị văn hoá của dự báo. Một trong những gợi ý để lí giải vấn đề trên liên quan đến phương pháp tiếp cận văn hoá trong văn học là ý kiến của Trần Nho Thìn. Nhà nghiên cứu cho rằng phương pháp tiếp cận văn hoá học ưu tiên cho việc "phục nguyên không gian văn hoá" trong đó tác phẩm văn học ra đời, sự chi phối của các quan niệm triết học, tôn giáo, đạo đức, chính trị, luật pháp, thẩm mĩ, quan niệm về con người… với các mặt xây dựng nhân vật, kết cấu, mô típ, hình tượng, cảm xúc, ngôn ngữ. Ông nhấn mạnh: "Một yếu tố thi pháp ra đời trên một nền tảng văn hoá nhất định có thể vượt ra các biến cố lịch sử - chính trị mà tồn tại cho đến khi nền tảng văn hoá ấy bị giải thể" [179, tr. 9 - 10]. Cây cổ thụ văn học trung đại được bám rễ và toả bóng trong môi trường lịch sử - văn hóa của thời trung đại (cũng là thời quân chủ chuyên chế) mà văn học trung đại hiển nhiên cũng phải chịu áp lực của hai định hướng tư tưởng thời đại chủ đạo là nhà nước kéo theo cung đình, vua chúa, quan lại và tôn giáo, giáo hội như Phật giáo, Nho giáo. Chính điều này đã ảnh hưởng, quy định, chi phối đến văn học trung đại từ quan niệm nghệ thuật về con người, quan niệm thẩm mĩ, nội dung và hình thức nghệ thuật, kiểu tác giả, khuynh hướng sáng tác. Tiếp cận nghiên cứu, phê bình dưới góc nhìn văn hoá là một hướng có nhiều ưu thế. Đỗ Lai Thuý cho rằng: "Nó dẫn nhà phê bình (cũng như người đọc) đi từ cái đã biết đến cái chưa biết, từ cái biết nhiều đến cái biết ít, từ cái toàn thể đến cái bộ phận bằng con đường *loại suy khoa học.* Bởi lẽ, văn học với tính cách là một yếu tố của hệ thống văn hóa thì phải chịu sự *chi phối* hoặc sự *quy định* (chứ không phải *quan hệ nhân quả* đơn thuần của quyết định luận) của văn hóa. Phê bình văn học dù một tác phẩm, tác giả hay một trào lưu đều phải tìm hiểu trước tiên là hệ thống văn hóa mà tác phẩm, tác giả hay trào lưu ấy thuộc vào" [194]. Như vậy, nghiên cứu văn học dưới góc nhìn văn hoá là một hướng đi quan trọng trong việc tiếp cận, lí giải dự báo trong VXTSTĐ.

1.2.1.2. Thi pháp học

Thuật ngữ "thi pháp học" được nhiều học giả đưa ra định nghĩa. Có thể dẫn ra một số định nghĩa tiêu biểu như: "là khoa học nghiên cứu thi ca (văn học) với tư cách là một nghệ thuật" (V.Girmunxki), "là khoa học về các hình thức, các dạng thức, các phương tiện, phương thức tổ chức tác phẩm của sáng tác ngôn từ, về các kiểu cấu trúc và các thể loại tác phẩm văn học. Nó muốn bao quát không chỉ là các hiện tượng của ngôn từ thơ, mà còn bao gồm các khía cạnh khác nhau nhất của tác phẩm văn học và sáng tác dân gian" (V. Vinôgrađốp), "là khoa học về cấu tạo của các tác phẩm văn học và hệ thống các phương tiện thẩm mĩ mà chúng sử dụng" (*Từ điển bách khoa văn học giản yếu*) (dẫn theo Trần Đình Sử) [160, tr. 10 - 11]. Tổng hợp lại, ta thấy thi pháp học là một lĩnh vực nghiên cứu về đặc trưng, tổ chức, các phương thức, phương tiện, nguyên tắc làm nên giá trị thẩm mĩ của văn học trong tính chỉnh thể của văn bản. Đó là lĩnh vực nghiên cứu quy luật nội tại của tác phẩm, cấu tạo và phong cách, nó phân biệt (chứ không đối lập) với các lĩnh vực nghiên cứu khác. Thi pháp, về thực chất là hệ thống ngôn ngữ (kí hiệu) nghệ thuật, mang tính mở. *Phương pháp nghiên cứu thi pháp*: Cơ sở của phương pháp là xem xét tác phẩm không chỉ là một văn bản ngôn từ, một tổng cộng của các yếu tố xác định, mà như là một chỉnh thể của thế giới nghệ thuật mang tính quan niệm. Thế giới nghệ thuật này được xây dựng bằng văn bản ngôn từ, hiện lên từ chất liệu ngôn từ. Do đó, yêu cầu đầu tiên là khai thác các yếu tố ngôn từ trong chức năng xây dựng thế giới nghệ thuật, trong việc thể hiện cái nhìn, trong xác định hình tượng không gian, thời gian, trong hình thành các biểu trưng, trong biểu hiện cảm giác. Tính hệ thống của ngôn từ nằm trong tính hệ thống của thế giới nghệ thuật, phục tùng việc tạo thành các chiều của thế giới đó… Các nguyên tắc thi pháp thể hiện qua các yếu tố lặp lại và không lặp lại: "không tìm thấy tính độc đáo sáng tạo thì không thấy tính nghệ thuật, mà không thấy tính lặp lại trên nhiều cấp độ và trong một hay nhiều văn bản thì không thấy các quy tắc tổ chức hình thức… Các yếu tố lặp lại ở đây có thể kể đến rất nhiều, thuộc các cấp độ khác nhau của thế giới nghệ thuật. Ngoài yếu tố ngôn từ như vừa nêu trên, có thể là chân dung nhân vật, chi tiết ngoại hình, các mô típ hành động, các loại quan hệ, các kiểu trang trí, phong cảnh, các yếu tố màu sắc, âm thanh, lời nói, dạng không gian, các cấu trúc thời gian, biểu tượng, v.v." [160, tr. 57]. Dẫu thế, nếu chỉ thuần tuý nghiên cứu thi pháp một cách đơn lập thì rất dễ sa vào chủ nghĩa hình thức. Nguyên tắc thi pháp chỉ có thể được lí giải trên bối cảnh văn hoá và văn học dân tộc, khu vực và thời đại. Nghiên cứu thi pháp không thể tách rời với bối cảnh văn hoá truyền thống, giao lưu văn học. Mô hình vũ trụ trong tam giáo đã ảnh hưởng tới cách miêu tả con người trong văn học trung đại Việt Nam. Nghiên cứu thi pháp học trung đại nói chung, dự báo trong VXTSTĐVN nói riêng cần quan tâm đến những đặc điểm cơ bản của loại hình văn học trung đại. Vận dụng lí thuyết thi pháp học là một điều rất cần thiết khi nghiên cứu dự báo. Chúng tôi nhận thấy, tần số lặp lại của dự báo là rất lớn và đáng ngạc nhiên khi chiếm hơn 1/3 số lượng được khảo

sát (738 tác phẩm được khảo sát trong đó có 245 tác phẩm xuất hiện dự báo, chiếm 33,19%,) và trong đó có nhiều tác phẩm có sự xuất hiện lặp lại hoặc kết hợp nhiều phương thức dự báo khác nhau). Sự lặp lại này rất đáng chú ý vì nó được các tác giả trung đại sử dụng như một thao tác, kĩ thuật khi xây dựng tác phẩm, thậm chí nhiều tác phẩm lấy dự báo làm đề tài, chủ đề được thể hiện ngay trong tên gọi tác phẩm hoặc nhóm tác phẩm. Tuy chưa nhận được sự chú ý thích đáng của các nhà nghiên cứu nhưng rõ ràng đây là một hiện tượng văn học đáng quan tâm vì dự báo tham gia vào kĩ thuật, kết cấu cũng như nội dung tác phẩm. Như thế, bên cạnh văn hoá học thì thi pháp học cũng là một hướng tiếp cận cực kỳ quan trọng để nhận diện dự báo trong VXTSTĐVN.

1.2.2. Lí thuyết nền tảng cho các phương thức dự báo và văn xuôi tự sự trung đại

1.2.2.1. Lí thuyết nền tảng cho các phương thức dự báo

Theo nghiên cứu của chúng tôi, hầu hết những dự báo ở Trung Hoa và Việt Nam nói chung, tuy phức tạp và phong phú kiểu loại nhưng đều có nguồn gốc và nguyên lí vận hành dựa trên sự biến đổi âm dương, ngũ hành, can chi để dự báo. Vì thế, muốn lí giải, chúng ta cần có những kiến thức nền tảng, cơ bản. Phần trình bày sau đây của chúng tôi nhằm hệ thống lại một cách đơn giản và sơ lược những lí thuyết trọng yếu (vốn khá phức tạp) cho sự hình thành, tồn tại và cách giải mã thông tin dự báo, bao gồm: *Âm dương; Ngũ hành; Thiên can địa chi; Thống nhất thông tin vũ trụ; Ma thuật vi lượng*.

Thuyết Âm dương: Trước hết, âm - dương là hai mặt đối lập với nhau nhưng lại thống nhất với nhau, cùng tồn tại phổ biến trong các sự vật, hiện tượng của giới tự nhiên. Âm - dương đối lập, mâu thuẫn nhau trên nhiều phương diện. Về tính chất: dương thì cứng, nóng, âm thì mềm, lạnh. Về hướng, phương vị: dương là thăng (đi lên), âm là giáng (đi xuống)… Âm - dương không phải là hai mặt tách rời nhau và chỉ có đấu tranh với nhau mà còn thống nhất với nhau, nương tựa vào nhau để tồn tại. Trong vũ trụ, nếu chỉ một mình dương hay một mình âm thì không thể sinh thành, biến hóa được: "cô dương thì bất sinh, cô âm thì bất trường". Nếu một mặt mất đi thì mặt kia cũng mất theo: "Dương cô thì âm tuyệt", âm - dương phải lấy nhau để làm tiền đề tồn tại cho mình. Ngay cả cái gọi là âm - dương cũng chỉ có ý nghĩa tương đối, vì trong dương bao giờ cũng có âm, trong âm bao giờ cũng có dương. Khi dương phát triển đến thái dương thì trong lòng nó đã xuất hiện thiếu âm rồi, khi âm phát triển đến thái âm thì trong lòng nó đã xuất hiện thiếu dương rồi. Âm - dương bao giờ cũng nương tựa vào nhau. Ngoài quy luật âm - dương đối lập, thống nhất, còn có quy luật tiêu trưởng và thăng bằng của âm - dương nhằm nói lên sự vận động không ngừng, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa hai mặt âm dương để duy trì tình trạng thăng bằng tương đối của sự vật. Nếu mặt này phát triển thái quá sẽ làm cho mặt khác suy kém và ngược lại. Từ đó làm cho hai mặt âm - dương của sự vật biến động không ngừng. Sự thắng phục, tiêu trưởng của âm dương theo quy luật "Vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản". Sự vận động của hai mặt âm - dương đến mức độ nào đó sẽ chuyển hóa sang nhau gọi là "Dương

cực sinh âm, âm cực sinh dương". Sự tác động lẫn nhau giữa âm - dương luôn nảy sinh hiện tượng bên này kém, bên kia hơn, bên này tiến, bên kia lùi. Đó chính là quá trình biến hóa và phát triển của sự vật, đồng thời cũng là quá trình đấu tranh tiêu trưởng của âm dương. Quy luật âm - dương cũng là quy luật phổ biến của sự vận động và phát triển không ngừng của mọi sự vật khách quan.

Thuyết Ngũ hành về căn bản cũng là một cách biểu thị luật mâu thuẫn đã giới thiệu trong thuyết *Âm dương*, nhưng bổ sung và làm cho thuyết *Âm dương* hoàn bị hơn. Ngũ hành là: Kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ. Người xưa cho rằng, mọi vật trong vũ trụ đều chỉ do năm chất phối hợp nhau mà tạo nên. Tinh thần cơ bản của nó bao gồm hai phương diện giúp đỡ nhau gọi là *tương sinh* (có nghĩa là giúp đỡ nhau để sinh trưởng: thuỷ sinh mộc, mộc sinh hoả, hoả sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thuỷ, thuỷ lại sinh mộc và cứ như vậy tiếp diễn mãi, thúc đẩy sự phát triển không bao giờ ngừng) và chống lại nhau gọi là *tương khắc* (có nghĩa là ức chế và thắng nhau: mộc khắc thổ, thổ khắc thuỷ, thuỷ khắc hoả, hoả khắc kim, kim lại khắc mộc, và mộc khắc thổ và cứ như vậy tiếp diễn mãi). Hai học thuyết này được vận dụng trong các phương thức dự báo như xem phong thuỷ, trạch cát, tướng số, xem *Kinh Dịch*. Trong các tác phẩm VXTSTĐVN, phần giải dự báo có liên quan đến dự báo vừa kể trên, những dự báo mang kết quả tốt lành bao giờ cũng có mẫu số chung như âm dương hoà hợp, ngũ hành tương sinh còn những dự báo mang lại kết quả xấu thường là âm dương, ngũ hành xung khắc.

Can chi gọi đầy đủ là *Thiên can địa chi* hay *Thập can thập nhị chi* là hệ thống đánh số thành chu kỳ. Nó được áp dụng với tổ hợp chu kỳ sáu mươi trong âm lịch nói chung để xác định tên gọi của thời gian (năm, tháng, ngày, giờ) cũng như trong chiêm tinh học. Trong đời sống, hệ địa chi được gọi đơn giản là 12 con giáp. *Can* được gọi là *thiên can* hay *thập can* do có đúng mười can khác nhau. Can cũng còn được phối hợp với âm - dương và ngũ hành. Số lẻ là dương can: Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm. Số chẵn là âm can: Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quí. Những cặp đối xung (những cặp hơn kém nhau 5 số): Giáp và Kỷ; Ất và Canh; Bính và Tân; Đinh và Nhâm; Mậu và Quí. *Chi* hay *địa chi* hay *thập nhị chi* do có đúng mười hai chi. Đây là mười hai từ chỉ 12 con vật của hoàng đạo Trung Quốc dùng như để chỉ phương hướng, bốn mùa, ngày, tháng, năm và giờ ngày xưa. Việc liên kết các yếu tố liên quan đến cuộc sống con người với chi là rất phổ biến ở khu vực Đông Á và Đông Nam Á. Một chi có thể ghép với năm can và một can là sáu chi. Sáu mươi tổ hợp can chi, được gọi là lục thập hoa giáp.

Thiên nhân hợp nhất và *nhân thể tiểu vũ trụ*: Tư tưởng *Thiên nhân hợp nhất* đã sớm xuất hiện trong các trường phái triết học Trung Quốc cổ đại như Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia… Cách thức trình bày của các trường phái này có thể khác nhau nhưng đều gặp nhau một điểm là xem con người và vũ trụ có sự cảm ứng, coi trọng sự hoà hợp giữa trời, vũ trụ, thiên nhiên và con người. Lí tưởng cao nhất mà tư tưởng này hướng đến là sự hài hoà giữa trời và người, đạt đến sự thống nhất cao độ giữa chủ thể và khách thể. Đổng Trọng

Thư trong *Xuân Thu phồn lộ, Thâm sát danh hào* đã nêu rõ rằng: *"Thiên nhân chi tế, hợp nhi vi nhất."* (tạm dịch: Trời và Người gặp nhau, hợp thành một thể). Lão Tử đã nói: *"Người thuận theo Đất, Đất thuận theo Trời, Trời thuận theo Đạo, và Đạo thuận theo tự nhiên"*, lấy Đạo và tự nhiên làm khởi nguồn giá trị tinh thần của loài người. Như thế, mục tiêu cao nhất của thiên nhân hợp nhất là hướng đến sự hài hoà của vũ trụ, tự nhiên, con người và sự vật. Quan niệm *Nhân thể tiểu vũ trụ* (thân thể con người là vũ trụ thu nhỏ), trên đại thể bao gồm các tư tưởng: *Con người là linh của vạn vật và con người có thể dùng nhiều phương thức đối ứng, cảm ứng vũ trụ*. Cho nên kết cấu, diện mạo con người thông qua phù hiệu là hệ thống can chi đều có thể đối ứng với trời và có thể cảm ứng lẫn nhau. Từ tư tưởng *Thiên nhân cảm ứng* mở rộng thành quan hệ đối ứng giữa thân thể con người và vũ trụ và bắt nguồn và suy diễn từ thuyết *Âm dương ngũ hành*. Vũ trụ là âm dương hài hòa, ngũ hành hóa sinh, thân thể con người cũng như thế. Con người lúc ban đầu sinh ra, theo giờ có can chi tám chữ, có thể dựa vào sinh khắc của âm dương ngũ hành trong tám chữ để bói, dự đoán cuộc đời, giàu sang, nghèo hèn... và lấy đó chiêm nghiệm tránh điều xấu, đi theo điều tốt, làm việc thuận theo số mệnh. Xuất phát từ quan niệm xem thân thể diện mạo con người đối ứng với hình tượng trời đất, thuật xem tướng dựa vào đó để đoán đức hạnh và phúc họa của con người, để biết số mệnh và không trái ý trời. Trời đất vũ trụ có thể tồn tại lâu dài, bản thân con người là hình ảnh vũ trụ thu nhỏ, nếu như chuyên cần tu dưỡng luyện đan, cuối cùng có thể hóa thành tiên cùng với trời đất sống vĩnh hằng, đó là bản chất của tư tưởng thành tiên mà người xưa mong ước. Khái niệm con người là hình ảnh vũ trụ thu nhỏ[8,9] là cơ sở, chỗ dựa cho thuật số truyền thống suy đoán vận mệnh. Tư tưởng thiên nhân cảm ứng xuất hiện từ thời Tiên Tần đến Lưỡng Hán, được nhiều học giả bàn tới như Mạnh Tử, Trang Tử, Đổng Trọng Thư.

Ma thuật vi lượng: Nguyên lý thứ nhất là: Mọi vật giống nhau sẽ mời gọi vật đồng loại, hay là một hiệu quả sẽ tương tự như nguyên nhân của nó. Nguyên lý thứ hai là: Những sự vật đã từng có một lần tiếp xúc với nhau, tiếp tục tác động lẫn nhau, kể cả khi cuộc tiếp xúc đó đã kết thúc, đến mức mọi việc người ta tác động đến cái này cũng sẽ tác động lên cái kia. Từ đó có thể kết luận rằng: Việc có thể tác động lên một đối tượng vật chất sẽ cũng tác động cả lên con người mà đối tượng vật chất ấy đã có một lần tiếp xúc, rằng đối tượng ấy đã

---

[8]Tư tưởng này không bó hẹp ở phương Đông mà có cả ở thời trung cổ phương Tây. Ta có thể thấy dấu vết tư tưởng này qua nhận định của A. Ja. Gurevich: "*Thái độ của con người đối với tự nhiên không phải là thái độ của chủ thể với khách thể, đúng hơn, đây là sự tìm thấy bản thân mình trong thế giới bên ngoài, sự cảm thụ vũ trụ như là chủ thể. Những phẩm chất mà con người nhìn thấy ở vũ trụ là phẩm chất mà chính nó có. Không có những biên giới rõ ràng phân cách cá nhân và thế giới: tìm thấy thế giới ở sự tiếp tục bản thân mình, đồng thời con người phát hiện ra vũ trụ ở bản thân mình.* ***Con người và vũ trụ như chiếu ứng nhau***" [54, tr. 60].

[9]Khái niệm "nhân thể tiểu vũ trụ" chẳng phải chỉ có ở văn hoá Hán mà là khái niệm có tính phổ biến tương đối. Josph Needham đã nói: "Thiết tưởng giữa cơ thể con người và chỉnh thể vũ trụ có từng cặp quan hệ đối ứng. Khái niệm này ở Ba – bi – lon, Hy Lạp, Ấn Độ và Trung Quốc thời cổ đại đều có. Cuối thời kỳ cổ đại và thời trung cổ toàn Châu Âu cho đến thế kỉ XVI cố nhiên là vô cùng thịnh hành" - Trần Tuấn Chích dịch, *Trung Quốc khoa học chi cơ bản khái niệm, Trung Quốc khoa học dữ văn minh*, đệ nhị sách, *Trung Quốc khoa học tư tưởng sử* (thượng), Đài Bắc, Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1973, tr. 492-490). Dẫn theo Lê Văn Quán [139, tr. 129].

hoặc có hoặc không hình thành một bộ phận cơ thể của con người ấy. Ma thuật này dựa vào sự kết hợp các ý tưởng bằng trạng thái gần gũi kề cận, và nguyên lý thứ hai là quy luật của tiếp xúc hay là của sự lây truyền. Nếu nguyên lí thứ nhất là quy luật tương đồng thì nguyên lý thứ hai là quy luật của tiếp xúc [46, tr. 35]. Sự ứng dụng của ma thuật vi lượng còn liên quan đến chuyện đất đai phong thuỷ. Frazer trong tác phẩm lừng danh *Cành vàng* đã dẫn ra một ví dụ thú vị: người ta thấy được một vận dụng khác của câu châm ngôn "Cái tương đồng làm nảy sinh cái tương đồng" trong tín ngưỡng của người Trung Quốc, cho rằng số mệnh của một thành phố rất gắn chặt với hình thù của nó và số mệnh đó phải thay đổi tuỳ theo tính chất thứ đồ vật mà nó giống nhất. Chính vì thế mà người ta kể lại rằng, xưa kia thành phố Tsuen-cheu-fu vốn có đường bao quanh rất giống hình con cá chép đã thường xuyên là mồi cho những trận cướp phá của thành phố láng giềng, Yung-chun, hình thù như một tấm lưới đánh cá; một hôm những cư dân của thành phố thứ nhất có sáng kiến xây dựng tại đó hai ngôi chùa cao, ngày nay vẫn còn sừng sững ở trung tâm thành phố. Một ảnh hưởng hết sức may mắn đã tác động đến bộ phận thành phố, do việc ngôi chùa đã chặn đứng tấm lưới tương tượng của người láng giềng, trước khi nó rơi xuống và chụp lấy con cá chép tưởng tượng trong các mắt lưới của nó [46, tr. 71].

1.2.2.2. Văn xuôi tự sự trung đại - Tên gọi và sự phân loại

Theo Trần Nghĩa trong bài tựa cho bộ sách *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam* thì *"Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam"* có thể xếp vào hay gọi chung là *"tiểu thuyết"* gồm các tiểu loại nhỏ: 1) *Tiểu thuyết bút kí*: còn gọi tiểu thuyết *"chí nhân"*, gồm những mẩu truyện ngắn, những *"di văn dật sử"* liên quan các anh hùng dân tộc, các danh nhân lịch sử, văn hóa được ghi lại chủ yếu không phải bằng *"hư bút"* mà bằng *"tín bút"*. 2*) Tiểu thuyết chí quái* gồm những câu chuyện nghịch dị, khác đời về vật, người, thần thánh… được ghi lại bằng*"tín bút"* theo cảm nhận của tác giả nhưng thực chất *"hư bút"* vẫn chiếm phần nhiều. 3) *Tiểu thuyết truyền kì* - loại này phát triển trên cơ sở tiểu thuyết chí quái nhưng ở đây các tác giả sử dụng*"hư bút"* một cách chủ động, có ý thức. Công việc chủ yếu của truyền kì là gửi gắm tâm sự của tác giả. 4) *Tiểu thuyết lịch sử* gồm những tác phẩm viết về đề tài lịch sử, thông qua việc miêu tả nhân vật và các sự kiện lịch sử, tái hiện một cách nghệ thuật diện mạo xã hội và xu thế phát triển của lịch sử, nhằm mang lại cho người đọc những khơi gợi bổ ích và mĩ cảm lịch sử. Các nhà văn sử dụng bút pháp tả thực nhưng vẫn có sự hư cấu trong chừng mực nhất định, làm cho chân thực lịch sử được thăng hoa thành chân thực nghệ thuật. 5) *Tiểu thuyết công án* nói về việc xét xử các vụ án, bút pháp có thể là thực hoặc hư, có thể là hư thực kết hợp. Nội dung phản ánh có thể là thường hay quái miễn nói cho được sự thật, lẽ phải cần được bảo vệ trước pháp luật. 6) *Tiểu thuyết diễm tình* còn gọi tiểu thuyết *"tài tử giai nhân"*, nội dung viết về trai gái tài sắc, bút pháp chủ yếu là hư cấu. 7) *Tiểu thuyết du kí* kể lại những điều mắt thấy tai nghe trong một chuyến đi cùng những tư tưởng, tình cảm nảy sinh

của tác giả. Bút pháp chủ yếu là thực bút nhưng có sự sắp xếp gia công nghệ thuật [113, tr. 11 - 14]. Trần Đình Sử lại đề nghị dùng khái niệm *"truyện"* (không phải tiểu thuyết) để định danh loại hình tự sự trung đại. Ông đưa ra bảng phân loại gồm sáu thể loại của truyện Việt Nam trung đại: *truyện thần quái, truyện truyền kì, truyện diễn ca lịch sử, truyện tiểu thuyết chương hồi, truyện thơ Hán và Nôm* [159, tr. 579 - 597]. Theo Trần Nho Thìn, nên phân loại truyện ngắn trung đại theo tiêu chí cốt truyện. Xét về nguồn gốc cốt truyện có thể chia truyện ngắn trung đại làm ba nhóm chính: 1) Nhóm tác phẩm lấy cốt truyện từ chính sử. 2) Nhóm tác phẩm vay mượn cốt truyện Trung Quốc. 3) Nhóm tác phẩm có cốt truyện hư cấu thuần túy Việt Nam [179, tr. 147 - 149]. Như thế, các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều quan niệm và cách gọi tên, phân chia thể loại văn xuôi thời trung đại.

Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại chủ yếu viết bằng chữ Hán, chúng tôi dùng *khái niệm văn xuôi tự sự hoặc truyện văn xuôi* để gọi nhóm loại tác phẩm viết theo hình thức văn xuôi, nội dung kể chuyện, (khu biệt nó với truyện Nôm - loại hình tự sự bằng văn vần). *Văn xuôi tự sự hoặc truyện văn xuôi* gồm ba nhóm nhỏ: *truyện ngắn, tiểu thuyết chương hồi, ký* (cách phân loại này chỉ mang tính tương đối) vì thể loại của VXTSTĐVN không rõ ràng. Ở nước ta, việc phân loại văn học thời trung đại về mặt thể loại gặp lúng túng và khó khăn. Trước năm 1840, văn xuôi tự sự chỉ có một loại hình chung là truyện ký chứ chưa có khái niệm truyện và ký riêng biệt, chỉ có khái niệm tiểu thuyết chương hồi. Mặc khác, các *"Thiên"* (bài) trong cùng một tác phẩm không *"thuần nhất"* về mặt thể loại và được gọi với nhiều thuật ngữ khác nhau. Tuy nhiên, chúng tôi, căn cứ quan điểm của Nguyễn Đăng Na, dựa theo qui mô và tính chất tác phẩm, tạm phân định VXTSTĐVN như sau: *Tiểu thuyết chương hồi* có đặc điểm có lối kết cấu *"chương hồi"* kiểu của Trung Hoa, có quy mô lớn, và có cốt truyện toàn vẹn; *Truyện và ký*: Truyện ngắn trung đại thực sự là một khái niệm mang tính chất tương đối mà giới nghiên cứu hiện đại dùng để chỉ một hiện tượng rất không thuần nhất về cả nội dung và nghệ thuật, bao hàm nhiều kiểu loại tác phẩm khác nhau ra đời trong một thời gian rất dài (khoảng mười thế kỉ), gồm: *chí, lục, phả, tùy bút, kí, kí sự*. Thể loại văn học trung đại được thể hiện trong cách thường xuyên nêu bật lên ở ngay tên gọi tác phẩm. Vấn đề rắc rối nhất là tách nguồn ký. Tuy nhiên, có thể tạm dựa vào một số tiêu chí sau để phân loại: *Truyện*: Mỗi truyện là một đơn vị hoàn chỉnh *"đủ cả đầu đuôi"* có phần đầu, phần giữa, phần cuối. Hạt nhân tạo nên nó là nhân vật và cốt truyện, không gian, thời gian, tính hư cấu; *Ký* (ký sự): Điều phân biệt giữa truyện và ký về bản chất và thái độ của người cầm bút: "*Nếu người cầm bút tách mình ra khỏi các sự kiện, các nhân vật mình miêu tả như người ngoài cuộc thì đấy là truyện, còn tác giả hòa mình vào sự kiện với tư cách là người trong cuộc thì đấy là ký*" [108, tr. 37] (xét truyện và ký thuộc phạm trù văn học trung đại). Tuy nhiên do phạm vi của đề tài, chúng tôi chỉ giới hạn khảo sát thể loại ký ở những tác phẩm mang tính *"tự sự"*.

1.3. Tổng quan tình hình nghiên cứu về dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam

Trong phần này chúng tôi điểm lại, khái quát các khuynh hướng tiếp cận nghiên cứu, đề cập đến dự báo trong VXTSTĐVN. Dự báo trong VXTSTĐVN quả thực chưa nhận được nhiều sự ưu ái, quan tâm của các nhà nghiên cứu. Nhìn chung, tổng thể bức tranh nghiên cứu về dự báo thiếu vắng hẳn cả những công trình nghiên cứu chung, tổng quan về dự báo đã đành mà còn thiếu cả những công trình nghiên cứu chuyện biệt kiểu như đặc trưng, đặc điểm, phương thuật của một phương thức dự báo trong VXTSTĐVN. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu có đề cập đến dự báo trong VXTSTĐVN theo các hướng như: Nhắc đến dự báo khi nghiên cứu các tác giả, tác phẩm riêng lẻ, nhắc đến dự báo khi nghiên cứu tập truyện, nhắc đến dự báo khi nghiên cứu sáng tác của một tác giả, nhắc đến dự báo khi nghiên cứu các thể loại văn xuôi tự sự, nhắc đến dự báo khi nghiên cứu lịch sử văn học (giai đoạn, thời đại), nghiên cứu hiện tượng dự báo trong VXTSTĐVN thời trung đại một cách chuyên biệt như sau:

Nhắc đến dự báo khi nghiên cứu tác giả, tác phẩm riêng lẻ: Các tác giả của cuốn *Lịch sử Văn học Việt Nam* (1980) khi bàn về *Hoàng Lê nhất thống chí* đã nhận xét về việc tác giả Ngô gia văn phái sử dụng tướng thuật trong xây dựng chân dung nhân vật nhưng không mang ý nghĩa ngợi ca mà mang màu sắc châm biếm: "Tác giả muốn đề cao vua Lê chúa Trịnh, nhưng với một bút pháp hiện thực sắc sảo, thỉnh thoảng điểm xuyết đôi nét châm biếm kín đáo, vua chúa hiện rõ là những con người bất lực, ti tiện. Lê Hiển Tông, bề ngoài có dáng khí tượng đế vương "râu rồng, mũi cao, tóc hạc, mắt phượng, đi nhẹ như nước, ngồi vững như non" nhưng sự thực là một tên bù nhìn không hơn không kém" [217, tr. 372]. Phạm Tú Châu (2014) trong bài viết *Mối quan hệ giữa văn học và văn hóa tâm linh qua truyện Đinh Tiên Hoàng ký của Vũ Phương Đề* đã chỉ ra qua câu chuyện về Đinh Tiên Hoàng đã chỉ ra quan niệm về hoạ phúc người Việt thời bấy giờ được báo trước và mang đậm màu sắc Đạo giáo. Nhà nghiên cứu đã lí giải việc bị giết của cha con Đinh Tiên Hoàng là do cách ông ứng xử bất thiện với người khách Tàu [19, tr. 26 - 27]. Nguyễn Hữu Sử, Trần Quang Đức (2014) trong bài *Thần hoá và vương quyền qua bút pháp vu sử trong bộ Đại Việt sử kí toàn thư (ĐVSKTT)* đã nghiên cứu bút pháp vu sử trong *ĐVSKTT*. Đây là một trong những bài viết có nhiều gợi dẫn cho đề tài chúng tôi. Các tác giả đã chỉ ra, bút pháp vu sử theo truyền thống vu sử của Trung Quốc từ thời Tần Hán trở về sau chủ yếu thể hiện ở việc ghi chép về tiên đoán và các điềm tai dị, điềm lành, thần thánh hóa các sự kiện liên quan đến đế vương, từ đó liên hệ với nền đức chính của đế vương. Bút pháp vu sử thể hiện trong *ĐVSKTT* cũng không ngoài nội dung này. Tuy nhiên, qua thống kê các thông tin ghi chép điềm tai dị, điềm lành, chiêm mộng trong *ĐVSKTT* có thể thấy, bút pháp vu sử được sử dụng nhiều nhất ở giai đoạn Lý - Trần và giảm dần vào thời Lê [161, tr. 104]. Như vậy, có thể thấy, việc tìm hiểu dự báo trong một tác phẩm riêng lẻ chưa được các nhà nghiên cứu chú ý.

Nhắc đến dự báo khi nghiên cứu tập truyện: Nguyễn Hữu Sơn trong một loạt các công trình và bài viết của mình đã đề cập đến CPTDB trong tập *Thiền uyển tập anh* (*TUTA*) mà tiêu biểu là bài: *Về khả năng tích hợp các yếu tố folklore trong sách Thiền uyển tập anh* (1998) đã chỉ ra các hiện tượng dự báo trong *VĐUL* như tiên tri, điềm báo, mộng. Về mặt định lượng, có thể chỉ ra hàng loạt các hiện tượng như mơ gặp thần nhân, mơ có người trời cho thuốc chữa bệnh, các lời tiên tri, điềm báo, dự báo (mà ở một số truyện cổ tích, các hình thức này góp phần tạo nên kết cấu, đan kết các sự kiện, cốt truyện)... Tương thông với các yếu tố folklore nói trên còn có thể kể đến các phương thức tồn tại, truyền bá kiểu văn học dân gian như sự xuất hiện loại thơ sấm kí (đặc biệt gắn với các sự kiện chính trị lớn như việc sư Nguyễn Vạn Hạnh khuông phò Lý Công Uẩn lên ngôi), thơ ca đồng dao (xuất hiện trong truyện sư Minh Không) [151, tr. 43]; trong *Khảo sát loại hình tiểu truyện thiền sư trong TUTA* (năm 1998), phần *Nghiên cứu về sự ra đời của các thiền sư,* Nguyễn Hữu Sơn chỉ ra, sự ra đời các thiền sư bao giờ cũng gắn với các hiện tượng lạ, những điềm lạ, giấc mơ lạ: "Các thiền sư từ nhỏ đã bộc lộ những dấu hiệu thiên bẩm khác thường cả về tư chất, tướng mạo, tài năng, sở thích, tiếng cười, giọng nói… bao giờ cũng có liên hệ tới môi trường Phật giáo, gắn với những hiện tượng lạ, những điềm lạ, giấc mơ lạ, nghĩa là gắn với phương thức tư duy duyên khởi, tạo sinh kiểu Phật giáo" [152, tr. 29 - 31]. Nguyễn Hữu Sơn đã có phần lí giải thuyết phục từ tư duy dân gian, trong truyền thuyết xuất hiện các motif người mẹ mơ thấy nuốt sao, uống nước suối hoặc ăn quả lạ, hoặc ướm vào dấu chân người khác… để suy tôn người anh hùng "Mẹ hiền sinh con thánh", coi sự ra đời của mỗi danh nhân là sự kết hợp của thiên cơ, sự chung đúc của khí thiêng sông núi và do sự chỉ định, kí thác của một lực lượng huyền bí, cao cả siêu nhiên nào đó [152, tr. 34]. Nguyễn Kim Châu (2013) có bài nghiên cứu liên quan dự báo trong tập *Truyền kì mạn lục* (*TKML*) là *Cấu trúc phức của thời gian trần thuật trong Truyền kì mạn lục,* Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 4, 2013. Tác giả dành sự quan tâm đến không gian dự báo là không gian tâm linh: "Không gian tâm linh đền miếu, chùa chiền, một vùng đệm có khả năng tạo dấu gạch nối giữa không gian thực tại và không gian hư ảo thường gắn liền với những giấc mơ chiêm bao kì lạ, những phát hiện bất ngờ, ở đó con người trần thế gặp thần thánh chân chính hoặc biến chất" [18, tr. 63]. Đây là một gợi dẫn thú vị cho đề tài chúng tôi về phần không gian nghệ thuật. Vũ Thanh trong bài *Chức năng nghi lễ tâm linh và giá trị văn học trong Việt điện u linh* (*VĐUL*) (2014) cũng đề cập đến yếu tố dự báo chiêm mộng trong *VĐUL*: "*VĐUL* nghiêng về việc phản ánh cái "kỳ ảo u linh" và gắn liền nó với cái "thực" bằng việc kể về các cuộc gặp gỡ giữa các thần và những nhân vật lịch sử có thật. Môtip "giấc mộng" kể lại cuộc gặp gỡ giữa người trần - chủ yếu là các nhân vật lịch sử với các vị thần, nhân thần hoặc nhiên thần. Đây là một trong những môtip cơ bản xuất hiện trong rất nhiều truyện của

Lý Tế Xuyên… Môtip giấc mộng này chúng ta sẽ còn gặp lại trong nhiều tập truyện kì ảo khác ở các giai đoạn sau" [168, tr. 11 - 12]. Tập truyện này là đối tượng nghiên cứu của các học giả khác như: Nguyễn Thị Dung (2014), *Nguyễn Dữ với việc sử dụng phương thức mộng ảo trong "Truyền kỳ mạn lục* (*TKML*)*"* quan tâm đến mộng liên quan nhân vật nữ [34, tr. 1 - 2]. Tập *Lan trì kiến văn lục* được Đỗ Thị Mỹ Phương (2016) nghiên cứu trong bài *Những motif dân gian trong Lan trì kiến văn lục* đề cập đến vấn đề báo mộng, với nhiều hình thức đa dạng: "báo mộng trực tiếp (thần nhân, ma quỷ thác vào giấc mộng con người…); báo mộng gián tiếp thông qua các hình thức: người trần lạc vào cõi âm và vô tình biết trước những điều sẽ xảy ra trong tương lai...; báo mộng thông qua nhân vật trung gian (bà đồng, thầy tướng…). Loại motif này xuất hiện nhiều trong các truyện danh nhân… Nó gắn liền với niềm tin vào sự can thiệp, quyết định của thế lực siêu nhiên với cuộc sống, số phận mỗi con người… Báo mộng xuất hiện trong *Lan trì kiến văn lục* với tư cách chi tiết dự báo cho cuộc đời nhân vật" [177, tr. 558]. Có thể thấy, đây là một trong những công trình tiêu biểu quan tâm đến phương thức mộng báo trong thể loại truyền kì. Như vậy, đối với dạng tập truyện, có khá nhiều các công trình nghiên cứu hơn là một tác phẩm cụ thể vì trữ lượng dữ liệu phong phú, giàu có hơn. Các tập truyện xuất hiện nhiều dự báo được các nhà nghiên cứu quan tâm là *TUTA, TKTP, Lan trì kiến văn lục*.

Nhắc đến dự báo khi nghiên cứu sáng tác của một tác giả: Các công trình này thuộc dạng rất hiếm hoi. Thực tế là trong lịch sử nghiên cứu văn học Việt Nam trung đại, về tác giả Nguyễn Bỉnh Khiêm, nhiều công trình nghiên cứu thơ văn của ông đã đề cập đến CPTDB. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên vì Nguyễn Bỉnh Khiêm không chỉ được biết đến như một nhà thơ mà còn là một nhà chính trị, nhà dự báo. Có nhiều cuộc hội thảo được tổ chức và được tập hợp in thành sách như: *Nguyễn Bỉnh Khiêm - Danh nhân văn hoá* (Nguyễn Huệ Chi chủ biên) [22], *Nguyễn Bỉnh Khiêm trong lịch sử phát triển văn hoá dân tộc* (Viện KHXH & Sở Văn hoá thông tin Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu Hán Nôm xuất bản, Tp Hồ Chí Minh, 1991), *Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm* (Nguyễn Huệ Chi và Ngô Đăng Lợi chủ biên, Hội đồng lịch sử Hải Phòng và Viện Văn học xuất bản, Hải Phòng, 1991). Đến năm 2001, Trần Thị Băng Thanh và Vũ Thanh tập hợp, biên soạn cuốn *Nguyễn Bỉnh Khiêm về tác gia và tác phẩm,* những bài viết trong các công trình này trực tiếp và gián tiếp đề cập đến khả năng dự báo và sấm kí dự báo, tài tiên tri của Nguyễn Bỉnh Khiêm [169]. Gần đây nhất, Viện Văn học và Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng tổ chức hội thảo về Nguyễn Bỉnh Khiêm và kết quả là sự ra mắt bạn đọc cuốn kỷ yếu hội thảo *Di sản văn học Nguyễn Bỉnh Khiêm - Tư tưởng và khuynh hướng thẩm mỹ* [222]. Trong cuốn này có một số bài viết của các tác giả Bùi Thiết, Vũ Thế Dương, Trần Nguyên Việt… đề cập đến vấn đề dự báo trong tác phẩm Nguyễn Bỉnh Khiêm. Trần Ngọc Vương trong bài viết *Nguyễn Bỉnh Khiêm hư và thực* (in lần đầu trên Tạp chí *Văn học* số 6/2001), (sau in lại

trong *Thực thể Việt nhìn từ toạ độ chữ*) đã bàn đến văn bản sấm Nguyễn Bỉnh Khiêm: "Chuyện nhà tiên tri thì là cả một mông lung khổng lồ, một khung trời rộng rãi cho trí tưởng tượng của cả folklore, cả huyền học hiện đại. Chỉ có văn bản mới khả dĩ cho ta một đáp án đủ độ tin cậy tối thiểu. Nhưng văn bản đích thực sấm Trạng Trình đâu?" [227, tr. 428], và nhận xét về trình độ nhận thức phương kĩ: "Do quá lâu quen xử sự với các tri thức về triết học phương Đông theo lối giản dị là gạt đi hay lãng ra, giới trí thức chúng ta hiện thời có hiểu biết quá ít và không đáng tự tin về những tri thức phương kỹ và cơ chế của trí thuật truyền thống, nên cũng khó nói rằng niềm tự tin về khả năng đó ở Nguyễn Bỉnh Khiêm là đáng đến mức nào" [227, tr. 432]. Lê Thu Yến trong *Thế giới tâm linh trong sáng tác Nguyễn Du* năm 2005 đã nhận định nguồn cội của dự báo là xuất phát từ tâm lí, sở thích của người Việt: "Người dân Việt thích bói toán, dù thiên cơ bất khả lậu nhưng họ vẫn muốn biết trước số phận của mình. Khi có những điều sợ hãi in dấu trong cuộc sống của ai đó thì điều ấy cũng sẽ thường xuyên trở lại trong những giấc chiêm bao của họ" [230, tr. 30].

Nhắc đến dự báo khi nghiên cứu các thể loại văn xuôi tự sự: Đây là hướng nghiên cứu "giàu có" nhất về CPTDB. Các tác giả *Văn học Việt Nam thế kỉ X nửa đầu thế kỉ XVIII* (Tập 1) (1978) trong phần *Văn tự sự, Truyện kí đời Trần* đã nhận xét và liệt kê một số CPTDB trong *VĐULT* và *ĐVSKTT*: Tuy tác giả trung đại không đặc biệt chú ý đến những tài liệu dã sử và truyền thuyết dân gian như Ngô Sĩ Liên sau này nhưng vì viết trong không khí tư tưởng đời Trần, khi mà ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo khá mạnh, cho nên tác giả kể lại nhiều sự việc hoang đường quái đản như truyện rồng và kì lân xuất hiện, chim sẻ trắng về chầu, trâu trèo cây muỗm, rùa sáu mắt sáu chân, cau chín buồng, lúa chín bông; sự tích thiền sư Vạn Hạnh kể rằng thiền sư giúp Lý Công Uẩn lên ngôi vua… Những sự việc ấy được kể lại với chi tiết hoang đường. Thí dụ như các điềm lạ được báo trước qua việc sét đánh thành chữ ở vỏ cây gạo, sâu ăn thành chữ ở vỏ cây đa, lông chó trắng có vết chữ "thiên tử", và việc thiền sư đã đặt ra những lời phù sấm về sau có ứng nghiệm, v.v… Những chi tiết hoang đường như thế thường gặp ở nhiều sự tích, đặc biệt là ở các thiền sư Giác Hải, thiền sư Không Lộ, thiền sư Từ Đạo Hạnh [83, tr. 196]. B.L.Riftin từ những năm 1992 đã có bài viết *Sự ra đời và phát triển của tiểu thuyết cổ điển Việt Nam* (được Phạm Tú Châu dịch, đăng trong Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 11, năm 2012), khi bàn về tiểu thuyết cổ điển Việt Nam đã nhận xét về những yếu tố tư tưởng ảnh hưởng đến thể loại này bao gồm tín ngưỡng dân gian, Phật giáo, Nho giáo đã nhắc đến dự báo qua đồng dao (tiên tri), điềm báo: "Theo truyền thống Nho gia, Trời thông qua loại đồng dao như thế để báo trước điềm gì đó hoặc cảnh báo kẻ thống trị" [147, tr. 88]. Trần Nghĩa trong bài tổng quan giới thiệu bộ *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam* (1997) trong khi phân tích các luồng tư tưởng, triết lý, tôn giáo ảnh hưởng trực tiếp đến thể loại tiểu thuyết chữ Hán đã nhắc đến phương thức dự báo như phong thuỷ, bói toán: "Tư tưởng phong thủy, vu bốc cũng được phản ánh trong nhiều tiểu thuyết, mà những chuyện về "để mả" trong *Công dư tiệp kí* (*CDTK*) và "bói toán" trong

Cổ quái bốc sư truyện có thể xem là các ví dụ điển hình" [113, tr. 37]. Nguyễn Đăng Na trong bài *Tiểu thuyết chương hồi Việt Nam thời trung đại - Quá trình hình thành phát triển và đặc trưng thể loại* đã nhận xét về miêu tả nhân vật đề cập đến tướng thuật trong công thức miêu tả nhân vật: "Trong văn học phương Đông, diện mạo nhân vật thường được quy vào một số công thức. Chẳng hạn "mặt rồng mũi cao", "mắt sáng như sao", "tiếng nói như chuông"… khái quát hoá cao độ diện mạo nhân vật thành những tín hiệu thẩm mĩ cho từng hạng người mà bất cứ ai cầm bút đều phải tuân thủ. Các tín hiệu tượng trưng hạc, rồng, lân, phượng chỉ dùng để nói về bậc đế vương" [109, tr. 83]. Trần Đình Sử trong bài *Tác phẩm văn xuôi tự sự lịch sử* (*Tuyển tập*, tập 2), nghiên cứu chân dung nhân vật từ văn hoá thần bí, tô tem nguyên thuỷ đã rút ra những kết luận đáng chú ý liên quan đến dự báo qua tướng thuật: "Chân dung con người thường được khắc hoạ khuôn sáo nhưng lại mang kí hiệu của một quan niệm văn hoá thần bí lâu đời… Các dấu hiệu về rồng, hổ, lân, báo… đánh dấu nguồn tô tem nguyên thuỷ, được tập hợp lại như sự chung đúc linh thiêng của đất trời" [160, tr. 74 - 75]. Để lí giải cho quan niệm nghệ thuật về con người, con người vũ trụ tác giả cũng đứng trên khía cạnh văn hoá: "Những con người ấy lại rất tin mệnh trời, tin thổ thần. Biết bao bài sấm kí, sấm ngôn được lưu truyền trong dân gian được coi như thông điệp dự báo của thiên mệnh, một hiện tượng nổi bật của thời này… Điều này chứng tỏ niềm tin trời, tin Thượng đế, thổ thần rất sâu sắc, song song với tin Phật, tin Lão, tin Nho. Có thể nói Nho - Phật - Đạo trên tâm thức dân gian đã kết hợp với niềm tin trời, tin quỷ thần" [160, tr. 764]. Trần Đình Sử khi phân tích kiểu truyện thần linh, quái dị, truyện thiền sư đã dẫn ra phân tích *Lĩnh Nam chích quái liệt* truyện các motif truyện như hiểu lầm, báo trước, nằm mộng ứng nghiệm, đánh lừa, hoá phép… có tác dụng tăng tính hấp dẫn cho tác phẩm [159, tr. 588]. Vũ Thanh trong bài *Những biến đổi của yếu tố kỳ và thực trong truyện truyền kỳ Việt Nam* (1994) đã phân tích, bàn luận về mối quan hệ, những biến đổi của yếu tố kỳ và thực trong truyện truyền kì, khẳng định yếu tố "kỳ" là một đặc trưng của thể loại: "Trong truyện truyền kì, các tác giả sử dụng yếu tố "kỳ" không chỉ với chức năng là vỏ bọc che dấu dụng ý sâu xa của nhà văn mà còn với tư cách một bút pháp nghệ thuật mang tính đặc trưng của thể loại. Tác giả phản ánh hiện thực qua cái kỳ lạ" [164, tr. 25]. Tác giả cũng nhấn mạnh vai trò của cái "kỳ" trong việc phản ánh hiện thực: "Trong quá trình hình thành và phát triển của truyện ngắn trung đại Việt Nam, các nhà văn đặc biệt là tác giả của *Thánh Tông di thảo* và *TKML* đã rất có ý thức trong việc phản ánh những chuyện kì lạ cũng như trong việc sử dụng cái kỳ như một hạt nhân tự sự và một bút pháp nghệ thuật để chuyển tải một cách hình tượng những tư tưởng của mình. Cái kỳ không phải là cái được bổ sung thêm hay phải gạt bỏ đi để thấy được giá trị hiện thực của tác phẩm như một số nhà nghiên cứu khẳng định" [164, tr. 25 - 26]. Như vậy, những yếu tố hoang đường, kì ảo, huyễn hoặc, kì bí theo tác giả là một bút pháp nghệ thuật của nhà văn để phản ánh hiện thực và truyền tải tư tưởng. Ý kiến trên tuy không bàn trực tiếp đến dự báo nhưng có giá trị gợi mở nhiều suy ngẫm cho chúng tôi để

vận dụng vào nghiên cứu. Bóc tách ra những yếu tố huyền học, tâm linh, dự báo cũng là một cách để các tác giả trung đại phản ánh những hiện thực cuộc sống đương thời như thi cử đỗ đạt, thay đổi vương triều, hiện thực cuộc sống… Đinh Phan Cẩm Vân trong *Cái kỳ trong tiểu thuyết truyền kỳ*, Tạp chí *Văn học* số 10 năm 2000 cũng quan tâm đến thể loại truyện truyền kì, trong đó, mộng đóng góp một vai trò đặc biệt trong thi pháp thể loại: "Thế giới trong mộng là một môtip thường gặp trong văn học cổ… Mộng mị giúp nhân vật nếm trải những điều không xảy ra trong thực tế từ đó để hiểu cái hư thực của đời người. Không gian giấc mộng làm tăng thêm màu sắc huyền ảo cho truyền kỳ" [218, tr. 49 - 50]. Trần Nho Thìn trong công trình *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa* năm 2008 đã có bài viết *Thi pháp truyện ngắn trung đại Việt Nam* công trình này có nhiều gợi dẫn quan trọng và liên quan trực tiếp đến đề tài chúng tôi đang triển khai. Tác giả đã viết rất sâu về vấn đề phong thuỷ trong văn học trung đại và dùng yếu tố này để làm sáng rõ cho kiểu nhân vật thánh nhân: "Nguồn gốc vũ trụ của nhân vật lịch sử, một danh nhân nhiều khi gắn liền với thuật phong thủy... Những mô típ có vẻ huyền hoặc đối với người hiện đại rất được các tác giả trung đại ưa thích sử dụng để nêu lên tính chất phi thường, tính chất vũ trụ của một nhân vật lịch sử và chúng có hiệu quả kích thích trí tò mò rõ rệt" [179, tr. 154 - 155]. Tác giả giải thích nhân cách cao quý của các đấng bậc được xem là sản phẩm có sẵn của trời - đất, là sự kết tinh tất cả những gì tốt đẹp nhất trong vũ trụ. Do đó, trong sáng tác văn học khá phổ biến các motif về những dị nhân, kì nhân sinh ra đã có những đặc điểm của một loại sản phẩm có sẵn ấy: "thụ thai thần kì (dòng dõi của thần nhân), sự ra đời được đánh dấu bằng hàng loạt dấu hiệu phi thường về hình thể (trên thân thể có nhiều nốt ruồi, tướng mạo đặc biệt - chẳng hạn chân tay có độ dài khác thường…), các điềm tự nhiên báo hiệu thiên tài ra đời (tiếng nhã nhạc vang lừng, chim phượng hoàng xuất hiện, mây ngũ sắc vây phủ mái nhà, mùi hương thơm ngào ngạt)… Nói khác đi, đây là thủ pháp kĩ thuật mô tả nhân vật lí tưởng dựa trên quan niệm về cội nguồn vũ trụ của nó" [179, tr. 32]. Đào Ly Na trong bài *Thi pháp truyện truyền kì trong văn học Việt Nam giai đoạn hậu kì trung đại* (2014) có chỉ ra các motif xuất hiện trong truyện truyền kỳ giai đoạn hậu kỳ trung đại liên quan trực tiếp đến dự báo là: motif tiên đoán trước sự việc và phong thủy tốt làm nên công danh. Hai motif này chủ yếu xuất hiện trong loại truyện viết về danh nhân [110, tr. 10]. Nguyễn Thị Kim Ngân trong luận án Tiến sĩ *Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết nhìn từ góc độ dịch chuyển không gian trong truyện cổ tích và truyện truyền kì Việt Nam* năm 2014 cũng có những ý kiến đáng quan tâm về dự báo qua không gian giấc mơ: "Thông dụng nhất trong nội dung của chuyến đi kỳ ảo đến thế giới giấc mơ là thông điệp của tương lai đến từ người thân đã khuất… Giấc mơ trong truyện truyền kì trung đại là lời tiên tri và ẩn dụ, dự đoán tương lai và do đó tiết lộ sự đổi thay của số phận nhân vật" [112, tr. 122 - 123]. Nguyễn Phong Nam trong chuyên khảo *Truyện truyền kì Việt Nam, Đặc điểm hình thái - Văn hoá và lịch sử*, phần *Diện mạo "thần" - "nhân" truyền kì Việt*, cho rằng những yếu tố khác thường như dị hình,

dị tướng, điềm lạ, mộng triệu, tiên tri... là một sự hợp thức hoá huyền thoại nhân vật, đưa họ lên "đài tưởng niệm" một cách hợp lí nhất [111, tr. 162]. Đỗ Thị Mỹ Phương (2015) trong bài *Nhân vật mang màu sắc kì ảo trong truyện truyền kì Việt Nam trung đại* phân tích nhóm nhân vật kì ảo đóng vai trò trung gian, kết nối con người với thế giới ảo, tác giả đã đề cập đến chức năng dự báo của nhóm này: "Các Đạo sĩ, thầy tu, thầy số, thầy tướng… Họ có tài năng và phép thuật nhưng dừng lại ở việc chỉ cho người ta thấy những điều sắp xảy ra trong tương lai và cách thức hoá giải, phòng tránh. Đây giống như một hình thức tiên tri, dự báo số phận. Cũng có thể họ giúp nhân vật chính soi tỏ quá khứ, hiểu rõ tiền kiếp để từ đó nhận thức được sự tồn tại của mình giữa cuộc đời [135, tr. 90]. Như thế, có thể thấy khi nghiên cứu về thể loại văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam, các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra yếu tố, chi tiết, phương thức dự báo trong thể loại này. CPTDB được các nhà nghiên cứu chỉ ra là: tướng thuật, phong thuỷ, điềm triệu… CPTDB đã góp phần quan trọng làm nên giá trị của VXTSTĐVN cả về nội dung và hình thức thể hiện. Trong đó, phần nội dung các nhà nghiên cứu chú ý nội dung tư tưởng, văn hoá còn nghệ thuật thì chủ yếu là nghệ thuật xây dựng nhân vật và sử dụng yếu tố kì ảo.

Nhắc đến dự báo khi nghiên cứu lịch sử văn học (giai đoạn, thời đại): Trần Ngọc Vương trong bài *Mẫu hình Hoàng đế và con đường tìm kiếm sự thể hiện bản ngã trong triết học và văn học khu vực Đông Á* đã có những gợi ý cho chúng tôi về mẫu hình Hoàng đế: "Về mặt lí thuyết, cả nhà Nho lẫn Hoàng đế đều chấp nhận "ý dân là ý trời", luôn luôn phải quan tâm đến dư luận, đến ca dao, đồng dao, sấm ngữ… Cơ chế tiếp thu "dân nguyện" thực ra cũng rất đơn giản và chiếu lệ… nhưng mối đe doạ tiềm tàng... "làm lật thuyền mới biết sức dân như nước" thì luôn luôn được nhà cầm quyền ít nhiều sáng suốt ghi nhận và lặp đi lặp lại" [225, tr. 60 - 61]. Trần Đình Sử trong *Tuyển tập*, tập 1, quan tâm đến các motif trong văn học trung đại, nhiều trong số đó liên quan trực tiếp đến dự báo đã tạo nên sự kì thú, hấp dẫn cho tác phẩm [159, tr. 588] và trong truyền kỳ, ông đã nhấn mạnh: "Nhiều chuyện đóng khung trong một giấc mơ, một kỳ ngộ, một cuộc trò chuyện" [159, tr. 593]. Nguyễn Đăng Na trong bài *Văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại những bước đi lịch sử* (2001), đã chỉ ra ở bước thứ nhất, thế kỷ X - XIV, thế kỉ lấy văn học dân gian và văn học chức năng làm cơ sở thì về nghệ thuật, xuất hiện các motif dự báo như "thụ thai thần kỳ" (ướm vết chân, bước qua người, mặt trăng rơi vào bụng), "ra đời thần kì" (đẻ ra trứng, ánh sáng lạ, hương thơm ngào ngạt), "xuống thuỷ phủ", "lên trời", "diệt yêu quái" là cơ sở cho loại hình truyện ở các giai đoạn tiếp theo, nhất là loại "truyền kì" [105, tr. 18].

Nghiên cứu hiện tượng dự báo trong VXTSTĐVN thời trung đại một cách chuyên biệt: Theo tìm hiểu của chúng tôi, hầu như chưa có những công trình, chuyên khảo nào nghiên cứu đặc điểm của dự báo hoặc một hình thức dự báo cụ thể chuyên sâu trong VXTSTĐVN. Dẫu vậy, có thê liệt kê sau đây một vài bài viết của tác giả Lê Thu Yến khi

nghiên cứu về văn hoá trong văn học đã lấy dự báo làm đối tượng khảo sát. Tác giả có các bài viết tiêu biểu như: *Phép thuật, bói toán, phong thủy - Niềm tin tâm linh trong văn học trung đại* (2012) đã đề cập đến các hình thức người Việt sử dụng khi muốn đoán tương lai: "Trước một linh cảm hay một hiện tượng lạ thường, người ta cũng dựa vào bói toán, xem đấy là phương thức giúp con người hiểu được ý trời... bói toán là để người ta hỏi quá khứ, biết trước tương lai. Mọi việc lớn nhỏ trong đời sống đều có thể đoán biết bằng nhiều hình thức khác nhau. Bói *Kinh Dịch* (hay bói Dịch), với việc lập quẻ dựa vào cách gieo đồng xu (lắc hào), xem mai rùa, sắp các cọng cỏ thi, bấm độn... Có lúc quá khứ, tương lai được thần linh trực tiếp chỉ dẫn cho người trần thông qua việc nhập đồng" [231, tr. 5]. Ở bài viết *Mộng - Niềm tin tâm linh trong văn học trung đại* (2012), Lê Thu Yến và Đàm Anh Thư đã có những kết luận sâu sắc, khái quát: "Những giấc mộng, điềm báo, sự linh ứng của việc cầu mộng, khả năng thông linh của người trần với thế giới siêu trần có thật hay không, khoa học cũng như con người ngày nay có xu hướng phủ nhận. Nhưng trong tư duy của người xưa, đó vẫn luôn là những điều thiêng liêng huyền bí mà sự lí giải của nó thật khó đạt được sự đồng thuận. Chỉ biết rằng ở đó luôn có niềm tin vào lẽ huyền nhiệm bí ẩn của thần linh, lẽ thâm diệu cao xa của trời đất" [233]. Trong bài *Giá trị hiện thực của yếu tố tâm linh trong văn học trung đại* (2014), Lê Thu Yến phân tích về các yếu tố tâm linh trong văn học trung đại, trong đó chỉ ra nhiều phương thức dự báo: "Các yếu tố tâm linh trong văn học trung đại bao gồm: Trời Phật, thần, tiên, cầu cúng, khấn vái, hồn ma, hóa kiếp, phép thuật, tướng số, bói toán, phong thủy, điềm báo, báo ứng, mộng… Đây là những yếu tố thuộc thế giới tâm linh hiện diện như một thế tất yếu trong văn học trung đại mà khi nghiên cứu chúng ta không thể bỏ qua, không thể không chú ý" [232, tr. 4]. Từ nhận xét khái quát này, tác giả phân tích một số hiện tượng tiêu biểu như: "Những điềm báo, giấc chiêm bao, bói toán, xem tướng số, chọn ngày, phong thủy… Đây là một thực tế mà các tác phẩm đã phản ánh một cách rõ nét" [232, tr. 11 - 12]. Đáng tiếc, những công trình chuyên biệt như thế quá hiếm hoi.

Điểm lại những công trình nghiên cứu ta thấy có mấy xu hướng chính sau: Thứ nhất, xem dự báo như là một trong những biểu hiện những yếu tố kì ảo, qua đó giúp nhà văn truyền tải thế giới quan và phản ánh hiện thực; thứ hai, nghiên cứu dự báo từ văn hoá tâm linh người Việt; thứ ba, nghiên cứu dự báo dưới góc nhìn thi pháp học. Trong CPTDB thì dự báo qua *mộng* được nhiều nhà nghiên cứu như Lê Thu Yến, Đinh Phan Cẩm Vân, Trần Đình Sử, Nguyễn Hữu Sơn, Vũ Thanh, Đỗ Thị Mỹ Phương, Nguyễn Thị Kim Ngân, … quan tâm nhất. Sau phương thức mộng thì dự báo qua *phong thuỷ* cũng tập trung được nhiều công trình của các nhà nghiên cứu như: B. Riftin, Phạm Tú Châu, Trần Nghĩa, Lê Thu Yến, Trần Nho Thìn, Đào Ly Na… Ngoài dự báo qua mộng và phong thuỷ, dự báo qua *điềm triệu và tiếp xúc với thế giới siêu nhiên* cũng được đề cập trong khá nhiều các bài nghiên cứu của các học giả như: Trần Đình Sử, Lê Thu Yến, Nguyễn Hữu Sơn… Bên cạnh đó, dự báo qua *tướng số* tuy xuất hiện còn khá ít, qua một số bài viết của các tác giả Riftin, Trần Đình Sử,

Trần Nho Thìn, Nguyễn Đăng Na… nhưng những công trình này có nhiều kiến giải và phát hiện mới mẻ trong nghệ thuật xây dựng nhân vật. Những phương thức dự báo khác như: *Kinh Dịch, thái ất, lục nhâm, độn giáp*… hầu như chưa được các nhà nghiên cứu để ý.

Những công trình trên đã giải quyết được các vấn đề sau: Thứ nhất, trong VXTSTĐVN các nhà văn đã tiếp thu những yếu tố trên chủ yếu qua văn học dân gian và họ có ý thức sử dụng khá đa dạng các kiểu loại dự báo; thứ hai, về mặt nội dung, dự báo phần nào phản ánh đời sống văn hoá tinh thần của người Việt; cuối cùng, về mặt nghệ thuật, các công trình nghiên cứu cũng đã chỉ ra các nhà văn trung đại kế thừa các motif dự báo từ văn học dân gian, họ cũng vừa kế thừa vừa sáng tạo nên kiểu nhân vật được dự báo và có chức năng dự báo. Như vậy, còn rất nhiều vấn đề cần giải quyết như cơ sở, lí thuyết nền tảng cho sự xuất hiện dự báo; dự báo phản ánh tư tưởng, văn hoá thời trung đại, những vấn đề về nhân vật, không gian - thời gian nghệ thuật, ngôn ngữ, … Chúng tôi sẽ giải quyết các vấn đề trên trong các chương sau của luận án.

Tiểu kết Chương 1

Trên đây, chúng tôi đã trình bày khái quát về dự báo trên thế giới, ở Trung Quốc, Việt Nam và tình hình nghiên cứu dự báo trong VXTSTĐVN cũng như các lí thuyết mang tính chất nền tảng và chỉ dẫn của dự báo trong VXTSTĐVN cần khai thác. Dự báo là một vấn đề vô cùng phức tạp nhưng hết sức thú vị với nhiều trữ lượng thông tin và vấn đề cần được khai thác. CPTDB trong các nền văn hoá trên thế giới có sự tương đồng và khác biệt. Trung Hoa là dân tộc có nhiều hình thức dự báo đa dạng và có sự ảnh hưởng sâu sắc, mạnh mẽ đến hệ thống dự báo của các dân tộc khác, trong đó có Việt Nam. Người Việt ngoài tiếp thu CPTDB của Trung Hoa cũng có của riêng mình một số CPTDB mà tiêu biểu nhất là bói Kiều. Hệ thống CPTDB tuy phức tạp nhưng đều dựa trên một số lí thuyết nền tảng như âm dương, ngũ hành, thiên can địa chi, thống nhất thông tin vũ trụ (thiên nhân hợp nhất) và ma thuật vi lượng. Chúng có vai trò cung cấp chìa khoá giúp chúng ta hiểu được chính xác các biểu hiện và kết quả của dự báo trong tác phẩm. Các nhà nghiên cứu trong các công trình của mình phần nào đã giải quyết được một số vấn đề về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của dự báo. Tuy nhiên, còn quá ít ỏi những công trình nghiên cứu chuyên biệt. Như vậy, những điều trình bày trong *Chương 1* có vai trò hết sức quan trọng, là cơ sở nền tảng để giải quyết các vấn đề tiếp sau.

Chương 2
CÁC TIỀN ĐỀ HÌNH THÀNH VÀ VẤN ĐỀ NHẬN DIỆN, PHÂN LOẠI DỰ BÁO TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Nghiên cứu dự báo trong VXTSTĐVN được khởi đầu bằng việc truy nguyên các cơ sở, tiền đề hình thành nên nó, bao gồm: lịch sử, xã hội, văn hoá, văn học; tiếp đến là phác hoạ ra "khuôn mặt", bức tranh của dự báo về kiểu loại, phương cách, các nhóm các chủ đề trọng tâm. Những nhiệm vụ này chúng tôi dành giải quyết trong phần *Chương 2.*

2.1. Các tiền đề hình thành dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam

2.1.1. Lịch sử, xã hội, văn hoá

2.1.1.1. Lịch sử, xã hội

Sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế cùng các tư tưởng, chính sách đi kèm là điều kiện, tiền đề hình thành dự báo trong VXTSTĐVN. *Chính quyền chuyên chế sớm nhận thấy sức mạnh của vương quyền* không chỉ ở luật pháp mà còn ở thần quyền, tâm linh. Họ ý thức hơn ai hết, sự ổn định, nền độc lập cần đến sự phục tùng, ủng hộ của dân chúng; sự bền vững, dài lâu của ngai vàng cần phải có *ý thức hệ* nối kết con người. Chủ nhân của ngôi vị vì thế, ngoài *quyền lực cứng* là sức mạnh của quân sự, luật pháp thì còn rất cần đến *quyền lực mềm* là tâm linh: "Cho nên Đinh Bộ Lĩnh dẹp tan các sứ quân thì ngoài cái uy chuồng cọp, vạc dầu còn có sự ủng hộ của tập đoàn tăng đạo" [206, tr. 110]. Theo nghiên cứu của V. Alexei, những hồi ký của các Tu sĩ Dòng Tên người Ý (Christophoro Borri và Giovanni Filippo de Marini) đã ghi chép lại việc các nhà cầm quyền Việt Nam thế kỉ XVII (cả Đàng Trong và Đàng Ngoài) *sử dụng các nhà thiên văn học và chiêm tinh học chuyên nghiệp* [1]. Những truyền thuyết, giai thoại về nguồn gốc xuất thân kì lạ, tướng lạ, sự lên ngôi tiền định, được thần phò trợ chiến thắng… được lan rộng không chỉ qua truyền miệng mà còn bằng chính sử của giai cấp thống trị không ngoài mục đích tuyên truyền tư tưởng Thiên mệnh, chống lại sự nổi loạn của dân chúng: "Việc không ngừng khẳng định nguồn gốc thiêng liêng của vương triều phong kiến, của người lãnh đạo tối cao, việc sắc phong thần cho những người có công với đất nước sau chiến thắng, việc ủng hộ ý niệm về luân kiếp, báo ứng… là cách xây dựng hào quang, uy vọng cho giai cấp thống trị, đồng thời tạo nên đường biên kiềm toả sự chống đối, nổi loạn trong nhân gian" [136, tr. 34]. Đến một giai đoạn lịch sử, đánh dấu từ triều Trần, sức mạnh của vua không chỉ dựa vào các thế lực thần thánh siêu nhiên nữa, mà chính vua là chủ nhân của các thế lực ấy: "Thần thánh được thờ trong lãnh thổ được "định biên chế" rất ngặt nghèo, "phân cấp quản lí chặt chẽ". Bộ Lễ quan trọng hàng đầu trong lục bộ (…) chuyên trách quản lí các công việc mang tính tôn giáo, ngoại giao, văn hoá phải thừa mệnh vua mà "cấp sắc" cho thần thánh các địa phương. Thần thánh nào không có "sắc" nghĩa là ngoài biên chế", thì dân không được thờ, đền miếu phải bị dỡ

bỏ, tiêu huỷ, lâu dần chỉ còn là "hồn ma bóng quỷ"" [225, tr. 54 - 55]. Việc vua phong thần thánh, sắc phong cho các thần linh, chuyện hiển linh của các thần càng chứng minh cho sức mạnh, vị thế của vua. Hiện thực đời sống tâm linh thời đại đã in đậm dấu vết trong những tác phẩm văn học trung đại, đặc biệt là văn xuôi tự sự. Có thể thấy điều này trong mục đích xuyên suốt và rốt ráo trong *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* không chỉ đơn thuần là sưu tầm, biên soạn hay bảo tồn các sáng tác dân gian, mà sâu xa hơn… đều nhằm tới việc xây dựng và củng cố quyền lực phong kiến trên hai bình diện chính "kiến tạo một ý niệm chính thống về vương quyền và độc tôn các giá trị của ý thức hệ Nho giáo (học thuyết đã từng bước chiếm lĩnh vị trí trung tâm trong đời sống chính trị, bối cảnh tư tưởng và sinh hoạt xã hội vào giai đoạn mà văn bản tác phẩm được hình thành)" [202, tr. 89]. Công việc xây dựng tự điển (thể lệ về việc thờ cúng bách thần ở các đền miếu, lai lịch hành trạng bách thần ghi chép thành thần tích, ngọc phả) một mặt thể hiện niềm tự hào chân thành về lịch sử, về đất nước, nhưng một mặt lại nhằm lấy uy thế của thần linh tăng cường cho uy thế của vương triều [217, tr. 155].

Mối quan hệ về chính trị, xã hội, văn hoá với Trung Quốc cũng là một yếu tố quan trọng hình thành dự báo. Điều đáng lưu ý là trong các chuyến đi sứ sang Trung quốc, một trong những sách vở các sứ thần nước ta chú ý tìm kiếm là sách về dự báo, mặc dầu *bị cấm*: "Trong một tài liệu đề năm 1107 có lưu ý rằng các sứ giả Việt Nam sang Trung Hoa đã cố tìm mua sách thuộc nhiều khoa học, và rằng họ được phép để mua mọi văn bản ngoại trừ các sách được xem "bị cấm đoán", tức, liên quan đến thuật bói toán, yin-yang (âm - dương), niên lịch, và số mệnh học" [1]; ở Việt Nam, đoàn cống sứ năm 1760 - 1762 do Chánh sứ Trần Huy Mật, Phó sứ Lê Quí Đôn, Trịnh Xuân Thụ dẫn đầu, khi hoàn thành nhiệm vụ trở về đã mang theo một số sách mua ở Trung Quốc, trong đó có sách về huyền học. Trần Huy Mật mua *Tử vi đẩu số, Địa lý tuyết tâm*; Lê Quí Đôn mua *Tử vi đẩu số, Mai hoa Dịch số* [19; tr. 28]. Việc đặc biệt chú ý, cố tình sưu tầm các dạng sách trên của các sứ giả nước ta, bất chấp sự cấm đoán từ phía Trung Quốc, khiến ta suy nghĩ, những dạng sách trên không đơn giản là loại sách phương kĩ đơn thuần, dự báo mang màu sắc cá nhân mà còn liên quan đến chính trị, vận nước. Sự suy luận này là có căn cứ vì người Trung Quốc trong các cuộc xâm lược nước ta đã tiêu huỷ các sách vở tài liệu khẳng định sự độc lập của nước Việt, mà một trong những tài liệu quan trọng đó liên quan đến dự báo: "Một số lượng lớn các sách trong các thư viện chính quyền Việt Nam đã bị mất vì cháy hay tịch thu bởi quân xâm lược Trung Hoa hồi cuối thế kỷ thứ 14 - đầu thế kỷ thứ 15. Nếu, theo các truyền thuyết, vụ hỏa hoạn xảy ra trong cuộc lục soát Kinh đô bởi người Chàm hồi năm 1371 đã hủy diệt bừa bãi một số không rõ các thư viện, quân xâm lăng Trung Hoa đã tịch thu theo lời cáo giác một số lượng lớn lao các quyển sách và chuyển chúng về Trung Hoa, đã nhắm, với nhiều xác suất nhất, một cách đặc biệt vào *các sách vở bị nhìn như khẳng định một cách biểu trưng sự độc lập của quốc gia Việt Nam, tức, trước tiên, các niên sử địa phương, các sách lịch, các văn*

bản thiên văn học và chiêm tinh học" [1, tr. 43]. Như vậy, những đặc điểm lịch sử, xã hội nước ta thời trung đại như: chế độ chính trị, chuyên chế tập quyền; mối quan hệ giữa Việt Nam - Trung Hoa… là một trong những cơ sở lịch sử, xã hội quan trọng hình thành nên dự báo trong VXTSTĐVN.

2.1.1.2. Văn hoá

Ảnh hưởng của tín ngưỡng văn hoá bản địa: Nếu các tôn giáo, triết học như Nho, Phật, Đạo được tiếp nhận, bứng trồng từ bên ngoài thì tín ngưỡng bản địa được người Việt nói riêng, cư dân Đông Nam Á nói chung, sáng tạo nên trong quá trình sinh sống, lao động sản xuất, kết tinh từ đời sống vật chất và tinh thần của họ. Nguồn gốc của tín ngưỡng bản địa không chỉ dựa trên điều kiện địa lí tự nhiên mà còn gắn với cuộc sống lao động sản xất lúa nước. Đặc trưng cơ bản nhất của tín ngưỡng văn hoá bản địa là tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái linh hồn… Điểm chung của chúng là đều xuất phát từ quan niệm vạn vật hữu linh. *Tín ngưỡng thờ nhiên thần (thờ thần tự nhiên)* là điều tất yếu của cư dân Đông Nam Á vì cuộc sống sinh hoạt và lao động sản xuất nông nghiệp của họ phụ thuộc rất lớn vào điều kiện thời tiết. Trong tư duy của cư dân nông nghiệp, họ xem trời, đất, nước và các hiện tượng tự nhiên mây, mưa, sấm chớp… là những vị thần với sức mạnh siêu nhiên ảnh hưởng, chi phối, định đoạt cuộc sống con người dẫn đến việc họ nhân thần, thần hoá các hiện tượng tự nhiên và thờ phụng, cúng bái như thờ Tứ pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện), Mẫu Tứ phủ (Mẫu Thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thoải, Mẫu Thượng Ngàn). Khác với các cư dân văn hoá gốc du mục tôn thờ những con vật thảo nguyên như chó sói, đại bàng…, cư dân Việt thờ chủ yếu là các loài vật vùng sông nước, rừng núi như chim, rắn, cá sấu, "nhất điểu, nhì xà, tam ngư, tứ tượng" và đã nâng các con vật này lên thành biểu tượng Tiên Rồng, thể hiện qua truyền thuyết về thời Hồng Bàng. Ý thức về nòi giống Tiên Rồng thể hiện niềm tự hào của người Việt về nguồn gốc xuất thân của mình. Trong các con vật thì rồng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Hình tượng rồng từ dân gian đi vào trong văn học thường gắn với những sự kiện quan trọng của dân tộc, hoặc những chuyện liên quan đến người đứng đầu đất nước. Bên cạnh đó, xuất phát từ quan niệm vạn vật hữu linh nên các cây cối, đặc biệt là các cây cổ thụ sống lâu năm (cây thị, cây đa, cây đề…) được trồng nơi đền, chùa miếu đều có thể thành tinh, có hồn riêng, hoặc được các thế lực thần ma trú ngụ. Các con vật, cây cối không chỉ tồn tại bình thường mà có linh hồn, sức mạnh, có thể tác động đến cuộc sống con người. Cũng từ suy nghĩ đó, dần dần con người tập và hình thành thói quen quan sát các hiện tượng tự nhiên để điều chỉnh cuộc sống của mình. Họ không chỉ tích lũy được một kho kinh nghiệm hết sức phong phú để sinh hoạt, cấy trồng (kiểu như: *Quạ tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa*; *Được mùa cau thì đau mùa lúa/ Được mùa lúa thì úa mùa cau*) mà còn quan sát những điềm trời để biết hoạ phúc cá nhân và cộng đồng. Đây là một trong những tiền đề gốc rễ hình thành nên dự báo trong nền văn hoá Việt Nam.

Tín ngưỡng thờ đa thần không chỉ thể hiện ở hệ thống thần tự nhiên mà còn thể hiện qua hệ thống nhân thần mở rộng phạm vi từ không gian gia đình đến dân tộc gồm tổ tiên, thổ công, thành hoàng làng, các anh hùng dân tộc. Trong đó, thờ cúng tổ tiên và thờ các anh hùng dân tộc đặc biệt quan trọng. Cơ sở của tín ngưỡng trên bắt nguồn từ quan niệm vạn vật hữu linh. Cư dân Đông Nam Á cho rằng, mỗi con người sinh ra đều có một nhóm hồn, ma nhất định. Nếu hồn thoát khỏi xác thì con người sẽ chết, nhưng chết không có nghĩa là kết thúc. Hồn sẽ trở về với tổ tiên, ông bà và vẫn có thể tác động trực tiếp đến đời sống con người dương gian. Đây là cơ sở của lòng tin vào linh hồn, vào hiện tượng âm phù hình thành nên tín ngưỡng thờ cúng vong hồn người chết. Thờ cúng người đã mất là một nét văn hoá đặc trưng trong tín ngưỡng của nhiều dân tộc, đặc biệt là vùng Đông Nam Á. Ở nước ta, thờ cúng tổ tiên là một trong những nét đẹp của văn hoá truyền thống. Xuất phát từ nền kinh tế tiểu nông tự cung tự cấp, người Việt chủ yếu sống theo làng xã và hạt nhân cơ bản là hộ gia đình. Đây là mối liên kết các thành viên lại với nhau. Ý thức được công lao to lớn của cha mẹ "bằng trời, bằng bể" nên trong đạo lí truyền thống người Việt, khi cha mẹ còn sống thì phụng dưỡng, khi mất thì phụng thờ. Hầu hết, các gia đình người Việt đều có bàn thờ tổ tiên, đây là hình thức thờ cúng bản địa sơ khai, mộc mạc nhất. Thờ cúng tổ tiên vừa rất thiêng liêng vừa rất bình dị, giàu tính thực tiễn ở chỗ, một mặt, nó thể hiện ý thức nguồn cội: "Chim có tổ, người có tông", giáo dục truyền thống cho thế hệ sau, một mặt khác, thể hiện sự mong cầu người đã khuất phù hộ, mang lại phúc lộc cho con cháu. Đặc biệt, trong quan niệm tâm linh người trung đại (và đến tận ngày nay) người ta vẫn tin rằng, ông bà cha mẹ vẫn hiển linh để báo trước những cát/ hung, rủi/ may trong cuộc sống cho con cháu. Đây là một trong những cơ sở nền tảng quan trọng cho dự báo phát sinh và tồn tại. Thờ cúng các anh hùng lịch sử - văn hoá có nguồn gốc từ quá trình dựng nước và giữ nước của người Việt Nam suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Công lao của những anh hùng hào kiệt "Sống khôn, thác thiêng" luôn được đất nước, nhân dân ghi nhớ bằng cách lập rất nhiều đền thờ ngàn năm hương lửa. Thờ anh hùng lịch sử trong tín ngưỡng Việt mang nội dung văn hoá lịch sử sâu sắc. Đó là thứ chủ nghĩa yêu nước được linh thiêng hoá, tâm lí hoá. Thiêng hoá, thần hoá các anh hùng vừa làm sâu sắc thêm đạo lý uống nước nhớ nguồn vừa thể hiện sự tôn kính trọng vọng hiền tài nhân kiệt của dân tộc. Điều đó tạo nên màu sắc riêng cho thiên nhiên, lịch sử Việt Nam: "Một thiên nhiên lấy sơn thuỷ làm môi trường chính, còn một lịch sử lấy lòng yêu nước, thậm chí uống nước nhớ nguồn, tinh thần chống ngoại xâm làm cốt lõi" [183, tr. 111]. Trong tâm thức nhân dân, một trong những biểu hiện thể hiện sự phò trợ của các đấng anh hùng linh thiêng đó là họ vẫn tiếp tục âm phù, báo trước cho hoạ phúc nhân gian, cho cộng đồng. Đây là một trong những cơ sở quan trọng hình thành dự báo trong văn hoá Việt Nam. Điều này cũng được các nhà văn trung đại khai thác thành các motif âm phù báo mộng giúp vua dẹp giặc, chọn nhân tài, báo về hoạ phúc cộng đồng.

Như vậy, nguồn gốc văn hoá nông nghiệp trồng lúa nước với sự sùng bái tự nhiên và con người mà tư tưởng chủ đạo chi phối là vạn vật hữu linh và thuyết mộng hồn là một trong những tiền đề quan trọng hình thành dự báo trong văn hoá và văn học.

Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng Nho, Phật, Lão: Là một bộ phận của văn hóa trung đại, văn học trung đại không nằm ngoài qui luật chung chịu ảnh hưởng của các hệ tư tưởng, tôn giáo Nho - Phật - Đạo trong quá trình phát triển: "Tư tưởng kinh điển tôn giáo đã cung cấp cảm hứng, đề tài, chủ đề và gợi ý các thể loại văn học trung đại" [159, tr. 400]. Các tôn giáo và học thuyết Phật, Nho, Đạo đã ảnh hưởng và tạo nên những nét đặc thù trong quan niệm của người trung đại về bản chất vũ trụ, không gian và thời gian, thiên nhiên, con người. Những điều trên có quan hệ đến việc hình thành những đặc trưng về nội dung và hình thức nghệ thuật của văn chương trung đại. Muốn lí giải những vấn đề thuộc về bản chất, cái hay cái đẹp của tác phẩm văn chương thời trung đại, tất yếu phải dựa trên những quan niệm nghệ thuật đặc thù về thế giới con người thời bấy giờ. Trên nền văn hoá tín ngưỡng bản địa đậm màu sắc Đông Nam Á, sự tiếp nhận tư tưởng Nho - Phật - Đạo càng làm cho văn hoá Việt Nam thêm đa dạng và phong phú. Đây cũng là một trong những tiền đề quan trọng hình thành nên dự báo trong văn hoá và văn học.

Về mặt lịch sử mà xét thì không thể xem *Nho giáo* là nguồn gốc sinh ra dự báo. Lập trường triết học của Khổng Tử là bất khả tri với "linh hồn giáo cổ đại". Thái độ bất khả tri này được khẳng định rõ ràng ở Tuân Tử, là người thừa kế mặt duy vật của Khổng Tử. Tuy vậy, chúng ta không thể phủ nhận sự tác động, ảnh hưởng của Nho giáo đến dự báo. Nho giáo thời Hán với sự xuất hiện của Đổng Trọng Thư đã đưa học thuyết này sang một hướng khác, không nặng về duy lí như trước mà có phần duy tâm. Trong *Xuân thu phồn lộ*, ông đã xiển dương thuyết "Thiên nhân tương dữ". Như vậy, nếu Nho giáo thời Tiên Tần duy lí, ít tính chất thần bí thì đến Hán Nho, tính chất này được tăng lên qua Đổng Trọng Thư. Một trong những vấn đề quan trọng trong đó là nói đến vua và mệnh trời. Trời đặt ra cho xã hội loài người một quyền lực tối cao để thay trời hành đạo. Trời có thể thưởng phạt, khen chê thiên tử: "Khi thiên tử chịu mệnh trời hoặc có công đức thì trời sẽ xuất hiện những điềm lành biểu thị sự chúc mừng hoặc tán thưởng. Trái lại, nhà vua không có đức không sửa sang chính sự để cho đất nước suy yếu, nhân dân oán sầu thì trời sẽ biểu hiện sự không đồng tình hoặc trừng phạt bằng các hiện tượng tự nhiên như động đất, nhật thực, nguyệt thực, bão tố" [139, tr. 106]. Theo ông, con người phải thông qua các hiện tượng tự nhiên để hiểu được ý trời, mệnh trời. Sự biến thiên của tự nhiên luôn tuân theo những quy luật khách quan, tuy nhiên, với nhà Nho thì họ lại nhìn sự thay đổi của xã hội, sự thịnh vượng suy yếu mà gán ghép giải thích các hiện tượng tự nhiên để chứng minh các hoạt động của con người hợp ý trời. Quan niệm thiên nhân cảm ứng tương đối phổ biến ở Việt Nam thời trung đại.

Phật giáo là một tôn giáo trí tín, tất cả giáo lý Phật giáo đều có mục đích chung là nhằm khai mở trí tuệ của chúng sinh, giúp đỡ họ nhận thức đúng bản chất của thực tướng, từ đó đi đến giải quyết các phiền não khổ đau, đạt được giải thoát tự tại nên không thể mê tín dị đoan. Tuy nhiên, dần dần, trong quá trình hoằng dương Phật pháp, các tăng ni (nhằm mục đích thâm nhập vào đời sống người dân) đã nghiên cứu thêm các sách vở có liên quan đến dự báo để giúp chúng sinh, và phần nào cũng qua đó mà tuyên truyền, giáo hoá về Phật pháp. Đây là một bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển của dự báo. Mặt khác, Phật giáo lúc xâm nhập vào Việt Nam chịu sự chi phối của văn hoá tín ngưỡng bản địa và một mặt nào đó là sự hoà trộn với Đạo giáo đã góp phần làm nền tảng cho sự ra đời của dự báo: "Bên cạnh tư tưởng giải thoát bằng tâm linh thực nghiệm, chúng ta thấy trà trộn tư tưởng Dịch học có tinh thần ma thuật tướng số, pháp thuật thần thông hay tiên tri sấm kí là khuynh hướng rất thực tiễn, có hoài vọng chiếm đoạt huyền năng tạo hoá để phụng sự cho nền thịnh vượng quốc gia" (Nguyễn Đăng Thục) (dẫn theo Trần Nho Thìn) [181, tr. 161]. Nguyên nhân là người Việt trước khi tiếp thu Phật giáo đã tiếp thu tinh thần văn hoá Bà la môn, Veda của người Chăm. Về bản chất và hình thức biểu hiện, văn hoá Bà la môn có khuynh hướng thần tiên, thiên nhiên và lễ nghi cầu đảo hơn là thuần tuý luân lí và siêu hình. Vì thế, khi đến nước ta, Phật giáo Mật tông, Thiền tông rất phát triển và dễ dàng hoà hợp với văn hoá nước ta hơn các tôn giáo, tín ngưỡng khác. Nguyễn Đăng Thục đã lí giải điều này như sau: "Phép thiền định nhằm mục tiêu tập trung tinh thần tư tưởng, tất cả sinh lực tâm linh kể từ sinh lí trở nên thành nhân diện, nhân thần. Khi tâm lực đã chuyên nhất, trí đã mở sáng thì người ta có thể mở ra nhiều năng lực siêu phàm mới lạ mà nhà tu luyện gọi là thần thông… Pháp thuật ấy gần với pháp thuật của Đạo giáo luyện khí, luyện đan để cầu trường sinh cửu thị ở đời này. Bởi vậy mà hai phái Đạo giáo và Thiền tông có thể hỗn hợp với nhau được. Xét thế ta khỏi thấy làm lạ các nhà sư sãi tu đạo Phật ở chùa mà cũng cúng cấp, cầu đảo, yểm bùa, thần chú, chài ngải" (Dẫn theo Trần Nho Thìn) [181, tr. 210 - 211]. Bên cạnh đó, học thuyết về kiếp, về cuộc sống sau cái chết và vấn đề tái sinh của Phật đã mở ra cho văn học trung đại một nguồn mạch tư duy hết sức phong phú.

Đạo giáo vào Việt Nam mang đầy đủ hai trường phái thần tiên và phù thuỷ. Với những những lễ hiến tế ma thuật, sùng bái phép thuật thì Đạo giáo phù thuỷ đã tìm ngay được sự tương đồng nên đã nhanh chóng thâm nhập vào lớp tín ngưỡng bản địa. Người Việt tin vào các lá bùa, thần chú chữa bệnh tà ma nên rất tin vào các thầy mo, thầy cúng, pháp sư. Khi tiếp hợp Đạo giáo, tín ngưỡng bản địa được lên khuôn, việc dùng bùa phép, đuổi tà ma càng được tin hơn. Các thuật xem bói toán, xem phong thuỷ của Đạo giáo trở nên phổ biến trong đời sống tinh thần người Việt. Trong thế giới quan tâm linh người Việt, họ tin rằng số mệnh con người là do thần linh sắp đặt, từ đó dẫn đến tâm lí muốn biết trước tương lai vì thế họ coi trọng những điều phán bảo của các Đạo nhân. Quan niệm trời đất đều có linh khí, sùng bái trời đất và kính ngưỡng tổ tiên, ông bà đã tạo điều kiện cho thuật phong

thuỷ có chỗ đứng vững vàng trong đời sống người dân. Nếu Đạo giáo phù thuỷ chủ yếu gắn với tầng lớp bình dân với những khát vọng đậm màu sắc thế tục, nhân sinh liên quan đến tài lộc, sức khoẻ, nhân duyên thì Đạo giáo thần tiên lại gắn với tầng lớp quý tộc. Tầng lớp quý tộc không vướng bận bởi gánh nặng cơm áo, họ hướng đến những khát vọng xa xôi là được trường sinh bất tử, được đến cõi Bồng Lai, tiên cảnh. Những nhân vật đắc đạo, tiên nhân là những người có tài phép, một trong những khả năng của họ là nhìn thấy tương lai con người trần gian. Triết học Lão Trang, triết học biện chứng tự nhiên, lại đặc biệt nhấn mạnh sự biến hoá qua lại giữa hai mặt đối lập, những hiện tượng pháp thuật phù phép để giúp ích cho cuộc sống. Theo đó, âm và dương, hoạ và phúc, thực và hư, nhược và cường, chân và ảo, v.v... là một loạt những cặp phạm trù có thể được nhìn dưới quan điểm biến dịch. Như vậy, bên cạnh Nho giáo, Phật giáo thì Đạo giáo là một trong những cơ sở quan trọng hình thành nên dự báo trong văn hoá và văn học Việt Nam.

Tóm lại, ảnh hưởng của tín ngưỡng bản địa với tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và con người; tư tưởng Nho, Phật, Lão với những tư tưởng, triết lí nói về thần thánh, mối quan hệ, sự tương tác của con người với tự nhiên là những nền tảng, cơ sở văn hoá quan trọng hình thành nên dự báo trong VXTSTĐVN.

2.1.2. Văn học

2.1.2.1. Nguồn mạch văn học dân gian

Văn học dân gian có vai trò quan trọng đối với nền văn học mọi dân tộc trên thế giới. Chính vì vậy mà từ thời khởi phát, nền văn học viết dân tộc ta, trong đó có văn xuôi tự sự, đã không thể không lấy các truyện kể dân gian làm nền tảng: "Mặc dù hình thành tương đối muộn nhưng nền văn học trung đại Việt Nam vẫn mang đặc điểm giống văn học viết các nước trên thế giới là bắt đầu ghi chép văn học dân gian. Đây là hình thức sớm nhất của văn học trung đại" [2, tr. 140]. Suốt mười thế kỉ, kho tàng truyện kể dân gian là "bầu sữa mẹ", là một tác nhân mạnh mẽ giúp cho văn học viết nước ta vươn mình lớn dậy thành "người khổng lồ", với vai trò: vừa góp phần vào sự hình thành các thể loại của văn xuôi tự sự; vừa giữ vai trò cơ sở tư tưởng - thẩm mĩ trong các thể loại đó. Dấu ấn của nó để lại trong văn học viết thể hiện trên nhiều khía cạnh như: cảm hứng sáng tạo, tư duy nghệ thuật, việc sử dụng các chất liệu nghệ thuật kiến tạo nội dung văn bản. Văn học dân gian là nền tảng của sự hình thành dự báo trong các tác phẩm VXTSTĐVN. Một trong những nguồn gốc cơ bản của VXTSTĐ nói chung và dự báo nói riêng là tân biên các tích cũ trong văn học dân gian. Vì thế, v*iệc sử dụng dự báo trong xây dựng tác phẩm không phải là khám phá của văn học viết mà có sự kế thừa từ truyền thống văn học dân gian.* Khảo cứu các thể loại văn học dân gian Việt Nam từ ca dao, dân ca đến truyền thuyết, thần thoại, truyện cổ tích… có thể thấy các tác giả dân gian rất quan tâm đến vấn đề dự báo. Dự báo xuất hiện trong văn học dân gian thể hiện trên nhiều khía cạnh, phương diện và được nhà nghiên cứu quan tâm. Trong văn học

dân gian, đề cập đến nhiều kiểu loại, hình thức dự báo như giấc mộng, tiên tri, điềm báo, tướng số, bói toán với các hình thức đa dạng[10]. Hầu hết các dự báo trong văn học trung đại đều khai thác lại các dự báo đã xuất hiện trong văn học dân gian, tất nhiên, khi đi vào văn học viết, dự báo xuất hiện thêm các giá trị, vai trò, ý nghĩa so với dự báo trong văn học dân gian. Giấc mơ xuất hiện nhiều lần trong các sáng tác dân gian để báo trước số mệnh nhân vật. Điềm báo cũng rất được tác giả dân gian sử dụng, nhất là những sáng tác của vùng dân tộc thiểu số. Không chỉ có hiện tượng dự báo với sự xuất hiện của nhiều phương thức dự báo mà trong văn học dân gian đã xuất hiện kiểu nhân nhân vật mang chức năng dự báo. Họ là những nhà tiên tri, những pháp sư, thầy phù thuỷ, những vị thần tiên chỉ dẫn, hoặc báo trước hoạ phúc cho nhân vật… [73, tr. 83]. Những chất liệu ấy khơi nguồn cảm hứng và được các tác giả văn học viết sử dụng kiến tạo tác phẩm trên hai phương diện chủ yếu là nội dung, tư tưởng và hình thức tổ chức nghệ thuật. *Về nội dung, tư tưởng*: Những đề tài, chủ đề được văn học dân gian khai thác như viết về những người học trò nghèo, chàng trai/ cô gái bất hạnh với những motif được thần báo mộng linh ứng, được phù trợ lên ngôi/ làm hoàng hậu, bị cướp vợ được thần linh phù trợ giúp sức tìm lại vợ, đối thoại người sống và người chết. Trong đó, những yếu tố điềm báo như mộng và điềm được tác giả dân gian khai thác. Khi đi vào văn học trung đại, các tác giả tiếp tục khai thác những yếu tố dự báo trên nhất là trong nhóm truyện viết về học hành thi cử mà tiêu biểu như *CDTK*. *Về nghệ thuật*: các tác gia trung đại học tập những cốt truyện và motif từ văn học dân gian: "Tác gia văn xuôi trung đại thường lấy cả cốt truyện lẫn motif để tổ chức, sắp xếp thành truyện" [2, tr. 141]. Những hiện tượng, phương thức dự báo đi vào trong văn học dân gian trở thành những motif văn học như: mộng báo thắng trận, mộng báo lên ngôi, điềm báo xảy ra tai hoạ…; kiểu nhân vật có chức năng dự báo như thầy bói, pháp sư, Đạo nhân - kiểu nhân vật trung gian; công thức viết về những nhân vật lịch sử có công với dân tộc là: lai lịch - tài đức - sự nghiệp - chết thần kì - hiển linh, âm phù - sắc phong. Yếu tố kì ảo sử dụng dự báo qua thần ma vốn có mạch nguồn từ văn học dân gian cũng được văn học trung đại tiếp tục khai thác.

2.1.2.2. Truyền thống dự báo trong văn học Trung Quốc

Trong nghiên cứu văn học Việt Nam, không thể chối bỏ ảnh hưởng to lớn của nền văn học Trung Quốc đối với sự ra đời và phát triển của văn học Việt Nam. Từ lâu, văn học Trung Quốc như một vườn hoa đầy hương sắc mà các nhà văn nước ta đã khai thác được nhiều mật ngọt từ nó. Sự ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đến văn học Việt Nam thể hiện ở hệ thống thể loại, các đề tài, chủ đề, bút pháp, quan niệm văn học, nhân vật trung tâm… Từ rất sớm, các nhà sử học, nhà văn Trung Quốc đã có ý thức sử dụng dự báo. Truyền thống viết sử của người Trung Quốc đã sử dụng yếu tố kì lạ, hoang đường mang

[10] Xin xem lại *Phụ lục 3*: Bảng motif dự báo trong văn học dân gian Việt Nam

chức năng dự báo mà các nhà lí luận gọi là *bút pháp vu sử*: "Bút pháp tự sự dùng trong việc ghi chép cổ sử với đặc trưng là liên hệ các hiện tượng tai dị, điềm lành, giấc mộng với đời sống và công cuộc cai trị đế vương, từ đó tôn vinh và bảo vệ hoàng thất" [161, tr. 101 - 102]. Điều này bắt nguồn từ cái "gen chuộng kì" trong văn học Trung Quốc vốn có truyền thống hiếu kì (chuộng lạ), đến mức "phi kì bất truyền" Ngay tên thể tài, tên tập truyện hay tên tác phẩm cũng thường thể hiện đặc điểm này với những yếu tố kỳ, quái, dị: *Huyền quái lục, Liêu trai chí dị, Phách án kinh kỳ, Kim cổ kỳ quan, Bao Công kỳ án, Hoàn kiếm kỳ tình lục, Thiên vân sơn truyền kỳ*... và trong tác phẩm chứa đựng những câu chuyện, những yếu tố quái, kỳ, dị, ảo, thậm chí hoang đường [56, tr. 48 - 52]. Trong những tác phẩm kể trên, người đọc thấy lặp lại của CPTDB như chiêm mộng, phong thuỷ, tiên tri, tướng số, điềm triệu, bói toán… Sự du nhập các truyện chí quái, truyền kì Trung Quốc là một trong những yếu tố làm hình thành nên truyện truyền kì Việt Nam. Theo B.L.Riftin: "Văn xuôi tự sự ở Việt Nam phát triển từ những tập truyện ngắn mang tính thần thoại kiểu các truyện chí quái Trung Hoa" [147, tr. 74]. Ta dễ nhận ra sự tương đồng về các cốt truyện, motif, kiểu nhân vật… và đặc biệt là sử dụng các chi tiết kì ảo, li kì trong đó nhiều chi tiết liên quan đến dự báo tương lai. Do đặc trưng của văn học trung đại chú trọng yếu tố "tập cổ", ước lệ, tượng trưng, coi trọng quá khứ nên các tác gia trung đại trong quá trình sáng tạo thường hướng đến motif, nhân vật, kết cấu có sẵn trong văn học Trung Quốc (được xem như những quy chuẩn và có tính phổ biến được mọi người biết đến). Vì vậy, những tinh hoa của những tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa luôn được các tác gia trung đại chú tâm khai thác khi xây dựng dự báo. Quá trình này làm ta liên tưởng đến việc loài ong hút mật, khác hẳn quá trình tìm mồi của loài kiến, nó không tha và sử dụng nguyên vật liệu mà biến đổi, chuyển hoá chúng. Ta nhận thấy, đằng sau quá trình tiếp thu văn học Trung Quốc, khí chất, bản sắc, thuộc tính Việt vẫn hiện lên rõ nét. Những điển tích, motif, nhân vật… dự báo Trung Hoa như muối hoà vào nước, ta thấy vị mặn nhưng không còn cảm thấy hạt muối. Chúng góp phần tạo nên chiều sâu, giá trị cho VXTSTĐVN.

2.1.2.3. Những yếu tố nội tại của văn học trung đại

Lực lượng sáng tác văn học trung đại nước ta chủ yếu là các nhà sư và nhà Nho là một trong những đặc điểm văn học ảnh hưởng đến sự hình thành dự báo trong VXTSTĐVN. Tác giả, lực lượng sáng tác là người sáng tạo nên những giá trị văn học. Trong dòng chảy lịch sử văn học, sự xuất hiện mỗi một kiểu loại văn học sẽ có sự tương ứng mỗi kiểu loại tác giả sáng tạo. Tác giả được xem là: "trung tâm tổ chức nội dung - hình thức của cái nhìn nghệ thuật. Thế giới của cái nhìn nghệ thuật là thế giới được tổ chức, được chỉnh đốn, được hoàn thành xuyên qua tính hiện hữu và ý nghĩa xung quanh một con người cụ thể, như là một trường nhìn giá trị. Chúng ta nhìn thấy xung quanh con người ấy, các yếu tố vật thể và tất cả các quan hệ - không gian, thời gian, ý nghĩa, đã trở nên có ý nghĩa nghệ

thuật như thế nào. Sự định hướng giá trị và cố kết, lèn chặt thế giới xung quanh người ấy đã tạo nên thực tại thẩm mĩ của anh ta nhằm phân biệt với thế giới nhận thức và đạo đức" [7, tr. 163]. Mỗi kiểu tác giả sẽ có thái độ, sự lựa chọn khác nhau với ngôn ngữ, thể loại, nhân vật mình sáng tạo. Những điểm này sẽ tạo nên kiểu tác giả trong một loại hình nhất định. Lực lượng sáng tác văn xuôi tự sự trung đại chủ yếu là các nhà sư và các nhà Nho. Thế giới quan, quan niệm về sáng tác, đích sáng tạo, phương thức thể hiện của họ ảnh hưởng cụ thể đến sáng tác. Các nhà sư trong quá trình tu học kinh điển cũng đồng thời có được kỹ năng sáng tạo văn học. Bản thân kinh Phật, ngoài tính tôn giáo còn có giá trị văn học rất lớn. Bản thân các nhà sư, trong quá trình tuyên truyền tôn giáo, để làm cho nội dung, hình thức các bản kinh sống động hơn, đã dùng kĩ thuật văn chương, mà cụ thể là ngôn ngữ và thể loại. Nhiều thiền sư Việt Nam một mặt dùng thi kệ, kể cả hình thức thơ sấm vĩ để tuyên truyền giáo lí giác ngộ, kể cả phục vụ cho nhiệm vụ chính trị; mặt khác cũng sáng tác nên những bài thơ, hình tượng thơ đẹp, có tính nghệ thuật cao, thiên về sử dụng hình ảnh sinh động đầy thi ý làm ngôn ngữ biểu đạt đạo [181, tr. 186]. Các tác giả là nhà Nho, xem văn chương là công cụ để "tải đạo", truyền bá tư tưởng, đạo đức và củng cố tư tưởng thiên mệnh cũng góp phần làm nền tảng cho sự phát triển của dự báo. Cuộc sống thực tế của các nhà Nho, các tác gia trung đại cũng là một vấn đề đáng lưu tâm cho việc hình thành dự báo trong VXTSTĐVN. Họ được học hành, thi cử, chuẩn bị cho việc trở thành một nhà chính trị. Tuy nhiên, phần nhiều trong số họ, không ra làm quan mà phải hành nghề khác để kiếm sống như: làm thầy dạy học, thầy thuốc, thầy lý số. Vì thế, *họ cũng trang bị cho mình một vốn kiến thức khác*. Theo Trần Đình Hượu: "Trong cuộc đời không phải nhà Nho nào cũng tiến, cũng đạt. Có kẻ làm quan, làm thầy mà số đông thì phải… làm các nghề khác: thầy thuốc, thầy số, thầy địa lí… Làm nghề y, lí số tất phải biết âm dương, ngũ hành". Những tư tưởng đó không chỉ được thực hành trong đời sống mà còn in dấu vết trong sáng tác văn chương. Chuyện khoa cử, quan trường là một trong những vấn đề thời sự của mỗi thời lúc bấy giờ. Bản chất của Nho giáo mang tính duy lí, không tin thần quái, nhưng các Nho sĩ (nhất là Nho sĩ bình dân) trên một khía cạnh tâm lí nào đó (trong đó có sự tác động đến kết quả khoa bảng) lại tin tưởng vào tín ngưỡng dân gian, vào những dự báo, phương cách đạt được sự hiển đạt. Nguyên nhân của điều trên xuất phát từ nguồn gốc của họ: "Nho sĩ Việt (…) càng về sau càng có thể từ đám bình dân nổi lên, nên dễ chia sẻ quan niệm thần linh của dân chúng gần gũi hay đậm màu Đạo giáo phương sĩ. Họ chú trọng riêng biệt đến những tin tưởng đem lại thích ứng với tập thể chung quanh, hay đem lại lợi ích cho sự thăng tiến của chính bản thân họ. Do đó, theo với sự thăng tiến của tầng lớp Nho sĩ, cũng phát triển đến mức phổ biến quan niệm về thần đất mà tác động ma thuật sẽ làm kích thích hiệu năng" [206, tr. 199]. Quan niệm, tư tưởng và thực tế cuộc sống trên của các tác gia trung đại một phần tạo nên dự báo trong VXTSTĐVN.

Đặc điểm của loại hình văn học trung đại cũng là một trong những cơ sở hình thành dự báo. Văn học trung đại với tư cách là một kiểu loại văn học thể hiện ở các cách hiểu rất rộng đối với khái niệm "văn học". Văn học trung đại bao gồm các thể loại hành chức, tức là có những chức năng đặc thù ngoài văn học, thường là chức năng tôn giáo, nghi lễ hay công vụ. Trong hệ thống văn học này vị trí hàng đầu hay trung tâm, tối cao thuộc về các thể loại thuần tuý "hành chức" như Kinh (*Kinh Thánh, Ngũ Kinh*), lịch sử, tác phẩm của các thánh hiền, các tông đồ [159, tr. 396]. *Văn học trung đại chịu ảnh hưởng, chi phối mạnh mẽ của kinh điển và tôn giáo*. Tôn giáo và các học thuyết Phật, Nho, Đạo… cung cấp thế giới quan, sự cảm nhận thế giới, hệ thống tượng trưng, thể loại và phong cách biểu hiện. Tính chất ước lệ nổi bật của hình thức biểu hiện: sùng cổ, quy phạm, công thức, sáo ngữ, nghi thức, tính trang trí, gắn chặt với tính truyền thống, truyền thống nệ cổ nặng nề [159. tr. 403]. Đặc thù của văn học trung đại là "tính nguyên hợp" [225, tr. 262]. Tư duy con người thời cổ trung đại cũng ảnh hưởng đến sự tồn tại của dự báo trong văn học vì: "Trong khi nghiên cứu những sáng tác của văn hoá trung cổ, không nên bỏ qua điều này: Một thời gian dài người ta không ý thức được rõ ràng sự phân biệt giữa hư cấu và sự thật. Những điểm mà nhà văn, nhà thơ trung cổ thuật lại phần lớn được bản thân họ, độc giả và những người nghe họ tiếp nhận như là những việc có thật, đã xảy ra… ngay trong sử học, yếu tố hoang đường cũng rất mạnh" [54, tr. 43]. Những đặc điểm này cũng là một trong những cơ sở cho sự xuất hiện dự báo.

Như vậy, chế độ phong kiến quân chủ Việt Nam với chủ trương tuyên truyền tư tưởng thiên mệnh, dùng thần quyền để bảo vệ quyền lực, quan hệ chính trị nước ta và Trung Hoa; nền văn hoá bản địa với tín ngưỡng thờ đa thần (nhân thần, nhiên thần), các tư tưởng triết học Nho, Phật, Lão trên khía cạnh tâm linh tín ngưỡng hơn là giáo lí, kinh viện; những thành tựu của văn học dân gian, văn học Trung Quốc; những yếu tố nội tại của văn học trung đại đã tạo nên *bộ rễ* cơ sở, tiền đề cho sự xuất hiện hàng loạt dự báo trong VXTSTĐVN.

2.2. Nhận diện, phân loại dự báo trong văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại

Con người thường tò mò, muốn biết trước tương lai, bởi thế, quyền năng dự báo là một trong những điều được ngưỡng vọng bậc nhất trong lịch sử nhân loại. Cách thức, kĩ thuật, cơ chế để hình thành, tạo nên dự báo rất đa dạng. Trong VXTSTĐVN xuất hiện rất phong phú các kiểu loại dự báo, bao gồm: tiên tri, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên, điềm triệu, chiêm mộng, tướng số, *Kinh Dịch*, tử vi, phong thuỷ, trạch cát, thái ất, lục nhâm, độn giáp (xin xem *Phân loại các phương thức dự báo* ở *Phụ lục 5*). Có hai hướng nhận diện, phân loại dự báo trong VXTSTĐVN là dựa trên hình thức, kĩ thuật dự báo và dựa trên chủ đề, nội dung dự báo. Việc nghiên cứu cả hai hướng trên giúp chúng ta nhận diện dự báo vừa khái quát vừa cụ thể.

2.2.1. Nhận diện, phân loại dự báo theo hình thức, kĩ thuật dự báo

2.2.1.1. Tiên tri

"Tiên tri" có nghĩa là "biết trước". Chữ "tri", theo *Từ điển Hán-Việt* của Thiều Chửu, có nghĩa là khả năng phân biệt, phán đoán, ghi nhớ, nhận biết của con người. Luận về chữ "tri" này, có lẽ sẽ cần đến một cuốn sách triết học, nhưng ở đây ta có thể hiểu "tri" như một cách nhận thức về thế giới. Như thế, "tiên tri" có thể hiểu là khả năng nhận thức thế giới nhanh hơn và đi trước thiên hạ, nhà tiên tri[11] là người có thể nhận thức được những điều mà người khác chưa thể nhận thức được, mà tương lai là một phần trong đó. Về kĩ thuật dự báo, nhóm tiên tri là kiểu loại dự báo không bị phụ thuộc vào kĩ thuật, phương kĩ, đạo cụ hay một lí thuyết định sẵn. Việc biết trước kết quả sự việc trong tương lai là nhờ vào trình độ tu tập, đạt đạo của những người tu hành theo một tôn giáo nào đó. Hoặc, với những người có khả năng đặc biệt thì họ không học mà biết, sinh ra vốn đã có cơ địa khác người; gặp một hoàn cảnh gì đó tác động mà cơ thể trở nên đặc biệt, có khả năng thấu thị, cảm ứng được trời đất, thánh thần, biết được tương lai. *Người có khả năng tiên tri thường thuộc về mẫu nhân vật tôn giáo hoặc có nguồn gốc thần tiên*. Ở Ấn Độ, các nhà tiên tri thường là các tu sĩ Bà la môn, nhiều người trong số họ tu luyện đạt đến trình độ *lục thông*[12]. Trong đó, trình độ *thiên nhãn thông* và *túc mệnh thông* có thể cho họ có khả năng nhìn thấy quá khứ, tương lai các đời của chúng sinh. Những dự báo của tiên tri thường nghiêng về dự báo tương lai cộng đồng hơn là cá nhân. Trong VXTSTĐVN, dự báo tiên tri xuất hiện 83 lần/ 66 tác phẩm. Ở nước ta, một trong những hiện tượng văn hoá và văn học đáng quan tâm liên quan đến nhóm loại này là sấm kí của các cao tăng được ghi chép lại trong *TUTA*. Các thiền sư, các anh kỳ hiếm thấy cũng là tác giả của các bài sấm kí (như Đại sư Khuông Việt, Ngô Chân Lưu, Trưởng lão La Quý An, Thiền sư Định Không, Đỗ Pháp Thuận, Nguyễn Vạn Hạnh…) với "phú bẩm anh dị, tri kiến siêu quần", thấu lẽ huyền vi, tuy xuất thế nhưng tấm lòng vẫn hướng về quốc gia dân tộc. Nội dung chủ yếu liên quan đến các sự kiện chính

---

[11] Khái niệm "nhà tiên tri" trong tiếng Anh là "prophet" có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp "prophetes" có nghĩa là "người phát ngôn của các vị thần" hay "bậc thầy truyền cảm hứng", trong đó "pro" có nghĩa là "trước", cụm "phetes" có xuất phát cổ xưa hơn, từ "phanai" có nghĩa là "nói". Vì thế, khái niệm "prophetes" ở phương Tây mang tính truyền tin, rao giảng nhiều hơn khái niệm "tiên tri" ở phương Đông.

[12] *Lục thông* nghĩa là Sáu phép thần thông, biểu hiện năng lực trí tuệ của chư Phật, Bồ tát và A-la-hán, bao gồm: 1. *Thân như ý thông* còn gọi là *Thần túc thông*: biến hiện tuỳ theo ý muốn, thân có thể bay lên trời, đi trên biển, chui vào trong núi, một thân biến nhiều thân... tất cả mọi động tác đều tuỳ theo ý muốn, không hề chướng ngại. 2. *Thiên nhãn thông:* nhìn thấy tất cả mọi hình sắc ở gần hay ở xa trong cả thế gian, nhìn thấy mọi hình tướng khổ vui của chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi. 3. *Thiên nhĩ thông*: nghe và hiểu hết mọi âm thanh trong thế gian, nghe và hiểu hết mọi ngôn ngữ của chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi. 4. *Tha tâm thông*: biết hết tất cả mọi ý nghĩ trong tâm của chúng sinh trong lục đạo. 5. *Túc mệnh thông:* biết được kiếp trước của chính bản thân mình và của chúng sinh trong lục đạo, từ một đời, hai đời cho đến trăm ngàn vạn đời trước đều biết rõ, nhớ rõ sinh ra ở đâu, cha mẹ là ai, tên gì, làm gì... 6. *Lậu tận thông*: lậu tức là kiến hoặc và tư hoặc trong ba cõi. Lậu tận thông là dứt trừ toàn bộ kiến hoặc và tư hoặc trong ba cõi, không còn sinh tử luân hồi trong ba cõi, được giải thoát hoàn toàn. Căn cứ *Luận câu xá,* quyển 27, trong 6 phép thần thông trên, 5 phép thần thông đầu thì mọi người đều có thể đạt được, duy nhất phép thần thông thứ 6 thì chỉ có những bậc thánh mới có thể đạt được.

trị - xã hội quan trọng như về vận nước, sự thay đổi ngôi vua. Bao quanh, đi kèm các bài sấm kí trên bao giờ cũng là một không khí đậm màu sắc huyền thoại như điềm lạ, pháp khí, các sự kiện liên quan phong thuỷ. Các bài thơ sấm kí được bao phủ bởi một không khí thần bí, nội dung hướng đến những vấn đề hệ trọng của dân tộc. Hình thức thơ thường xuất hiện với thể bốn chữ, năm chữ và thủ pháp biểu hiện chủ yếu là lối chiết tự, đoán chữ tạo ra sự li kì, huyền bí. Những lời sấm kiểu này có khi xuất hiện trước sự kiện diễn ra cả vài trăm năm. Trước khi Lý Công Uẩn (1009) lên ngôi vua hơn hai trăm năm, đã có xuất hiện lời sấm trạng (*Thiền sư Định Không*[13] (? - 808)); còn lời sấm kí của La Quý An (thế kỉ IX - X), sau Định Không hai thế hệ truyền thừa cũng phải trước sự kiện trên vài thập kỉ. Đến Nguyễn Vạn Hạnh, thì có thể xem như là hình thức tuyên truyền cho việc Lý Công Uẩn lên ngôi. Như vậy, một điều không thể phủ nhận là tác giả của những lời tiên tri sấm kí trên là những đại trí thức đức cao vọng trọng, trí huệ[14] siêu phàm, có ảnh hưởng đến đời sống tinh thần thời bấy giờ. Dòng thơ sấm kí họ sáng tác thực sự gây thanh thế, lôi cuốn quần chúng, tạo dư luận cho sự thay đổi triều đại. Ngoài dòng sấm kí của các sư tăng, thì đồng dao, sấm ngữ xuất hiện lưu truyền trong dân gian, không rõ tên tác giả, trước mỗi sự kiện lịch sử quan trọng cũng là một hiện tượng đáng quan tâm. Hiện tượng này cần thêm những khảo cứu chuyên sâu để làm rõ giá trị của nó.

2.2.1.2. Tiếp xúc với thế giới siêu nhiên

Thời cổ trung đại người ta cho rằng, do một sự kết nối vô tình hay hữu ý, tâm trí của con người được/ bị điều khiển bởi một thế lực tâm linh nào đó (thể thiện hoặc ác), mà từ đó biết được tương lai, viễn ảnh, thiên khải[15]. Trong VXTSTĐVN, dự báo qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên xuất hiện 76 lần/ 68 tác phẩm. Dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên có khá nhiều kiểu dạng và mỗi dạng lại có những hình thức, kĩ thuật dự báo riêng: *Dạng thế giới siêu nhiên nhập vào thể xác con người và đưa ra thông tin dự báo* (gồm hai tiểu nhóm: *lên đồng dự báo* dựa trên hình thức con người chủ động và tự nguyện cung hiến

---

[13] Theo *Thiền uyển tập anh,* "Khoảng niên hiệu Đường Trinh Nguyên (785-805), sư dựng chùa Quỳnh Lâm ở bản hương. Khi xây chùa, thợ làm móng đào được một bình hương và mười chiếc khánh đồng. Sư sai người đem ra sông rửa sạch, một chiếc rơi xuống sông trôi liệng mãi đến khi chạm đất mới nằm im. Sư giải thích rằng: Thập khẩu là chữ cổ, Thủy khứ là chữ Pháp. Còn thổ là chỉ vào hương ta. Nhân đó đổi tên hương Diên Uẩn thành hương Cổ Pháp" [170, tr. 257 - 258]. Sư có làm bài tụng như sau: "*Đất bày dâng pháp khí/ Phẩm chất thuần túy đồng/ Chuẩn bị cho Phật Pháp hưng long/ Đặt tên là Cổ Pháp*". Rồi Sư lại đọc rằng: "*Pháp khí hiện ra mười cái chung đồng/ Họ Lý làm vua ba phẩm thành công*". Trước khi quy tịch, sư nói với đệ tử Thông Thiện: "*Ta muốn mở mang hương ấp, nhưng sợ ngày sau gặp nạn, tất có dị nhân đến phá hoại mạch đất của hương ta. Sau khi ta qua đời, ngươi khéo giữ đạo pháp của ta để sau gặp người họ Đinh thì truyền lại. Thế là ý nguyện của ta được toại thành*""

[14] Chữ "Trí huệ" chúng tôi muốn nói đây là trí huệ hiểu theo nghĩa đạo Phật, nghĩa là "một sự sáng suốt hoàn toàn, viên mãn, sự sáng suốt mà các vị đã thực chứng được, chứ không phải trí huệ thông thường của thế nhân".

[15] Ví dụ như *trong Kinh Thánh*, Thượng Đế cho Noeh biết trước về trận đại hồng thủy; trong *Thần thoại Hy Lạp*, những cô đồng Pithy của đền Delphi làm nhiêm vụ chuyển trao ý của thần Apollo và các vị thần Olympus. Trên thế giới, nhân vật lớn như Nostradamus, Vanga, Edgar Cayce … đều thuộc dạng này. Ở nước ta, chúng ta có thể bắt gặp hiện tượng trên ở các bà đồng xem bói hoặc các thầy phù thủy nuôi vong hồn, nuôi ngải để lấy thông tin từ cõi âm…

thân xác của mình cho thần thánh giá ngự lên để phán bảo tương lai và *ốp đồng dự báo,* thông tin dự báo nhận được khi thánh thần, ma quỷ… tự động nhập vào thân xác con người (con người hoàn toàn *bị động* không được chuẩn bị trước về tâm lí) và *dạng được thông tin dự báo nhờ tiếp xúc với thế giới siêu nhiên* (*không qua việc nhập vào thân xác người*) (bao gồm các loại: nhân vật nhận được thông tin trực tiếp từ thế giới siêu nhiên, nhân vật tình cờ nhận được thông tin qua nghe câu chuyện của các nhân vật trong thế giới siêu nhiên nói chuyện với nhau…).

Dạng thứ nhất, thế giới siêu nhiên nhập vào thể xác con người và đưa ra thông tin dự báo, thông qua thân xác con người, lực lượng siêu nhiên tiết lộ, khải huyền những thông tin tương lai bí mật. Trong đó, thuật đồng cốt là sự giao tiếp chủ động của con người trong trạng thái xuất thần với các thực thể được cho là phi thực thể, đôi khi đi kèm với hiện tượng tự nhiên kỳ bí. Nhân vật dự báo có thể là người bình thường, trong một không gian hoàn cảnh đặc biệt, được thánh, tiên, ma nhập vào để báo một tin tức nào đó; hoặc những người dùng thân xác làm giá ngự cho thần linh (các đồng cô, đồng cậu, thanh đồng nói chung), qua họ thần linh nói chuyện với người trần bằng giáng bút thành *những bài thơ*, hoặc chính đồng nhân sẽ *mở miệng phán truyền*. Người nhập vào lực lượng trung gian này thường là nhân vật thần, thánh thuộc tín ngưỡng, tôn giáo là Đạo giáo như: Thánh Mẫu (*Việt Nam kỳ phùng sự lục, Thượng Kinh kí sự*), Thánh Nương (*Thần cửa Còn - Lan trì kiến văn lục*), Lý tiên tổ sư (*Lòng thành giữ vững được lái thuyền - Bà tâm huyền kính lục*)… Khi con người có điều băn khoăn muốn giải mã thì họ chủ động tạo ra các cuộc tiếp xúc với thế giới siêu nhiên bằng cách sử dụng các phương thuật để tạo ra môi trường, không khí linh thiêng để mời các thần về[16]. Trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở nước ta, vào những ngày lễ lớn hoặc khi có sự việc quan trọng, người ta thường tổ chức những buổi hầu thánh ở các am điện để mời thần thánh về. Hiện tượng thần thánh nhập qua thân xác các thanh đồng được gọi là *lên đồng*. Khi thần về, có thể đối thoại với người qua thân xác người đang lên đồng hoặc gián tiếp bằng cách viết những kí hiệu giáng bút lên mặt chiếc mâm đồng rải gạo (có người thạo chữ nghĩa ngồi nhìn hình được vẽ đoán chữ rồi ghi thành văn tự). Lời văn thơ trong giáng

[16] Theo *Việt sử lược*, "Trần Thánh Tông, mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, thượng hoàng băng ở cung Vạn Thọ. Trước là thượng hoàng đến ngự đường, chợt thấy con rết bò trên áo ngự, rơi xuống đất có tiếng kêu, nhìn xem thì có cái đinh sắt. Bói đoán là điềm về năm Đinh. Lại từng đùa bảo Minh tự Nguyễn Mặc Lão dùng phép nội quan nghiệm xem là điềm lành hay dữ. Mặc Lão ngày hôm sau tâu rằng: thấy một cái hòm vuông, bốn mặt đều có chữ nguyệt… trên hòm có một cái kim, một cái lược, thượng hoàng lại đoán rằng: hòm tức là cái quan tài, bốn mặt chữ nguyệt tức là tháng 4; cái kim có thể xâu vào vật gì, tức là vào quan, chữ "sơ" là cái lược, đồng âm với chữ "sơ" là xa, tức là sẽ xa rời các ngươi. Lại lúc ấy đương làm trò múa rối, thường có câu "chóng đến ngày mồng 1 thay phiên". Thượng hoàng lại đoán rằng: "Thế là ngày 1 ta chết". Năm trước có một hôm thượng hoàng chợt bảo các người hầu cận rằng: "Đến tháng 4 năm sau ta tất chết". Đến đây quả nhiên là như thế" [223, tr. 448]. Từ chi tiết "Nguyễn Mặc Lão ***dùng phép nội quan nghiệm xem*** là điềm lành hay dữ", Tạ Chí Đại Trường trong *Thần, người và đất Việt* cho rằng: Chuyện Mặc Lão phải đợi "ngày hôm sau" mới trả lời được điều xảy ra ngoài cõi trần tục khiến ta nghĩ rằng ông đã mở cuộc đanh đồng thiếp nghiêm túc vào ban đêm để trả lời vấn đề hỏi "đùa" của chủ. Người đồng kể lại những điều đã thấy, không chen ý kiến riêng vào để giữ cho sự tiếp cận linh thiêng có tính cách hoà hợp nhập thần, để còn sự tương thông trực tiếp. Giải thích nguồn tin linh thiêng ấy lại là công việc của một người khác (Thái Tông), cần vận dụng đến lí trí trần thế. Sinh hoạt đồng bóng là điều bình thường trong triều đình của các thế kỉ này [206].

bút thường khoáng hoạt, đôi lúc ẩn ý, người đọc phải đoán định về ý tứ điềm báo của thần thánh qua từng câu chữ. Nội dung phần nhiều là nhắc bảo và răn dạy như người anh cả tham lam, gặp khi Bồng Lai Thiên Tiên hạ giáng đàn tế, được giáng bút ban cho bài thơ khuyên răn, khiến anh ta tự thấy hổ thẹn trong lòng (*Tiên giáng bút vạch chuyện giấu gấm - Bà tâm huyền kính lục*); hoặc thông báo niềm vui và cảnh báo về kiếp nạn như Phùng Cát Khánh trong *Lòng thành giữ được lái thuyền* trước khi đi biển được Lý Tiên tổ sư giáng bút báo gặp nạn nhưng vẫn vượt qua được là nhờ ông "tính tình điềm đạm, ngay thẳng, khoan dung, công bằng" (*Bà tâm huyền kính lục*). Những lời thơ trong giáng bút thường mang tính khuyến thiện trừ ác, hướng con người đến những giá trị nhân sinh tốt đẹp. Ngoài lên đồng thì dự báo thông qua thế giới siêu nhiên nhập vào thể xác con người và đưa ra thông tin còn có tiểu loại *ốp đồng*. Nhân vật không chủ động tạo ra không khí, môi trường, thời điểm để mời thánh về ngự mà lực lượng siêu nhiên mượn thân xác con người để chủ động dự báo. Hiện tượng này được thể hiện qua một số tác phẩm trong VXTSTĐVN như: *Truyện thượng thư Vũ Công Đạo* có chi tiết kể chuyện người bị ốp đồng không phải là thanh đồng chuyên nghiệp ở các đền miếu mà là một bà lão bình thường đang ngồi trong đám đông tự nhiên đỏ mặt bốc đồng nhảy ra ngoài nói rằng: "Ta là tiên nhân giáng hạ, khoa này đỗ bao nhiêu tiến sĩ ta đã biết cả rồi. Làng Mộ Trạch văn tinh đang vượng, đức Ngọc Hoàng đã tuyển sẵn nên mới sai ta đến bảo cho các ngươi biết" [113, tr. 481- 482] (*CDTK*)[17].

Dạng thứ hai, nhân vật có được thông tin dự báo nhờ tiếp xúc với thế giới siêu nhiên (không qua việc nhập vào thân xác). Ở dạng này, nhân vật dự báo có thông tin nhờ tiếp xúc với lực lượng siêu nhiên, được nghe lực lượng siêu nhiên nói chuyện trực tiếp với mình, hoặc các lực lượng siêu nhiên nói chuyện với nhau (nghe lỏm được). Ông Nguyễn Đăng Bảo được yêu tinh cho biết sẽ "đỗ Thám hoa đệ nhất danh" (*Thám hoa Đông các Nguyễn Đăng Bảo - Công dư tiệp kí tục biên*). Tiền đồ của Quách Giai được tiết lộ khi một tên trộm vào đền nghe được thông tin các thần nói chuyện với nhau là "sẽ có Thám hoa giáng sinh xuống làng trong đêm nay" (*Truyện Thám hoa Quách Giai - CDTK*). Nhân vật dự báo ở đây chủ yếu là tiên (*Gặp tiên ở hồ Lãng Bạc - Thánh Tông di thảo, Hà Ô Lôi - Lĩnh Nam chích quái*), trích tiên (*Việt Lam xuân thu*), thần (*Truyện Thám hoa Quách Giai - Nam thiên trân dị tập; Ông Đặng Chất - TTNL*), người trời (*NTCNDC*), ma, yêu tinh (*Ông Võ Công Trấn - TTNL, Thám hoa Đông các Nguyễn Đăng Cảo - Công dư tiệp kí tục biên*), dị nhân (*Nguyễn Kính - Vũ trung tuỳ bút*). Nhân vật nhận được dự báo thường là các Nho sinh thời kỳ đang học hành chuẩn bị cho kỳ thi, có khi là quan lại, vua chúa, hoặc cũng có khi là người dân bình thường được cho phép tiên để thay đổi cuộc sống. Nội dung dự báo chủ yếu là số phận cá nhân như thi cử, nguồn gốc xuất thân, vận số.

---

[17] Xin xem thêm *Phụ lục 6*: Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Nghiên cứu hiện tượng dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên trong Lên đồng (Khảo sát trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam)", Tạp chí *Khoa học và giáo dục*, Trường Đại học Sư phạm Huế, số 03(43).

2.2.1.3. Điềm triệu

Điềm báo một dấu hiệu, thường mang tính chất siêu nhiên hay tâm linh về một sự kiện vị lai. Nó khác các loại dự báo khác ở chỗ hoàn toàn mang tính tự phát, ngẫu nhiên, con người không thể dùng thỉnh cầu để quỷ thần phát tín hiệu được. Điềm báo chủ yếu xuất hiện dưới dạng các hiện tượng tự nhiên nhưng cũng có một số trường hợp cũng xuất hiện ở cả con người. Bí mật của điềm nằm ngay trên dấu hiệu phát ra, được căn cứ vào trạng thái đặt trong một bối cảnh không gian và thời gian nhất định. Những kiểu điềm báo này đều có những kí hiệu riêng dựa trên hình dáng, màu sắc, kiểu loại, trạng thái, tính chất để phán đoán, giải ra kết quả là lành hay dữ. Những quy định này thường chịu ảnh hưởng của văn hoá, tín ngưỡng mang tính chất vùng miền, dân tộc. Trên thế giới, ở các nền văn hoá, điềm triệu có rất hiều hình thức, dạng loại. Không có một quy định chung cho tất cả chúng. Chịu sự ảnh hưởng của văn hoá, ở mỗi vùng miền sẽ có những cách thức riêng để giải mã. Trong VXTSTĐVN hệ thống điềm triệu có các nhóm chủ yếu như: dựa vào dấu hiệu động thực vật, hiện tượng tự nhiên và con người. Trong VXTSTĐVN, điềm báo xuất hiện 79 lần/ 32 tác phẩm.

Trong VXTSTĐVN có các kiểu điềm báo như *dựa vào trạng thái của thực vật, động vật*: dấu hiệu thực vật, động vật, trạng thái cây cối ra nhánh, hoa - quả ra trái mùa, bất thường, sum sê, tươi tốt kì lạ được cho là điềm lành như cau chín nhánh, lúa chín bông… (*ĐVSKTT, Việt sử lược*). Không phải thực vật nào cũng có thể khai thác thông tin dự báo mà thường đó phải là những trường hợp đặc biệt, dị thường về trạng thái, đặc điểm, hình dáng, thời điểm, vị trí, số lượng. Trong *Dung thụ* kể chuyện miếu thần làng có cây đa to, khi nào trong làng có người đỗ đại khoa thì cành đa tự nhiên mọc ra một cái rễ nhỏ vòng quanh thân cây như là đeo đai vậy (năm Nhâm Thìn 1772 cây đa lại mọc đai, khoa ấy có Vũ Tông Hương đỗ). Làng Cổ Bi cũng có một cây gạo to, trong làng có ai thi đỗ thì cây gạo mới nảy hoa (*Vũ trung tuỳ bút*). Các con vật thì dựa vào giống loại (rồng, phượng, kì lân được xem là tốt (*NTCNDC, ĐVSKTT…*), quạ xuất hiện báo điềm dữ (*HLNTC*)), dựa vào màu sắc (trắng, ngũ sắc là tốt (*Hương Lãm Mai đế kí, Quảng Lợi Thánh hựu Uy tế Phu ứng Đại vương - VĐULT*), đen là xấu (*NTCNDC*), dựa vào thanh âm (nghe trạng thái tiếng kêu và số lượng tiếng để đoán lành dữ (*Việt Lam xuân thu*), trạng thái (hiển lộ với tư thế, hành trạng, vị trí dự báo lành dữ (*NTCNDC*). Xem điềm triệu để biết tương lai là một hình thức dự báo có tính chất phổ biến trên toàn thế giới. Ở những quốc gia có sự ảnh hưởng, tương đồng về văn hoá thì hệ thống điềm báo cũng có sự tương đồng. Ở phương Đông có truyền thống sùng bái rồng, vì thế, motif người mẹ/ cha mộng thấy rồng, mẹ giao hoan với rồng được xem là điềm báo cho việc sinh người con tài năng làm nên nghiệp lớn xuất hiện không chỉ trong văn học Việt Nam mà nhiều nước khác như Trung Hoa, Hàn Quốc, … Trong *Hồng Cát Đồng truyện*, tác giả Hur Gyun (Hàn Quốc) trong phần mở đầu giới thiệu về nhân vật Hồng Cát Đồng đã bắt đầu bằng giấc mộng của người cha mộng thấy con rồng xanh từ trên trời bay ào xuống, ông biết đó là điềm báo "sinh ra một quý tử" [60, tr. 463].

Điềm cũng dựa vào trạng thái của tinh tú, các hiện tượng tự nhiên căn cứ vào thời điểm xuất hiện, hình trạng, vị trí, màu sắc, thời gian diễn ra. Mưa, gió: Mưa (một biến thể khác của nước) được coi là biểu tượng của những tác động của trời mà mặt đất nhận được vì nhờ đó mà đất đai phì nhiêu, màu mỡ. Mưa có ý nghĩa biểu tượng cả về hai mặt: sự phong nhiêu mà thần linh ban cho cả về tinh thần lẫn vật chất vì thế mưa chỉ điềm lành. Tính chất kí hiệu đặc trưng của mưa dự báo điều tốt lành là *mưa cứu nguy, mưa ngọt, mưa gạo, mưa ra thóc* (khí hoà như đời Hoàng đế mà trời mưa ra thóc), *mưa vàng* (vận được hanh thông như đời Hạ Vũ trời ra mưa vàng. Trong hệ thống các hình thức báo hiệu thì mưa gió thường mang điềm dữ hơn là điềm lành. Kí hiệu điềm dữ về mưa gió là mưa: mưa đá, mưa xuống những kim khí sắc như lưỡi giáo, mưa nước đen, nước trắng như bụi phấn gió [90, tr.102] đi kèm *sóng to, gió cả bão giật, sấm chớp, sóng cuộn, đổ đất, tung cây, bụi bay mù mịt…* báo hiệu tai vạ sắp sửa xảy ra với nhân vật. Mưa gió dữ dội ứng với cái chết oan nghiệt của Đào Hàn Than cũng là điềm dự báo cảnh điêu đứng của gia đình Nhược Chân sẽ bị hai hồn ma Vô Kị và Hàn Than tác quái (*Chuyện nghiệp oan của Đào thị - TKML*). Mây, mặt trời, trăng, sao: những hình tượng này thường đi cùng nhau, đây vừa là điềm lành vừa là điềm dữ, lành hay dữ là do đặc điểm, hoàn cảnh, các yếu tố tác động xung quanh. Kí hiệu của mây mang điềm lành thường chỉ màu sắc: ngũ sắc, hồng, tía hoặc hiện trạng: xuất hiện che trên đầu, tụ, loại điềm này hoặc xuất hiện cùng những đấng bậc, kì nhân, thần tiên, Mây mang điềm dữ thường có kí hiệu miêu tả là đen, u ám, hình dáng sắc nhọn, hoặc tan tác không tụ. Điềm lành về sao thường xuất hiện gắn với môtip sinh nở thần kỳ. Kí hiệu về sao ở đây thường là sao sa trên trời xuống bụng, hoặc đón sao, hoặc mơ thấy sao mà có thai hoặc sinh con như: "Lê Thiện, mẹ ông lúc có mang, đêm nằm mộng thấy ngôi sao to bằng hạt cườm rơi trên bụng" (*Việt Lam xuân thu*). Mặt trời, mặt trăng: trong cách suy nghĩ của nhiều dân tộc trên thế giới, mặt trời như là biểu tượng của thần linh (hiện thân của trời), biểu tượng của đế vương; đại diện cho sự chủ động, bản thể dương; của trí tuệ, siêu thức, biểu tượng của người cha… Mặt trời mới lên, sáng rực, sáng đỏ là kí hiệu của điềm tốt còn mặt trời xuống núi, mặt trời bị khuất, bị che, bị phạm là kí hiệu điềm xấu. Kí hiệu của trăng mang điềm tốt thường là trăng tròn, trăng sáng, trăng sa vào lòng, trăng chiếu vào bụng. Những điềm trăng này thường xuất hiện trong các giấc mộng sinh con kì lạ. Các nhà văn Trung Hoa và nước ta đều sử dụng điềm báo trong những trường hợp miêu tả sự kiện chính trị về sự thay đổi triều đại. Trong *Tam quốc diễn nghĩa*, hồi 80, lập luận của quần thần để khuyên vua Hiến đế nhường ngôi cho nhà Nguỵ là dùng các điềm báo như: từ khi Nguỵ vương lên ngôi đến giờ, kỳ lân ra chơi, phượng hoàng đến múa, rồng vàng xuất hiện, lúa tốt sinh ra từng cụm, trời sa hạt móc ngọt; về thiên văn, đêm nhìn tượng trời, thấy khí số nhà Hán đã hết, ngôi đế tinh của Hiến đế lờ mờ không được sáng; mà xem đến sao nhà Nguỵ, thì vằng vặc khắp trời đất. Ngoài các điềm báo dựa vào thực vật, động vật, các hiện tượng tự nhiên thì trong VXTSTĐVN còn có kiểu điềm báo dựa vào *đặc điểm con người*. Những hiện tượng dị thường như lưỡng thể, nữ hoá nam bị xem là điềm tai dị (*Nữ hoá nam - Sơn cư tạp thuật*).

2.2.1.4. Chiêm mộng

Xưa nay, giấc mơ là một phần của đời sống con người. Vì thế, khám phá, giải mã giấc mơ cũng là một cách để tìm đến đáy sâu tâm hồn con người, "Khám phá giấc mơ là một con đường vương giả để khám phá tâm hồn con người" (S.Freud). Chiêm mộng là hình thức xem thông tin tương lai qua ý nghĩa của giấc mộng. Trong *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, giấc mộng được chia thành sáu loại sau mà phần lớn mang chức năng dự báo: 1. Chiêm mộng tiên tri hay giáo huấn, một sự báo trước ít nhiều úp mở về một nguy biến đã qua, đang xảy ra hoặc sẽ đến; nguồn gốc của những giấc mộng này được quy cho một sức mạnh trên trời. 2. Giấc mộng truyền pháp nhằm đưa linh hồn sang thế giới bên kia bằng một tri thức hay một hành trình tưởng tượng. 3. Chiêm mộng thần giao cách cảm, làm cho ý nghĩ và tình cảm của những con người hoặc nhóm người xa cách liên thông được với nhau. 4. Chiêm mộng linh thị chuyển con người vào thế giới linh tưởng. 5. Chiêm mộng linh tính, cho phép ta đoán định và dành ưu tiên cho một trong ngàn khả năng. 6. Chiêm mộng thần thoại, sao lại một mẫu gốc lớn nào đó và phản ánh một mối lo âu cơ bản của cả nhân loại. Từ lâu, giấc mơ có một ý nghĩa to lớn đối với con người. Ở Ai Cập cổ đại, người ta quy cho giấc mộng một giá trị tiên báo đặc biệt: Thượng đế đã sáng tạo ra những giấc mơ để chỉ đường cho loài người, một khi họ không có khả năng nhìn thấy tương lai. Những giáo sĩ đọc chữ, những thầy tu viết chữ và những thầy đoán mộng giải thích tại các đền miếu ý nghĩa của hình tượng mộng mị, dựa vào những bí pháp lưu truyền từ thời đại này sang thời đại khác. Thuật đoán mộng được thực hành ở nhiều dân tộc. Đối với tất cả những thổ dân Bắc Mỹ, chiêm mộng là dấu hiệu tối hậu và quyết định của kinh nghiệm: "Những giấc mơ là nguồn cội của mọi điển lễ; chúng ấn định sự lựa chọn giáo sĩ và xác nhận phẩm chất thuật sĩ; từ nơi ấy phát sinh ra y học, tên mà người ta đặt cho những đứa con của mình và những kiêng kỵ; chiêm mộng xếp đặt những cuộc chiến tranh, những cuộc đi săn, những án tử hình và những viện trợ cần được đem đến; chỉ có chúng mới xuyên thủng được đêm tối của thế giới bên kia; chiêm mộng củng cố truyền thống: nó là con dấu của pháp chế và quyền uy" [14, tr. 165].

Dùng phương thức giấc mộng để phản ánh đời sống, tâm lí con người là một truyền thống của văn học, đặc biệt là văn học phương Đông. Nhiều nhà văn dùng mộng để truyền tải những thông điệp về cuộc đời nhân sinh trong nhiều tác phẩm lừng danh như: *Nguyên sinh mộng du lục* (Im Je), *Cửu vân mộng* (Kim Man Jung), *Chẩm trung kế* (Thẩm Kí Tế), *Nam Kha kí thuật* (Lí Công Tá), *Hồng lâu mộng* (Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc), *Mộng phù kiều* (chương cuối truyện *Ghenjy*), *Yogavasistha* (với 55 truyện kể về giấc mơ)… Một trong những ý nghĩa của các giấc mộng trong các tác phẩm trên là báo trước tương lai nhân vật, tiêu biểu như trong *Hồng lâu mộng*, giấc mơ của nhân vật Bảo Ngọc ở hồi 5 và 116 có chi tiết về quyển sách *Kim Lăng thập nhị thoa chính sách* nói về số phận của mười hai cô gái trong phủ họ Giả. Trong VXTSTĐVN, dự báo qua mộng xuất hiện 144 lần/ 101 tác phẩm.

Mộng dự báo trong VXTSTĐVN có các kiểu loại: mộng *ban tặng* (vật, tặng người (con cái, bề tôi, vợ) để thưởng, trợ giúp…; mộng *cảnh báo nguy hiểm*; mộng *báo trước tương lai*, mộng *hứa hẹn*, mộng *trách mắng và đe doạ*, mộng *chữa bệnh*, mộng *trợ giúp*…

Giấc mơ - từ xưa đến nay vẫn là một cái nút khó cởi trong tâm hồn nhân loại. Việc khó khăn trong chinh phục, nắm bắt , giải mã giấc mơ đã tạo cho nó sự quyến rũ đến không ngờ. Sự xuất hiện các motif giấc mơ luôn đi kèm với việc giải nghĩa. Văn hóa đoán mộng phương Đông có các phương pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, giải thích trực tiếp về hình tượng trong giấc mộng gọi là "trực mộng", trực tiếp giải thích hình tượng giấc mộng thành những sự việc của con người mà nó dự báo; các loại hình tượng mộng nào, ắt có sự việc của con người tương ứng về nội dung và hình thức với hình tượng ấy; thứ hai, giải thích cặn kẽ về hình tượng trong giấc mộng (có nhiều phương pháp như: chiết tự, tượng trưng, liên loại…); thứ ba, phản mộng - nguyên lý của phương pháp này dựa trên cách hiểu, giấc mơ là âm bản của cuộc đời thực, nó trái ngược với cuộc đời thực vì thế thường được được trình bày ngược lại những ý thức của hoạt động ban ngày [64], [142]. Các tác giả trung đại đã sử dụng các cách trên để lý giải để xử lý thông tin mộng như giải thích trực tiếp: Ông Nguyễn Trật chiêm bao thấy thần nhân bảo: "Khương! Khương", nghĩ chắc là gừng nên đem vào trường thi, quả nhiên có người bị đau bụng (*Ông Nguyễn Trật - TTNL*). Có trường hợp cần cách giải thích trực tiếp để giải mộng nhưng lại dùng phương pháp khác nên nhận thông tin sai. Mạc Đăng Dung nằm mơ thấy thần bảo: "Ba Đô được thiên hạ" không hiểu là "đô thứ ba" - chỉ nhà vua, mà hiểu chệch sang bố con thám hoa Đình Lưu vì thấy bố tài lực, con lỗi lạc, bèn bắt hai bố con phải tự sát (*Thám hoa Đinh Lưu - CDTK*); giải thích trình bày cặn kẽ (gồm phá dịch, chiết tự, tượng trưng…). Phương pháp "phá dịch" được xem là khó nhất trong đoán mộng. Phá dịch là việc xuyên sâu, băng qua các hình tượng trong giấc mơ sau đó dịch, luận ra ý nghĩa, đây là phương pháp vận dụng liên ngành các phương pháp khác. Phải là người có kiến thức uyên thâm, thông văn bác cổ mới có thể làm. Phương pháp phá dịch có thể thấy trong chi tiết nhân vật Cao Biền dùng phương pháp này khi thần Long Đỗ, đoán mình sắp về nước, sau quả đúng như vậy (*Quảng Lợi Thánh hựu Uy tế Phu ứng Đại vương - VĐUL*). Phương pháp tượng trưng được dùng khá phổ biến (thường đi kèm motif điềm báo sinh con): Ngọc Hoan nằm mộng thấy thần nhân cho một tấm đoạn vẽ đầu rồng, Khê Trung Hầu giải mộng biết chắc là điềm sinh Thánh nhưng trong cách nghĩ và lý giải của Trịnh Sâm cho rằng đầu rồng tuy có khí tượng làm vua, nhưng là đầu rồng vẽ không phải là rồng thật, mà chỉ có đầu không có đuôi, như vậy chưa hẳn đã là điềm tốt (*HLNTC*). Ông Đinh Hoàn mộng thấy thần nói thượng đế ban cho một cây bút thì giải mộng rằng bệnh chắc không khỏi, sẽ phải chết, việc ban bút tượng trưng cho công việc bút mực ở Thiên đình (*Truyện người liệt nữ ở An Ấp - TKTP*). Như vậy, cách lý giải dùng phương pháp nào còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác.

2.2.1.5. Tướng số

Tướng số là loại hình dự báo dựa trên việc quan sát những đặc điểm nhận biết được từ con người, chủ yếu qua hình tướng và tâm tướng. Nếu hình tướng dựa trên việc quan sát tướng mặt, tay chân, nốt ruồi cùng những dấu hiệu dị biệt với các đặc điểm về dáng vẻ, màu sắc, số lượng, kiểu loại, vị trí… thì tâm tướng dựa vào tâm tốt hay xấu để đoán lành dữ hoạ phúc. Trong tướng thuật, tâm tướng được đề cao: sách *Thái Thanh Thần giám* đời Thanh, thiên *Luận Đức* viết: "Đức là cái nghĩa lớn vậy thay! Trời có đại đức, bốn mùa vận chuyển mà bậc trưởng ở vị cao, đất có chí đức, vạn vật sinh sôi mà bậc trưởng ở vị hậu; người có đức thì cũng như vậy. Cho nên, nếu được đạo trời bảo trợ thì lòng người theo về, được hưởng lộc trường thọ, có thể hiếu với người trên, giữ lòng trung với vua, hoà hợp với mọi người, giúp ích cho muôn vật, nêu gương về đức, làm tiêu biểu về hạnh; nếu không được ban thưởng của cõi dương thì tất được báo đáp ở cõi âm, nếu bản thân không được hưởng thì con cháu sẽ được hưởng. Cho nên, người giỏi xem tướng trước hết xét cái đức rồi sau mới xem tướng mạo. Vì vậy, có đức tốt mà tướng mạo xấu không gây trở ngại cho việc trở thành người quân tử; tướng mạo tốt mà đức hạnh xấu không khỏi trở thành kẻ tiểu nhân" [141]. Trong VXTSTĐVN, dự báo qua tướng số xuất hiện 44 lần/ 34 tác phẩm. Loại hình dự báo này chủ yếu được các nhà văn nghiêng về tả nam nhân (như nhân vật thánh nhân, đế vương), hơn là tả nữ nhân. Tuy thế, ta vẫn có thể bắt gặp một vài chân dung nhân vật nữ được miêu tả từ góc nhìn tướng thuật mà qua đó thấy được tương lai của họ. Chân dung Bà Triệu được miêu tả với các kí hiệu từ những chân dung nam giới,: "*mũi hổ, trán rồng, đầu báo, hàm én*" (*Lệ Hải Bà vương kí - VĐULT*) [113, tr. 83] vì đối chiếu theo sách của Hoàng Phủ Mật viết về chân dung các anh hùng văn hóa Trung Quốc thì "*mũi hùm*" giống Vua Vũ: "*mũi hổ, mồm lớn, tai có ba vành, trên đầu có móc và búa*", còn "*đầu báo, hàm én*" là vay mượn từ hình ảnh Trương Phi (*Tam quốc diễn nghĩa*). Nếu chân dung bà không có thêm những kí hiệu miêu tả như: "*Mặt hoa, tóc mây, môi đào, vú dài ba thước, sắc đẹp phải động lòng người*" thì khó mà nhận ra chân dung phụ nữ. Đây là một trường hợp rất hiếm gặp vì trong một chân dung nhân vật tồn tại cả tướng thuật nam và nữ. Nếu chúng ta đối chiếu nguyên mẫu lịch sử và hình tượng văn học sẽ hiểu vì sao nhà văn lại xây dựng như thế. Những kí hiệu xuất hiện trong chân dung với các con vật như rồng, hổ, báo, én (những hình ảnh này thường xuất hiện trong nhân vật đế vương)… là nhằm ngợi ca sức mạnh, tầm vóc, sức ảnh hưởng và dự báo sự nghiệp của nhân vật về sau. Nếu nhà văn chỉ dừng lại ở đây, thì người đọc sẽ không nhận ra tính nữ[18] của nhân vật, vậy nên đã miêu tả, ghép thêm

[18] Còn một chi tiết đáng bàn đến là "vú dài ba thước", đến mức mỗi lúc đánh trận "thường vắt vú ra sau vai". Trong tướng mệnh học tướng vú dài quá cỡ bình thường nói trên chỉ người phụ nữ "có bản lĩnh, dũng khí hơn người", phản ánh đúng tính cách, bản lĩnh của Bà Triệu. Tuy nhiên, nhìn mặt khác của hiện tượng miêu tả về tướng số thì có thể tìm thấy dấu vết bản địa của nhân vật này: "Nhân vật lịch sử mang đậm tính bản xứ này (một người đàn bà lãnh tụ) nhanh chóng trở về với khu vực văn hoá khác - Hán, có vú dài ba/ năm thước, chuyện hẳn là được hình thành về sau, có thể mãi đến thế kỉ VII – IX, thuộc thời đại thành hình phần lớn truyện của *VĐULT*, thời gian đủ cho sự thoát xác đó được người Trung Quốc ghi nhận ở Thái bình

vào các đường nét kí hiệu vốn vẫn xuất hiện trong chân dung giai nhân như *hoa, mây, hoa đào.* Vậy nên, nhân vật tuy đầy uy vũ nhưng vẫn không mất đi vẻ đẹp mềm mại, rung động lòng người. Thậm chí, giặc Ngô còn gọi bà là Nhuỵ kiều tướng quân (vị nữ tướng yêu kiều). *Trong chân dung nhân vật nữ, tâm tướng rất được các nhà văn chú ý miêu tả qua dáng vẻ, nội tâm, ngôn ngữ nhân vật.* Tướng thuật coi trọng sự tu dưỡng nội tâm, cho rằng sự tu dưỡng nội tâm và cử chỉ hành vi mẫu mực có tác dụng quyết định hoạ phúc tương lai. Hiếu liêm, và trinh tiết là một trong những nội dung chủ yếu của luân lý phong kiến. Quan niệm luân lý đó lại phụ thuộc vào tướng mạo, tức là từ tướng mạo có thể biết được một người nào đó có hiếu đễ và trinh tiết không, vì: "Tướng, tự tâm sinh, tướng, tuỳ tâm diệt". Trong cách tác giả miêu tả về nhân vật từ ngoại hình, phục sức, dáng vẻ, tâm tính cũng cho người đọc thấy được thái độ của tác giả là khen hay chê: "Tống thị tuy là phận gái nhưng có chí lớn, nhan sắc hoa thẹn, nguyệt mờ, dáng điệu nhạn rơi cá lặn, *tính tình lẳng lơ* mây sớm gió chiều, thần Hồ nhớ Việt, nói năng khéo léo khoái hoạt, cợt gió đùa trăng, phong thái chẳng kém gì Ly Cơ, Tiểu Muội" (*NTCNDC*) [30, tr. 206]. Sư cụ Pháp Vân sau khi quan sát Đào Hàn Than, đã nhận xét với Vô Kỷ rằng: "Người con gái này, *nết không cẩn nguyệt, tính bén lẳng lơ*. Tuổi đã trẻ trung, sắc lại lộng lẫy, ta e lòng thiền không phải sắt đá, sắc đẹp dễ mê người, tuy sen hồng chẳng nhuộm bùn đen, nhưng tấc mây dễ mờ bóng nguyệt" [113, tr. 234]. Quả nhiên, sau này, khi đã đi tu rồi mà Hàn Than tính nết vẫn chưa trừ bỏ, mỗi lúc ở nhà dưới đi lên, mặc áo lụa, quần là, môi son, má phấn, khiến cho hoa tình khai nở giữa chốn thiền môn. Nàng có thai và chết trong lúc sinh con (*Chuyện nghiệp oan Đào thị - TKML*). Phu nhân của Đinh Hoàn thì được miêu tả: "*Nghi dung thanh nhã, cử chỉ đoan trang*", rõ ràng, là một tiết phụ trinh liệt (*Truyện người liệt nữ ở An Ấp - TKTP*) [113, tr. 357]. Như vậy, trong cách tác giả miêu tả với những so sánh trên gắn với quan niệm về Trinh/ Dâm. Người trung trinh phải là mẫu như Thuý Vân: chừng mực, đoan trang, nói năng, cử chỉ mực thước, khiến cho thiên nhiên, vũ trụ nguyện lui nhường, ủng hộ: "*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang/ Hoa cười ngọt thốt đoan trang/ Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da*" (*Truyện Kiều*). Theo tướng mệnh học, cuộc đời của người đàn bà hữu hạnh hay bất hạnh hoàn toàn thuộc về tướng cách của người đó, nhan sắc có thể là dấu hiệu của phúc nhưng cũng có thể là điềm dữ, chỉ có tướng cách tốt mới khả dĩ có một số phận an yên. Chân dung nhân vật nam được các nhà văn chú ý miêu tả, phần này chúng tôi sẽ nói kĩ hơn trong phần *Nhân vật ở Chương 4* của luận án

---

hoàn vũ kí (thế kỉ X). Bà Triệu mang hình ảnh hai bà họ Tẩy trên vùng Nam Trung Hoa, một của thời Triệu Đà, một ở vào thế kỉ VI thuộc vào nửa phần phía Bắc có hệ thống người khổng lồ trong nền văn minh Man, theo tên đề nghị của E. Porée-Maspéro. Tính chất khổng lồ đó được nhấn mạnh ở sự khác thường của cơ quan sinh dục. Nhưng trong khi nhân vật nữ ở Phnom Ci (Kampuchia) được biểu hiện thô tục, gần với tính cách nguyên thuỷ hơn, thì Bà Triệu được tả thanh nhã hơn, bởi đam người chịu ảnh hưởng Hán rõ ràng không chấp nhận một hình ảnh "dâm bôn" tuy họ đã chịu nói đến cặp vú dài (kể cả đủ vắt lên vai!) Nghĩa là dấu vết nguyên thuỷ, bản xứ còn được giữ lại ở hình ảnh Bà Triệu huyền thoại trên vùng rừng núi, trên đất Cửu Chân xa, trong khi Hai Bà Trưng trên vùng đồng bằng phía Bắc vẫn chỉ là người - thần bình thường" [206, tr. 90].

2.2.1.6. Xem Kinh Dịch, tử vi

Bói Dịch là cách xem bói dùng công cụ là cỏ thi tạo nên các hào quẻ và việc lí giải dựa vào sách *Kinh Dịch*. Đây là một trong những loại hình dự báo đòi hỏi kĩ thuật phức tạp nhất, vì thế, người dự báo đều là những người có kiến thức uyên thâm. Trong VXTSTĐVN có những nhân vật được tác giả ngợi ca tài năng, mà một trong những biểu hiện đó là khả năng tinh thông Dịch lí như nàng Bích Châu (*Truyện ngôi đền thiêng ở cửa bể - TKTP*), sư Vạn Hạnh (*TUTA, Việt sử lược*…), Nguyễn Bỉnh Khiêm (*Truyện Bạch Vân am - Nam thiên trân dị tập*), Nguyễn Trãi (*Việt Lam xuân thu*)… Dự báo qua xem *Kinh Dịch* xuất hiện 10 lần/ 10 tác phẩm trong VXTSTĐVN. Trong đó, nội dung dự báo của *Kinh Dịch* thường tập trung vào sự kiện liên quan đến cộng đồng như đánh giặc, chinh phạt. *Truyện đền thiêng cửa bể*, có chi tiết: trong cuộc hành quân vua Lý đi đánh Chiêm Thành, lúc gần nửa đêm, Bích Châu xem thiên tượng, thấy một đạo hắc khí từ phương Đông lại, lấn vào một ngôi sao thứ tư Bắc cực rất gấp bèn bói một quẻ *Kinh Dịch*. Khi thấy kết quả trúng vào quẻ *Dịch* biến sang quẻ *Di*, nàng dự đoán được cuộc chinh phạt này sẽ gặp thất bại: "Trong quẻ "dụng đảng" nhiều, "thể đảng" ít, ngoại khí vượng, nội khí suy (*TKTP*). Ngoài ra, những sự kiện liên quan đến cá nhân vật nổi tiếng cũng được dự báo bằng *Kinh Dịch* như trong truyện *Chó đá* có chi tiết: chùa Cổ Pháp có một vị sư tên là Lý Văn Khánh rất tinh thông *Kinh Dịch*. Chùa có hai con chó đá, bỗng một hôm nghe tiếng chó sủa, sư bèn đem *Kinh Dịch* ra bói, được hào *Cửu nhị* trong quẻ *Càn* (Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân) (ý nói sẽ có thánh nhân đến). Sáng hôm sau, có một cậu bé tướng mạo khôi ngô đến chùa, sau này trở thành vua Lý Thái Tổ (*Hát đông thư dị*).

Xem tử vi: Phương pháp xem tử vi được xây dựng trên các thuyết âm dương, ngũ hành, can chi…, bằng cách lập lá số tử vi căn cứ vào giờ, ngày, tháng, năm sinh theo âm lịch và giới tính để lý giải những diễn biến xảy ra trong đời người... Đối tượng của xem bói trong tử vi là số mệnh con người. Số mệnh con người được xét trong tử vi là số phận con người gắn liền với gia đình, dòng họ (ông bà, bố mẹ, anh em, con cái) và những mối quan hệ xã hội. Trong VXTSTĐVN, dự báo tử vi xuất hiện khá ít ỏi, chỉ với 6 lần/ 5 tác phẩm. Có thể thấy, loại hình dự báo này các nhà văn trung đại ít sử dụng trong kiến tạo tác phẩm. Dự báo qua tử vi chủ yếu nói đến số phận, vận mệnh cá nhân, với những sự kiện có tính chất đời tư như phú quý, công danh, hôn phối. Trong truyện *Người trần ở thuỷ phủ*, người ông xem cung mệnh cho cháu thấy cung mệnh có ghi: "Lìa trần ba năm/ Cưới vợ thủy phủ/ Rễ tội đã trừ/ Hoàn hồn như cục/ Tuổi ba mươi tám/ Mới được thành danh/ Đầy sân lan quế/ Phúc trạch còn danh", cho thấy: người cháu sẽ không sống ở trần gian ba năm, lấy vợ ở cõi thuỷ phủ, sau đó trở lại mặt đất và công danh thành đạt. Quả nhiên sau này, số phận người cháu ứng nghiệm như vậy [114, tr. 580].

2.2.1.7. Phong thuỷ, trạch cát

Phong thủy còn gọi là *Kham dư* - lí thuyết này cho rằng hình thế, hướng gió, dòng chảy xung quanh nhà ở hoặc mồ mả, có thể đem đến họa, phúc cho người ở hoặc của hậu duệ người đã khuất, cũng chỉ cả cách xem nhà ở, phần mộ. Trong VXTSTĐVN, dự báo tiên tri xuất hiện 54 lần/ 45 tác phẩm. Trong văn học cổ trung đại nước ta, dự báo qua phong thuỷ lí giải sự hưng thịnh của các triều đại và sự thành bại, hoạ phúc của cá nhân (nhất là chuyện thi cử, quan trường). Phong thuỷ đẹp dẫn đến kết cục tốt lành cho con cháu một cách ngẫu nhiên như thiên táng thì rất hiềm hoi, mà thường phải được các thầy địa lí chọn lựa. Kĩ thuật, cách thức xem phong thuỷ được dựa trên một số *nguyên tắc cơ bản* của táng địa là: "Rồng đến có thế, phát mạch từ xa", *việc lựa chọn táng địa đầu tiên phải xem đến thế của sơn mạch trên phạm vi vĩ mô*[19]. Trong *Hoan Châu kí*, nhân vật cụ già kì lạ chính là một thầy phong thuỷ cự phách tìm huyệt cho nhà Nguyễn Cảnh: "đi vào núi Mộng Sơn, xem kĩ địa hình ngôi mộ tổ của Nguyễn Cảnh, thấy có kiểu "Từ lâu hạ điện", bèn lần theo long mạch tìm đến xã Hoa Lâm, thấy hòn Ngọc Sơn đỉnh cao to khí thế". Áp dụng đúng nguyên tắc của phong thuỷ táng địa, ông cụ nhanh chóng phát hiện ở vùng có một ngôi đất quý "tân long chuyển tốn nhập tả hữu, cước kết kim tinh khai thủy huyệt", phía trước thì phân, phía sau thì hợp, bên trái thì rồng, bên phải thì hổ, có vẻ như trương cờ mở lọng, mặt trước có sông lớn chảy qua, dòng lượn quanh co, nước trong leo lẻo, đây đúng là đất phát "tam công, võ tướng". Quả nhiên, sau này, nhà Cảnh Thị con cháu phát công khanh. Thuyết *Tàng phong đắc thủy* cho rằng "phong" và "thủy" là nhân tố quan trọng để giữ gìn sinh khí, *vừa phải tàng phong lại vừa phải đắc thủy*. Phép này xem đắc thủy trên tàng phong, thủy trở thành nhân tố quan trọng nhất để giữ gìn môi trường sinh thái có sinh khí. Quang Thục Hoàng Thái hậu sinh được vương tử là nhờ thủa còn là người thường, ngụ tại phía Nam nhà Quốc tử giám. Nơi đây nước hồ bao bọc xung quanh nhà, các thầy địa lí cho là có khí thiên tử (*Thánh Tông Hoàng đế - TTNL*). Như vậy, trong quan niệm của con người, gió và nước - hai yếu tố đại diện cho môi trường sinh thái, có sự tác động cực kỳ to lớn đến đời sống con người. Muốn có kết cục thành công tốt đẹp, bên cạnh *thiên thời* (vận động lịch sử phù hợp, đúng nhịp) và *nhân hoà* (sinh thái xã hội lí tưởng), thì con người phải hội tụ được cả *địa lợi* (môi trường tự nhiên thuận lợi).

Văn hóa phong thủy qua sự tiếp nhận của người dân ta ngoài ý nghĩa dự báo thành đạt còn có ý nghĩa phản biện là con người muốn dùng phong thủy để thay đổi số mệnh của mình nhưng mưu sự tại nhân thành sự tại thiên, địa lý không thắng nổi thiên lý. Trong các

---

[19]Trong phong thủy gọi núi đến từ xa là *thế*, núi ở nơi gần là *hình*. Trước tiên, bàn về thế, sau đó bàn về hình, hình do thế quyết định. Các nhà phong thủy cho rằng thế lai long uốn lượn uyển chuyển là rất tốt cho sự hình thành sinh khí to lớn cho nên trong *Táng thư* cũng có ghi "địa thế nguyên mạch, sơn thế nguyên cốt, uốn lượn Đông Tây hoặc là Bắc Nam, ngàn thước là thế, trăm thước là hình. Thế đến hình dừng, là nơi toàn khí. Đất toàn khí an táng phù hợp". Thế của rồng thường có quan hệ với phát mạch xa xôi, đều ở những dãy núi hội tụ, cho nên mới gọi là Lai long thiên lý, ý nói huyệt vị phong thủy thường có quan hệ với đầu nguồn của long mạch, chỉ có sơn mạch to lớn mới có thể hình thành chi long dài rộng.

quan giữ chức độ hộ tại nước Nam thì Cao Biền là một trong những nhân vật nổi tiếng nhất và có sức ảnh hưởng lâu dài nhất[20]. Cao Biền được cử sang nước ta không chỉ với nhiệm vụ cai trị mà kiêm việc quan trọng là triệt phá long mạch, làm suy kiệt người tài, vượng khí nước Nam. Một kẻ như Cao Biền thì tham vọng không tầm thường, không thể chỉ dừng lại ở chức quan Đô hộ. Có lẽ, trong thời gian ở nước Nam, Cao Biền đã manh nha ý đồ cát cứ, xưng vương. Trong *Chiếu dời đô*, Lý Công Uẩn đã gọi đích danh Cao Biền là *Cao Vương* (*TTTN nhấn mạnh*): "Huống Cao Vương cố đô Đại La thành, trạch thiên địa khu vực chi trung; đắc long bàn hổ cứ chi thế". Cao Biền tuy nắm rõ quyền phép, ma thuật, phong thuỷ, đoán trước tương lai nhưng kết cục vẫn bị triệu về nước và bị giết. Trong VXTSTĐVN, Cao Biền khi cố gắng trấn yểm long mạch nước ta thì cũng là lúc chứng kiến khí thiêng nước Nam mà tự đoán được trước số mệnh không hay của mình: "Ta sắp về Bắc mất" (*Quảng Lợi Thánh hựu Uy tế Phu ứng Đại vương - VĐULT*), rồi quả nhiên Biền phải về thật; *Truyện sông Tô Lịch* chép trong *Lĩnh nam chích quái* có chi tiết khi Biền chứng kiến sự linh dị của thần sông Tô Lịch thì rất kinh hãi, than rằng: "Xứ này có thần linh dị, ở lâu tất chuốc lấy tai vạ". Sau Ý Tông triệu Biền về, quả nhiên Biền bị giết. Nghịch lí cuộc đời thật trớ trêu, những bậc thầy về phong thủy như Cao Biền, Tả Ao, cuối cùng, cũng chẳng thể toại nguyện, được táng mộ phần gia tiên vào huyệt rồng để mưu nghiệp vương bá. Thật đúng là: "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên", như lời cổ nhân từng nói.

Trạch cát: Con người tồn tại giữa không gian và thời gian. Nếu thuật phong thuỷ xác định vị thế con người trong không gian thì trạch cát lựa chọn thời cơ cho hành động. Bởi vậy, phong thuỷ và trạch cát có mối quan hệ mật thiết với nhau. Phương pháp chọn ngày giờ tốt gọi là thuật trạch cát. Bất cứ một hình thức bói toán, dự báo nào mục đích cuối cùng là đều giúp con người phán đoán đúng, mách bảo cho mọi người nên làm hay không, có thể làm được hay không, làm thì lợi hay hại. Tuy nhiên, nó không mách bảo giờ nào làm, hướng nào làm thì có lợi. Trạch cát sẽ cung cấp ngày giờ, phương vị tốt lành để giúp thành công. Người dân thời cổ trung đại khi chuẩn bị làm một việc quan trọng thường rất quan tâm việc phải bói xem ngày tốt xấu. Trong VXTSTĐVN, dự báo qua trạch cát xuất hiện khá hiếm hoi chỉ 3 lần/ 3 tác phẩm.Trong VXTSTĐVN kể nhiều chi tiết liên quan đến việc chọn ngày báo trước thành bại. Theo quan niệm xưa, ngày giờ tốt xấu dưới sự cai quản của mỗi vị thần sẽ dẫn đến những kết quả khác nhau vì thế với những sự kiện trọng đại của đời sống cá nhân và cộng đồng người ta đều xem ngày giờ. Ngũ Phúc đem quân vào Phú Xuân, lên đường vào ngày mồng năm, có kẻ cuồng phu vin thành xe mà can rằng: "Tướng quân xuất binh hôm nay là ngày xấu, đến ngày mười tám sẽ biết. Phúc cho là người điên nói nhảm, bỏ ngoài tai không nghe". Kết cục, Ngũ Phúc ốm chết dọc đường, đúng như lời nói của người điên đã báo trước (*Hoàng Việt long hưng chí)*.

---

[20] Thậm chí là cho đến ngày nay, người ta vẫn tin là bùa phép trấn yểm thành Đại La mới được bóc đi sau nhiều cố gắng nỗ lực mời các cao tăng Ấn Độ.

2.2.1.8. Thái ất, lục nhâm, độn giáp

Ba phương pháp này thường được vận dụng trong chiến trận, dựa trên sự luân chuyển của âm dương ngũ hành sinh khắc tổng hợp về tuổi tác, ngày tháng, phương hướng để đoán cát hung, nhằm giành thắng lợi. Trong VXTSTĐVN, dự báo qua thái ất, lục nhâm, độn giáp xuất hiện 8 lần/ 4 tác phẩm. Có thể dẫn ra đây một đoạn tiêu biểu cho sự vận dụng tổng hợp các phương cách trên trong *Việt Nam kì phùng sự lục*. Trong đoạn này tác giả đã để lại rất nhiều từ chuyên ngành dự báo, nếu không có kiến thức chuyên ngành hẹp thì người đọc rất vất vả khi tiếp nhận: "Bỗng ở chỗ dựng cờ gió lớn từ phương Đông thổi tới, bụi bay mù mịt cả cánh đồng. Công nói: gió này chủ về cát hay hung? Nàng nói: gió này gọi là gió rung tai, chủ về có giặc đến. Nhưng hôm nay nhằm ngày Kỉ Tỵ, âm gió thuộc "giốc" mà gió từ Mão đến, âm nó thuộc "vũ", thủy lai tư mộc, nước đến tưới cho cây lớn, là mẹ giúp con. Quân ta ắt đại thắng. Vả thiếp cũng đã bói một quẻ "Mão tướng Ngọ thời". Công bản mệnh Thìn, ba mươi mốt tuổi, hành niên tại Dần, tuổi khắc Câu Trần Bạch Hổ, mệnh khắc Huyền vũ Du đô, hơn nữa Nhật can khắc Câu Trần, Câu Trần khắc Huyền Vũ mà tam nguyên vô cứu, tất nhiên cuốn chiếu ruổi đài, du chi dương thần, thượng kim hạ thổ, ắt sẽ theo đường hẻm đá xuống khe, bắt giặc tại đây, chẳng sai muôn một. Duy Vũ dương thần, lại gặp đất lạ, về sau có thiên tướng tới tìm, là lẽ tất nhiên. Vậy hãy bài binh để đợi giặc" [114, tr. 447]. Sau khi phân tích dựa trên phép lục nhâm, độn giáp, Hoa Viên liền bày binh bố trận bát quái cũng dựa trên phép thái ất và độn giáp: "Đây là *Thái ất cổ trận*. Lại phi kì hành độn giáp, âm dương thuận nghịch, môn hộ đa minh, thiên địa phong vận là tứ chính; long hổ ô xà là tứ kì, cấn phượng tám cờ xanh, là hướng cửa sống. Khôn thượng hai cờ vàng là đường cửa chết. Tốn thượng bốn cờ đỏ, bịt cửa vườn trời mà giữ, càn thượng sáu cờ đen, khai hành thiên tâm mà làm chủ. Nếu giặc phạm tứ phương thì nhật binh nhị dực, có chính có ứng, giặc phạm vào tứ giác (bốn góc) thì kì có thể làm chính, chính có thể làm kì. Còn như tuỳ cơ ứng biến thì chỉ có thể đến lúc lâm thời có thể làm được" [114, tr. 47]. Nếu như không có các kiến thức nền tảng về âm dương ngũ hành, thiên can địa chi, sự biến đổi của các vòng thái ất, lục nhâm, độn giáp thì khó mà đọc "thủng" đoạn văn trên.

Sau quá trình phân loại dự báo theo hình thức kĩ thuật dự báo, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Qua khảo sát trong VXTSTĐVN ta thấy xuất hiện các kiểu loại hình thức dự báo là: tiên tri, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên, điềm triệu, chiêm mộng, tướng số, *Kinh Dịch*, tử vi, phong thuỷ, trạch cát, thái ất, lục nhâm, độn giáp... *Mỗi loại có sự khác biệt trong hình thức, kĩ thuật dự báo nhưng giữa chúng vẫn có những điểm tương đồng. Tiên tri và tiếp xúc với thế giới siêu nhiên* có yếu tố tương đồng là sự kiện được biết không xuất phát từ trí tuệ con người mà được thế lực siêu nhiên "truyền cảm hứng". Tuy vậy, hai tiểu loại trong nhóm này cũng có sự khác biệt: tiên tri nghiêng về hoạt động của con người còn dự báo nhờ tiếp xúc

thế giới siêu nhiên chủ yếu là hoạt động của thánh thần mà con người là phương tiện truyền dẫn. *Điềm và chiêm mộng* có nét tương đồng về bản chất chúng giống nhau đều là những dấu hiệu có tính chất ngẫu nhiên, được trời đất quỷ thần phát ra để báo trước tương lai cho con người (tất nhiên cũng có trường hợp ngoại lệ là con người có thể có những hình thức "cầu xin" để quỷ thần phát ra tín hiệu như cầu mộng - trường hợp này không phổ biến và tiêu biểu). Một bộ phận của mộng cũng được xem là điềm nhưng về hình thức biểu hiện thì có sự khác biệt ở chỗ, điềm được tìm thấy trong thế giới hiện thực, kết quả có được nhờ sự phân tích, lí giải chủ yếu từ việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên (có cả những hiện tượng dị biệt từ con người - nhưng không phải phổ biến) còn mộng xuất phát từ thế giới ảo, thông tin nhận được từ quỷ thần. *Tướng số, Kinh Dịch, tử vi* có đặc điểm chung là dựa trên những phân tích chuyên ngành lên đối tượng để biết kết quả tương lai. *Trạch cát và phong thuỷ* giống nhau ở chỗ đó là hành động chủ động của con người để tìm kiếm sự thuận lợi, may mắn. Ngay trong ngày giờ, hay hướng, thế đất cũng đã có sẵn những dự báo, việc chọn ngày hay đất nào chính là chọn kết quả đã được có sẵn, báo trước. Sự khác biệt của nhóm này so với các nhóm trên chính là sự chủ động trong cách thức để tạo ra kết quả tốt đẹp. *Thái ất, lục nhâm, độn giáp* thường được vận dụng trong chiến trận, dựa trên sự biến huyễn, luân chuyển của âm dương ngũ hành sinh khắc, tổng hợp về tuổi tác, ngày tháng, phương hướng để đoán cát hung nhằm giành thắng lợi.

Qua khảo sát, thống kê dự báo xuất hiện trong 245/ 738 tác phẩm được khảo sát, trong đó: mộng có tần số xuất hiện nhiều nhất 144 lần/ 101 tác phẩm, tiếp đến là tiên tri 83 lần/ 66 tác phẩm, điềm triệu 79 lần/ 32 tác phẩm, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên 76 lần/ 68 tác phẩm, phong thuỷ 54 lần/ 45 tác phẩm, tướng số 45 lần/ 34 tác phẩm, tử vi 8 lần/ 8 tác phẩm, thái ất, lục nhâm, độn giáp 8 lần/ 4 tác phẩm, hình thức khác hoặc không rõ hình thức 51 lần/ 13 tác phẩm (Xin xem thêm cụ thể ở *Phụ lục 5*).

Có nhiều nhà nghiên cứu phân chia các thời điểm của VXTSTĐVN thành từng mốc khác nhau, ở đây, chúng tôi sử dụng quan điểm của Nguyễn Đăng Na, chia làm bốn thời kỳ phát triển chính: giai đoạn một (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV), giai đoạn hai (từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII), giai đoạn ba (đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX), giai đoạn bốn (nửa cuối thế kỉ XIX). Giai đoạn một, phương thức dự báo tiêu biểu nhất có số lần xuất hiện nhiều nhất là dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên. Điều này hoàn toàn dễ lí giải vì giai đoạn đầu, văn học chịu ảnh hưởng của văn học dân gian đậm nét nhất và mang chức năng tôn giáo. Để khẳng định, ngợi ca sức mạnh, vẻ đẹp, sức ảnh hưởng, sự hiển linh của các thánh thần được kể đến trong tác phẩm văn học, một trong những nội dung và kĩ thuật viết văn được các tác giả khai thác là dự báo. Vấn đề đặt ra vì sao phương thức dự báo là mộng được gặp nhiều nhất? Trong tâm thức tiếp nhận, mộng có lẽ là phương thức phổ biến, dễ dàng được đón nhận nhất đối với các tầng lớp phổ thông trong xã hội. Thêm nữa,

trong loại truyện dạng viết về tiểu sử thần thánh thì phần cuối, viết về sự hoá thân và hiển linh của họ, thường xuất hiện chi tiết nhân vật xuất hiện trong giấc mộng của các đấng tướng lĩnh, quân vương để phù trợ như là cách chứng minh tiêu biểu cho sự bất tử. *VĐULT* viết về những con người thật, lúc sống có công lao với nhân dân, dân tộc, lúc chết đi họ lại hiển linh âm phù để bảo quốc, lợi dân, vì thế, trong phần đầu, khi giới thiệu về xuất thân, tướng mạo của họ tác giả thường khai thác yếu tố dự báo thông qua tướng mạo để cho người đọc thấy được họ không phải người bình thường mà chắc chắn sẽ làm nên những điều kì diệu (Phùng Hưng, Bà Triệu, Lý Ông Trọng…).

Giai đoạn hai, CPTDB xuất hiện đa dạng hơn, ngoài dấu ấn của mộng vẫn tiếp tục được khẳng định thì có sự xuất hiện đột phá của phương thức tiên tri và rải rác một số kiểu loại dự báo khác như điềm báo, tướng số, xem quẻ *Dịch*… So với giai đoạn một thì giai đoạn này dự báo xuất hiện phong phú về kiểu loại hơn, đặc biệt có sự xuất hiện lớn của tiên tri bên cạnh mộng và các phương thức phân tích để ra dự báo. Điều này không chỉ thể hiện một bước trong tư duy con người trung đại là đi từ việc chờ đợi dấu hiệu từ trời, thần tiên đến việc quan sát, phân tích mà còn phản ánh một đặc điểm của văn học là giai đoạn này văn học đã có dấu hiệu thoát dần khỏi chức năng nghi lễ tâm linh, để bắt đầu phản ánh hiện thực cuộc sống. Từ nhu cầu phản ánh sự phong phú của cuộc sống, của những số phận cá nhân mà các nhà văn đã tìm thêm nhiều CPTDB làm phương tiện chuyển tải.

Giai đoạn ba, CPTDB nở rộ cả về số lượng lẫn hình thức dự báo, có những tập truyện, mà hầu như ở truyện nào tác giả cũng sử dụng yếu tố dự báo, thậm chí dùng dự báo, hoặc liên quan đến dự báo để đặt tên cho tập truyện hoặc nhóm truyện, tiêu biểu như: *Âm phần dương trạch* (viết về mồ mả, chỗ ở của các nhân vật nổi danh) (*CDTK*), *Mộng kí, phụ tạp kí* (viết về các giấc mộng liên quan đến thi cử đỗ đạt của các triều sĩ) (*Công dư tiệp kí tục biên*)… Phương thức dự báo xuất hiện chiếm vị trí trung tâm trong giai đoạn này là phong thuỷ và mộng. Giai đoạn văn học này xuất hiện trong khoảng thời gian từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ VIX, giai đoạn lịch sử có nhiều biến động, chiến tranh, sự thay đổi triều đại… Con người đứng trước những biến động dữ dội của thời đại, không biết tương lai số phận ngày mai như thế nào. Vì thế, người ta rất cần đến dự báo, nhờ đến dự báo như một liều thuốc tâm lí để vượt qua hoàn cảnh, với niềm tin vào một tương lai tươi sáng hơn cho bản thân và gia đình nhờ những ngôi đất phong thuỷ, nhờ sự gặp gỡ với đấng siêu nhiên. Tâm thức này được phản ánh rất rõ vào trong văn học. Để chấp nhận, hoặc lí giải hiện thực, con người tin vào định mệnh chi phối. Giai đoạn bốn, CPTDB được sử dụng tương đối thưa hơn so với những giai đoạn trước. Phương thức dự báo chủ yếu được các nhà văn sử dụng là mộng (gặp thần tiên trong mộng) và lên đồng. Bên cạnh đó xuất hiện rải rác các dự báo khác báo hiệu văn học dân tộc đang bước sang một giai đoạn chuyển tiếp mới. Tâm thức

thiên về duy lí hơn duy tâm của các nhà văn giai đoạn này thể hiện rõ ở việc họ sử dụng dự báo ít hơn so với các "đồng nghiệp" ở các giai đoạn trước.

Đặc biệt, trường hợp lên đồng thì xuất hiện tập trung vào hai giai đoạn sau cùng. Điều này không phải là một sự ngẫu nhiên mà có nguyên nhân từ đời sống văn hoá và văn học. Về mặt văn hoá mà xét thì đây là thời kì suy tàn của Nho giáo nên các nguồn dòng tín ngưỡng dân gian bản địa như tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và con người, tín ngưỡng thờ Mẫu có dịp được bùng lên ảnh hưởng mãnh liệt đến đời sống đương thời. Nếu các vua Lý - Trần sủng ái cả Phật - Nho - Đạo và rất khoan nhượng với tín ngưỡng đa thần dân gian, văn hóa dân gian thì ngược lại, đến thế kỷ XVI, các vua Lê mô phỏng triều Minh, xây dựng một nền quân chủ - Nho giáo độc tôn, chuyên chế. Đời vua Lê Thánh Tông thì độc tôn Nho giáo được đề cao trên mọi phương diện: nhã nhạc, phẩm phục, tang lễ… đều theo Trung Hoa; cấm điệu hát dân gian "Lý Liên" (Rí Ren); mở rộng Văn miếu - Quốc Tử Giám (1483), định lệ tế Khổng Tử (tế Đinh) xuân thu nhị kỳ ở các phủ huyện (1472); ra lệnh cấm dân làm mới chùa Phật, Đạo quán, *cấm các người làm nghề bói toán, đồng cốt* cùng Thiền sư, Đạo sĩ toàn quốc từ nay về sau không được giao thiệp, chuyện trò với người trong cung đình. Tinh thần khai phóng, cởi mở, "Tam giáo tịnh hành" của nhà Lý, nhà Trần đã biến mất, chỉ còn lại sự độc chuyên tư tưởng Nho - Tống để độc quyền quân chủ. Thế "lưỡng phân văn hóa" (dualisme culturel) giữa cung đình dân gian dần dà sâu sắc. Chính sự hà khắc và độc tôn Nho giáo đó đã dẫn đến sự *phản ứng ngược*, mà một trong những sự phản ứng gay gắt nhất là đề cao phụ nữ gắn với tục thờ Mẫu, thờ Nữ thần phát triển. Đỉnh cao nhất của thờ Mẫu ở Đại Việt là sự xuất hiện bà mẫu cao nhất của các bà mẫu, "*Tối linh chi linh*", "*Thượng thượng thượng đẳng tối linh tôn thần*" là Mẫu Liễu Hạnh. Mặc dù ghi nhận sức mạnh và uy tín của tín ngưỡng thờ Mẫu (Nhiều triều vua công nhận sắc phong thần cho Thánh Mẫu Liễu Hạnh...) nhưng Đạo Mẫu chỉ thực sự bước lên vị trí danh giá hàng quốc đạo là gắn với sự kiện vua Đồng Khánh. Năm 1885, sau khi lên ngôi thay Vua Hàm Nghi, Vua Đồng Khánh đã cho tu sửa lại điện Hòn Chén và… xưng thần dưới trướng của Thiên Y A Na. Đây là một sự kiện chưa bao giờ có trong trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam, bởi lâu nay, chỉ có vua - người đứng trên bách thần để phong thần chứ chưa hề có ai đi "hạ mình" để xưng thần. Hành động xâm lược của thực dân Pháp đã làm phá vỡ ý thức hệ Nho giáo của triều đình Nguyễn, một lần nữa đẩy đất nước vào những bi kịch xã hội hết sức nặng nề, đời sống của dân chúng trở nên khốn cùng hơn bao giờ hết. Tình hình này, ở một mức độ nào đó cũng đã tạo điều kiện cho Đạo giáo phát triển và tục thờ Mẫu từ đó cũng được xem là cứu cánh tốt nhất cho không chỉ là một số hoàng thân quốc thích mà còn là tầng lớp quan lại, binh sĩ và kể cả người dân lao động nghèo khó. Tất cả đều trong tâm trạng cần được che chở, cứu rỗi và con người tìm đến Mẫu lúc này để gửi gắm niềm tin của mình trước sự nguy hiểm bấp bênh

giữa cuộc sống và cái chết, giữa cái được và cái mất… Một trong những biểu hiện của đời sống văn hoá ấy được khúc chiếu vào văn học, được thể hiện qua việc nhà văn xây dựng nên những motif dự báo liên quan đến việc nhập đồng, lên đồng.

Như vậy, theo kĩ thuật dự báo, trong VXTSTĐVN có các kiểu dạng gồm: tiên tri, tiếp xúc thế giới siêu nhiên, điềm triệu, phong thuỷ, xem *Kinh Dịch*, tử vi, trạch cát, thái ất, lúc nhâm, độn giáp. CPTDB này xuất hiện trong các giai đoạn văn học trung đại theo những mức độ khác nhau, chịu ảnh hưởng của đời sống văn hoá và văn học. Vì thế, khi nghiên cứu dự báo không thể tách nó khỏi môi trường khởi sinh.

2.2.2. Nhận diện phân loại dự báo theo nội dung, chủ đề dự báo

Nếu nhận diện, phân loại CPTDB theo hình thức, kỹ thuật trình bày theo kiểu cắt lát ngang cho ta thấy bản chất, cách thức thực hiện để giải mã dự báo thì việc nhận diện, phân loại dự báo dựa trên nội dung, chủ đề dự báo lại được thực hiện theo kiểu bổ dọc giúp ta xâu chuỗi lại những vấn đề chính mà tất cả CPTDB đều hướng đến. Trong VXTSTĐVN, CPTDB mặc dù rất phong phú về kiểu loại, hình thức nhưng chúng đều tập trung vào dự báo một số nội dung, chủ đề như: Tật bệnh, thọ yểu, sinh tử; nhân duyên; công danh, phú quý (chủ yếu gắn với số phận cá nhân) và đánh giặc, chinh phạt; chính sự; vận nước.

2.2.2.1. Dự báo cho cá nhân

Theo nhà tâm lí học Abraham Maslow, con người là một thực thể tồn tại, cho nên những nhu cầu theo thứ tự sẽ là: sinh lí, an toàn, xã hội, tôn trọng và tự thể hiện. Như thế, nhu cầu được thoả mãn bản năng, được tồn tại an toàn có trước, rồi mới tiếp đến là nhu cầu đạt được thành tựu, tự khẳng định mình. Mưu cầu cát tường, bình an, thuận lợi, thành công, tránh tai hoạ, bệnh tật, thất bại là bản năng của nhân loại. Những dự báo về cá nhân trong đời sống nói chung và trong VXTSTĐVN nói riêng có rất nhiều nội dung nhưng tập trung vào các nhóm vấn đề: sinh tử, thọ yểu, nhân duyên, công danh, phú quý.

Tật bệnh, thọ yểu, sinh tử là một trong những vấn đề quan trọng của đời sống con người. Điều này cũng là một trong các phương diện được dự báo đề cập đến khi đoán về vận số tương lai cá nhân. Trong VXTSTĐVN, *dự báo nội dung tật bệnh được đưa ra lúc nhân vật chưa bị bệnh* như lúc thấy Từ Đạo Hạnh nấp rồi nhảy ra doạ hổ, bằng pháp lực của mình, Nguyễn Minh Không đã nhìn thấy được sau này Từ Đạo Hạnh sẽ bị bệnh hoá hổ (*Sự thần dị của Minh Không - NÔML*), Lê Hữu Trác trên đường lên Kinh được một cao tăng báo trước ông sẽ mắc bệnh (*Thượng Kinh kí sự*); hoặc *lúc nhân vật đang trong lúc bệnh muốn biết kết quả lành dữ thế nào nên tìm đến dự báo* như Quý Kính bị kiết lị không khỏi, bèn nhờ một thầy giỏi xem tử vi đến xem (*Cổ quái bốc sư truyện*). Những dự báo về tật bệnh thường đi với việc *lí giải nguyên nhân mắc bệnh, cách chữa trừ bệnh, hoặc ngay trong lời dự báo cũng mang chức năng chữa bệnh*. Phần lớn, những tật bệnh của nhân vật thường do những

nguyên nhân đặc biệt như do vô ý xúc phạm đến thần linh (*Phạm Trấn, Đỗ Uông - CDTK, Sông độc - TTNL…*). *Dự báo nội dung về tật bệnh thì thường đi cùng dự báo về vấn đề thọ yểu, thời gian sống của con người ở cõi trần.* Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật bị ốm hơn một tháng, các con làm chay xin bớt tuổi thọ của mình để kéo dài thêm tuổi thọ của cha. Đạo sĩ đọc sớ xong đứng dậy nói Thượng đế cho ở thêm một kỷ nữa (*Tờ tấu thiên đình ứng nghiệm - NÔML*). Dự báo về tuổi thọ thường xuất hiện trong motif nhân vật chết xuống dưới âm phủ, được báo cho sống lại và tăng thêm tuổi thọ như một phần thưởng (*Như Chi được thêm tuổi thọ, Nguyễn Hữu Tuyển - Bà tâm huyền kính lục, Chuyện gã trà đồng giáng sinh - TKML…*). Về dự báo sinh, có thể xuất hiện ngay thời điểm người mẹ đang trở dạ, sinh khó, thập tử nhất sinh. Nhân vật có chức năng dự báo xuất hiện lí giải và giúp đỡ bằng những cách thức rất kì lạ. Thuật làm cho chóng sinh còn được miêu tả trong truyện *Nữ thần ở Vân Cát - TKTP*: "Vị Đạo nhân xoã tóc bước lên đàn, trong miệng đọc thần chú, lấy tay ném bùa ngọc xuống đất. Thái Công liền bất tỉnh ngã ra thiếp đi. Trong mộng, Thái Công thấy mấy người lực sĩ dẫn ông đi lên được một tầng, lại thấy cao thêm một tầng, sắc trời lờ mờ như bóng trăng nhạt" [113, tr. 378 - 379]. Hành động bước lên đàn, dùng bùa, đọc thần chú chắc chắn liên quan đến một nghi lễ bài bản, qui củ thời đó tổ chức ra cho những ca sinh khó. Chi tiết "*liền bất tỉnh ngã ra thiếp đi*" của Thái Công để có một giấc mơ lên thiên đình, biết được nguồn gốc của người con sắp sinh, theo chúng tôi, có thể hiểu theo một khía cạnh khác, đó là để tác động cho việc sinh nở dễ dàng của người phụ nữ thì pháp sư sẽ tác động vào người chồng như sự gánh chịu những đau đớn theo ma thuật bí mật. Đa phần, *những dự báo sinh được các nhà văn đưa ra trước và trong thời điểm ra đời của nhân vật được dự báo qua đó để hé lộ về tương lai, số phận sau này của họ*. Những phương thức chủ yếu được sử dụng là chiêm mộng, điềm triệu, phong thuỷ, tướng thuật. Trong khoảnh khắc ra đời của những vĩ nhân thường xuất hiện mây lành bao phủ, kèm ánh sáng rực rỡ. Lúc nhân vật mới ra đời, dưới con mắt của thầy tướng số cũng có thể biết lành dữ, hoạ phúc như khi Nguyễn Hữu Chỉnh vừa chào đời, Đỗ giám sinh đến cửa nghe tiếng khóc giật mình nói: "Đó là một kẻ gian hùng ở đời loạn" (*Mả tổ Quận Bằng - TTNL*). *Nỗi sợ về cái chết luôn ám ảnh con người vì thế nó là trong những nội dung dự báo hướng đến. Dự báo thường báo trước nguyên nhân và thời điểm chết*: có cái chết vì bị trừng phạt những tội lỗi phạm ở nhân gian (*Truyện Lý tướng quân - TKML, Truyện mụ ác - TTNL*), có cái chết lại như là phần thưởng, đi đến một nơi khác giữ một vị trí, chức vụ quan trọng (*Duyên lạ hoa quốc - Thánh Tông di thảo, Truyện chức Phán sự đền Tản Viên - TKML*), có cái chết như là sự trở về chốn cũ sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở trần gian (*NTCNDC*), có cái chết để đi một nơi khác làm nhiệm vụ mới (*Truyện người Giám sinh ở La Sơn - CDTK*). Thời điểm chết trong dự báo thường gắn với số trời đã định, tên có sẵn trong sổ Diêm Vương đã có ngày, giờ rời nhân gian (*Giấy thuê*

chết - Vân nang tiểu sử, Truyện ông lão mang lốt hổ - CDTK). *Nhiều nhân vật có khả năng đặc biệt, trường hợp chủ yếu là các tăng ni đắc đạo thường dự đoán được ngày giờ ra đi của mình* (*Trúc Lâm thị tịch - NÔML, Truyện Trần Bá Kính - Thính văn dị lục*). Dự báo cái chết có thể đi kèm hệ thống tín hiệu biểu trưng như thượng đế ban cho cây bút (*Truyện người liệt nữ ở An Ấp - TKTP*); hoặc lời mời lên tòa sen; hoặc lời nhắc trở về để làm việc cũ vì chỗ trống kia không ai làm, bỏ lâu tất bị phạt (*Một dòng chữ lấy được gái thần - Thánh Tông di thảo*), hoặc lời hứa hẹn của người đã chết rằng không bao lâu nữa sẽ được gặp nhau (*Tiên Quận chúa - TTNL, Người liệt nữ ở An Ấp - TKTP*); hoặc ngày tháng năm chết đã được quỷ sứ báo trước bằng trát đòi (*Giấy thuê chết - Vân nang tiểu sử*).

Mộng dự báo sinh tử phản ánh rõ *Thuyết Nhân quả, Luân hồi* Phật giáo. *Thuyết Nhân quả* cho rằng trong thế giới tương quan của hiện tượng, mỗi hiện hữu đều có nguyên nhân của nó "Nguyên nhân của sự có mặt của các hiện hữu gọi là nhân, và hiện hữu gọi là quả"[21]. Giáo lí này dạy con người lánh xa các nghiệp ác và làm các nghiệp lành. Tư tưởng muốn biết nhân đời trước, nhìn vào kết quả thọ báo hiện tại, muốn biết kết quả thọ báo đời sau, nhìn vào những tạo tác hiện tại rất gần với nếp nghĩ "Gieo gió gặt bão"của người Việt. Theo *Thuyết Luân hồi* thì sự sinh nở và tồn tại kế tiếp nhau phải mang theo ảnh hưởng của những kết quả trong quá khứ và là sự chuẩn bị cho cuộc sống sau đó. Có nhiều kiểu, cấp độ đầu thai, tái sinh gắn với motif mộng: đầu thai, tái sinh biến hình từ động vật làm người như Hoàng tử Hoàng Linh Lang (được báo trước trong giấc mộng người mẹ) là hóa thân của vua Thủy Tề, Hoàng đế sai thác sinh vào làm con vua chờ giặc (*Truyện Đền Linh Lang - TTNL*). Vợ Nhược Chân mộng thấy hai con rắn cắn vào mạng sườn rồi sinh ra hai con trai, đó chính là Đào thị và Vô Kỷ hóa thân, dưới phép thuật của sư cụ biến chúng phải hiện nguyên hình thật là hai con rắn vàng (*Nghiệp oan Đào thị - TKML*). Trong nguyên chú tác phẩm *Đào hoa kí* đã giải thích tường tận vì sao có sự tái sinh trong kiếp luân hồi (kẻ tội ác tày trời kiếp sau đều bị biến thành con vật như: tôi tớ nhà Hoạn Thư phóng hỏa đốt nhà, kiếp này đày làm chó săn và chim ưng, sau bị lửa thiêu mà chết. Hồ Tôn Hiến bội ước giết kẻ hàng bị đày làm hồ tinh để cho Dư Mỗ bắn chết; Tú Bà, Sở Khanh, Mã Giám Sinh, Bạc Hạnh bị biến thành bốn con Trư tinh, Hầu tinh, Mã tinh và Dương tinh. Tác giả sử dụng những lý thuyết của Phật giáo để lí giải kết cục của nhân vật: "Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu", lưới trời giăng bủa tuy thưa mà không có gì lọt được. Đến như sự báo oán với thằng bán tơ và mấy tên sai nha, cội rễ tuy ở kiếp trước, nhưng sự việc thì tại nhãn tiền, mới tin rằng cơ báo ứng của tạo vật mảy may không sai lệch" [116, tr. 39]. Kẻ tơ vương tình ái

[21] Nhân quả có các loại: 1) Thời gian từ nhân đến quả rất nhanh gọi là nhân quả đồng thời (*hiện báo*); có loại có một khoảng thời gian ở giữa nhân và quả gọi là *sinh báo*; tạo nhân đời này nhưng đến đời sau mới nhận quả gọi là *hậu báo*: tạo nhân đời nay nhưng đến nhiều đời sau mới thọ báo. 2) Một hình thức phân loại nhân quả khác nói lên sự biểu hiện của nghiệp quả ở hai lĩnh vực: thế giới vật lí (nhân quả ngoại giới) và cảnh giới tâm lí (nhân quả nội tâm).

sẽ thác sinh thành uyên ương, đau khổ trong biển tình. Thúy Kiều vốn là thể nữ bưng hương thiên đình vì đùa chia hương cho Kim Đồng mà rơi vào cõi tục, chịu cảnh thầm yêu trộm nhớ, chia lìa mười lăm năm, nhờ lòng hiếu nghĩa nên được phép xuống cõi trần mười lăm năm nữa để trả hết nợ duyên, mãn hạn về trời. Những kẻ kiếp trước hành hạ kẻ dưới thì kiếp sau biến thành tôi tớ để trả nợ (Hoạn Thư và mẹ biến thành tôi tớ là Quan Thư và Quan Ẩu, kẻ giết người khác thì kiếp sau bị giết lại để trả nợ sinh, tử: Dư Mỗ là kiếp sau của Từ Hải bắn chết hồ tinh báo nỗi oan kiếp trước (*Đào hoa mộng kí*).

Nhân duyên: Trong quan niệm xưa của cha ông ta, nhân duyên, hôn nhân là tiền định, là duyên số định sẵn, do ông trời sắp đặt. *Dự báo về nhân duyên phản ánh quan niệm rằng những gặp gỡ của hiện tại là do có nợ duyên nhau từ kiếp trước*. Kiều Nương thấy trong khóm lá chuối có một tàu lá bị sâu ăn thành chữ thành bài thơ có nội dung cho biết kiếp trước mình là Thuý Kiều và sẽ đoàn viên với hậu thân của Kim Trọng trong kiếp này[22] (*Đào hoa mộng kí*). Vì thế, việc chọn vợ chồng không thể cưỡng cầu. Dù mẹ Nguyễn Bỉnh Khiêm thạo về đường thuật số "Long tinh phong giác" và xem tướng nhưng lúc gặp được Mạc Đăng Dung có tướng đế vương thì đã quá trễ (*Chuyện Bạch Vân am - Nam thiên trân dị tập*). *Những dự báo nhân duyên thường được giải đáp, ngộ ra lúc nhân vật được dự báo gặp được đối tượng hôn phối*. Lan Nương mơ thấy một bé gái mang ghê thường đỏ như màu ráng, lưng thắt dải ngọc Thất linh lung linh, tặng bốn chữ "Nữ gia Dương Trụ", đến lúc gặp Dương Giới mới giải được mộng: "nữ" với "gia" chính là chữ "giá", còn "trụ" chính là "mộc" hợp với "dương", là chữ "Dương". Lời thơ cho thấy nàng lấy chàng họ Dương (*Việt Nam kì phùng sự lục*).

Công danh, phú quý là một trong ngũ phúc mà con người ao ước để có cuộc sống viên mãn. Dự báo về công danh và phú quý phần nào phản ánh ước mơ của con người vượt thoát khỏi cuộc sống vô danh, khốn khổ để nhận được sự công nhận, tôn trọng, kính nể của cộng đồng. Những dự báo trong VXTSTĐVN chuyện phú quý của nhân vật thường *được lí giải dưới góc nhìn phong thuỷ*. Truyện *Trâu Canh ở xã Tử Trầm* (*CDTK*) lí giải sự giàu sang của Trâu Canh nhờ phong thuỷ đẹp nên được ra vào nơi cung cấm, gần vua chúa. Mạc Đĩnh Chi chỉ có phú mà không có quý được lí giải do phong thuỷ mộ cha của ông "nước không tích tụ" (*Lưỡng quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi - Công dư tiệp kí tục biên*). *Phú quí cũng được nhìn qua tướng số chứ không nhìn vào hiện trạng* như truyện *Nhà giàu tướng ăn mày* có người học trò xem tướng cho mụ nhà giàu lại có tướng ăn mày (*Vân nang tiểu sử*). *Phú quý cũng do trời định sẵn* nên sãi chùa xem viên ngọc của Đinh Tiên Hoàng nhặt được, thấy bị sứt thì đoán rằng ông ngày sau phú quý, chỉ tiếc rằng phúc không được lâu. Tương lai, công

[22] Bài thơ như sau: "Lá bối am thiêng nghiêng thuỷ vũ (thuỷ vũ đồng nghĩa với Thuý Kiều)/ Ngó hoa đương ngát gặp kim liên (Kim liên là tên chữ của Nguyên Tịnh, tức Nguyên Sinh)/ Xưa kia duyên nợ nay trang trải/ Bù lại chia li chục rưỡi năm"

danh đỗ đạt của các quan lại thường được thần nhân báo trước (từ lúc người mẹ còn mang thai, lúc mới sinh, thủa còn tu học, từ lúc mới thi xong chưa yết bảng vàng…) bằng những tước danh họ đạt được sau này như: *Thám Hoa, Thượng thư, Trạng nguyên*… (*Truyện Trạng nguyên xã Dĩnh Kế - CDTK, Truyện Trạng nguyên Lê Nại - CDTK, Ông Đặng Chất - TTNL*).

Như vậy, những dự báo về cá nhân trong VXTSTĐVN đi sâu vào những vấn đề đời tư của con người như tật bệnh, sinh tử, nhân duyên, phú quý, công danh. Đó là những vấn đề mà con người dù ở xã hội, thời đại nào cũng quan tâm vì nó gắn với nhu cầu được tồn tại, được khẳng định cá nhân và được hạnh phúc.

2.2.2.2. Dự báo cho cộng đồng, quốc gia

Bên cạnh nội dung dự báo cá nhân là mảng dự báo cho cộng đồng, quốc gia được tập trung vào các vấn đề chính như đánh giặc, chính sự, vận nước.

Đánh giặc (chinh phạt, chống giặc ngoại xâm): Lịch sử dựng nước của dân tộc ta có sự gắn liền giữa công cuộc khai hoang, mở cõi và giữ nước, chống ngoại xâm. Yêu nước, chống giặc trở thành một dòng chảy xuyên suốt trong lịch sử và văn học dân tộc. Giữ nước bằng cách chống giặc là hành động mang ý nghĩa nhân văn cao cả, bảo vệ quyền sống, quyền bình đẳng, các giá trị văn hóa, lòng tự tôn dân tộc. Vì thế, trong quan niệm của cha ông ta, cuộc đấu tranh đó không chỉ huy động sức mạnh ý chí của toàn dân mà còn được hồn thiêng sông núi, thánh thần theo phò, giúp sức, âm phù, thậm chí báo trước kết quả. Những xuất chinh thắng lợi thường có điềm báo trước. Nội dung dự báo xoay quanh các nội dung chính như thời gian giặc đến, giặc thua, người anh hùng xuất hiện dẹp giặc, hành động của giặc, kết cục, sự phù trợ để giành chiến thắng. Người anh hùng giúp vua dẹp giặc cũng được thần linh báo trước: Long quân báo cho vua thời gian ba năm nữa giặc sẽ đến và người anh hùng làng Gióng diệt giặc Ân (*Truyện Đổng Thiên vương - Lĩnh Nam chích quái liệt truyện*). Những địa điểm hiểm trở không chỉ có lợi thế địa hình mà còn bởi được thần thánh ngầm giúp sức. Khi Ngô Tiên chúa chống quân phương Bắc được thần báo mộng đã đem vạn đội thần binh mai phục trước ở chỗ hiểm yếu và đến trận đánh ở sông Bạch Đằng, đúng là trên không trung có tiếng ngựa xe. Trận ấy quả nhiên thắng lớn (*Bố Cái Đại vương - VĐULT*). Còn Lý Nam Đế trên đường dẹp giặc nằm mộng thấy Bà Triệu theo phù trợ giúp chiến thắng (*Lệ Hải Bà vương kí - VĐULT*). Để tạo *nên tính khách quan, các tác giả không sử dụng người dự báo là các thần nhân đất Việt mà để cho nhân vật bên phía giặc đưa ra từ phân tích điềm* như khi Hoàng Phúc ngâm: "Tạc tiêu phong vũ, gia gia đồi hoại cựu viên tường" (mưa gió sớm qua nhà nào tường vách cũ cũng đổ nát) (câu này ý nói nước Nam bị xâm chiếm đổ nát) thì Thúc Hiển ứng khẩu đối lại rằng: "Kim nhật càn khôn, xứ xứ phát vinh tân thảo mộc" (Trời đất sáng nay, chỗ nào cây cỏ mới cũng tốt tươi). Hoàng Phúc vốn là người cao kiến bèn ngửa mặt lên trời than rằng: "An Nam đã có thánh chúa xuất hiện ở phương vị

Khôn. Nước Nam sẽ lại về tay người Nam, mà ta cũng chẳng bao lâu nữa sẽ lại về nước" (*Truyện Lê Cảnh Tuân - phụ chép truyện Quang Bí, Thúc Hiển, Thiếu Dĩnh - CDTK*). Lúc sắp có giặc đến thì điềm trời thể hiện ra ở con người và hiện tượng thiên nhiên (để đấng quân vương kịp thời chuẩn bị). Việc trẻ chăn trâu các nơi thường tụ tập thi kéo dây, đấu vật, đẽo gỗ làm đao kiếm, làm cờ xí, chia quân dàn trận đánh nhau làm trò vui và ngày mồng 1 tháng 4, từ giờ Tý đến giờ Mùi ánh sáng mới trở lại như cũ. Ngày mười sáu lại có nguyệt thực toàn phần, sắc mặt trăng nửa đen nửa đỏ, từ giờ Tuất đến giờ Sửu mới sáng lại như trước, là điềm báo quân Đàng Ngoài sắp kéo vào (*NTCNDC*).

Chính sự, thời sự đương thời: Một trong những nội dung dự báo về cộng đồng là chuyện chính sự. *Những sự kiện của triều đình: chúa lạm quyền, thi cử, việc dùng người, bổ dụng, nạn đói, giặc cướp… đều được dự báo trước*. Trong *Việt sử lược* có tình tiết Nguyễn Văn Quang thiếu điểm số mà được dự đỗ, sai bỏ tên đi được tác giả lí giải bằng điềm là trước đây, vua coi thi, thấy mặt trời có quầng, mống đỏ vây bọc xung quanh, lại có mống trắng xông vào giữa, mọi người cho thế là ứng điềm. Những điềm bất thường xuất hiện trong không gian lăng tẩm, thờ cúng của các vị vua chúa thường dự báo trước những sự kiện liên quan cộng đồng. Bình An Vương đang đứng làm lễ thì các cành hoa cắm trong ba lọ hoa đặt trên hương án không dưng rơi xuống đất, bay vòng vòng rồi tung ra khắp nơi ứng ngay điềm vào mùa thu, tháng 2, thời tiết đại hạn, lúa má khô héo, trăm họ sầu khổ (*NTCNDC*). Đồ lễ ở lăng Thịnh Đức bị nát mủn ra báo hiệu sự tai biến, tai hoạ sẽ xảy ra nhiều (*HLNTC*). Những triệu chứng bất tường như năm Kỉ Mùi (1619), ngày mồng ba tháng Ba, trên vùng trời ở Kinh đô Bắc triều có ngôi sao trông dáng như lưỡi dao yến nguyệt, đầu ngọn chỉ về phía Tây. Sao Chổi cũng xuất hiện ở phía Đông, đến hơn một tháng mới hết, lại ở xứ Kinh Bắc trời đổ mưa xuống những kim khí sắc như lưỡi giáo, mưa nước đen, nước trắng như bụi phấn, lại có nơi mưa gạo là báo về việc mọi kỉ cương nước nhà, mọi công việc triều đình, khen thưởng hình phạt do ở cửa nhà chúa định đoạt, không tâu lên vua (*NTCNDC*). Tháng Bảy, có ngôi sao trắng phạm vào cung mặt trăng, dân chúng phần nhiều đều nói là hoa kết ở mặt trăng, đến tháng Chín mới mờ hẳn, người ta không biết ngôi sao ấy chủ việc lành hay việc dữ. Tháng Mười, lại có sao Cờ xuất hiện ở phương Đông Nam, chiếu sáng vào cung Canh, đuôi quay về cung Tân, sắc sao nửa trắng nửa đỏ, dài hơn ba mươi thước, đến tháng Chạp mới mất là điềm báo cho việc dân "bị bệnh dịch, người chết rất nhiều" (*NTCNDC*).

Vận nước cũng là một trong những vấn đề đáng quan tâm của dự báo. Những câu chuyện có sự xuất hiện của dự báo qua phong thuỷ phần nào cho thấy niềm tự hào của nhân dân ta về khí mạch của dân tộc, họ tin rằng nước ta "Địa linh nhân kiệt", có vận số dài lâu. Các tác giả trung đại luôn đặt mạch địa nước Nam ta trong niềm tự hào và sự đối sánh với phương Bắc. Phạm Đình Hổ trong *Vũ trung tùy bút*, mục *Xét địa mạch và nhân vật chí* sau

khi trình bày thế đất Việt Nam và Trung Quốc, ông viết: "Địa thế nước ta, toàn thể cũng giống như nước Trung Quốc, chỉ có nhỏ hơn thôi", các nhân vật "đều là tinh anh của non sông đúc lại". Lí Tế Xuyên ca ngợi: "Nước Việt ta từ lập quốc, sơn kì thủy tú, *địa linh nhân kiệt*, so với các nước trong toàn cầu, thực là anh vĩ đặc biệt, cố nhiên là không chịu nhường ai rồi chung đúc cái chính khí lại, từ đó xuất hiện nhiều đấng thần kì, sống làm bậc danh tướng, chết làm bậc danh thần, làm bậc tiết nghĩa, làm bậc trinh liệt".

Qua các dự báo về phong thuỷ, các tác giả VXTSTĐVN muốn khẳng định độc lập, tự tôn dân tộc. Nhờ địa linh nên nước ta có được nhiều nhân kiệt, với vai trò hộ quốc. Trong lịch sử, việc Cao Biền nhận lệnh trấn yểm phong thủy nước ta là có thật. Theo tập sách *Cao Biền địa lý tấu thư kiểu tự*, năm 1427 Lê Lợi công phá thành Đông Quan bắt được Hoàng Phúc - Thượng thư bộ Công của nhà Minh nên thu được. Hoàng Phúc nói là do vua Minh trao cho nhiệm vụ xét duyệt lại xem còn huyệt lớn nào mà Cao Biền chưa yểm thì yểm nốt hòng làm cho nước ta không thể nào sản sinh ra được những thế hệ như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo... để Đại Việt lại bị cai trị như trước. Tập sách này nói đến 632 huyệt chính cùng 1517 huyệt bàng từ Ninh Bình trở ra (thời Đường, lãnh thổ nước ta chỉ mới vào đến khu vực này). Những kiểu đất này đều là đất phát nhân tài anh kiệt, văn thì đến Tam khôi Trạng nguyên, võ thì đến Quận công danh tướng… Tổng cộng là hơn 2000 ngôi đất quý. Cao Biền còn một bản tấu nữa về phong thủy là *Cao Biền tấu thư cửu long kinh* đề cập đến 27 ngôi đại địa có thể phát đến đế vương ở nước ta. Trong 27 ngôi đất này có những ngôi đã kết phát rực rỡ như ngôi đất ở Tức Mặc - Nam Định đã tạo nên một Trần triều hiển hách võ công hay ngôi đất ở Cổ Pháp kết phát ra triều Lý [103] (tập 1, tập 2). Cao Biền từng đi khắp các nơi núi non sông biển nước ta xem những nơi nào có vượng khí linh thiêng thì tìm cách cắt yểm đi, ý là muốn cướp đoạn nước Nam ta (*NTCNDC*). Mặc dù quyền phép cao cường nhưng y bao giờ cũng thua, thất bại cay đắng trong những âm mưu ngông cuồng hoặc trong trận đấu với thần và người nước Việt. Những việc làm độc ác, xấu xa của Cao Biền làm "bị thương", tổn hại đối với đất đai, sông ngòi nước Nam thì lập tức được trời sai Thiên Mụ xuống bày cách hóa giải (*NTCNDC*). *Truyền thuyết núi Cánh Diều* ở Ninh Bình kể rằng Cao Biền khi cưỡi diều giấy bay đến đất Hoa Lư đã bị một Đạo sĩ cùng dân chúng ở đây dùng tên bắn. Một trong những nơi mà Biền nhắm đến có một điểm khá quan trọng là làng Cổ Pháp - nơi sẽ sinh ra bậc đế vương của trời Nam. Cao Biền cùng các thầy pháp và thầy địa lý của Trung Quốc đã ra tay "cắt đứt long mạch" bằng cách đục đứt sông Điềm và 19 điểm ở Phù Chấn để yểm nhằm phá hủy thế phong thủy và làm tan khí tượng đế vương ở nước ta. Thiền sư La Quý là trưởng lão tu ở chùa Song Lâm rất thông tuệ, nhìn xuyên sông núi, biết rõ nguồn gốc phong thủy, biết quá khứ và tiên đoán được tương lai, đã phá âm mưu ấy. Trước khi mất (năm 936), ngài gọi đệ tử truyền pháp là Thiền Ông đến căn dặn: "Xưa kia, Cao Biền xây thành bên sông Tô Lịch, biết đất Cổ Pháp ta có khí tượng đế vương, nên đã đào đứt con sông Điềm và những ao Phù Chẩn… đến 19

chỗ để trấn yểm nó. Nay ta đã khuyên Khúc Lãm lấp lại như xưa. Lại nữa, ở chùa Châu Minh ta đã trồng một cây bông gạo để trấn chỗ đứt, biết đời sau sẽ có kẻ hưng vương ra đời để phò tá chánh pháp của ta. Sau khi ta tịch, con khéo đắp một ngọn tháp bằng đất, dùng phép, yểm dấu trong đó, chớ cho người thấy" [170, tr. 260] (*TUTA*). Phá hoại âm mưu Cao Biền không chỉ có những bậc thần linh, cao tăng đắc đạo... mà có cả những con người bình thường bà hàng nước bình dân cho thấy, đối với âm mưu độc ác của kẻ thù thì toàn dân ta, từ già đến trẻ, từ người bình phàm đến thần linh, từ đàn ông đến phụ nữ đều cảnh giác và chống trả. Ý nghĩa thực sự trong những tác phẩm kể trên trước hết là nhằm thể hiện niềm tự hào về vượng khí dân tộc, vận nước dài lâu. Dân tộc Việt, có vị trí địa lí đặc biệt, chủ quyền này đã được khẳng định trên bản đồ các vị sao như bài thơ *Thần* của Lí Thường Kiệt đề cập "Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư". Chính vì vị thế đặc biệt đó nên mấy ngàn năm tồn tại bên cạnh một cường quốc lớn như Trung Quốc với âm mưu bành trướng lãnh thổ mà vẫn giữ được độc lập. Vấn đề này là một câu chuyện dài tốn nhiều bút mực của các nhà quân sự, chính trị... nhưng xét trên quan điểm văn hóa nhất là văn hóa dân gian thì có thể kể đến một nguyên nhân là từ quan niệm phong thủy, địa lợi. Nước ta án ngự ở một vị thế đặc biệt, có nhiều dãy núi, sông hồ, biển... tạo nên nhiều long mạch có thể sản sinh nhiều anh tài giữ được vận nước hưng thịnh.

Còn một điều khá thú vị mà chúng tôi lạm bàn, trước khi Cao Biền được lệnh sang trấn yểm thì nước ta vẫn chịu 1000 năm Bắc thuộc nhưng sau khi trấn yểm và sau cái chết của y 51 năm thì có sự kiện đặc biệt là Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, giành được độc lập dân tộc, chấm dứt 1000 năm Bắc thuộc. Điều này có thể gợi thêm nhiều suy nghĩ, một là long mạch nước ta quá nhiều khiến các thầy địa lý Trung Quốc dù cao tay đến đâu cũng không thể trấn yểm hết được. Hoặc, Cao Biền đã chủ ý để lại những huyệt quan trọng để chuẩn bị thời cơ phía sau cho mình nhưng chưa kịp thực hiện thì đã bị triệu về và bị giết. Ngoài ra, cũng có thể đặt ra giả thuyết là trong 1000 năm trước, các long mạch tuy đã tụ nhưng vẫn còn nằm yên nhưng những sự tác động của Cao Biền cùng các hành động lấp, vá long mạch của dân ta đã góp phần *kích hoạt sự thực dậy* của nó? Nguyễn Thị Bích Hải có nhận định rằng dã tâm của vua Đường và những thủ đoạn nham hiểm của Cao Biền đã kích hoạt niềm tin bền bỉ (tin vào một tương lai độc lập tự chủ của đất nước): "khiến "rồng nằm" thức dậy, bay lên (Thăng Long)… hẳn là những thủ đoạn "trấn yểm" của Cao Biền khiến người Việt thủa ấy càng tin chắc rằng *nước Nam thực sự có khí tượng đế vương - bởi nếu không thì mắc chi Cao Biền phải nhọc công trấn yểm*?" (***TTTN nhấn mạnh***) [57, tr. 240]. Như vậy, các dự báo về phong thuỷ không chỉ đơn thuần là nói đến chuyện vận số, phú quý, công danh mà đằng sau đó là cuộc đấu tranh chính trị,

việc giữ vận nước[23]. Như vậy, trong VXTSTĐVN, dự báo hướng đến những mảng đề tài, chủ đề đa dạng, vừa dự báo cho số phận cá nhân, tập trung vào những vấn đề nhân sinh như tật bệnh, thọ yểu, công danh, nhân duyên, phú quý; vừa dự báo cho số cộng đồng, đi vào những vấn đề lớn như đánh giặc, chính sự, vận nước.

Tựa như chiêm ngưỡng một cây cổ thụ với thân lá um tùm, sum suê, việc việc phân loại dự báo dựa trên kỹ thuật, hình thức và đề tài, nội dung dự báo đã cho ta thấy từng lớp, dạng kiểu cành nhánh lớn, nhỏ dự báo dần dần hiện ra với những đường nét rõ ràng. Dẫu vậy, để biết *năm của đời thảo mộc*, chúng ta không chỉ dừng lại ở quan sát bề ngoài mà phải phân tích chiều sâu bên trong bằng cách "mổ xẻ", để vẻ đẹp của từng đường vân, thớ gỗ dự báo được hiện ra rõ nét. Chúng tôi dành phần này ở những chương sau.

Tiểu kết Chương 2

Trong *Chương 2* này, luận án đã trình bày những cơ sở tiền đề trọng tâm của văn hoá, lịch sử, xã hội và văn học để làm cơ sở cho sự phát triển của dự báo trong văn hoá và văn học. Hiện thực chế độ phong kiến mười thế kỉ với các chính sách sử dụng thần quyền, bộ máy trí thức để bảo vệ ngai vàng; việc giao lưu văn hoá chính trị giữa Việt - Trung là một trong những tiền đề xã hội làm xuất hiện CPTDB. Về mặt văn hoá, đặc điểm nền văn hoá bản địa với tín ngưỡng thờ nông nghiệp và sự tiếp nhận các tư tưởng luân hồi báo ứng, kiếp, một phần phép thuật, thần chú của Mật tông Phật giáo; sự thực hành về phong thuỷ, tướng số… của Đạo giáo phù thuỷ và thần tiên; quan niệm của thuyết *Thiên mệnh* của Nho giáo được người Việt uyển chuyển tiếp nhận cũng là một yếu tố quan trọng hình thành dự báo. Về mặt văn học, sự tiếp thu các motif sinh nở thần kì, tướng lạ tài cao…, các kiểu nhân vật tiên thánh xuất hiện trong hoàn cảnh khó khăn của con người để báo trước hoạ phúc, sự học hỏi từ truyền thống sử dụng cái kì ảo của văn học Trung Quốc cùng với đặc điểm văn học trung đại với đội ngũ tác giả chính là nhà sư và nhà Nho và đặc điểm về tình trạng bất phân, chịu ảnh hưởng tôn giáo, tính tượng trưng, ước lệ tạo nên cơ sở tiền đề hình thành dự báo. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm cũng được chúng tôi giải quyết là phân loại CPTDB trên hình thức và kiểu loại dự báo từ đó tìm ra những đặc điểm riêng và chung giữa chúng; phân chia các nhóm chủ đề chính dựa trên dự báo cá nhân và cộng đồng. Với vai trò cung cấp bức tranh chung về dự báo, trong *Chương 2* này chúng tôi không đi sâu phân tích mà chỉ khái quát các vấn đề chung. Những nội dung cụ thể, chiều sâu của dự báo chúng tôi sẽ trình bày ở hai chương cuối của luận án.

---

[23] Xin xem thêm *Phụ lục 7* của chúng tôi với bài viết: Trần Thị Thanh Nhị (2015), "Nhân vật Cao Biền trong văn học Việt Nam từ góc nhìn văn hoá phong thuỷ", *Kỉ yếu hội thảo khoa học Cán bộ trẻ các trường Đại học sư phạm toàn quốc lần thứ năm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr. 205-215

Chương 3
GIÁ TRỊ NỘI DUNG TƯ TƯỞNG, VĂN HOÁ CỦA DỰ BÁO TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Trong *Chương 3*, chúng tôi kế thừa kết quả, thành tựu của hai chương trước để đi vào vấn đề nghiên cứu trọng tâm của đề tài là giá trị nội dung tư tưởng, văn hoá của dự báo. Đằng sau những chi tiết dự báo, người đọc phần nào thấy được bức tranh hiện thực xã hội đương thời với những chi tiết về cuộc sống người dân, bộ mặt của việc thi cử, quan trường, nhân phẩm quan lại; vấn đề thần quyền - vương quyền hay việc giai cấp thống trị sử dụng dự báo để củng cố vương vị. Nhìn sâu hơn, kết quả của hiện thực trên có thể được lí giải được dựa trên quan niệm đạo đức (bao gồm quan niệm Phúc - Đức truyền thống người Việt và Đức đặt trong góc nhìn hẹp vào một mẫu hình văn hoá là nhân vật Đế - Vương. Gốc rễ sâu nhất, những cổ mẫu, kí hiệu, hình tượng xuất hiện trong dự báo là vết dấu và biểu hiện của thế giới quan bản địa. Dự báo không chỉ là vấn đề của phương thuật, của nội dung, kết quả hướng đến mà sức nặng đằng sau nó là nhận thức, hiểu biết của con người về thế giới tự nhiên, xã hội và bản thân, tích luỹ được nhờ quá trình lịch sử lâu dài của cộng đồng, sự thích ứng của con người với môi trường sinh thái tự nhiên và sinh thái xã hội.

3.1. Dự báo phản ánh hiện thực xã hội thời trung đại

3.1.1. Cuộc sống người dân, khoa cử, quan trường

Dự báo trong các tác phẩm VXTSTĐ phần lớn xuất hiện gắn với tính chất kì lạ. Nhưng thực ra chúng chẳng phải quá bí ẩn mà chính là hiện thực đời sống được lạ hoá, ảo hoá. Những yếu tố này được các tác giả sử dụng như một thủ pháp nghệ thuật, hạt nhân tự sự quan trọng trong kết cấu tác phẩm nhằm phản ánh cái thực của xã hội. Hai yếu tố kỳ và thực do đó có mối quan hệ chặt chẽ hơn. Cái kỳ làm cho cái thực lạ hơn và làm cho nó trở nên thực hơn, hình thức kì ảo là cách thức chuyển tải nội dung. Khảo sát dự báo, lật dở, bóc tách dưới những lớp màng kì bí của những ngôn ngữ đậm chất huyền học là *cuộc sống của người dân dưới chế độ phong kiến*. Qua hình thức giấc mộng dự báo lịch sử, Phạm Đình Hổ phản ánh cuộc sống đói khổ, lầm than của người dân. Nhiều người phải tha phương cầu thực, chết đói chết rét dọc đường, chưa kể cuộc sống ấy còn khốn khổ bội phần khi có những cuộc chiến tranh (cả ngoại xâm lẫn nội chiến): “giữa đám núi thịt bể máu, mũ xiêm xe kiệu bề bộn ngổn ngang không biêt bao nhiêu mà kể” (*Ông Bùi Huy Bích - TTNL*). Cũng bằng hình thức giấc mộng dự báo về sự thay đổi ngôi vị của các dòng họ, tác giả *TKML* qua lời nhân vật Lệ Nương phần nào phản ánh hiện thực người dân chết nhiều đến hàng vạn người vì chiến tranh: "binh cách nổi lớn, số người bị chết chóc đến chừng hơn hai mươi vạn" (*Người nghĩa phụ ở Khoái Châu*). Việc điểm binh bắt lính, cung ứng cho các cuộc nội

chiến được phản ánh gián tiếp qua hình thức dự báo tiếp xúc với thế giới siêu nhiên gắn với motif người gặp ma biết về cái chết sắp đến của mình, xuất hiện trong truyện *Người nông phu ở An Mô* (*TTNL*). Những dự báo thông qua điềm triệu có sự xuất hiện của thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, động đất… cũng góp phần không nhỏ trong việc phản ánh *cuộc sống hiện thực người dân là phải đối mặt với sức mạnh không gì cưỡng lại, chống đỡ từ thiên nhiên* (*ĐVSKTT, Hoàng Việt long hưng chí* …). Chiến tranh, thiên tai xảy ra liên miên thì *nạn đói là điều khó lòng tránh khỏi*. Thông qua CPTDB như mộng, tướng số, điềm triệu, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên… các nhà văn trung đại đã phản ánh hiện thực trên. Trong *Dốc đầu sấm* (*Lan trì kiến văn lục*) kể chuyện năm Kỷ Mùi (1739), hai vợ chồng nông phu nhờ vào nghỉ ở một toà nhà lớn dưới gốc đa mà nghe thần nói chuyện biết được sẽ có nhiều người chết vì tai hoạ. Năm sau, giặc cướp nổi lên như ong, khắp nơi bị vơ vét cướp bóc, lại thêm đói khát, dịch bệnh hoành hành. Người chết đói đầy đường nghẽn lối, đúng như điều hai người đã biết trước. Tình trạng giặc dã, "Đói cơm rách áo hoá ra ăn mày" cũng được kể trong tác phẩm như *Nhà giàu tướng ăn mày* (*Vân nang tiểu sử*), khoảng năm Giáp Tý, Ất Sửu (1864 - 1865), tỉnh Nam bị mất mùa to, người chết đói đầy đường, ăn mày tụ tập ở tình thành, kể có hàng vạn. Các Nho sinh cũng lâm vào con đường khốn khó, ăn xin qua ngày chờ dịp "cá chép vượt vũ môn, hoá rồng" không chỉ xuất hiện phổ biến trong các truyện Nôm bình dân mà cả trong văn học viết, *CDTK* ghi lại khá nhiều chuyện gắn với việc dự báo tương lai vận số của các Nho sĩ thông qua các điềm thơ thủa hàn vi.

Việc thi cử, từ học thi, đi thi, chấm thi, quan trường ở thế kỉ XVII được phản ánh khá rõ nét gắn với phương thức dự báo qua phong thuỷ, mộng. Một trong những vấn đề thi pháp về kiểu nhân vật thánh nhân, quân tử là việc sử dụng motif phong thuỷ để giải thích sự đỗ đạt cao của nhân vật. Tuy nhiên, một số truyện lại mang đến ý nghĩa ngược lại, nhiều nhân vật đạt vị thứ cao trong khoa cử nhưng không hề có tư chất nào xứng đáng là tinh hoa của vũ trụ, trời đất ngoài sự may mắn ngẫu nhiên hay nhờ gian lận (*Ông Nguyễn Trật - TTNL*, *Mộ tổ ở Vịnh Kiều - CDTK*). Sự thành đạt của các Nho sinh ở trên không dựa vào tài năng, rèn luyện mà là kết quả của sự kết hợp của yếu tố ngẫu nhiên, may mắn một cách khó tin (cũng có thể hiểu là gian lận thi cử: đưa tài liệu vào trường thi, hỏi bài, chép bài, đổi quyển cho người khác), cộng với cách làm việc qua loa, đại khái của quan trường và vua mà dẫn đến đỗ đạt. *Việc phô bày hiện thực thực sự về đạo đức, nhân phẩm của các Nho sinh* cũng được các nhà văn thể hiện trong CPTDB như mộng, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên. Trong *Truyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào* có chi tiết Văn Phạm giữ chức Trực lại ở cổng Tử Đồng, trông coi về việc văn chương thi cử, khoa danh cao thấp của những học trò trong thiên hạ nói cho Tử Hư biết rằng chàng sẽ đỗ đạt, còn hiện tại vì chàng hay lấy cái văn tài mà kiêu ngạo với người khác, cho nên trời mới bắt đỗ muộn để phải chùn nhụt cái nét ngông ngạo đi. Văn Phạm cũng kể ra thói tệ của các nhà Nho đương thời là: "thường đổi họ

để đi học, thay tên để đi thi, hễ trượt thì đổ lỗi mờ quáng cho quan chấm trường, hơi thanh danh thì hượm mình tài giỏi hơn cả tiền bối, chí khí ngông ngạo, tính tình tráo trở, thấy thầy nghèo thì lảng tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ" (*TKML*).

Thực trạng về đạo đức quan lại với các tệ nạn, suy đồi như tham ô, làm việc thiếu liêm chính, công minh, dâm cuồng cũng được thể hiện nhiều qua dự báo. Qua hình thức *giấc mộng* báo về việc thi cử, tác giả phản ánh hiện thực về tình trạng quan lại, giám khảo làm việc thiếu nghiêm minh mà phần lớn là dựa trên quan hệ, sự nể vì, quen biết. *Mộng kí phụ tạp kí - Công dư tiệp kí tục biên* kể chuyện khoa ấy trước khi thi Đình, có người nằm mơ thấy các thiên quan hội họp để quyết định thứ danh cao thấp. Đầu tiên định lấy Đặng Đình Tướng đỗ Trạng nguyên. Nhưng chợt có Lưu công đến, các thiên quan bèn bàn lại cho người đang có mặt đỗ Trạng nguyên cho họ Lưu, rồi sẽ lấy thứ khác thù đáp cho họ Đặng. *TTNL* kể chuyện ông Nguyễn Duy Thì vì tên tiểu đồng thân cận trót nhận vàng bạc của người nhờ cậy nên vị quan "giữ mình được ngay thẳng và khéo xoay đổi được ý vua chúa" ngay lúc ấy, đi xe đến gõ cửa cung nói với chúa là hôm qua xét án, đã xử tội nhân phải chết, nhưng đêm về chiêm bao, thấy có người nói oan ức, không biết kêu đâu, xin Chúa xét lại (*Ông Nguyễn Duy Thì*). Qua những chi tiết trên có thể thấy sự yếu kém của hệ thống thi cử, pháp luật nước ta thời bấy giờ: chấm thi, xét án không dựa vào quy cách trường thi, luật chấm; pháp luật quy định mà bị phụ thuộc vào cá nhân, vào các quan phụ mẫu, dễ dẫn đến cách làm việc tùy tiện. Qua hình thức *điềm báo*, Phạm Đình Hổ kín đáo phản ánh chuyện nhận hối lộ, quà cáp biếu xén của quan lại: ông Nguyễn Văn Giai được nhiều người đem biếu cá, ông đùa bảo thử lấy cá chắp lại xem, chỉ thiếu đuôi, còn đủ thân hình con cá. Quả nhiên sau này con cháu ông không có phúc phận đúng như dự báo (*Ông Nguyễn Văn Giai - TTNL*). Dự báo qua điềm cá phản ánh phần nào thực trạng đương thời là những kẻ ở địa vị cao bao giờ cũng được người khác cầu cạnh, biếu xén với nhiều mục đích khác nhau. Dự báo *tiên tri* trong *Truyện Chùa Quang Minh ở làng Hậu Bổng* (*CDTK*) xuất hiện ở chi tiết lời răn của nhân vật vua Trung Quốc với Nguyễn Tự Cường khi giao một cây đèn bằng vàng và một cây đèn bằng bạc để làm đồ thờ Phật: "Ngươi phải làm trọn những công đức ấy... nếu không thì huyền cơ báo ứng họa phúc của Phật gia sẽ thấy ngay ở đích thân nhà ngươi và con cháu nhà ngươi nữa" [114. tr. 539] và việc vi phạm lời răn, bất chấp cảnh báo (lấy cây đèn bằng vàng và bạc để dùng trong nhà, và làm cây đèn bằng sắt thay vào) được tác giả dùng để lí giải cho việc nghèo khó sau này của Nguyễn Tự Cường. Ẩn chứa đằng sau chi tiết tiên tri linh nghiệm có thể cho người đọc thấy tệ nạn tham ô của quan lại trong quá trình thực hiện việc công. Hình thức dự báo qua *tướng số và dùng phép thuật* để thấy trước tương lai xuất hiện trong *Truyện Lý tướng quân* (*TKML*). Lý tướng quân mặc dù đã được người thầy tướng số dùng chùm hạt châu cho xem cảnh sẽ bị trừng phạt ở âm phủ nhưng cũng không lay chuyển vì cho rằng: "Có ai lại vì lo cái vạ sau này chưa chắc đã có, mà vứt bỏ những cái công cuộc sắp thành làm hì hục trong mấy năm bao giờ". Sau đó, y

còn làm những việc dâm cuồng, chém giết không kiêng dè gì cả. Sự tiếp diễn của cái ác ở mức độ cao hơn (mặc dù đã được cảnh báo về những hậu quả phải gánh chịu) ở Lý Hữu Chi phản ánh sự bạo tàn, độc ác của một bộ phận quan lại lúc bấy giờ. Như vậy, dự báo được các tác giả sử dụng như một ẩn dụ, như một mặt nạ, tuy nói chuyện tương lai, mang đậm vẻ mơ hồ, kỳ bí, nhưng thông qua đó lại chạm đến những hiện thực day dứt của cuộc sống đương thời, chủ yếu là cuộc sống đói khổ của người dân vì thiên tai, chiến tranh; thực trạng về thi cử, đạo đức của Nho sinh; đời sống quan trường và phẩm hạnh quan lại.

3.1.2. Mối quan hệ giữa thần quyền và vương quyền

Con người lúc đầu xử lí các thông tin dự báo một cách thụ động. Dần dần, cùng với sự phát triển của tôn giáo, vương quyền, sự tranh đoạt quyền vị của các tập đoàn chính trị, những người đứng đầu để củng cố sức mạnh cho mình, đã vận dụng linh hoạt, chủ động, *biến những điềm báo vốn có bản chất tự nhiên mang màu sắc nhân tạo*, tạo ra và giải thích dự báo để củng cố quyền lợi cho cá nhân và tổ chức của họ. *Đọc kĩ những tác phẩm sử và văn học từ một góc nhìn khác*, nhất là những sự kiện, chi tiết liên quan đến dự báo, người đọc sẽ nhận thấy, những ghi chép hay sáng tác của các nhà Nho, dù vô tình hay hữu ý, một phần (thậm chí phần lớn) là phục vụ cho quân vương và triều đại. Một trong những sứ mệnh ấy là truyền bá hệ tư tưởng Nho giáo. Nguyên nhân là do thực tế chính sách dùng người của giai cấp cầm quyền: dùng những Nho sĩ có học thức cao, nắm đạo lý thánh hiền, hiểu pháp điển triều đình, có thể giáo hoá truyền đạt cho biết tôn trọng mệnh trời.

Thứ nhất: *Một trong những vấn đề trung tâm của tác phẩm nói chung và các phương thức dự báo nói riêng viết dưới ánh sáng Nho giáo là truyền bá tư tưởng Thiên mệnh.* Theo thuyết *Thiên mệnh* thì Trời là đại quân (vua) của trăm thần, còn đế vương trong trần gian lại là con của Thượng đế, là thiên tử, như vậy, dưới vòm trời, vua là người có quyền lực tối cao, có quyền uy đối với cả quỷ thần. *Để khẳng định, củng cố vương vị, các tác giả trong cách ghi chép hay miêu tả chân dung nhân vật* "*con Trời*" đã đưa ra những yếu tố dự báo tương lai thiên tử bằng phương thức tướng thuật như Mai Thúc Loan: "*đầu hổ, mắt rồng, tay vượn*" (*Hương Lãm Mai đế kí - VĐULT*); Nhân tôn Hoàng đế: "*vua trán cao mặt rồng*" (*ĐVSKTT*)… Sự thắng bại của mỗi cuộc chiến chỉ tuỳ thuộc phần nào vào tài năng hay sức mạnh, còn phần lớn đều do trời định đoạt. *Thiên tử chính mệnh chắc chắn sẽ nhận được sự phù trợ của thần linh để giành thắng lợi* trong các trận chiến (sự phù trợ thường được biểu hiện qua các điềm mộng, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên) (*Bố Cái Đại vương, Triệu Việt vương - VĐULT, Hoàng Việt long hưng chí). Tư tưởng thiên mệnh cũng được thể hiện rõ qua những câu chuyện đế vương có liên quan đến chuyện phong thuỷ.* Trong cách hiểu thông thường của dân gian, mộ tổ tiên được chôn nơi có phong thuỷ đẹp sẽ phát phúc cho con cháu. Để tìm được đất tốt không chỉ dựa vào bản lĩnh, công phu, nhãn lực của nhà phong thuỷ mà còn dựa vào phúc phận của mỗi cá nhân, dòng họ. Những ngôi đất làm nên nghiệp

đế vương là những ngôi đất trời cho mới được (*thiên táng*). Theo dòng lịch sử Việt Nam từ mấy ngàn năm qua, xem lại các bộ sách văn học trung đại nổi tiếng chúng ta thấy nhiều sự kiện, chi tiết phản ánh, lí giải về sự ra đời các triều nhà họ Đinh, Lý, Trần, Lê… Nhiều nguyên nhân tạo nên ngôi vị đế vương, một trong số đó, theo cách nhìn dân gian là do mộ phần tổ tiên cha mẹ được chôn vào phần đất có phong thuỷ đặc biệt (ngay từ lúc được đất đã được dự báo cho tương lai về sau). Trong *Truyện mộ tổ nhà Trần*, có chi tiết nhà họ Trần được cho đất để đền ơn cứu mạng thầy phong thuỷ, từ đó phát vương, triều Trần ra đời, kéo dài 175 năm. Tuy vậy, tác giả lại đứng trên quan niệm dân gian để lí giải sự hình thành và hưng thịnh của vương triều về thực chất không phải do yếu tố nhân định mà là do thiên mệnh: "Xét ra nhà Trần trị vì được chừng ấy năm, *do là ở mệnh trời, chứ sức người làm thế nào được*" (*CDTK*). Chẳng qua là trời mượn tay người (thầy địa lí) để thực thi mà thôi. Tin vào thuyết vọng khí và những mảnh đất đặc biệt như thế chỉ dành cho vua chúa, những bề tôi có tham vọng chôn tiên phần vào đó đều lãnh những hậu quả nặng nề. Nguyễn Công Hãng (rất được Trịnh Cương tin dùng) bị Trịnh Giang giết vì *tội gốc* là dám táng mả vào kiểu đất *cửu long* có cơ đức con cháu được làm vua (*Truyện Thượng thư họ Nguyễn - Nam thiên trân dị tập*). Còn Nguyễn Văn Thành bị Gia Long bức tử năm 1817 vì một bài thơ mang ý hướng phản nghịch (của con trưởng Nguyễn Văn Thuyên), thực chất là liên quan đến chuyện phong thuỷ, dám chôn mẫu thân vào đất quý ngũ sắc (sẽ phát thiên tử)[24] [44].

Nhằm mục đích tăng sức mạnh cho vương quyền nhưng trong cách các nhà văn lúc sử dụng dự báo lại hướng đến những mục đích cụ thể khác nhau, có lúc dùng dự báo để chuẩn bị cho vương quyền (trường hợp dự báo ra đời trước khi có sự kiện lên ngôi như dùng dự báo qua tướng, phong thuỷ, giả dự báo qua điềm…; có lúc *lại dùng dự báo để lí giải, khẳng định vương quyền* (dự báo ra đời sau sự kiện lên ngôi như điềm thơ, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên…). Chi tiết người làng đi thuyền qua biển Thần Phù tự nhiên thiếp đi, một lúc sau tỉnh dậy kể chuyện nằm mơ thấy Nguyễn Giám Sinh đi một chiếc thuyền, mặc áo hoàng bào, thắt đai ngọc và bảo rằng: "Trước đây Thượng đế sai tôi giáng sinh xuống trần gian làm vua nước này. Nhưng vì vua hiện tại phúc trạch đang thịnh, một nước không nên có

[24] "Năm Ất Hợi 1815, người con trưởng của ông là Nguyễn Văn Thuyên cũng chính là phò mã của vua Gia Long thi đỗ hương cống. Vốn là người hâm mộ văn chương, ông Thuyên thường làm thơ, ngâm vịnh văn thơ với những kẻ sĩ. Bấy giờ lại nghe nói có hai người ở Thanh Hóa là Nguyễn Văn Khuê và Nguyễn Đức Nhuận có tiếng là hay chữ, ông Thuyên có làm một bài thơ tặng, thơ dịch âm rằng: "Văn đạo Ái Châu đa tuấn kiệt/ Hư hoài trắc tịch dục cầu ty/ Vô tâm cửu bảo Kinh Sơn phác/ Thiện tướng, phương tri Ký-bắc Kỳ/ U- cốc hữu hương thiên lý viễn/ Cao vương minh-phượng cửu thiên tri/ Thư hồi được đắc Sơn trung tể/ Tá ngã kinh-luân chuyển hóa ky". Một số người vốn có tị hiềm với ông dựa vào hai câu cuối của bài thơ mà lập luận, suy đoán, thêu dệt thành ý phản loạn, truất ngôi vua. Mọi việc kêu oan của ông đều không được Gia Long minh xét. Ông hiểu rằng: "Án đã xong rồi, vua bắt bề tôi chết, bề tôi không chết không phải là trung", di biểu để lại còn ghi: "Sớm rèn tối luyện dệt thành cái tội rất độc ác cho cha con thần, không biết kêu oan vào đâu, chỉ chết mà thôi". Ông bị bức tử, buộc phải uống thuốc độc trong ngục vào năm Đinh Sửu (1817), hưởng thọ sáu mươi tuổi, con trai ông là Nguyễn Văn Thuyên thì bị xử án chém" [45].

hai vua, nên tôi lại trở về Thiên đình để giáng sinh xuống nước khác" [113, tr. 552] (*Nguyễn Giám sinh ở La Sơn - CDTK*) là nhằm khẳng định phúc trạch của vương quyền hiện tại.

Thứ hai: *Những cách giải thích các hiện tượng dự báo của các nhà dự báo thường gắn với thế giới quan, tư tưởng, tình cảm và nhu cầu của giai cấp thống trị*. Xuất phát từ quan niệm điềm lành xuất hiện khi có thánh đế trị vì nên những hiện tượng dự báo thường được luận giải cho ra các kết quả tốt lành nhằm khẳng định sự thịnh trị của triều đại. Những kiểu dự báo như chiêm mộng thì bối cảnh li kì, cổ quái, huyền diệu không lường hết được; hay như quẻ *Dịch* thì cách lí giải có thể khác nhau; rồi như chữ trên mai rùa, hình mây trên trời, sự xuất hiện của các con vật khác lạ so với bình thường, đều có thể đọc ra các kết quả, ý nghĩa khác nhau, tuỳ theo mắt người nhìn… Lợi dụng điều này nhiều kẻ đã dâng những vật lạ và giải thích gắn với điềm lành nhằm làm đẹp lòng bề trên. *ĐVSKTT* có ghi về sự kiện: "Binh Hữu hưng vũ là Vương Cửu dâng rùa mắt có sáu con ngươi, trên ức có nét chữ triện, xuống chiếu cho các học sĩ và các tăng đạo nhận xét, thành ra tám chữ "*thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế*" (sách trời ban xuống cho biết rằng nhà vua sống lâu muôn tuổi)". Những hiện tượng trên luôn được đọc ra các kết quả tốt lành, nội dung khẳng định triều đại tốt, vua là chân mệnh thiên tử, sống lâu, phúc thọ, người dâng điềm vật cũng nhờ thế mà được thăng quan tiến chức. Đương nhiên, thực tế cho thấy, chính giai cấp thống trị cũng chịu ảnh hưởng của dự báo và tin vào kiến giải của các nhà dự báo. Nói cho cùng, lời giải thích của các bốc sư (nhất là sau những sự kiện đã xảy ra) cố ý làm cho phù hợp với và phụ hoạ vào nhu cầu và ý muốn của giai cấp thống trị. Khi xứ Thuận Quảng có điềm lành là cây sung nở hoa, đại thần Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh đem các quan dâng sách khuyên mời Phúc Khoát lên ngôi chúa (*Đại Việt sử kí tiền biên*). Trong sinh hoạt chính trị của nhiều thời đại, dự báo có ý nghĩa quan trọng. Một số nhà dự báo hoàn toàn làm việc do nhu cầu của các cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự, hoặc bảo vệ, củng cố tâm lí cho các đấng quân vương để bảo vệ địa vị thống trị của họ. Các bộ sử Việt Nam và thế giới ghi chép lại việc nhiều vương triều đều có một bộ phận, đội ngũ quan lại chuyên nghiệp, có nhiệm vụ dự báo cho hoàng gia những sự kiện quan trọng. Vua Trần cho Trần Thì Kiến làm An phủ sứ ở lộ Yên Khang vì trước đây, người Nguyên hai lần sang cướp phá, nhà vua đều sai Thì Kiến bói. Quả nhiên, giặc bị thất bại chạy tan đúng như lời bói. Không có quẻ bói của Thì Kiến thì vua Trần cũng xuất quân và chắc nội dung quẻ bói nếu xấu thì bị giấu nhẹm đi, nhưng rõ ràng, kết quả tốt đẹp của dự báo cũng mang lại sức mạnh tinh thần to lớn tạo niềm tin cho vua và toàn quân diệt giặc (vì biết được kết quả sẽ giành thắng lợi) (nên sự kiện bói toán trên còn được lưu truyền đến ngày nay) (*ĐVSKTT*). Để thuyết phục cho Nguyễn Huệ đưa quân ra Bắc, Nguyễn Hữu Chỉnh cũng đã dùng phương thức dự báo là phong thuỷ được ghi chép trong *địa ký*[25]: "Trước đây, các bậc anh hùng mỗi khi nổi dậy chưa từng có ai không lấy

[25] *Địa ký*: Sách ghi lời dự đoán trước về thế đất để mả. Thái Vương là Trịnh Kiểm, Tĩnh Vương là Trịnh Sâm. Tương truyền Trịnh Kiểm lúc nhỏ nhà nghèo, thường ăn trộm gà hàng xóm để nuôi mẹ, ai cũng ghét. Họ bèn ném mẹ Kiểm

danh nghĩa phò Lê. Nhưng số Trịnh chưa hết nên công việc của những người ấy đều chưa hoàn thành. Nay xét trong địa ký của họ Trịnh có câu: "Chẳng đế chẳng bá, quyền nghiêng thiên hạ, truyền được tám đời trong nhà dấy vạ" mà tính từ Thái vương đến Tĩnh vương thì đã đủ số tám đời rồi. Nếu ngài lấy cớ "diệt Trịnh phò Lê" mà kéo quân ra thiên hạ không ai là không hưởng ứng. Đó chính là cái công không mấy đời có vậy" (*HLNTC*) [130, tr. 95]. Chi tiết này cho thấy sự cơ trí, am hiểu tâm lí con người của Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh rất biết anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cũng muốn kéo quân ra Bắc nhưng cũng sợ mang tiếng xấu (cướp ngôi) nên đưa ra lập luận mấy bước: thứ nhất, khẳng định người lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa là anh hùng (không phải giặc cỏ); thứ hai, tranh quyền trong thiên hạ nhưng chính danh dưới danh nghĩa "phò Lê", bất bình với nhà Trịnh nên mới ra tay theo kiểu "giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha"; thứ ba, (sử dụng yếu tố dự báo phong thuỷ), việc họ Trịnh suy vong là có số trời định sẵn, nên kéo quân diệt Trịnh lúc này là được *thiên thời* và *nhân hoà* ủng hộ. Cuối cùng, Chỉnh đánh vào tâm lí muốn lập công lớn lưu danh thiên cổ của anh em họ Nguyễn là : "*cái công không mấy đời có vậy*". Đưa dự báo vào trong lập luận cho thấy Chỉnh là bậc thầy của việc nắm bắt tâm lí để thuyết phục đối phương.

Thứ ba: *Tạo ra dự báo*: *Quyền mưu đặt ra rất nhiều kế sách để giành thắng lợi, một trong số đó có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến dự báo. Việc giả dự báo hay tạo ra dự báo nhằm thu phục lòng tin của quân lính, nhân dân. Dùng dự báo để thu phục lòng người theo về là một trong những đỉnh cao của nghệ thuật chính trị thời cổ trung đại*. Trong lịch sử Trung Hoa, Trần Thiệp (thủ lĩnh đầu tiên đứng lên khởi nghĩa chống lại nhà Tần, người khởi đầu cho phong trào lật đổ nhà Tần trong lịch sử Trung Quốc) đã vận dụng kế sách giả dự báo để tạo dựng niềm tin trong lòng quân lính và quần chúng nhân dân. Trần Thiệp đã lấy son viết lên lụa trắng mấy chữ "Trần Thắng vương" và bỏ vào bụng con cá. Quân lính mua cá mổ ra thấy thư ở trong bụng cá cho là quái lạ. Ông còn ngầm sai người đến nơi đền, cây cối um tùm, thắp ngọn đèn lồng giả làm tiếng cáo: "Đại Sở hưng! Trần Thắng vương!". *Giả dự báo hay tạo ra dự báo nhằm những mục đích khác nhau nhưng phần lớn đều hướng đến vương quyền, chuẩn bị cho sự kế vị, lên ngôi*[26]. Vương Khả trong bài "*Lược sử Đạo giáo*

---

xuống vực sâu đầu làng. Qua một đêm, ở chỗ vực sâu ấy bỗng nhiên biến thành một gò đất. Sau có thầy địa lí đi qua gò đất, đọc bốn câu "thơ" rằng: "Phi đế, phi bá, quyền khuynh thiên hạ, tộ truyền bát đại, tiêu tường khởi hoạ"

[26] Cũng có trường hợp giả dự báo hay tạo ra dự báo vì mục đích nhân duyên: Mu Wang (vua Vũ), đời vua thứ ba mươi của Bách Tế tên là Jang (Chương). Mẹ của Chương một mình dựng nhà ở bên cạnh ao ở phía Nam kinh thành sống và quan hệ với rồng dưới ao mà sinh ra Chương. Vì chàng thường đi đào củ mài bán làm kế sinh nhai nên người trong nước gọi là Seo Dong (Thự Đồng). Thự Đồng có tài năng và lòng độ lượng cao cả. Nghe tin Seon Hwa (Thiện Hoa), con gái thứ ba của vua Jin Pyeong (Chân Bình) nước Silla (Tân La) rất xinh đẹp, Thự Đồng liền cắt tóc rồi đi vào trong kinh thành, chia củ mài cho bọn trẻ con trong vùng, sáng tác *Thự Đồng dao* rồi cho chúng hát: "Công chúa Thiện Hoa/ Hẹn hò bí mật/ Đêm đêm lẻn trốn/ Ôm ấp Thự Đồng". Bài đồng dao lan truyền khắp nơi khiến vua phải đày công chúa đi nơi xa. Khi công chúa ra đi, Hoàng hậu cho một hũ vàng làm lộ phí. Công chúa đang trên đường đi lưu đày thì Thự Đồng xuất hiện, vái lạy và xin hộ tống công chúa. Mặc dù không biết chàng từ đâu tới nhưng do tình cờ gặp gỡ nên công chúa rất vui, tin theo và lén lút tư thông với chàng. Sau đó, Công chúa mới biết tên chàng là Thự Đồng nên càng tin vào điềm báo của bài đồng dao, liền lấy vàng mẫu hậu tặng đưa cho Thự Đồng và tìm kế sinh nhai [60, tr. 35-36].

Việt Nam" cho rằng việc đăng cơ của thái tử Phật Mã là nhờ lực lượng tăng đạo: "Lần tranh cướp quyền hành này có sự tham dự của các tăng nhân và Đạo sĩ và họ đã lập cái gọi là "Thiên mệnh" cho Lý Thái Tông đăng cơ" [80, tr. 82]. Điều này được ghi rõ trong *ĐVSKTT, Quyển 2*: "Năm thứ 19, mùa xuân, tháng 3, ngày 1, Bính Thân, vua lấy áo ngự ban cho Trần Tuệ Long là Đạo sĩ ở quán Nam Đế. Đêm ấy, có ánh sáng khắp trong quán, Tuệ Long kinh ngạc, dậy xem thì thấy rồng vàng hiện ra ở mắc áo. Cái việc ấy đều là mệnh trời, đến đây đều thấy phù hợp cả" [90, tr. 264]. Các tăng đạo ai cũng có công nên khi Thái Tổ, Thái Tông Hoàng Đế sau khi lên ngôi, liền ban thưởng cho các tăng đạo, "chia giai phẩm tăng đạo". Nhằm chuẩn bị cho sự lên ngôi của một triều Lê, Nguyễn Trãi lấy mỡ viết khắp lá cây trong rừng "*Lê Lợi vi quân, Lê Trãi vi thần*"... Sâu kiến ăn mỡ, đục thành nét chữ, kẻ đi kiếm củi thấy thế cho là chuyện thần linh. Người nọ bảo người kia, nhân thế, theo về ngày một nhiều (*Ông Lê Trãi - TTNL*). Chuyện nhặt được thanh và chuôi kiếm Thuận Thiên cùng với việc trả gươm sau chiến thắng cũng được nhìn trong nhiều lăng kính mưu lược chính trị: "*Thanh kiếm Lê Lợi nhận được khi bắt đầu khởi nghĩa, là thanh kiếm được con người bố trí chuẩn bị từ trước, cũng tương tự như việc Nguyễn Trãi dùng mỡ viết lá cây để kiến đục thành chữ kia thôi*" [80, tr. 279]. Để vua Lê Ý Tông nhường ngôi cho Hoàng tử, Quý Kính đã bày mưu là đem một thúng gạo nếp thơm nấu thành cháo trong nội thất, rồi trèo lên mái nhà hoàng tử ở, tưới cháo thành hình con rồng để tạo ra dấu ấn vương quyền (*Cổ quái bốc sư truyện*). Như vậy, có thể thấy, qua các triều đại, để chuẩn bị cho việc một triều đại lên ngôi, bên cạnh những yếu tố như sức mạnh quân sự, chính trị, thì dự báo là một trong những yếu tố quan trọng được chuẩn bị, sử dụng với mục đích thu phục nhân tâm, chuẩn bị tâm lí. Đây là một kế sách, mà qua thực tế đã tỏ rõ tác dụng, công hiệu. Vì thế, qua đây, ta càng thấy rõ mối quan hệ giữa thần quyền và vương quyền.

Thứ tư : *Dự báo hay việc dùng thần quyền trong kế sách ràng buộc và sử dụng người của giai cấp thống trị*: Bậc quân vương ý thức được tầm quan trọng của những người bề tôi thừa mệnh nên họ đã có rất nhiều kế sách để tuyển chọn người tài và giữ họ trung thành với mình, một trong những kế sách ấy là vận dụng dự báo. Một số CPTDB được các nhà cầm quyền sử dụng khi *tuyển lựa nhân tài* là dựa vào tướng và mộng. Nguyễn Hữu Tiến với tướng hình "trạng mạo khôi ngô, vai như *vai hổ*" khiến cho Lộc Khê và chúa Nguyễn đã nhận thấy ngay phong độ của người anh hùng cái thế: "*anh hùng lẫm lẫm, tướng mạo đường đường, phong độ tư thế vượt khác người thường, lại có sức mạnh dời núi nâng vạc*" (*NTCNDC*). Trong văn học, lịch sử Trung Quốc và Việt Nam từng ghi lại nhiều sự kiện liên quan như Ân Cao Tông (Vũ Đinh) nằm mơ thấy thần linh cho mình một vị quan

giúp việc giỏi là Phó Duyệt[27] và Chu Văn Vương[28] mơ thấy thần cho mình Khương Thái Công. Motif quân vương nằm mộng được ban bề tôi hiền tài, tỉnh mộng được gặp ngoài đời được xuất hiện trong khá nhiều tác phẩm trong VXTSTĐVN như: *Việt Lam xuân thu, NTCNDC, Thánh Tông Hoàng đế - TTNL*… Sự xuất hiện của các tướng tài, quân sư giỏi như Nguyễn Trãi, Thuận Nghĩa, Lương Thế Vinh đều được mộng báo trước cho các đế vương trước khi gặp mặt, hoặc được thần tiên cho biết tên họ, tuổi tác (cụ thể, hoặc gián tiếp qua một bài thơ), đến lúc gặp ngoài đời lập tức nhận ra như Ứng Mộng (người vua thấy trước trong mộng) (*ĐVSKTT*), Lương Thế Vinh "*hai vai hơi lệch, không được bằng phẳng*" vô tình trở thành dấu vết nhận dạng "cố nhân" trong giấc mơ thái hậu (*Thánh Tông Hoàng đế - TTNL*). Hiền Vương mộng thấy thần nhân cho bài thơ để giúp chọn người tài vừa ý: "Tiên kết nhân tâm thuận/ Hậu thi đức hóa chiêu/ Chi diệp kham tồi lạc/ Căn bản dã nan dao". Bài thơ được giải ra là: câu "Tiên kết nhân tâm thuận" thì chữ *Thuận* là tên người, câu "Hậu thi đức hóa chiêu" thì chữ *Chiêu* cũng là tên người để chỉ hai nhân vật là: Thuận Nghĩa Nguyễn Hữu Tiến là người trí dũng song toàn và Chiêu Vũ Nguyễn Hữu Dật là con cháu bậc khanh tướng, khá có mưu lược, người thường khó sánh được (*NTCNDC*). Việc sử dụng dự báo để dùng người tài có tác dụng tâm lí là vừa tăng thêm sức thuyết phục với những người khác (khi người cất nhắc được sủng ái), mặt khác, tạo nên vầng hào quang cho đế vương. Đế vương có được tướng tài là do trời cử người xuống giúp đỡ để hoàn thành nghiệp bá vương.

Việc tuyển lựa được nhân tài đã quan trọng thì *việc sử dụng* đội ngũ đó hiệu quả và khiến họ giữ lòng trung thành cũng quan trọng không kém. Một trong những kế sách được các đấng quân vương vận dụng là tâm thuật dựa trên thần quyền. *Để sử dụng, ràng buộc*

---

[27] Sách *Quốc ngữ* và *Sử ký* có chép: Hoàng đế Ân Cao Tông Vũ Đinh mơ thấy Thượng đế ban cho ông một cận thần tài giỏi, đó là một người lưng hơi gù, mặc áo vải thô, vai quàng dây thừng đang cúi ngựa làm việc, là một người tù. Sau một thời gian dài các quan mới tìm được người mà Hoàng đế cần. Đó là một người tù ở Phó Nham – Bắc Hải. Mới nhìn, Vũ Đinh đã thấy đúng người mà mình đã gặp trong giấc mơ. Khi nói chuyện, người tù có thái độ cẩn trọng, diễn đạt lưu loát, tỏ ra là một người có học vấn cao thâm, có hoài bão. Vũ Đinh rất tâm đầu ý hợp với người khách mới tên là Phó Thuyết và phong ngay cho ông làm tể tướng.

[28] Chu Văn Vương là người xây dựng nền móng cho nhà Tây Chu. Ông thường mơ thấy có một vị hiền thần vẫn thường mỉm cười với ông. Theo *Thái Công Lã Vọng biểu* ghi: Một hôm Chu Văn Vương mơ thấy Tiên đế mặc áo bào đen đứng ở bến Lệnh Cô, một ông già đứng sau lưng Tiên đế. Tiên đế gọi Chu Văn Vương đến nói: Cơ xương ta ban cho người một người thầy tốt, một trợ thủ tốt tên người ấy là Vọng. Chu Văn Vương đi săn cho triệu Sử quan để đoán mơ. Sử quan nói: "Đến bên sông Vị săn bắn/ Sẽ có thu hoạch lớn/ Không phải con ly, chẳng phải rồng/ Không phải hổ, không phải gấu/ Được hiền nhân là Công Hầu/ Trời đã ban người trợ thủ tốt cho ngài". Chu Văn Vương làm theo lời đoán giải giấc mơ, dẫn đoàn người ngựa, chó săn rầm rộ kéo đến bờ sông Vị săn bắn. Đoàn người vào tận rừng rậm, đến đầm nước sâu chỉ thấy một ông già râu tóc bạc phơ, ngồi dưới khóm lau trắng, mặc áo xanh, bình thản ngồi câu cá. Chu Văn Vương thấy dáng mạo, phong độ của ông già giống như ông già đứng sau lưng tiên đế mà nhà vua đã thấy trong giấc mơ vội xuống xe cung kính đến bên, nói chuyện với ông và vui mừng thấy mình đã gặp được một vị hiền tài hiểu biết sâu rộng, học vấn uyên bác, liền mời ông lão lên xe ngựa đã chuẩn bị sẵn. Chu Văn Vương tự mình cầm dây cương, thúc ngựa. Về đến kinh thành Chu Văn Vương mời ông lão làm Quốc sư, gọi là "Thái công Vọng". Thái công Vọng họ Khương nên gọi là Khương Thái công.

các bề tôi khiến họ tuyệt đối trung thành, không thay lòng là dùng thề nguyền được thiết lập trên sự kiện dự báo. Các hội thề được tổ chức rất quy mô vào các thời Lí, Trần[29] có nội dung: "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung xin thần minh giết chết", lúc họ Trần củng cố quyền lực, lời thề của các quan bị ràng buộc vào nhiệm vụ: "Làm tôi hết lòng trung, làm quan trong sạch…" là *được dựa trên các sự kiện được dự báo*. Năm 1020 khi Thái tử Lý Phật Mã theo lệnh vua cha Lý Thái Tổ đi đánh Chiêm Thành. Khi đến Trường Châu (bờ phải sông Mã, nay thuộc xã Yên Thọ), một đêm, thần Đồng Cổ báo mộng cho Lý Phật Mã: "Tôi là thần núi Đồng Cổ, nghe tin thái tử sang đánh phương Nam, tôi xin theo giúp để phá giặc lập chút công nhỏ". Sau khi thắng trận trở về, Lý Phật Mã qua Trường Châu làm lễ tạ ơn và xin được rước linh vị của thần Đồng Cổ về Kinh đô thờ phụng để giữ nước hộ dân. Về đến Thăng Long, văn võ bá quan và các thầy phong thủy còn đang chọn đất lập đền thì ban đêm Thần lại báo mộng: "Xin lập đền ở bên hữu, trong Đại La thành, sau chùa Thánh Thọ". Đến khi Thái Tổ mất, Thái Tông lên nối ngôi, đêm mộng thấy thần đến báo rằng: "Ba vị vương em vua mưu làm phản, định đem giáp binh đến, xin nhà vua nên kíp đề phòng". Vua thức dậy còn chưa tin, đến sáng mới thấy việc xảy ra đúng như lời thần báo. Vua lấy làm lạ, xuống chiếu phong thần làm "Thiên hạ minh chủ, gia tước đại vương" (*VĐULT*). Bàn về chi tiết này Tạ Chí Đại Trường cho rằng: "Sự việc báo mộng dù là có thực do một linh cảm nào đó của con người nằm ngay trong biến cố, hay chỉ là cái cớ để lập hội thề sau biến loạn, thì việc chọn thần làm chủ cũng chứng tỏ địa vị quan trọng của thần, không những ngay trong gia đình họ Lí mà còn đối với các tập đoàn thứ cấp khác nữa. *Toàn thư* chỉ rõ miếu ở bên hữu thành Đại La, phía sau chùa Thánh Thọ, nhưng đó là miếu để hội thề cất sau biến cố 1028" [206, tr. 113]. Như vậy, một trong những cách thức các quân vương thực hiện trong việc tuyển lựa bề tôi và giữ cho họ trung thành là sử dụng dự báo.

Thứ năm: *Dự báo - hiển linh - sắc phong:* Trong VXTSTĐVN mà tập trung nhất nằm trong tập *VĐUL*, những tác phẩm viết về các thần linh đất Việt, ở phần kết thường cùng một kiểu kết thúc đó là dự báo, hiển linh và sắc phong. Phương thức dự báo gắn với kiểu kết thúc này chiếm chủ yếu là mộng. Các thần thường hiện lên trong giấc mộng của các đế vương (lúc còn đang chinh chiến hoặc sau khi đã lên ngôi) thường là xin theo giúp sức trong các trận đánh hoặc báo trước cho vua những sự kiện quan trọng sắp xảy ra (có liên

---

[29] Đây là hội thề được vua Lý Thái Tông lập lệ bắt đầu từ năm 1028 sau sự kiện loạn Tam Vương. Hội thề được tổ chức hàng năm vào ngày 25 tháng 3 âm lịch tại đền Đồng Cổ ở làng Đông Xã - Thăng Long. Sang đời Lý Thánh Tông, vì trùng ngày kỵ của vua cha nên chuyển hội thề sang ngày 4 tháng 4 âm lịch. Tục lệ đó được giữ suốt hai thế kỷ triều Lý, gián đoạn một vài năm ở triều Trần. Nhưng chỉ ba năm sau khi lên ngôi, vào năm 1228, vua Trần Thái Tông đã khôi phục hội thề ở đền Đồng Cổ vào ngày 4 tháng 4 âm lịch hàng năm giống nhà Lý nhưng sửa đổi lại lời thề. Tục lệ này được giữ suốt đời Trần. Sau đó, do nhà Hồ chuyển đô vào Thanh Hóa nên hội thề tổ chức ở núi Đún, tức Đốn Sơn nằm phía ngoài Chính môn của thành Tây Đô (Tây Giai), gọi là hội thề Đốn Sơn. Năm 1399, Trần Khát Chân cùng Thái bảo Trần Nguyên Hãng và một số vương hầu nhà Trần mưu sát Hồ Quý Ly trong hội thề này nhưng không thành. Sau vụ biến tại hội thề, Hồ Quý Ly cho là thần Đồng Cổ không còn thiêng nữa nên bãi bỏ hội thề. Hội thề Đồng Cổ và hội thề Đốn Sơn đã được nhà văn Nguyễn Xuân Khánh đưa vào tiểu thuyết *Hồ Quý Ly*.

quan trực tiếp đến vua hoặc sự an nguy quốc gia). Sau chiến thắng hoặc sau biến loạn, quân vương bao giờ cũng sắc phong (nếu thần đã có tước hiệu trước thì tiếp tục thăng, nâng cấp bậc) để ghi nhớ công lao. Trường hợp thần Đồng Cổ được sắc phong nhiều lần, một số sắc phong như: *Đồng Cổ Đại vương* (Vua Hùng sắc phong, theo truyền thuyết), *Thiên hạ Minh chủ, Gia tước Đại vương* (Lý Thái Tông sắc phong sau khi thần báo mộng năm 1028, theo *VĐUL*), *Thiên hạ Minh chủ Đại vương* (Lý Thái Tông sắc phong sau khi dẹp xong loạn Tam Vương năm 1028), *Minh chủ Linh ứng Chiêu cảm Bảo hựu Đại vương* (nhà Lý và nhà Trần sắc phong, sắc phong này được đặt tên cho truyện cùng tên ở sách *VĐUL*). Trong quan niệm dân gian, thần thường hiển linh, báo mộng lành dữ, làm việc phán xét phân xử… để tỏ lộ quyền uy. Trước thần linh, dân chúng đến để thề bồi, cầu đảo mưa nắng điều hoà, cầu lợi làm ăn, tạ ơn thần. Trong sự tương tác với thần linh, đứng trên vị thế vương quyền, *vua phong thần là để tỏ quyền uy của mình ở vị trí làm chủ vạn vật, ngay cả thần linh ở trên đất vua, cũng chịu sự cai quản của vua, nhưng việc vua phong thần cũng là nhằm mục đích kêu cầu thần giúp mình chống giặc*. Việc phong thần thánh, một mặt thể hiện niềm tự hào về lịch sử dân tộc, nhưng một mặt khác, cũng là một cách củng cố vương quyền, nhất là vào thời Lí, Trần. Nhằm tập trung quyền lực, nhà Lí đã sắp xếp, nâng cấp các thần linh ở các địa phương đưa về Kinh đô thờ cúng và các thần ở Kinh đô cũng được tiếp tục thờ cúng và được "thăng chức" lên theo với uy danh triều đại (thần Tô Lịch, thần Phùng Hưng, thần Long Đỗ). Qua đến thời Trần, nội dung thần làm chủ vua, chủ nước (của vua) như quan niệm cũ, đã mất dần để thay thế vào đó là thần cũng là một bề tôi để vua sai phái, sử dụng. Cho nên, trong các lần phong tặng, thần được phép phong theo lối đồng loạt, không cho thấy có dấu hiệu quan tâm đặc biệt gì so với các thần khác trong các năm 1285, 1288, 1313: "Theo nguyên tắc của Nho giáo, Trần đã tiến thêm một bước so với Lí vì phần lớn các thần được thờ cúng dưới đời Lí không mang một tôn hiệu nào hết, nghĩa là Trần đã có ý thức mình làm chủ thần linh" [206, tr. 138]. Nguyên tắc tôn quân quyền qua các triều đại càng được thực hiện rốt ráo mà đỉnh cao là triều Nguyễn với quyền cai trị thuộc về vua chứ không thuộc về dòng họ, hạn chế phong tước vị, lệ "tứ bất", nghiêm cấm tham dự vào triều chính của thái giám và cung hầu, việc tổ chức lễ tế Giao quy củ, bài bản, đều đặn, việc đúc cửu đỉnh. Có thể kết luận rằng: Việc tập hợp phụng thờ, sắc phong cho các thần linh từ nhiên thần (sông, nước, cây, đá…) đến các nhân thần sơ khai, các thần linh ngoại nhập… đặt dưới vai trò chủ quản tối cao là vua (thiên tử) mang ý nghĩa biểu hiện sự hợp nhất về lãnh thổ, văn hoá, và tinh thần của đất nước mà mục đích cao nhất là củng cố vương vị.

Như vậy, mối quan hệ giữa dự báo và vương quyền thể hiện qua các vấn đề chính là: Dự báo truyền bá tư tưởng thiên mệnh; những cách giải thích các hiện tượng dự báo thường ẩn tàng những tư tưởng, tình cảm, nhu cầu, lòng tin và thế giới quan của giai cấp thống trị;

tạo ra dự báo; dự báo - dùng thần quyền trong kế sách ràng buộc và sử dụng người của giai cấp thống trị; dự báo - hiển linh - sắc phong.

3.2. Dự báo phản ánh tư tưởng, đạo đức thời trung đại

Dự báo không chỉ phản ánh hiện thực xã hội mà còn phản chiếu tư tưởng, quan niệm của người dân thời bấy giờ. Số lượng dự báo không ứng nghiệm[30] chỉ xuất hiện trong 3/ 245 tác phẩm cho thấy, niềm tin của con người trung đại vào CPTDB. Họ tin dự báo có khả năng vén bức màn tương lai đầy ẩn mật: "Những giấc mộng, điềm báo, sự linh ứng của việc cầu mộng, khả năng thông linh của người trần với thế giới siêu trần có thật hay không, khoa học cũng như con người ngày nay có xu hướng phủ nhận. Nhưng trong tư duy của người xưa, đó vẫn luôn là những điều thiêng liêng huyền bí mà sự lí giải của nó thật khó đạt được sự đồng thuận. Chỉ biết rằng ở đó luôn có niềm tin vào lẽ huyền nhiệm bí ẩn của thần linh, lẽ thâm diệu cao xa của trời đất" [231]. Dự báo bên cạnh chức năng phản ánh còn có chức năng nhận thức và biểu hiện tư tưởng và quan niệm của nhà văn về thế giới. Một trong những tư tưởng, quan niệm trọng tâm, hạt nhân mà dự báo hướng đến là quan niệm về Đức - Phúc và Đức Đế - Vương.

3.2.1. Quan niệm về Đức - Phúc

Theo Vũ Quỳnh - Kiều Phú, việc ghi chép sưu tầm truyện dân gian hay chuyện thần kì quái dị có mục đích quan trọng nhất là để "khuyến điều thiện, trừ điều ác, bỏ giả theo thật, để khuyến khích phong tục" và "tất cả đều có quan hệ đến cương thường phong hoá" [113, tr. 154]. Nếu "cái tính huyền hoặc là cần thiết để tiếp cận hiện thực" (Dostoievski) thì có thể xem các phương thức dự báo mang tính huyền ảo là điều cần thiết để tác giả thể hiện mục đích giáo huấn. Bằng các phương thức dự báo, tác giả muốn đề cập đến một số nhận thức, quan niệm đạo đức của nhân dân. Trong phần trước, luận án đã chỉ ra những đề tài, chủ đề chính dự báo cho số phận cá nhân như sinh tử, nhân duyên, công danh, phú quý… Những chủ đề vừa nêu trên cũng là những vấn đề mà những con người nhân sinh thường tình quan tâm. Vấn đề đặt ra là nhân duyên, công danh, phú quý, thành bại… mà con người có được phụ thuộc vào điều gì? Do học vấn, tài năng, may mắn ngẫu nhiên hay do ông trời sắp đặt?

Để lí giải điều trên, người Việt xưa nay vẫn quen đứng trên quan niệm, triết lí về Đức, Phúc: *Phúc ấm truyền đời* để lí giải: "Người trồng cây hạnh mà chơi/ Ta trồng cây đức để đời mai sau"; "Cây xanh thì lá cũng xanh/ Cha mẹ hiền lành để đức cho con/ Mừng cây rồi lại mừng cành/ Cây đức lắm chồi, người đức lắm con"; "Khôn ngoan nhờ đức cha ông/ Làm nên phải đoái tổ tông phụng thờ"… Đào Duy Anh trong *Việt Nam văn hoá sử cương* sau khi nói về nhân sinh quan của người Châu Âu và Ấn Độ thì cho rằng nhân sinh quan *phúc ấm truyền đời* là một nét rất đặc biệt trong văn hoá ta: "Người Việt Nam có cái kiến

[30] Trong số những tác phẩm được khảo sát, *Hoàng Lê nhất thống chí* từng nhắc đến một giấc mộng tiên báo kết quả không đúng như giấc mơ nhân vật. Bấy giờ, chúa Trịnh Sâm bệnh nặng, thế tử Trịnh Tông "liền mơ thấy mình mặc áo chầu chàm, đội mũ chữ đinh, đứng ở phủ đường." Thế tử đoán rằng "mơ như vậy là điềm có tang, trong cung nay mai chắc sẽ có biến". Sau đó, bệnh của chúa Trịnh Sâm lại khỏi, trái với giấc mơ của thế tử.

giải tầm thường và chắc chắn hơn chỉ trông cậy vào con cháu để lưu truyền nòi giống và tiếp tục sự nghiệp của tổ tông. Người có quan niệm ấy, sở dĩ làm điều thiện ở đời, sở dĩ có lúc hi sinh không phải cốt cầu vinh ở lai sinh (như nhà Gia tô giáo) cũng không mong thoát khỏi vòng luân hồi (như Phật giáo) mà chỉ cốt lưu chút phúc ấm cho đời sau. Người có lòng ác cũng không sợ ngày thẩm phán cuối cùng hoặc là hình phạt ở địa ngục mà chỉ sợ con cháu bị ác báo mà thôi" [4, tr. 324 - 325]. Phúc và Đức là hai phạm trù khác nhau. Nếu Phúc là cái ta đang được hưởng thì Đức là những điều tốt đẹp ta đang làm để sẽ được hưởng phúc ở mai sau. Phúc lớn có thể ảnh hưởng tích cực tới số phận của con người, thậm chí tới nhiều đời, đến khi Phúc cạn thì cuộc sống sẽ xảy ra những họa hoạn liên tiếp. Mối quan hệ giữa Phúc và Đức như một quy luật tất yếu nên nhiều khi người ta gộp hai khái niệm này vào làm một. Với người Việt, âm đức và dương đức đều rất quan trọng. Âm đức là những việc làm thiện lành, tốt đẹp, ban ơn và bố thí của người đời trước. Dương đức là nối kết của âm đức và cũng là chuẩn bị âm đức cho đời sau. Nếu tính về thời gian du nhập, thì *Thuyết luân hồi, quả báo* vào Việt Nam khá muộn trong khi trước đó nền văn hoá dân gian bản địa đã rất sớm có những quan niệm về ứng xử đạo đức để tạo, giữ phúc giữ phần cho bản thân và con cháu về sau. Thuyết này được đề cập trong *Kinh Trung Bộ* (*Majjhima Nikàya*), có nội dung con người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp. Nghiệp là *thai tạng* mà từ đó con người được sinh ra. Như thế, sự hiện hữu của mỗi con người trên thế gian này là sự hiện hữu của nghiệp thiện và bất thiện của họ từ (vô lượng) kiếp quá khứ vì thế tất cả mọi khổ vui, thành công, thất bại, tướng diện đẹp xấu, thông minh hay khờ dại… của con người trong kiếp sống này là sự thọ lãnh những quả nghiệp do chính họ tự tạo tác từ những đời quá khứ. Con người có thể làm chủ số mệnh của mình bằng cách tạo nhiều thiện duyên và tránh xa duyên ác thì những quả phước thiện đó sẽ đè nén tất cả quả bất thiện khác hoặc nếu quả xấu có hiện hành đi chăng nữa thì nó cũng trở thành nhỏ, không nguy hại. Nguyễn Duy Cần trong *Phật giáo tinh hoa* cho rằng luật nhân quả thuyết minh quả báo cho rằng chính mình làm mình chịu, dù là chỗ thân tình đến mấy như cha với con cũng không gánh vác cho nhau được. Quan điểm về phúc báo của Phật giáo là do tự mình làm tự mình chịu, dẫu là cha con cũng không ai chịu thay cho ai được, càng không liên quan gì đến tổ đức (*Kinh Nê Hoàn*). Việc tích đức của tổ tiên chỉ có thể tạo được nghiệp đồng cảm khiến cho người có phúc sẽ sinh làm quyến thuộc chứ không truyền được phúc đức cho con cháu mà con cháu, muốn được hưởng lâu dài cái phúc của mình thì phải tự chăm lo, gieo trồng nhân thiện, luôn tạo nghiệp lành, từ bi, hỉ xả... Luật *Nhân quả* của Phật giáo không bị thời gian hạn chế, có khi đời trước gieo nhân, đến đời này gặp đủ nhân duyên thì kết thành quả, có khi gieo nhân ở đời này nhưng phải tới mấy kiếp sau, khi hội đủ nhân duyên mới kết thành quả (*Kinh Nhân quả*). Thuyết *Luân hồi - Nhân quả* của Phật giáo đáp ứng được bản tính hướng thiện của người Việt, lý giải những "bế tắc" mà văn hóa bản địa "bất lực"; khúc xạ và hóa thân vào với tín điều của người Việt nên không ít người cho rằng Phúc - Đức là một biến thể của

thuyết *Luân hồi - Nhân quả*. Tuy vậy, về bản chất, hai quan niệm này khác nhau: Phúc báo của nhà Phật hiển hiện với nghiệp lực của cá nhân tạo tác (mình làm mình chịu) còn quan niệm về Phúc - Đức của người Việt lại là cha ông để lại di hệ cho con cháu (quan niệm "Đời cha ăn mặn, đời con khát nước", "Mồ mả làm khá người ta". Tuy khác biệt, nhưng các thuyết nhân quả, luân hồi, nghiệp báo với *sinh báo, hiện báo, hậu báo* lại rất gần gũi với đạo lí "Ở hiền gặp lành" của người Việt. Có lẽ, khi mới vào nước ta, những người dân thuần phác chưa hiểu được những giáo lí cao siêu, phức tạp của Phật giáo, nhưng họ tin vào lẽ trời: "Thiện ác tuy nhỏ cũng rõ rệt, dù báo ứng chậm lớn lao. Âm công khi rõ ràng ra, phải đợi quả thiện được tròn trặn, dương phúc khi tiêu tan mất, phải chờ mầm ác đã cao đài. Có khi sắp duỗi mà tạm co, có khi muốn dè mà thử nống. Có hạnh mà nghèo hoặc bởi tội thiên kiếp trước, bất nhân mà khá hoặc bởi phúc thiện đời xưa" (*Truyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào - TKML*) nên càng một lòng hướng thiện. Vậy nên, quay trở lại vấn đề đã đặt ra từ đầu, điều gì quyết định hoạ - phúc, thành - bại của con người? Đứng trên nhân sinh quan người Việt thì câu trả lời đó chính là do Đức.

Đức được biểu hiện dưới nhiều khía cạnh, tiêu biểu như Hiếu - là một trong những biểu hiện gốc của Đức. Xưa nay những tấm gương về hiếu đễ luôn được ca ngợi, đề cao thành những bài học để tuyên truyền cho đạo đức, lễ giáo. Trong *Truyện hai thần hiếu đễ*, sau khi anh của Nguyễn Tử Khanh chết, Thượng đế thương tình trong đời sống thờ cha mẹ không phạm lỗi gì, mà tiền thân lại không có lộc vị nên phong làm thần ở Sơn Âm còn Tử Khanh thờ anh như cha, nuôi cháu như con, tấm lòng thành thật nên cũng được phong làm thần Sơn Dương, được hưởng ngàn thu khói hương, muôn năm cúng tế. Tác giả sau khi kể chuyện đã bàn luận thêm để nhấn mạnh: "Đạo hiếu đễ đối với người ta rất quan trọng. Thánh vương dùng người, lấy hiếu đễ làm gốc. Quỷ thần được đời sau thờ cúng, cũng vì có đạo hiếu đễ. Kìa những kẻ bất hiếu, bất đễ, sao không trông chuyện này làm gương" (*Thánh Tông di thảo*). Như vậy, trong tư tưởng nhân dân, đối tượng được phong thần thánh ngàn đời thờ phụng, không chỉ là những anh hùng có công giúp nước giúp dân, mà còn là những người lúc sống có nhân có nghĩa, có hiếu đễ. Họ cũng xứng đáng được phong thần, được ngợi ca như một tấm gương để người người soi theo. Vì thế, trên cõi trời có một nơi gọi là Toà Thuận Hạnh để cho những vị tiên "sống hiếu thuận" (*Truyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào - TKML). Ngoài hiếu đễ thì thật thà, không tham lam và làm việc thiện là một biểu hiện của Đức*. Trong nhiều tác phẩm của VXTSTĐ, các tác giả ca ngợi những nhân vật thiện lương, đức độ như Lê Kính chôn cất cho hai chàng trai bị chết do nạn dịch (*Truyện Lê Kính - Nam thiên trân dị tập*); Như Chi có hai việc âm đức, một là bố thí một chiếc quần, hai là bố thí tiền 250 văn (*Như Chi được thêm tuổi thọ - Bà tâm huyền kính lục*); cụ tổ của Nguyễn Tư Giản tặng số tiền cả một năm dạy học cho người khốn khó gặp nạn (*Cho vàng*

được phúc - Bà tâm huyền kính lục); Nguyễn Phúc Ngộ làm nghề nấu rượu tình cờ tìm thấy vàng bạc trong cây cổ thụ trả lại cho chủ nhân (*Mộ tổ ở Vịnh Kiều - CDTK*).

Đức dày được trời cao chứng giám nên thường đi đôi với Phúc (phúc báo). Phúc báo thường được nhận qua tuổi thọ như Dương Đức Công coi việc hình án, xét rõ mọi điều oan khuất, vì nhân từ phúc hậu nên khi chết rồi được ban cho người con trai tốt và sống lâu thêm hai kỉ (*Truyện gã trà đồng giáng sinh - TKML*), Nguyễn Hữu Tuyển số đã mãn nhưng có lòng hiếu thảo với gia đình, cảm hoá được những người khó cảm hoá như vợ và con trai trở thành người tốt vì thế được thưởng thọ thêm tam kỉ (*Hiếu thảo trước sau - Bà tâm huyền kính lục*). *Con cái cũng là phần thưởng của đức*. Những nhân vật xuất thân thánh thần thường mượn cửa ở những gia đình nhiều thiện phúc để ra đời (*Truyện Nữ thần Vân Cát, Cuộc gặp gỡ kì lạ ở Bích Câu - TKTP*). Tích được đức, bản thân họ và con cháu được *vinh hiển, giàu sang, lưu danh*. Vì thế, sự thành đạt của con cháu cụ túc Nho trong *Cho vàng được phúc - Bà tâm huyền kính lục*, được tác giả lại bàn luận nhằm khẳng định việc con cháu thành đạt nhờ tổ tiên ăn ở phúc đức: "Một tấm lòng nhân từ của vợ chồng cụ túc Nho vốn xuất phát từ bản tính tự nhiên mà phúc vận để lại cho con cháu lớn không lường hết được". Chi tiết Ông Tham chính họ Vũ do nghèo khó mà bỏ nghiệp khoa cử, thế nhưng do ông cha ăn ở phúc đức nên mới thi đỗ được tác giả lí giải trên khía cạnh văn hoá tâm linh về phúc đức: "do ông cha ăn ở phúc đức nên mới đạt được như vậy" (*Thi cử đỗ đạt do tiền định - Sơn cư tạp thuật*). Mẹ Duy Chí là người nhân đức, một hôm, gặp người bán lụa đánh rơi lụa bà liền nhặt lấy, lát sau, người bán lụa trở lại tìm kiếm, bà hỏi đích xác rồi đem trả. Người bán lụa lấy lụa để tạ ơn nhưng bà từ chối không nhận. Nhờ bà trả lại một bó lụa cho người mất, không nhận hậu lễ đền ơn mà trời đã "trả" lại cho bà năm người con trai vinh hiển: người thứ nhất là Tả thị lang, người thứ hai làm quan đến Tự khanh, người thứ ba là Tể tướng, người thứ tư là quận công, người thứ năm làm chức Tham chính. Như vậy, theo quan niệm người cổ trung đại, khi tích được Đức thì sẽ có Phúc báo cho bản thân và con cháu hiện thời và nhiều đời sau bằng tuổi thọ, con cái, sự giàu có, công danh. Thậm chí, theo quan niệm người xưa, *Đức dày có thể giúp tránh được hoạ* như lời Nhị Khanh nói với chồng: "Nếu không phải người trồng cây đức đã sâu thì chỉ e ngọc đá đều bị cháy cả" (*Truyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu - TKML*) và *Đức năng thắng số* như Xã Chánh Quyền tuy hồi nhỏ thầy thuật số đã đoán mệnh nói rằng sẽ chết vì thủy tai nhưng nhờ ông hiếu nghĩa với anh mà bình yên, sống thọ (*Kính anh được hưởng phúc - Bà tâm huyền kính lục*). Thuý Kiều thoát khỏi danh sách trong sổ *Đoạn trường* là nhờ "Bán mình đã động hiếu tâm đến trời". Nhờ hiếu nghĩa mà được trời "cân đi nhắc lại", "Thửa công đức ấy ai bằng/ Túc khiên đã rửa lâng lâng sạch rồi/ Khi nên trời cũng chiều người/ Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi duyên sau" (*Truyện Kiều*). Cổ nhân vẫn khuyên rằng: "Người làm điều thiện, phúc tuy chưa đến, nhưng họa cũng đã tránh xa; người làm điều ác, họa tuy chưa đến, nhưng phúc đã rời xa. Không nói đến có quỷ thần hay không, hoặc có chuyện quỷ thần báo ơn hay không, nhưng có một điểm chắc chắn là: "Làm nhiều việc thiện, phúc ắt có dư; làm nhiều việc ác,

họa tất có thừa". Vậy nên, cây phúc lộc, công danh… chỉ có thể tốt tươi trên mặt đất đức sâu dày. Ngược lại, nếu hiện tại và tương lai của con người bám rễ, hút chất từ điều ác thì hoa trái gặt được không tròn trặn đẹp đẽ mà méo mó, hung hoạ. Nguyễn Thị Thái lừa cháu chiếm tài sản bị Thiên Lôi thiêu cháy hết quần áo, không bao lâu sau thì chết vì: "Ôi làm điều thiện thì trời ban cho trăm điều phúc, làm điều ác thì trời giáng cho trăm điều tai ương. Đạo trời lồng lộng, không mảy may sai sót" (*Tham báo - Sơn cư tạp thuật*). Nguyễn Mại con bị chết bèn nhờ thầy pháp đánh đồng thiếp đi tìm, đến Thiên môn thì gặp hai con, cưỡi ngựa đi ra, báo rằng vì ông giết oan hai người nên Thượng đế đem hai con ông thế mạng, đồng thời khuyên ông nên tu dưỡng đạo đức, dạy bảo con cháu, bằng không sẽ gánh cái hoạ quật mả diệt nòi. Sau này, cháu ông bị sấm ngữ mê hoặc, dấy binh vào năm Canh Thân 1740, tự xưng Minh công Minh chủ, khiến triều đình quật mồ mả ông lên và giết sạch con cháu ông đúng như lời hai con ông từng nhắc nhở (*Nguyễn Mại ở Chí Linh - Nam thiên trân dị tập*). Điều này tuân theo quy luật như lời Dương Trạm dặn học trò: "Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Lưới trời thênh thang, thưa nhưng chẳng lọt. Chỉ bởi rằng thời gian chưa đến mà thôi… trong khoảng trời đất báo ứng luân hồi, chỉ có hai loài thiện ác. Người chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đế đình; người hay làm ác, không đợi đến chết, án đã thành ở Địa phủ" (*Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào - TKML*). Vậy nên, biển lớn phúc phần bình yên, mãn viên, chỉ được tích tụ từ những kênh rạch suối nguồn thiện lương; ngược lại, biển đời sẽ nổi sóng dữ, nhấn chìm con người, nếu nó được khởi nguồn từ những nhánh sông tội ác.

Phúc Đức tại Mẫu rất được người Việt đề cao. Quan niệm này thể hiện ở nhiều tác phẩm trong VXTSTĐVN như *Đốt văn tự được thừa phúc - Vân nang tiểu sử, Tể tướng xã Mộ Trạch - CDTK, Truyện trạng nguyên xã Dĩnh Kế - CDTK*. Nội dung chủ yếu trong những tác phẩm trên kể chuyện người mẹ tốt bụng (cứu giúp người gặp nạn, trả lại tiền, vàng cho người mất…) nên được người, trời báo đáp bằng ngôi đất phong thuỷ tốt cho con cháu của họ được phát phúc về sau. Bà họ Chu biết mình sắp chết, bèn đem tất cả số văn tự ra đốt hết để khi con trai về khỏi truy nợ làm khổ mọi người. Thi hài bà mới được đưa ra khỏi cổng làng thì trời đã tối, lại gặp phải mưa to gió lớn nên đành phải tạm chôn sơ sài tại đó đợi ngày cải táng. Không ngờ hôm sau ra thăm thì thấy trời đã lấp đầy thành mộ cho bà rồi. Bàn về việc bà họ Chu được thiên táng, sau này con cái được thành đạt, tác giả cho rằng: "Tiên tích đức, hậu tầm long" nghĩa là trước phải có đức, phải tu nhân tích đức, sau mới nghĩ đến chuyện tìm sự giàu sang phú quý nhờ long mạch tốt để tạo sự phát đạt, giàu sang. Lại có câu: "Có đức mặc sức mà ăn" cũng với ý nghĩa tương tự. Bà họ Chu được âm đức dồi dào như thế, nhà họ Ngô nối đời vẻ vang như thế, thực đúng là tấm lòng nhân từ tích góp việc thiện thì được giáng trăm nghìn điều lành, trời táng cho nơi cát địa hưởng phúc lâu dài vậy" [114, tr. 888] (*Đốt văn được thừa phúc - Bà tâm huyền kính lục*). Qua chi tiết này, chúng ta có thể thấy được quan niệm của người xưa, tuy họ rất coi trọng việc đặt để mộ phần để mong có

được phúc phận cho bản thân và con cháu, nhưng cái quan trọng hơn vẫn là việc ăn ở có đức để tạo cái phúc lâu dài. Cái gốc làm người là hiếu, nghĩa, nhân đức. Những người biết sống giữa đời bằng một trái tim thiện tâm cao cả, biết hi sinh vì người khác thì chắc chắn sẽ nhận được phúc báo, có khi, còn hơn cả tìm thấy đất có long mạch. Bài học, ý nghĩa nhân văn rút ra ở đây là con người chỉ cần thiện lương, trời xanh ắt đã có sự an bài. Lời khuyên con người sống trên cõi đời này, muốn hạnh phúc, thành đạt, phải luôn chú trọng bồi dưỡng đạo đức, tu thân, vì tích đức là "phong thuỷ nhân tâm" không những có lợi cho bản thân mình, mà còn tác động, cải biến con người và hoàn cảnh xung quanh. Đức chính là cái gốc của phong thuỷ đời người vậy. Đặc biệt, sự vẻ vang của nhiều dòng họ được giải thích trên bề mặt bằng việc họ có được ngôi đất phong thuỷ tốt, nhưng kì thực, chiều sâu đằng sau đó lại là đề cao đức của người mẹ. Nhờ người mẹ có đức tốt nên trời ban phần thưởng cho. Vì thế, có thể kết luận rằng đức độ, nhân tâm của người mẹ mới chính là "phong thuỷ cát địa" tốt nhất cho con cái họ, thậm chí là ảnh hưởng đến cả dòng họ lâu dài về sau.

Đức độ dự báo phúc phận không chỉ là vấn đề của nội dung mà còn là vấn đề thi pháp, nghệ thuật kể chuyện, thuộc về phần kết cấu, cốt truyện của dạng tác phẩm nói đến chuyện khoa hoạn, cử nghiệp, trường ốc đỗ đạt của các sĩ tử nhờ ân trạch tổ tiên, được âm phù. Kết cấu truyện theo dạng này là một mô hình rất quen thuộc trong văn học trung đại, được các nhà nghiên cứu mượn chữ kinh điển Phật giáo gọi là kết cấu nhân - quả: "Đối với nhóm "kiến văn lục" (…) đáng chú ý hơn cả là các chuyện báo ứng. Các tác phẩm dạng này lại có kết cấu theo nguyên tắc riêng. Có thể gọi đó là kết cấu theo nguyên tắc nhân quả" [111, tr. 291]. Sự tham dự của dự báo trong kết cấu này thể hiện rõ trong phần mở đầu: lập đức, tạo phúc, đồng nghĩa với việc dự báo cho một kết quả tốt đẹp về sau. Phần kết thúc câu chuyện là phúc phần nhận được, hô ứng với phần mở đầu tác phẩm.

Như thế, dự báo trong VXTSTĐVN phản ánh những quan niệm gốc của người Việt về phúc đức: phúc ấm truyền đời, phúc đức tại mẫu… Qua kết quả dự báo, các tác giả muốn truyền đạt tư tưởng về phúc đức: nếu muốn thành đạt phải sống có đức (và được hưởng phúc đức của tổ tiên) (nếu không có thì không được viên mãn toàn vẹn dù có tài năng (mỏng phúc); hưởng phúc tiên tổ còn phải tích đức, tích phúc cho con cháu. Vậy nên, vấn đề dự báo Đức - Phúc không chỉ là vấn đề nội dung mà còn là vấn đề của thi pháp.

3.2.2. Đức Đế - Vương

Danh xưng *Đế, Vương, Vua*… trên để chỉ nhân vật đứng đầu thể chế quân chủ. Trên thế giới, ở các quốc gia, chế độ quân chủ có sự đồng dạng nhất định nhưng do đặc điểm văn hoá chi phối, các mô hình Hoàng đế ở các nền văn hoá là khác nhau. Trong phạm vi nghiên cứu của mình, chúng tôi chỉ đi sâu vào đức của mẫu hình Hoàng đế Việt nhìn từ khía cạnh hẹp là các phương thức dự báo. Xã hội phong kiến có bản chất là xã hội quân chủ chuyên chế tập quyền, Vua đứng đầu, độc quyền chính trị. Vì thế, từ phẩm chất đạo đức đến hành xử của cá nhân này có tác động đến toàn xã hội, thời đại. Trong quan niệm cổ trung đại, Đế

-Vương là người được trời lựa chọn cai trị thiên hạ: "Vua là con trời nên có quyền (độc quyền) tế Giao (tức tế trời như con tế cha) giao tiếp với đấng chủ tế muôn loài và làm chủ thần linh (thần thánh được thờ trong lãnh thổ được "định biên chế" rất ngặt nghèo, "phân cấp quản lí" chặt chẽ). Bộ Lễ, quan trọng hàng đầu trong lục bộ... phải thừa mệnh vua mà cấp sắc cho thần thánh địa phương. Uy quyền thiên tử trùm lên mọi chốn, thống nhất trong tay cả thế quyền lẫn thần quyền" [225, tr. 54 - 55]. Khái niệm Thiên tử, Đế, Vương, Vua có ý nghĩa văn hóa biểu trưng sâu sắc giúp xác lập nền chính trị quân quyền tập trung tuyệt đối thông qua thần quyền. Đế, Vương là người được trời lựa chọn trị vì nên sự tồn tại của chính quyền tập trung, chuyên chế, độc đoán của Đế, Vương được lí giải bằng sự lựa chọn, "phê chuẩn" thiêng liêng của trời, được trời giao cho làm việc cai quản trần gian. Đổng Trọng Thư trong *Thiên nhân tam sách* viết: "Vương giả, thừa thiên ý dĩ tòng sự" (Vương là người thừa ý chỉ của trời mà làm việc). Muốn cai quản được trần gian, Đế, Vương phải có những phẩm hạnh, đạo đức nhất định. Theo nghiên cứu của Trần Nho Thìn, khái niệm Đức trong các văn bản cổ đại Trung Quốc có thể chia thành hai nhóm quan trọng. Nhóm đầu thuộc về đức của Thiên (trời), có khi gọi mở rộng là Thiên địa (trời đất); nhóm thứ hai nói về đức của Đế (Vương), kẻ tiếp tục đức của trời đất trong nhân gian, thiên hạ. Trong đó, Đức của Trời (Trời đất) là hiếu sinh (yêu sự sống). Triết học phương Đông cổ đại đề cao sự thống nhất giữa con người và vũ trụ, được khái quát bằng công thức "Thiên nhân hợp nhất" (người và trời là một thể). Ý nghĩa của Đức Đế - Vương xuất hiện trong dự báo tập trung vào những vấn đề trọng tâm sau:

Thứ nhất: Trong quan niệm cổ trung đại, Đế - Vương là người được trời lựa chọn cai trị thiên hạ và phải là người có phẩm hạnh tốt[31]. Trong chế độ quân chủ chuyên chế, vua có quyền lực tối cao, có sức ảnh hưởng, tác động đến nhiều người. Nếu Vua có đạo đức tốt, có tài lãnh đạo thì có thể đem lại hạnh phúc, bình yên cho muôn dân; ngược lại nếu kém đức, bất tài thì đó sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng khôn lường. Trong lịch sử quân chủ, có những trường hợp truyền ngôi không dựa vào huyết thống, dòng họ mà *truyền hiền* tức là dựa vào đức độ, tài năng. Tiêu biểu như Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn chứ không truyền ngôi cho con là Đan Chu thường được sử sách đời sau xem là tấm gương mẫu mực của việc chọn người tài đức chứ không vì lợi ích riêng tư của dòng họ. Về sau, Thuấn lại quyết định truyền ngôi cho Đại Vũ thay vì con trai mình là Thương Quân, sau này Đại Vũ lập ra nhà Hạ. "*Nghiêu Thuấn thiện nhượng*" là thuật ngữ ca ngợi hành động truyền ngôi cho người hiền của hai vị quân chủ Đường Nghiêu và Ngu Thuấn khi họ đang tại vị. Đức hạnh của họ được lý tưởng thành điển hình tốt đẹp nhất, làm khuôn mẫu cho một xã hội thịnh trị trong văn hóa Trung Hoa. Bàn đến nhân vật Đế - Vương, phẩm hạnh là điều đáng lưu tâm nhất. Phẩm hạnh này được xuất hiện ngay từ những hình ảnh có tính chất

[31] Quan niệm này không chỉ có ở Trung Quốc, Việt Nam mà có thể thấy ở nhiều nơi trên thế giới. Trong sử thi *Mahabharata*, người anh cả đứng đầu trong năm anh em Pandava là Yuhitira, chàng là con trai của thần Daharma (Thần Đạo đức, công lí), sau này lên làm vua, khôi phục đất nước.

tượng trưng của điềm báo sinh thánh vương. Trong *Hương Lãm Mai đế kí* có chi tiết kể về giấc mơ của người mẹ có điểm đáng lưu ý là được tặng báu vật liên quan đến tinh con vật (gà) mang ý nghĩa "tượng trưng năm đức tốt là Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín"; vật được tặng bằng chất liệu ngọc (*ngọc kê sơn bích*), mà theo *Lễ kí*, ngọc có ý nghĩa chỉ về phẩm chất đạo đức: "*hảo tâm, cẩn trọng, chính trực, phong nhã, hài hoà, chân thực, thành tín, và cũng là biểu hiện của trời và đất và là* ***con đường của đạo đức***" [20, tr. 638]. Như thế, giấc mơ của người mẹ về người con sắp sinh có những chi tiết liên quan đến đức mang ý nghĩa biểu trưng điềm làm vua sau này của Mai Thúc Loan.

Thứ hai: Bàn về nội hàm Đức của Đế - Vương và đế vương muốn giữ thiên mệnh phải có chí đức (hiếu, nhân, minh, thành kính) và đặc biệt phải có đức hiếu sinh[32]. Đức của Trời phản ánh nhận thức văn hóa của xã hội nông nghiệp: sự sinh sôi, phát triển đều dựa vào đức sinh của trời đất. *Chu Dịch, Hệ từ* Nho gia nói: "Địa thế Khôn, quân tử dĩ hậu đức tải vật" (đất hình tượng Khôn, có đức hậu chuyên chở muôn vật; quân tử mô phỏng theo đức dày của đất mà chuyên chở muôn vật). Thiên *Hệ từ* cũng viết: "Thiên địa chi đại đức viết sinh" (đức lớn của trời đất là sinh). Triết học phương Đông cổ đại đề cao sự thống nhất giữa con người và vũ trụ, được khái quát bằng công thức "Thiên nhân hợp nhất" (người và trời là một thể). Đế vương là người có những phẩm chất đặc biệt được trời lựa chọn để uỷ nhiệm quyền lực cai quản thiên hạ vì thế Đế phải là người có khả năng liên thông và có phẩm chất của trời đất. *Thượng Thư* nói về đức của vua Vũ: "Duy đức động thiên" (đức của vua Vũ làm Trời cảm động). *Kinh Dịch*: "Đức tượng thiên địa viết đế" (người có đức giống đức của trời đất là đế). "Đế vương chi đức phối thiên địa" (đức của bậc Đế - Vương sánh với đức của trời đất - *Trang Tử, Thiên địa*). Tư tưởng về Đức của Đế - Vương sánh ngang đức trời đất phản ánh quan niệm triết học vạn vật nhất thể, thiên nhân hợp nhất thời cổ đại. Trời chỉ lựa chọn những người có đức để ủy nhiệm cai trị thiên hạ: "Hoàng thiên vô thân, duy đức thị phụ" (Trời không thân với ai, chỉ giúp cho kẻ có đức - *Thượng thư, Thái Trọng chi mệnh*). Cách diễn ngôn này, đứng trên địa vị của người thống trị, triều đại thì nó có tác dụng hợp pháp hóa vương quyền; tuy nhiên, đứng trên vị thế người dân thì diễn ngôn này lại có lợi cho họ vì thiên ý cũng là ý dân, "về mặt lí thuyết, cả nhà Nho lẫn Hoàng đế đều chấp nhận "Ý dân là ý trời", luôn luôn phải quan tâm đến dư luận, đến ca dao, đồng dao, sấm ngữ" [225, tr. 60]. Phẩm chất quan trọng của đức được nhấn mạnh như đã nói ở trên là *đức hiếu sinh*. Theo quan niệm cổ đại, "vô luận người hay động vật, thực vật, hễ có sinh mệnh, đều có quyền sinh tồn, nên người có khả năng sinh và dưỡng vạn vật gọi là người có đức, trời đất đã sinh dưỡng vạn vật nên có thể gọi đó là "đại đức", còn bậc Đế - Vương dùng quyền lực của mình để mở

[32]Thực ra, dẫu là đế vương hay là cá nhân thì đức đều hướng về hiếu sinh: Hồ Nguyên Trừng *trong Nam ông mộng lục* kể về đức hiếu sinh của ngoại tổ ông, người đã có hai câu thơ: *Sào điểu ký lâm hưu phạt mộc, Nghĩ phong tại địa vị canh điền* (tạm dịch: Cây chưa chặt lúc chim làm tổ, đất hoãn cày khi tổ kiến còn). Do tích đức như vậy nên con gái cụ đã sinh ra vua Trần Nghệ Tông.

rộng chế độ bảo hộ chúng sinh trong khu vực thống trị của mình có thể gọi là thay trời thực hiện quyền lực nên mới gọi Đế Vương chi đức phối thiên địa”[33] (dẫn theo Trần Nho Thìn) [180, tr.12]. Khi Đức của Đế - Vương đã thông với đức của trời đất thì tất có biểu hiện trước tiên là hiếu sinh. *Điềm lành xuất hiện báo hiệu xuất hiện thánh đế (vua mang đặc điểm trời, thánh), vua có những phẩm chất hiếu sinh, cứu giúp…, ứng xử với quân, dân, dùng người.* Trong văn học nói chung, VXTSTĐVN nói riêng có motif anh hùng gặp nạn được trời giúp sau này lên ngôi Vua[34], một số trong các truyện đó kể về việc các vị Vua thủa còn dựng nghiệp, khi có biểu hiện về đức hiếu sinh liền được trời cảm ứng mà cứu giúp, ban cho mưa xuống. Sự cứu giúp này cũng là điềm lành báo trước ngôi vị Đế - Vương sau này của họ vì trong tâm thức của người phương Đông coi mưa là sự ban phúc. Trong *Việt Lam xuân thu*, việc các cụ già nhận định về Lê Lợi: “Mây che linh nghiệm, mưa đổ kịp thời, đây chính là vị chúa nhận mệnh trời làm Vua” là bắt nguồn từ sự kiện cuộc giao tranh của nghĩa quân với quân Hồ ở Thanh Hà, nước sông tự nhiên cạn hết, thuyền không đi được. Lê Lợi ngẩng mặt lên trời khấn rằng: “Lợi tôi vì dân diệt giặc, không ngờ bị nguy khốn ở đây, cúi mong Hoàng thiên, Hậu thổ cứu đám sinh linh”. Khấn xong trời liền đổ mưa, nước sông dâng cao đến mấy thước khiến cho các mái chèo khua được nước. Tương tự, trường hợp Nguyễn Ánh lúc sắp chết khát giữa biển ngước nhìn trời thầm khấn nếu có mệnh làm quốc vương thì cầu trời cứu mệnh cho người trên chiếc thuyền này, vừa dứt lời thì gió ngừng sóng lặng, rồi một dòng nước trong vọt lên, nếm thử thấy vị nước ngọt. Quân sĩ trên thuyền thỏa sức uống. Nguyễn Ánh sai hứng đầy bốn năm chum dự trữ, sau đó nước biển lại mặn như cũ (*Hoàng Việt long hưng chí*). Hai vị chúa công, trong hoàn cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”, sống chết cận kề vẫn lo lắng cho mạng sống của những người theo phò mình, cầu xin trời giúp đỡ. Tấm lòng đó được trời hồi đáp bằng “điềm cho nước” dự báo tương lai (nước chỉ là vật chất ở hiện tại nhưng lại là giang sơn, đất nước tương lai). Ta thấy rõ điều trên trong *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, tập I, quyển 1-6, có ghi về Nguyễn Hoàng: lúc Nguyễn Hoàng cùng những người đồng hương ở Tống Sơn, những người nghĩa dũng ở Thanh Hóa mới vào đến bãi cát Ái Tử, người dân ở đây đã đem dâng 7 chum nước trong. Nguyễn Ư Dĩ mừng rỡ nói với Nguyễn Hoàng đó là phúc trời cho đó, dân đem "nước" dâng lên, có lẽ là điềm "được nước".

Thứ ba: Thiên tử là con trời, mô phỏng, bắt chước trời trong trị lý quốc gia, tất trước hết phải tu đức hiếu sinh. Đức hiếu sinh áp dụng vào thực tiễn chính trị của đế vương có thể biểu hiện trong việc lựa chọn đức trị chứ không chọn hình chính. Đổng Trọng Thư

---

[33] Mỹ Quảng Huy chủ biên, *Trung Quốc kinh học tư tưởng sử*, q.1, Trung Quốc xã hội khoa học xuất bản xã, 2003, tr. 79

[34] Trong *Tam quốc diễn nghĩa* có chi tiết Gia Cát Lượng dùng kế lừa cho Tư Mã Ý kẹt tại Thượng Phương cốc và ném rơm rạ, củi lửa chặn bít hai đầu, phóng hỏa thiêu. Nhưng trong lúc Tư Mã Ý tuyệt vọng thì Kỳ Sơn 9 tháng không có mưa bỗng đổ mưa lớn cứu cha con Tư Mã Ý, trời đổ mưa dập tắt hết ngọn lửa, cha con Tư Mã Ý chạy thoát khỏi Thượng Phương cốc. Từ trận này mà có câu "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên". Gia Cát lượng buồn rầu, biết rằng khí số nhà Hán đã tận, trời không giúp ông mà giúp Tào, một mình ông khó xoay chuyển càn khôn, nghịch ý trời, lại thêm ngày đêm lao lực mà sinh bệnh.

giải thích thế nào là "Dĩ đức phối thiên" như sau: "Hậu kỳ đức nhi giản kỳ hình, dĩ thử phối thiên" (Dày đức mà đơn giản hình, lấy đó để sánh với trời" (*Xuân Thu phồn lộ, Cơ nghĩa*). Ông lập luận rằng cái lớn của đạo trời chính là đạo âm dương. Dương là đức (tức là đức trị), âm là hình (hình phạt, pháp trị). Hình chủ sát mà đức chủ sinh, nên theo trời thì phải thực hành đức trị chứ không thiên về hình phạt của pháp trị. Nếu vương giả làm chính trị mà chọn hình pháp thì không thuận với trời (*Thiên nhân tam sách*). Tư tưởng đức trị (hiếu sinh) có liên quan mật thiết với tư tưởng dân bản (lấy dân làm gốc) như hai mặt của một vấn đề. Khổng Tử, Mạnh Tử đều so sánh và chỉ ra sự ưu việt của đức, lễ so với chính và hình trong trị quốc của vương giả. Khổng Tử nói "Lãnh đạo bằng chính lệnh, xếp đặt bằng hình phạt, dân không dám làm bậy nhưng cũng không biết xấu hổ (vì làm bậy); lãnh đạo bằng đức, xếp đặt bằng lễ, dân biết xấu hổ mà lại nghiêm chỉnh" (*Luận ngữ, Vi chính*). Mạnh Tử nói "Dùng bạo lực để qui phục dân, người ta sẽ không tâm phục mà sức mạnh bạo lực cũng không đủ; dùng đức để qui phục dân, lòng dân sẽ vui mừng mà thành thực qui phục" *(Mạnh Tử, Công Tôn Sửu thượng*) (dẫn theo Trần Nho Thìn) [180]. Trong các truyền thuyết về Lê Lợi và trong *Việt Lam xuân thu* đều kể về chi tiết Lê Lợi được trời ban cho thanh gươm có chữ Thuận Thiên và sau khi dẹp xong giặc, lên ngôi thì có chi tiết trả gươm cho rùa vàng. Trong ý nghĩa biểu tượng, thanh gươm tượng trưng cho sức mạnh của thái dương, mặt trời, của vua chúa, cho sự tối cao và đại lượng: "sự kết hợp trong lí trí hai thuộc tính là lòng nhân từ và quyền lực" [20, tr. 490]. Thanh gươm là vật thiêng của trời được giao vào tay người anh hùng có đức độ để tiêu huỷ sự bất công, độc ác, tối tăm đồng thời xây dựng, kiến lập, duy trì hoà bình và công lí, đem lại hạnh phúc cho muôn dân, được tác giả *Việt Lam xuân thu* ngợi ca: "Vật thiêng đây vốn của trời trao/ Tỏa chiếu hào quang tận Đẩu, Ngưu/ Ba thước Long tuyền nơi đức độ/ Đế vương vẫn thuộc chúa Nam châu" [115, tr. 108]. Gươm đao tượng trưng cho bạo lực phải để vào tay người có đức thì nó mới có thể thực hiện sứ mệnh tốt đẹp là trừ gian diệt bạo… Điềm được gươm nhờ vào đức độ của Lê Lợi chính là điềm báo lên ngôi sau này. Khi lên ngôi, hành động Lê Lợi trả lại gươm ngoài ý nghĩa nhấn mạnh cho việc chiến tranh đã kết thúc, một thời kì thịnh trị thái bình sẽ kéo dài, nhưng sâu xa hơn, theo chúng tôi là chính là việc trong thời bình dùng đức trị chứ không dùng pháp trị. Thanh gươm Thuận Thiên nghĩa là thuận theo ý trời mà trừ gian diệt bạo, khi trừ xong rồi thì trả lại cho trời, dùng nền đức chính (để đem lại cuộc sống yên bình cho nhân dân).

Thứ tư: Đức có chức năng giao tiếp quan trọng, được thể hiện ra bằng các phương thức dự báo. Ý nghĩa của chữ "Vương" nằm ngay trong cách cấu tạo chữ gồm ba nét ngang chỉ thiên, địa, nhân và một nét sổ dọc nối ba nét ngang mang ý nghĩa chỉ Vua là người thay trời cai trị muôn dân, nối liền đất, người với trời. Trước hết là giao tiếp theo hướng từ dưới lên trên, từ Đế - Vương lên trời. Các văn bản cổ đại nói về hiệu dụng giao tiếp của đức thường dùng những chữ như *thông (thiên địa), đạt (thượng huyền), cảm, động (thiên),*

báo… Theo hướng giao tiếp từ trên xuống, từ trời xuống người có các chữ như *giám (thiên giám), giáng tường thụy*. Đức hiếu sinh của Đế - Vương được trời thấu hiểu, cảm động (dĩ đức động thiên), trời sẽ ban phúc lành. Nhưng một khi Đế - Vương vô đạo, thất đức, trời sẽ thông báo ý chỉ khiển trách của mình qua các điềm tai dị trước khi cách mệnh. Thánh thần giáng phúc cho người có đức mà gieo tai họa cho người không có đức: "Thần phúc nhân nhi họa dâm" (Thần giáng phúc cho người có đạo nhân mà giáng họa cho kẻ dâm loạn - *Tả truyện, Thành công ngũ niên*). Trong truyện *Gặp tiên ở hồ Lãng Bạc*, vị tiên báo cho Vua Lê Thánh Tông rằng: "Phúc trạch nhà Lê, vương tử được hưởng nhiều hơn cả. Duy chỉ phải phòng giữ một điều trong chỗ chăn gối mà thôi" [113, tr. 596] là nói đến việc điều tiết chuyện phòng the, chăn gối không để quá độ ảnh hưởng đến đức và phúc (*Thánh Tông di thảo*). Về chức năng giao tiếp của đức Đế - Vương có hai dạng sau: Từ trên xuống dưới (trời với người) và từ dưới lên trên (người với trời).

Dạng thứ nhất: Từ trên xuống (trời với người) được biểu thị bằng CPTDB chủ yếu qua điềm lành và tai dị. ĐVSKTT ghi chép khá đa dạng điềm lành xuất hiện như rồng hiện, vết chân thần hiện, có người dâng cống voi trắng, hổ trắng, hươu trắng, chim sẻ trắng, quạ trắng, rùa có chữ Hán trên mai. Trong đó motif rồng vàng hiện chiếm (tổng cộng 24 lần (*Việt sử lược* ghi nhận 59 lần) có vẻ như được lạm dụng trong những phần sử liệu chép về triều nhà Lý ở nước ta. Nguyên do có thể như Ngô Sĩ Liên (dưới góc nhìn Nho gia) nhận định, các vị Vua triều Lý đều ưa thích điềm lành, đặc biệt là các vua Lý Nhân Tông: "Mộ đạo Phật, thích điềm lành, đó là điều lụy cho đức tốt"; Lý Thần Tông: "quá thích điềm lành, tôn sùng đạo Phật, chẳng đáng quý gì" (*ĐVSKTT*). Bên cạnh rồng vàng thì loài rùa mắt có sáu ngươi, trên mai có viết chữ Hán cũng nhiều lần được ghi nhận (13 lần ghi chép). Nội dung chữ Hán xuất hiện mai rùa được diễn giải hầu hết đều mang tính củng cố vương quyền, tôn vinh Hoàng đế như "Thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế", "Vương công dĩ pháp", "Nhất thiên vĩnh thánh", "Thiên tử vạn niên". Điềm rồng và rùa xuất hiện trong các câu chuyện hay thời của Đế - Vương được lí giải mang khuynh hướng với đạo đức của Vua, những gì hợp Lễ, Nghĩa thì xuất hiện điềm lành. Nguyên nhân xuất hiện điềm lành, theo Đổng Trọng Thư quan niệm: "Vua ngay thì nguyên khí hòa thuận, mưa gió đúng lúc, sao sáng hiện, rồng vàng bay xuống. Vua không ngay thì trên trở trời, tặc khí xuất hiện", "Việc tốt kéo theo điều tốt, việc xấu kéo theo điều xấu, cùng phẩm loại thì tương ứng dấy lên" [161, tr. 107]. Đế - Vương sắp nổi lên thì điềm tốt đẹp thấy trước, Đế - Vương sắp diệt vong thì sự yêu nghiệt cũng thấy trước". Chính vì vậy, các ghi chép về điềm lành cũng tương tự như ghi chép về điềm tai dị, đều được liên hệ trực tiếp tới nền đức chính của quân vương. Quan niệm trên ta cũng có thể thấy ở phương Tây, trong một Thánh thư được gán cho là của thánh Patrice đã liệt kê trong số những điều may mắn mà triều đại của một vua tốt mang đến: "Thời tiết tốt, mặt biển lặng, các vụ mùa bội thu, và cây cối sai trĩu quả". Ngược lại, nạn đói, đàn bò cái vô

sinh, quả trên cây hư thối, và tình trạng thiếu hạt giống được coi là những chứng cớ không thể chối cãi của một triều đại xấu [46, tr. 154 - 155]. Ở xã hội nguyên thuỷ, người ta tin Vua có quyền năng siêu nhiên, là hiện thân của một thần linh, có khả năng điều chỉnh dòng chảy của tự nhiên. Vì thế, Vua chịu trách nhiệm trực tiếp khi thời tiết xấu, mùa màng thất bát, tai hoạ xảy ra: "Người ta giả định là dòng chảy của tự nhiên chỉ phụ thuộc một phần nào đó ý chí của nhà vua: con người nhà vua, được coi như là trung tâm động lực của vũ trụ, từ đó toả ra bốn phương trời, tác động của sức mạnh đến mức chỉ một cử chỉ nhỏ của nhà vua cũng có thể tức thì tác dộng và làm rối loạn nghiêm trọng một yếu tố tự nhiên nào đó. Nhà vua là điểm tựa cố định của chiếc đòn bẩy thế giới và bất kì một điểm thất thường nhỏ nhất nào của vua cũng có thể làm đảo lộn thế cân bằng tinh tế" [46, tr. 283]. Trong *Cảnh tinh phú*[35], Đào Sư Tích đã cảm khái về đức rằng: "Trời người một lẽ, cảm thông rất mực/ ứng nghiệm không ở trời mà ở người, tốt lành không tại điềm mà tại đức".

Ngoài điềm lành, *giao tiếp từ trên xuống dưới giữa trời và người còn thể hiện qua điềm tai dị*. Tai dị là những hiện tượng tự nhiên dị thường tai hại, được coi là sự răn đe của trời đất. Đổng Trọng Thư quan niệm: "Vạn vật trong trời đất mà có sự biến đổi bất thường thì gọi là Dị. Sự thay đổi nhỏ thì gọi là Tai. Tai thường đến trước mà Dị thì theo sau. Tai là sự khiển trách của Trời. Dị là uy của Trời vậy. Khiển trách mà vẫn không biết thì sẽ dọa nạt bằng uy"; "Gốc của điềm tai dị đều nảy sinh ở sự sai trái của nhà nước. Sự sai trái của nhà nước mới nhen nhóm, Trời liền hiện ra điềm tai hại để cảnh cáo. Cảnh cáo mà vẫn không biết thay đổi thì lại hiện ra điềm quái dị để dọa nạt. Dọa nạt mà vẫn không biết kinh sợ thì tai ương sẽ ập tới" [161, tr. 105]. *Sử kí, Hiếu văn bản kỉ* viết về Hiếu Văn Hoàng đế: "Trời sinh nhân dân, vì nhân dân mà *đặt vua* để nuôi dưỡng và cai trị dân: nếu nhà vua không có đức, thi hành chính trị không công bình thì trời ra tai hoạ cho nhà vua biết để răn đe về chỗ trị dân". Trong đó, hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, sao Chổi xuất hiện, động đất, được cho là những điềm báo hung dữ bậc nhất trong các hiện tượng. Đặc biệt là, các hiện tượng liên quan tới mặt trăng, mặt trời, bởi quan niệm xưa cho rằng mặt trời là tinh của thái dương, chủ việc sinh dưỡng ân đức, tượng trưng cho bậc quân vương. Nhật thực, âm xâm phạm dương, là tượng bề tôi lấn át vua, có họa vong quốc. Mặt trăng là tinh của thái âm, phối với mặt trời, tượng trưng cho bậc nữ chủ, đem so với nền đức chính thì mang nghĩa hình phạt, đem liệt vào triều đình thì tương tự phận bề tôi (*Tấn thư, thiên văn chí*). Ngay trong biểu tượng văn hoá thế giới, trong khoa chiêm tinh, một trong những ý nghĩa quan trọng nhất của mặt trời là "quyền uy". Ở nước ta thời trung đại, các hiện tượng như nhật thực, nguyệt thực, sao Chổi, động đất... đều được coi là hiện tượng tai dị, có liên hệ trực tiếp tới chính trị và sự tồn vong của vương triều. Lời tấu của các quan triều Lê Kính Tông ghi nhận: "Tai biến không phải bỗng dưng mà có, hẳn là bên trong có lỗi đức, bên ngoài có lỗi chính, kỷ

[35] Xin xem toàn bài thơ tại *Phụ lục 10*

cương lỏng lẻo, pháp lệnh trễ nải, quan lại hà khắc, dân chúng dao động, việc người có nhiều sự bất hòa mà đến thế chăng" (*ĐVSKTT*). Trong *ĐVSTTT*, các ghi chép về nhật tượng (các hiện tượng liên quan tới Mặt trời) chiếm số lượng lớn nhất trong các ghi chép về thiên tượng (nhật thực tổng cộng 70 lần). Ngoài hiện tượng nhật thực, các hiện tượng liên quan đến mặt trời còn có: mặt trời có hai quầng, mặt trời rung động, mặt trời sắc đỏ, hai mặt trời cùng mọc. Nguyên nhân của tai dị là do người đứng đầu lỗi đức như tàn bạo, hoang dâm, xa xỉ, không chăm lo chính sự. Trong *Việt Lam xuân thu*, yêu tinh của cây ngô đồng báo trước việc Hồ Quý Ly mất nước là do tàn bạo: "Vì ông **bạo ngược** rồi sẽ bị trời trừng phạt", còn trong *NTCNDC* ghi lại sự kiện tối ngày Mậu Tý, mồng một, tiết trọng thu, có ngôi sao sa dài năm trượng, trông tựa tấm lụa, sáng rực như ánh chớp, rọi chiếu vào nhà, khi xuống tới đất có tiếng nổ vang như sấm để cảnh báo. Chúa Mạc an nhiên không biết điềm tai biến, buông tuồng dâm dục, trễ nải chính sự, lại ham mê tửu sắc không còn biết kiêng dè. Quả nhiên sau đó bị diệt vong.

Dạng thứ hai (từ dưới lên): Chức năng giao tiếp của Đức từ dưới lên trên hay sự ứng xử với điềm báo của đấng quân vương: Dù được điềm lành mà quân vương không lo chính sự, ăn chơi vô độ, chủ quan khinh địch thì cũng có thể chuốc bại vong. An Dương Vương cậy có điềm tốt móng rồng dẫn đến chủ quan khinh địch từ đó mất nước (*ĐVSKTT*). Ngược lại, khi có điềm xấu mà Vua biết giữ đức, chăm lo cho bách tính thì có thể trừ bỏ được hoạ hoạn. Trong lời tấu của Hữu thị lang lại bộ dâng khải lên Bình An vương cho thấy rõ điều này: "Trộm nghĩ trời xuống tai dị hay điềm lành là do ở sự có đức hay không, làm thiện thì hiện ra điềm lành, làm ác thì răn bằng tai dị. Song nhân tai dị mà sửa đức thì không hại, cho nên người xưa lấy trời để tự xử, mà kính cẩn đối với mệnh trời". Trong *Việt sử lược* nhiều đoạn trong bộ này cũng ghi lại lời bình của các sử gia đề xuất về cách ứng xử của quân vương khi có điềm tai dị: "Phàm người làm vua một nước, kính cẩn sự răn bảo của trời, lo lắng hết việc của người, là cái đạo vãn hồi sự tai biến của trời đất vậy" (Ngô Sĩ Liên) [223, tr. 452]. *Việt sử lược* cũng có ghi lại chi tiết Nhân Tôn Tuyên Hoàng đế khi thấy điềm tai dị thì tháng 2 ngày mồng 2 xuống chiếu rằng: "Hạ lệnh cho hữu ty cùng bọn quân nhân đều phải hết lòng bày tỏ những điều có thể hồi được lòng trời, hết được tai biến" [223, tr. 187 - 188]. Qua hệ thống các điềm lành dữ xuất hiện gắn với các sự kiện liên quan đến nhân vật quân vương chúng ta thấy rõ hơn quan niệm vạn vật nhất thể, thiên nhân hợp nhất, thiên nhân cảm ứng. Thời trung đại, đấng quân vương muốn giữ được sự dài lâu của vương triều thì phải biết quan sát, lắng nghe những phản ứng chê khen của trời đất vũ trụ để kịp thời sửa mình. Chỉ khi Vua biết tu đức hiếu sinh, nền cai trị mà nhân lí phù hợp với thiên lí thì triều đại đó mới có thể tồn tại dài lâu. Đức Đế - Vương là một trong những vấn đề quan trọng được triết học cổ trung đại bàn đến. Tư tưởng cốt lõi là Vua nhận được mệnh trời cai trị thiên hạ phải là người có đức, mà yếu tố quan trọng nhất là hiếu sinh. Đức của Vua có khả năng tác động đến trời, khiến trời giáng xuống những dự báo điều lành như là phần thưởng, sự đồng tình hoặc

những tai dị như là sự nhắc nhở cảnh cáo. Dự báo trong VXTSTĐVN khi kể về các Vua chúa đều được nhìn nhận, soi chiếu dưới góc nhìn của đức. Đây không phải là một cách kể chuyện bình thường mà là một diễn ngôn mang màu sắc văn hoá chính trị. Các nhà Nho đồng thời cũng là các nhà văn để chi phối lại sự độc đoán của Hoàng đế và triều đình chuyên chế đã tạo ra diễn ngôn về Đức Đế - Vương, một mặt, nhằm để bảo vệ ngôi vị Hoàng đế, nhưng mặt khác, lại hạn chế sự bạo tàn của người lãnh đạo, bảo vệ cho cho người dân dân. Điều sâu xa sau đó, nếu người lãnh đạo thất đức, đi ngược lại lợi ích của người dân thì trời sẽ "cách mệnh", nhân dân có những cuộc khởi nghĩa để lật đổ Vua tàn bạo, chọn minh chủ mới vì: "Dân ý giả, thiên ý dã" (ý dân là ý trời) (*Thượng Thư*) và: "Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hòa" (thời thế thuận không bằng địa thế lợi, địa thế lợi không bằng nhân tâm hòa). Lòng dân chính là tiêu chuẩn đo đức Đế - Vương.

Quan niệm, cách tư duy, hành xử của quân vương với điềm báo của trời đất để duy trì sự bền vững của vương triều cho thấy, từ thời trung đại, con người đã biết quan sát, lắng nghe và tìm cách sống hài hoà với thiên nhiên, môi trường. Bài học về cách ứng xử với môi trường sinh thái tự nhiên và sinh thái xã hội bằng việc người lãnh đạo phải không ngừng tu dưỡng đạo đức thời trung đại vẫn còn nguyên giá trị đến ngày hôm nay và mai sau, đáng để chúng ta suy ngẫm và học hỏi.

3.3. Màu sắc văn hoá bản địa

Chúng tôi dùng chữ bản địa ở đây để chỉ thuộc tính địa vực, vùng miền của các hình tượng xuất hiện trong dự báo. Qua nghiên cứu các tài liệu sử học, văn hoá và khảo sát dự báo trong VXTSTĐVN, chúng ta thấy rằng, hệ thống dự báo Việt đa phần tiếp thu từ Trung Hoa. Tuy nhiên, đằng trong khuôn hình dự báo đó, người đọc nếu thâm nhập sâu vào văn bản cứ liệu vẫn có thể nhận ra những dấu ấn, màu sắc bản địa, tính chất địa phương của dự báo. Có nhiều cứ liệu để chứng minh tính bản địa của dự báo, tuy vậy, ở khung hạn luận án, chúng tôi chỉ chọn khảo sát qua hệ thống hình tượng về thực vật, động vật.

3.3.1. Hệ thống thực vật xuất hiện trong dự báo

Trong *Thi pháp Truyện Kiều*, Trần Đình Sử đã rất tinh tế khi phát hiện ra Nguyễn Du cảm nhận con người theo một nhãn quan rất dân tộc là nhãn quan cây lá và hoa trái: "*Có một cảm quan cây lá và hoa trái của dân tộc nông nghiệp lâu đời phủ trùm lên nhân vật… Con người tự cảm thấy mình qua đời sống của cây trái, hoa lá*" [159, tr. 146]. Nhãn quan, cảm quan này chúng ta không chỉ bắt gặp trong *Truyện Kiều* mà có thể thấy trong VXTSTĐVN, mà một trong những biểu hiện cụ thể là xuất hiện trong dự báo. Tấm tranh lụa thêu dự báo tuy được căng khung vay mượn, nhưng dưới bàn tay, tâm hồn và trái tim của những người nghệ sĩ Việt, những đường nét hoa văn quê hương, xứ sở, tâm hồn, dân tộc được hiện lên đầy màu sắc rực rỡ, duyên dáng và xiết bao tinh tế. Trải khắp bức tranh ấy, lúc hiện rõ, lúc

ẩn chìm, thấp thoáng, là hệ thống thực vật, động vật, con người, thần linh đất Việt mang dáng vẻ, hồn cốt bản địa.

Không phải ngẫu nhiên mà một hình tượng xuất hiện trong một văn bản nghệ thuật. Việc tác giả sử dụng ngôn ngữ, hình tượng ngoài vấn đề thiên hướng, cá tính sáng tạo thì còn chịu sự chi phối, tác động của nhiều yếu tố khác, trong đó đặc biệt là yếu tố văn hoá. Ở đây, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến một nhóm cây, không chỉ xuất hiện với ý nghĩa cây thực mà mang ý nghĩa biểu tượng tâm linh, được xem là cây vũ trụ trong văn hoá bản địa. Trúc (tre) trong tiếng Hán là từ chỉ tổng loại có tính chất khái quát (tương đương với từ "tre" trong tiếng Việt). *Tự điển Từ Hải* chỉ rõ trên đất nước Trung Quốc khu vực phân bố của trúc (tre) là thuộc miền Nam. Người Hán biết đến trúc trong quá trình Nam tiến: "Trúc tử sinh trưởng tại Nam phương" là một điều khẳng định. Trúc vào tiếng Việt chỉ còn là một loại thuộc họ tre. Trong tiếng Việt, chủng loại thuộc họ tre khá nhiều như trúc, nứa, mai, giang, vàu, bương, v.v… Điều này cho thấy thực tế "con đường đi của từ "trúc" từ tiếng Hán vào tiếng Việt được xác định theo cách thức Việt hóa là giáng cấp ngữ nghĩa" [94]. Có thể với đặc điểm thân bé, và yếu hơn tre, mà người Việt sử dụng từ "trúc" khác tre trong đời sống cũng như trong nhận thức, ý nghĩa hình tượng. Nếu người Trung Hoa "quý tộc hoá", gắn "trúc" với những vẻ đẹp về sự kiên cường, thủy chung, cao quý, thanh khiết, thậm chí đậm chất thiền vị thì người Việt có xu hướng "bình dị hoá". Tuy người Việt gắn tre với những vẻ đẹp của sự gần gũi, mộc mạc, nhưng không vì thế mà giá trị của nó bị hạ thấp. Ngược lại, tre mang nhiều giá trị ý nghĩa, là biểu tượng của làng quê và đặc tính con người, dân tộc, thậm chí được người Việt thiêng hoá, bước vào đời sống tâm linh. Cây tre gắn bó với đời sống vật chất và tinh thần người dân Việt. Ở khía cạnh vật chất, cây tre được người dân sử dụng, sáng tạo thành nhiều vật dụng khác nhau, kể cả vũ khí chiến đấu. Chính những bụi tre đằng ngà đã trở thành vũ khí giúp Thánh Gióng diệt giặc Ân, cọc tre trên sông Bạch Đằng cũng đã giúp Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo đã đánh tan quân giặc Nam Hán, Nguyên Mông, chông tre, tên tre cũng giúp những người du kích diệt giặc Pháp, Mỹ trong thời kì hiện đại. Tre cũng được sử dụng nhiều trong những sự kiện có tính chất tâm linh. Trong những dịp Tết đến, ngày 23 tháng Chạp, trước nhà người Việt thường trồng một cây nêu bằng tre, cao 4 đến 5 m, để nguyên ngọn lá. Trong ý nghĩa biểu tượng thì cây tre (nêu) cũng là một biểu tượng của cây vũ trụ, mang ý nghĩa âm dương, nối liền trời và đất. Gắn với câu chuyện cổ tích *Sự tích cây nêu ngày Tết*, cây nêu còn mang ý nghĩa quan trọng là cây trừ tà ma. Trong đám tang, cây đũa tre gai trên bàn thờ người đã mất cũng mang ý nghĩa trừ tà ma. Ý nghĩa trừ tà của cây tre rất rõ, trong *An Nam chí* có ghi lại một đoạn cho ta thấy rõ điều này: "Trong các buổi lễ… có thầy pháp giết gà, hướng về phía rừng mà tế, đánh thanh tre, dây nỏ ra tiếng từng chặp để đuổi thần hổ; có thầy pháp bôi mực đỏ trên mặt bệnh nhân, đọc chú" (Ngan Nan tche yuan) (Dẫn theo Tạ Chí Đại Trường) [206]. Tính chất tâm linh, tính ngưỡng gắn với *sự tương thông thần - người* được thể hiện rất rõ trong chi tiết trong tác

phẩm *Không tin thần quái*, tác giả chỉ ra thói tục lúc bấy giờ là: "Ta thấy thói tục hủ lậu, hễ dân chúng có ai bị chút nạn nhỏ, khi hỏi đến thì đều nói: "Thành hoàng ở ngoài, xin mời thầy phù thuỷ lên đồng mà triệu về". Cách làm là lấy một gậy tre dài chôn xuống đất, sâu độ 3, 4 thước, dưới đất ghìm cọc chéo cho chắc. Thầy phù thuỷ vẽ bùa niệm chú còn người ngồi đồng thì nắm lấy cây gậy mà lắc lư làm cho nó lung lay, rồi nhổ lên mặt đất mà nói: "thần ứng" [114, tr. 335 - 336]. Tuy tác giả chê thói tục hủ lậu nhưng mặt khác những ghi chép dẫn chứng đã cung cấp cho chúng ta những ví dụ sinh động về văn hoá lúc bấy giờ, nhất là cách giải quyết khó khăn, vấn đề dự báo qua thánh nhập lên đồng. Đồng thời, ta thấy được đạo cụ của phương thuật là cây tre – thực vật bản địa. Việc chôn cây tre, vẽ bùa chú, nắm cây lắc, nhổ lên trong đoạn truyện trên cho người đọc thấy rõ ý nghĩa phương tiện, dẫn truyền, tác động vào không gian thiêng của cây tre rất rõ. Cây tre như là con đường thiêng, tâm linh để con người mời thần thánh đến cõi trần. Ý nghĩa này có thể thấy trong việc người ta treo tấm triệu bằng cành tre trong lễ tang. Tấm Triệu (minh tinh), làm bằng vải, vóc hoặc nhiễu, màu đỏ (hoặc trắng), được treo vào một cành tre dài. Triệu thực tế là một thứ cờ tang được ghi tên họ, chức vị, tánh tình, đức hạnh của người chết để nêu cho thiên hạ biết, được treo ở cành tre và được mang đi đầu đoàn di quan. Trong đám ma, nhất thiết phải có lá/ cây triệu, vì "ma chết không hồn, không triệu" thì không về cõi âm được. Như vậy, tính chất dẫn truyền, tương thông cõi trần đến cõi âm, giữa thần và người của cây tre rất rõ trong đời sống văn hoá nước ta.

Cũng thuộc dạng *cây có đốt*, dễ mường tượng đến con đường, bậc thang tâm linh, cây mía cũng có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tâm linh nước ta. Cây mía được xem là một trong những loại cây có ý nghĩa giá trị tâm linh đặc biệt (nếu không thì đã không được thờ cúng vào dịp lễ Tết). Vào mỗi độ Tết đến, trong các gia đình người Việt, bên cạnh mâm hoa quả thường có hai cây mía, thật to, thật thẳng, dựng hai bên bàn thờ tổ tiên. Cây mía được thờ phải để nguyên rễ, long, tán, lá, đặc biệt các lóng đốt đều nhau, không sâu. Cây mía là biểu trưng cho sự nối kết, sự giao hoà trời đất, âm dương. Theo chúng tôi, cây mía cũng là một dạng cây vũ trụ rất rõ, với những đốt tượng trưng cho nấc thang lên trời, cội rễ tượng trưng cho gia đình, tán ngọn tượng trưng cho trời và cõi trên, vì thế cây mía được xem là con đường tâm linh để đón ông bà tổ tiên về sum vầy với con cháu. Trong quan niệm dân gian, trong ngày cúng đưa, khi con cháu dâng cúng những sản vật ngon nhất lên ông bà tổ tiên, thì cây mía ngoài nhiệm vụ là thang mây lại trở thành chiếc đòn gánh để mang đồ, nếu mà bị ma quỷ quấy phá đòi chia, thì cây mía lại trở thành một vũ khí lợi hại để bảo vệ. Ngoài ra, có thể thấy ở cây mía là một biểu tương về linga rất rõ nét, sự thờ cúng mang ý nghĩa tâm linh, phải chăng gắn với ước vọng của người dân về một năm mới đầy mạnh mẽ, suôn sẻ, hanh thông. Mía là một sản phẩm nông nghiệp của vùng nhiệt đới, với đặc tính là ngọt (mía làm đường), nhìn theo lí thuyết của ma thuật vi lượng, mọi thứ đều kêu

gọi sự tương đồng của nó, thì hẳn là người Việt, bên cạnh ý nghĩa về sự suôn sẻ, hanh thông như trên thì còn mong cầu một năm mới đầy ngọt ngào và may mắn. Cây mía, cây sen xuất hiện trong vế đối của thầy và khẩu khí đối đáp của Vũ Công Đạo báo hiệu ông sẽ thành đạt sau này: "Đình tiền hữu giá giai tước tử y" (Trước sân có mía đều mặc áo tía), An Phú hầu ứng khẩu đối rằng: "Địa hạ sinh liên đồng thanh trương cái" (Dưới đất mọc sen cùng giương lọng xanh) (*Truyện thượng thư Vũ Công Đạo - CDTK*). Chi tiết trên cho thấy, số phận, tương lai của nhân vật được tư duy, nhìn nhận qua hình tượng cây cối vì "áo tía" là hình ảnh biểu trưng cho phẩm phục quan lại (tử y), "lọng xanh" cũng nói đến sự đỗ đạt, thi đỗ được che lọng về làng, quan lại đi đâu thì có người che ô lọng.

Tuy không có đốt như cây tre, cây mía nhưng cây si, cây đa, cây đề (với hệ thống rễ chìm và nổi chằng chịt), mà đặc biệt là cây gạo với những mắt, nốt, trong tư duy, thế giới quan bản địa dân tộc Việt, cũng được xem là cây thiêng, cây vũ trụ. Những cây này thường được trồng ở những không gian cộng đồng như đình, chùa… hơn là được trồng trong khuôn viên cá nhân như vườn nhà. Những dấu hiệu lạ xuất hiện trên những cây này, đặc biệt được cộng đồng chú ý, xem là điềm trời. Trong *Dung thụ*, tác giả kể về chuyện miếu thần làng có cây đa to, khi nào trong làng có người đỗ đại khoa thì cành đa tự nhiên mọc ra một cái rễ nhỏ vòng quanh thân cây như là đeo đai vậy (Năm Nhâm Thìn 1772 cây đa lại mọc đai, khoa ấy có Vũ Tông Hương đỗ). Làng Cổ Bi cũng có một cây gạo to, trong làng có ai thi đỗ thì cây gạo mới nảy hoa (*Vũ trung tuỳ bút*). Khi xứ Thuận Quảng có điềm lành là cây sung nở hoa thì đại thần Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh đem các quan dâng sách khuyên mời Phúc Khoát lên ngôi chúa (*Đại Việt sử kí tục biên*). Cây gạo thường thu hút quạ về làm tổ mà trong quan niệm dân gian, quạ được xem là sứ giả báo điềm trời. Người Pháp viết về Văn Miếu gọi đó là "ngôi đền quạ" (Le temple des corbeaux vì "ở Văn Miếu có cây gạo mấy trăm năm tuổi quạ đến đó làm tổ rất nhiều). Gốc gạo có nhiều vấu mắt to nổi khối và do đó có nhiều hốc, người xưa quan niệm đó là nơi hồn ma trú ngụ, thân gạo thẳng lại có gai được xem là những nấc thang để hồn ma trèo lên các tầng cao mà hòa nhập vào vũ trụ. Cây gạo đôi khi trồng ở ven đê, ven lộ vừa để người sống mở quán hàng nước, vừa để cô hồn bơ vơ có chỗ nương tựa. Cây gạo thường được trồng ở sân bãi của đền chùa, tức những không gian thiêng, ngoài những ý nghĩa đã nêu, còn để các hồn ma được nương bóng Thần, Phật mà mong siêu thoát. Trong lễ hội đâm trâu ở Tây Nguyên, khi dựng đàn lễ, người ta chôn chắc bốn cột liên kết với nhau thành hình vuông, trong mỗi cột lồng một cây tua, ở giữa chôn cây nêu (bằng tre) và bao giờ cũng phải trồng một cành gạo thẳng to bằng cổ tay, sau đó buộc trâu vào cây nêu và tiến hành các nghi lễ đâm trâu. Thầy cúng đọc lầm rầm những lời cầu Giàng phù hộ, và người ta tin rằng những lời thiêng đó sẽ theo hồn trâu leo qua cây gạo là trục vũ trụ lên tầng trên". Trong quan niệm dân gian: "Thần cây đa ma cây gạo" để chỉ sự linh thiêng của cây gạo so với các cây khác. Họ xem đó là nơi giá ngự của

thần, ma. Những điềm báo xuất hiện từ cây gạo được xem là thiên khải của thần linh cho người trần biết (*TUTA, ĐVSKTT*). Hình tượng cây gạo - cây vũ trụ xuất hiện qua các dự báo như điềm triệu và đặc biệt là phong thuỷ trong VXTSTĐVN. Nikulin trong bài "Thần thoại Việt - Mường về cây thế giới và sự hình thành văn học" đã cho rằng: "Các trống đồng, hiện thân của "cây thế giới" cũng có thể bị biến thành "cây chết", bằng chứng là việc tìm thấy trong một ngôi mộ cổ một vật thú vị: một chiếc trống đồng bị lật ngược với mặt trên bị đâm thủng. Vào thế kỉ I (sau công nguyên), viên tướng Trung Quốc Mã Viện, sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, đã cho dựng cột đồng để khẳng định quyền thống trị của nhà Hán ở Việt Nam. Đó chính là cây chết với dòng chữ đề rõ ràng: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt… đó là những hành động có tính ma thuật" [127, tr. 42]. Theo chúng tôi, mục đích của Mã Viện khi cho trồng cây chết ngoài ý nghĩa như Nikulin đã đề cập là "khẳng định quyền thống trị của nhà Hán ở Việt Nam" còn mang những mục đích sâu xa hơn. Đa số sách sử Trung Hoa cũng như Việt Nam đều giải thích câu: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt" là trụ đồng gãy thì dân Giao chỉ bị giết, mang tính chất nguyền, dự báo. Có nhiều ý kiến cho rằng trụ đồng là đài dự báo khí tượng hay cột mốc biên giới. Chúng tôi đồng thuận với ý kiến của nhà nghiên cứu Thiên Ân cho rằng trụ đồng mang ý nghĩa là vật trấn yểm phong thuỷ: "Ý nghĩa thật sự của câu: "Đồng trụ chiết... Giao Chỉ diệt", đây là một câu thần phù còn ẩn dấu một hai chữ để che đậy âm mưu phá huyệt phong thủy. Thật vậy chữ Chiết ở đây không có nghĩa là gãy mà có nghĩa là tách làm hai, ví dụ như chiết cành chẳng hạn. Do đó câu trên nên giải thích là "trụ đồng tách huyệt (đế vương) ra làm hai, vua Giao Chỉ bị giết" [4]. Nếu "cây chết" trấn yểm, phá hoại phong thuỷ thì những cây thiêng, cây sống lại có tác dụng nối huyệt mạch bị phá. Trở lại vấn đề cây gạo và các dự báo, trong *ĐVSKTT* và *TUTA* đều có ghi lại chi tiết về cây gạo như trong truyện về Trưởng Lão La Quý là ngài đã trồng một cây bông gạo để nối lại long mạch bị Cao Biền trấn yểm. Theo *TUTA*, "Cao Biền biết đất Cổ Pháp có khí tượng đế vương, nên đã đào đứt con sông Điềm và những ao Phù Chẩn đến 19 chỗ để trấn yểm nó. Thiền sư Đinh La Quý đã khuyên Khúc Lãm lấp lại những chỗ bị đào như xưa để nối lại long mạch. Sư Đinh La Quý trồng một cây hoa gạo ở chùa Châu Minh, làng Diên Uẩn thuộc hương Cổ Pháp nhằm khôi phục lại long mạch bị Cao Biền phá gãy, ngoài mục đích sinh ra chân mạng đế vương, chấn hưng đất nước còn vì bậc đế vương đó có thể phò dựng chính pháp làm hưng thịnh Phật giáo. Sau khi trồng cây gạo, sư Đinh La Quý làm bài kệ như sau: "Đại sơn đầu rồng ngửng/ Đuôi cù ẩn châu minh/ Thập bát tử định thành/ Bông gạo hiện long hình/ Thỏ gà trong tháng chuột/ Nhất định thấy trời lên". Bài thơ này được xem nhằm mục đích tuyên truyền cho sự ra đời của nhà Lý vào tháng 10 năm Dậu, và sau đó nhà Lý ra đời vào tháng 10 năm Kỷ Dậu (1009) - ứng với sự tiên đoán của bài thơ" [170, tr. 259 - 260]. Cây gạo này là cây gạo ở làng Diên Uẩn, châu Cổ Pháp bị sét đánh ra chữ báo hiệu sự diệt vong của nhà Lê và nhà Lý lên thay được nói

đến trong truyện Thiền sư Vạn Hạnh. Bài thơ xuất hiện trên cây gạo bị sét đánh ở làng Diên Uẩn được *ĐVSKTT, Việt sử lược, TUTA* nói đến như là điềm báo cho Lí Thái Tổ lên ngôi. Ý nghĩa của ví dụ trên không chỉ dừng lại ở giá trị ý nghĩa văn hoá tâm linh của cây trong đời sống văn hoá dự báo cổ trung đại mà còn khiến ta suy ngẫm về ý nghĩa tạo sinh, cải tạo môi trường của cây cối, được xem "lá chắn xanh", "phổi của trái đất" trong bối cảnh môi trường bị ô nhiễm, phá hoại của cuộc sống hiện đại.

Nước ta vốn từ rất sớm đã phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm. Cây dâu cũng là một trong những loại cây có ý nghĩa đặc biệt trong đời sống văn hoá, được xem là một trong những cây thiêng. Theo quan niệm phong thuỷ thì người ta không dám trồng cây dâu trước nhà vì sợ kéo đến sự xui xẻo. Âm Hán của dâu là *tang* dễ liên tưởng đến chuyện tang ma. Những cây dâu sống lâu năm, trong quan niệm dân gian có tác dụng trừ tà ma, vì thế, người dân thường lấy gỗ làm vòng cho trẻ em đeo để không bị ma quỷ quấy phá. Để chống lại các lực lượng xấu như ma quỷ, người Trung Hoa thường dùng các dụng cụ làm bằng gỗ hoa đào, còn người Việt thì thường làm bằng gỗ dâu, mà tiêu biểu như roi dâu của các thầy pháp để đánh các con ma ra khỏi người bệnh nhân. Phái Đạo Nội, đạo Mẫu ở nước ta, theo các tài liệu ghi chép lại, trị bệnh bằng roi dâu. Trong truyện *Thần hồ Động Đình*, phu nhân của ông Hoàng Bình Chính mắc bệnh lúc tăng lúc giảm bất thường hình như bị ma ám… mới sai người đến Vạn Kiếp cầu đảo ở đền Hưng Đạo Vương, đổi lấy cái chiếu thờ trong đền đem về trải giường cho phu nhân nằm thì thấy bệnh hơi bớt. Nhưng sau lại vẫn như cũ. Người mỹ nhân hiện về trong mộng ông Hoàng Bình Chính bảo: "Thiếp không phải là loài yêu ma, Hưng Đạo Vương làm gì được thiếp, thiếp hơi bơn bớt như thế là nể cái thể diện nhà vương đó thôi" [113, tr. 135]. Như vậy, trong quan niệm xưa để bớt bệnh (nhất là bệnh phụ nữ) người ta có thể tiến hành một số cách thức, trong đó có thể đến cầu đảo ở đền Hưng Đạo Vương, xin dấu ấn, xin đổi chiếu trong đền về nằm hoặc xin tàn hương nước thải đều có tác dụng. Đức Thánh Trần, là một vị thánh trong tứ phủ, thậm chí được đồng nhất với vua Cha trong sự đối sánh với Thánh Mẫu (Tháng Tám giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ), với tư cách một vị tướng, một đạo sĩ của Đạo giáo, vốn gốc dòng họ gắn liền với miền sông nước hạ lưu, lại lập những chiến công thủy chiến vang dội; ông dễ dàng được dân gian khoác thêm chiếc áo thần linh, quy về dòng Long Vương, được thờ phụng cùng với Bát Hải Đại Vương, vị thần chuyên coi vùng sông nước, biển cả. Trong ngày lễ hội, đàn bà bị hiếm muộn hoặc bị bệnh thường đến cúng trừ tà. Thầy phù thuỷ dùng ***roi dâu*** đánh vào người đàn bà đến lăn lộn, lăn xuống sông, coi như tà đã bị trừ. Xuất phát từ việc đại vương chém Phạm Nhan, với uy danh, đức độ của ngài thì mọi tà ma đều bị trừ.

Cây lúa và người nông dân là hình ảnh không thể thiếu khi vẽ về bức tranh làng quê Việt Nam. Từ lâu, cây lúa đã sớm gắn bó với đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Việt. Đối với họ, cây lúa có vai trò quan trọng, sức ảnh hưởng to lớn đến cộng đồng và cá nhân vì thế nhiều nơi họ thiêng hoá, thờ phụng thần Lúa, có niềm tin mãnh liệt vào hồn lúa: "Họ tin

rằng hồn lúa bay đi thì sẽ mất mùa" [32, tr. 126]. Trong các sản vật của núi sông dân tộc, thì lúa, gạo, nếp được xem là quý giá nhất, vì thế, nó trở thành món ăn là bánh chưng, bánh giày mà con cháu (bằng tất cả tấm lòng thành kính) dâng lên ông bà, tổ tiên mỗi dịp Tết đến. Nguồn gốc của tập tục này được kể lại trong *Truyện bánh chưng*. Lang Liêu được vị thần báo mộng mách nước cho: "Các vật trên trời đất và mọi của quý của người không gì bằng gạo. Gạo có thể nuôi người khỏe mạnh mà ăn không bao giờ chán, các vật khác không thể hơn được. Nay đem gạo nếp làm bánh, cái hình tròn, cái hình vuông để tượng trưng hình trời đất rồi dùng lá bọc ngoài, ở trong cho mỹ vị để ngụ ý công đức sinh thành lớn lao của cha mẹ" (*Lĩnh Nam chích quái liệt truyện*). Vì thế, không có gì đáng ngạc nhiên khi cây lúa xuất hiện hệ thống hình ảnh của điềm triệu người Việt. Một trong những điềm lành được ghi chép trong *ĐVSKTT* về thời Lí là: "Một lần ghi bông lúa chín bông, một lần ghi mưa ra lúa". Việc người dân thời trung đại xem cây lúa chín bông, mưa ra lúa là điềm lành không chỉ xuất phát từ quan niệm phồn thực về sự khai nở, phát triển vượt trội được xem là may mắn mà còn thể hiện ước mong của họ về mùa vụ bội thu. Hình ảnh lúa và mùa vụ gieo trồng còn xuất hiện trong ngôn ngữ dự báo của nhân vật: "Nay lúa không chín, do thóc giống hạt không chắc. Chúng bay nên tìm giống lúa cũ mà gieo... bóng gió nói nên thờ Phật mà ăn oản" (*Truyện Bạch Vân am - Nam thiên trân dị tập*). Mùa vụ, giống lúa, kết quả thu hoạch của sản xuất nông nghiệp lúa nước đã trở thành ngôn ngữ ẩn dụ cho nhân vật nói về chuyện chính sự, triều đại. Tóm lại, cây lúa không chỉ là thực vật cung cấp lương thực, gắn với cuộc sống vật chất mà còn trở thành một nét đẹp trong đời sống văn hoá, tinh thần của người Việt.

Trong hệ thống thực vật dân tộc thì trầu, cau có ý nghĩa đặc biệt. Cây cau được xem là cây thiêng nên những sự phát triển dị thường của nó thường được người cổ trung đại xếp vào điềm triệu: "Có cây cau mới mọc vài đốt đã có quả… Bạch Khê cho là điềm lạ đem dâng lên", "Cau một gốc sinh 12 cây", "Mùa hạ, phủ Thanh Hoá dâng một gốc cau sinh chín cây" (*ĐVSKTT, Việt sử lược*). Trong việc thực hiện nghi lễ dự báo xưa, trầu cau cũng có mặt trong vai trò là đồ lễ dâng của người đi xem dự báo (cho thần linh, hoặc cho người thầy xem dự báo); trong quá trình thực hiện dự báo thì trầu cau có thể trở thành một công cụ, phương tiện để bói (xem gân lá trầu để đoán tương lai) hoặc tạo không khí thiêng để tiến hành việc bói. Một trong những ví dụ ta có thể thấy xuất hiện trong *Cổ quái bốc sư truyện*: "Thế Giai liền móc túi lấy ra vài xu mua mấy miếng trầu của bà chủ quán đặt lễ. Ba người lâm râm cầu khấn những điều mong mỏi trong lòng" [113, tr. 325]. Nếu không xuất phát từ ý nghĩa của trầu cau trong đời sống văn hoá Việt Nam gắn với những giá trị thiêng liêng tốt đẹp về tình nghĩa, tình yêu thì không thể có sự thiêng hoá, khiến cho trầu - cau xuất hiện trong dự báo như vậy. Trong bài *Phụ đồng roi* (đồng chổi) (gắn với một trò chơi dân gian), chúng ta có thể dễ dàng thấy được những sản vật bản địa: "Phụ đồng, phụ chổi/ Thổi lổi mà lên/ Ba bề, bốn bên/ Đồng lên cho chóng/ Nhược bằng cửa đóng/ Phá ra mà vào/ Cách sông, cách ao/ Cũng vào cho lọt/ Cái roi von vót/ Cái vọt cho đau/ *Hàng trầu, hàng cau*/ Là đồ cúng Phật/

Hàng chuối, hàng mật/ Hàng kẹo mạch nha/ Hàng hương, hàng hoa/ Của cô bán *quế*/ Vừa đi, vừa tế/ Một lũ học trò/ Người cầm quạt mo/ Phụ đồng, phụ chổi/ Thổi lổi mà lên".

Như vậy, có thể thấy, hệ thống thực vật xuất hiện trong dự báo như cây tre, cây mía, cây đa, cây đề, cây si, cây gạo, cây trầu, cây cau… đã phần nào cho ta thấy màu sắc bản địa của dự báo trong VXTSTĐVN.

3.3.2. Hệ thống động vật xuất hiện trong dự báo

Nếu các cư dân văn hoá gốc du mục tôn thờ những con thú gắn với thảo nguyên, đồng cỏ như chó sói, đại bàng… thì cư dân Việt thờ chủ yếu là các loài thuộc vùng sông nước, rừng núi, trung du như chim, rắn, cá sấu. Cùng với rồng, chim là một trong hai vật tổ được người Việt sùng bái. Trong ý nghĩa văn hóa, chim gắn với ý niệm linh hồn và những chuyến đi về vùng đất của những người chết, hoặc thần thánh thường giáng hạ xuống cõi trần qua hình hài nhỏ bé nhưng thanh thoát, nhẹ nhàng của một chú chim. Chim là người mang thông điệp đến thánh thần cũng như là người đưa linh hồn đến thiên đường. Chim quần tụ là kí hiệu của điềm lành. Tổ ba đời của vua Lê Lợi đi chơi núi Lam Sơn, thấy đàn chim bay quanh dưới núi, giống như hình trạng nhiều người tụ họp, bèn nói: "Chỗ này tất là đất tốt", mới dời nhà đến ở, từ đấy đời đời làm hùng trưởng một phương (*Việt sử lược*). Những loại chim lông đen, chẳng hạn như quạ hoặc loài chim hoạt động về đêm như cú, thường báo điềm dữ, như trong *HLNTC* có chi tiết trên các cây cối trong phủ chúa thường có hàng vạn con quạ ở đâu kéo đến bay lượn lao xao, ngày đêm kêu gào quang quác báo trước tai hoạ, chết chóc trong phủ chúa Trịnh.

Người Việt không chỉ thờ các con vật mang ý nghĩa biểu tượng như rồng, chim… mà còn rất quan tâm đến các con vật gần gũi hay xuất hiện hàng ngày trong cuộc sống bình dị của họ như trâu, gà, chó, mèo… Có lẽ, với cư dân nông nghiệp gắn bó với ruộng đồng, cấy trồng thì con trâu, con bò được xem là những người bạn thân thiết vì thế nó cũng trở thành đối tượng được quan sát để phân tích, dự báo như: khi nhiều trâu bò nhà dân tự đổi sừng, có người thầy bói bảo rằng: "Năm Sửu sinh một người làm Thiên tử", nói đoạn không thấy đâu nữa. Đến lúc vua Lý Thái Tông sinh năm Sửu lên ngôi thì mọi người mới biết được là ứng vào điềm trên (*ĐVSKTT*); hay "Tháng Tư có ngôi sao băng to như chiếc đuôi trâu dài hơn mười trượng lướt từ phía Đông sang phía Tây, tiếng kêu rít như sấm động" báo điềm dữ thứ phi của Thanh Đô vương chết (*NTCNDC*). Mùa xuân, tháng Giêng, giáp Cổ Hoành ở Thanh Hoá làm phản. Xưa, người trong giáp thấy vết chân trâu trèo lên cây muỗm, bèn theo vết chân tìm xem, thấy con trâu trắng ở trên cây, trâu lại theo đường khác mà lội xuống sông, bỗng chốc không thấy nữa. Có người trong châu đoán rằng: trâu là vật ở dưới đất mà lại ở trên cây, tức là điềm kẻ dưới lên ở trên", quả nhiên ứng nghiệm (*Việt sử lược*) [223, tr. 162].

Nhiều tài liệu cổ để lại đã chứng minh là người Việt từ rất sớm đã dùng con gà làm phương tiện dự báo [1, tr. 162]. Trung Quốc, Việt Nam và một số dân tộc khác, cho rằng gà

là một trong mười hai con vật linh thiêng và gần gũi nhất với con người và được xếp vào Thập nhị địa chi. Ở một số vùng người ta còn tin rằng nếu con gà gáy gở (tức gà mái biết gáy) báo điềm gở cho gia đình và quốc gia. Trong văn hoá dân gian gắn với tục thờ Mẫu, Thánh, Ngũ phủ công đồng, ở những nơi này, biểu tượng con gà được đứng ở vị trí quan trọng trước điện thờ tiên thánh. Giá thờ cô Chín - vị thần bói toán, bao giờ cũng là biểu tượng con gà trống hết sức sống động, được vẽ rất đẹp. Ở vùng dân tộc H'mông, gà trở thành biểu tượng thiêng liêng, có thể giúp con người đoán định tương lai của đời người, của hạnh phúc lứa đôi không chỉ bằng tục lệ xem chân gà như những dân tộc khác để đoán định tương lai mà xem xương gà để chọn ngày giờ tốt và đoán định tương lai (điều này cũng được bắt gặp ở một số dân tộc trên thế giới như Trung Quốc, La Mã…). Trong VXTSTĐVN, gà cũng xuất hiện với ý nghĩa điềm báo tượng trưng qua giấc mộng để phán truyền tương lai như truyện *Hương lãm Mai đế kí* có chi tiết kể về giấc mơ của người mẹ thấy Xích Y sứ giả tặng viên ngọc kê sơn bích. Người cha bèn đặt tên là Phượng, tự là Thúc Loan để ghi lại cái điềm được thấy trong giấc mộng (*VĐULT*). Trong Thập nhị địa chi Trung Quốc có thỏ nhưng người Việt lại thay bằng con mèo vì mèo gần gũi với đời sống cư dân nông nghiệp hơn, mèo có nhiệm vụ bắt chuột (chuột cắn phá phá hoại mùa màng). Mèo cũng xuất hiện trong hệ thống dự báo. Mèo biết nói tiếng người được Phạm Đình Hổ viết trong *Vũ trung tuỳ bút* ở truyện xếp vào hiện tượng điềm tai dị. Tính thiêng của mèo thể hiện rõ trong truyện Sự tích mả Cao Biền. Cao Biền là một vị tướng của quân xâm lược phương Bắc rất thương yêu dân ta, làm được nhiều việc nhằm mang lại lợi ích cho người Việt Nam. Do làm trái lệnh triều đình phương Bắc, nên Cao Biền sợ rằng, một ngày kia, sau khi mình qua đời, rất có thể mả của mình sẽ bị người Hán quật lên. Vì thế, khi đã già yếu, trước lúc chết, Cao Biền dự báo và dặn dò những người dân Việt thân thiết với ông rằng: Khi ta chết phải chôn sấp ta để phòng khi người Hán có quật mồ, lật ngược lại tư thế ta nằm lúc chết thì xác ta sẽ nằm ngửa. Có như vậy, người Việt mới còn xuất hiện nhiều người tài giỏi. Dù Cao Biền đã căn dặn như vậy, nhưng vì thiện cảm dành cho Cao Biền và còn vì phải làm theo tập tục chôn cất của người Việt nên những người chôn cất ông vẫn cứ chôn ngửa. Sau đó, đúng như sự tiên đoán của Cao Biền, người Hán đã tìm mả, quật lên, lật ngược quan tài lại. Từ đó, một tai hoạ gieo xuống đất nước ta là nhân tài hết sức hiếm hoi. Mả Cao Biền là do trời vun đắp một cách tự nhiên mà thành. Không hiểu sao đây là nơi tập trung nhiều mèo. Vì thế, dân gian còn cho rằng, hằng năm vào thời điểm chỗ mả Cao Biền có nhiều mèo là lúc "nhà họ mèo" tổ chức cúng giỗ Cao Biền (theo *Văn học dân gian Sông Cầu*). Một điểm đáng lưu ý nữa là, mả Cao Biền vừa nhân táng vừa được thiên táng, do năm tháng gió mưa trời đất vun mà thành, lại xuất hiện rất nhiều mèo vào một thời điểm trong năm được dân gian giải thích là có mèo làm cúng giỗ cho. Trường hợp thiên táng là một dạng rất đặc biệt của phong thủy được ghi lại khá nhiều trong các tác phẩm văn học như mối táng, hầu táng, hổ táng... trường hợp thiên táng thường là những người tốt, có công với đời hay có điều gì đó đặc biệt. Việc dân gian cho gió mưa, miêu táng và cúng giỗ Cao

Biền phải chăng ngầm ca ngợi công lao đối với người dân? Điều này xuất phát từ sự nhầm lẫn của dân gian trong quá trình lưu truyền? Hay là do trong quá trình ở đây, Cao Biền đã có kế hoạch cát cứ nên thực hiện việc quy phục nhân tâm để dọn đường? Đây là một vấn đề đáng suy ngẫm thêm.

Theo Đông y, thịt le le (vịt trời) có tác dụng đại bổ, cường dương, giúp cho người cường tráng, tăng cường sinh lực, bớt mệt mỏi, có thể chữa một số bệnh như nam bị mệt mỏi, sinh lí yếu, tinh trùng loãng, phụ nữ lãnh cảm, kinh không đều, chữa ngoại cảm, phong hàn, ho đàm… Tri thức bản địa về cách bồi bổ sức khoẻ, phòng và trị bệnh từ vịt trời để lại trong câu ca dao: "Thương chồng nấu cháo le le/ Nấu canh thiên lí, nấu chè hạt sen". Bài thuốc ấy xuất hiện trong tác phẩm *Thần hồ Động Đình* (*Vũ trung tuỳ bút*), khi ông Hoàng Bình Chính ốm nặng, người phu nhân vốn là vợ tiền kiếp của ông hiện lên trong giấc mộng báo ông sẽ khỏi, và bày cách chữa bệnh là ăn thịt chim. Ngày sau, quả nhiên thấy dân xã Lỗ Khê dâng vịt le và chim sẻ vàng, nấu ăn thì bệnh ông lại khỏi.

Quả thực, "ngôn ngữ là linh hồn của dân tộc" (W.Humboldt), hoạt động sử dụng ngôn từ đã mang tâm thức của người, của dân tộc sử dụng chúng. Tâm thức của con người gửi gắm trên ngôn từ ấy chính là biểu hiện của văn hóa. Như vậy, chỉ quan sát trên bề mặt thì chúng ta chỉ nhìn thấy "bản sắc" Trung Hoa, nhưng nếu nhìn kĩ thì dưới "tảng băng trôi" với hình thức, mô hình vay mượn ấy là hệ thống dự báo đậm dấu ấn văn hoá bản địa, thể hiện rõ qua hình ảnh thực vật và động vật.

Tiểu kết Chương 3

Trong chương này, chúng tôi đã tập trung vào phân tích giá trị nội dung tư tưởng, văn hoá của dự báo trong VXTSTĐVN. Một trong những nội dung quan trọng được phản ánh bên ngoài lớp vỏ huyền bí kì ảo là đời sống người dân dưới thời phong kiến, mặt thật của chế độ thi cử, quan trường. Vấn đề dự báo và vương quyền: Nhà nước phong kiến sử dụng thần quyền như một vũ khí lợi hại để bảo vệ ngai vàng của mình. Quan niệm về đức thời trung đại được luận án triển khai, phân tích từ góc nhìn rộng là: Đức - Phúc trong quan niệm người Việt và từ góc nhìn hẹp: Đức - Phúc quy chiếu về một mẫu nhân vật văn hoá là đế vương. Trong đó, người Việt quan niệm "Phúc đức tại mẫu", nội hàm của Đức được biểu hiện qua hiếu, lương thiện, nhân đức; người có đức dày được trời cao báo đáp qua tuổi thọ, công danh, phú quý và tránh được tai hoạ, ngược lại kẻ thất đức sẽ chịu hậu quả nặng nề. Về mẫu nhân vật Đế - Vương, là người có vị trí cực kỳ quan trọng trong xã hội phong kiến, tập trung trong tay quyền lực cao nhất, vì thế đạo đức, hành xử của đế vương ảnh hưởng đến văn hoá, chính trị, đời sống toàn dân. Để phản ánh đạo đức nhân vật trên, các tác giả chủ yếu sử dụng phương thức dự báo bằng điềm triệu. Nội dung cuối trong chương này là chỉ ra, làm rõ biểu hiện, dấu ấn, màu sắc văn hoá bản địa được biểu hiện rõ qua hệ thống động vật, thực vật xuất hiện trong dự báo.

Chương 4
HÌNH THỨC THỂ HIỆN VÀ GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CỦA DỰ BÁO TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Trong VXTSTĐVN, dấu ấn của dự báo không chỉ thể hiện trên khía cạnh nội dung, tư tưởng, văn hoá mà còn ở hình thức, giá trị nghệ thuật tác phẩm như nghệ thuật trần thuật, kết cấu, ngôi kể, thể loại (những phương diện này, tuy chúng tôi không triển khai thành chương mục cụ thể nhưng ít nhiều đã và sẽ rải đều trong các phần khác của luận án). Trong chương cuối này, luận án chọn nghiên cứu dự báo từ ba phương diện nghệ thuật nổi bật và tiêu biểu nhất là nhân vật, không gian - thời gian và ngôn ngữ, nhằm thấy được đóng góp, giá trị nghệ thuật của dự báo với thi pháp văn học trung đại.

4.1. Nghệ thuật thể hiện dự báo của văn xuôi tự sự qua khắc họa nhân vật

Nhân vật văn học là một trong những khái niệm trung tâm để xem xét sáng tác của một nhà văn, của giai đoạn văn học. Ý nghĩa của nhân vật văn học chỉ có được trong hệ thống tác phẩm cụ thể. Gắn với sáng tác ngôn từ của thời đại khác nhau, nhân vật văn học in dấu những xu hướng tiến hoá của tư duy nghệ thuật. Thực tiễn sáng tác, phê bình và nghiên cứu đã nêu lên nhiều kiểu và loại hình nhân vật văn học, tương ứng với những dấu hiệu phân loại khác nhau. Trong phần này, luận án cung cấp một bức tranh về các kiểu loại nhân vật dự báo và vai trò nghệ thuật của dự báo trong việc xây dựng nhân vật.

4.1.1. Kiểu loại nhân vật

4.1.1.1. Nhân vật mang chức năng dự báo

Nhân vật mang chức năng dự báo là kiểu nhân vật hành chức, có tính chất, chức năng, vai trò dự báo, báo trước tương lai, vận số cho cá nhân, cộng đồng. Loại này bao gồm ba nhóm nhỏ: *nhân vật kỳ ảo, nhân vật dự báo môi giới, kết nối hai thế giới thực - ảo, nhân vật phàm nhân*, mỗi nhóm này có những nét đặc điểm riêng biệt về xuất thân, khả năng, sự tương tác với các nhân vật khác, vai trò trong tác phẩm… đồng thời giữa chúng cũng có những đặc điểm chung.

Nhóm một: Nhân vật kỳ ảo là nhân vật thuộc thế giới siêu hình gắn với sự tưởng tượng và niềm tin vào tâm linh. Nhân vật kì ảo vì thế là nhân vật siêu thực, có năng lực thần bí, kì lạ, mà một trong những khả năng ấy là khả năng nhìn thấy trước tương lai con người. Trong VXTSTĐVN, về xuất thân, gốc gác thì kiểu nhân vật kì ảo mang chức năng dự báo có hai kiểu chính: *có nguồn gốc hoàn toàn không dính dáng gì đến con người* và *có nguồn gốc quá khứ là con người* (thần linh có nguồn gốc người trần). Về kiểu nhân vật kỳ ảo có nguồn gốc siêu nhiên, hoàn toàn không dính dáng gì đến con người, *sự xuất hiện của thần linh, thần nhân thuộc về tất cả các cõi hết sức phong phú, đa dạng cho thấy sự ảnh hưởng, chi phối của tín ngưỡng, tôn giáo trong cách quan niệm về thế giới, vũ trụ, thánh thần.* Chịu

ảnh hưởng của *Phật giáo* nên trong hệ thống nhân vật dự báo cũng xuất hiện những nhân vật thuộc về tôn giáo này như Phật A Di Đà (*Truyện chùa Quang Minh làng Hậu Bổng - CDTK*), Quán Thế Âm Bồ Tát (*Đào hoa mộng kí*)… Nhân vật *Đạo giáo* thần tiên và Đạo giáo phù thuỷ dân gian cũng xuất hiện nhiều, thực hiện chức năng dự báo. Nhân vật tiên nói chung, hoặc có tên tuổi, chức danh nhất định như Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu (*Truyện thượng thư Vũ Công Đạo - CDTK*), Thánh Mẫu (*Thượng Kinh kí sự, Đào hoa mộng kí*). Nhiều nhân vật là người của thế giới long cung như Long quân (*Truyện Đổng Thiên Vương - LNCQ*), Bạch long hầu (*Truyện đối tụng ở long cung - TKML*). Thế giới âm phủ như Diêm Vương, quỷ âm phủ (*Truyện Lí tướng quân - TKML; Truyện Tiến sĩ Trần Danh Tiêu - Nam thiên trân dị tập*)... Những nhân vật này thường không được các tác giả tả kĩ, nhân vật xuất hiện khá mờ nhạt về đặc điểm, chân dung, hành trạng. Về kiểu thứ hai, nhóm thần linh có nguồn gốc quá khứ xuất phát từ người trần gian vì nhiều lí do khác nhau, cả chủ động và bị động mà tham gia vào cõi siêu nhiên, kì ảo. Nguồn gốc của các thần, hoặc có khi có *nguồn gốc là các nhân vật lịch sử có công với dân tộc* (*Bố Cái Đại vương, Triệu Việt vương và Lý Nam Đế, Nhị Trưng phu nhân, Hiệu úy Uy mãnh Anh liệt Phu tín Đại vương, Lệ Hải Bà vương kí - VĐULT*), cũng có khi là *những người lúc còn sống ở dương gian là những tấm gương về hiếu hạnh, tiết nghĩa mà được phong thần* (*Truyện Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào - TKML; Truyện hai thần hiếu để - Thánh Tông di thảo*). Nếu nhóm nhân vật thứ nhất, tác giả trung đại đề cao nguồn gốc vũ trụ siêu hình thì nhóm nhân vật thứ hai lại có xu thế thực hoá nhân vật kì ảo, họ chẳng phải quá xa lạ với nhân gian mà có nguồn gốc từ những con người sống tốt đẹp nhất nên được phong làm thần thánh. Cả hai nhóm nhân vật này thuộc thế giới kỳ ảo nhưng vẫn có những mối liên hệ và ảnh hưởng đến cuộc sống nhân gian. Nguyên nhân của điều trên xuất phát từ quan niệm của người trung đại rằng, mọi biến cố trong cuộc nhân sinh, những hạnh phúc, khổ ải, hung vong, thịnh suy… không chỉ do bản thân họ, trong hiện tại mà còn được quyết định bởi sức mạnh của thế giới khác, bởi những điều thuộc về quá khứ. Những điều trên, không thể lấy con mắt, trí tuệ nhân gian mà xét đoán, vì thế, họ trông mong vào thế giới thần linh vén cho họ tấm màn bí ẩn để soi rọi quá khứ, sáng tỏ hiện tại và biết trước tương lai.

Nhóm hai: Nhân vật dự báo môi giới, kết nối hai thế giới thực - ảo là nhóm nhân vật mang chức năng kết nối hai thế giới ảo và thực. Về danh xưng, tên gọi có thể gọi họ theo loại hình hoặc liên quan đến đặc điểm tín ngưỡng tôn giáo của họ đi theo như: Đạo nhân (*Dựng miếu thờ Đạo nhân - Bà tâm huyền kính lục; Ông Nguyễn Đăng Cảo - TTNL*), nhà sư (*Nhà nhà sư răn chuyện cờ bạc - Bà tâm huyền kính lục*), cô đồng, người ngồi đồng (*Thượng Kinh kí sự; Tà bất can chính - Sơn cư tạp thuật*), cao tăng (*Đào hoa mộng kí*), thầy tu (*Truyện nghiệp oan Đào thị - TKML*)… Như vậy, có thể thấy những nhân vật này có nguồn gốc từ các tôn giáo, tín ngưỡng như Phật giáo, Đạo giáo, tín ngưỡng thờ Mẫu… Nhờ quá trình tu tập, rèn luyện hay khả năng tâm linh đặc biệt mà họ có khả năng thấu hiểu được

những thông điệp từ thế giới thánh thần, thậm chí còn có thể liên hệ được với cõi siêu nhiên. Họ không hoàn toàn thuộc về một cõi nhất định nào, không thuộc hẳn về cõi nhân sinh vì họ có những khả năng đặc biệt, thiên hướng khác người thường; cũng không thuộc hẳn vào cõi siêu nhiên vì còn nhiều mối liên hệ cuộc sống trần tục, cũng có thể chưa đạt đến trình độ tu luyện để chuyển dạng một cõi khác, hoặc có thể có nhiều lí do khác. Trong VXTSTĐVN, nhân vật môi giới phần lớn không thuộc nhóm nhân vật chính hoặc nhân vật trung tâm. Sự hiện diện của nhân vật này mang chức năng khai thông, trả lời, lí giải cho những điều bí ẩn trong cuộc sống mà con người bình thường không sao hiểu thấu được. Hoặc, có khi họ xuất hiện với nhiệm vụ truyền tải một thông điệp để cảnh tỉnh con người nhân gian, giúp họ điều chỉnh lại hành vi để có kết cục tốt đẹp hơn, tránh một tai hoạ nhãn tiền (đã được cho thấy trước), nếu vẫn tiếp tục đi theo lối cũ. Sự xuất hiện của mẫu nhân vật môi giới cho ta thấy người trung đại có niềm tin vào thế giới siêu hình nhưng lại hết sức mơ hồ về thế giới đó, vì thế, họ cần một lực lượng trung gian để có thể xoá bớt khoảng cách giữa thế giới thực với thế giới ảo, thực hoá thế giới ảo.

*Nhóm ba: Nhận vật phàm nhân g*ồm các kiểu như: *nhân vật có khả năng dự báo và mang chức năng dự báo*; *nhân vật không có khả năng dự báo nhưng mang chức năng dự báo.* Về nhân vật có khả năng dự báo và mang chức năng dự báo, nhóm này và *nhóm nhân vật môi giới* có điểm tương đồng và chồng lấn lên nhau vì có đặc điểm chung là thông tin của trời đất được tiết lộ qua những con người có khả năng đặc biệt (cũng có những trường hợp cùng thân phận nhưng thuộc về hai nhóm ví dụ như thầy tu, tăng nhân, cao tăng…..). Điểm khác biệt chủ yếu để phân biệt hai nhóm là: Nhóm môi giới có tính chất siêu nhiên và đậm tính ảo hơn, còn nhóm này mang tính chất nhân vi và có xu hướng hiện thực hoá. Thông tin được biết không dựa vào thánh thần truyền tin hay tiếp xúc với thánh thần mà chủ yếu là từ các phân tích của con người bằng nhiều lí thuyết và phương tiện khác nhau. Nhân vật có khả năng dự báo và mang chức năng dự báo bao gồm các kiểu nhân vật: *bốc sư chuyên nghiệp, quan tướng triều đình và nhóm khác*. Sự phân biệt của chúng được dựa trên thân phận, vị trí xã hội; mục đích; tầm vóc, mức độ ảnh hưởng của nhân vật với cá nhân, cộng đồng; số phận của nhân vật.

Về kiểu nhân vật thầy bói, bốc sư, thầy phong thuỷ chuyên nghiệp, học các nghề về dự báo để hành nghề kiếm sống, họ có thân phận và vị trí bình thường trong xã hội. Tài năng của bốc sư, nhà dự báo, thầy địa lí ảnh hưởng đến vận số người khác. Bốc sư không chỉ nhìn ra tương lai vận số mà còn góp phần tác động để tương lai đó thành sự thật. Người thầy bói sau khi xem chữ xong còn lên Kinh để giúp ba vị khách của mình hoàn thành sự nghiệp (*Cổ quái bốc sư truyện*). Trong các truyện xuất hiện nhân vật thầy địa lí, các tác giả thường ca ngợi khả năng nhìn ra, tìm thấy những thế đất quý giúp thay đổi vận số con người và cả đoán định được thời hạn phát của ngôi đất ấy. Tả Ao đi nhiều nơi, nhờ ông tìm đất mà nhiều người thay đổi số phận: "lớn thì Thượng thư, Tiến sĩ, Phò mã, cung phi, nhỏ thì thi đỗ

khoa trường, giàu có đều là nhờ đất ông đã táng" (*Truyện Tả Ao họ Nguyễn - Thính văn dị lục*). Nhờ thầy phong thuỷ chỉ đất mà thay đổi vận số của cá nhân, thậm chí cả dòng họ (*Truyện mộ tổ ở Vịnh Kiều - CDTK, Truyện Trạng nguyên ở xã Dĩnh Kế - CDTK*). Thầy địa lí chỉ đất tốt không chỉ giúp cá nhân, dòng họ đỗ đạt hiển quý mà nhiều trường hợp phát đế vương, ảnh hưởng đến vận nước (*Lam Sơn thực lục, Ngôi mộ tổ của nhà họ Trần - CDTK, Đinh Tiên Hoàng kí - CDTK*). Các thầy địa lí đi khắp nơi xem đất cho thiên hạ, đương nhiên cũng muốn tìm cho nhà mình chỗ táng mộ tốt nhất. Nhưng "mưu sự tại nhân" mà "thành sự tại thiên", không mấy khi nhân vật này được toại ý. Tìm được đất đã khó, chôn được vào càng khó hơn, thậm chí nhiều trường hợp thầy địa lí còn bị lừa gạt hoặc gặp sự cố cản trở dự định thành ra ý nguyện không thành (*Đinh Tiên Hoàng kí - CDTK*). Xem đất chỉ cho người đời nhưng số thầy thì "*hàm răng chẳng còn*", "*để ruồi nó bâu*". Thầy địa lí không mấy khi được đất tốt nhất hạng, nhiều khi còn bị liên luỵ đến gia đình, bản thân cũng ảnh hưởng tính mạng. Tả Ao ngắm được một cái huyệt rất quý bèn về đem tiên phần đến chôn. Người Minh trông thiên văn biết các ngôi sao đều chầu về cả phương Nam, nước An Nam được đất rồi bèn ngầm đào trộm mả và lừa đem đứa con trai ông về Tàu. Mẹ ông mất, ông định đem táng ở một cái huyệt ngoài hải đảo là huyệt miệng rồng, năm trăm năm mới mở một lần, mà chỉ mở trong một khắc. Đến ngày giờ đã định, không may sóng gió cản trở, không ra chôn được (*Tả Ao tiên sinh - TTNL*). Về kiểu nhân vật *quan tướng triều đình*: Họ thuộc hàng quan lại, những người có địa vị cao trong xã hội, được vua chúa tin dùng. Chúng ta dễ thấy nhân vật tiêu biểu cho mẫu hình này trong lịch sử, văn học Trung Quốc như Khổng Minh[36] (*Tam quốc diễn nghĩa*) người được ca ngợi có trí thông minh tuyệt đỉnh và giỏi các môn huyền học, phương thuật, có tài dự báo. Trong VXTSTĐVN, nhóm quan tướng triều đình, nhiều người trong số họ, bên cạnh tài thi thư, cung kiếm cũng rất thông thạo các môn loại dự báo *Kinh Dịch*, tướng thuật, chiêm tinh, thái ất, lục nhâm độn giáp, như Nguyễn Hoan thì chuyên tâm thao lược, xem rộng binh thư, tinh thông thiên văn địa lí, sùng chuộng bùa phép, kỳ tài bí thuật vốn sẵn thiên bẩm, mong gặp thánh chúa để thoả chí giúp đời (*Hoan Châu kí*); Đào Duy Từ vốn bẩm tính thông minh sáng trí, thông hiểu sự tích cổ kim, các sách ngũ kinh, chư sử, kinh thư không sách nào không đọc; hiểu rộng tam giáo cửu lưu, mà về thơ văn từ phú lại càng tinh xảo. Nếu không phải là người có tài xuất quỷ nhập thần, những bậc trí giả giúp nước phò vua, thì học giả trong thiên hạ không ai có thể sánh kịp (*NTCNDC*); còn Nguyễn Trãi lại rất tính thông minh, các phép bói Nhâm, Cầm, Độn, Ất không thứ nào không thạo (*Việt Lam xuân thu*)… Họ là những kẻ sĩ từ nhỏ đã rèn luyện thi thư, sách vở, ôm mộng gặp minh chủ để ra thi thố tài năng, phò vua, giúp đời

[36] Gia Cát Lượng là ẩn sĩ ở Long Trung. Thời đó bậc danh sĩ Kinh Châu lan truyền câu: "Ngọa Long, Phụng Sồ ai có được một trong hai người ấy sẽ có thiên hạ!". Theo Thủy Kính tiên sinh thì: "Tài của Gia Cát Lượng phải được ví với Lã Vọng làm nên cơ nghiệp 800 năm của nhà Chu và Trương Lương làm nên cơ nghiệp 400 năm của nhà Hán.

mong lưu danh sách sử. Việc học thêm các môn loại dự báo là để "nâng cao trình độ" nhằm phục vụ cho sự nghiệp chính trị của mình. Nhờ tài năng chính trị, quân sự cùng với phương thuật họ có công lao rất lớn trong việc giúp vua chúa phân tích tình hình, đề ra kế sách để giành chiến thắng trong các trận đánh. Như thế, có thể thấy họ có vai trò rất quan trọng, là mưu sĩ cho các bậc lãnh đạo trong các cuộc chiến. Vì biết phân tích thiên cơ nên khi nhìn vào các hiện tượng lạ xuất hiện trong cuộc sống của mình họ cũng dự đoán được vận mệnh sau này.

Về kiểu nhân vật khác: Nhóm này có đặc điểm giống nhóm quan tướng triều đình là họ có sự tham dự vào các hoạt động quân sự, chính trị quan trọng của triều đại, có mối quan hệ mật thiết với vua chúa, được vua chúa trọng dụng, nể vì. Tuy nhiên, họ cũng có những nét đặc điểm riêng biệt là dự báo, tư vấn cho quân vương không vì danh lợi, thăng tiến, lập công trên con đường chính trị, lưu đanh thiên cổ mà vì những mục tiêu cao cả lớn lao, có tầm vi mô hơn. Họ không đơn thuần là mưu sĩ, bề tôi thuần tuý mà mang chiều kích, tầm vóc lớn lao, thậm chí là *đế sư*. Tiêu biểu như Nguyễn Bỉnh Khiêm vốn "Đọc khắp sách vở, hiểu sâu đạo lí *Kinh Dịch*. Chuyện mưa nắng lụt lội hạn hán, hoạ phúc tồn vong ông đều biết trước cả" (*Truyện Bạch Vân Am - Nam thiên trân dị tập*); "Trình quốc công hiểu sâu về *Dịch* lí, ông dự đoán được cả những biến cố lớn cỡ bốn trăm năm về sau qua các sấm ký của ông. Không một việc nào xảy ra mà lại không ứng nghiệm" (*Bổ sung thêm về Bạch Vân Am - Nam thiên trân dị tập*) đã tư vấn cho cả nhà Mạc, nhà Trịnh, nhà Nguyễn chỉ bằng ba câu dự báo mà có thể định sơn hà. Những nhà dự báo nhóm này đứng cao hơn so với tầm nhìn, tầm tư duy của những người cùng thời, họ không chỉ phóng mắt ra xa xuyên qua không gian và thời gian để nhìn thấy những bước chuyển mình quan trọng của lịch sử trong tương lai mà còn biết quay về hiện tại để chuẩn bị những điều kiện căn bản, đầu tiên để giúp cho dự báo ấy trở thành hiện thực, tiêu biểu như Thiền sư Vạn Hạnh: "lời nào nói ra thiên hạ đều cho là phù sấm" (*TUTA*). Họ có sức ảnh hưởng lớn đối với vận số cá nhân và cộng đồng. Sức tác động của dự báo, bản thân dự báo có sức ảnh hưởng, ảnh hưởng đôi khi nhờ chính bản thân người dự báo. Nhân dân tin sấm của Vạn Hạnh do uy tín của ông. Ngày Lý Thái Tổ lên ngôi, sư tại chùa Lục tổ đã biết trước và bảo "Thân Vệ ắt được lên ngôi" (*ĐVSKTT, TUTA*). Theo quan điểm của Phan Duy Kha trong cuốn *Nhìn lại lịch sử* thì sư Vạn Hạnh có vai trò rất lớn trong việc Lý Công Uẩn lên ngôi. Trong thời gian ở chùa, nhà sư đã cố gắng tạo ra một hình ảnh một cậu bé siêu phàm trong con mắt mọi người. Đây chính là bước gây ảnh hưởng, tạo tiền đề chuẩn bị cho con đường làm quan sau này của Lý Công Uẩn. Sau này, nhân sự kiện sét đánh vào cây gạo làng Dương Lôi là một cơ hội. Sét đánh cây gạo là một chuyện bình thường (sét thường đánh vào cây cao). Nhưng sét đánh chỉ thành đường ngoằn ngoèo trên cây (do nứt nẻ) chứ làm sao mà thành chữ, mà làm sao thành một bài thơ dài như thế được? Tác giả bài thơ tức những câu sấm đó không ai khác chính là nhà sư Vạn Hạnh. Quả thật, sau đó Lý Công Uẩn lên thay nhà Lê một cách an toàn, êm đẹp [80, tr. 116 - 118]. Nhà Trịnh

không dám giết vua Lê vì tin theo lời tư vấn của Nguyễn Bỉnh Khiêm[37]. Nhóm nhân vật có khả năng dự báo và mang chức năng dự báo thường xuất hiện ở vị trí nhân vật chính hoặc trung tâm tác phẩm, họ có sức ảnh hưởng lớn đến các nhân vật khác. Các tác giả viết về nhóm nhân vật này với cảm hứng ngợi ca sức mạnh trí tuệ, tài trí của con người, nhất là trong thời kì khó khăn, loạn lạc liên miên, con người sống hôm nay không biết đến ngày mai thế nào, băn khoăn về vận mệnh của bản thân, đất nước, quê hương làng xóm, gia đình. Họ tuy đứng ngoài quan trường, tu hành, hưu trí, ở ẩn nhưng không xa rời, quay lưng với thế sự mà sự hiện diện cùng trí tuệ trác tuyệt, khả năng dự báo siêu phàm khác nào thần tiên tại thế đã trở thành người "cứu khốn phò nguy", cứu giúp người khỏi hoàn cảnh khó khăn, vạch đường chỉ lối, vén mây mù, cho mọi người con đường phía trước.

Về loại nhân vật không có khả năng dự báo nhưng mang chức năng dự báo, nhân vật này thường không đóng vai trò nhân vật chính hay trung tâm trong tác phẩm mà giữ vị trí nhân vật phụ, ít có sự tác động đến cuộc đời, số phận nhân vật khác. Vai trò của nhóm nhân vật này trong tác phẩm là làm hé lộ một phần nào đó các vấn đề liên quan đến nhân vật chính. Về thân phận, họ có thể là: tên ăn trộm (*Truyện Thám hoa Quách Giai - CDTK*), bà hàng nước, người lái đò (*Mộng kí phụ tạp kí 33, 34 - CDTK*), người học trò (đi cầu mộng) (*Thượng thư Nguyễn Duy Trì - Công dư tiệp kí tục biên*), người làng (*Truyện Nguyễn Giám sinh ở La Sơn - CDTK*). Đây là kiểu nhân vật người trần bình thường mà trong một hoàn cảnh đặc biệt nào đó họ được tiếp xúc với nhân vật của thế giới kì ảo như chứng kiến, nghe lỏm được, hoặc được tiết lộ thiên cơ để truyền đạt ý chỉ của thánh thần ở thế giới thực tại hoặc họ có cơ duyên được đến thế giới kì ảo và được những nhân vật đó nhờ truyền một thông điệp nào đó đến trần gian, hoặc được báo về tương lai của chính mình. Sự xuất hiện của lớp nhân vật người trần không có khả năng đặc biệt nhưng mang chức năng dự báo truyền tải ý thần cho thấy: thế giới kì ảo không xa lạ, không chỉ gần với những con người đấng bậc, nổi danh mà còn rất gần gũi với những con người bình thường trong cuộc sống.

4.1.1.2. Nhân vật được dự báo

Nhân vật được dự báo là loại nhân vật nhận được những lời tiên đoán về tương lai vận số từ nhân vật có chức năng dự báo, họ cũng thường là nhân vật chính trong tác phẩm. Những nhân vật được (bị) dự báo thường là những nhân vật đặc biệt. Nhân vật bình thường, không có gì nổi bật trong tiểu sử thì không/ rất ít khi được/ bị dự báo. Loại nhân vật được dự báo gồm hai nhóm là: *nhân vật thánh nhân, danh nhân (đế vương, trung thần, lương tướng, cao tăng, danh sĩ) và nhân vật bình phàm.*

[37]Năm 1556, vua Trung Tông mất không có con nối. Trịnh Kiểm lúc đó binh quyền rất lớn, muốn thay nhà Lê làm vua, nhưng còn ngại những lời dị nghị nên sai người đi hỏi Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Trạng Trình mách khéo rằng: "Giữ chùa, thờ Phật thì ăn oản", "Nay lúa không chín, do thóc giống hạt không chắc. Chúng bay nên tìm giống lúa cũ mà gieo". Trịnh Kiểm hiểu ý bèn sai người đến thôn Bố Vệ rước hậu duệ của ông Lê Trừ là anh của Lê Thái Tổ tên là Duy Bang (tục gọi là Chúa Chổm) lên làm vua, tức là Lê Anh Tông.

Nhóm nhân vật thánh nhân, danh nhân: Theo quan niệm Nho giáo - thánh nhân, quân tử là những con người lí tưởng. Khái niệm thánh nhân quân tử ở đây không chỉ bó hẹp trong các danh thần, danh Nho mà còn mở rộng sang cả những thiền sư nổi danh. Theo Trần Nho Thìn nhóm này phải kể đến các mẫu nhân vật sau: "Những đấng bậc anh hùng, thánh nhân, vua chúa, Nho gia, thiền sư, những nhân vật tài đức lỗi lạc… Họ là hình ảnh tiêu biểu đại diện cho quan niệm con người vũ trụ. Cũng chính quan niệm đó sẽ quy định việc lựa chọn hệ thống các yếu tố thi pháp tả nhân vật" [179, tr. 150]. Kết cấu cốt truyện về mẫu nhân vật này thường chia thành các phần sau: Phần đầu, giới thiệu khái quát về nhân vật (tên họ, quê quán…); phần giữa, là trọng tâm của truyện khắc hoạ chân dung nhân vật, hành trạng, cuộc đời, những sự kiện quan trọng trong cuộc đời nhân vật; phần kết, số phận, đánh giá về nhân vật. Với loại nhân vật này, dự báo xuất hiện thường nằm phần đầu và cuối tác phẩm (cũng có tác phẩm dự báo nằm ở phần giữa, kiểu này thuộc nhóm truyện lấy dự báo làm vấn đề trọng tâm để kể về nhân vật). Với loại nhân vật này thường có các kiểu loại dự báo sau: *chiêm mộng* (báo về sự ra đời của họ thông qua giấc mộng của người mẹ mơ thấy được ban tặng các báu vật, các con vật, loài cây tôn quý, các hình ảnh trời đất, vũ trụ…); *xem tướng* (báo hiệu cuộc đời nổi danh sau này của họ thông qua tướng hình (mặt, thân, nốt ruồi…), *khẩu khí*; thông qua các điềm lạ (cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên) báo hiệu sự xuất hiện, ra đời của họ hoặc sắp lên ngôi; *phong thuỷ đắc địa* báo hiệu, lí giải thân thế*; tiếp xúc với thế giới siêu nhiên* báo trước về những sự kiện quan trọng trong đời họ… Những dự báo trên tập trung xoáy sâu vào các vấn đề về đề cao nguồn gốc vũ trụ của nhân vật (qua các motif về phong thuỷ, qua motif người cha khác loài, qua motif tướng lạ tài cao…), ngợi ca tài năng và phẩm chất phi phàm của họ (qua khẩu khí khác thường bộc lộ tài năng và thiên hướng chính trị, qua ứng xử…), về sự linh ứng của nhân vật sau khi chết.

Nhân vật bình phàm: Nếu nhân vật thánh nhân, quân tử có những nét siêu việt, trác tuyệt về hành vi, đạo đức được xây dựng với bút pháp lí tưởng hoá nhằm đề cao *tâm* thì nhân vật bình phàm là con người tự nhiên với đầy đủ những tính cách, phẩm chất như một con người bình thường với việc thoả mãn nhu cầu của *thân*, mẫu nhân vật này được xây dựng với bút pháp hiện thực hoá. Họ không thuộc nhóm vua chúa, khanh tướng, thiền sư mà thường là thuộc tầng lớp thương nhân, Nho sinh, nông dân… Kiểu nhân vật này được xây dựng với những yếu tố thi pháp khác hẳn nhân vật thánh nhân. Để miêu tả nhân vật bình phàm, các tác giả trung đại thường sử dụng bút pháp hiện thực, miêu tả họ trong những sự kiện gắn với cuộc sống thường ngày, với việc thoả mãn những bản năng trần tục, bộc lộ hết những điểm ưu nhược, kể cả những điều không toàn thiện toàn mĩ, thể hiện qua việc *các tác gia trung đại lựa chọn những motif dự báo liên quan đến vật chất như ăn ở, tiền bạc. Chuyện ăn uống* hiếm khi xuất hiện trong miêu tả về nhân vật thánh nhân nhưng lại thường

hay được nhắc đến trong khi xây dựng nhân vật bình phàm. Trong *Người nông phu ở An Mô,* nguyện vọng cuối cùng của bác nông phu khi biết mình sắp chết không tránh khỏi là xin người làng cho một bữa ăn uống no say (*TTNL*). Trong *TTNL* kể chuyện về ông Nguyễn Đăng Cảo thông minh, có tài nhưng vì ngông nghênh nên bị biếm trích mấy lần. Ông gặp được Đạo nhân nên mới muốn bỏ việc đời đi tu tiên. Một trong những điều kiện là kiêng thịt chó mà ông lại rất thích thịt chó và rượu ngon. Tuy đã quyết tâm từ bỏ sở thích để học đạo nhưng khi đi qua hàng thịt chó ông vẫn cố xin Đạo nhân ăn bữa cuối. Lúc ông ăn xong, Đạo nhân mới cho ông biết là: "Ông có số nhưng không có mệnh, đừng nên làm khổ thân" (*Ông Nguyễn Đăng Cảo*). Chi tiết này cho thấy con người tự nhiên, trần tục chiến thắng con người lí tưởng, thần thánh. *Cách ứng xử với chuyện tiền bạc, của cải cũng là cách để phân biệt nhân vật thánh nhân hay phàm nhân*. Nếu nhân vật thánh nhân quân tử coi thường chuyện ăn ở, tiền bạc… thì nhân vật bình phàm lại ngược lại họ rất coi trọng những giá trị vật chất. Sự tham lam của họ bất chấp những lời cảnh báo, dặn dò khiến cho họ phải gánh chịu những hậu quả. Ở mức độ nhẹ thì làm cho phép tiên hết linh nghiệm như người làm mướn ở Kinh thành vì không nghe theo lời dặn của Phạm chân nhân (chỉ được lấy 36 đồng, anh ta lấy quá số ấy, đến năm quan mới thôi) (*Người làm mướn ở Kinh thành - Vũ trung tuỳ bút*). Ở mức độ nặng thì gây ra những hậu quả nghiêm trọng như con cháu ông Nguyễn Tự Cường nghèo khổ vì ông bất chấp lời cảnh báo, dự báo của vua Trung Quốc để lấy cây đèn bằng vàng bạc quý giá về làm của riêng (*Truyện chùa Quang Minh làng Hậu Bổng - CDTK*). *Những chi tiết liên quan đến chuyện sắc dục cũng xuất hiện trong quá trình xây dựng nhân vật phàm nhân*. Sắc dục được thể hiện qua thanh sắc của Hà Ô Lôi: "Thanh sắc của ngươi sẽ được và mất ngang nhau, tên tuổi của ngươi sẽ lưu tại cõi thế". Tuy không biết chữ nhưng thông minh nhanh nhẹn, mồm mép hơn người, từ chương thi phú, hát ca ngâm ngợi, cợt gió đùa trăng du dương theo mây bổng, ai cũng thích nghe nên Hà Ô Lôi có thể "trộm phấn cắp hương" đàn bà, con gái khắp thiên hạ. Motif cưỡng bách liên quan đến dự báo xuất hiện nhiều lần. *Truyện rạng rỡ cửa nhà* và *Truyện ông Kinh Lược* trong tập *Bà tâm huyền kính lục* có chung motif hiếm muộn được thần tiên báo mộng sẽ cho mượn đứa con quý tử để làm rạng rỡ cửa nhà. Sau giấc mơ một thời gian, người vợ bị cưỡng hiếp đến mang thai và người con được sinh ra là đứa con thần linh ban tặng nên có tài năng đặc biệt sau này thành tài, đỗ đạt. Trong thi pháp miêu tả nhân vật, tình huống truyện cưỡng bách làm nổi bật chân dung kiên trinh của bà mẹ ông Đàm Thận Huy bao nhiêu thì càng làm lộ rõ bản năng dục vọng của nhân vật thầy địa lí Tả Ao bấy nhiêu. Tả Ao bắt phu nhân (mẹ ông Đàm Thận Huy) cõng mình và đến đêm lẻn vào buồng ngủ, phu nhân chống cự một cách nghiêm nghị. Tả Ao than rằng: "Thật là một người đàn bà tiết tháo" và tìm cách đền bồi bằng cách tìm đất tốt đặt mộ cho (*Ông Đàm Thận Huy- TTNL*). Trường hợp miêu tả

tính dục khác loài, giữa người với động vật (rắn, rồng, khỉ…), với thần, ma, yêu tinh… không hiếm trong văn học dân gian[38] và văn học viết, nhất là truyện truyền kì. Trong những trường hợp này, con người thường giữ vai trò bị động[39,40]. Ý nghĩa của việc miêu tả trên là sự kết hợp của người mẹ trần thế với người cha thuộc thế giới siêu nhiên để sinh ra người con có năng lực khác thường nhằm đề cao nguồn gốc vũ trụ của các nhân vật nổi danh; hoặc thế lực thần ma giao hoan với người đàn bà đẹp qua giả dạng người chồng, qua việc bắt người… nhằm phản ánh hiện thực suy đồi của xã hội: những người phụ nữ đẹp thường là nạn nhân của những kẻ có quyền thế trong xã hội phong kiến. Chi tiết ông Nguyễn Đăng Bảo dám cưỡng bách, thông dâm với yêu tinh để hỏi sự nghiệp sau này của mình trong truyện *Thám hoa Đông các Nguyễn Đăng Bảo - Công dư tiệp kí tục biên* có điểm khác lạ là con người chủ động có hành vi tính dục với đối tượng khác loài, cụ thể là yêu tinh. Ý nghĩa của chi tiết này vượt ra phạm trù ý nghĩa của truyện dân gian và một số truyện truyền kì mang màu sắc liêu trai[41] vừa nêu trên, đồng thời cũng vượt lên ý nghĩa chỉ việc thoả mãn tính dục thông thường, mà nó phản ánh ước mơ, khát vọng của con người được tiếp cận, xâm nhập, hoà hợp để nắm được những bí mật của cõi siêu nhiên, giải mã được những bí ẩn của cuộc sống, biết trước được tương lai vận số của mình.

4.1.2. Sự tham dự của dự báo vào phương thức, kĩ thuật xây dựng nhân vật

4.1.2.1. Ảo hoá xuất thân, hành trạng và cái chết của nhân vật

Xuất thân khác thường là một trong những dấu hiệu dự báo sự ra đời của những nhân vật thánh nhân, quân tử. Về sự ra đời kì lạ của nhân vật có những motif dự báo đáng chú ý như: hôn phối kì lạ khác loài (giữa người mẹ trần thế và người cha có nguồn gốc từ động vật hoặc thần); ra đời kỳ lạ gắn với những điềm lạ từ thiên nhiên (trăng, sao, mây, động vật, thực vật…); sự xuất hiện của hương thơm, ánh sáng… thời điểm được sinh hạ; giấc mơ kỳ lạ của người cha hoặc mẹ để biết về nguồn gốc người con họ sinh hạ; biếm trích, trích giáng, đầu thai (nhân vật là một kiếp khác của thần thánh). Xuất thân kì lạ giúp tiết lộ nguồn gốc khác thường của nhân vật, dự báo khả năng xuất chúng sau này của họ. Trong văn học dân gian và VXTSTĐVN, nhân vật có xuất thân khác thường, trong đó người cha có nguồn gốc thuộc thế giới nước kết hợp người mẹ trần thế (nằm trong motif "dị ngoại hôn" hay hôn nhân khác loài, thực ra, phải gọi là chính xác hơn là giao phối khác loài vì nhiều trường hợp không sánh duyên); hoặc người thuộc thế giới thuỷ phủ thác sinh làm người trần gian... thường có tài năng hơn người. *Thần tích đền Thủ Lệ* cho biết thần Linh

---

[38] Xin xem thêm *Phụ lục 3*

[39] Cũng có trường hợp người chủ động, xin xem truyện *Người giao hợp với rồng* (*Truyện kí trích lục*)

[40] Ta có thể thấy trường hợp chủ động nữa là trong sử thi *Mahabharata*, nhân vật Panđu vì không thể có con nên mới bảo hai người vợ của mình là Kunti và Mađri sử dụng thần chú (Đạo sĩ Đuốcxava trước đó đã tặng Kunti câu thần chú có thể cầu bất kì thần nào hiện ra với nàng và ban cho một đứa con trai cũng rực rỡ ngang vị thần đó), nhờ đó năm anh em nhà Panđava ra đời.

[41] Trong *Liêu trai chí dị* rất phổ biến motif giao phối, nhân duyên khác loại, mà chủ yếu là người với hồ li. Xin xem Bồ Tùng Linh (2006), *Liêu trai chí dị*, (Cao Tự Thành dịch), NXB Văn hoá Sài Gòn,

Lang nguyên là hoàng tử con vua Lý Thánh Tông với vương phi Hạo Nương. Hạo Nương đi tắm ở hồ Tây, gặp giao long nổi lên quấn lấy người, từ đó mang thai 14 tháng sinh ra đứa bé có tướng mạo khôi kỳ, lưng có 18 vì tinh tú, bụng có chùm sao Bắc đẩu, đặt tên là Hoàng Lang. Đinh Tiên Hoàng vì là con của rái cá nên khi khôn lớn, người rất lanh lẹ và có biệt tài bơi lội dưới nước, sau này lên làm vua (*Đinh Tiên Hoàng kí - CDTK*). Đằng sau câu chuyện về điềm báo chúng ta nhận thấy quan niệm, tư duy của con người về nước, nước chính là cội nguồn của sự sống. Tâm thức này không phải chỉ riêng của một vùng miền mà có tính chất phổ quát trên thế giới. *Hành trạng khác thường của nhân vật được xây dựng bằng bút pháp ảo hoá, trong đó có sự đóng góp quan trọng của CPTDB như mộng, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên. Họ được kết nối với nhân vật kì ảo, được sử dụng những nguồn năng lượng thần kì từ báu vật thánh thần nên có năng lực khác thường*: nhờ rồng vàng "tháo móng chân" cho nên Triệu Việt vương chỉ cần mang móng chân đó cài lên mũ đâu mâu, quân giặc trông thấy, tự nhiên sẽ khiếp sợ (*Triệu Việt vương và Lý Nam Đế - VĐULT*); khi An Dương Vương bị giặc đuổi đến bờ biển, Rùa vàng đưa nhà vua "sừng tê bảy tấc", giúp vua rẽ nước vào thủy cung (*Truyện An Dương Vương*). Móng chân của rồng và sừng tê là một dạng vật thiêng mang năng lượng, sức mạnh thần bí giúp cho nhân vật mang nó có sức mạnh như chính chủ nhân của vật (sức mạnh của rồng và khả năng đi dưới nước). *Ảo hoá cái chết và sau cái chết của nhân vật: nhân vật được dự báo trước về cái chết của họ như là sự rời bỏ cuộc sống tạm để gia nhập thế giới kỳ ảo, vĩnh hằng*. Nhân vật đến thế giới kì ảo như một phần thưởng cho sự ngay thẳng như trường hợp Tử Văn được tiến cử làm chức Phán sự đền Tản Viên nên không bệnh mà mất) (*Truyện chức Phán sự đền Tản Viên - TKML*), phần thưởng cho tiết tháo như trường hợp Dương Trạm (*Truyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào - TKML*), phần thưởng cho sự ngay thẳng như trường hợp Văn Dĩ Thành (*Truyện tướng dạ xoa - TKML*). Những nhân vật bị chết lúc ước nguyện chưa thành thì sự trở lại sau cái chết (tái sinh…) là để trả nợ, nối lại duyên xưa, bao giờ cũng có những dấu hiệu, dự báo để họ nhận ra nhau như Sinh và Lan Nương và các nhân vật khác trong *Đào hoa mộng kí*.

4.1.2.2. Tạo tác chân dung nhân vật

Trong VXTSTĐVN các tác giả thường vận dụng tướng thuật khi xây dựng kiểu nhân vật quân tử, thánh nhân, tướng tài. Đặc trưng cơ bản của văn học trung đại là tính ước lệ, tượng trưng, không miêu tả sự vật một cách cụ thể mang tính cá thể đặc điểm, không gian, thời gian mà bao giờ cũng vay mượn những kí hiệu, công thức có sẵn để miêu tả. Trong tạo tác chân dung nhân vật, các nhà văn đã vận dụng công thức động thực vật, đế vương Trung Hoa để xây dựng nhân vật đế vương. Chân dung đế vương và các nhân vật khác trong VXTSTĐVN còn được xây dựng qua tướng hình, xương, nốt ruồi, da dẻ, khí sắc…

Để xây dựng nhân vật đế vương, những vị vua chúa sáng nghiệp, ngoài việc khắc hoạ những tài năng kinh bang tế thế, xuất chúng, siêu quần, đức độ hơn người, các nhà văn còn dụng công thêm thắt những chi tiết cho thấy họ có "Chân mệnh thiên tử". Một trong những công cụ đắc dụng là sử dụng miêu tả tướng thuật. *Công thức kí hiệu miêu tả các nhân vật đế vương thường xuất hiện các động vật tôn quý như: long, ly, quy, phụng hoặc các nhân vật thánh nhân cổ đại Trung Hoa.* Khảo sát VXTSTĐVN, hầu hết các chân dung nhân vật đế vương đều xuất hiện hình ảnh của rồng như: Mai Hắc Đế: "*đầu hổ, mắt rồng, tay vượn*" (*Hương lãm Mai Đế kí - VĐUL*), Lê Hiển Tông "*râu rồng, mũi cao, tóc hạc, mắt phượng*" (*HLNTC*)... Do công thức có sự xuất hiện của hạc, rồng, lân, phượng chỉ được dùng để miêu tả bậc đế vương nên Nguyễn Đăng Na đã "phát hiện" ra Nguyễn Khoa Chiêm đã "phạm luật " khi dùng công thức trên để miêu tả quan lại như Chiêu Vũ: "Người ấy mình hạc râu rồng, mày lân mắt phượng, phong thái hùng mạnh", Trạc Quận công: "mặt rồng, xương hạc, mắt biếc mày xanh, có tư thế của bậc tiên phong đạo cốt". Tác giả đã lí giải nguyên nhân trên là do: "Những qui định ngôi thứ, những tín hiệu đặc trưng cho từng đẳng cấp chưa kịp bám rễ vào tri thức Nam triều. Bởi vậy, những "Nho luật" trong sáng tác chưa thắt buộc người cầm bút" [109, tr. 84]. Trong *HLNTC*, các tác giả cũng sử dụng công thức miêu tả đế vương từ động vật và vũ trụ nhìn bề ngoài vẫn có ý ngợi ca nhưng đọc sâu vào văn bản ta sẽ nhận thấy ẩn đằng sau là sự châm biếm về nhân vật có "khí tượng đế vương" "mũi hổ, râu rồng", "đi nhẹ như nước, ngồi vững như non" nhưng bất tài vô dụng, chỉ là bù nhìn trên ngai vàng.

B. L. Riftin cho rằng trước đây, thời cổ đại, các nhân vật tiên đế thần thoại được miêu tả qua sự so sánh hàng loạt với từng bộ phận của khuôn mặt và thân thể phù hợp với bộ phận tương ứng của thân thể một loài thú nào đó, thường là các vật tổ (tô tem). Dần dần, khi hệ thống kí hiệu trở nên bền vững thì các nhân vật lịch sử bắt đầu được miêu tả không phải thông qua sự so sánh từng bộ phận của khuôn mặt và thân thể họ với thú vật, mà với các vị tiên tổ đã được lí tưởng hóa [146, tr. 42 - 47]. *Việc các nhà văn sử dụng hình ảnh các bộ phận trong chân dung của các nhân vật đế vương nổi danh của Trung Hoa để miêu tả chân dung nhân vật đế vương là một thực tế trong VXTSTĐVN*. Nguyễn Khoa Chiêm trong *NTCNDC*, đã miêu tả chân dung Nguyễn Phúc Chu như sau: "*Mặt Nghiêu mắt Thuấn, lưng Vũ, vai Thang, trạng mạo như Đường Tông, phong tư tựa Tống Tổ*" [30, tr. 597]. Khó có thể hình dung khuôn mặt cụ thể, sống động của nhân vật trên ra sao vì chúng hoàn toàn mang tính ước lệ, kí hiệu. Truy tìm về nguồn cội những kí hiệu được dùng để so sánh: "*Hoàng Đế mặt rồng, Chuyên Húc trên đầu có mộc, Đế Khốc có những chiếc răng mọc liền, vua Nghiêu có lông mày tám sắc, vua Thuấn mắt có hai đồng tử, Vũ tai có ba vành, vua Thang mỗi vai có hai tay, Văn Vương có bốn vú, Vũ Vương bao giờ cũng nhìn lên trên, Chu Công lưng còng, Cao Dao có mồm ngựa, Khổng Phu Tử đầu có cái gò*" (dẫn theo B.

L. Riftin) [146, tr. 54], ta có thể tạm hình dung ra chân dung nhân vật. Trong chân dung trên "Mặt Nghiêu" có đặc điểm nổi bật nhất là lông mày tám sắc. Đặc điểm này là dấu hiệu chỉ có ở người thông thái và sáng suốt, có kiến thức về các hiện tượng trên trời như mặt trời, mặt trăng và thiên giới. "Mắt Thuấn" có đặc điểm kì lạ là có "hai đồng tử".

Ở trên chúng tôi đề cập đến những trường hợp các tác giả miêu tả chân dung khuôn mặt theo công thức thánh nhân, sử dụng những yếu tố gắn với các động vật. Tuy nhiên, nếu khảo sát kỹ chúng ta vẫn nhận ra *nhiều dấu vết khác của tướng thuật trong khi các tác giả miêu tả các bộ phận khác: tướng nốt ruồi, tướng xương, tướng mặt, tướng thân, tướng tay, tướng hình thần, tướng động tĩnh, tướng khí sắc*… Điều này được các tác giả VXTSTĐVN khai thác triệt để để xây dựng các tình tiết tạo nên sức hấp dẫn của tác phẩm. Xem tướng thì phải quan sát mới thấy, nhưng trong thực tế nhiều thầy bói kì tài lại mù loà, vì thế không lấy *nhân nhãn* để xem theo cách thông thường mà nhiều trường hợp dựa vào *thiên nhãn*. Bà lão trong truyện *Xem tướng xương*, chỉ cần dùng tay xem xương mà nhận ra ngay đâu là quan, đâu là lính (*Vân nang tiểu sử*). Không chỉ xem tướng xương mà các bộ vị khác cũng được các nhà văn quan tâm khai thác nhất là *nốt ruồi*. Số lượng, màu sắc, vị trí của nốt ruồi trong quan niệm tướng thuật không phải là ngẫu nhiên, nó là cái lộ ra bên ngoài của những yếu tố bên trong. Nốt càng nhiều, mọc ở vai, chân, tay, lưng… thường là điềm báo cho những nhân vật kiệt xuất, văn võ toàn tài như Nguyễn Hữu Tiến lòng bàn chân có bảy nốt ruồi (*NTCNDC*), Ngô Quyền vai có nốt ruồi, trong sử thì chép ở lưng có ba cái nốt ruồi (*ĐVSKTT*); Trần Nhân Tông ở hai bên vai tả có nốt ruồi đen, cho nên có thể cáng đáng được việc lớn (*ĐVSKTT*)… Vị trí nốt ruồi xuất hiện cũng là một trong những vấn đề đáng lưu tâm, vì hầu hết chúng đều xuất hiện ở chân, tay, lưng, vai mà không phải ở những chỗ khác, chúng mang ý nghĩa ẩn dụ, biểu trưng, chỉ sự tập luyện vất vả thành tài, và có khả năng, được trời giao cho gánh vác những nhiệm vụ, trách nhiệm quan trọng liên quan đến quốc gia. Ngoài ra, những chi tiết miêu tả cụ thể theo kiểu tướng thuật khác cũng xuất hiện rất nhiều trong tạo dựng chân dung nhân vật như *thân hình, phân, da dẻ*. Xây dựng nhân vật qua *tướng thân* thể hiện ở nhân vật như Lý Ông Trọng thân dài hai trượng ba thước, khí chất thẳng thắn dũng mãnh, khác với người thường (*Hiệu úy Uy mãnh Anh liệt Phụ tín Đại Vương- VĐUL*); Phụng Hiểu người cao lớn, tướng đẹp, râu tốt, có sức khỏe lạ thường (*Đô đốc Khuông quốc Tá Thánh Vương - VĐUL*); Lê Như Hổ thân thể to lớn, cao năm thước năm tấc, lưng rộng một thước năm tấc (*Thượng thư Lê Như Hổ - CDTK*). Thân hình to lớn, khác người thường cũng là một điểm nhấn dự báo một sự nghiệp lừng lẫy, một võ tướng lập được nhiều chiến công nhờ sức vóc, uy vũ. Thậm chí *tướng phân*[42] cũng được đề cập, người Nguyên xem phân Mạc Đĩnh Chi thì thấy phân vuông, họ cho là có ẩn tướng ở đó, mà rất đáng quý (*Lưỡng quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi - Công dư tiệp kí tục biên*). Xây

[42]Đây là trường hợp hiếm hoi vì khi miêu tả kiểu nhân vật danh nhân, thánh nhân, quân tử các tác giả hầu như không đưa vào những chi tiết đời sống hiện thực kiểu như chuyện ăn uống, sinh hoạt tình dục, bài tiết…

dựng nhân vật qua *tướng da* xuất hiện ở nhân vật Hà Ô Lôi: "da màu đen, mịn bóng như sáp" (*Hà Ô Lôi - Lĩnh Nam chích quái liệt truyện*). Theo quan điểm tướng thuật là đàn ông cũng như đàn bà ai da bóng láng như thoa mỡ có khả năng và nhu cầu cao về tình dục và lận đận tình duyên. Phú *Ma y* (*Ma y thần tướng*) viết: "*Người nào mặt láng da ngà/ Trai đôi ba vợ, gái đôi ba chồng*". Vì thế, không phải ngẫu nhiên mà từ màu da đen, bóng mịn như sáp của nhân vật, Tạ Chí Đại Trường đã có những nhận xét sắc sảo có liên quan đến tướng cho thấy khả năng tình dục của nhân vật: "Phía trời Tây triều đình người Ả Rập đã có rất nhiều nô lệ người da đen "làm loạn" ở hậu cung như còn truyền lại trong *Ngàn lẻ một đêm*. Huyền thoại về khả năng tình dục của người da đen có ở khắp nơi, cho nên cung đình họ Trần có thêm một Ô Lôi cũng không là mới" [206, tr. 56]. Sự liên hệ này có thể nhìn thấy qua các chi tiết trong tác phẩm như sự "sủng ái" của nhà vua đối với "tân khách" Ô Lôi, "Vua thường bảo ở triều đình rằng nếu ai có thấy Ô Lôi gian phạm con gái nhà ai, bắt nó đến đây thì vua thưởng tiền một ngàn quan, nếu giết nó thì phải bồi thường một vạn quan. Đi chơi đâu vua cũng thường cho nó đi chơi cùng". Giả thuyết mà Tạ Chí Đại Trường đặt ra cho rằng Ô Lôi trong triều với những điều ghi lại "nhẹ nhàng" kia, chứng tỏ là một "boy friend" của Dụ Tông (theo chỉ dẫn của Trâu Canh?) là điều có thể. Theo chúng tôi, đứng từ góc nhìn tướng thuật, nhân vật này có một khả năng tình dục khác thường, hơn hẳn người khác được tiết lộ qua: "da thịt đen như mực", đen nhưng "da láng như mỡ" (với ý nghĩa bản năng gốc sẵn có), được cả tiên Đồng Tân khen "đẹp lắm" trước khi tiếp thêm sức giọng hát tuyệt vời và thông minh mẫn tiệp khác (được bồi đắp thêm tài năng). Sự kết hợp của khả năng tình dục bẩm sinh và tài năng xướng ca thơ phú đã khiến Ôi Lôi làm lay đổ mọi thành trì, kể cả người thủ tiết như Quận chúa A Kim. Có thể xem đây là một trường hợp tiêu biểu của lưỡng giới hay song tính luyến ái (bisexual).

Tướng thuật lại đề xuất ra thuyết về *khí sắc*, tức là căn cứ vào màu sắc đỏ, vàng, xanh, đen, tía, trắng, độ sáng tối biểu hiện ở các bộ vị khác nhau trên mặt để suy ra hoạ phúc cát hung trước mắt và lâu dài về sau. Trần Nhân Tông có được tinh anh của thánh nhân khiến cho: "*Đạo mạo thuần tuý, nhan sắc như vàng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng, hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim tiên đồng tử*" (*ĐVSKTT*) [90, tr. 451]. Màu sắc tươi sáng ấy không chỉ là phong độ của một đế vương mà còn là phong thái của một vị Phật tại cõi trần, xem nhẹ vương quyền, tìm sự giải thoát[43].

Như vậy, qua khảo sát có thể thấy, trong cách xây dựng chân dung nhân vật trong VXTSTĐVN các tác giả vay mượn công thức thánh nhân trong thần thoại Trung Quốc thể

---

[43]"Toàn thân màu vàng" là một trong ba mươi hai tướng quý của một vị Bồ tát hoặc vị Phật: lòng bàn chân bằng phẳng, bàn chân có bánh xe ngàn cánh, ngón tay thon dài, gót chân rộng, ngón tay ngón chân cong lại, tay chân mềm mại, sống chân cong lên, thân người như con sơn dương, tay dài quá gối, năm căn ẩn kín, thân thể mạnh mẽ, *thân toả màu vàng ròng*, lông tóc xanh biếc, lông tóc hình xoáy, *thân thể vàng rực*, *thân phát ánh sáng*, da mềm, tay vai và đầu tròn, hai nách đầy đặn, thân người như sư tử, thân thẳng, vai mạnh mẽ, có bốn mươi răng, răng đều đặn, răng trắng, hàm như sư tử, nước miếng có chất thơm ngon, lưỡi rộng, giọng nói như Phạm thiên, mắt xanh trong, lông mi như rừng, lông xoáy giữa hai chân mày (bạch hào), chóp nổi cao trên đỉnh đầu.

hiện ở những so sánh với động vật và thực vật mang ý nghĩa tôn quý[44], với núi non, vũ trụ rộng lớn, khoáng đạt và những lí thuyết về tướng thuật như tướng xương, da, phân, nốt ruồi… Ngoài những điều kể trên, do ảnh hưởng của Phật giáo nên khi miêu tả nhân vật, các tác giả còn đưa thêm những so sánh gắn với các tích hoặc nhân vật Phật giáo liên quan đến các quý tướng của Đức Phật. Đối tượng được miêu tả hầu hết là những nhân vật lịch sử quân vương, văn thần, võ tướng, chỉ xuất hiện một vài trường hợp là thường dân[45].

4.1.2.3. Xác tín hoá thông tin nhân vật

Dự báo tham dự vào xây dựng nhân vật không chỉ ở vai trò ảo hoá xuất thân, hành trạng, cái chết nhân vật, khắc tạc chân dung, mà còn ở sự xác tín hoá thông tin về nhân vật. Sự xác tín tạo ra độ tin cậy về những sự kiện được kể. Để thực hiện nhiệm vụ trên, các tác giả VXTSTĐVN đã sử dụng thêm một số các thủ pháp dự báo sau: *đồng dự báo* (để cho *nhiều* nhân vật cùng thấy một thông tin dự báo); *lặp dự báo* (một thông tin dự báo được lặp lại, *tái diễn* nhiều lần trước khi nó xảy ra); *nối dự báo* (nhiều thông tin dự báo được tiết lộ *nối tiếp* dự báo cho số phận nhân vật); *phối kết dự báo* (kết hợp *nhiều kiểu loại* dự báo cùng xuất hiện để cùng báo cho tương lai nhân vật).

Đồng dự báo là cách nhà văn xây dựng khiến cho nhiều nhân vật cùng thấy một thông tin dự báo. Trong việc xây dựng nhân vật liên quan đến motif mộng, các tác giả thường gắn liền với việc tạo nên cặp đôi, cặp ba hay nhiều nhân vật cùng chung một giấc mộng trong cùng một địa điểm thời gian và không gian tạo nên hiện tượng đồng mộng. Thông tin chủ yếu của các giấc mơ này thường thiên về mộng thi cử hay mộng tiên tri báo một sự kiện quan trọng liên quan đến nhiều người. Thần cửa Cờn hiện lên trong mộng của Lý Trưởng và một người trong thôn để truyền dụ về việc xây ngựa đá trước đền (*Thần cửa Cờn - Lan trì kiến văn lục*). Thần hiện lên trong giấc mơ các cụ già trong làng chỉ bảo người sẽ chữa được bệnh cho cả làng mắc bệnh dịch (*Sự tích thần miếu xã Màn Xuyên*). Hai người học trò cùng thấy một giấc mộng về đề thi trong kỳ thi sắp tới, đầu đề bài phú của khoa thi này là "Thiên hạ đại đồng" (*Mộng lạ*). Sinh và Lan sau khi lập đàn chay xin đầu thai cho các hoa thần liền chung mộng thấy mấy chục hoa thần đến trước sân bái tạ và chỉ rõ cho biết những ai đang tái sinh trong kiếp luân hồi (*Đào hoa mộng kí*). Ở những motif đồng mộng này, những nhân vật cùng mộng có vị trí, tính chất bổ sung tương hỗ tăng thêm phần xác thực.

Lặp dự báo là cách tác giả xây dựng sao cho một thông tin dự báo được lặp lại, tái diễn nhiều lần trước khi nó xảy ra. Ngoài chung mộng thì trong việc xây dựng nhân vật và

---

[44] Chúng ta dễ dàng nhận thấy sự khác biệt trong cách tư duy về nhân vật đấng bậc, thánh nhân, quân tử với nhân vật đời thường, bình phàm qua những công thức so sánh về động thực vật, về không gian. Ví dụ như trong *Truyện Kiều* khi nhân vật Kiều lúc lưu lạc tha hương Nguyễn Du đã so sánh với "thân lươn", "thân trâu ngựa", "tấm thân bèo bọt"…

[45] Xin xem thêm *Phụ lục 9*, bài Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Nhân vật trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam dưới góc nhìn tướng thuật", *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, số tháng 2.

thiết lập mối quan hệ giữa các nhân vật trong một tác phẩm, các tác giả thường sử dụng motif lặp mộng. Lặp mộng là hiện tượng một nhân vật thấy một giấc mơ có tính chất lặp đi lặp lại hoặc một thông tin được xác thực trong nhiều giấc mơ của một hoặc nhiều nhân vật. Trong *Truyện Lê Trãi*, việc Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi được lặp lại trong bốn giấc mộng của hai nhân vật. Lặp dự báo còn xảy ra trong trường hợp nhân vật thần linh muốn quở trách, cảnh báo điều gì. *Truyện Họ Vũ xã Trung Hành*, thần hiện lên trong hai giấc mơ một người trong làng khi họ định táng mộ trong khu đất thần để dành cho nhà họ Vũ, lần thứ nhất, để ra lệnh và đe dọa: "Người phải dời mộ đi nơi khác ngay, nếu không sẽ có tai vạ", khi người ấy không chịu dời đi thì cả nhà đau ốm, thần lại hiện lên trong giấc mơ lần thứ hai để giải thích lý do và khuyên nhủ: "Nhà ngươi ít phúc không đương nổi cái huyệt ấy. Ta giữ cái huyệt cho họ Vũ, ngươi nên nhường lại cho họ đó, thì con cháu nhà ngươi sau này được họ ấy báo đáp lại" [114, tr. 559] (*CDTK*).

Ngoài đồng, lặp dự báo, trong nhiều cốt truyện, các tác giả sử dụng nối dự báo. Đây là thủ pháp sử dụng dự báo mà nhiều thông tin dự báo được tiết lộ nối tiếp dự báo cho số phận nhân vật. Nhằm giới thiệu gốc gác xuất thân hoặc tạo cho nhân vật sống hai cuộc đời, thân phận khác nhau trong và ngoài mộng, các tác giả xây dựng nhiều giấc mộng khác nhau diễn ra trong cuộc đời nhân vật mà giữa chúng có sự móc nối, diễn tiến. Trong *Truyện chức Phán sự đền Tản Viên*, cuộc đời Tử Văn có bốn mốc quan trọng gắn với bốn giấc mơ tiếp nối nhau. Sau khi châm lửa đốt đền, Tử Văn mơ thấy có người đến dọa nạt, chiều tối lại mơ thấy có Thổ Địa đến bày vẽ, mách nước, đến tối lại mơ thấy đến Phong đô (điện Diêm Vương) để đối chứng việc kiện tụng, thần Thổ Địa được trả lại đền, Tử Văn được sống lại, trở về nhà. Giấc mơ thứ tư diễn ra ít lâu sau ông già Thổ Địa đến đề nghị Tử Văn giữ chức Phán sự đền Tản Viên (*TKML*). Truyện *Duyên lạ hoa quốc* và *Thần hồ Động Đình*, điểm chung giống nhau là hai nhân vật chính sống cùng lúc hai cuộc đời một thực, một mộng. Trong thế giới thực, ông Hoàng Bình Chính làm quan chức hàn lâm, có vợ và con ở Hà Khẩu. Ở thế giới mộng, ông sống thêm một cuộc đời khác với tư cách thần hồ Động Đình, thường qua lại với một mỹ nhân. Sau ông chết, tái ngộ với mỹ nhân ở hồ Động Đình như đã báo trước trong mơ. Chàng Chu Sinh cũng sống hai cõi cả thực và mộng. Nhiều giấc mơ nối kết đã tạo nên cuộc đời thứ hai cho chàng: giấc mơ được đón đến xứ Hoa quốc; giấc mơ cưới vợ, ân ái; giấc mơ có loạn nên Hoa quốc phải chuyển đi, vợ chồng chia li, hẹn ngày tái ngộ; giấc mơ lặp lại Quốc mẫu và vợ sau nhiều năm xa cách và sắp xếp đoàn viên. Cuối cùng, Chu Sinh chết để hòa mình thực sự vào cõi mơ, làm vua nước hoa quốc. Cuộc đời chàng chia làm ba chặng: đầu tiên là thực, tiếp là thực mộng, cuối cùng là nhập mộng.

Phối kết dự báo là cách tác giả kết hợp nhiều kiểu loại dự báo cùng xuất hiện để cùng báo cho tương lai nhân vật. Để báo trước kết quả tương lai, vận số, của cá nhân cộng đồng, các tác giả có thể sử dụng cùng một lúc nhiều dự báo. Điềm, mộng, phong thuỷ tạo

thành cặp ba dự báo xuất hiện trong nhiều tác phẩm chung motif làm việc thiện, mơ và được cho đất phong thuỷ tốt sinh con quý tử, thành đạt vẻ vang. Mộng được ban con, điềm lành lúc sinh, tướng lạ - dự báo này thường xuất hiện cùng nhau trong dự báo cuộc đời của các danh nhân. Tương lai của ông Nguyễn Công Hãng được báo trước qua phong thuỷ và điềm thơ (*Ông Nguyễn Công Hãng - TTNL*), của Nguyễn Trãi qua phong thuỷ, điềm (*Truyện ông Lê Trãi - TTNL*), của ông Vũ Công Đạo qua phong thuỷ, mộng, điềm thơ, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên (*Thượng thư Vũ Công Đạo - CDTK*); chuyến hành quân thất bại của vua Lý được dự báo qua điềm sao, *Kinh Dịch*, hướng gió (*Truyện ngôi đền thiêng ở cửa bể - TKTP*).

Đối với những câu chuyện khai thác motif dự báo mà kết quả dự báo thường trùng khít lời tiên báo, các tác giả thường sử dụng nhiều nghệ thuật kết hợp như lựa chọn cái tôi trần thuật, ngôi kể ở ngôi thứ nhất (trải nghiệm sự kiện, nhân chứng), lựa chọn thời gian bối cảnh lịch sử… Đặc biệt là thủ pháp nghệ thuật: *đồng, lặp, nối, phối kết nhiều dự báo nhằm xác tín hoá thông tin về nhân vật* là một trong những kĩ thuật kể chuyện hiệu quả nhằm tăng thêm sự xác thực về thông tin dự báo.

4.2. Nghệ thuật thể hiện dự báo của văn xuôi tự sự trong xây dựng không gian và thời gian

Không gian - thời gian nghệ thuật là hình thức tồn tại của thế giới nghệ thuật. Không hình tượng nghệ thuật nào không có không gian - thời gian, không nhân vật nào không có nền cảnh tồn tại của nó. Những kiểu dự báo đặc trưng sẽ xuất hiện trong những kiểu loại không gian và thời gian nhất định. Trong phần này, vấn đề trọng tâm chúng tôi đặt ra là nhận diện các kiểu loại không gian - thời gian dự báo (nhìn từ loại hình nền cảnh cho dự báo xuất hiện và nhìn từ kiểu loại nhân vật); bút pháp, nghệ thuật miêu tả không gian - thời gian dự báo (trong đó khi miêu tả thời gian các tác giả sử dụng bút pháp trùng điệp, lặp lại còn sử dụng bút pháp thực hoá và ảo hoá trong miêu tả không gian); vai trò của dự báo trong xây dựng không gian - thời gian nghệ thuật được thể hiện rõ ở sự dịch chuyển không gian và co duỗi thời gian.

4.2.1. Kiểu loại và đặc điểm không gian - thời gian dự báo

4.2.1.1. Không gian - thời gian từ điểm nhìn nền cảnh xuất hiện dự báo

Không gian - thời gian nền cảnh xuất hiện dự báo là những kiểu loại không gian - thời gian đặc trưng, tiêu biểu thường hay xuất hiện dự báo hơn so với các không gian - thời gian bình thường khác (dự báo cũng xuất hiện nhưng rải rác và thưa thớt hơn). Không gian thường xuất hiện dự báo là không gian thiêng (bao gồm: không gian tự nhiên như sông nước; không gian nhân tạo như: đền, chùa, am, quán, lăng tẩm…). Thời gian xuất hiện dự báo thường là về đêm; thời điểm, tình huống cấp bách, khác thường.

Không gian nền cảnh đặc trưng xuất hiện dự báo: Một trong những không gian đặc trưng (nền cảnh) cho sự xuất hiện dự báo là không gian thiêng thiên nhiên mà tiêu biểu là

không gian "linh địa", "hạo khí sơn xuyên", ẩn tàng sức mạnh vũ trụ, được năng lượng thiên thượng chung đúc thành. Ở đây, chúng tôi chỉ làm rõ một không gian tiêu biểu là sông nước. Trong quan niệm của người dân cổ trung đại, không gian sông nước là nơi cư ngụ của thần linh, của thế giới thuỷ phủ, của những sức mạnh ẩn tàng, của những điều bí mật. Vì thế, sông nước cũng trở thành không gian dự báo. Trong VXTSTĐVN, *motif con người mà đặc biệt là các đấng quân vương nhận được dự báo từ không gian sông nước và sự giúp đỡ từ thế giới nước* xuất hiện trong nhiều tác phẩm như *Việt Lam xuân thu, NTCNDC, Triệu Việt Vương và Lí Nam Đế, Truyện Lí Phục Man, Truyện Trương Hống, Trương Hát - VĐULT.* Chúa Tiên đang gặp khó khăn trong việc nghĩ kế diệt giặc thì nhận được sự giúp đỡ từ thế giới nước: "Bên bờ sông có tiếng dòng nước kêu vang "trảo trảo" và sáng ra thấy vùng nước xô sóng cuộn âm thanh vang động âm thanh khác thường bèn khấn xin được phù hộ và mơ được thần hứa giúp sức. Sau khi thắng giặc, Chúa Tiên phong hiệu cho nữ thần là "Linh thu phổ trạch tướng hựu phu nhân" (có nghĩa là vị nữ thần ở dòng nước thiêng có công phù hộ) (*NTCNDC*). *Những điềm báo cũng thường xuất hiện trên không gian sông nước*. Khi vua Lý Thái Tông qua vũng Hà Não, có đám mây che thuyền ngự, theo thuyền mà đi mà dừng, đến cửa biển Tư Dung, có con cá trắng nhảy vào thuyền báo hiệu thắng trận (*ĐVSKTT*). Trận gió lốc cuồn cuộn thổi vào thuyền vua, lá cờ bị ngọn gió cuốn sang phía Nam là điềm dữ báo hiệu việc xuất quân gặp khó khăn (*Truyện ngôi đền thiêng ở cửa bể - TKTP*). Năm Giáp Thìn, ông Hoàng Đình Chính qua lại núi Biển Sơn, thì thấy nước lớn gió dữ... chợt lại nảy cơn dông gẫy cả cột buồm, thuyền bị mắc nạn suýt nguy là điềm báo sắp chết (*Thần hồ Động Đình - Vũ trung tuỳ bút*). Những món quà nhận được từ không gian nước có thể đem lại những điều kì diệu cho cuộc sống con người như thanh gươm Lê Lợi nhận được là từ nước giúp bình định giặc dữ, đem lại cuộc sống hoà bình cho muôn dân (*Việt Lam xuân thu*); sản vật từ nước mà vị phu nhân trong giấc mộng ông Hoàng Đình Chính biếu cho ông là vịt le, cá chép giúp ông trừ bệnh, cũng là điềm báo khỏi bệnh (*Thần hồ Động Đình - VTTB*). Những ghi ghép lại trong sử sách nước ta, những trận thuỷ chiến lớn giành chiến thắng của quân dân ta trên không gian sông nước, ngoài yếu tố, "nhân kiệt", sứ mạnh đoàn kết thì một trong những yếu tố quan trọng để giành chiến thắng là nhờ "đất hiểm", và được thần linh phò trợ. Núi đẹp nhờ mây, đại ngàn huyền bí nhờ cao nhân dị sĩ, sông nước thiêng là vì có hà bá, thần nhân ngự trị. Không gian sông nước linh thiêng, linh ứng với sự hiện diện của thần linh trong vai trò "hộ quốc tí dân", đã trở thành không gian nền cảnh cho dự báo.

Không gian thiêng nhân tạo*: Chùa, đền, miếu, am, quán - không gian thiêng nhân tạo cầu nhận thần ý.* Xuất phát từ nỗi sợ hãi những sức mạnh bí ẩn và bất khả chế ngự của thiên nhiên; niềm kính ngưỡng, biết ơn những anh hùng có công lao với cộng đồng, niềm tin về sự tồn tại của linh hồn, sự phù trợ sau khi chết của các bậc anh linh; nỗi ao ước được

tiếp xúc với thế giới siêu nhiên ngay chính nơi cõi trần mà con người đã tạo nên rất nhiều không gian thiêng như đền, miếu, am, quán. Đền miếu trong ý nghĩa biểu tượng của văn hoá thế giới là hình ảnh phản chiếu của thế giới thánh thần, nó như thể là những phiên bản thế gian của các mẫu gốc trên trời, đồng thời chúng cũng là hình ảnh của vũ trụ. Đền miếu là những công trình con người xây đựng để cung hiến, thờ phụng thánh thần. Vì thế, có thể xem không gian này là nơi kết nối, hoà trộn giữa cõi thiêng và cõi tục. *Đền* (Templum) nguyên thuỷ có nghĩa là khu vực trên trời mà vị thầy bói chuyên giải các thiên triệu, trong đó phần nhiều là giấc mơ[46]. Vậy nên đây là không gian được lựa chọn để cầu mộng[47,48]. Là không gian thiêng trên mặt đất, nơi cư ngụ của các vị thần, *đền chùa là địa điểm mà con người có thể tình cờ được tiết lộ hoặc được báo trước những thông tin từ trời cao, thiên đình.* Những thông tin này thường liên quan đến các sự kiện lịch sử, sự thay đổi triều đại, việc lên ngôi của các vị vua (*Ông Lê Trãi - TTNL, Người nghĩa phụ ở Khoái Châu - TKML, Việt Lam xuân thu*). *Những thông tin này còn liên quan đến chuyện thi cử, đỗ đạt.* Đa số các nhân vật là Nho sinh sắp vào các kỳ thi, muốn biết tiền đồ của mình nên vào đền, chùa cầu mộng. Có những không gian thiêng có mục đích chuyên biệt cho học trò cầu mộng như đền Trấn Võ, đền Đế Quân để "biết những sự nghiệp về sau" (*Truyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào - TKML*). Đền - Chùa trong quan niệm người Việt, *chẳng phải chỉ hướng về cõi hư vô xa xôi, liên quan đến những sự kiện cộng đồng mà còn hướng về nhân sinh, cá nhân, dự báo về tình yêu, nhân duyên và sự sinh sôi phát triển*. Đền chùa vì thế là nơi cầu duyên, Tú Uyên nghe đồn đền Bạch Mã rất thiêng, bèn đến mật đảo (*Cuộc gặp gỡ kỳ lạ ở Bích Câu - TKTP*); cũng là nơi cầu tự: Mẹ Hoa Viên cầu tự ở đền Thiên Vương Hồ Tây là Đổng Thiên Vương, ban đêm mơ thấy vượn trắng cầm tay (*Việt Nam kì phùng sự lục*). Địa điểm, không gian thiêng cầu tự gắn với motif giấc mộng nhằm mục đích cho thấy nguồn gốc xuất thân của nhân vật. Phần lớn, những nhân vật là con cầu tự, được thánh nhân xuất hiện trong mộng ban cho, đều có những điểm dị thường, khác người.

Đàn - không gian cầu đảo, cầu cúng: Nếu đền, chùa là không gian mang tính chất cố định, có sẵn được xây dựng trong một không gian dân cư, địa lí nhất định phụng thờ Phật

---

[46] Trong *Thần thoại Hy Lạp*, thần Apollo có quyền năng chi phối bệnh tật, vẻ đẹp, ánh sáng, việc chữa bệnh, những người khai hoang, y học, thuật bắn cung, thơ ca, ***tiên tri***, nhảy múa, lý trí, sức mạnh lý trí, các pháp sư và là thần hộ mệnh cho các bầy hay đàn thú nuôi. Ở Hy Lạp, đền thờ thần Apollo là nơi các vua chúa đã đến để nghe lời tiên tri của Pythia.

[47]Cầu mộng là việc cầu mong các thế lực siêu nhiên hiển linh trong giấc ngủ để phán bảo những điều quan tâm, hoặc quyết định những việc lớn. Người ta cầu mộng bằng cách đến không gian thiêng như đền, chùa, làm lễ bái trước khi đi ngủ và suy nghĩ, liên tưởng, chú tâm cầu khẩn thần thánh báo cho mình gặp mộng lành, tránh mộng dữ.

[48] Hiện tượng này không chỉ xảy ra ở phương Đông mà còn xuất hiện ở phương Tây. Thời cổ đại ở Châu Âu, mọi người tin rằng mặc dù các vị thánh ở trên thiên đàng, họ vẫn có hiện diện ở trên trái đất, và nhất là họ rất thường hay ở các nơi mà đã chọn họ hay là những nơi mà họ được thờ cúng. Một trong những cách mà những vị thánh này thường tiếp xúc với tín đồ Cơ Đốc giáo và đối thoại với Thượng đế là họ xuất hiện trong các giấc mơ để gửi thông điệp cũng như những lời căn dặn. Những sự xuất hiện này thường xảy ra chung quanh các đền thờ hay nơi thờ cúng, hoặc là các vị thánh hiện ra để bảo người nằm mộng đi đến một chỗ nào khác. Những giấc mộng hay dự báo này là nguyên nhân chính mà các tín đồ Cơ Đốc giáo và Hồi giáo, đi đến một đến thờ đặc biệt nào đó, và làm cho đền thờ đó nổi tiếng như là một nơi hành hương.

hoặc các vị thần có tên tuổi, các thành hoàng bảo trợ gắn với các nghi lễ cầu cúng định kỳ, thường xuyên, thì đàn cầu đảo là *không gian được thiết lập* khi xảy ra, nảy sinh tình huống cấp bách có tính chất bất thường cần đến cần sự phù trợ của thánh thần. Lập đàn, đa phần thường liên quan đến những sự kiện lớn của cộng đồng như triều chính, dẹp giặc, mở rộng bờ cõi, cầu mưa gió thuận hoà, cầu siêu giải oan hoặc có thể liên quan đến cá nhân như chữa bệnh, trừ tà. Không phải ai cũng có thể đứng ra lập đàn, phải là người có đức cao vọng trọng, đứng đầu quốc gia hoặc những bậc có sự tu tập, giác ngộ mới có thể đăng đàn. Hình thức chính của các lễ này là lập đàn, người cầu phải ăn chay, trai giới thành tâm trút xả hết mọi dục vọng. Nếu lòng thành cảm động đến đất trời thì sẽ có sự hiển linh, báo mộng. Khi Hậu Cảnh làm loạn, vua Lương Triệu Bá Tiên về Bắc, ủy quyền cho tướng Dương Sàn thống lĩnh quân ngũ thì Quang Phục trai giới, lập đàn giữa chằm, đốt hương hết lòng cầu khẩn (*Triệu Việt vương và Lý Nam Đế - VĐULT*); để chống giặc, theo ý kiến của các quân sư là chẳng gì bằng xin đem Long quân đem âm binh đến giúp. Vua nghe theo bèn cho dựng đàn tế, thắp hương kính cẩn cầu xin suốt ba ngày (*Đổng thiên vương - Lĩnh Nam chích quái liệt truyện*).

Thời gian nền cảnh đặc trưng xuất hiện dự báo: Xét theo dòng chảy thời gian thì thời điểm ban đêm là khoảng thời gian thường xuất hiện dự báo. Thời gian đêm ẩn giấu một sức mạnh bí ẩn và kì diệu. Một mặt, nó trả về cho con người sự nghỉ ngơi của thể xác nhưng mặt khác, lại kéo hồn người vào thế giới những ảo diệu của những giấc mơ; đêm còn tượng trưng cho thời gian của sự thai nghén, nảy mầm, chứa đựng tất cả các khả năng tiềm tàng của cuộc đời. Đêm là thời gian thường xuất hiện mộng, nhưng trong đêm có những khoảng thời gian thiêng mà vào lúc đó thường hay xuất hiện mộng hơn cả đó là *canh ba, nửa đêm*: vua Lý Nam Đế nằm mộng thấy Bà Triệu vào: "canh ba nằm mộng thấy nàng Âu" (*Lệ Hải Bà vương kí - VĐULT*); Trọng Quỳ chờ Nhị Khanh đến "khoảng cuối canh ba bỗng nghe tiếng khóc nức nở xa gần" (*Truyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu - TKML*; con trai Lí tướng quân nửa đêm, thấy người lính đầu ngựa đến đón để cho xem cảnh cha bị xử tội dưới âm phủ (*Truyện Lý tướng quân - TKML*). *Trong quan niệm thời cổ trung đại thì thời gian đêm là khoảng thời gian mà các nhân vật thuộc các thế giới khác có thể xâm nhập cõi trần, tiếp xúc gián tiếp và trực tiếp với con người*. Trong đêm, quỷ sứ mượn đêm đi câu hồn người; tinh động vật, thực vật, hồn ma trinh nữ, hồ li, yêu quái biến thành những thiếu nữ xinh đẹp lang thang tìm bạn tình, hút nguyên khí dương, để được tái sinh; tinh các con vật, đồ vật, hồn hoa cỏ biến thành hình người đến trong mộng người cầu xin, kêu cứu, báo tương lai. Ban ngày, với ánh sáng dương, chúng không thể biến hình được nhưng đêm xuống được hấp thụ nguồn năng lượng âm, được đêm "đồng lõa" giúp sức chúng tha hồ biến hóa muôn hình vạn trạng. Trong giấc mơ đêm, Phan Lang mộng thấy người con gái áo xanh xin cứu mạng, về sau mới biết là con rùa xanh (*Truyện người con gái Nam Xương -*

TKML); Nguyễn Trãi mơ có thần nữ đến trong mộng xin hoãn chặt cây, về sau mới biết đó là con rắn mẹ (*Ông Lê Trãi - TTNL*); Nguyễn Khản mộng người đàn bà xin cứu mạng, đó là biến hình của con cá chép mẹ (*Truyện nhà họ Nguyễn ở Tiên Điền - Vũ trung tuỳ bút*)… Đêm, cũng là không gian lí tưởng cho yêu ma tác oai tác quái đến những nhiễu, đòi người (*Truyện ngôi đền thiêng ở cửa bể - TKTP*). Thần linh với sức mạnh vạn năng xuất hiện cả ngày lẫn đêm để báo hoạ phúc cho con người, nhưng đêm vẫn chiếm ưu thế. Đêm còn là không gian lí tưởng để con người được đưa đến (chủ động và bị động) thế giới khác mà ở đó tương lai của họ hoặc người thân được tiết lộ (*Truyện Lý tướng quân, Vân Cát thần nữ*…). Những băn khoăn, trăn trở chưa giải quyết được của nhân vật vào ban ngày thường nhận được những chỉ dẫn trong đêm (*Truyện bánh chưng - Lĩnh Nam chích quái liệt truyện, NTCNDC, Điểu thám kì án*…). Con người ban ngày làm việc tốt hay xấu thì đêm thường nhận được những dự báo cho phần thưởng họ nhận được hay hậu quả phải gánh chịu (*Mộng báo tội làm bạc giả - Bà tâm huyền kính lục, Truyện mụ ác - Truyện kí trích lục*). Những dự báo vào thời gian đêm thường có chức năng chuẩn bị tâm lí, chỉ dẫn hành động cho nhân vật vào ngày hôm sau như: vua gặp được bề tôi do thần linh dẫn dắt, người thầy nhận được học trò giỏi được thánh thần phù trợ, quý nhân đến nhà, kết quả thi được định sẵn (*NTCNDC, Ông Lê Trãi - TTNL, Thánh Tông Hoàng đế - TTNL*).

Xét theo tính chất thời gian thì *dự báo thường xuất hiện vào thời điểm thời gian có tính chất cấp bách, khác thường*. Con người là một thực thể tồn tại, mưu cầu cát tường, bình an, thuận lợi, thành công, tránh tai hoạ, bệnh tật, thất bại đã trở thành thành bản năng chung, vậy nên, nỗi tò mò, lo sợ, háo hức… khiến con người muốn vén bức màn tương lai để biết trước hoặc tìm phương cách giải quyết tình hình hiện tại. Tại những thời điểm như vậy, dự báo xuất hiện. Nỗi lo về *sinh lão bệnh tử* vẫn là nỗi lo của muôn người không của riêng ai. Khi đối diện với những khoảnh khắc nhạy cảm như vậy trong đời sống, con người thường âu lo, sợ hãi vì cảm thấy dường như mình không thể làm chủ tình thế vận mệnh, có một thế lực nào đó đang chi phối, điều khiển mọi chuyện. Để xua tan nhưng thắc mắc, lo lắng trong lòng, trấn an bản thân, con người thường có xu hướng tìm sự viện trợ, thỉnh ý từ các thế lực siêu nhiên qua các phương thức dự báo. Trong *Cổ quái bốc sư truyện*, Quý Kính bị ốm mấy tháng không khỏi liền vời thầy coi tử vi, tướng số đến hỏi. Cảnh trong *Hoan Châu kí* thấy cha không về, vội vàng ra chợ xem bói. *Nhiều thời điểm bất thường khác của đời sống cũng được các tác giả khai thác xuất hiện tình huống cần dự báo như: mất tích*, có nhà nọ, con trai đi lạc, nghe đồn rằng miếu sơn thần rất linh thiêng bèn thành kính mang đầy đủ lễ vật đến miếu cầu xin thần báo mộng (*Điểu thám kì án*); *mất cắp*, người thôn nọ bị nạn trộm cắp hoành hành, mãi không tìm ra thủ phạm liền tìm đến Vương tiên sinh rất giỏi bói Dịch (*Câu chuyện ngôi chùa hoang ở huyện Đông Triều - TKML*); *tình duyên*: Tú Uyên tình cờ gặp người con gái đẹp, trong lòng si mê không biết cách gì tương kiến, chàng nghe đồn đền

Bạch Mã rất thiêng, bèn đến mật đảo, xin quẻ (*Cuộc gặp gỡ kì lạ ở Bích Câu - TKTP*); hay Ngô Kiều Nương nhờ cha giải quẻ bói "Ngọc lại kinh" để bàn chuyện hôn nhân (*Việt Nam kì phùng sự lục*); *bị đe doạ tính mệnh*, khi cả bầy hổ kéo đến làng khiến người dân ai ai cũng khiếp sợ thì lúc này thầy bói xuất hiện với tư cách là người lý giải hiện tượng lạ thường và bày quy trình cúng bái đúng quy cách để đuổi hổ đi (*Truyện người nuôi hổ ở huyện Tống Sơn - CDTK*); *đánh giặc*: Khi Ngô Tiên chúa lập quốc, quân phương Bắc vào ăn cướp. Tiên Chúa lo lắng nằm mộng được báo có âm trợ (*Bố Cái Đại vương - VĐULTT*); *bị thần linh quở trách*, khi quân lính cậy đá gỡ tháp bị hoa mắt chóng mặt, ngã lăn, Đông Triều khấn xong cầm hai đồng tiền cúi đầu tung lên rồi sụp lạy, dạ ran một tiếng, bảo mọi người là thần linh đã ứng cho một âm một dương (*NTCNDC*). Những dự báo xuất hiện tại những thời điểm cấp bách được xem là lời chỉ dẫn của thánh thần, giúp con người thoát khỏi tai ương phản ánh tâm thức tránh nguy tìm an của con người, nhất là thời cổ trung đại, khi điều kiện cuộc sống còn thấp, trình độ chưa phát triển, sự hiểu biết về thế giới còn ít ỏi. Thực ra, con nhu cầu được bình an thì con người trong xã hội và thời đại nào cũng kiếm tìm vì sống giữa cuộc đời phải đối mặt với bao sóng gió, rủi ro không sao kiểm soát được. Vì thế, dự báo mang màu sắc tâm linh, siêu hình nhưng mong mỏi, khát vọng nhận được sự trợ giúp từ dự báo là một tâm thức mang màu sắc hiện thực.

4.2.1.2. Không gian - thời gian từ điểm nhìn kiểu loại nhân vật

Tuỳ vào mỗi loại hình nhân vật mà có các kiểu loại không gian khác nhau. Không gian vũ trụ, thời gian lịch sử gắn với nhân vật thánh nhân, quân tử; còn không gian sinh hoạt, thời gian tiểu sử, cá nhân thường gắn với nhân vật bình phàm.

Không gian - thời gian dự báo gắn với nhân vật thánh nhân, quân tử: Một trong những yếu tố, phương diện quan trọng của thi pháp tả nhân vật là không gian nghệ thuật. *Không gian nghệ thuật tiêu biểu cho kiểu nhân vật thánh nhân là không gian vũ trụ.* Điều này hoàn toàn dễ lí giải vì theo quan niệm văn hóa truyền thống phương Đông, những con người đặc biệt được vũ trụ, trời đất sinh ra, được trời đất ban cho tài năng, được trời che đất chở; sinh ra là đã có ý[49], là sự chung đúc khí tốt đẹp của núi sông để có công danh sự nghiệp trong chốn đài các. Quan niệm này được các tác giả trung đại nhắc đến như Lý Tế Xuyên viết: "Các thần vốn có phẩm loại không ngang nhau, có vị là tinh túy của núi sông, có vị là nhân vật kiệt linh, khí thế rừng rực lúc đương thời, anh linh tỏa rộng đến đời sau", Ngô Giáp Đậu cũng khẳng định: "Nước Việt ta từ lập quốc, sơn kỳ thủy tú, địa linh nhân kiệt… Chung đúc cái chính khí lại, từ đó xuất hiện nhiều đấng thần kỳ, sống làm bậc danh

[49]Trong truyện *Đỗ Uông* (*Vũ trung tuỳ bút*), Phạm Đình Hổ kể chuyện thành đạt của nhân vật Đỗ Uông là nhờ có mộ phong thuỷ tốt. Tuy vậy, cuối đời, nhân vật không trọn vẹn. Tác giả đặt ra vấn đề để lí giải là: "Trong khoảng năm Diên Thành, Quang Đức, những việc giấy tờ, quan hệ ngoại giao không phải nhỏ, *trời mới sinh ra người ấy để làm cho xong cái việc đối khám bờ cõi ở trên cửa Nam Quan,* vậy thì ông ấy sinh ra là tự bởi đâu lại, mà chết đi là tự bởi đâu đi, chứ không phải cái thuật nhà địa lí có thể xoay chuyển được" [114, tr. 86].

tướng, chết làm bậc danh thần, làm bậc tiết nghĩa, làm bậc trinh liệt". Trong không gian vũ trụ thì *không trung, trên cao cũng được các tác giả chú ý miêu tả để thể hiện sự hiển linh của các nhân vật*. Thần nhân *xuất hiện trên không trung* âm phù cho những trận đánh đã được báo trước kết quả thắng lợi trước đó: "Trận đánh ở sông Bạch Đằng, đúng là trên không trung có tiếng ngựa xe" (*Bố Cái Đại vương - VĐULT*). Nhân vật tài phép có thể *đi lại trên không trung* mà chân không chạm đất[50] như Minh Không "trên không trung mà đi vào cung" (*Sự thần dị của Minh Không - NÔML*). Đạo nhân vốn là kê tửu chốn Tinh tào báo trước cho Thiên Tích (vốn là Trà đồng thượng đế) về nạn Ô Tôn và đến cứu giúp, *xuất hiện trên không trung*: "một cỗ xe mây bay đến đứng dừng lại ở trên không trung" (*Truyện gã Trà đồng giáng sinh - TKML*). *Nhân vật đấng bậc, thánh nhân, quân tử trong các dự báo về họ, bao giờ cũng trong tư thế làm chủ không gian một cách hào sảng, tung hoành vẫy vùng* như câu nói của Lý Ông Trọng: "Người ta ở đời có tráng chí, nên như chim loan chim phượng, cất cánh một cái bay xa vạn dặm, sao lại có thể chịu để người thóa mạ, làm nô lệ cho người sao?" (*Hiệu úy Uy mãnh Anh liệt Phu tín Đại vương - VĐULT*); câu thơ của người thầy dự báo cho người học trò thành sự thực: "Phong dư lạn lí thiên do hiệp/ Khẳng dữ tiêu liêu cạnh nhất chi" (Gió thừa muôn dặm trời còn hẹp/ Sao chịu cùng chim chiền chiện tranh giành một cành (*Thám hoa Vũ Tôn Sư - Công dư tiệp kí tục biên*). Tuy không được xếp vào nhóm thánh nhân, quân tử vì "nếu xét về giới tính, đây là nhóm truyện chủ yếu viết về người đàn ông" [179, tr. 14] nhưng chí khí của Bà Triệu quả thực không thua kém bất cứ đấng nam nhi nào trên đời, khi muốn chinh phục không gian rộng lớn của thiên hạ "muốn cưỡi gió đạp sóng, chém cá kình lớn ở biển Đông, quét sạch bờ cõi, cứu dân ra khỏi cảnh chìm đắm" chứ không chịu bó mình trong không gian nhỏ hẹp của nữ nhi thường tình "há lại bắt chước người đời cúi đầu khom lưng làm tỳ thiếp cho kẻ khác, cam tâm phục dịch ở *trong nhà* ư?" (*Lệ Hải Bà vương kí - VĐULT*) [113, tr. 83]. *Không gian cộng đồng thiên hạ chính là nơi để họ thể hiện tài năng*. Viên ngọc bích vỡ trong giấc mơ mẹ Mai Thúc Loan được giải thích: "Ngọc bích nhận ở tay hốt nhiên rơi xuống đất vỡ tan, bắn tung toé, có tiếng kêu vang vang, đó là cái ý tiếng tăm vang dậy, chấn động người đời" (*Hương Lãm Mai đế kí - VĐULT*). *Không gian vũ trụ thường xuất hiện không chỉ trong khẩu khí mà còn để lại nhiều trong thơ văn của những người đặc biệt mà sau này họ sẽ là rường cột nước nhà hoặc chủ nhân của đất nước* (*Mộng kí phụ tạp kí 48 - Công dư tiệp kí, Truyện Nghệ vương - NÔML*). Nhân việc đánh trung tiện, người học trò bị bà hàng nước bắt làm một bài kinh nghĩa. Hai câu ngắn ngủi làm trong hoàn cảnh oái ăm nhưng cho thấy được

[50] Trong Mahabharata, nhân vật Yuhitira trong trận giao chiến đã nói dối khiến xe chàng: "cho đến giờ phút ấy vẫn bay cách mặt đất bốn insơ và không hề chạm đất, ngay lập tức hạ xuống chạy trên đất" vì từ xưa đến giờ chàng đứng tách riêng ra khỏi cái thế giới đầy những dối trá, nay đột nhiên thuộc về cõi trần.

nội lực thâm sâu, khát vọng muốn chinh phục, nổi danh trong thiên hạ của người học trò: "Đại hiền đối thời nhân ngôn, sở súc giả cự, sở phát tất hoằng dã. Cái sở ký cự, tất sở phát an đắc nhi bất hoằng tai" (Đại hiền nói với thời nhân, súc tích nhiều thì phát ra phải rộng. Vì rằng súc tích đã nhiều thì phát ra không rộng không được). Khoa ấy quả nhiên người học trò nọ đỗ tiến sĩ. Khí tượng ấy đã hiện ra ở văn từ (*Mộng kí phụ tạp kí 42 - CDTK*. Chữ viết ra để xem bói cũng phần nào thể hiện ước muốn được gánh vác giang sơn: "Càn khôn nhất trụ" (*Cổ quái bốc sư truyện). Không gian được miêu tả với những dấu hiệu tốt lành từ trời cao như mưa lành, hương thơm ngọt và đặc biệt là ánh sáng* (*Nguyễn Giám sinh ở La Sơn - CDTK*, *Lam sơn thực lục*). Như vậy, không gian vũ trụ xuất hiện trong dự báo gắn với nhân vật đấng bậc thường mang đặc điểm: cao, rộng, tràn đầy ánh sáng; được miêu tả với những so sánh với các động thực vật tôn quý. Nhân vật ở vị thế làm chủ, bao quát, có sức ảnh hưởng, chi phối đến không gian.

Thời gian dự báo gắn với nhân vật thánh nhân, quân tử: Đây là kiểu nhân vật nổi tiếng, "lí lịch" của nhân vật xác thực, rõ ràng về thời gian sinh - tử, gia đình, quê quán… Thời gian nghệ thuật miêu tả nhân vật này vì thế thường có sở cứ, gắn liền với thời gian lịch sử, triều đại. Thời gian theo kiểu chép sử ghi rõ năm tháng, can chi, niên hiệu, đời vua thứ mấy, triều gì, nhất là trong kiểu truyện kể về sự hưng vong triều đại, chuyện đỗ đạt thăng quan tiến chức: khoa Quý Hợi, 1683 niên hiệu Chính Hòa thứ 4 đời Lê Hy Tông (*Truyện Thám hoa Quách Giai - CDTK*); khoa thi hội năm Canh Tuất, niên hiệu Cảnh Trị thứ 8 đời Lê Huyền Tông (*Thi hội - CDTK*); khoa Ất Mùi niên hiệu Quang Hưng thứ mười tám (1595) (*Ông Thái Tể - TTNL*); một kẻ diện mạo kỳ quái tới cầm tay nói: Năm Long Đức thứ 2, khoa Quý Sửu, trong số đỗ Tiến sĩ, họ nhà bác chiếm tới một phần ba (*Truyện tiến sĩ Trần Danh Tiêu - Nam thiên trân dị tập*)… Để tăng thêm độ chính xác của thông tin, các tác giả còn xây dựng nhân vật dự báo là các danh nhân trong lịch sử gắn với các cuộc chiến tranh, những sự kiện chống giặc ngoại xâm như Trương Hống, Trương Hát là tướng Việt Vương, gắn với sự kiện Lí Nam Đế bị đánh bại; Triệu Đà; nàng Âu trong mộng vua Lý Nam Đế ở vào thời Vĩnh An, nhà Ngô, nhiều lần trải qua chiến trận… Thời gian lịch sử ở đây là sự lựa chọn có dụng ý, nằm trong ý đồ nghệ thuật của tác giả, mà cụ thể là thủ pháp trần thuật gia tăng chất hiện thực, khai thác triệt để yếu tố lịch sử, đặc biệt là ở thể loại truyền kì. Hiệu quả mang lại của nó là tạo nên sự dung hoà giữa cái hư và cái thực, cái huyễn hoặc và cái xác tín, khiến người đọc tin vào câu chuyện được kể là thực. Như vậy, có thể coi, thời gian lịch sử là một cái giá móc cho những sự kiện được tác giả sáng tạo.

Những nhân vật danh nhân chỉ kể về những nhân vật lịch sử có thực, người kể đã biết rõ toàn bộ cuộc đời của nhân vật sau khi nhân vật đã chết. Sự khách quan này đã quy định kết cấu thời gian của các truyện viết về nhân vật danh nhân là thời gian tuyến tính theo diễn biến sinh mệnh đời người: "mô hình *sinh, lão, bệnh, tử* đối với truyện thiền sư, mô

hình hành trạng và *chết* đối với các nhân vật lịch sử theo quan niệm Nho giáo" [179, tr. 167]. Thời gian sinh - tử là mốc quan trọng trong tạo dựng chân dung nhân vật danh nhân. Những thiền sư nổi danh thì sự kiện người mẹ mang thai và lúc họ được sinh ra bao giờ cũng gắn với những điềm báo dị thường. Mẹ Thiền sư Chân Không mang thai, cha mộng thấy tăng sĩ trao cho tích trượng (*Thiền sư Chân Không - NÔML*), mẹ Đại Sĩ mộng thần nhân cho đôi kiếm, từ đấy mang thai (*Trần Nhân Tông - Thánh đăng thực lục*), mẹ Pháp Loa tôn giả mộng thấy được trao cho thần kiếm (*Pháp Loa tôn giả - Tam tổ thực lục*), mẹ Huyền Quang tôn giả mộng thấy con khỉ già mặc áo hoàng bào, cầm mặt trời đỏ ném vào lòng. Lúc bà sinh ra sư, nhà sư Tuệ Nghĩa mộng trong chùa các tòa ánh sáng chói lọi (*Tam tổ thực lục*). *Cao Tăng dị truyện* cũng lấy motif nằm mộng để tô điểm cho nguồn gốc xuất thân các sư: mẹ sư Đạo Lâm mộng nuốt ánh sáng mặt trời, mẹ sư Pháp Khâm mộng nuốt hoa sen, mẹ sư Trí Khải mộng nuốt chuột trắng và mây lành năm màu, mẹ pháp sư Khuy Cơ mộng nuốt mặt trăng, lúc sinh các ngài ánh hào quang chiếu đầy nhà. Ở các truyện trên, trong các giấc mơ có sự xuất hiện lặp lại của biểu tượng *kiếm, tích trượng, mặt trời, ánh sáng*. Trong tôn giáo, hình tượng Bồ Tát mang thanh kiếm sáng ngời biểu tượng của sự đấu tranh chiếm lấy tri thức và giải phóng những dục vọng. Thanh kiếm chém tan bóng tối của sự ngu dốt hoặc cái nút thắt của các mối dây chằng chịt. Kiếm còn tượng trưng cho ánh sáng của chớp, lửa, mặt trời. "Ở Trung Quốc, quẻ Ly tương ứng với mặt trời và cũng tương ứng với ánh chớp và thanh kiếm" [20, tr. 490]. Thanh kiếm và mặt trời cùng giống nhau ở thuộc tính là lòng nhân từ và quyền lực. Biểu tượng ánh sáng theo đạo Phật chỉ sự giác ngộ, trí tuệ, tượng trưng cho sự can thiệp của thần linh trên trời. Ngoài ra, ánh sáng xuất hiện trong mộng gắn với sức sáng tạo, sức sinh sản dồi dào "Ánh sáng được nhắc đến hoặc như một nguồn nhiệt đem lại sự sống hoặc như *nguồn lực nhập vào bụng người đàn bà*" [20, tr. 13]. Trên khắp thế gian, thần khải của thần linh thường xuất hiện cùng ánh sáng. Những kiểu tập trung mộng trên báo hiệu sự ra đời của những người con đem ánh sáng trí tuệ của Phật giáo chiếu khắp mọi nơi, tiêu trừ sự u mê, đau khổ, giải thoát, đưa con người đến một cảnh giới viên mãn giác ngộ. Cái chết của họ cũng rất khác lạ với người bình thường. Các thiền sư có pháp lực thường biết trước cái chết của mình (*Trúc Lâm thị tịch, Ni sư đức hạnh - NÔML*) và trước khi chết họ thường để lại những bài kệ mà nội dung những bài này thường cho thấy sự giác ngộ, chứng ngộ, đạt đạo, giải thoát của thiền sư.

Giống với cách các tác giả viết về các thiền sư, cách viết về những danh nhân theo quan niệm Nho giáo cũng tương tự, thời điểm họ ra đời cũng gắn với những điềm, mộng lạ xuất hiện để báo trước sự vẻ vang, thành đạt và cái chết của họ cũng có những điềm, mộng, dấu hiệu báo trước. Sự khác biệt trong mộng tử của nhân vật danh nhân Nho giáo với thiền sư là điểm đến sau cái chết. Phần lớn, các nhân vật Nho gia nổi danh theo quan niệm dân gian thường là người của thượng giới nên cái chết của họ là sự trở về trời, còn các thiền sư

thuộc thế giới cõi Phật nên cái chết của họ là đến cõi Niết Bàn hoặc là sự thoát khỏi vòng luân hồi tịch diệt.

Không gian - thời gian dự báo gắn với nhân vật bình phàm: Khác với nhân vật thánh nhân gắn với không gian thiên hạ, vũ trụ rộng lớn, nhân vật bình phàm gắn với không gian hẹp, sinh hoạt thường ngày. Trong phạm vi gia đình thì có không gian căn buồng ngủ, gác bếp, chuồng trâu, hiên nhà…; ngoài phạm vi gia đình thì có sân đình, ngoài làng, đầu đường, cây gạo, quán xá, chợ búa, trường thi… Chợ, với mùi thịt chó là không gian, tình huống thử thách nhân vật Đăng Cảo. Sự quyết tâm của Nguyễn Đăng Cảo để đi tu tiên đã sụp đổ khi ông đi qua chợ, "mùi thịt chó ở trong hàng cơm thơm nức đưa vào mũi" khiến ông thèm quá, không nén được (*Ông Nguyễn Đăng Cảo - TTNL*). Không gian - thời gian kiểu sử học vẫn chi phối nhưng mờ nhạt hơn hẳn so với kiểu truyện về thánh nhân. Thời gian dự báo cho nhân vật bình phàm ít nói đến thời điểm trước thời điểm sinh và trong thời điểm sinh, hành trạng của họ như nhân vật thánh nhân mà chủ yếu dự báo cho tương lai.

4.2.2. Bút pháp nghệ thuật miêu tả không gian - thời gian dự báo

4.2.2.1. Lặp lại, kéo dài thời gian

Sự kéo dài của thời gian dự báo: Thời gian trong dự báo có thể chỉ là một khoảnh khắc vụt hiện hoặc kéo dài. Dự báo có thể chỉ xuất hiện trong một thời điểm gắn liền với một thông tin nhưng cũng có thể xuất hiện trong nhiều thời điểm cũng với một thông tin hoặc tình tiết có sự chuyển biến. Các chi tiết miêu tả dự báo thường được các tác giả miêu tả mang đặc điểm là có sự kéo dài về thời gian xảy ra sự kiện, có thể diễn ra hồi lâu, từ đêm đến sáng, vài ngày, vài tuần, cả tháng: khi Thần Long Đỗ hiển linh báo về linh khí nước Nam thì "mùi hương ngào ngạt, tiếng nhạc vang lừng, *hồi lâu* mới tan" (*Đô đốc Khuông tá Thánh vương - VĐULT*); lúc Lê Lợi sinh, nhà có đóa mây hồng che phủ *suốt ba ngày liền* không tan (*Lam Sơn thực lục*); có sao Thái Bạch di chuyển qua bầu trời, sau *hai tháng* mới mờ khuất là điềm báo về chuyện Hiền vương cho mở khoa thi chọn kẻ sĩ (*NTCNDC*). Cũng trong tác phẩm này, năm Bính Thìn (1616), mùa xuân, ngày 16 tháng Giêng, nguyệt thực, mặt trăng bị che khuất khoảng một phần mười, lại có sao khách phạm vào quầng mặt trời, *hơn mười ngày* mới hết là điềm dữ báo Cung phi của Bình An Vương ốm chết (*Nam triều công nghiệp diễn chí*). Không chỉ dừng lại ở việc miêu tả dự báo kéo dài mà nhằm nhấn mạnh, các tác giả còn sử dụng thủ pháp *lặp đi lặp lại một sự kiện dự báo:* lúc hỏa táng, bọc cốt, các cháu đứng quanh vái hầu, xá lị của người ông cứ bay vào ống tay người cháu thứ, phát ra ánh sáng, *hễ lấy ra lại cứ bay vào*... Rút cuộc người ấy nối ngôi vua, ấy là Minh Vương (*Linh hồn ông định nhường ngôi cho cháu - NÔML*); thần nhân xuất hiện *hai lần* báo, nhắc nhở, doạ, khuyên răn để giữ đất cho nhà họ Vũ (*Truyện họ Vũ ở xã Trung Hành - CDTK*); con chuột đắp lá lên mặt người gia nhân *ba lần* cho thấy số trời đã điểm (*Truyện ông lão mang lốt hổ - CDTK*). *Nhiều trường hợp dự báo được lặp đi lặp lại có tính chu kỳ* như Trần Bá Kính mộng lên trời *hàng tháng vào ngày rằm vào mồng một* để họp cộng đồng

Thiên tào (*Truyện Trần Bá Kính - Thính văn dị lục*); Chu sinh *ba ngày nằm mộng một ngày* đến Hoa quốc (*Duyên lạ hoa quốc - Thánh Tông di thảo*)… Khi nhà văn sử dụng các phương thức dự báo trong tác phẩm thường tạo nên sự mơ hồ, hoài nghi, vì thế, thủ thuật miêu tả kéo dài, lặp đi lặp lại dự báo mang đến cảm giác đáng tin cậy vào câu chuyện.

4.2.2.2. Ảo hoá và thực hoá không gian

Nhằm ảo hoá không gian thực, các tác giả đã xây dựng những chi tiết nghệ thuật dự báo có sự xuất hiện của phép thuật, ma thuật, bùa chú tương tác, ảnh hưởng tới con người trong không gian hiện thực. Ngược lại, *để thực hoá không gian ảo*, các tác giả thường để không gian dự báo trong thế giới kì ảo được tái kiến ở thế giới hiện thực, có sự đối ứng giữa hai không gian mộng - thực; cho các hình ảnh của thế giới ảo xuất hiện ở thế giới thực như những bằng cớ, chứng tích xác thực sự tồn tại của thế giới ảo*;* một số nhân vật trong hệ thống nhân vật trong thế giới kỳ ảo có gốc gác là người trần gian, phần nhiều trong số họ là các nhân vật lịch sử, danh nhân nổi tiếng; nhân vật trong không gian kỳ ảo tuy là thần tiên nhưng vẫn mang những đặc điểm của người trần; không gian kỳ ảo được miêu tả như là hình ảnh phóng chiếu của không gian thực, lấy không gian thực làm mẫu gốc…

Nhằm ảo hoá không gian thực, các tác giả đã sử dụng những chi tiết nghệ thuật dự báo có sự xuất hiện của phép thuật, ma thuật, bùa chú tương tác, ảnh hưởng, tác động tới con người và thế giới trong không gian thực giúp nhân vật giải quyết những trạng huống gay cấn, khó khăn. Thủ pháp nghệ thuật ảo hoá trong trường hợp này, về nội dung, mang ý nghĩa thể hiện niềm tin của con người thời trung đại vào những phép thuật diệu kì giúp cho họ thoát khỏi tai ương của số phận; đồng thời, về nghệ thuật, nó tham gia vào xây dựng bối cảnh cho những tình huống truyện độc đáo, thể hiện tài năng siêu phàm của nhân vật. Chúng tôi chỉ đi vào một vài trường hợp tiêu biểu như sau: Thứ nhất: gậy: Trong ý nghĩa biểu tượng văn hoá thế giới thì gậy xuất hiện trong hệ biểu tượng dưới nhiều dáng vẻ, nhưng chủ yếu như một vũ khí, và trước hết như là một vũ khí ma thuật… Gậy với các nhà sư là *biểu tượng của trạng thái tu hành và vũ khí trừ tà*. Ở người Trung Hoa cổ đại, cái gậy và nhất là gậy làm bằng gỗ cây đào có vai trò quan trọng, vào dịp Tết Nguyên Đán người ta dùng gậy để xua đuổi những ảnh hưởng xấu. Ý nghĩa này ta có thể thấy trong *TUTA* kể về Thiền sư Tịnh Giới, trong lúc đi các nơi quyên mộ để đúc chuông làm trống, có khi trời kéo mây đen sắp mưa, sư đứng giữa sân giơ gậy trừng mắt nhìn lên (*Thiền sư Tịnh Giới*). Pháp lực của Thiền sư qua gậy, có sức ảnh hưởng, tác động đến không gian khiến cho "chỉ trong chốc lát mây tan, mặt trời lại xuất hiện". *Gậy cũng có ý nghĩa xua đuổi những ảnh hưởng độc hại, giải thoát những âm hồn khỏi địa ngục, thuần hoá những con rồng và làm khơi chảy những nguồn nước. Truyện Man Nương*, sư Đồ-Lê khi đưa cho Man Nương một chiếc gậy đã báo trước nạn hạn hán, đồng thời chỉ cách giải cứu: "Hễ năm nào gặp đại hạn thì lấy

gậy vẩy dưới đất, tự nhiên có nước chảy ra để cứu người ta". Gặp năm trời hạn, Man Nương đem gậy vẩy trên đất, tự nhiên có nước suối chảy ra ào ào, dân chúng được nhờ vả rất nhiều[51]. Ý nghĩa của gậy còn liên quan đến ý nghĩa biểu trưng của lửa và nước là làm mưa, làm cho mạch nước ngầm tuôn chảy, cái gậy tượng trưng cho sức sống con người, sự tái sinh và sự phục sinh[52]. Trong *Truyện đầm Nhất Dạ Trạch*, nhà sư tặng cho Đồng Tử một cái gậy và một cái nón. Khi Đồng Tử cắm gậy và để nón lên thì hiện ra nhà cửa lâu đài, thành quách. Gậy và nón ở đây với phép màu kì diệu đã biến một nơi hoang vu thành nơi đô hội, hiện ra nhà cửa, phố phường sầm uất. Không gian ở đây không còn mang màu sắc hiện thực mà đậm chất huyền hoặc, kì ảo. Gậy, tích trượng còn thể hiện sự đắc đạo của quá trình tu luyện của nhân vật. Từ Đạo Hạnh thường ngày đọc kinh *Đại bi đà la*, đọc trọn mười vạn tám nghìn lần. Một hôm thấy thần nhân đến trước mặt nói rằng: "Đệ tử tức là Trấn Thiên Vương cảm phục thầy có công đức to lớn kiên trì tụng kinh nên đến đây để thầy sai khiến". Lộ biết đạo thánh đã thành, thù cha có thể rửa, bèn thân đến cầu An Quyết, cầm cây gậy ở tay thử ném xuống dòng nước chảy xiết, gậy đi ngược dòng đến cầu Tây Dương thì dừng lại. Lộ mừng vì biết phép của mình sẽ thắng được Đại Điên (*Truyện Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không*). Trong trường hợp này, chiếc gậy đi *ngược dòng* là hình ảnh biểu hiện sự tu luyện đã viên thành, có thể làm được những điều kì diệu. *Truyện tiên Phạm Viên*, Phạm Viên cho người ăn mày một cái gậy, chi tiết này cũng dự báo cho việc người ăn mày sẽ nhận được nhiều tiền xin được: "Khi đến nơi hoặc đến chợ nào, cụ cứ cắm cây gậy này cạnh lối đi, người ta nom thấy ắt sẽ treo tiền trên đầu gậy, đủ 100 đồng thì thôi, cụ hãy đi nơi khác". Quả nhiên, nhờ pháp lực của gậy, cũng xuất hiện trong không gian chợ như trước kia nhưng người ăn mày đã xin được nhiều tiền so với trước kia. Gậy bằng một cách nào đó đã tác động đến nhân tâm. Theo chúng tôi, quyền năng, sức mạnh của gậy và sức ảnh hưởng của nó lên không gian thực trong quan niệm của người cổ trung đại còn phải xét đến ý nghĩa biểu tượng về trục thế giới của nó, gậy cũng là một hình ảnh biến thể của cây vũ trụ, có sức mạnh nối kết ba cõi vũ trụ. Mang ý nghĩa kết nối sức mạnh của thế giới siêu nhiên và con người đạt đạo nên quyền năng của gậy có thể ảnh hưởng đến một vùng không gian và con người đặt dưới sự tác động của nó. Như vậy, sự xuất hiện của những chi tiết dự báo có sự xuất hiện của những yếu tố siêu nhiên như vậy cũng là một cách các nhà văn trung đại ảo hoá không gian thực. Đằng sau việc ảo hoá không gian ấy là khát vọng của con

---

[51] Ta có thể bắt gặp chi tiết gậy tạo mưa trong các câu chuyện kể về Moses – nhà lãnh tụ tôn giáo, người công bố luật pháp, nhà tiên tri, nhà chỉ huy quân sự và sử gia, cũng được xem là người chép *Kinh Torah* (năm sách đầu tiên của *Kinh Thánh*, còn gọi là *Ngũ kinh Moses*). Moses cũng là một nhà tiên tri quan trọng trong Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo, Hồi giáo. Khi đến Marah, gặp phải nguồn nước đắng, dân chúng oán trách Moses, ông bèn lấy một cây gậy ném xuống nước, nước bèn hóa ra ngọt. Khi dời trại đi đến Rephidim, ở đó không có nước, và dân chúng lại oán than, Moses lại thể hiện phép mầu của Thiên Chúa bằng cách dùng gậy đập vào một tảng đá, nước bèn tuôn ra.

người được thừa hưởng, có được những quyền năng, phép lực của thánh thần nhằm giải quyết những khó khăn trong cuộc sống.

Thứ hai, bùa và các pháp cụ khác: Bên cạnh gậy phép tác động thay đổi không gian thì việc xây dựng những chi tiết dự báo có sự xuất hiện của bùa chú và những ảnh hưởng ma thuật của nó cũng là một cách nhà văn thực hiện việc ảo hoá không gian thực. Trong ý nghĩa biểu tượng, bùa được xem như vật có hiển hiện hoặc tàng trữ một sức mạnh thần diệu, nó thực hiện cái mà nó biểu trưng, một mối quan hệ đặc biệt giữa người mang nó với những sức mạnh mà nó biểu thị. Trong truyện *Ông Võ Công Trấn* có chi tiết Võ Công Trấn trọ học gần miếu yêu tinh, một hôm yêu tinh hiện thành một cô gái đến trêu đùa ông, ông bèn cầm bút viết đùa ở khoảng không hai chữ "tróc phọc" rồi ôm lấy. Vừa ôm thì bỗng không trông thấy gì cả, nhưng buông tay ra thì thấy vẫn ngồi ở đấy. Bấy giờ mới biết là một yêu nữ. Cô ta ngồi lặng lúc lâu, không thể đi được, kêu van ông tha cho. Ông nhận lời rồi viết vào khoảng không một chữ "giải". Cô ta thoắt biến mất. Hành động viết chữ trên không trung của nhân vật kể trên là một trong những cách thực hành hành động có tính phép thuật, xuất hiện trong Mật tông và các tín ngưỡng đạo giáo phù thuỷ dân gian, đây là hành động vẽ bùa. Ngoài ra, tuỳ vào sự tu luyện của mỗi pháp sư mà mỗi người có một loại pháp cụ làm phép riêng như Đạo sĩ trong *Truyện Lí Tướng quân* dùng chùm hạt châu nhỏ để Lý tướng quân thấy tương lai bị trừng phạt ở âm phủ. Đạo nhân dùng bùa ngọc để đưa Thái ông vào mộng lên thiên đình biết nguồn gốc của Giáng Tiên (*Truyện nữ thần ở Vân Cát*). Những dạng pháp cụ này lại có tác dụng đưa nhân vật tạm thoát khỏi không gian hiện thực để đến một không gian khác mang màu sắc kì ảo, ở đó, số phận của họ, hoặc người thân được tiết lộ.

Việc không gian thực được ảo hoá khi xuất hiện những yếu tố linh, kì xuất hiện và chi phối không gian gợi dẫn ta đến vấn đề yếu tố kỳ khi nghiên cứu dự báo và nghiên cứu truyện truyền kì. Truyện truyền kì đề cập đến những chuyện lạ, kì (khác thường, hi hữu, dị biệt, quái đản, linh dị) và ảo (hư huyễn, mộng ảo, hoang đường, siêu thực, biến huyễn, thần dị); kỳ ảo gắn liền với tư duy, đặc trưng của thể loại, "phi kì bất truyền". Vì thế, trong truyện truyền kì ta thường đễ bắt gặp những chuyện về ma quỷ, bùa phép… với những chi tiết huyễn hoặc. Dự báo với sự đa dạng của các phương thức, nhất là những phương thức ít chất duy lí, công thức mà đậm tính chất thần bí (điềm, mộng, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên) thì yếu tố kì ảo rất đậm nét. Như vậy, cái kì trong dự báo và cái kỳ trong truyện truyền kì có sự chia sẻ, giao thoa. Kỳ ảo trong dự báo có thể nằm trong một tập hợp con của kỳ ảo trong truyền kì nhưng về bản chất hai vòng tròn này lại hướng đến hai tâm điểm khác nhau. Kỳ ảo trong truyện truyền kì hướng đến sự khác lạ để truyền, còn kỳ ảo trong dự báo lại hướng tâm đến tuy ảo nhưng thực. Ảo có tác dụng tạo bối cảnh, không gian xuất hiện

thông tin dự báo và cả hiệu ứng tâm lí của con người xuất hiện trong không gian nhuốm màu sắc kỳ ảo đó.

Nhằm thực hoá không gian dự báo có tính chất kì ảo các tác giả thường để không gian dự báo trong thế giới kì ảo được tái kiến ở thế giới hiện thực, có sự đối ứng - giữa hai không gian mộng - thực. Trong *Truyện yêu quái ở Xương Giang*, viên quan họ Hoàng sau mấy năm kể từ khi mộng xuống âm phủ chịu tội, đi qua Tam Giang, vào nghỉ ở đền Phong Châu, thấy không gian đền đài, tường vách, tượng thần và cái hành lang trụt sổ đúng như không gian trong chiêm bao trông thấy (*TKML*). Ông Hoàng Bình Chính và Nguyễn Trọng Thường khi đi sứ Trung Quốc, qua hồ Động Đình thấy miếu thờ và tượng mĩ nhân đúng như trong mộng mĩ nhân nói dạo trước (*Thần hồ Động Đình - Vũ trung tuỳ bút, Ông Nguyễn Trọng Thường - TTNL*). Chu Sinh khi đi đánh giặc đến ngọn núi Hoa Điệp thấy không gian ứng đúng với những tình tiết bài thơ khắc trên ngọc vợ tặng trong mộng (*Duyên lạ hoa quốc - Thánh Tông di thảo*). Sự kéo dài, tái kiến không gian trong mộng và ngoài đời đã đem lại cho nhân vật một cuộc đời và số phận khác. Sự xuất hiện kiểu không gian như vậy là một tình tiết dự báo sự trở về hoặc cái chết của nhân vật ở thế giới thực để bước vào thế giới ảo. *Một xu hướng nữa để nhằm thực hoá không gian dự báo là các tác giả cho các hình ảnh của thế giới ảo xuất hiện ở thế giới thực như những bằng cớ, chứng tích xác thực sự tồn tại của thế giới ảo và những gì được dự báo là đúng sự thực*. Chúng là những hiện vật, cảnh vật còn lại hoặc đã được nói đến, thấy trong mơ xuất hiện trong hiện thực khi nhân vật nằm mộng đã tỉnh giấc. Hiện vật ấy có thể là một lá thư đề thơ (*Truyện một giấc mộng - Thánh Tông di thảo*), lưỡi búa tầm sét để xích con (*Truyện quan Thái thú ở Diễn Châu - Thính văn dị lục*), móng rồng (*Triệu Việt Vương và Lý Nam Đế - VĐULT*), đôi ngựa đá (*Thần cửa Còn - Lan trì kiến văn lục*), ngọc minh châu (*Truyện ngôi đền thiêng ở cửa bể - TKTP*). Những nhân vật xuất hiện trong thế giới kì ảo cũng xuất hiện trong thế giới hiện thực với thân phận khác nhưng vẫn mang những hình dáng, vết dấu của không gian cũ. Điều này gắn với motif trong mộng được cho bề tôi hiền tài. Nguyễn Trãi khi xuất hiện trước Lê Lợi, được Lê Lợi nhận ra vì giống người thần báo mộng cho bề tôi hiền tài (*Tế Văn Hầu - Nam thiên trân dị tập*). Lương Thế Vinh khi vào bái yết được giao chức Hàn lâm thị đọc vì Hoàng thái hậu nhớ lại giấc mộng cũ, thượng đế ban cho người giúp việc hiền tài (*Thánh Tông Hoàng đế - TTNL*). *Chứng tích sau mộng để lại vết dấu khi nhân vật rời cõi mộng.* Vấn đề này gắn với các motif nhân vật được chữa bệnh hoặc (tác động đến thân thể trong mộng), mộng thấy tiên giáng trích đầu thai xuống cõi trần, được ăn uống, giao hoan trong mộng… Trong VXTSTĐVN xuất hiện những motif nhân vật nằm mơ thấy thần nhân mở bụng rửa sạch dơ bẩn, sau đó tỉnh dậy ngày càng thông minh, học hành tấn tới (*Truyện Quế Am Vũ Đoán - CDTK*) hoặc Phật cho thuốc chữa trong mơ, tỉnh dậy lành bệnh (*Thiền Sư Viên Chiếu - TUTA*), hoặc trong mơ có người cho uống nước, lúc tỉnh dậy miệng vẫn

còn thơm (*Truyện Thượng thư Vũ Công Đạo - CDTK*); hoặc được ăn uống, gần gũi người đẹp xong tỉnh dậy vẫn còn vết dấu, mùi hương đọng trên thân thể, trang phục (*Tiên quận chúa - TTNL*)… Chứng tích sau mộng nói riêng trong dự báo nói chung như là một sự xác thực hóa, gây sự tin tưởng những điều đã thấy. Thánh Tông (*Thánh Tông Hoàng đế*) là tiên đồng của thượng đế được sai giáng thế làm vua nước Nam. Tiên đồng không vâng chỉ ngay. Thượng đế giận ném hòn ngọc khuê, xây xát ở trán. Khi Hoàng thái hậu tỉnh giấc thì sinh vua, vết ngọc khuê ở trán vẫn còn rõ (*TTNL*).

Ở một cấp độ cao hơn, việc thực hoá không gian ảo không chỉ xuất hiện trên những kĩ thuật, hình thức bề mặt mà ở chiều sâu hơn là nội dung phản ánh. *Biểu hiện của việc thực hoá không gian ảo thể hiện rõ qua: một số nhân vật trong hệ thống nhân vật trong thế giới kỳ ảo có nguồn gốc, gốc gác là người trần gian, phần nhiều trong số họ là các nhân vật lịch sử, danh nhân nổi tiếng ; nhân vật trong không gian kỳ ảo tuy là thần tiên nhưng vẫn mang những đặc điểm của con người trần gian; không gian kỳ ảo được miêu tả như là hình ảnh phóng chiếu của không gian thực, nó lấy không gian thực làm mẫu gốc…* Nhân vật trong không gian kỳ ảo là thần tiên nhưng họ vẫn mang những đặc điểm tâm lí của con người trần gian bình thường, cũng bị những danh lợi, tình cảm chi phối*:* bà chúa Tiên Dung nhận mâm vàng lễ nên tiết lộ thiên cơ (*Ông Lê Trãi - TTNL*), Ngọc Hoàng tức giận ném vỡ hòn ngọc khuê khi tiên đồng dùng dằng chưa vâng chỉ (*Thánh Tông Hoàng đế - TTNL*), Táo quân đổi thái độ quý mến sang thù ghét khi Cường Bạo ăn uống quên mời (*Truyện Cường Bạo đại vương - CDTK*), hội đồng thiên quan đổi ngôi vị Trạng nguyên từ họ Đặng sang cho họ Lưu vì nể Lưu công (*Mộng kí, phụ tạp kí 34 - Công dư tiệp kí tục biên*)… Không gian kỳ ảo được miêu tả như là hình ảnh khác của không gian thực, chịu ảnh hưởng của tư duy các dòng tín ngưỡng, tôn giáo, triết học mà trong đó nổi bật là Nho giáo. Không gian kỳ ảo sử dụng mô hình được dựa trên trật tự và thứ bậc, lấy đạo đức để phân chia thứ hạng, vị thế của con người trong xã hội của Nho giáo. Thiết chế Nho giáo ảnh hưởng vào trong không gian nghệ thuật trung đại thể hiện ở chỗ mọi không gian đều được sắp đặt theo trật tự tôn ti. *Theo trục dọc* không gian được phân chia sắp xếp dựa trên tiêu chuẩn hành xử Nho giáo. Những nhân vật có phẩm chất đạo đức như tiêu chuẩn của bậc quân tử thì lúc chết đi được lên trời còn những kẻ hành xử trái luân thường thì sẽ xuống địa ngục chịu đày đoạ: "Trời đối lập với đất, thần đối lập với quỷ là chủ nhân của cõi địa ngục, khái niệm thượng được kết hợp với những quan niệm cao thượng, trong sạch, thiện, còn khái niệm hạ thì mang sắc thái không cao thượng, thô lỗ, dơ dáy, ác. Tương phản giữa vật chất và tinh thần, giữa thể xác và linh hồn cũng chứa đựng nguyên tắc giữa thượng và hạ. Những khái niệm không gian gắn liền với khái niệm luân lí và tôn giáo" [54, tr. 76]. Các vị thần trên trời tuỳ vào vị thế, cấp bậc, đạo đức, phẩm tính mà có những không gian riêng: tòa Tích Đức là nơi ở các vị tiên thủa sống có lòng yêu thương mọi người, không keo bẩn, hợm hĩnh; tòa Thuận Hạnh là nơi ở các tiên lúc

sống hiếu thuận, biết bao bọc, san sẻ nhau trong khó khăn; tòa Nho thần cho những danh thần ở, khoảng năm trăm năm lại cho giáng sinh (*Truyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên tào - TKML*). *Theo trục ngang*, không gian được phân chia thành các không gian thiêng và không gian thế tục không chia rẽ mà có sự dính liền, kết nối: "Việc xây dựng không gian thần thiêng trong sự kết nối với ngoại vi thế tục có ảnh hưởng đến cấu trúc tường thuật. Các nhà văn truyền kì luôn làm cho độc giả của họ thoáng nhận ra một mô hình tồn tại bí ấn hay siêu hình đằng sau các sự kiện mang đậm màu sắc thực tế, và mô hình này có xu hướng chống lại tính hợp lý và chủ nghĩa hiện thực rõ ràng thông qua các sự kiện lịch sử có thật" [113, tr. 55].

4.2.3. Vai trò của dự báo trong xây dựng không gian – thời gian nghệ thuật

Dự báo tham gia vào tư duy và kĩ thuật về kết cấu không gian, thời gian trong tác phẩm VXTSTĐVN. Nhờ nó mà không gian hiện thực phản ánh được nới rộng so với không gian thực và góp phần vào kĩ thuật tạo mảng, dịch chuyển, chuyển cảnh không gian. Bên cạnh đó, vai trò vô cùng quan trọng và đắc lực của dự báo là miêu tả thời gian, bản thân từ "dự báo" đã hàm chứa ý thời gian tương lai trong đó. Dự báo hướng đến báo trước về thời gian chưa xảy ra ở thời điểm dự báo phát ra, là sự phóng chiếu đến tương lai so với thời gian hiện tại được gắn với kĩ thuật *phục bút, dự thuật*; mặt khác, dự báo còn có một trạng thái ngược lại là *hồi báo*, là đứng ở thời điểm đã xảy ra sự kiện và quay trở lại quá khứ tìm những dấu hiệu đã xảy ra, báo trước về sự xảy ra của việc hiện tại. Hồi báo gắn với kĩ thuật, lối trần thuật *hồi thuật*.

4.2.3.1. Nới rộng, dịch chuyển không gian

Sự tham dự của dự báo vào thi pháp xây dựng không gian phần nào tạo nên sự nới rộng, xê dịch, chuyển dịch không gian. Trong dự báo, không chỉ có không gian hiện thực mà còn xuất hiện những không gian kì ảo. Không gian kì ảo ra đời từ tư duy và logic nhị phân, từ quan niệm triết học của người xưa cho rằng thế giới phân theo mô hình phân đôi và quan hệ đối lập, tầng bậc. Trong tư duy của người nguyên thuỷ và cổ trung đại, vũ trụ được chia thành các thế giới theo chiều dọc bao gồm thế giới trên cao là thiên đình, thế giới trên mặt đất, thế giới dưới thấp (bao gồm địa ngục và thuỷ phủ). Phần lớn sự mở rộng và dịch chuyển không gian gắn với phương thức dự báo qua giấc mộng và tiếp xúc với thế giới siêu nhiên. Bằng CPTDB này, các tác giả đã mở rộng các chiều kích không gian mới so với hiện thực, đồng thời các nhân vật có thể chuyển dịch từ không gian này đến không gian khác như thiên đình, âm phủ, thuỷ phủ,... Trong ý nghĩa biểu tượng văn hoá thế giới, mỗi loại hình không gian kể trên đều có những ý nghĩa biểu trưng riêng biệt. Vì thế, riêng việc nhân vật được dịch chuyển đến không gian nào cũng đã ngầm dự báo cho người đọc về những tương lai sẽ được biết trước.

Cõi trời, thiên đình, thế giới trên cao, được xem là không gian cư ngụ, nơi ở của thánh thần. Tư duy, quan niệm về cõi trời của người dân nhiều dân tộc trên thế giới có điểm

chung là xem đó là một thế giới của sự trường cửu, bất tử, cõi cực lạc, thế giới của ánh sáng, hương thơm, không có tuổi già, bệnh tật… Không gian thiên đình trong VXTSTĐVN được các tác giả miêu tả là một thế giới lộng lẫy được xây dựng bằng những vàng bạc, ngọc ngà, châu báu, báu vật trân quý không sao kể xiết: "xây bằng vàng", "cửa ngọc", "mâm ngọc lưu ly dựng đầy", "be mã não đựng đầy đan" (*Truyện nữ thần ở Vân Cát - TKTP*) [113, tr. 465], "tường bạc bao quanh, cửa lớn khảm trai lộng lẫy, hai bên có những toà lầu châu điện ngọc, vằng vặc sáng như ban ngày, sông Ngân bến Sao, ôm ấp lấy đằng trước, gió thơm phưng phức, đượm ngát hương, hơi lạnh thấu da, ánh sáng chói mắt" [113, tr. 254] (*Truyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào*); có người tú tài đến cầu mộng ở đền mộng thấy có một người dẫn đến một nơi là Cung Tử Thanh, ở trên tầng trời, cách trần gian 80 vạn dặm: "cửa vân gác lộ rất là lộng lẫy, bốn mặt toàn là thuỷ tinh… có màn vóc thêu, hương thơm sực nức choáng váng cả mắt" [113, tr. 445 - 446] (*Cuộc gặp gỡ kì lạ ở Bích Câu - TKTP*). Những hình tượng thường xuất hiện trong không gian này là ánh sáng, vàng bạc, châu báu, ngọc ngà, hương thơm đều hướng đến ý nghĩa biểu tượng về sự giàu có, trường cửu và thánh thần. Ý nghĩa tượng trưng của ánh sáng được phát sinh từ việc con người quan sát thiên nhiên vì thế ý nghĩa của nó không giới hạn trong phạm vi vùng miền. Các nhà tâm lý học đã phân tích những hình ảnh sáng láng gắn với những vận động đi lên kèm theo là cảm giác sảng khoái, còn những vận động đi xuống, thì có những hình ảnh đen tối gắn với chúng, kèm theo là một cảm giác sợ hãi. Các nhận xét này khẳng định rằng ánh sáng tượng trưng cho sự phát triển của con người bằng việc nâng mình lên - con người tìm thấy sự hài hoà ở các điểm cao - còn bóng tối, cái đen thì tượng trưng cho một trạng thái trầm uất và lo sợ [20, tr. 16]. Bạc và vàng là chất liệu của những ngôi nhà thế giới thánh thần, trong đó bạc là biểu tượng của sự trong sạch vì trắng và lấp lánh: "Nó là ánh sáng trong sạch, như thể là được thu nhận và phản hồi bởi một tinh thể trong suốt, như là sự trong vắt của nước, như ánh sáng phản chiếu từ gương, như sự óng ả của kim cương; nó giống như sự trong sạch của lương tâm, sự trong sáng của ý định, sự chân thật, ngay thẳng của hành động" [20, tr. 44]. Còn vàng và ánh sáng là biểu tượng của tri thức, là bản chất dương, sự bất tử, cũng là biểu tượng của sự tẩy uế và thiên khải. Trong truyền thuyết Hy Lạp, vàng thể hiện mặt trời và toàn bộ biểu tượng của mặt trời: phì nhiêu, giàu có, thống trị; trung tâm của nhiệt năng - tình yêu - biếu tặng; cội nguồn ánh sáng - tri thức - toả rạng [20, tr. 978]. Ngọc ngà châu báu mang đầy năng lượng vũ trụ, biểu tượng cho mặt trời, mặt trăng, cho sự vương giả, sự vĩnh cửu, cho sự hoàn hảo với năm đức tính siêu việt*: từ tâm, trong sáng, vang âm, bất biến, thanh khiết*. Những biểu tượng trên xuất hiện trong không gian thiên đình đều hướng đến ý nghĩa miêu tả cái tuyệt mĩ, tuyệt đức và sự trường hằng vĩnh cửu. Những chuyến viễn du trong mộng lên trời, được chiêm ngưỡng, thưởng ngoạn thế giới hương thơm, ánh sáng, ngọc ngà châu báu, nhân vật thường nhận được những dự báo tốt lành như thi cử đỗ đạt (*Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào - TKML, Cuộc gặp gỡ kì lạ ở Bích Câu - TKTP*), sinh con

có nguồn gốc thần tiên (*Nữ thần ở Vân Cát - TKTP, Thánh Tông Hoàng đế - TTNL*), sống thọ (*Truyện gã trà đồng giáng sinh - TKML*). Khi xây dựng không gian thiên đình xuất hiện trong mộng với đầy đủ các đặc điểm của nó và gắn với các phương thức dự báo, các nhà văn gửi gắm khát vọng hằng cửu của con người là được bay cao, vươn xa, thoát khỏi cuộc sống trần tục để được no đủ, tự do, trường thọ, được hưởng sự công bằng.

Không gian âm phủ: Những biểu tượng không gian của người trung cổ chủ yếu có tính chất tượng trưng những khái niệm sống và chết, thiện và ác, từ thiện và tội lỗi, tiên và tục được thống nhất với những khái niệm thượng và hạ, với những xứ sở nhất định trên đời và những bộ phận nhất định của không gian thế giới, chúng có những toạ độ địa hình học [54, tr. 82]. Thế giới địa ngục trong quan niệm của nhân loại là thế giới của người chết, bóng tối, ma quỷ và sự trừng phạt. Trong không gian giấc mơ, không gian nhân vật không chỉ mở rộng lên trời cao mà còn đi xuống thế giới dưới thấp là âm phủ. Khác với không gian trời đầy màu sắc tươi sáng và ánh sáng tràn ngập, ấm áp thì âm phủ được miêu tả với bóng tối phủ đầy, không khí u ám, lạnh lẽo, ghê rợn, khắp nơi đầy những hình cụ trừng phạt kẻ có tội. Ngô Tử Văn đốt đèn, đêm bệnh càng nặng thêm, rồi thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp đến sông bắc một chiếc cầu dài ước hơn nghìn bước, gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương. Hai bên tả hữu cầu, có đến mấy vạn quỷ dạ xoa, đều mắt xanh tóc đỏ, hình dáng nanh ác. (*Truyện chức Phán sự đền Tản Viên - TKML*). Trong truyện *Lý tướng quân*, con trai của Lý tướng quân là Lý Thúc Quản chứng kiến cha bị xử ở âm phủ: chìm trong bể ái, nên lấy nước sôi rửa ruột cho tình dục không sinh; phá sản của người nên lấy lưỡi truỷ thủ moi ruột để cho lòng tham không nổi lên nữa; phá mồ mả của người thì bị xét xử bằng những hình cây kiếm núi dao, nước đồng gậy sắt cũng chưa đủ thoả nên áp vào ngục Cửu U lấy dây da chét lấy đầu, lấy dùi lửa đóng vào chân, chim cắt mổ vào ngực, rắn độc cắn vào bụng, trầm luân kiếp kiếp, không bao giờ được ra khỏi (*TKML*). Trạng nguyên họ Giáp chưa chết mà đã mộng xuống âm phủ thấy một cái gông cùm to chờ ngày mình xuống chịu tội (*Trạng nguyên Giáp Hải - Công dư tiệp kí tục biên*). Ở đây, cũng có một công đường xử án như ở trần gian gồm nhiều chức sắc đảm nhận nhiều vị trí: quỷ dữ đi bắt người về âm phủ, quan xét xử, những vụ án nghiêm trọng sẽ được đưa đến cấp cao hơn để đưa ra kết luận sau đó được thực thi hoàn toàn giống mô hình ở dương gian. Những cuộc xử án trong không gian âm phủ mang ý nghĩa sự thực thi công lý. Điều này có thể lí giải như Levy Bruhl: "Tâm thức của người nguyên thuỷ không hề có sự phân biệt giữa hai thế giới siêu nhiên, vô hình với thế giới hữu hình, tự nhiên" [14, tr.136]. Những nhân vật được đưa đến không gian này có cả người tốt có cả kẻ xấu. Chuyến hành trình của nhân vật xuống âm phủ thường nhận được dự báo xấu nhiều hơn là tốt: bị giảm thọ, con cái, gia đình bị hoạ, bị mất chức… Tuy nhiên, cũng có nhiều nhân vật nhận được nhiều dự báo tốt lành như được con cái, sống thọ, thăng chức, được giao cho một nhiệm vụ quan trọng ở một cõi khác (đồng nghĩa với giã từ cuộc sống nhân gian) (*Quan sang cõi âm - Vân nang tiểu sử, Truyện chức*

Phán sự đền Tản Viên - TKML). Trong quan niệm người xưa, thế giới dưới thấp ngoài âm phủ còn có thế giới thuỷ phủ. Tuy vậy, trong VXTSTĐVN, những dự báo nhận được từ thuỷ phủ ít mang ý nghĩa tiêu cực, hung hoạ như những dự báo nhận được ở âm phủ. Hành trình dịch chuyển đến cõi thuỷ phủ của các nhân vật thường mang màu sắc của sự trải nghiệm; tôi luyện, tích luỹ; hội ngộ, hạnh ngộ. Vì thế, những dự báo nhận được trong cõi thuỷ phủ thường mang màu sắc tốt lành như: thi cử đỗ đạt; gặp được nhân duyên tốt lành, con cháu đề huề; giàu có (*Truyện người trần ở thuỷ phủ - Thánh Tông di thảo, Truyện Giáp Hải Trạng nguyên - Thính văn dị lục*).

4.2.3.2. Phóng chiếu và quy hồi thời gian

Thời gian trong hiện thực trôi chảy theo dòng tuần hoàn, tuyến tính, một chiều trôi từ quá khứ, hiện tại, tương lai. Thời gian trong tác phẩm nghệ thuật lại khác, bằng kĩ thuật văn chương, các tác giả có thể tạo nên những nghịch đảo, xoay chiều, biến thiên thời gian tuỳ theo dụng ý nghệ thuật của mình. Bằng dự báo các nhà văn VXTSTĐ đã có những cách thức vận dụng linh hoạt trong miêu tả thời gian. Sự đảo lộn thời gian đã ảnh hưởng đến thi pháp truyện như kết cấu, kĩ thuật tự sự… *Nhìn từ kết cấu*, trong một số tác phẩm có sự tham dự của dự báo, với kết cấu tuyến tính thì thời gian cuộc đời nhân vật vừa được được miêu tả chảy xuôi một chiều một cách quen thuộc còn trong một số tác phẩm khác, với kết cấu hồi cố, thì thời gian được miêu tả, kể một cách sáng tạo hơn, trật tự thời gian có sự đảo lộn. *Nhìn từ phương án kể, kĩ thuật tự sự, trần thuật*, CPTDB gắn liền với hai kĩ thuật chính là dự thuật và hồi thuật. Nếu, dự thuật là hình thức trần thuật, kể chuyện của tác giả mà tương lai của sự kiện, nhân vật đã phần nào được hé lộ trước khi sự kiện chính thức được diễn ra (đây chính là kĩ thuật phục bút) thì hồi thuật có hình thức ngược lại, là hình thức kể chuyện, trần thuật mà sự kiện, nhân vật diễn ra sau được kể trước, những sự kiện diễn ra trước được kể sau. Thời gian được kể đến không tuân theo dòng chảy tuyến tính là: quá khứ, hiện tại, tương lai mà đan xen: hiện tại, quá khứ, hiện tại, tương lai. Ngoài ra, có thể xem dự báo giống như những đường may, móc xích để dính kết, móc nối những sự kiện không những tạo cho truyện có sự hợp lí, logic mà còn tạo sự hấp dẫn, sinh động, cuốn hút cho tác phẩm. *Nhìn từ thi pháp thời gian*, thì đây là phương thức co duỗi thời gian. Như vậy, có hai kiểu loại chính: *CPTDB xuất hiện trong cốt truyện tuyến tính với cách trần thuật dự thuật*, có vai trò báo trước cho phẩm chất, tính cách; hành trạng; cái chết của nhân vật. Thời gian cuộc đời nhân vật tuân theo thời gian tuyến tính mà những sự kiện về sau là kết quả, minh chứng cho những sự kiện, chi tiết ở trước. Mục đích của nhà văn là khẳng định tính chất tiền định, nhân quả trong số phận con người (*Hà Ô Lôi - Lĩnh Nam chích quái liệt truyện, Truyện Lý tướng quân - TKML*). *CPTDB xuất hiện trong cốt truyện hồi cố với cách trần thuật hồi thuật*, có vai trò đưa thêm những thông tin về nhân vật, thường là những bí ẩn, góc khuất, điều ẩn mật chưa được tiết lộ. Mục đích của nhà văn khám phá, nhận diện nhân vật từ chiều sâu của nó (*Thám hoa Thượng thư trí sĩ Cẩm Quận công Nguyễn Thọ Xuân - Công dư tiệp*

kí tục biên, Truyện Nghệ vương - NÔML, Xem tướng xương - Vân nang tiểu sử). Tuy nhiên, trong một số tác phẩm, tác giả sử dụng đồng thời cả hồi thuật lẫn dự thuật (*Đào hoa mộng kí, Truyện gã trà đồng giáng sinh - TKML*…).

Nguyễn Trãi là một danh nhân nổi tiếng, là bậc khai quốc công thần nhà Lê nhưng lại có số phận lạ lùng, thảm khốc khi trở thành nạn nhân của vụ kì án Lệ Chi viên. Dưới góc nhìn của những kẻ kết tội và thi hành Nguyễn Trãi thì ông mắc vào tội giết vua. Tuy nhiên, bản chất sự việc đằng sau lại là việc dựng/ tạo án oan để vua cáo, hãm hại công thần. Cuộc đời ông, đứng từ phương diện lịch sử, đã có các sử gia quá khứ và những nhà nghiên cứu lịch sử hiện đại nhìn nhận nhiều chiều, mà chủ yếu là phân tích đứng trên lập trường chính trị. Đứng từ góc độ nhân sinh, những ai quan tâm đến ông đều thấy bàng hoàng vì sự nghịch lí của cuộc đời: một người dòng dõi trâm anh, tài hoa có thừa, bẩm phú thông minh, đức độ hơn người, tri kiến, nhãn lực ít người sánh kịp như ông mà lại chịu số phận bi thảm tột cùng như vậy. Nguyên nhân là vì lẽ đời "Bỉ sắc tư phong", hay "Hoạ hề phúc chi sở ỷ, phúc hề hoạ chi sở phục" (Lão Tử)?, hay là số mệnh? Câu chuyện về cuộc đời của Nguyễn Trãi được nhiều nhà văn khai thác trong nhiều tác phẩm như *Ông Lê Trãi - TTNL, Tế văn hầu - Nam thiên trân dị tập, Việt Lam xuân thu*… Điểm giống nhau của các tác giả khi xây dựng, lí giải những sự kiện liên quan đến Nguyễn Trãi đều gắn với dự báo, cả hồi thuật lẫn dự thuật, phóng chiếu và quy hồi thời gian để lí giải quy luật phản ánh rõ trong số phận Nguyễn Trãi "Hoạ phúc hữu môi phi nhất nhật" (hoạ phúc đều có nguồn gốc chứ không tự nhiên được sinh ra).

Trong *Ông Lê Trãi*, sự kiện Nguyễn Trãi trở thành bề tôi nhà Lê, tôn phò cho Lê Lợi "Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi", làm nên sự nghiệp, được nhìn nhận mang tính chất thiên định, khi Phạm Đình Hổ sử dụng hình thức dự thuật, phóng chiếu thời gian qua bốn giấc mộng của hai nhân vật: lần một, của Trần Nguyên Hãn được thần Lý Ông Trọng báo; lần hai, của Nguyễn Trãi đến cầu mộng và được thần Lý Ông Trọng xác nhận thông tin; lần ba, của Nguyễn Trãi khi đến cầu mộng đền bà Tiên Dung, được xác nhận thông tin trên là đúng và biết được thêm thông tin Lê Lợi là người Lam Sơn - Thanh Hoá; lần bốn, (xảy ra sau khi Nguyễn Trãi gặp Lê Lợi), Nguyễn Trãi đến đòi vàng bà Tiên Dung vì cho rằng bà nói sai thì được Tiên Dung xác nhận lại lần nữa, đồng thời giải thích: "Sao trên trời chưa giáng đấy thôi" và bổ sung bằng điềm Lê Lợi nhận được vật thiêng là "thanh kiếm thần". Câu chuyện theo mạch chảy truyền thống kể về cuộc đời danh nhân là: gia thế, xuất thân; hành trạng và cái chết của nhân vật. Để lí giải cho bi kịch của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi khi "mắc nạn, cả nhà không kỳ lớn bé đều bị giết", tác giả đã sử dụng hình thức dự báo hồi thuật, quy hồi thời gian kể lại những sự kiện thuộc về quá khứ nhân vật để lí giải là: phong thuỷ xấu: "Mả tổ có vận tru diệt" đã được Hoàng Phúc báo "Nhị Khê mạch đoản, hoạ thảm tru di", điềm báo xấu: mộng rắn và máu rắn chảy thấm vào chữ Đại, vết máu thấm ướt ba trang

giấy (ý rắn sẽ báo oán ba đời, ứng với việc tru di ba đời). Ngoài ra, tác giả còn sử dụng thêm một điềm báo để báo sóng gió nổi lên trên sông nước dữ dội báo trước cái chết của người con Nguyễn Trãi là Anh Võ (con người thiếp trốn thoát xuống vùng Sơn Nam), cuối cùng cũng chết đuối (bị rắn dưới sông báo oán). Như thế, tổng cộng trong một tác phẩm mà tác giả sử dụng mười lần các chi tiết cả dự báo lẫn hồi báo để lí giải cuộc đời nhân vật (tám lần cho Nguyễn Trãi cho ông và gia đình; một lần về Lê Lợi và một lần là giả dự báo bằng cách viết chữ lên lá).

Trong *Tế văn hầu* (*Nam thiên trân dị tập*), cuộc đời Nguyễn Trãi cũng được tác giả sử dụng các chi tiết dự báo là: lần một, Nguyễn Trãi đến đền Dạ Trạch cầu mộng, được thần hiện ra mách bảo đi tìm chân chúa; lần hai, Lê Lợi mộng được thần cho thấy bề tôi hiền tài trong giấc mộng nên gặp Nguyễn Trãi liền nhận ra ngay; lần ba, người Minh xem văn chương Nguyễn Trãi đoán rằng con cháu ông sẽ chết không toàn thây; lần bốn, mộng và điềm rắn sẽ báo oán ba đời; lần năm, con ông là Anh Vũ gặp điềm sóng to biết bị rắn báo oán, quả nhiên sau đó chết. Trong đó, ba dự báo đầu là trần thuật dự thuật, hai dự báo sau là hồi thuật. Hai tác phẩm truyện *Tế văn hầu* và *Ông Lê Trãi* đều sử dụng một số dự báo cơ bản giống nhau như mộng, điềm rắn báo oán, tuy nhiên, trong truyện đầu mộng báo lặp lại nhiều lần hơn (năm lần) và sử dụng phong thuỷ dự báo, còn truyện sau, ngoài mộng của Nguyễn Trãi còn xuất hiện thêm mộng Lê Lợi và chi tiết người Minh dự báo. Trong tiểu thuyết *Việt Lam xuân thu*, Nguyễn Trãi không phải là nhân vật trung tâm của tác phẩm, tuy nhiên cũng được tác giả chú tâm khắc hoạ hình tượng một vị quân sư giỏi giang tôn thờ minh chủ. Nhân vật Nguyễn Trãi trong tác phẩm này cũng tác giả cũng sử dụng CPTDB: lần một, nghe biết được yêu tinh định ăn thịt nhưng không dám vì biết ông có mệnh trời trao; lần hai, được thần nữ Sài Sơn báo Lê Lợi sẽ làm vua, Lê Trãi làm phụ tá; lần ba, nghe các cụ già báo điềm "Mây che linh nghiệm, mưa đổ kịp thời"; lần bốn, xem tướng Lê Lợi thấy phong độ đế vương; lần năm, mộng thấy người đàn bà xin khoan dời núi và thấy máu rắn chảy vào trang giấy điềm báo tai ương; lần sáu, Lê Thiện thấy cát tinh hội tụ nơi sao Khuê (ý Lê Lợi tìm được bề tôi tốt); lần bảy, Nguyễn Trãi giả dự báo viết chữ lên lá nhằm mục đích làm cho Lê Lợi tin rằng mình được trời chọn làm vua nước Nam; lần tám, xem tử vi biết Trung Quốc khó bề xâm lược; lần chín, bày Thái ất, thấy sao khách gặp vận cùng biết không chỉ có Liễu Thăng mà cả tướng văn, tướng võ cùng các công thần khác của nhà Minh cũng sẽ chết gần hết. Trong tác phẩm này, Lê Lợi là nhân vật trung tâm nên những chi tiết dự báo về đời tư Nguyễn Trãi không được khai thác sâu mà châu tuần quanh hai nội dung lớn là tìm và phục vụ minh chủ. Nếu hai tác phẩm trên, các dự báo nghiêng về lí giải cái chết đẫm máu của Nguyễn Trãi và gia đình nên hai nhà văn chọn cả dự thuật lần hồi thuật thì ở *Việt Lam xuân thu*, các dự báo lại nghiêng về việc khắc hoạ chân dung một bề tôi trung thành, tận tuỵ, giỏi giang, đầy uyên bác, mưu lược nên chủ yếu chọn cách trần thuật

dự thuật. Trong lịch sử văn học, hiếm có nhân vật nào như Nguyễn Trãi, được các tác giả trong những sáng tác lại sử dụng nhiều dự báo, cả hồi thuật lẫn dự thuật. Phải chăng là vì ông là một nhân vật lịch sử quá đặc biệt, tài năng, trí tuệ hơn người, công lao to lớn, nhưng lại có số phận đầy đau thương, bi kịch. Nếu như không dựa vào thuyết định mệnh, "con Tạo" đưa đẩy, số phận xoay vần, chịu tác động của những điều siêu nhiên, huyền bí thì chúng ta khó mà chấp nhận một kết cục bi thảm như vậy cho một trong những "đệ nhất danh thần", "đệ nhất công thần" trong lịch sử dân tộc.

Như vậy, dự báo tham dự vào kĩ thuật xây dựng không gian, thời gian, góp phần quan trọng trong kết cấu, kĩ thuật trần thuật tác phẩm. Vì thế, dự báo không chỉ là câu chuyện về nội dung phản ánh mà còn là vấn đề của hình thức nghệ thuật.

4.3. Nghệ thuật thể hiện dự báo trong văn xuôi tự sự qua ngôn ngữ

Nghiên cứu các phương thức dự báo trong văn học trung đại dưới góc độ ngôn ngữ là điều quan trọng và thiết yếu vì nó phản chiếu đời sống văn hoá đương thời, cách họ tư duy về thế giới và bản thân: "Việc nghiên cứu ngôn ngữ, thuật ngữ, những công thức, thành ngữ có thể đóng góp rất nhiều cho sự bộc lộ những phạm trù cơ bản của "mô hình" thế giới trung cổ. Lễ nghi, thể thức đóng vai trò to lớn trong đời sống của con người trung cổ… có thể tìm thấy chúng qua nghiên cứu nguồn văn tự" [54, tr. 42]. Khảo sát ngôn ngữ miêu tả dự báo ta thấy có hai đặc điểm chính: sự vay mượn, sử dụng ngôn ngữ của ngành huyền học dự báo, ngôn ngữ mang tính ước lệ, tượng trưng, mã hoá, công thức, kí hiệu.

4.3.1. Đặc điểm, công thức ngôn ngữ dự báo

Đặc điểm, công thức của ngôn ngữ dự báo theo khảo sát của chúng tôi được miêu tả thường dựa vào bốn yếu tố: màu sắc, mùi thơm, trạng thái của đường nét, hình ảnh so sánh. Trong những trường hợp đặc biệt như sự hiển thị của phúc thần thì cả bốn yếu tố trên đều được nhà văn sử dụng, nhưng thông thường, chỉ có hai hoặc một yếu tố trên xuất hiện.

4.3.1.1. Công thức, kí hiệu dự báo mang kết quả tốt lành

Về màu sắc: màu xanh, đỏ, trắng, ngũ sắc xuất hiện trong các dự báo tốt lành. Các nhân vật có chức năng dự báo tương lai sự kiện điềm lành thường mang phục sức, áo quần màu xanh, đỏ, vàng. Thần Tô Lịch thì cưỡi hươu trắng từ trên trời xuống, tóc và lông mi bạc phơ, áo quần thắm tươi (*Bảo quốc Trấn linh Định bang Đô đốc Thành hoàng Đại vương - VĐULT*); thần Quảng Lợi thì cưỡi rồng vàng, đầu đội mũ hoa đỏ, mình mặc áo ráng màu tía, xiêm thêu giày đỏ (*Quảng lợi Thánh hựu Uy tế Phu ứng Đại vương - VĐULT*); Chúa Nguyễn đang lo lắng kế sách diệt địch, đêm ấy chiêm bao thấy một người đàn bà mặc áo xanh tay cầm quạt the đến hiến kế (*NTCNDC*). Vị thần báo điềm lành cho mẹ Mai Thúc Loan cũng mang áo đỏ, tên nhân vật Xích ý sứ giả cũng thể hiện màu sắc trang phục. Không phải ngẫu nhiên mà trong nghệ thuật xây dựng chân dung nhân vật trong tác phẩm văn học và cả ở những loại hình nghệ thuật khác như hội hoạ, sân khấu điện ảnh

thì phục sức nhân vật chỉ có một công thức gắn với những gam màu như vậy mà được *bắt nguồn từ quan niệm truyền thống*. Trong quan niệm về thẩm mỹ Phương Đông nói chung, nước ta nói riêng thì màu vàng, đỏ, xanh mang ý nghĩa cát tường, may mắn, hạnh phúc. Trong ý nghĩa biểu tượng văn hoá thế giới, những màu này cũng biểu thị ý nghĩa tốt lành như màu vàng, dẫn truyền sự trẻ trung, sức mạnh và sự vĩnh cửu thần thánh, là màu sắc của thần linh, màu vàng kim trở thành biểu hiện uy quyền của các vị vương công, các vị vua, các Hoàng đế, nêu cao nguồn gốc thần thánh của quyền lực; màu đỏ biểu tượng của bản nguyên sống, với sức mạnh, quyền năng và ánh chói của nó, màu đỏ, màu của lửa, và của máu, của sự sống, màu của vẻ đẹp và của sự giàu có; đó cũng là màu của sự hoà hợp; màu xanh là màu của dương khí, của con rồng trong phong thuỷ, tức là của thế lực tốt lành. *Quan niệm về màu sắc trên chịu ảnh hưởng của thuyết âm dương ngũ hành* (phương Bắc - hành Thủy - màu Đen; phương Nam - hành Hỏa - màu Đỏ; phương Đông - hành Mộc - màu Xanh; phương Tây - hành Kim - màu Trắng). Màu trắng cũng xuất hiện nhiều trong dự báo điềm lành. Vật cưỡi của thần linh thường mang *sắc trắng* như: Thần Tô Lịch thì "*cưỡi hươu trắng từ trên trời xuống*" (*Bảo quốc Trấn linh Định bang Đô đốc Thành hoàng Đại vương* - *VĐULT*). Theo sự ghi chép của *ĐVSKTT* thì các con vật mang sắc trắng như: chim sẻ trắng, hươu trắng, voi trắng… thường được dâng lên vua[53]. Nguyên nhân là vì thời kỳ Lí, Trần Phật giáo có tầm ảnh hưởng lớn, nên các điềm vật lạ có liên quan đến tôn giáo này được được đặc biệt chú ý. Phần lớn các con vật được coi là lạ chỉ vì mang màu trắng được đặt ở vị trí cao quý trong thời đó. Voi trắng vị bắt dâng vua nhiều lần là gốc ở tin

[53] Những cứ liệu về điềm lành gắn với vật màu trắng không chỉ xuất hiện trong văn học mà còn được các sử gia ghi chép rất nhiều trong các bộ sử: Vua Lý Thái Tông năm Giáp Thân, [Minh Đạo] năm thứ 3 [1044], (Từ tháng 11 trở về sau là niên hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 1; Tống Khánh Lịch năm thứ 4), vua thân đi đánh Chiêm Thành, đến cửa biển Tư Dung, có con ***cá trắng*** nhảy vào thuyền [223, tr. 284] (*Việt sử lược*). Còn vua Thần Tôn nhân Nguyễn Lộc và Nguyễn Tử Khắc dâng ***hươu trắng*** cho là vật điềm lành, cho Lộc tước đại liêu ban, cho Tử Khắc tước Minh Tự [15, tr. 337]. Chưa hết, tháng 12, Nguyễn Mãi ở hương Thái Bình dâng hươu trắng, Binh tả vũ tiệp là Đỗ Khánh dâng cá xương công sắc vàng. Vua cho là điềm lành, xuống chiếu cho các quan dâng biểu mừng [223, tr. 342]. Xưa con chó ở chùa Ứng Thiên, hương Cổ Pháp đẻ ra một ***con chó trắng***, trên lưng có lông đen thành chữ "thiên tử". Đến nay thấy vua đẻ năm Giáp Tuất (Tuất là tinh con chó) [223, tr. 74]. Năm Giáp Dần 1074 mùa xuân, có con ***chim sẻ trắng*** đến đậu ở cấm đình. Sử thần Nguyễn Nghiễm bàn: "Sẻ trắng là con vật nhỏ đậu ở cấm đình, cũng chẳng phải là việc lạ, thế thì nó là điềm gì mà nhà viết sử chẳng chép vào được… Tệ hại thay sự ham thích của nhà vua không thể khiến cho người ta dò xét được. Từ con chim sẻ trắng đậu ở cấm đình được liệt vào điềm tốt, do đó những điềm lạ như rồng vàng, hươu đen, phượng đẹp, rùa ngũ sắc, một ngọn cỏ, một thân cây đều nhan nhản, chép rồi lại chép không phải chỉ một lần là hết, đều bắt đầu từ con chim sẻ trắng đó" [90, tr. 289]… "Nay xét trong một giai đoạn sử triều Lý, trước sau gần năm mươi lần chép về điềm lành (Kỉ Nhân Tông) bản cũ mười lần chép về rồng vàng hiện… cũng thế, sáu lần ghi dâng hươu trắng, một lần ghi dâng hươu đen, hai lần ghi *dâng* ***mang trắng***, một lần ghi dâng chim phượng nhỏ, ghi ***hổ trắng***, ***ngựa trắng***, sinh cựa, mỗi thứ một lần, một lần ghi dâng ngựa đỏ, sinh cựa, bốn lần ghi ***chim sẻ trắng***, một lần ghi cá vàng, bốn lần ghi con rùa, một lần ghi bông lúa chín bông, một lần ghi mưa ra lúa và cây ưu bát đàn nở hoa, hai lần ghi tuyết lành,một lần ghi mặt trời sáng trở lại, một lần ghi mặt trời hai quầng tròn, một lần ghi mặt trăng hai quầng tròn, một lần ghi móc ngọt. Vua tự tay ghi vào bia mấy chữ "Thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế", sai thợ khắc, một lần ghi cây cau một gốc 12 ngọn, một lần ghi 9 ngọn, một lần ghi ***ngọc bích trắng***, một lần ghi khối vàng sống. Ngoài ra những thứ như ***voi trắng***, hoa vàng cho người Chiêm cống thì không dự vào số ấy. Người thợ, người đàn bà đều được ghi tên, những cầm thú nhỏ mọn đem dâng đều được vua nhận, duy sư Vương Ái, dâng cây cau một gốc bảy ngọn, thái sư là Trần Đỗ nói không đáng coi là điềm tốt, liền bỏ đi, và hai lần khước từ việc dâng cau, ngọc mà thôi" [90, tr. 290, 29].

tưởng về chuyện mẹ Thích Ca thấy voi trắng chui vào mình mà hoài thai thành Phật[54]. Đặc biệt nhất của màu là *ngũ sắc* chỉ điềm lành (vì năm sắc tượng trưng cho ngũ hành hoà hợp, đến trạng thái hoàn hảo: *tương sinh*): Mẹ Duy Chí nằm mơ thấy trước nhà có một đám mây năm sắc hiện ra, bà liền ôm lấy (*Tể tướng xã Mộ Trạch - CDTK*). Viên ngọc trong giấc mộng người mẹ trước khi sinh Mai Thúc Loan giống quả trứng gà nhưng to hơn, năm sắc lóng lánh loé cả mắt (*Hương lãm Mai Đế kí - VĐULT*). Trong quan niệm dân gian, sự xuất hiện của ngũ sắc, mang theo ý nghĩa kết hợp hoàn hảo của ngũ hành, tạo nên sức mạnh và vẻ đẹp viên mãn của vũ trụ gắn với bất kì sự vật hiện tượng nào cũng mang ý nghĩa tốt lành. Vì thế, những dự báo xuất hiện ngũ sắc thì kết quả bao giờ cũng viên mãn.

Về mùi hương: hương thơm tho, ngào ngạt xuất hiện trong các dự báo mang kết quả tốt lành. Mùi hương thường gắn với sự sống đến giai đoạn viên mãn, tràn trề, giàu có. Hương thơm thường gắn với thánh thần cùng thế giới thần linh. Trong văn học, sự xuất hiện của thánh thần hoặc sự ra đời của những cá nhân đặc biệt thường xuất hiện hương thơm hay nói cách khác, hương thơm là công cụ của thần hiện. Lê Thái phi có mang Tiên chúa thì chỉ thích hương thơm và ăn dở hoa mà thôi, đến khi sinh ra, mùi thơm kì lạ lan tỏa đầy buồng và đến hạn biếm trích Tiên chúa đã hết, phải vâng mệnh về trời thì hương thơm từ từ ùa tới, mây lành bốn bề hợp lại, rồi không thấy đâu nữa (*Nữ thần ở Vân Cát - TKTP*), lúc mẹ sinh ngài Pháp Loa thì mùi thơm đầy nhà (*Pháp Loa tôn giả - TUTA*); hương thơm là dấu hiệu điềm lành, là thần tiên xuất hiện: "*mùi hương ngào ngạt, tiếng nhạc vang lừng, hồi lâu mới tan*" (*Quảng Lợi Thánh hựu Uy tế Phu ứng Đại vương - VĐULT*); mùi thơm của gạo nếp giả làm nước giải của rồng khiến mọi người tin rằng đó là điềm Hoàng tử sau này lên ngôi (vì tin rằng nước giải của rắn thì hôi mà của rồng thì thơm tho) (*Cổ quái bốc sư truyện*).

Về trạng thái đường nét: trong cách tác giả miêu tả về dự báo, nếu các thành tố, chi tiết được nhắc đến nguyên vẹn, lành lạnh, tròn đầy, vuông vức, ngay ngắn cân xứng, hài hoà, xuất hiện đúng vị trí… thì điềm báo mang ý nghĩa tốt lành: đường nét *hài hoà như phượng múa rồng bay* là đẹp: mây lành quần tụ như hình rồng cuốn phượng bay là điềm lành báo hiệu sẽ có bậc quân vương chân chính giáng sinh, sớm muộn tất sẽ gặp vận trung hưng (*NTCNDC*); *vuông vắn, cân xứng* là tốt đẹp nên trong tướng thuật, phân hình vuông là quý tướng (Mạc Đĩnh Chi người xấu xí nên khiến người Nguyên không phục, đến lúc ra nhà xí, họ mới rình xem, thấy phân là *phân vuông* thì mới qui phục) (*Lưỡng quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi - Công dư tiệp kí tục biên*); *tròn đầy* mới tốt lành nên người thầy bói khi xem chữ cho vua Lê phán rằng: "Chữ *Ý* rất tôn nghiêm, rất đứng đắn, rất yên ổn, nét trên dài mà thẳng, nét dưới mác mà tròn, lại có ba cái chấm để phò giúp, cho nên thế nước

[54] Tương truyền, tại vương quốc Ca Tỳ La Vệ (Kapilavattsu), ngày nay thuộc nước Nepal, vào thế kỷ thứ 6 tr CN, hoàng hậu là Ma Da (Mahamaya) là vợ đức vua Tịnh Phạn (Suddodana), sắp tới ngày sinh đã có một giấc mơ báo điềm đặc biệt là một luồng ánh sáng trắng chiếu rọi vào bà, từ trong đó xuất hiện một con voi trắng vô cùng thánh khiết với sáu chiếc ngà, bước đến gần rồi hòa tan vào cơ thể bà. Đó là điềm lành một vĩ nhân sắp được sinh ra.

cũng như bản thân nhà vua không có gì phải lo" (*Cổ quái bốc sư truyện*); *đăng đối trước sau, cân xứng, hài hoà* là cực quý (đặc biệt trong phong thuỷ): ông già kì lạ tìm được ngôi huyệt cực quý ở vùng Ngọc Sơn, thuộc loại "Vương công thượng cách" liền ghi lại bài cáo: "Ba trước ba sau, núi trập trùng/ Đời đời con cháu phát anh hùng" (*Hoan Châu kí*); trạng thái *viên mãn, phát như hoa nở* là cực kì cát tường vì thế phong thuỷ ngôi mộ kiểu "Cáo trục hoa khai" (*Phong tước nở hoa*), có thể làm được một đời phò mã (*Tể tướng ở xã Mộ Trạch - CDTK*); *cao ráo, rộng rãi, sáng sủa* là phúc lành như tướng mạo các nhân vật: Cảnh Kiên có hình tướng "trán rộng, mắt sáng… thật là một vị hổ tướng dáng mạo phi thường" (*Hoan Châu kí*). Các đường nét trên xuất hiện trong các dự báo mang ý nghĩa tốt lành phản ánh tâm thức, quan niệm của người dân cổ trung đại về thẩm mĩ. Những đường nét vuông, tròn, hài hoà, cân xứng, đăng đối mới tạo nên vẻ đẹp. Đó không chỉ là quan niệm về thẩm mĩ, cái đẹp mà còn là quan niệm cuộc sống, vuông tròn mới đủ đầy, hạnh phúc.

Về tên gọi và yếu tố so sánh: Các điềm mang ý nghĩa cát tường khi: trong dự báo được tác giả so sánh với con vật, sự vật thiên nhiên mang ý nghĩa tôn quý, thượng đẳng. Tên sao báo điềm lành thì đọc lên ta nhận ra ngay như: *Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên quý, Thiên ân, Thiên phú, Thiên hỷ, Thiên phúc, Địa tài, Nguyệt tài, Giải thần, Sinh khí, Lộc khố. Sao Thiên Lộc* (Lộc Tồn) xuất hiện trong mộng Quang Thục hoàng thái hậu là điềm lành sinh thái tử. Theo *Việt sử lược*, Quang Thục hoàng thái hậu vẫn thường cầu đảo, sai Đức Trung đến cầu ở am Từ Công (tức Từ Đạo Hạnh) núi Phật Tích, "chiêm bao đến trước mặt thượng đế để cầu hoàng tử, thượng đế nói: cho sao Thiên Lộc làm con của Nguyễn Thị… đến khi đủ ngày tháng, chiêm bao thấy con rồng vàng từ trên trời bay vào chỗ Trường Lạc thái hậu ở, được một lúc thì sinh ra vua. Vua (Hiến Tông Duệ Hoàng đế) sinh ra, dáng vẻ thiên tử, mũi cao, mắt rồng, vẻ người đứng đắn, đẹp đẽ khác thường [223, tr. 487 - 488]. Trong *Việc tế tự*, tác giả miểu tả: "Gò ấy rộng ước độ vài mươi mẫu, hình giống con cá chép hóa rồng, mang cá lõm xuống như cánh hoa sen mới nở, giữa nổi lên một gò Kim tinh như cái gương sen, quanh đấy mồ mả rất nhiều" là vùng đất lành mang lại nhiều phúc cho một dòng họ. Những so sánh của tác giả như con cá chép hóa rồng, cánh hoa sen mới nở làm cho người đọc cảm nhận được sự tốt lành, tôn quý của mảnh đất và "Ở giữa có hai cái mộ đất của họ Dương, họ Vũ, là đất kết phát giàu có" là một điều không có gì đáng ngạc nhiên (*Vũ trung tuỳ bút*). Tương tự những so sánh miêu tả như: "Đất ấy, phía trước có "ấn phù thủy điện" (cái ấn nổi trên mặt nước) làm tiền án, phía sau có "đan phượng hàm thư" (chim phượng đỏ ngậm thư) làm hậu chẩm. Các nhà phong thủy đều cho là ngôi đất "thiên táng" rất đẹp, con cháu tất có người làm đến công hầu" (*Tể tướng xã Mộ Trạch - CDTK*); "quần sơn củng phục" (các núi chầu lại), có thể làm được một đời đế vương, kiểu "Cáo trục hoa khai" (phong tước nở hoa), có thể làm được một đời phò mã (*Mộ tổ ở Vịnh Kiều - CDTK*) đều là những thế đất cực quý vì trong cách miêu tả, tác giả đưa ra so sánh với: ấn (dấu hiệu quyền lực), chim phượng (quý cách), núi chầu, hoa nở (tụ, nở: tốt lành). Trong *Hiệu Úy Uy mãnh Anh liệt Phu tín Đại*

vương, ngôn ngữ, cách so sánh trong hình ảnh của nhân vật phát ra đã phần nào thể hiện khí chất thẳng thắn dũng mãnh, khác với người thường (báo hiệu sự nghiệp hiển hách về sau): "Người ta ở đời có tráng chí, nên *như chim loan chim phượng*, cất cánh một cái bay xa vạn dặm, sao lại có thể chịu để người thóa mạ, làm nô lệ cho người sao?" (*VĐULT*) [113, tr. 68]. Những hình tượng tôn quý như rồng, phượng, lân… xuất hiện báo điềm lành không chỉ xuất hiện trong VXTSTĐ mà cả trong thơ ca. Theo ghi chép của *Lịch triều tạp kỉ*, khi có rồng xuất hiện trước lầu Ngũ long. Chúa Trịnh sai xỉa cỏ thi để bói, được quẻ Dự, tượng hào "lục" đều bình. Chúa Trịnh mừng là điềm lành, bèn làm bài thơ để ghi sự lục: "Tiết trời ngư thiệp chợt đầu xuân/ Nhác thấy kim long ứng cốc thần/ Sắc giải đan hà gồm vẻ phượng/ Mầu phô bích ngọc kíp đồ lân/ Trên tài cung […] lồng năm thức/ Dưới bặt lầu giao an bốn dân/ Bình tượng dám mừng điềm thái lãng/ Cát chiêm thêm mấy hiện long văn" [87, tr. 346].

4.3.1.2. Công thức, kí hiệu dự báo mang kết quả hung hoạ

Về màu sắc: Những màu như: đen, u tối, thảm đạm xuất hiện trong dự báo mang ý nghĩa báo điều dữ. Màu đen xuất hiện trong các dự báo đều mang ý nghĩa suy yếu, xui rủi, vì thế, nhà sư xem tướng cho Trần Phong Doanh nhận xét: "*tuy đầy vẻ rạng rỡ bên ngoài nhưng có màu đen tối ẩn náu bên trong*" liền phán đoán "*ắt là khí suy đến nơi rồi*" (*Nhà sư răn chuyện cờ bạc - Bà tâm huyền kính lục*). Đám mây đen xuất hiện từ góc trời phía Nam có hình dáng sắc nhọn đâm xuyên vào giữa mặt trăng là điềm báo giặc đến (*NTCNDC*). Nàng Bích Châu thấy dấu hiệu điềm dữ qua sắc của tiếng gió "*thảm đạm*" (*Ngôi đền thiêng ở cửa bể-TKTP*). Màu sắc không tương hợp về ngũ hành cũng báo hiệu điều dữ. Màu trắng thuộc hành kim, vì thế khi trắng xuất hiện cùng màu đỏ thì thường nằm trong dự báo điềm dữ (đỏ hành hoả, khắc kim) vì thế nếu tinh ý nhận ra trong lời bàn của sử thần cũng vô tình nói đến chuyện này: "Nhà nước sắp thịnh tất có điềm lành, sắp mất tất có yêu nghiệt, lành hay không lành đều biết trước được. Nghệ Tông mơ thấy thứ gà trắng nhỏ mỏ đỏ thì nhà Nhuận Hồ cướp ngôi" [158, tr. 625]. *Về mùi:* Mùi hôi thối, tanh thường gợi cho ta nghĩ đến sự xú uế của rác rưởi, xác chết… xuất hiện trong các điềm dữ. Ở Bắc triều, ngôi điện mái bằng trong hoàng cung tự nhiên có máu từ trên một cột trụ chảy xuống loang cả nền nhà, mùi tanh hôi nồng nặc là điềm dữ cho vua Lê (*NTCNDC*). *Về trạng thái đường nét*: Gãy, cụt, chảy máu, sa, rơi rụng, lạc, hãm, bị xem là cấm kị: *mất mát, thiếu hụt, cụt* là đại hung, nhất là phần sau liên quan đến hậu vận. Chiêu Vũ chiêm bao thấy có con cá khác bơi đến cắn đứt phần đuôi của con cá mắc câu thì trong lòng lo lắng nghĩ về hậu vận không tốt của mình (*NTCNDC*). *Đứt, đỗ, gãy, rơi…* gợi đến một kết cục xấu: người học trò ở trong trường ra, ngủ gà nằm phục bên ngoài điện, đêm nghe trong điện có tiếng người nói: Ba giường đã đứt, nhà Lê còn bền được sao? Báo hiệu nhà Lê sắp mất (*Thi hội - TTNL*). Bình An Vương đang đứng làm lễ, chợt từ ngoài rèm có hai người bước vào, liền lúc đó các cành hoa cắm trong ba lọ hoa đặt trên hương án không dưng rơi xuống đất, bay vòng vòng rồi tung ra khắp nơi báo điềm xấu gia đình và chính sự (*NTCNDC*). *Mờ tối* cũng mang nghĩa xấu:

trong cái kính, Nguyễn Kính thấy chữ Lê cứ nhàn nhạt mà nhỏ dần đi, chữ Mạc cứ đậm đậm mà to dần ra, dự báo về sự suy vong triều đại nhà Lê (*Nguyễn Kính - Vũ trung tuỳ bút*). *Bị che* báo điềm hung: ngày mười bảy tháng ấy có nguyệt thực, mặt trăng bị che toàn phần, rơi rụng: vào giờ Tuất có ngôi sao băng từ phía Đông lướt sang phía Tây rồi rơi xuống; tượng trời ứng nghiệm rõ ràng lắm. Năm ngoái ngày 1 tháng 5 có nhật thực, Mặt trời bị che hết, ban ngày trời đất tối bưng báo hiệu sắp có người trong vương tộc chết (*NTCNDC). Chảy máu* mang ý nghĩa rất xấu: Lê Trãi thấy một con rắn trắng, leo trên xà nhà, nhỏ xuống một giọt máu đúng vào chữ đại trên trang sách. Vết máu thấm xuống ba tờ giấy biết là điềm chẳng lành cho gia đình sau này (*Ông Lê Trãi - TTNL*). *Khô cạn* dự báo việc dữ: ngày 28 ở xã Hoằng Liệt, huyện Thanh Trì vào khoảng giờ Thân, nước sông Cái bỗng cạn hết, trong khoảng hơn năm khắc, cá tôm đều phơi ra giữa nắng, người ta tranh nhau bắt được nhiều vô kể. *Không đúng vị trí* cũng dự báo sự kiện không lành: Năm Bính Thìn (1616), mùa xuân, ngày 16 tháng Giêng, nguyệt thực; mặt trăng bị che khuất khoảng một phần mười. Lại có sao khách phạm vào quầng mặt trời, hơn mười ngày mới hết là trời tỏ điềm cảnh báo vua chúa phải chăm lo chính sự. *Lộ, không ẩn tàng kín đáo* là cực kỳ xấu như: "Đầu núi lộ xương, tai vạ không phải là nhỏ (*Hoan Châu kí*). *Về tên gọi và yếu tố so sánh*: Các điềm được miêu tả có sự xuất hiện của những con vật, sự vật thiên nhiên không tôn quý, tầm thường… thì ý nghĩa của nó là báo điều dữ. Trong các điềm gắn với sao (gắn với sự giáng trần xuống nhân gian), ngay tên gọi của sao cũng đủ cho ta (dù không cần đọc qua tử vi, lí số) cũng biết là dữ: *Thiên ôn, Thiên tặc, Địa tặc, Đại hao, Băng tiêu, Ngõa hãm, Độc hỏa, Nguyệt sát, Nguyệt hư, Tử khí, Ngũ quỷ, Chu tước hắc đạo, Bi ma sát, Phá bại, Đại sát…* Tên của sao gắn với con vật như chó (*cẩu*) chẳng hạn mang ý nghĩa xấu: Nghe tiếng khóc của Quận Bằng, người thầy bói nhận ra ngay đó là sao *Thiên Cẩu* giáng xuống, ngôi đế vương công, tai vạ tất không thể tránh khỏi (*Mả tổ Quận Bằng - TTNL*). Trong thuật trạch cát, sao Thiên Cẩu mỗi tháng, ngày giờ có thiên cẩu hạ thực thì trị bệnh, nhậm chức, đi thi, lên cửa quan đều xấu. Còn tên gọi thế đất, cuộc đất mộ chôn cũng cho ta đoán được con cháu gặp phúc hay hoạ, như mả tổ nhà Lê Trãi người thì cho rằng kiểu tướng quân mở cờ, người thì cho rằng *kiểu tướng quân cụt đầu* lí giải cho tai hoạ nhà ông (*Ông Lê Trãi - TTNL*). Nếu lớp ngôn ngữ vay mượn của chuyên ngành dự báo mang đến vẻ kì bí, huyền hoặc, khó hiểu thì kiểu ngôn ngữ tượng trưng, ước lệ, công thức, kí hiệu lại giúp người đọc có thể "lướt" qua lớp ngôn ngữ đầu mà vẫn dự đoán được kết quả là hung hay cát. Như vậy, ngôn ngữ dự báo có đặc điểm là có sự vay mượn của ngôn ngữ chuyên ngành dự báo và mang tính tượng trưng, ước lệ, công thức, kí hiệu. Sự xuất hiện của lớp ngôn ngữ này trong miêu tả dự báo cho thấy sự hoà hợp nhuần nhuỵ giữa nội dung và hình thức, giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Sở dĩ màu sắc, đường nét, mùi hương… cho ta tiên đoán được kết quả tốt lành hay xấu, dữ của sự vật, sự việc là vì dựa trên tư duy về luật thống nhất thông tin tổng thể của vũ trụ. Nội dung chủ yếu của học thuyết thống nhất thông tin bao quát của vũ trụ là quan hệ giữa tổng thể và bộ phận. Thuyết này cho rằng bộ phận và tổng thể là sự hợp

nhất về thông tin bao quát: trong từng bộ phận có những thông tin bao quát của tổng thể, bộ phận và tổng thể có sự đối xứng lẫn nhau về mặt thông tin. Điều này làm cho chúng ta khi xem xét quan hệ giữa bộ phận và tổng thể, không chỉ đơn giản đơn nói rằng bộ phận quyết định tổng thể hoặc là tổng thể quyết định bộ phận, mà là hai bên bổ sung cho nhau. Vì vậy, ở một mức độ nhất định chúng ta có thể từ bộ phận mà có được những thông tin về tổng thể và cũng từ tổng thể mà có được những thông tin về bộ phận. Cũng giống như một mảnh vụn của một bức ảnh về tổng thể có thể phản ánh thông tin của toàn bức ảnh, một sợi tóc của một người có thể phản ánh tình hình của toàn bộ con người đó, trong bộ phận có bao gồm những thông tin của tổng thể. Vì thế, khi ta có một thông tin nhỏ trong chuỗi sự kiện của dự báo thì cũng có thể suy luận được kết quả. Qua khảo sát một loạt các yếu tố về màu sắc, đường nét, tên gọi, những so sánh gắn với các phương thức so sánh mà nhà văn trung đại sử dụng, người đọc có thể nhận biết được kết quả dự báo cát hung (mặc dầu chưa đến "hạ hồi phân giải"). Các dấu hiệu dự báo có sự tương đồng trong công thức vừa phân tích trên không phải là một sự ngẫu nhiên mà đây là một hiện tượng văn hoá, văn học, xuất phát từ ám thị, nhận thức về quan niệm cát hung truyền thống. Tính thẩm mỹ, giá trị mỹ học, văn hoá ở đây không thuần tuý từ quan niệm, cảm xúc, sự sáng tạo của tác giả mà chịu ảnh hưởng sâu sắc của truyền thống mang tính chất cộng đồng, đặc biệt rõ hơn là những công thức trong các sách bói toán, tướng mệnh. Việc phân tích, lí giải những dấu hiệu, biểu hiện đó nếu chỉ dừng lại trên mặt thi pháp, kĩ thuật viết văn thì e rằng chưa lí giải hết tầng bậc ý nghĩa, giá trị của nó. Vì thế, chúng ta phân tích tính chất công thức, kí hiệu, ngôn ngữ của dự báo phải đặt nó vào môi trường văn hoá khởi sinh.

4.3.2. Giá trị, hiệu quả nghệ thuật của ngôn ngữ dự báo

4.3.2.1. Lớp ngôn ngữ chuyên ngành dự báo làm giàu có, phong phú ngôn ngữ văn học trung đại

Trong sáng tạo nghệ thuật nói chung, sáng tác văn học nói riêng, các nghệ sĩ thường có sự vận dụng rộng rãi, linh hoạt trí thức của nhiều ngành văn hóa nghệ thuật khác để sáng tạo hình tượng. Trong VXTSTĐVN, các nhà văn vận dụng lớp *ngôn ngữ chuyên ngành của các môn huyền học dự báo:* của ***tử vi*** như: "cung mệnh" (*Người trần ở thuỷ phủ, Hai thần hiếu đễ - Thánh Tông di thảo*); của ***phong thuỷ*** như: kiểu đất "Hoàng xà thính cáp", hình "Quí nhân xuất trướng", "đất kết phát", "nội minh đường", "diện tiền bát tự thủy phân" (nghĩa là dòng nước hình chữ bát chia đôi đàng trước mặt) (*Việc tế tự - Vũ trung tuỳ bút*), kiểu "Từ lâu hạ điện" phát "tam công, võ tướng" (*Hoan châu kí*), kiểu đất "Thủy loan ấp tự" (nước chảy vòng hình chữ ất) (*Đỗ Uông - Vũ trung tuỳ bút*), "Quần sơn củng phục" (Các núi chầu lại), "Cáo trục hoa khai" (Phong tước nở hoa) (*Mộ tổ ở Vịnh Kiều - CDTK*), huyệt điểm vào chỗ "Thổ - Phúc - Tàng - Kim", "ngồi phương Càn Trông chữ Tốn" (*Ngôi mộ họ Trần - CDTK*); của ***tướng số*** như: "mũi hổ", "trán rồng", "đầu báo", "hàm én" (*Lệ Hải Bà vương kí - VĐULT*), "mắt rồng" (*Xem tướng xương - Vân nang tiểu sử*), "phân vuông" (*Lưỡng quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi - Công dư tiệp kí tục biên*)…; của ***xem***

Kinh Dịch như: quẻ "Nguyên thủ", "Chu tước ngậm thư", "Hữu thanh long, tả bạch hổ", "Quý nhân tới cung bản mệnh", "Dịch mã ứng hàng năm" (*Thượng Kinh kí sự*), quẻ "Kỷ tị nhật thần, đắc chấn chi nhị" (*Hoan châu kí*), "hào cửu nhị" trong "quẻ Càn" (hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân) (*Chó đá*), "quẻ Dịch biến sang quẻ Di", trong quẻ "dụng đảng" nhiều, "thể đảng" ít, ngoại khí vượng, nội khí suy, hào từ nói, "mê lại dữ có tai vạ" (*Ngôi đền thiêng ở cửa bể - TKTP*)… Lớp ngôn ngữ chuyên ngành trên có lúc được nhà văn sử dụng nhiều, dày đặc, miêu tả, giải thích kĩ nhưng cũng có lúc chỉ nói thoáng qua. Cách sử dụng ngôn ngữ trên cho thấy tác giả là người không chỉ giỏi thơ văn mà còn rất uyên bác, am hiểu các ngành khác. Nguyên nhân dẫn đến đặc điểm trên là vì tác gia trung đại không chỉ có tư thế của nhà đạo đức chính trị, có khi họ không ra làm quan mà phải hành nghề khác để kiếm sống - làm thầy dạy học, thầy thuốc, thầy lý số. Vì thế, họ trang bị cho mình một vốn kiến thức khác như dự báo. Những tư tưởng đó không chỉ được thực hành trong đời sống mà còn in dấu vết trong sáng tác văn chương. Việc sử dụng loại hình ngôn ngữ này góp phần tạo nên sự giàu có cho văn chương nói chung và văn học trung đại nói riêng.

4.3.2.2. Sự mã hoá ngôn ngữ dự báo tạo nên sự ẩn mật, mơ hồ, huyền bí của thông tin dự báo

Sự mã hoá của ngôn ngữ dự báo dẫn đến thông tin, kết quả của dự báo thường khó đoán, được giấu kín, ẩn mật, không được biết đến phổ thông, rộng rãi (trừ khi được giải ra rồi). Đặc điểm ngôn ngữ này của dự báo được thể hiện rõ ở các mặt sau: *Thường xuất hiện bằng lối văn tự chữ Hán dưới dạng câu thơ, bài thơ: Ý nghĩa, lời giải không phải lúc nào cũng dễ đọc ra.* Ông Đàm Thận Huy lúc chưa đỗ đạt, đến chùa cầu mộng, được bài thơ như sau: "Ngôn đàm ngọc nhĩ mộng tường minh/ Đệ nhất khai khoa đệ nhất danh/ Phụ quý, tử quý, tôn hựu quý/ Tử tôn thế thế xuất công khanh". Để giải được phải có kiến thức chữ Hán để hiểu: ở câu thứ nhất hai chữ "ngôn đàm" chắp lại thành chữ đàm, là họ Đàm, hai chữ "ngọc nhĩ" chắp lại thành chữ Nhị là tên của ông Nhị. Nghĩa là Đàm Nhị chiêm bao tỏ tường, tên đỗ thứ nhất, ở khoa thứ nhất, cha sang, con sang, cháu lại sang, con cháu đời đời làm nên công khanh) (*Cụ Thái Tể - TTNL*). *Muốn giải dự báo, phải vừa có tri thức về văn tự vừa có tri thức về văn hoá, xã hội, chính trị và mảng dự báo (âm dương ngũ hành, số thuật, phương thuật*…). Về bài thơ xuất hiện trên cây gạo bị sét đánh ở làng Diên Uẩn được *TUTA* nói đến, ý nghĩa của nó không phải ai cũng luận suy ra được. Sư Vạn Hạnh đã giải mã nghĩa bài thơ như sau: Câu 1: "Thụ căn điểu điểu", chữ căn nghĩa là gốc, gốc tức là vua, chữ điểu đồng âm với yểu, nên hiểu là yếu. Câu 2: "Mộc biểu thanh thanh", chữ biểu nghĩa là ngọn, ngọn tức là bề tôi, chữ thanh âm gần giống với chữ thanh nghĩa là thịnh. Câu 3: "Hoà đoa mộc lạc": Hòa, đao, mộc [ghép lại] là chữ Lê. Câu 4: "Thập bát tử thành": Thập, bát, tử là chữ Lý; Đông A là chữ Trần; nhập địa là phương Bắc vào cướp: "Mộc dị tái sinh" là họ Lê khác lại sinh ra. Câu 5: "Chấn cung hiện nhật", chấn là phương Đông, hiện là mọc ra; nhật là thiên tử. Câu 6: "Đoài cung ẩn tinh", "đoài" là phương Tây, "ẩn" cũng như lặn, "tinh" là thứ nhân. Hai câu sau thì có nghĩa: vua thì non yếu, bề tôi thì cường thịnh, họ Lê mất, họ Lý nổi

lên, thiên tử ở phương Đông mọc ra thì thứ nhân ở phương Tây lặn mất, trải qua 6, 7 năm thì thiên hạ thái bình . Việc lí giải không chỉ dựa trên sự uyên bác chữ nghĩa mà còn phải có nhãn quan về lịch sử, văn hoá để hiểu được sự vận động của xã hội, triều đại. Thời gian mã hoá thường rơi vào các trường hợp liên quan đến các sự kiện lịch sử, hưng vong triều đại, việc lên ngôi vua, sự sinh tử của các nhân vật nổi tiếng. Việc mã hoá thời gian trong các phương thức dự báo qua sấm kí, đồng dao, sấm ngữ phản ánh quan niệm trung đại là cơ trời điều bí mật không dễ dàng mà biết và tiết lộ được, chỉ những người có khả năng đặc biệt mới thấu tỏ. Cơ trời thường không được nói ra trước nhưng việc thông báo sự kiện bằng mã hoá là một cú lách thông minh vừa nói vừa không và thường đến khi sự kiện đã diễn ra rồi thì ngẫm lại các bài thơ người ta mới biết được nó được báo trước đó. Hình thức mã hoá thông tin của ngôn ngữ dự báo tạo nên sự mơ hồ, huyền bí của thông tin dự báo, sự phù hợp giữa nội dung và hình thức biểu đạt; đồng thời mà còn tăng thêm sức hấp dẫn cho thông tin được nói đến, tạo sự hứng thú, tò mò trong tâm lí người tiếp nhận.

Tiểu kết Chương 4

Nếu các chương trước, chúng tôi đi từ khái niệm, các cơ sở tiền đề, nhận diện, phân loại đến tìm hiểu giá trị nội dung tư tưởng, văn hoá của dự báo thì trong chương cuối cũng là chương khép lại luận án, chúng tôi kế thừa tất cả các thành tựu của các phần trước đồng thời đi sâu nghiên cứu hình thức biểu hiện, giá trị nghệ thuật của dự báo. Về nhân vật, chúng tôi đã phân loại và phân tích đặc điểm của nhân vật dự báo: nhân vật mang chức năng dự báo và nhân vật nhận được dự báo. Dự báo đã tham gia vào quá trình tạo dựng nhân vật thể hiện rõ qua tạo tác chân dung nhân vật, ảo hoá xuất thân, hành trạng, cái chết nhân vật, xác tín hoá thông tin về nhân vật. Về không gian - thời gian nghệ thuật dự báo, xét về kiểu loại không gian - thời gian đặc trưng xuất hiện dự báo thì sông nước, đền, chùa, am, miếu là không gian tiêu biểu còn đêm và thời điểm có tính chất bất thường là thời gian tiêu biểu; xét theo nhân vật được dự báo thì không gian vũ trụ, thời gian lịch sử gắn với nhân vật thánh nhân, quân tử còn không gian sinh hoạt và thời gian mang tính cá nhân. Khi miêu tả không gian - thời gian dự báo, các tác giả sử dụng bút pháp lặp lại, kéo dài trong miêu tả thời gian và ảo hoá không gian thực và thực hoá không gian ảo trong miêu tả không gian. Dự báo có vai trò quan trọng trong xây dựng không gian - thời gian nghệ thuật thể hiện ở sự dịch chuyển không gian và co duỗi thời gian. Dấu ấn nghệ thuật của dự báo còn để lại ở mặt ngôn ngữ. Đặc điểm, công thức chung của ngôn ngữ dự báo dựa trên màu sắc, mùi hương, trạng thái và yếu tố được so sánh, tuy vậy, chúng khác biệt nhau trong biểu hiện trong công thức báo điều lành hay điều hung. Sự xuất hiện của lớp ngôn ngữ dự báo không những làm phong phú, giàu có thêm ngôn ngữ VXTSTĐVN đồng thời tạo nên sự mơ hồ huyền bí làm tăng sức hấp dẫn của thông tin dự báo.

PHẦN KẾT LUẬN

1. Dự báo là một hoạt động phổ biến trong các nền văn hoá nhằm tránh hoạ cầu phúc được phát triển từ thời nguyên thuỷ, trung cổ, một số hình thức dự báo vẫn được tồn tại và sử dụng đến ngày nay. Sự đa dạng của các nền văn hoá là một trong những nguyên nhân tạo nên sự phong phú, sinh động và phức tạp của dự báo. Bỏ qua các cách thực hiện cụ thể, dự báo từ khởi phát đến thời hiện đại đi qua các chặng đường: từ bị động đến chủ động, nghĩa là ban đầu trông chờ vào dự báo phát ra từ thần thánh (thường xuất hiện trong các giấc mơ để khuyên răn, chỉ dẫn và báo tương lai) đến việc quan sát các dấu hiệu được phát ra từ trời đất, vũ trụ mà chủ yếu là các sự vật, thiên nhiên, cây cỏ, động vật, và một bộ phận con người (mà chúng ta gọi là điềm triệu) để biết các xu thế, diễn tiến của tương lai và cuối cùng là việc con người chủ động sáng tạo ra dự báo để phòng trường hợp chưa kết nối được với thần linh, hoặc chưa kịp quan sát các hiện tượng tự nhiên, họ sẽ dùng các biện pháp cụ thể để biết được trước kết quả tương lai. Loài người đã nghĩ ra được nhiều phương cách phổ biến như: xem tướng, xem bói bằng *Kinh Dịch*, tử vi, bài Tarot, xem bói nội tạng động vật… Đến giai đoạn cao nhất, con người không chỉ dừng lại ở việc chủ động biết tương lai vào bất cứ thời điểm nào mà họ mong muốn (sự chủ động hoàn toàn trong thời gian biết nhờ nắm trong tay phương thuật) mà cao hơn là con người còn chủ động chọn cho mình những kết quả tốt đẹp của tương lai bằng CPTDB như phong thuỷ (lựa chọn môi trường ở và chôn cất theo mục đích) và trạch cát (chọn ngày lành để sự việc diễn ra theo ý muốn). Con đường phát triển của dự báo cũng là con đường phát triển của tư duy loài người từ bị động đến chủ động vượt thoát phần nào khỏi sự phụ thuộc vào thiên nhiên. Bước đường, hình thức của dự báo đã nói trên được thể hiện rất rõ trong văn học. Trong văn học, dự báo có vai trò là chất liệu kiến tạo nên nội dung và hình thức tác phẩm. Trong VXTSTĐVN, dự báo xuất hiện trong 245 tác phẩm/ 738 tác phẩm được khảo sát (chiếm 33,19%), thậm chí, trong đó có nhiều tác phẩm có sự xuất hiện lặp lại hoặc kết hợp nhiều phương thức dự báo khác nhau. Đây là một hiện tượng thú vị, đáng lưu tâm, nghiên cứu.

2. Qua tìm hiểu dự báo thế giới, đặt trong sự so sánh phương Tây và phương Đông, có thể thấy, về hệ hình thì dự báo thế giới có sự tương đồng về dạng loại (dựa vào dấu hiệu có sẵn, dựa vào tiếp xúc thế giới siêu nhiên, dựa vào các phương pháp nhân tạo) nhưng do chịu sự chi phối, ảnh hưởng của văn hoá mà mỗi nơi có những biểu hiện và cách lí giải dự báo khác nhau. Ở Việt Nam, dự báo đã ra đời từ rất sớm với các phương thức, kiểu loại phong phú, đa dạng. Hệ thống dự báo của người Việt, về cơ bản được tiếp thu từ truyền thống dự báo của Trung Hoa. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp nhận, người Việt cũng có những biến đổi nhất định để phù hợp, tương thích với văn hoá nước ta. Đồng thời, người

Việt cũng sáng tạo cho riêng mình những hình thức dự báo riêng, mà tiêu biểu và nổi tiếng nhất là *bói Kiều*.

3. Dự báo xuất hiện trong VXTSTĐVN không phải là hiện tượng có tính ngẫu nhiên mà nó là kết quả, là biểu hiện trên bề mặt của tảng băng trôi của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, của nội sinh và ngoại nhập mà cụ thể là các tiền đề kinh tế văn hoá xã hội thời trung đại, truyền thống văn học dân gian nước nhà, ảnh hưởng của văn học Trung Quốc và chính đặc điểm văn học trung đại. Chế độ quân chủ chuyên chế, vua có vai trò độc tôn, để bảo vệ quyền lực cho bản thân và dòng tộc, bên cạnh luật pháp, quân sự thì ra sức sử dụng thần quyền, truyền bá tư tưởng thiên mệnh để làm quần chúng qui phục. Chế độ thi cử, sử dụng quan lại cũng góp phần ảnh hưởng đến tư duy xã hội, thời đại làm nảy sinh tầng lớp Nho sĩ thành thạo Nho, y, lí, số là một trong những nguyên do đáng lưu ý cho sự phát triển của dự báo trong đời sống và văn học. Đặc điểm văn hoá, nhất là nền văn hoá bản địa với tín ngưỡng thờ đa thần (nhiên thần và nhân thần) với niềm tin về sự linh thiêng của vạn vật và con người đã khiến người trung đại có niềm tin rằng đâu đâu trong trời đất vũ trụ cũng có các vị thần linh luôn che chở, bảo hộ và ra các dấu hiệu cho họ biết về hiện tại, tương lai. Niềm tin đó càng được nhân lên sâu sắc hơn khi có sự tiếp hợp các luồng tư tưởng bên ngoài như Nho, Phật, Lão. Thuyết *Thiên mệnh* của Nho; tư tưởng luân hồi, báo ứng, tư tưởng của tiểu thừa Mật tông Phật giáo; quan niệm về Ngọc hoàng thượng đế, các cõi trời với các vị thần nhân, các phương thuật của đạo giáo thần tiên và phù thuỷ… đều có nét tương đồng và gần gũi với quan niệm của người Việt nên được đón nhận dễ dàng càng làm cho CPTDB được lên khuôn và phong phú hơn. Mặt khác, các nhà văn trung đại đã học được từ truyền thống, tiếp nguồn từ "bầu sữa mẹ" văn học dân gian những motif về tướng lạ tài cao, sinh nở thần kì, tương lai trong mộng, các nhân vật dự báo như thần tiên. Họ cũng học được từ văn học Trung Quốc những công thức thánh nhân với khuôn mẫu hệ giá trị lấy từ mẫu hình, khuôn mẫu của vũ trụ và các yếu tố kì ảo, thần kì, huyền bí. Đặc điểm nội tại của văn học trung đại nước nhà với đội ngũ sáng tác chính là nhà sư và nhà Nho cùng đặc điểm loại hình văn học trung đại cũng ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của dự báo. Sự phân loại CPTDB dựa trên hình thức, kĩ thuật dự báo có thể chia làm các kiểu sau: Tiên tri, tiếp xúc với thế giới siêu nhiên, điềm, chiêm mộng, tướng số, *Kinh Dịch*, tử vi, trạch cát, phong thuỷ, thái ất, lục nhâm, độn giáp. Trong đó, phương thức mộng báo có tần số xuất hiện nhiều nhất 144 lần/ 101 tác phẩm và trạch cát xuất hiện ít nhất 3 lần/ 3 tác phẩm; ngoài ra các phương pháp dự báo còn lại xuất hiện khá đồng đều về tần suất và số lượng tác phẩm trong VXTSTĐVN. Các kiểu loại trên có thể xếp vào các nhóm loại và mỗi nhóm loại có những đặc điểm chung và riêng. Ngoài ra, dự báo có thể phân loại dựa trên nội dung, chủ

đề: cho số phận cá nhân (thọ yểu, sinh tử, tật bệnh, nhân duyên, phú quý…) và cho cộng đồng (chuyện đánh giặc, chuyện chính sự, vận nước).

4. Về mặt nội dung, dự báo đã góp phần phản ánh thực trạng đời sống người dân, chuyện thi cử quan trường và vấn đề mối quan hệ giữa thần quyền và vương quyền. Một trong những vấn đề trung tâm của tác phẩm nói chung và các phương thức dự báo nói riêng viết dưới ánh sáng Nho giáo là truyền bá tư tưởng thiên mệnh. Để khẳng định củng cố vương quyền đế vương, các tác giả trong cách ghi chép hay miêu tả chân dung nhân vật "con Trời" đã đưa ra những yếu tố dự báo tương lai thiên tử bằng phương thức tướng thuật, thiên tử được sự ủng hộ của thần linh, gặp nhiều dự báo là các điềm lành nên được thánh thần hỗ trợ lúc gặp khó khăn và giành thắng lợi trong các trận chiến, tư tưởng thiên mệnh cũng được thể hiện rất rõ qua những câu chuyện đế vương có liên quan đến chuyện phong thuỷ. Những cách giải thích các hiện tượng dự báo thường ẩn tàng những tư tưởng, tình cảm, nhu cầu, lòng tin và thế giới quan của giai cấp thống trị (nhìn thấy điềm lành chứng tỏ sự thịnh vượng, thời thịnh trị). Quyền mưu đặt ra rất nhiều kế sách để giành thắng lợi, một trong số đó có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến dự báo: tạo ra dự báo, việc dùng dự báo để thuyết phục lòng người cho thấy nghệ thuật chính trị cao siêu của các mưu sĩ đương thời. Không chỉ dựa vào tư tưởng thiên mệnh, thay trời cai trị muôn dân, để giữ vững sự cai trị, vua định ra kế sách để ràng buộc các bề tôi khiến họ tuyệt đối trung thành, không thay lòng là dùng thề nguyền, sắc phong với người và thần. Nội dung thứ hai của dự báo trong VXTSTĐVN là quan niệm về tư tưởng và đạo đức mà trọng tâm vấn đề là quan niệm về Đức - Phúc của người Việt. Người Việt có quan niệm Đức - Phúc truyền qua các đời, tổ tiên cha mẹ ăn ở có đức thì để lại phúc cho con cháu. Nội hàm của Đức được biểu hiện qua hiếu, lương thiện, nhân đức; người có đức dày được trời cao báo đáp qua tuổi thọ, công danh, phú quý và tránh được tai hoạ, ngược lại kẻ thất đức sẽ chịu hậu quả nặng nề. Đức Đế - Vương không chỉ là câu chuyện của cá nhân mà có sức tác động lớn đến cộng đồng, dân tộc. Đức tốt được biểu hiện qua hệ thống điềm lành, thất đức thường xuất hiện điềm dữ. Nếu khảo sát dự báo trong VXTSTĐVN, nhìn lướt trên bề mặt, chúng ta sẽ chỉ nhìn thấy sự vay mượn hệ thống dự báo của Trung Hoa. Tuy vậy, nếu đi sâu vào hệ thống hình ảnh, biểu tượng của động thực vật xuất hiện trong dự báo, người đọc sẽ khám phá ra dấu vết, dấu ấn, sắc màu bản địa lấp lánh đằng sau mỗi phương thức dự báo, mà đặc biệt là điềm triệu, phong thuỷ và chiêm mộng. Người đọc có thể bắt gặp những thực vật mang đậm tính địa phương, có vai trò quan trọng trong đời sống văn hoá vùng miền như cây gạo, cây đa, cây mía, cây dâu, cây tre, trầu - cau…, cũng như những động vật như chim, trâu, vịt le, mèo, gà… xuất hiện trong dự báo. Hiện tượng trên phản ánh sự ánh xạ của văn hoá bản địa vào đời sống văn học. Việc

nhà văn sáng tạo không chỉ mang dấu ấn, cá tính sáng tạo riêng, mà chịu sự chi phối từ đời sống lịch sử, văn hoá, môi trường sống. Như vậy, mặc dù dự báo xuất hiện trong VXTSTĐ có khi chỉ là những "mảnh tự sự" nhưng nếu kết chúng thành hệ thống, nhìn nhận chúng một cách khái quát, chúng ta sẽ nhận thấy chiều sâu, sức nặng của văn hoá trung đại. Dự báo không chỉ là vấn đề phản ánh niềm tin của người dân thời cổ trung đại về tương lai định sẵn mà nó thực sự là một diễn ngôn về tri thức và quyền lực. Việc thâm nhập của dự báo vào VXTSTĐVN cho thấy các nhà văn chịu ảnh hưởng sâu sắc của những yếu tố văn hoá, lịch sử, thời đại, bên cạnh cá tính sáng tạo.

5. Dự báo trong VXTSDTĐVN không chỉ tham gia vào nội dung mà còn thực sự góp phần đắc lực để kiến tạo hình thức, nghệ thuật của văn bản trên các mặt chủ đạo như nhân vật, không gian - thời gian nghệ thuật và ngôn ngữ. Về nhân vật, chúng tôi đã phân loại và phân tích đặc điểm của nhân vật dự báo: nhân vật mang chức năng dự báo (bao gồm: nhân vật kì ảo, nhân vật môi giới hai thế giới thực ảo và nhân vật phàm nhân) và nhân vật nhận được dự báo (bao gồm: nhân vật thánh nhân, quân tử và nhân vật bình phàm). Dự báo đã tham gia vào quá trình tạo dựng nhân vật thể hiện rõ qua bút pháp ảo hoá xuất thân, hành trạng và cái chết của nhân vật, qua tạo tác chân dung nhân vật để báo hiệu tương lai, qua thủ pháp đồng lặp, nối; kết hợp nhiều dự báo để xác tín thông tin nhân vật. Về không gian - thời gian nghệ thuật dự báo, xét về kiểu loại không gian - thời gian đặc trưng xuất hiện dự báo thì sông nước, đền, chùa, am, miếu là không gian tiêu biểu còn đêm và thời điểm có tính chất bất thường là thời gian tiêu biểu; xét theo nhân vật được dự báo thì không gian vũ trụ, thời gian lịch sử gắn với nhân vật thánh nhân, quân tử còn không gian sinh hoạt và thời gian mang tính cá nhân. Khi miêu tả không gian - thời gian dự báo, các tác giả sử dụng bút pháp lặp lại, kéo dài trong miêu tả thời gian và ảo hoá không gian thực và thực hoá không gian ảo trong miêu tả không gian. Dự báo có vai trò quan trọng trong xây dựng không gian - thời gian nghệ thuật thể hiện ở sự dịch chuyển không gian và co duỗi, quy hồi thời gian. Dấu ấn nghệ thuật của dự báo còn để lại ở mặt ngôn ngữ. Khi tiếp nhận VXTSTĐVN, ở những tác phẩm có dự báo xuất hiện, người đọc dẫu chưa được trang bị kiến thức nền tảng về dự báo nhưng chỉ cần dựa vào một vài đặc điểm ngôn ngữ cơ bản cũng có thể hiểu được tác giả đang nói đến điềm lành hay điềm dữ. Đặc điểm, công thức chung của ngôn ngữ dự báo dựa trên màu sắc, mùi hương, trạng thái và yếu tố được so sánh. Tuy vậy, chúng khác biệt nhau ở biểu hiện, trong công thức báo điều lành hay điều hung. Điềm lành thường đi cùng các dấu hiệu như màu sắc đỏ, vàng, trắng, ngũ sắc; mùi hương thơm tho; trạng thái vuông vắn, tròn đầy, khai nở; được so sánh với những hình ảnh có ý nghĩa tôn quý. Ngược lại, điềm dữ thường được biểu hiện qua màu đen tối, thảm đạm, mùi hôi hám, trạng thái đứt gãy, chảy

máu…, các so sánh xuất hiện hình ảnh có tính chất hạ đẳng. Công thức báo hiệu lành, dữ trên chịu sự chi phối của văn hoá và quan niệm thẩm mĩ truyền thống. Sự xuất hiện của lớp ngôn ngữ dự báo không những làm phong phú, giàu có thêm ngôn ngữ VXTSTĐVN, đồng thời, tạo nên sự mơ hồ huyền bí làm tăng sức hấp dẫn của thông tin dự báo, tạo nên sự hoà nhịp giữa nội dung và phương thức biểu đạt.

6. *Kinh Dịch* bắt đầu bằng hai quẻ *Càn, Khôn* gốc của vạn vật, ở giữa là hai quẻ *Hàm* và *Hằng* chỉ đạo vợ chồng, gốc của xã hội và kết thúc bằng hai quẻ *Kí Tế* và *Vị Tế* chỉ sự việc đã xong rồi mà vẫn chưa hoàn thành. Sự xắp xếp trên cũng phản ánh *vòng tuần hoàn trôi chảy của việc trời, việc người cứ tiếp diễn mãi không có điểm kết thúc*. Trong *Hồi 99* của *Tây du kí* (Thi Nại Am) có chi tiết thầy trò Tam Tạng chịu khổ nạn cuối cùng trước khi thành Phật là bị rơi xuống sông, mấy cuốn *Phật bổn hạnh Kinh* bị ướt, phơi xong thì mấy tờ chữ dính trên mặt đá gỡ không ra. Tam Tạng phàn nàn vì bộ Kinh mất hết chương sau. Tôn Hành Giả đã nói rằng: "Không phải vô ý đâu, *trời đất còn có chỗ thiếu* mới hợp với trời đất. Nghĩa là ý nhiệm cùng, nếu cùng thì không quý, ấy là số trời đã định trước như vậy, há bởi người sao?". Câu nói của nhân vật Tôn Hành Giả cho ta thấy một triết lí rằng trời đất còn có chỗ không toàn vẹn nữa là sự vật trong đó, Kinh Phật còn có chỗ khuyết thiếu, không cùng mới thực sự phản ánh hết lẽ trời đất, mới quý giá vậy. Từ hai ví dụ trên, có thể thấy, *sự chưa hoàn mỹ, khuyết thiếu âu cũng là cái lí của vạn vật trong vũ trụ*. Vì thế, công trình tuy đã khép lại nhưng chúng tôi vẫn nhận thấy còn nhiều vấn đề liên quan chưa được đề cập hoặc giải quyết thấu đáo như: dự báo trong các giai đoạn VXTSTĐ, dự báo trong các thể loại VXTSTĐVN, sự vận động của từng phương thức dự báo, so sánh dự báo trong VXTSTĐVN với văn xuôi tự sự Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, so sánh dự báo phương Đông và phương Tây… Dẫu vậy, với chúng tôi, sự khuyết thiếu đó lại như một làn hương hư hoặc, một mặt nạ bí ẩn, một lời vẫy gọi đầy quyến rũ, cho nhiều vấn đề được đặt ra mà chúng tôi hi vọng có điều kiện được theo đuổi trong những công trình tiếp theo được xem như là sự tiếp nối và phát triển của luận án như: sự chuyển hoá của dự báo từ văn học dân gian đến văn học hiện đại; kí hiệu học dự báo; những nghiên cứu chuyên biệt dưới góc nhìn văn hoá, phân tâm học dự báo… Vì thế, có thể xem luận án này mang tính chất tiền đề, nền tảng, cơ sở và sự "tiên báo" cho những công trình chuyên biệt nghiên cứu về dự báo trong tương lai.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

A. BÀI BÁO

1. Trần Thị Thanh Nhị (2010), "Giấc mơ và những hành trình khám phá", *Tạp chí Khoa học và giáo dục*, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, Số 03 (15), tr. 121-129.
2. Trần Thị Thanh Nhị (2012), "Motip giấc mộng trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam và sự phản ánh tín ngưỡng sùng bái tự nhiên", *Kỷ yếu hội thảo khoa học Nghiên cứu và dạy học ngữ văn trong bối cảnh ngày nay*, tr. 133-143.
3. Trần Thị Thanh Nhị (2012), "Mộng trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam và mối quan hệ với các thành tố văn hoá tâm linh", *Kỉ yếu hội thảo khoa học Cán bộ trẻ các trường Đại học sư phạm toàn quốc lần thứ hai*, Nxb Đại học Huế, tr. 401- 413.
4. Trần Thị Thanh Nhị (2013), "Khảo sát các biểu tượng tính dục gắn với mộng trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 49(83), 8-2013, tr.109-115.
5. Trần Thị Thanh Nhị (2014), "Không gian nghệ thuật trong văn chương chịu ảnh hưởng đạo Mẫu (Khảo sát trong văn học dân gian và trung đại)", *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế*, tập 93, số 5, tháng 7, tr. 229-237.
6. Trần Thị Thanh Nhị (2014), "Tìm hiểu một số đặc điểm đạo Mẫu trong thể loại chầu văn", *Tạp chí Khoa học và giáo dục*, Trường Đại học Sư phạm Huế - Đại học Huế, số 02(30), tr. 40-47.
7. Trần Thị Thanh Nhị (2015), "Nhân vật Cao Biền trong văn học Việt Nam từ góc nhìn văn hoá phong thuỷ", *Kỉ yếu hội thảo khoa học Cán bộ trẻ các trường Đại học sư phạm toàn quốc lần thứ năm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr. 205-215.
8. Trần Thị Thanh Nhị (2016), "Dấu ấn tư tưởng phong thuỷ trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Thủ đô, số 9, tháng 10/2016, tr. 51-61.
9. Trần Thị Thanh Nhị (2016), "Tính chất kí hiệu của điềm triệu trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam", *Kí hiệu học - Từ lí thuyết đến ứng dụng trong nghiên cứu và dạy học ngữ văn (Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia)*, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr. 317-32.
10. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Phân loại và đặc điểm các phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số tháng 3, tr. 57-67.
11. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Các phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam nhìn từ vai trò củng cố nền vương quyền", *Nghiên cứu và giảng dạy ngữ văn trong bối cảnh đổi mới giáo dục (Kỉ yếu hội thảo quốc gia)*, Nxb Đại học Huế, tr. 291-301.
12. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Kiểu nhân vật thầy địa lí (phong thuỷ) trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học*, Đại học Huế, số tháng 5, tr. 5-19.

13. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Khảo sát thời gian nghệ thuật gắn với các phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học*, Đại học Thủ đô, số tháng 2, tr. 70-80.
14. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Nhân vật trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam dưới góc nhìn tướng thuật", *Tạp chí Khoa học*, Đại học Sư Phạm Hà Nội, số tháng 2, tr. 34-41.
15. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Vấn đề ma thuật, bùa chú trong các phương thức dự báo dưới góc nhìn văn hoá (Khảo sát trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam)", *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tập 14, số 5 (2017), 13:19, tr. 29-41.
16. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Dấu ấn sùng bái tự nhiên trong các phương thức dự báo (Khảo sát trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam)", *Tạp chí Khoa học và công nghệ*, Trường Đại học Khoa học Huế, tập 9, số 2, (06), tr. 31-42.
17. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Một số nội dung tiêu biểu của các phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam", *Kỉ yếu hội thảo Nghiên cứu sinh*, Đại học sư phạm Hà Nội, tr. 98-107.
18. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "The Theoretical cultural foundation of warning signs in Vietnamese medieval narrativeprose: a survey", *Tạp chí Khoa học*, trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, số tháng 5/2017EN.
19. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Hiện tượng dự báo thông qua lên đồng trong Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học và giáo dục*, Trường Đại học Sư phạm Huế-Đại học Huế, số 03(43), tr. 34-44.
20. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Dấu hiệu biểu hiện Cát - Hung trong các phương thức dự báo từ góc nhìn văn hoá (Khảo sát trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam)", *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, 03(47), tr. 64-73.
21. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Đức của đế vương nhìn từ các phương thức dự báo (Khảo sát trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam)", *Tạp chí Khoa học* Đại học Sài Gòn, số 33(58), tháng 10, tr. 133-143.
22. Trần Thị Thanh Nhị (2017), "Dự báo qua thực vật, động vật trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam từ góc nhìn phê bình sinh thái", *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Phê bình sinh thái tiếng nói bản địa, tiếng nói toàn cầu*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, tr. 469-493.

B. ĐỀ TÀI KHOA HỌC

23. Trần Thị Thanh Nhị (2013), *Đặc điểm bộ phận văn học Việt Nam ảnh hưởng tín ngưỡng Mẫu (khảo sát từ thế kỉ XVII đến XIX)*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Nghiệm thu tháng 12 năm 2014, mã số T.13 –XH – 04.
24. Trần Thị Thanh Nhị (2015), *Các phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Nghiệm thu tháng 12 năm 2016, mã số T.16-XH-05.

THƯ MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. TIẾNG VIỆT

1. Alexei V. (1013), "Chiêm tinh học và thuật bói toán tại Việt Nam cổ truyền", (Ngô Bắc dịch), http://tuvi.cohoc.net/chiem-tinh-hoc-va-thuat-boi-toan-tai-viet-nam-co-truyen-nid-216.html
2. Trần Thị An (2000), *Đặc trưng thể loại và văn bản hoá truyền thuyết dân gian Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện khoa học xã hội, H.
3. Đào Duy Anh (1996), *Từ điển Hán Việt*, Nxb Khoa học Xã hội.
4. Đào Duy Anh (2012), *Việt Nam văn hoá sử cương,* Nxb Hồng Đức.
5. Thiên Ân (2017), "Trụ đồng Mã Viện- Trụ đồng chiết, Giao Chỉ diệt: Nguy nan và nước mắt", http://webcache.googleusercontent.com/search?q=cache:http://thongtinberlin.de/thoisu/trudongmavien.htm
6. Nguyễn Quang Ân, Vũ Ngọc Khánh (biên soạn) (1995), *Kho tàng truyện truyền kì Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, H.
7. Bakhtin M., (1992), *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết*, (Phạm Vĩnh Cư dịch), Bộ văn hóa thông tin và thể thao, Trường viết văn Nguyễn Du, H.
8. Can Bảo, Đào Uyên Minh (2004), *Sưu thần kí và "Sưu thần kí hậu thế*", (Lê Văn Đình dịch), Nxb Văn học, H.
9. Trần Lê Bảo (2006), "Thể nghiệm mộng ảo của các tác gia cổ đại Trung Quốc", Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, (8), tr. 5 - 6.
10. Lê Huy Bắc (2006), "Cái kỳ ảo và văn học huyễn ảo", Tạp chí *Nghiên cứu văn học* (8).
11. Lê Huy Bắc (2009), *Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo và Gabriel Garcia Marquez*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H.
12. Bernad H. và Louis H. (Dẫn nhập và chú thích) (2006), *Kinh Thánh (Cựu ước và Tân ước),* Nxb Tôn giáo, Hà Nội,
13. Benac H. (2005), *Dẫn giải ý tưởng văn chương*, (Nguyễn Thế Công dịch) Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 301.
14. Bruhl L. (2008), "Kinh nghiệm thần bí và biểu tượng ở người nguyên thủy", *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (Ngô Bình Lâm dịch), Nxb Thế giới, H.
15. Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc (1963), *Hồng lâu mộng* (Vũ Bội Hoàng, Trần Quảng dịch), NXB Văn hóa, Viện Văn học.
16. Nguyễn Duy Cần (1997), *Phật học tinh hoa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Lê Nguyên Cẩn (1999), *Cái kì ảo trong tác phẩm của Balzac*, Nxb Giáo dục.

18. Nguyễn Kim Châu (2013), "Cấu trúc phức của thời gian trần thuật trong Truyền kì mạn lục", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (4), tr. 62-70
19. Phạm Tú Châu (2014), "Mối quan hệ giữa văn học và văn hóa tâm linh qua truyện *Đinh Tiên Hoàng ký* của Vũ Phương Đề", Hội thảo khoa học *Văn học và văn hóa tâm linh*, Viện Văn học.
20. Chevalier J - Gheerbrant A. (2002), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, (Phạm Vĩnh Cư, Nguyễn Xuân Giáo, Lưu Huy Khánh, Nguyên Ngọc, Vũ Đình Phòng, Nguyễn Văn Vỹ dịch), (Sách tái bản), Nxb Đà Nẵng.
21. Nguyễn Huệ Chi (1990), "Làm thế nào đổi mới phương pháp nghiên cứu văn học cổ. *Tạp chí Văn học*, số 1, tr. 46.
22. Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên) (1991), *Nguyễn Bỉnh Khiêm - Danh nhân văn hoá*, Bộ văn hoá thông tin và thể thao xuất bản, H.
23. Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên) (1999), *Truyện truyền kì Việt Nam*, Tập 2, (Sách tái bản), Nxb Giáo dục, H.
24. Nguyễn Huệ Chi (1999), "Bồ Tùng Linh và bộ sách Liêu Trai chí dị", *Liêu Trai chí dị*, tập 1, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
25. Nguyễn Huệ Chi (1999), "Một vài phương diện về tư tưởng và nghệ thuật của Bồ Tùng Linh trong Liêu Trai chí dị", *Tạp chí Văn học*, (5), tr. 15.
26. Nguyễn Huệ Chi (1999), "Tìm hiểu các dạng truyện kì ảo trong văn học trung đại và cận đại Đông Tây" (in trong *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học*), Viện Văn học.
27. Nguyễn Huệ Chi (2013), *Văn học cổ cận đại Việt Nam - Từ góc nhìn văn hóa đến các mã nghệ thuật*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H.
28. Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê (Giới thiệu - Trích dịch - Chú thích) (1989), *Chiến quốc sách*, Nxb Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.
29. Doãn Chính (chủ biên) (1997), *Đại cương triết học Trung Quốc*, NXB chính trị quốc gia, H.
30. Nguyễn Khoa Chiêm (2003), *Nam triều công nghiệp diễn chí*, (Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thuý Nga dịch, chú và giới thiệu), Nxb Hội nhà văn, H.
31. Phan Huy Chú (1961), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Sử học.
32. Mai Ngọc Chừ (1998), *Văn hoá Đông Nam Á*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
33. Nguyễn Thị Dung (2013), "Thế giới kì ảo trong mộng, một phương thức phản ánh đặc biệt về thế giới của người xưa", *Tạp chí Văn hóa dân gian*, (6), tr. 39.
34. Nguyễn Thị Dung (2014), "Nguyễn Dữ với việc sử dụng phương thức mộng ảo trong "Truyền kỳ mạn lục", Hội thảo khoa học *Văn học và văn hóa tâm linh*, Viện Văn học.
35. Nguyễn Đăng Duy (1998), *Nho giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội.

36. Nguyễn Đăng Duy (2002), *Văn hóa tâm linh*, Nxb Văn hóa thông tin.
37. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học khoa học và xã hội nhân văn (2007), *Huyền thoại và văn học*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
38. Đặng Anh Đào (2006), "Vai trò của cái kì ảo trong truyện và tiểu thuyết Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (8).
39. Nguyễn Tấn Đắc (2001), *Truyện kể dân gian đọc bằng type và motip*, Nxb Khoa học xã hội, H.
40. Nguyễn Định (Chủ biên) (2002), *Văn học dân gian Sông Cầu*, Uỷ ban Nhân dân huyện Sông Cầu.
41. Nguyễn Định (2007*), "*Yếu tố thần kì trong truyền thuyết nhân vật người Việt ở Nam Trung bộ*", Tạp chí Văn hóa dân gian*, (3), tr. 20.
42. Lê Quý Đôn (2013), *Kiến văn tiểu lục*, quyển 2, (Nguyễn Trọng Điềm dịch), Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
43. Vương Ngọc Đức (chủ biên) (1996), *Bí ẩn của phong thủy*, (Trần Đình Hiến dịch), Nxb Văn hóa thông tin, H.
44. Vương Duy Đức (2008), *Bốc phệ chính tông*, (Vĩnh Cao biên dịch), Nxb Thuận Hóa.
45. Vũ Tiến Đức, "Ly kì chuyện tìm long mạch của vua Gia Long"
Nguồn: http: //kienthuc.net.vn/tham-cung/ly-ky-chuyen-tim-long-mach-cua-vua-gia-long-323094.html.
46. Frazer J. (2007), *Cành vàng - Bách khoa thư về văn hoá nguyên thuỷ*, (Ngô Bình Lâm dịch), Nxb Lao động
47. Freud S. (2005), *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, (Ngụy Hữu Tâm với sự cộng tác của Nguyễn Hữu Khôi và Phan Bá), Nxb Thế giới, H.
48. Freud S. (2001), *Nguồn gốc của văn hóa và tôn giáo*, (Lương Văn Kế dịch), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
49. Lê Gia (2000), *Dịch học giản yếu*, Nxb Văn hóa thông tin
50. Đoàn Lê Giang (2006), "Thời trung đại trong trong văn học các nước khu vực văn hóa chữ Hán", *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (12).
51. Lê Giảng (2009), *Khoa học với những giấc mơ*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
52. Lê Sĩ Giáo (1998), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, H.
53. Guiley R. (2005), *Từ điển tôn giáo và các thể nghiệm siêu việt*, (Nguyễn Kiên Trường và nhóm cộng sự dịch), Nxb Tôn giáo, H.
54. Gurevich A. (1996), *Các phạm trù văn hóa trung cổ*, (Hoàng Ngọc Hiến dịch), Nxb Giáo dục, H.

55. Vũ Thanh Hà (2012), "Từ điểm nhìn sử gia đến điểm nhìn tác giả tiểu thuyết chương hồi chữ Hán Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 8, tr. 88.
56. Nguyễn Thị Bích Hải (2007), "Truyền thống hiếu kì trong văn học Trung Quốc", *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (81), tr. 48-52.
57. *Nguyễn Thị Bích Hải* (2010), "Phật giáoViệt Nam - Con đường đồng hành cùng dân tộc", in trong *Văn hoá, Phật giáo với 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Văn hoá - Thông tin, H.
58. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (chủ biên) (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
59. Lê Thị Hiền (2013), *Khảo sát và nghiên cứu một số truyện thơ tiêu biểu của người Thái tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, H.
60. Phan Thị Thu Hiền (Chủ biên) (2017), *Hợp tuyển văn học cổ điển Hàn Quốc*, (Jeon Hye Kyung, Bae Yang Soo, Nguyễn Thị Bích Hải, Trần Thị Bích Phượng, Phan Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Hiền… dịch), Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
61. Tiêu Hiển (2002), *Phong thủy đại sư Lưu Bá Ôn*, Tập 1, Nxb Văn hóa Thông tin.
62. Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H.
63. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Trần Hữu Tá… (Chủ biên) (2004), *Từ điển văn học bộ mới*, Nxb Thế giới, H.
64. Lưu Kiến Hoa (2002), *Văn hóa cổ Trung Hoa Chu Công mộng đàm*, Nxb Văn hóa dân tộc tỉnh Quảng Tây, (Nguyễn Đăng Định dịch), Nxb Văn hóa dân tộc.
65. Thiệu Vĩ Hoa (2012), *Thuật xem tướng người*, (Minh Tân biên dịch), Nxb Thời đại, H.
66. Thiệu Vĩ Hoa, (2003), *Chu Dịch với dự đoán học*, (Mạnh Hà dịch), Nxb Văn hóa.
67. Nguyễn Xuân Hoà (1998), *Ảnh hưởng của tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc đến tiểu thuyết cổ điển Việt Nam*, Nxb Thuận Hoá, Huế
68. Kiều Thu Hoạch (2007), *Truyện Nôm lịch sử phát triển và thi pháp thể loại*, Nxb Giáo dục.
69. Phan Kế Hoành (1983), "Quan niệm âm dương vừa xung khắc vừa hoà hợp qua một số truyện cổ dân gian Việt Nam", *Tạp chí Văn hoá dân gian,* số 2, tr. 54-59.
70. Hội Folklore Châu Á (2006), *Giá trị và tính đa dạng của Folklore Châu Á trong quá trình hội nhập*, Nxb Thế giới.
71. Nguyễn Thị Huế (Chủ biên) (2012), *Từ điển Type truyện dân gian Việt Nam*, Nxb Lao động, H.
72. Cù Hựu, Nguyễn Dữ (1999), *Tiễn đăn tân thoại* (Phạm Tú Châu dịch), *Truyền kì mạn lục* (Trúc Khê Ngô Văn Triện dịch), Nxb Văn học, H.

73. Phạm Đặng Xuân Hương (2013), *Đặc điểm thể loại sử thi chương ở Việt Nam - Trường hợp Chương Han của người Thái - Tây Bắc*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội, H, tr. 83.
74. Vũ Thị Hương (2011), *"*Sưu thần kí và vấn đề thể loại chí quái*", Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (2), tr. 53.
75. Trần Đình Hượu (1996), *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb Văn hoá thông tin.
76. Trần Đình Hượu (1999), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, H.
77. Trần Đình Hượu (Tuyển tập) (2007), *Trần Đình Hượu tuyển tập*, tập 1, Nxb Giáo dục, H.
78. Trần Đình Hượu (2007), *Các bài giảng về tư tưởng phương Đông,* (Lại Nguyên Ân biên soạn), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
79. Trần Đình Hượu (2011), "Nho giáo, ảnh hưởng của nó. Vấn đề ngày xưa và ngày nay ở nước ta" http://nguyenducmau.blogspot.com/2011/11/nho-giao-anh-huong-cua-no-van-e-ngay.html
80. Phan Duy Kha, Lã Duy Lan, Đinh Công Vĩ (2003), *Nhìn lại lịch sử*, Nxb Văn hoá Thông tin, H.
81. Vương Khả (1999), "Lược sử Đạo giáo Việt Nam", *Tạp chí Văn hoá*, (2), tr. 81.
82. Đinh Gia Khánh (2002), *Văn học Việt Nam từ nửa đầu thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII*, Nxb Giáo dục.
83. Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương (1978), *Văn học Việt Nam thế kỉ X nửa đầu thế kỉ XVIII* (Tập 1), Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H.
84. Phan Khoang (1967), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb Khai trí, Sài Gòn.
85. Trần Trọng Kim (2008), *Nho giáo*, Nxb Văn hóa thông tin, H.
86. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, Nxb Văn học, H.
87. Ngô Cao Lãng (1995), *Lịch triều tạp kỉ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 346
88. Lưu Bái Lâm (1994), *Phong thủy - Quan niệm của người Trung Quốc về môi trường sống*, (Đinh Công Kỳ biên dịch), Nxb Đà Nẵng, tr. 50- 51.
89. Nguyễn Hiến Lê (1992), *Đại cương triết học Trung Quốc - Liệt Tử và Dương Tử*, Nxb Tp Hồ Chí Minh.
90. Ngô Sỹ Liên (1976), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, H.
91. Trần Mạnh Linh (2010), *Khai môn Phong thủy*, Nxb Văn hóa Thông tin.
92. Lê Nguyên Long (2006), "Về khái niệm cái kì ảo và văn học kì ảo trong nghiên cứu văn học", *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (9).

93. Lotman M. (2004) *Cấu trúc của văn bản nghệ thuật*, (Trần Ngọc Vương, Nguyeenc Thị Thu Thuỷ và Trịnh Bá Đĩnh dịch), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
94. Lê Đình Khẩn (2002), *Từ vựng gốc Hán trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ chí Minh.
95. Đặng Văn Lung, Nguyễn Sông Thao, Đặng Văn Trụ (tuyển chọn) (1997), *Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, H.
96. Đặng Văn Lung, Võ Thị Hảo (2002), *Nghiên cứu văn nghệ dân gian Việt Nam - Tuyển chọn một số công trình*, tập 2, Nxb Văn hóa dân tộc.
97. Nguyễn Hữu Lương (1971), *Kinh Dịch với Vũ trụ quan Đông Phương*, Nxb Nhà tuyên ủy Phật giáo.
98. Likhachev X. (2010), *Thi pháp văn học Nga cổ*, (Phan Ngọc dịch), Nxb Văn học.
99. Hoàng Thị Tuyết Mai (2014), "Thơ Nôm Kỳ Thuỵ của các chúa Trịnh - Khúc xạ từ quan điểm quan phương về tai dị và việc lành", *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (3), tr. 101.
100. Trần Thanh Mại (1961), "Những câu chuyện thần linh ma quái", Tạp chí *Nghiên cứu văn học* (2).
101. Meletinsky M. (2005), *Thi pháp của huyền thoại*, (Trần Nho Thìn, Song Mộc dịch), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
102. Nguyễn Thị Ngọc Minh (2012), "Ba cách tiếp cận khái niệm diễn ngôn", http://phebinhvanhoc.com.vn/ba-cach-tiep-can-khai-niem-dien-ngon/
103. Vương Thị Nhị Mười (2006), *Phong thủy địa lý Tả Ao chính tông*, 4 tập, Nxb Mũi Cà Mau.
104. Nguyễn Đăng Na (1986), "Tìm hiểu quan điểm biên soạn và phương pháp biên soạn Việt điện u linh của Lí Tế Xuyên", *Tạp chí Văn học*, (1), tr. 23.
105. Nguyễn Đăng Na (1997), "Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại - Những bước đi lịch sử", *Tạp chí Văn học*, (7), tr. 16.
106. Nguyễn Đăng Na (2001), *Đặc điểm văn học Việt Nam trung đại - Những vấn đề văn xuôi tự sự*, Nxb Giáo dục, H.
107. Nguyễn Đăng Na (2001), *Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam*, tập 1, *Truyện ngắn*, Nxb Giáo dục.
108. Nguyễn Đăng Na (2001), *Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam*, tập 2, *Kí*, Nxb Giáo dục.
109. Nguyễn Đăng Na (2001), *Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam*, tập 3, *Tiểu thuyết chương hồi*, Nxb Giáo dục.
110. Đào Ly Na (2014), "Thi pháp truyện truyền kì trong văn học Việt Nam giai đoạn hậu kì trung đại", Hội thảo khoa học *Văn học và văn hóa tâm linh*, Viện Văn học, tr. 1-2.
111. Nguyễn Phong Nam (2015), *Truyện truyền kỳ Việt Nam, đặc điểm hình thái - văn hoá và lịch sử*, Nxb Văn học, Hà Nội.

112. Nguyễn Thị Kim Ngân (2014), *Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết nhìn từ góc độ dịch chuyển không gian trong truyện cổ tích và truyện truyền kì Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội, H.
113. Trần Nghĩa (Chủ biên) (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 1, Nxb Thế giới, H.
114. Trần Nghĩa (Chủ biên) (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 2, Nxb Thế giới, H.
115. Trần Nghĩa (Chủ biên) (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 3, Nxb Thế giới, H.
116. Trần Nghĩa (Chủ biên) (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 4, Nxb Thế giới, H.
117. Phan Ngọc (2006), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học, H.
118. Trần Ích Nguyên (2000), (Phạm Tú Châu, Trần Băng Thanh, Nguyễn Thị Ngân dịch), *Nghiên cứu so sánh Tiễn đăng tân thoại và Truyền kỳ mạn lục*, Nxb Văn học, H.
119. Nguyễn Tôn Nhan (1995), *Nho giáo Trung Quốc*, Nxb Văn hoá, H.
120. Nguyễn Thị Nhàn (2012), "Yếu tố chiêm mộng trong truyện thơ Nôm" http://www.pupuneko.net/tabid/330/itemid/4991/default.aspx
121. Dã Hạc Lão Nhân (2014), *Tăng san bốc Dịch*, (Vĩnh Cao biên dịch), Nxb Văn hóa Thông tin.
122. Nhiều tác giả (2010), *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
123. Nhiều tác giả (1999), *Những vấn đề lí luận và lịch sử văn học*, Viện Văn học xuất bản
124. Nhiều tác giả (2007), *Huyền thoại và văn học*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
125. Nhiều tác giả (2005), *Văn học Việt Nam, từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII*, Nxb Giáo dục.
126. Nhiều tác giả (2004), *Phân tâm học và văn hóa tâm linh*, (Đỗ Lai Thuý biên soạn), Nxb Văn hóa thông tin.
127. Nikulin.N.I. (2000) *Văn học Việt Nam và giao lưu quốc tế*, (Nguyễn Hữu Sơn tuyển chọn và giới thiệu), Nxb Giáo dục
128. Nikulin.N.I. (2000), "Thần thoại Việt - Mường về cây thế giới và sự hình thành văn học", (Vũ Thanh dịch), *Tạp chí Văn hoá dân gian*, số 4 (72).
129. Đặng Thị Oanh (2012), *Biểu tượng nước từ văn hoá đến văn học dân gian của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
130. Ngô Gia Văn Phái (2006), *Hoàng Lê nhất thống chí*, (Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch dịch, Trần Nghĩa giới thiệu), Nxb Văn học, H.
131. Hoàng Phê (Chủ biên) (2008), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
132. Ngô Nguyên Phi (2002), *Nghiên cứu phong thủy và phong thủy Việt Nam dưới góc độ khoa học*, Nxb Văn hóa thông tin.

133. Nguyễn Khắc Phi (2001), *Mối quan hệ giữa văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc- qua cái nhìn so sánh*, Nxb Giáo dục.
134. Cao Quốc Phiên (1998), *Dân tộc học Trung Quốc cổ*, Nxb Văn hoá thông tin, H.
135. Đỗ Thị Mỹ Phương (2015), "Nhân vật mang màu sắc kì ảo trong truyện truyền kì Việt Nam trung đại", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (1), tr. 82-93.
136. Đỗ Thị Mỹ Phương (2016), *Truyện truyền kì Việt Nam thời trung đại nhìn từ phương diện tổ chức cốt truyện và xây dựng nhân vật*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
137. Lê Ngọc Phương (2014), "Cảm thức tâm linh và những huyền thoại tâm linh trong văn học châu Mỹ Latinh hiện đại qua trường hợp văn học hiện thực huyền ảo", Hội thảo khoa học *Văn học và Văn hóa tâm linh,* Viện Văn học, H.
138. Ngô Thị Phương (2015), "Chân dung Nho sĩ và tư tưởng của Nguyễn Dữ trong truyền kì mạn lục", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (1).
139. Lê Văn Quán (2008), *Chu dịch - Vũ trụ quan*, Nxb Văn hóa thông tin, H.
140. Diêu Vĩ Quân, Trịnh Vĩnh Tường, (Vương Ngọc Đức chủ biên) (1996), *Bí ẩn của bát quái*, (Trần Đình Hiến dịch), Nxb Văn hóa thông tin.
141. Diêu Vĩ Quân - Vương Ngọc Đức (chủ biên) (2004), *Bí ẩn của tướng thuật*, (GS. Lê Huy Tiêu, GS. Nguyễn Đức Sâm, Thụ Ân dịch), Nxb Văn hóa thông tin.
142. Diêu Vĩ Quân, Diêu Chu Huy (2006), *Bí ẩn của chiêm mộng và vu thuật*, Nxb Văn hóa thông tin, H.
143. Cao Bá Quát, Trương Quốc Dụng (2004), *Mẫn Hiên thuyết loại*, (Hoàng Văn Lâu dịch), Nxb Hà Nội.
144. Quốc sử quán triều Nguyễn (1963), *Đại Nam thực lục tiền biên Tập 1*, Nxb Sử học, Hà Nội, tr. 346.
145. Quốc sử quán triều Nguyễn, (2006), *Đại Nam liệt truyện*, (Đỗ Mộng Khương, Hoa Bằng hiệu đính), Nxb Thuận Hoá, Huế.
146. Riftin L. (2012), "Tính chất ký hiệu của chân dung nhân vật bằng ngôn từ trong văn học cổ điển Trung Quốc", (Trần Đình Sử dịch), *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (11).
147. Riftin L. (2012), "Sự ra đời và phát triển của tiểu thuyết cổ điển Việt Nam", (Phạm Tú Châu dịch), *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (11), tr. 43, 57.
148. Ngô Thì Sĩ (2012), *Đại Việt sử kí tiền biên*, Nxb Hồng Bàng, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội
149. Lưu Đạo Siêu, Chu Vĩnh Ích (1996), *Trạch cát thần bí*, (Lê Huy Tiêu, Nguyên Đức Sâm, Đoàn Việt Thắng, Thụ Ân dịch), Nxb Văn hóa thông tin.

150. Lê Hữu Sơn (2011), "Đặc điểm loại hình tác gia trung đại", http://www.vusta.vn/vi/news/Thong-tin-Su-kien-Thanh-tuu-KH-CN/Dac-diem-loai-hinh-tac-gia-van-hoc-Trung-dai-41063.html.
151. Nguyễn Hữu Sơn (1998), "Về khả năng tích hợp các yếu tố folklore trong sách Thiền uyển tập anh", *Tạp chí Văn hóa dân gian,* (1).
152. Nguyễn Hữu Sơn (1998), *Khảo sát loại hình tiểu truyện thiền sư trong Thiền uyển tập anh*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Văn học.
153. Nguyễn Hữu Sơn (2000), "Về thi pháp và việc nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam", *Tạp chí Văn học*, (11), tr. 63 - 68.
154. Nguyễn Hữu Sơn (2001), "Thiền uyển tập anh - Tác phẩm mở dầu loại hình văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại", *Tạp chí Văn học*, (8), tr. 63.
155. Nguyễn Hữu Sơn (2008), "So sánh kiểu truyện người lạc cõi tiên trong văn học Việt Nam với tiểu thuyết Cửu Vân Mộng (Hàn Quốc)", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (6), tr. 78.
156. Nguyễn Hữu Sơn (2010), "Về giấc mơ của đại sư Khuông Việt và một môtip nhân vật độc đáo", *Tạp chí Khuông Việt*, (5), tr. 47- 51
157. Nguyễn Hữu Sơn (2013), "Nhận diện loại hình tác gia văn học trung đại Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (10).
158. Ngô Thì Sĩ (2012), *Đại Việt sử kí tiền biên*, Nxb Hồng Bàng Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, H.
159. Trần Đình Sử (2005), *Tuyển tập*, tập 1, Nxb Giáo dục.
160. Trần Đình Sử (2005), *Tuyển tập*, tập 2, Nxb Giáo dục.
161. Nguyễn Hữu Sử, Trần Quang Đức (2014), "Thần hoá và vương quyền qua bút pháp vu sử trong bộ *Đại Việt sử kí toàn thư*", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* số 11 (137), tr. 100-112
162. Taylor B. (2000), "Văn hóa nguyên thủy", (Huyền Giang dịch), *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật Hà Nội*.
163. Bùi Duy Tân (1994), *Khảo và luận một số thể loại tác giả - tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
164. Vũ Thanh (1994), "Những biến đổi của yếu tố kỳ và thực trong truyện ngắn truyền kỳ Việt Nam", *Tạp chí Văn học*, (6), tr. 25.
165. Vũ Thanh (1996), "Thánh Tông di thảo - Bước đột khởi trong tiến trình phát triển của thể loại truyện ngắn Việt Nam trung đại", *Tác phẩm mới*, (8), tr. 78-82.
166. Vũ Thanh (2006), "Đóng góp của Nguyễn Dữ cho thể loại truyền kì Đông Á", Bài viết tham dự hội thảo quốc tế, Viện Văn học Việt Nam và Viện Harvard-Yenching Hoa Kỳ tổ chức.

167. Vũ Thanh (2008), "Những biến đổi trong nghệ thuật tự sự của truyện truyền kỳ Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX", Hội thảo khoa học *Tự sự học lần thứ II*, Đại học Sư phạm Hà Nội, H.
168. Vũ Thanh (2014), "Chức năng nghi lễ tâm linh và giá trị văn học trong Việt điện u linh", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (4), tr. 11-12.
169. Trần Thị Băng Thanh, Vũ Thanh (biên soạn) (2001), *Nguyễn Bỉnh Khiêm về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, H.
170. Lê Mạnh Thát (1999), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb Tp Hồ Chí Minh.
171. Phạm Văn Thắm (2011), *Khảo cứu nghệ thuật truyện truyền kì chữ Hán Việt Nam thời trung đại*, (Đề tài NCKH cấp bộ), Viện KHXH, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
172. Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
173. Thái Luân Thi (2010), *Mệnh, mộ phong thủy yếu quyết*, Nxb Thời đại, H.
174. Nguyễn Cảnh Thị (2011), *Hoan Châu kí*, (Nguyễn Thị Thảo dịch, Trần Nghĩa giới thiệu), Nxb Thế giới, H.
175. Tư Mã Thiên (2007), *Sử kí*, (Phan Ngọc dịch), Nxb Văn hoá Thông tin Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây.
176. Lã Nhâm Thìn, Vũ Thanh (Chủ biên) (2016), *Giáo trình văn học Trung đại Việt Nam* (2 tập), Nxb Giáo dục Việt Nam, H.
177. Lã Nhâm Thìn - Vũ Anh Tuấn (đồng chủ biên) (2016), *Hợp tuyển các công trình nghiên cứu văn học dân gian và văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
178. Trần Nho Thìn (2006), "Thi pháp truyện ngắn trung đại Việt Nam", *Tạp chí Văn học* (9), tr. 69.
179. Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, H.
180. Trần Nho Thìn (2011), *Tiếp cận tác phẩm trong chương trình phổ thông trung học có liên quan đến văn hoá chính trị cổ trung đại*, Tài liệu tập huấn phát triển chuyên môn giáo viên trường trung học phổ thông chuyên, môn Ngữ văn, H.
181. Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H.
182. Trần Nho Thìn (2015), "Giáo sư Trần Đình Hượu và hướng tiếp cận văn hoá học trong nghiên cứu văn học", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (5), tr. 8.
183. Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H.
184. Ngô Đức Thịnh (2004), "Thế giới quan bản địa", *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 4, tr 3
185. Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, H.

186. Ngô Đức Thịnh (2013), *Văn hoá thờ Nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và Châu Á bản sắc và giá trị*, Nxb Thế giới
187. Nguyễn Đăng Thục (1991), *Lịch sử triết học Đông phương* (trọn bộ 5 tập), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
188. Nguyễn Đăng Thục (1996), *Thiền học Việt Nam*, Nxb Thuận Hoá, tr. 161.
189. Nguyễn Đăng Thục (1998), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, 7 tập, Nxb Tp Hồ Chí Minh.
190. Nguyễn Thanh Tùng (2006), "Truyện Hà Ô Lôi - Một hiện tượng lạ của truyện ngắn Việt Nam thế kỉ X-XIV", *Tạp san Ngữ văn học*, số 1, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
191. Nguyễn Thanh Tùng (2008), "Hiện tượng biến đổi giới trong văn học Việt Nam trung đại - một vài nhận xét", Bài viết tham gia hội thảo khoa học *Giới trong văn học và ngôn ngữ học*, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức. Nguồn: http://nguvan.hnue.edu.vn
192. Đỗ Lai Thúy (1999), *Từ cái nhìn văn hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, H.
193. Đỗ Lai Thuý (2007), "Quan hệ văn hoá và văn học từ cái nhìn hệ thống", http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/cac-binh-dien-cua-van-hoa/42-do-lai-thuy-quan-he-van-hoa-va-van-hoc-tu-cai-nhin-he-thong.html.
194. Hoàng Thị Thùy (2012), *Dân ca nghi lễ dân tộc Hmông*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
195. Lương Duy Thứ, Đặng Đức Siêu… (Tuyển dịch) (1994), *Truyện chí quái, chí nhân, chí dị, truyền kì Trung Hoa*, Nxb Văn hoá - Thông tin Hà Nội.
196. Nguyễn Thị Tịnh Thy (2011), *Nghệ thuật tự sự trong tiểu thuyết của "Mạc Ngôn"*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 79-80.
197. Todorov T. (2008), *Dẫn luận về văn chương kì ảo*, (Lê Hồng Sâm, Đặng Anh Đào dịch), Nxb Đại học Sư Phạm, H.
198. Ngô Tất Tố (1953), *Kinh Dịch*, Nxb Mai Lĩnh.
199. Lm. Stêphanô Huỳnh Trụ, (2011), "Tiên tri, ngôn sứ, sứ ngôn", http://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/MucVu/29TienTriNgonSuSuNgon.htm
200. Cao Trung (1974), *Dã đàm Tả Ao*, Nxb Sài Gòn, Sài Gòn.
201. La Quán Trung, (1988), *Tam Quốc diễn nghĩa*, (Phan Kế Bính dịch) Nxb Văn học, H.
202. Trương Đăng Trung (2014), "Mối quan hệ giữa quyền lực và diễn ngôn văn chương qua trường hợp *Lĩnh Nam chích quái*", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 2, tr. 89.
203. Bùi Thanh Truyền (2006), *Yếu tố kì ảo trong văn xuôi đương đại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, H.

204. Bùi Thanh Truyền (2005), "Truyện kì ảo trong đời sống văn học Việt Nam đương đại", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*.
205. Tạ Chí Đại Trường (2003), *Sử Việt đọc vài quyển* http://www.vietnamvanhien.net/suvietdocvaiquyen.pdf.
206. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần, người và đất Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin.
207. Tạ Chí Đại Trường (2014), *Những bài dã sử Việt*, Nxb Tri thức.
208. Nguyễn Thanh Tú (2014), "Không gian tâm linh trong tiểu thuyết về đề tài chiến tranh", Hội thảo khoa học *Văn học và văn hóa tâm linh*, Viện Văn học.
209. Hoàng Tuấn (2007), *Lý thuyết tam nguyên cửu vận và nguyên lý dự báo cổ*, Nxb Văn hóa Thông tin.
210. Lý Minh Tuấn (1999), *Dịch học tân thư*, Nxb Phương Đông.
211. Vũ Anh Tuấn (2013), *Trở lại vấn đề quan niệm văn học dân gian, góp thêm ý kiến về mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam thời trung đại*, http://nguvan.hnu.edu.vn/Nghiencuu/Vanhocdangian/tabid/99/newstab/57/Default.aspx
212. Thích Thanh Từ (Phật lịch: 2541- 1997), *Tam tổ Trúc Lâm giảng giải*, Thiền viện Thường Chiếu.
213. Trang Tử (1992), *Nam hoa kinh*, (2 tập), (Thu Giang Nguyễn Duy Cần dịch và bình chú), Nxb Hà Nội.
214. Phùng Văn Tửu (2006), "Những hướng đổi mới của văn học kì ảo thế kỉ XX", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (5).
215. Phùng Văn Tửu (2007), "Phương thức huyền thoại trong sáng tác văn học", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (10).
216. Hoàng Tiến Tựu (1990), *Văn học dân gian Việt Nam*, (Tập 2), Nxb Giáo dục.
217. Uỷ ban khoa học xã hội (1980), *Lịch sử văn học Việt Nam* (tập 1), Nxb Khoa học xã hội, H.
218. Trịnh Hiểu Vân (2008) *Văn hoá nước*, (Nguyễn Minh Đức dịch), Nxb Thế giới, H.
219. Đinh Phan Cẩm Vân (2000), "Cái kỳ trong tiểu thuyết và truyền kỳ", *Tạp chí Văn học*, (10), tr. 49-50.
220. Lã Bất Vi (2009), *Lã Thị xuân thu*, (Phan Văn Các dịch), Nxb Lao động - Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây
221. Viện Sử học (1977), *Lê Qúi Đôn toàn tập, Kiến văn tiểu lục*, Tập 2, Nxb Khoa học xã hội
222. Viện Văn học, Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2015), *Di sản văn học Nguyễn Bỉnh Khiêm - Tư tưởng và khuynh hướng thẩm mĩ* (Kỷ yếu hội thảo khoa học).
223. *Việt sử lược*, (Trần Quốc Vượng dịch và chú giải) (2005), Nxb Thuận Hoá, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Huế.

224. Trần Ngọc Vương (1995), *Loại hình học tác giả - Nhà Nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, H.
225. Trần Ngọc Vương (1999), *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội
226. Trần Ngọc Vương (Chủ biên) (2007), *Văn học Việt Nam thế kỷ X-XIX- những vấn đề lí luận và lịch sử*, Nxb Giáo dục.
227. Trần Ngọc Vương (2010), *Thực thể Việt nhìn từ các tọa độ chữ*, Nxb Tri thức.
228. Bùi Văn Vượng (Chủ biên) (2000), *Kho tàng truyện Nôm khuyết danh*, Nxb Văn học, H.
229. Thân Tải Xuân (1998), "Đạo giáo và truyền kì đời Đường", *Tạp chí Hán Nôm*, (4),
230. Lê Thu Yến (2005), "Thế giới tâm linh trong sáng tác Nguyễn Du", *Tạp chí Văn học*, (7).
231. Lê Thu Yến (2012), "Phép thuật, bói toán, phong thủy - Niềm tin tâm linh trong văn học trung đại", *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. http://www.hcmup.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=11849%3Aphep-thut-tng-s-boi-toan-phong-thy--nim-tin-tam-linh-trong-vn-hc-trung-i&catid=119%3Avan-hoc-viet-nam&Itemid=7243&lang=zh&site=30
232. Lê Thu Yến (2014), "Giá trị hiện thực của yếu tố tâm linh trong văn học trung đại", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, (4), tr. 4-5,11-12.
233. Lê Thu Yến, Đàm Anh Thư (2012), "Mộng - Niềm tin tâm linh trong văn học trung đại", *Tạp chí khoa học*, Trường Đại học Sài Gòn, số chuyên đề Văn học

II. TIẾNG ANH

234. Bickley, John T. (2013), *Dreams, Visions, and the Rhetoric of Authority*, Ph.D. Dissertation, Florida State University.
235. Canuteson, John (1969), "The Crucifixion and Second Coming of Christ" Modern Philology, Vol. 66, No. 4, May, p. 296.
236. Crisp, Tony. (2017), "Native American Dream Beliefs", http://dreamhawk.com/dream-encyclopedia/native-american-dreambeliefs/
237. Curry, Patrick (2007), "Embodiment, Alterity and Agency- Negotiating Antinomies in Divination" pp 1-24, available at http://www.patrickcurry.co.uk/papers.htm.
238. Delahoyde, Michael. (2016), "Courtly Love", Washington State University. http://public.wsu.edu/~delahoyd/medieval/love.html
239. "Divination." *Oxford Dictionaries*. Oxford, n.d. Web. 16 May 2017. https://en.oxforddictionaries.com/definition/divination

240. "Divination." *Merriiam Webster*. Merriiam Webster, n.d. Web. 16 May 2017. https://www.merriam-webster.com/dictionary/divination

241. "Divination." *Robert.* Robert, n.d. Web. 16 May 2017. http://www.le-dictionnaire.com/definition.php?mot=divination

242. "Divination". Larousse. Larousse, n.d. Web. 16 May 2017. http://www.larousse.fr/dictionnaires/francais/divination/26160

243. Field, Steven L. (2000), "Who Told the Fortunes? The Speaker in Early Chinese Divination Records", *Asia Major*, 3rd series, Vol. 13-2 pp 1-14. http://www.ihp.sinica.edu.tw/~asiamajor/issues/thirdseries.htm#2008

244. Fjelstad K., Hien.N.T. (2006), *Possessed by the Spirits: Mediumship in Contemporary Vietnamese Communities, Cornell Southest Asia program*, USA. ISBN: 978-0-877271-43-3.

245. Grant J. (2014), *The Mysteries of All Nations: Rise and Progress of Superstition*, Laws Against and Trials of witches, ancient and Modern Delusions together with strange customs, fables and tales first published in 1880), The Floating Press, ISBN:978-1-77659-878-6.

246. Kirsten W.E., Lauser A. (2011), *Engaging the Spirit World*: Popular Beliefs and Practices in Modern Southeast Asia, Berghahn Books, United States, ISBN:978-0-85745-359-4.

247. L'Encyclopédie de l'histoire du Québec (1907), *The Significance of Dreams and Visions for Indians*, Handbook of American Indians North of Mexico available at http://faculty.marianopolis.edu/c.belanger/quebechistory/encyclopedia/DreamsandVisionsofIndians.htm

248. Melton G.J.,Baumann M. (2010), *Religions of the World: A Comprehensive Encyclopedia of Beliefs and practices*, ABC-CLIO, LLC, ISBN:978-59884-203-6

249. Mitchell, Bruce. (2001), *A Guide to Old English*, Sixth Edition, Massachusetts, Blackwell Publishers, p. 139-140

250. Moreira, Isabel. (2012), "Dreams and Visions of Saints", Encyclopedia of Medieval Pilgrimage, availabe at http://dx.doi.org/10.1163/2213-2139_emp_SIM_00241

251. Native American Net Roots, 2017, "Anishinable Dreams", availabe http://nativeamericannetroots.net/diary/691

252. North, R. (1997), "Heathen gods in Old English literature*", Cambridge University Press*, Vol. 22

253. Paul O' Brien (2007), *Divination: Sacred Tools for Reading the Mind of God*, Visionary Networks Press, Portland, Oregon.

254. Porter M. (2005), "Windows of the Soul: Physiognomy in European Culture 1470-1780", *Oxford University Press*, United States, ISBN: 0-19-927657-9.

255. Rainbowresidue, "Forms of Divination Throughout History and Different Cultures", available at http://www.abovetopsecret.com/forum/thread993558/pg1.

256. Scott, A.N.N.E. (1990), "The ethics of heroism in medieval and American Indian tales", *Am Indian Alsk Native Ment Health Res*, 3(3), pp.37-58.

257. Thompson S. (1955-1958), "Motif – index of Folk – Literature, A Classification of Narrative Elements in Folk – Tale, Ballads, Myths, Fables, Medieval Romances, Exempla, Local Legends", *Indiana University Press*, available at http://www.ruthenia.ru/folklore/thompson/

258. Turner, Victor and Edith Turner. (1978), "Image and Pilgrimage in Christian Culture", Anthropological Perspectives, *Oxford University Press.*

259. Tytler G. (1982), "Physiognomy in the European Novel: Faces and Fortunes", *Princeton University Press*, New Jersy, United Kingdom.

260. Wikipedia on Dream of the Rood (2017), avaibale at https://en.wikipedia.org/wiki/Dream_of_the_Rood

261. Wikipedia on Middle Ages (2017), availabe at https://en.wikipedia.org/wiki/Middle_Ages.

262. Wikipedia on Revelations of Divine Love (2017), availabe at https://en.wikipedia.org/wiki/Revelations_of_Divine_Love

263. Zadkiel, Sibly (2005), *A Handbook of Dreams and Fortune-Telling*, Cosimo, New York, United States, ISBN: 1-59605-202-3

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

BẢN DỊCH CÁC LOẠI DỰ BÁO THÔNG DỤNG VÀ KHÔNG THÔNG DỤNG

Người dịch: ***Trần Thị Thanh Nhị***

(Nguồn: http://www.enlightened-pathways.com/typesofdiv.html)

A. CÁC LOẠI DỰ ĐOÁN THÔNG DỤNG

1. Astrology (Chiêm tinh học) là dự báo dùng các bản thể của vũ trụ như mặt trời mặt trăng hành tinh và sao.
2. Cartomancy là dự báo dùng các lá bài như bài Tarot.
3. Clairaudience là dự báo đến theo lời "nghe" rõ. Các nhà tâm lý học coi đây là một ESP (extra sensory perception hay là giác quan thứ sáu).
4. Crystallomancy là dự báo dùng quả cầu.
5. Dowsing là Divining Rods là các dự báo bằng một que củi chia hai dùng để tìm nước hay là các kim loại quý.
6. Numerology là dự báo dùng các con số, ngày, hay là số giá trị của các chữ.
7. Oculomancy là dự báo từ con mắt của một người.
8. Palmistry là cách dự báo rộng rãi bằng cách phân tích các đường chỉ tay và kết cấu của bàn tay.
9. Precognition là dự báo theo tự chính mình hay là tự cảm thấy tương lai (linh cảm).
10. Psychometry là phương cách cảm thấy từ các đồ vật và lịch sử của chúng.
11. Sciomancy là dự báo theo tâm linh.
12. Scryinglà dự báo dùng một trái cầu, gương, chén nước, mực, hay lửa để tạo nhãn quan.
13. Tasseography là dự báo bằng cách đọc lá trà còn ở trong tách nước sau khi đã uống nước trà.

B. CÁC KIỂU DỰ BÁO KHÔNG THÔNG DỤNG

1. Aeromancy là dự báo bằng cách quan sát trời và không khí, chú ý đến hình dạng của mây, tinh tú, và các hiện tượng thường không quan sát được trên trời.
2. Alectryomancy là dự báo bằng cách để một con chim mổ hạt ngô từ một vòng tròn chữ cái (Một biến thể khác là nhắc lại những chữ cái khiến cho một con gà trống gáy).
3. Aleuromancy là dự báo bằng "những chiếc bánh may mắn"; các câu trả lời cho các câu hỏi được cuộn thành các viên bột mỳ và sau khi nướng, chúng sẽ được chọn ngẫu nhiên.
4. Alomancy là dự báo bằng muối ăn.
5. Alpitomancy sử dụng những chiếc bánh đặc biệt mà những người có lương tâm trong sáng ăn vào thì tiêu hóa được nhưng những người khác ăn vào thì thấy khó chịu.
6. Anthropomancy là phương thức dự báo bằng việc hiến tế con người (vốn đã bị ngăn cấm từ lâu).

7. Apantomancy là dự báo thông qua cơ hội bắt gặp những loài vật (ví dụ như mèo đen), chim, và các sinh vật khác (tương truyền rằng, thành phố Mexico đã được thành lập khi những thầy bói Aztec trông thấy một con đại bàng bay lên từ một cây xương rồng và quắp lấy một con rắn còn sống).
8. Numberology dự báo bằng những con số và giá trị số của các chữ cái.
9. Astraglomancy hay astragyromancy là một hình thức dự báo bằng xúc xắc có mặt là chữ số và chữ cái.
10. Augury là một thuật ngữ chung chỉ nghệ thuật tiên tri và được dùng chủ yếu cho việc giải nghĩa những dấu hiệu và điềm báo.
11. Austromancy là dự báo bằng việc nghiên cứu gió.
12. Axiomancy là dự báo thông qua việc quan sát một chiếc rìu rung lên ra sao hay nó chỉ về đâu khi chặt vào cột.
13. Belomancy là một hình thức dự báo cổ xưa được thực hiện bằng cách tung hay thăng bằng những mũi tên.
14. Bibliomancy là dự báo bằng sách.
15. Botanomancy là dự báo từ việc đốt cành cây hay lá.
16. Bumpology là một thuật ngữ hiện đại, một tên gọi phổ biến cho phrenology.
17. Capnomancy là bộ môn nghiên cứu về khói bốc lên từ một ngọn lửa
18. Catoptromancy là một hình thức có trước của bói cầu thủy tinh, nó sử dụng một chiếc gương hướng về mặt trăng để thu ánh sáng.
19. Causimomancy là dự báo thông qua hành vi của các vật bị đốt trong lửa.
20. Cephalomancy là dự báo với xương sọ hay đầu của một con lừa hay dê.
21. Ceraunoscopy rút ra điềm báo từ việc nghiên cứu về sấm chớp.
22. Ceroscopy là một hình thức bói toán trong đó sáp nến nóng chảy được đổ vào nước lạnh.
23. Chiromancy là dự báo thông qua đường chỉ tay của con người.
24. Chirognomy là bộ môn nghiên cứu về hình dạng bàn tay nói chung.
25. Cleromancy là dự báo bằng việc "tung ngẫu nhiên", tương tự như xúc xắc nhưng với những vật như đá cuội hay vỏ sò.
26. Clidomancy hay cleidomancy là dự báo bằng một chiếc chìa khóa được treo lơ lửng
27. Coscinomancy là dự báo bằng cách treo một chiếc lưới lọc.
28. Critomancy là bộ môn nghiên cứu bánh lúa mạch.
29. Cromniomancy là dự báo bằng mầm củ hành.
30. Cyclomancy là dự báo bằng bánh xe xoay.
31. Dactylomancy là một hình thức sử dụng một chiếc nhẫn treo lơ lửng.

32. Daphnomancy đòi hỏi lắng nghe tiếng nổ lách tách từ những cành nguyệt quế bị đốt trong lửa.
33. Demonomancy là dự báo với sự trợ giúp của ác quỷ.
34. Dendromancy là dự báo bằng gỗ sồi hay cây tầm gửi.
35. Gastromancy là một hình thức cổ đại của thuật nói tiếng bụng khi giọng nói được hạ thấp xuống âm điệu sầu thảm và những lời phán truyền được đưa ra trong trạng thái lên đồng.
36. Geloscopy là dự báo từ âm điệu tiếng cười của một người.
37. Genethlialogy là dự báo bằng sự ảnh hưởng của các vì sao chiếu mệnh.
38. Geomancy là bộ môn nghiên cứu những biểu tượng trên mặt đất và ảnh hưởng từ những "dòng điện" của Trái đất.
39. Graphology là bộ môn phân tích tính cách qua chữ viết tay.
40. Gyromancy là một quy trình dự báo, trong đó một người đi trong một vòng tròn được đánh dấu với các chữ cái cho đến khi họ chóng mặt và vấp ngã tại những điểm khác nhau, từ đó đánh vần lời tiên tri.
41. Haruspication là phương thức dự báo bằng cách xem xét nội tạng của động vật, được thực hành bởi các linh mục trong thời La Mã cổ đại.
42. Hieromancy hay hierscopy là dự báo bằng cách quan sát những vật hiến tế thời cổ đại.
43. Hippomancy là hình thức dự báo từ hành vi dậm chân và tiếng hí của ngựa.
44. Horoscopy là hoạt động đưa ra dự báo tử vi thiên văn (cung hoàng đạo).
45. Hydromancy là dự báo bằng nước bao gồm màu sắc, nước triều lên xuống, hay những gợn sóng khi thả đá cuội vào vũng nước.
46. Ichthyomancy là dự báo bằng cá.
47. Lampadomancy là dự báo bằng ánh sáng hay đuốc.
48. Lecanomancy sử dụng một chậu nước để dự báo.
49. Libanomancy là bộ môn nghiên cứu hương nhang và khói của hương.
50. Lithomancy là dự báo sử dụng những viên đá quý nhiều màu sắc.
51. Margaritomancy là quy trình sử dụng những hạt ngọc trai bật nảy.
52. Metagnomy là dự báo bằng "ảo ảnh" được nhận trong trạng thái lên đồng.
53. Meteoromancy là dự báo bằng sao bang.
54. Metoposcopy là việc đọc cá tính thông qua những nếp nhăn trên trán.
55. Moleosophy là bộ môn nghiên cứu nốt ruồi và những dấu hiệu về tính cách và tương lai của con người.
56. Molybdomancy đưa ra những suy luận huyền bí từ tiếng chì nóng chảy.
57. Myomancy là bộ môn nghiên cứu ý nghĩa dự báo từ những hành vi của chuột.

58. Oinomancy là dự báo bằng rượu vang.
59. Omphalomancy là việc đếm có bao nhiêu nút thắt trên dây rốn để dự báo người mẹ sẽ có thêm bao nhiêu người con nữa.
60. Oneiromancy là việc giải nghĩa những giấc mơ và bản chất tiên đoán của chúng.
61. Onomancy là bộ môn nghiên cứu ý nghĩa của tên đặt.
62. Onomantics là ứng dụng của onomancy đối với tên người, đặc biệt theo hướng giải nghĩa huyền bí.
63. Onychomancy là bộ môn nghiên cứu móng tay.
64. Oomantia và ooscopy là phương pháp dự báo bằng trứng.
65. Ophiomancy là dự báo từ rắn.
66. Orniscopy và orinithomancy là bộ môn nghiên cứu những điềm báo liên quan tới chim muông, đặc biệt những loài chim đang bay.
67. Ovomancy là một kiểu dự báo bằng trứng khác.
68. Pegomancy là bộ môn nghiên cứu nước suối và đài phun nước và những điềm báo .
69. Phrenology là bộ môn nghiên cứu lâu đời về hình dạng của đầu.
70. Phyllorhodomancy là một phương thức dự báo khi người ta vỗ một cánh hoa hồng vào bàn tay và dự báo mức độ tốt lành của điềm báo theo độ to của tiếng động.
71. Physiognomy là bộ môn nghiên cứu phân tích tính cách con người thông qua các đặc điểm vật chất.
72. Psychography là một hình thức chữ viết bí ẩn có bản chất tiên tri-dự báo
73. Pyromancy và pyroscopy là những hình thức dự báo bằng lửa, thường được trợ giúp bởi những chất được ném vào lửa.
74. Radiesthesia là một thuật ngữ chung cho việc dự báo bằng thiết bị như gậy dò tìm (divining rod) hay con lắc. Những hình thức khác bao gồm "chiếc bàn dịch chuyển" được thực hành tại Nhà Trắng vào thế kỷ 19, bàn cầu cơ (Ouija), viết chữ tự động (hay viết chữ siêu tiềm thức), và bói cầu thủy tinh.
75. Rhabdomancy là dự báo bằng một chiếc que hay gậy. Những phương thức này là tiền thân của gậy dò tìm.
76. Rhapsodomancy là một phương thức dự báo bằng việc mở ngẫu nhiên một cuốn sách thơ và đọc một đoạn thơ.
77. Sideromancy là việc đốt rơm bằng sắt nóng, hình dạng thu được có những tính chất tiên tri-dự báo.
78. Sortilege là việc rút thăm và đánh giá những điềm báo được chỉ định.
79. Spodomancy là dự báo bằng than cháy dở hay bồ hóng.

80. Stichomancy là một hình thức khác của việc dự báo bằng cách mở một cuốn sách và chọn ngẫu nhiên một đoạn văn trong đó.
81. Stolisomancy rút ra điềm báo từ cách mặc đồ của con người.
82. Sycomancy được thực hành bằng cách viết những thông điệp trên lá cây; chúng càng lâu khô, điềm báo càng tốt lành. Một biến thể hiện đại là viết trên những tờ giấy (luôn có thêm một tờ giấy trắng) và cuộn chúng lại. Chúng sẽ được để trong một lưới lọc phía trên một chiếc nồi đun sôi; cuộn giấy nào mở ra đầu tiên sẽ được trả lời.
83. Tephramancy là dự báo bằng tro của vỏ cây bị đốt cháy.
84. Tiromancy là một kiểu dự báo bằng phó mát.
85. Xylomancy là dự báo thông qua hình dạng của các mẩu gỗ khi được thu lượm hay bị đốt cháy.

Phụ lục 2:

BẢN DỊCH MOTIF CÁC DỰ BÁO TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN THẾ GIỚI

Nguồn: Thompson S. (1955-1958) ***Motif – index of Folk – Literature, A Classification of Narrative Elements in Folk – Tale, Ballads, Myths, Fables, Medieval Romances, Exempla, Local Legends.*** **Indiana University Press.**

Người dịch: Trần Thị Thanh Nhị

1. A1002.2.2. Dấu hiệu của ngày tận thế qua cây củi chảy máu.
2. A1002.2.3. Dấu hiệu của ngày tận thế qua hòn đá biết nói.
3. A1002.2.4. Dấu hiệu của ngày tận thế qua cuộc di trú bất thường của loài chim.
4. A1018. Hình phạt là lũ lụt.
5. D1317.2. Cảnh báo nguy hiểm với túi mật có phép.
6. D1317.3. Cảnh báo nguy hiểm với túi da có phép thuật.
7. D1317.12. Hòn đá phép thuật như lời cảnh báo.
8. D1317.14. Xương (người) cảnh báo nguy hiểm.
9. D1317.15. Gà trống vàng trên lều cảnh báo phòng ngừa nguy hiểm.
10. D1317.16. Cảnh báo nguy hiểm của cây thương có phép.
11. D1317.17. Cây dao hát như là cảnh báo gian lận.
12. D1317.18. Sừng để uống nước có ma thuật như lời cảnh báo.
13. D1317.19. Áo choàng cảnh báo.
14. D1317.20. Cây cảnh báo nguy hiểm.
15. D1322. Vật thể phép thuật cảnh báo về cái chết.
16. D1323.1.1. Gương thần phản chiếu khuôn mặt của bất cứ người nào chết.
17. D1323.2. Cái bình thần có khả năng nhìn thấy rõ tương lai.
18. D1323.3. Những cửa sổ thần có khả năng nhìn thấy rõ tương lai.
19. D1323.4. Khối cầu phép thuật có khả năng nhìn thấy rõ tương lai.
20. D1323.4.1. Hình ảnh của đất hiển thị bằng chuông ma thuật những sự bùng nổ về nổi loạn ở bất cứ tỉnh nào.
21. D1323.5. Thuốc xoa thần đưa ra lời dự báo tương lai.
22. D1323.6. Bánh xà phòng thần đưa ra lời dự báo tương lai.
23. D1323.7. Mảng cỏ trên mái nhà thờ đưa ra lời dự báo tương lai.
24. D1323.8. Đất xốp ở sân nhà thờ đưa ra lời dự báo tương lai.
25. D1323.9. Cái ống có khả năng thìn thấu tương lai.

26. D1323.10. Cái mũ đưa ra lời dự báo tương lai.
27. D1323.11. Tóc đưa ra lời dự báo tương lai.
28. D1323.12. Có khả năng nhìn thấu tương lai bằng cách nhìn vào một vật chứa đầy nước.
29. D1323.12.1. Con suối nhìn thấu tương lai rõ.
30. D1323.13. Bột ma thuật đưa ra lời dự báo tương lai.
31. D1323.14. Cỏ bốn lá đưa ra lời dự báo tương lai.
32. D1323.15. Kính thiên văn kỳ diệu có khả năng thấy rõ cho thấy các sự kiện ở xa xôi.
33. D1323.16. Lông vũ kỳ diệu có khả năng thấy rõ.
34. D1323.17. Thắt lưng ma thuật có khả năng thấy rõ.
35. D1323.18. Lời dự báo từ lời cầu nguyện.
36. D1323.19. Đèn anh ấy nhìn vào ngọn lửa để thấy hình ảnh Đấng tối cao.
37. D1325. Vật thể ma thuật cho thấy lịch sử tương lai.
38. D1810.7. Kiến thức ma thuật từ dấu Thánh giá.
39. D1810.8. Kiến thức ma thuật từ giấc mơ.
40. D1810.8.1. Tầm nhìn cho thấy sự thực.
41. D1810.8.2. Thông tin được cho thấy qua giấc mơ.
42. D1810.8.2.2. Người mơ thấy nơi người bị chết đuối.
43. D1810.8.2.3. Biết được kẻ giết người qua một giấc mơ.
44. D1810.8.2.4. Giấc mơ nói về tình trạng của người vắng mặt đang gặp nguy hiểm.
45. D1810.8.3.1. Cảnh báo trong giấc mơ thành hiện thực.
46. D1810.8.3.1.1. Giấc mơ cảnh báo về bệnh tật hoặc thương tích.
47. D1810.8.3.2. Giấc mơ cảnh báo về nguy hiểm sẽ xảy ra trong tương lai gần.
48. D1812. Sức mạnh phép thuật của lời tiên tri.
49. D1812.0.1.1. Má bị cắn như lời cảnh báo tử thần đang đến gần.
50. D1812.0.1.2. Sự hiểu biết trước về cái chết.
51. D1812.0.2. Các Thánh đồ đã biết trước về sự xuất hiện của các người khách.
52. D1812.0.2.1. Biết trước về sự xuất hiện của người khách không muốn.
53. D1812.0.2.2. Anh hùng đã biết trước về sự xuất hiện của các người khách.
54. D1812.0.2.3. Fakir đã biết trước về sự xuất hiện của các người khách.
55. D1812.0.3. Biết trước về các thương tích trong chiến đấu (trận).
56. D1812.0.4. Biết trước về chuyện không vui của con trai hoặc các con trai.
57. D1812.0.5. Kiến thức ma thuật về những gì sẽ xảy ra với chính mình sau khi chết.
58. D1812.1. Sức mạnh của lời tiên tri từ một món quà.
59. D1812.1.1. Sức mạnh của lời tiên tri từ nàng tiên.

60. D1812.1.2. Sức mạnh của lời tiên tri từ Đức Chúa Trời.
61. D1812.2. Sức mạnh của lời tiên tri gây ra.
62. D1812.2.1. Sức mạnh của lời tiên tri gây ra bằng cách bò lùi xung quanh ngôi mộ.
63. D1812.2.2. Sức mạnh của lời tiên tri gây ra bởi lời cầu nguyện.
64. D1812.2.3. Sức mạnh của lời tiên tri từ việc vô tình uống nước từ nguồn nước kỳ diệu.
65. D1812.2.4. Sức mạnh của lời tiên tri từ người đang chết.
66. D1812.3.1. Tương lai được biết đến bởi việc ngồi trên da thú.
67. D1812.3.3. Giấc mơ cho biết tương lai.
68. D1812.3.3.0.1. Tu sỹ giải thích giấc mơ tiên tri.
69. D1812.3.3.0.2. Các nhà thơ giải nghĩa giấc mơ.
70. D1812.3.3.0.3. Người giải giấc mơ chỉnh sửa giấc mơ.
71. D1812.3.3.1. Những giấc mơ chính xác nhất vào lúc bình minh.
72. D1812.3.3.2. Giấc mơ nói về vận may do ngủ ở nơi đặc biệt.
73. D1812.3.3.3. Giấc mơ tiên tri được tạo ra bởi thần chú.
74. D1812.3.3.4. Giấc mơ tiên tri mất tác dụng sau một năm.
75. D1812.3.3.5. Giấc mơ tiên tri biểu tượng.
76. D1812.3.3.5.1. Giấc mơ biểu tượng: Tai chín và chưa chín, mỡ và thịt nạc bò cái.
77. D1812.3.3.6. Giấc mơ tiên tri bằng cách ăn thịt bò mộng.
78. D1812.3.3.7. Eva nhìn thấy Cain uống máu của Abel.
79. D1812.3.3.8. Giấc mơ của một phụ nữ (đang mang thai) về số phận của đứa trẻ chưa sinh.
80. D1812.3.3.9. Người chồng (vợ) tương lai được tiết lộ trong giấc mơ.
81. D1812.3.3.10. Giấc mơ giải thích bởi những đối lập.
82. D1812.3.3.11. Cái chết của người khác được thấy trong mơ.
83. D1812.4. Tương lai được thấy bởi điềm báo: "hiểu biết bên trong".
84. D1812.4.1. Người phụ nữ khóc khi nhìn thấy đứa con chưa chào đời của mình sẽ giết người khác.
85. D1812.5.0.1. Điềm báo qua hắt hơi.
86. D1812.5.0.2. Điềm báo qua chuyến bay của loài chim.
87. D1812.5.0.3. Hành động của lửa như một điềm báo.
88. D1812.5.0.4.1. Điềm báo từ khói nổi lên.
89. D1812.5.0.5. Điềm báo từ tình trạng gan động vật.
90. D1812.5.0.6. Điềm báo bằng cách ném đồ vật vào trong nước.
91. D1812.5.0.7. Điềm báo từ người (vật) đầu tiên gặp.
92. D1812.5.0.7.1. Người trước tiên để tham dự một số bữa tiệc sẽ là người đầu tiên không vâng lời vua.

93. D1812.5.0.7.2. Vị Thánh tuyên bố rằng người đầu tiên đến nơi nào đó sẽ là người kế nhiệm.
94. D1812.5.0.8. Điềm báo từ chuyến bay của động vật.
95. D1812.5.0.8.1. Dấu hiệu từ các đi động của động vật.
96. D1812.5.0.9. Dự đoán từ việc chó tru lên.
97. D1812.5.0.10. Điềm báo từ đám mây.
98. D1812.5.0.11. Điềm báo từ âm thanh giọng nói.
99. D1812.5.0.12. Điềm báo từ âm thanh bánh xe ngựa.
100. D1812.5.0.13. Biểu hiện ma thuật như điềm báo.
101. D1812.5.0.14. Đá biến đổi từ màu đỏ sang màu xanh lá cây như một dấu hiệu tốt.
102. D1812.5.0.15. Dấu hiệu thời tiết.
103. D1812.5.0.15.1. Điềm báo từ gió.
104. D1812.5.0.16. Các tiên đoán cho cả năm từ gió thổi vào ngày 1 tháng 1.
105. D1812.5.0.17. Tiên đoán từ lựa chọn của con đường: con trai nào được sinh ra đầu tiên.
106. D1812.5.1.1. Người phi thường như một tiên đoán xấu.
107. D1812.5.1.1.1. Nước mắt bằng máu như lời tiên đoán xấu.
108. D1812.5.1.1.2. Hai giọt máu trên sách nghĩa là hai người đã bị giết.
109. D1812.5.1.1.3. Máu (trong mơ) như một điềm báo chết chóc.
110. D1812.5.1.1.4. Sóng máu như một dấu hiệu của tử thần.
111. D1812.5.1.1.5. Những giọt máu báo trước sự giết chóc.
112. D1812.5.1.1.6. Người giặt rửa ở khúc sông cạn.
113. D1812.5.1.2. Giấc mơ xấu như điềm báo rủi ro.
114. D1812.5.1.2.1. Tầm nhìn như điềm báo xấu.
115. D1812.5.1.3. Gương vỡ như một điềm báo xấu.
116. D1812.5.1.4. Nhật thực là điềm báo xấu.
117. D1812.5.1.5. Mặt trăng cho biết điềm báo.
118. D1812.5.1.5.1. Trăng non với trăng già trong vòng tay của cô gái như một dấu hiệu của bão.
119. D1812.5.1.5.2. Mặt trăng đỏ hoặc trắng nhạt là điềm báo xấu.
120. D1812.5.1.6. Các ngôi sao cho thấy điềm báo.
121. D1812.5.1.6.1. Sirius như là một điềm xấu.
122. D1812.5.1.7. Gặp người (vật) nào đó như một điềm xấu.
123. D1812.5.1.7.1. Điềm xấu: Chào mừng trước khi bình minh.
124. D1812.5.1.8. Điềm xấu khi hai phái đoàn đưa hai cô dâu gặp nhau.
125. D1812.5.1.9. Nhìn thấy tiên cá là một điềm xấu.
126. D1812.5.1.10. Nhìn thấy một con tàu ma là điềm xấu.

127. D1812.5.1.11. Mây đỏ (xám…) là điềm xấu.
128. D1812.5.1.12.1. Chó tru lên là điềm xấu.
129. D1812.5.1.12.2. Tiếng chim gọi như là điềm xấu.
130. D1812.5.1.12.3. Nhện rơi xuống lưng người như là điềm bệnh tật.
131. D1812.5.1.12.4. Chuột gặm nhấm áo quần như điềm xấu.
132. D1812.5.1.13. Nhạc tiên như điềm ác quỷ.
133. D1812.5.1.14. Tu sĩ rơi từ ngựa một điềm xấu.
134. D1812.5.1.15. Cơn dông mưa đá là điềm xấu.
135. D1812.5.1.16. Đáy sông khô như điềm xấu.
136. D1812.5.1.16.1. Đáy sông khô như điềm xấu tử thần đang đến gần.
137. . D1812.5.1.17. Bóng ma như điềm xấu.
138. D1812.5.1.17.1. Những linh hồn đang đấu tranh trên không là điềm xấu.
139. D1812.5.1.17.2. Lá khiên va chạm nhau trên bầu trời như ác quỷ.
140. D1812.5.1.17.3. Tiếng kêu của khiên như điềm xấu.
141. D1812.5.1.18. Tuyết trên nhà là điềm xấu tử thần đang đến.
142. D1812.5.1.19. Bệnh dịch là điềm xấu.
143. D1812.5.1.20. Điềm xấu qua việc cây héo.
144. D1812.5.1.21. Quên buộc dây chó săn là điềm xấu.
145. D1812.5.1.22. Điềm xấu: Thấy chuyện lạ trên đường đi về nhà.
146. D1812.5.1.23. Người đàn ông chết bởi tai nạn khi con tàu bị cuốn đi như là điềm xấu.
147. D1812.5.1.24. Tiếng gầm của sóng báo điềm xấu cho vua.
148. D1812.5.1.25. Tấm khiên rơi là điềm xấu.
149. D1812.5.1.26. Túi sách rơi như là điềm xấu.
150. D1812.5.1.27. Quạ kêu là điềm xấu.
151. D1812.5.1.27.1. Cú kêu là điềm xấu.
152. D1812.5.1.28. Bàn đạp yên ngựa đứt như là điềm xấu.
153. D1812.5.1.29. Ác quỷ là người nhặt rác mang gỗ trên đầu.
154. D1812.5.1.30. Nơi điềm xấu.
155. D1812.5.1.31. Giẫm lên ngón chân điềm xấu.
156. D1812.5.2.1. Mắt phải nhảy lên xuống là điềm tốt.
157. D1812.5.2.2. Gặp một người (hay con vật) nào đó là điềm tốt.
158. D1812.5.2.2.1. Điềm tốt là gặp một người phụ nữ già với một cái bình có nước mới đổ.
159. D1812.5.2.3. Nghe tiếng sấm là điềm tốt.
160. D1812.5.2.4. Chim săn mồi đánh bắt mồi là điềm tốt.

161. D1812.5.2.5. Nghe tiếng chim khóc là điềm tốt.
162. D1812.5.2.5.1. Nghe tiếng chim cu cu gọi là điềm tốt.
163. D1812.5.2.5.2. Nghe tiếng cò khóc là điềm tốt.
164. D1812.5.2.6. Sao băng là điềm tốt.
165. D1812.5.2.7. Sóng gầm báo hiệu điềm may.
166. D1812.5.2.8. Điềm tốt khi xây dựng móng nhà.
167. D1812.5.2.9. Vua tìm thấy cung và mũi tên vàng biết một người thừa kế mình sẽ được sinh ra.
168. D1812.5.2.10. Chó đen là điềm tốt.
169. D1812.5.2.11. Nhện hạ xuống trước mặt là điều tốt.
170. D1812.6. Sức mạnh của lời tiên tri đã bị mất.
171. D1812.6.1. Sức mạnh của lời tiên tri bị mất do nhổ nước bọt.
172. D1813. Kiến thức pháp thuật về các sự kiện ở nơi xa xôi.
173. D1813.0.1. Gấu biết nếu có người theo dõi vết chân của mình.
174. D1813.0.2. Tiên biết người thường ra sao.
175. D1813.0.3. Người cha cảm thấy rằng con trai đang gặp nguy hiểm.
176. D1813.0.3.1. Người cha biết về cái chết của con trai từ xa.
177. D1813.1.1. Giấc mơ cảnh báo vị Hoàng đế về sự ngoại tình của vợ.
178. D1813.1.2. Giấc mơ cảnh báo vua sai lầm khi phán xét.
179. D1813.1.3. Giấc mơ cảnh báo vị vua những nguy hiểm cho vương quốc.
180. D1813.1.4. Giấc mơ cho thấy cái chết của anh hay em trai.
181. D1813.1.5. Giấc mơ cho cô gái thấy cái chết của người yêu.
182. D1813.1.6. Giấc mơ cho thấy những người khác đang gặp nguy hiểm.
183. D1813.2. Theo đuổi tiết lộ bởi ma thuật.
184. D1813.3. Răng hiểu biết cho thấy những sự kiện ở nơi xa xôi.
185. D1813.4. Đường đi của những kẻ trốn chạy được ma thuật tiết lộ.
186. D1814. Lời khuyên ma thuật.
187. D1814.1. Lời khuyên của nhà ảo thuật (thầy bói…).
188. D1814.1.1. Thầy phù thuỷ cho người đàn ông thấy hình dáng của con gà trống mà anh ta sẽ bắt được.
189. D1814.2. Lời khuyên từ giấc mơ.
190. D1814.3. Lời khuyên của thần linh.
191. D1821.3.7.3. Dự đoán bằng quả cầu.
192. H215.1. Thanh kiếm đã biến thành gỗ một cách kỳ diệu khi đao phủ chặt đầu người vô tội.

193. H215.2. Sợi dây thừng bị đứt khi người vô tội bị treo cổ.
194. H215.3. Cỏ không mọc lên: một dấu hiệu của người vô tội đã bị treo cổ ở đó.
195. M300.1. Lời tiên tri của Chúa Jêsus rằng một số người sẽ sống "cho đến khi Patrick đến".
196. M300.2. Lời tiên tri vô thức.
197. M300.3. Món quà tiên tri nhận được từ một vị tiên tri khác.
198. M300.4. Áp chế lời tiên tri.
199. M301.0.1. Tiên tri được coi như không bao giờ tin tưởng.
200. M301.0.2. Tiên tri nói sáu đêm mỗi năm.
201. M301.1. Người hoang dã như tiên tri.
202. M301.2. Bà già như tiên tri.
203. M301.2.1. Người đàn bà già giận dữ cho tiên tri đến người trẻ.
204. M301.2.2. Người phụ nữ già tiên đoán lúc trẻ chào đời.
205. M301.3. Tu sĩ như những người tiên tri.
206. M301.4. Những lời tiên tri của ông lão viết trong một cuốn sách.
207. M301.5. Các Thánh (người Thánh thiện) như là các tiên tri.
208. M301.5.1. Những lời tiên tri của Anchorite khi sinh con.
209. M301.5.2. Cuchulinn tiên đoán sự ra đời của 50 phụ nữ.
210. M301.6. Các bà tiên như những tiên tri.
211. M301.6.1. Banshees đem lại những điều nguy hiểm.
212. M301.7. Kinh Thánh xứng đáng như lời tiên tri.
213. M301.7.1. Moses như tiên tri.
214. M301.7.2. David như tiên tri.
215. M301.7.3. Abraham như người tiên tri.
216. M301.8. Lời tiên tri hiện thân.
217. M301.9. Một người ngây ngô như nhà tiên tri.
218. M301.9.1. Thằng hề (giải trí) như nhà tiên tri.
219. M301.10. Thiên thần như nhà tiên tri.
220. M301.11. Linh hồn như nhà tiên tri.
221. M301.12. Ba nữ thần định mệnh Norns, tiên tri sự ra đời của những đứa trẻ.
222. M301.13. Những hồn ma giám hộ Iceland, tiên tri thắng lợi.
223. M301.14. Triệu hồi những lời tiên tri đã chết.
224. M301.15. Ngọn núi trong hình dạng con người tiên tri cái chết của cả gia đình.
225. M301.16. Các vị thần tiên đoán cả tốt lẫn xấu về số phận của anh hùng Icelandic.
226. M301.17. Nhà vua như người tiên tri.

227. M301.17.1. Vua trong di chúc tiên báo rằng con gái của con trai mình sẽ thành công.
228. M301.18. Nhà thơ là người tiên tri.
229. M301.19. Smith là nhà tiên tri.
230. M301.20. Đứa trẻ là nhà tiên tri.
231. M301.21. Sibyl là nhà tiên tri.
232. M302.1. Tiên tri qua sự hiểu biết về ngôn ngữ động vật
233. M302.2. Số phận của con người được viết trên sọ của họ.
234. M302.2.1. Số phận được viết lên đầu.
235. M302.2.2. Số phận của con người đọc trên khuôn mặt của họ.
236. M302.3. Xuống địa ngục để học về tương lai.
237. M302.4. Tử vi được thực hiện bằng các ngôi sao.
238. M302.4.1. Tử vi cấm.
239. M302.5. Nhiệm vụ được phân công để học hỏi trong tương lai.
240. M302.6. Tiên tri ghi trên giếng.
241. M302.8. Lời tiên tri từ sách.
242. M303. Tiên tri bằng cách đọc lòng bàn tay.
243. M304. Tiên tri từ tiếng cười kỳ lạ.
244. M305. Những sấm ngữ không rõ ràng.
245. M306. Lời tiên tri kỳ lạ.
246. M306.1. Lời tiên tri kỳ lạ: Những gì bạn gieo trồng bạn sẽ không gặt hái, vv.
247. M306.3. Lời tiên tri kỳ lạ: Công chúa sẽ cưới thầy thuốc, ngư dân và hoàng tử trong một người.
248. M306.4. Lời tiên tri kỳ lạ: "Người giết bạn sẽ lớn lên ở Braja (một nơi).
249. M306.5. Lời tiên tri kỳ lạ: "Người sẽ giết con của bạn không có ở đây, nhưng trong làng".
250. M310.1. Tiên tri: Tương lai vĩ đại và danh vọng.
251. M310.1.1.1. Tiên tri về tính ưu việt của hậu duệ con người khi họ làm theo ý muốn của Thánh nhân sẽ được sinh ra.
252. M311. Lời tiên tri: Tương lai lớn lao của đứa trẻ chưa sinh.
253. M311.0.1. Sự nghiệp anh hùng đã được tiên đoán cho đứa trẻ mới sinh.
254. M311.0.2. Lời tiên tri: Sự ra đời của anh hùng tại một thời điểm nhất định.
255. M311.0.2.1. Lời tiên tri: Quan niệm về anh hùng tại một thời điểm nhất định.
256. M311.0.3. Lời tiên tri: Đứa trẻ sẽ được sinh ra India.
257. M311.0.3.1. Lời tiên tri: Đứa trẻ sẽ được sinh ra cho đôi vợ chồng không có con.
258. M311.0.3.2. Tiên tri rằng nếu Raja nên có thêm một hoàng hậu, ông sẽ có một con trai.
259. M311.0.4. Những tiếng nói thiên đường tuyên bố sự ra đời của anh hùng trong tương lai.

260. M311.1. Lời tiên tri: Cháu của vua sẽ hạ phế ông.
261. M311.2. Lời tiên tri: Con sinh vào một thời gian nhất định sẽ xây dựng các nhà thờ lớn.
262. M311.3. Tiên tri: Đứa trẻ chưa sinh sẽ thành Thánh.
263. M311.4. Tiên tri: Đứa trẻ chưa sinh sẽ thành vua.
264. M311.5. Trẻ sơ sinh sẽ trở thành người giải phóng quốc gia.
265. M311.6. Tiên tri: Đứa trẻ chưa sinh sẽ là tiên tri.
266. M312. Lời tiên tri về tương lai vĩ đại cho đứa trẻ.
267. M312.0.1. Giấc mơ về tương lai vĩ đại.
268. M312.0.2. Tiên tri về tương lai vĩ đại do loài vật đem đến.
269. M312.0.3. Tiên tri về tương lai vĩ đại nếu cậu bé sống đến mười tám tuổi.
270. M312.0.4. Giấc mơ tượng trưng của người mẹ (tầm nhìn) về sự vĩ đại của đứa trẻ chưa sinh.
271. M312.0.4.1. Giấc mơ về cây mọc rất nhiều, cho thấy sự ra đời của một vị anh hùng (vị Thánh).
272. M312.0.5. Lời tiên tri: Con trai sẽ buộc người cha vào chân một con ngựa và đánh ông năm mươi cú đánh.
273. M312.1.1. Lời tiên tri: Cuộc hôn nhân giàu có cho cô gái nghèo.
274. M312.2.1. Lời tiên tri: Con trai sẽ mạnh mẽ hơn cha.
275. M312.2.2. Tiên tri: Con trai nhỏ nhất sẽ cai trị anh em mình.
276. M312.3. Người ăn thịt chim thần sẽ trở nên giàu có (hoặc là vua.
277. M312.3.1. Người ăn cá kỳ diệu sẽ có khả năng khạc nhổ kho báu.
278. M312.3.2. Ai ăn bên ngoài trái cây sẽ trở thành một vị vua và ai ăn hạt sẽ nhả ngọc từ miệng mình mỗi lần cười.
279. M312.4. Lời tiên tri: Vẻ đẹp tuyệt vời của cô gái.
280. M312.5. Lời tiên tri: Đứa con sẽ xây một nhà thờ lớn.
281. M312.6. Tiên tri: Các đứa bé trai sẽ là cha của các Thánh.
282. M312.7. Lời tiên tri của may mắn cho đứa trẻ bị bỏ rơi.
283. M312.8. Lời tiên tri: Con người sẽ làm cho mặt trời và mặt trăng đứng yên.
284. M312.9. Lời tiên tri: Không có ai hay vua sẽ có thể đứng lên chống lại anh hùng.
285. M313. Con người đã biến thành heo rừng sẽ lấy lại hình thể con người sau cuộc hôn nhân thứ ba.
286. M314. Tiên tri: Người đàn ông (con) sẽ trở thành vua.
287. M314.0.1. Lời tiên tri: Cô gái sẽ là nữ hoàng.
288. M314.1. Lời tiên tri: Con trai bắt được con nai con vàng sẽ trở thành vua.
289. M314.2. Lời tiên tri: Vua sẽ được kế vị bởi người con trai mà ông sẽ thấy tiếp theo.
290. M314.3. Lời tiên tri: Con trẻ sẽ thành công trong việc lên ngôi.
291. M314.4. Tiên đoán về đế chế tương lai cho anh hùng trốn tránh.

292. M315. Tiên tri: Con người sẽ ăn cá hồi ma thuật và sẽ có kiến thức.
293. M316. Lời tiên tri: Sức mạnh sẽ đạt được khi sữa uống từ sọ người anh hùng.
294. M317. Tiên tri: Các cuộc thi đua không bao giờ không có một người phụ nữ lừng danh.
295. M318. Lời tiên tri: Không có rắn ở Ireland.
296. M318.1. Tiên tri: Không có rắn ở Israel.
297. M321. Tiên tri: Sống lâu dài.
298. M321.1. Chúc lành cho Thánh nhân từ thế hệ này sang thế hệ khác.
299. M322. Lời tiên tri: Con người sẽ trả thù cho cái chết của mình.
300. M323. Tiên tri: Thắng lợi dù hoàn cảnh khó khăn.
301. M324. Lời tiên tri: Thời đại vàng trong tương lai.
302. M325. Tiên tri: Vinh quang và thịnh vượng cho một dân tộc.
303. M326. . Lời tiên tri: Tương lai thành công như thợ săn.
304. M331. Công chúa sẽ kết hôn với hoàng tử.
305. M340.1. Tiên tri về nỗi đau bởi cái chết của người thân.
306. M340.2. Những lời tiên đoán bị cưỡng bức là không thuận lợi.
307. M340.3. Lời tiên tri về sự bất hạnh chung cho trẻ sơ sinh.
308. M340.4. Chú rể gặp thiên tai nếu anh cưỡi một con voi nào đã đến gặp anh.
309. M340.5. Dự báo nguy hiểm.
310. M340.6. Lời tiên báo về những điều bất hạnh lớn.
311. M341.0.1. Thánh tiên tri tiên đoán rằng một người đàn ông nào đó sẽ có một cảnh báo về cái chết sắp tới.
312. M341.0.2. Tất cả bốn mươi con trai người đàn ông đều chết ngay lập tức.
313. M341.0.3. Lời tiên tri về cái chết không thành sự thật nếu đứa trẻ kết hôn với cô gái 12 tuổi.
314. M341.1.1. Lời tiên tri: Cái chết vào ngày cưới.
315. M341.1.1.1. Lời tiên tri: Cái chết trong năm sau khi kết hôn.
316. M341.1.1.2. Lời tiên tri: Cái chết vào ngày thứ bảy của hôn nhân.
317. M341.1.1.3. Lời tiên tri về cái chết khi con gái kết hôn.
318. M341.1.1.4. Lời tiên tri: Cái chết trên lối đi vào phòng hôn nhân.
319. M341.1.2.1. Lời tiên tri: Cái chết của vua (trước ngày mai).
320. M341.1.2.2. Lời tiên tri về cái chết vào ngày thứ mười hai sau khi sinh.
321. M341.1.2.3. Lời tiên tri: Cái chết trong vòng hai tháng.
322. M341.1.2.4. Lời tiên tri: Cái chết trong ba năm và ba tháng.
323. M341.1.2.5. Lời tiên tri em bé chỉ có bảy ngày sống.
324. M341.1.3. Tiên tri: Cái chết trước một tuổi nào đó.

325. M341.1.3.1. Lời tiên tri: Đứa trẻ sẽ treo cổ trước mười lăm tuổi.
326. M341.1.3.2. Tiên tri: Chết trước mười tám tuổi.
327. M341.1.4.1. Lời tiên tri: Cái chết ở tuổi mười sáu.
328. M341.1.4.2. Tiên tri: Nguy hiểm cho đứa trẻ mới sinh bị đe dọa vào tuổi mười tám.
329. M341.1.4.3. Tiên tri: Chết khi hai mươi lăm tuổi.
330. M341.1.4.3.1. Lời tiên tri: Cái chết vào sinh nhật thứ hai mươi mốt.
331. M341.1.4.4. Tiên tri: Người đàn ông sẽ tự treo cổ khi ba mươi tuổi.
332. M341.1.4.5. Tiên tri: Chết ở tuổi sáu mươi.
333. M341.1.5. Lời tiên tri: Cái chết trong một khoảng thời gian nhất định.
334. M341.1.5.1. Lời tiên tri: Cái chết trong mười năm.
335. M341.1.5.2. Tiên đoán rằng anh hùng sẽ không sống thêm mười tám năm nữa.
336. M341.1.6. Lời tiên tri: Cái chết sau một thời gian nhất định.
337. M341.1.6.1. Lời tiên tri: Cái chết sau ba đời người.
338. M341.1.6.2. Lời tiên tri: Cái chết sau hai đời người.
339. M341.1.6.3. Lời tiên tri: Cái chết sau ba năm thống trị.
340. M341.1.7.1. Cái chết khi nhìn thấy con trai trước 12 tuổi.
341. M341.2. Tiên tri: cái chết vì nhạc cụ đặc biệt.
342. M341.2.0.1. Lời tiên tri: Cái chết bằng vũ khí đặc biệt.
343. M341.2.1. Lời tiên tri: Cái chết bởi cây tầm gửi.
344. M341.2.2. Lời tiên tri: Cái chết bởi cơn bão.
345. M341.2.3. Lời tiên tri: Chết đuối.
346. M341.2.3.1. Cái chết do đuối nước: Con người nghẹt thở đến chết khi uống nước.
347. M341.2.4. Lời tiên tri: Ba lần chết.
348. M341.2.5. Lời tiên tri: Cái chết bởi đầu con ngựa.
349. M341.2.6. Lời tiên tri: Cái chết bởi sói.
350. M341.2.7. Lời tiên tri: Cái chết do lửa.
351. M341.2.7.1. Lời tiên tri: Người có tội sẽ bị lửa đốt cháy trong ngày tận thế.
352. M341.2.8. Lời tiên tri: Cái chết bởi thuốc độc.
353. M341.2.9. Tiên tri: Chết từ tay của người đi một chiếc dép.
354. M341.2.10. Lời tiên tri: Cái chết vì sư tử đá cắn.
355. M341.2.10.1. Tiên tri: Cái chết bởi con hổ.
356. M341.2.10.2. Lời tiên tri: Cái chết từ con hổ.
357. M341.2.11. Lời tiên tri: Cái chết bởi sét đánh.
358. M341.2.12. Lời tiên tri: Cái chết qua người chồng tương lai.

359. M341.2.13. Lời tiên tri: Cái chết qua vết thương từ con quay.
360. M341.2.14. Tiên tri: Cái chết vì xương.
361. M341.2.15. Tiên tri: Cái chết từ tay của người có một cái tên nào đó.
362. M341.2.16. Lời tiên tri: Cái chết vì gai trong gạo.
363. M341.2.17. Lời tiên tri: Vua bị giết bởi cái giáo trừ phi nó được ban cho khi có mệnh lệnh.
364. M341.2.18. Lời tiên tri: Cái chết trong trận chiến.
365. M341.2.18.1. Anh hùng được giữ không đi chiến đấu để tránh bị giết.
366. M341.2.19. Tiên tri: Cái chết trong tay của một người nào đó.
367. M341.2.20. Lời tiên tri: Hàng loạt người bị giết vì bánh xe khổng lồ lăn trên khắp châu Âu.
368. M341.2.21. Lời tiên tri: Cái chết do rắn cắn.
369. M341.2.21.1. Tiên tri (thông qua giấc mơ): Cái chết từ rắn hổ mang.
370. M341.2.22. Lời tiên tri: Cái chết bởi con bê.
371. M341.2.23. Lời tiên tri: Cái chết bằng cách treo cổ.
372. M341.2.24. Lời tiên tri: Cái chết của cá sấu.
373. M341.2.25. Lời tiên tri: Người đàn ông bị nuốt bởi đất dưới chân cầu thang.
374. M341.2.26. Lời tiên tri: Con của vua chết vì thiếu nước.
375. M341.3. Lời tiên tri: Cái chết ở nơi cụ thể.
376. M341.3.1. Tiên tri: Sự chết ở Giêrusalem.
377. M341.3.2. Lời tiên tri: Cái chết giữa Erin và Alba.
378. M341.3.3. Lời tiên tri: Chết chìm trong dòng suối nào đó.
379. M341.3.4. Lời tiên tri: Chết trên bờ biển.
380. M341.4. Tiên tri: Người sắp bị tử hình tiên đoán rằng thẩm phán của ông (vua, hoàng tử) sẽ sớm gặp ông ta.
381. M341.5. Lời tiên tri: Đứa trẻ hoặc người mẹ sẽ chết.
382. M341.6. Lời tiên tri: Người tiên báo trước sự chết của chính mình.
383. M342. Tiên tri về sự sụp đổ của vương quốc.
384. M342.1. Lời tiên tri về sự sụp đổ của vua (hoàng tử).
385. M342.2. Lời tiên tri: Con sắp ra đời sẽ phá hủy dòng giống.
386. M343. Lời tiên đoán phản cha mẹ.
387. M343.0.1. Lời tiên đoán phản cha mẹ: Những người kế nhiệm vua sẽ là những kẻ giết cha mẹ.
388. M343.0.2. Lời tiên tri: Mẹ sẽ bị giết bởi những đứa con.
389. M343.1. Lời tiên tri: Bị giết bởi con rể.
390. M343.2. Lời tiên tri: Bị giết bởi cháu nội trai.

391. M343.3. Lời tiên tri: Biết người bởi cháu trai.
392. M343.4. Lời tiên tri: Cặp vợ chồng tội ác bị giết bởi con mình.
393. M343.5. Tiên tri: Cái chết từ tay cha mẹ.
394. M344. Tiên tri: Mẹ - con loạn luân.
395. M344.1. Tiên tri: Cha - con loạn luân.
396. M345. Tiên tri con gái sẽ phạm tội giết người và loạn luân và bị kết án tử hình.
397. M345.1. Lời tiên tri: Cô gái sẽ có một trăm người yêu, cưới người hầu và chết vì nhện cắn.
398. M345.1.1. Lời tiên tri: Người phụ nữ sẽ có nhiều người yêu.
399. M345.2. Tiên tri: Người đàn ông sẽ đánh lừa nhiều phụ nữ.
400. M346. Tiên tri: Đứa trẻ bị bắt cóc vào một thời gian nhất định.
401. M348. Kẻ giết người được cảnh báo bởi tiếng nói của Chúa rằng sẽ bị trả thù.
402. M351. Tiên tri rằng người thiếu niên sẽ từ bỏ tôn giáo của mình và trở thành người Cơ đốc.
403. M353. Dự đoán của chim rằng cô gái sẽ có chồng chết.
404. M354. Tiên tri rằng đứa trẻ sẽ có linh hồn bên ngoài.
405. M354.1. Tiên tri tái sinh của khỉ.
406. M355. Lời tiên tri: Đứa trẻ chưa sinh bị mù, biến dạng, ốm yếu.
407. M356.1.1. Lời tiên tri: Thua chiến trận (chiến đấu).
408. M356.1.2. Tiên tri liên quan đến số phận của anh hùng trong trận chiến.
409. M356.1.3. Lời tiên tri: Bên nào bị giết trong trận chiến đầu tiên sẽ bị đánh bại.
410. M356.1.4. Lời tiên tri: Phá hủy pháo đài.
411. M356.2. Lời tiên báo của một bệnh dịch hạch bao gồm "ngọn lửa" sẽ làm tử vong ¾ dân số của Ireland.
412. M356.4. Lời tiên tri: Quỷ dữ đến đất nước.
413. M356.5. Lời tiên tri: Kết thúc hội nghị Bàn Tròn cho các hiệp sĩ của Arthur.
414. M357. Lời tiên tri: Thảm họa trên thế giới.
415. M357.1. Lời tiên tri: Chớp lửa từ một con rồng tiêu diệt thế giới.
416. M358.1. Dự báo xấu liên quan đến chuyến đi.
417. M358.1.1. Lời tiên tri: Chết trong hành trình.
418. M358.2. Dự báo hành trình đến thế giới khác.
419. M359.1. Lời tiên tri: Vũ khí của người bị giết sẽ kể lại chuyện này cho con trai họ.
420. M359.2. Lời tiên tri: Cuộc hôn nhân của hoàng tử với người phụ nữ bình thường.
421. M359.3. Lời tiên tri: Đứa trẻ chưa sinh sẽ giết kẻ thù trả thù.
422. M359.4. Lời tiên tri: Tra tấn "với các hình thức tra tấn khác nhau”.
423. M359.5. Lời tiên tri: Nghèo đói từ khi mới chào đời.

424. M359.6. Tiên tri: Tất cả các bầy chiên sẽ chết và gia đình chết.
425. M359.7. Lời tiên tri: Người đàn ông giàu có sẽ có con trai nhưng con trai sẽ kết hôn với một cô gái nghèo.
426. M359.8. Tiên tri về đại hồng thuỷ.
427. M359.9. Tiên tri về nạn đói.
428. M359.10. Sự ăn cắp được coi như định sẵn.
429. M361.1. Lời tiên tri: Anh hùng nào đó mới lấy được Chén Thánh.
430. M362. Lời tiên tri: Cái chết của nhà cai trị để bảo đảm chiến thắng.
431. M363. Sự xuất hiện của nhà lãnh đạo tôn giáo được tiên tri.
432. M363.1.1. Tiên tri sự xuất hiện của Antichrist.
433. M363.2. Tiên tri: Đấng Messiah đến.
434. M363.2.1. Tiên tri: Phụ nữ là tổ tiên của David và Đấng Messiah.
435. M364. Những lời tiên tri khác nhau liên quan đến các Thánh đồ (hoặc người thánh thiện).
436. M364.1. Tiên tri: Tu viện của vị Thánh sẽ bị truy tố.
437. M364.1.1. Tiên tri: Thành lập nhà thờ tại một nơi nào đó bởi vị Thánh.
438. M364.2. Tiên tri: Thu thuế qua nỗ lực của vị Thánh.
439. M364.3. Tiên tri: Thánh nhân sẽ thành công trong việc cải đạo.
440. M364.3.1. Tiên tri: Những kẻ tội lỗi lên thiên đường sẽ được đánh số bằng tóc trong Thánh giá của vị Thánh.
441. M364.3.2. Tiên tri: Số lớn (số ba) được cứu nhờ đức hạnh của vị Thánh.
442. M364.4. Nơi hồi sinh của Thánh nhân tiên tri.
443. M364.4.1. Sự phục sinh của Thánh xảy ra nơi xe ngựa bị hư.
444. M364.5. Tiên tri: Vùng lân cận trong đó vị Thánh bị mất răng sẽ bị bỏ rơi bởi các dân ngoại đạo.
445. M364.6. Tiên tri: Cầu vồng sẽ xuất hiện khi một vị Thánh chết.
446. M364.7. Sự ra đời của Thánh nhân được tiên đoán.
447. M364.7.1. Sự xuất hiện của vị Thánh được tiên tri bởi các tu sĩ.
448. M364.7.2. Sự xuất hiện của Thánh nhân (Kitô giáo) được tiên tri bởi những người ngoại đạo.
449. M364.7.3. Đức Giám mục dự đoán sự ra đời của Thánh nhân.
450. M364.7.4. Tiên tri: Đứa trẻ chưa sinh sẽ là nữ tu.
451. M364.8. Lời tiên tri: Cắt bỏ xương của vị Thánh.
452. M364.8.1. Vị Thánh đoán trược sự mạo phạm đến xương của ông.
453. M364.9. Anh hùng đoán rằng một nửa số nhà thờ ở Ireland sẽ được đặt tên Ciaran.
454. M364.10. Phá hoại và xây dựng lại nhà thờ là dự kiến của Thánh.
455. M364.11. Mọi người chôn trong đất của Thánh nhân sẽ lên trời.

456. M365. Lời tiên tri: An bình vĩnh cửu trong cái chết sớm hoặc cuộc sống phiền muộn.
457. M365.1. Lời tiên tri: Anh hùng có thể giành được danh vọng nhưng chết sớm.
458. M365.2. Con trai phải can đảm và khôn ngoan nhưng không được ở lại và làm mẹ khóc.
459. M365.3. Lời tiên tri: Cô gái sẽ hoàn hảo trong tình yêu nhưng sẽ chết trong sa mạc khắc nghiệt vì tình yêu ngăn cách.
460. M366. Lời tiên tri: Anh hùng có thể giành được tình yêu của người con gái nhưng sẽ chết sớm.
461. M368. Lời tiên tri: Hình phạt của việc chiếm đoạt tài sản.
462. M369.1. Những lời tiên tri là người ta sẽ nói ba (hai) lời giả dối trước khi chết.
463. M369.2. Tiên tri liên quan đến tình yêu và hôn nhân.
464. M369.2.1. Người chồng (vợ) tương lai đã được đoán trước.
465. M369.2.1.1. Lời tiên tri của vua đưa một mẹ kế độc ác cho các con trai bà sau khi cái chết của bà được kể lại qua gia đình chim sẻ sống trên cây cạnh cửa sổ cung điện.
466. M369.2.1.2. Lời tiên tri: Công chúa sẽ lấy một thằng con hoang.
467. M369.2.2. Lời tiên tri: Những người yêu không được gặp trong cuộc đời sẽ không bao giờ thăng thiên sau khi chết.
468. M369.2.3. Lời tiên tri: Hôn nhân lúc một người mười hai tuổi.
469. M369.2.4. Lời tiên tri: Nếu Raja kết hôn với một cô gái nào đó, anh ta sẽ thịnh vượng.
470. M369.2.5. Tiên tri: Hậu duệ tình nhân sẽ phục vụ nữ hoàng.
471. M369.3. Tiên tri rằng một người nào đó sẽ chiến đấu với trận chiến đặc biệt.
472. M369.4. Tên của các vị vua tương lai đã được đoán trước.
473. M369.4.1.Tiên tri rằng con chim sẽ trở thành vua.
474. M369.5. Tiên tri liên quan đến xâm chiếm và chinh phục.
475. M369.5.1. Dấu hiệu trước khi hủy diệt Jerusalem.
476. M369.6. Tiên đoán về thời gian và địa điểm hạ cánh của những anh hùng.
477. M369.7. Tiên tri về sự ra đời của trẻ em.
478. M369.7.1.Tiên tri: Sinh đôi.
479. M369.7.2. Tiên tri về sự ra đời của người thừa kế.
480. M369.7.3. Lời tiên tri: Giới tính của đứa trẻ chưa sinh.
481. M369.8. Lời tiên tri về trẻ em sinh ra cùng một lúc.
482. M369.9. Lời tiên tri: Vua sẽ bị đấm vào đầu bởi nữ hoàng lạ.
483. M369.10. Lời tiên tri: Cậu bé trở thành thợ săn giỏi.
484. M370. Cố gắng vô ích để trốn thoát sự thực thi của lời tiên tri.
485. M370.1.1. Lời tiên tri đã được Wazir thực thi là anh ta sẽ giết Raja, nhưng vô tình gây ra cái chết cho chính mình mười hai năm sau đó.

486. M371. Bỏ mặc trẻ sơ sinh để tránh thực thi lời tiên tri.
487. M371.0.1. Bỏ trong rừng để tránh thực thi lời tiên tri.
488. M371.0.2. Cha ném bé trai của cặp sinh đôi trai - gái xuống sông để tránh những ảnh hưởng xấu của việc sinh đôi.
489. M371.1. Sự bỏ mặc (giết người) trẻ con để tránh thực thi lời tiên tri về tương lai vĩ đại.
490. M371.2. Sự bỏ mặc (giết người) trẻ con để ngăn ngừa việc thực hiện lời tiên tri con sẽ giết cha mẹ.
491. M371.3. Việc giết đứa trẻ để ngăn ngừa lời tiên tri về sự hủy hoại nó sẽ mang lại cho vương quốc.
492. M372. Giam giữ trong tháp để tránh lời tiên tri.
493. M372.1. Giam giữ trong nhà sắt ở dưới mặt đất để tránh thực thi lời tiên tri.
494. M373. Trục xuất để tránh lời tiên tri.
495. M375.1. Giết các trẻ em trai vì sợ rằng chúng sẽ thắng cha mẹ.
496. M375.2. Giết trẻ em để ngăn ngừa việc thực hiện lời tiên tri chúng sẽ giết cha mẹ.
497. M375.3. Trẻ em bị cắt hủy để tránh lời tiên tri.
498. M375.4. Người cầu hôn đã bị giết để tránh lời tiên tri.
499. M376. Chúa nuốt người vợ của anh ta đang mang thai để ngăn ngừa sinh con trai.
500. M376.1. Sự bỏ mặc của phụ nữ mang thai để tránh lời tiên tri liên quan đến đứa trẻ.
501. M376.2. Vụ giết người phụ nữ mang thai để tránh lời tiên tri.
502. M376.3. Nuốt hết đứa bé này đến đứa khác khi chúng được sinh ra vì sợ một trong chúng người sẽ vượt qua được cha.
503. M376.4. Làm chậm trễ việc sinh ra của đứa trẻ sẽ cai trị để tránh lời tiên tri.
504. M377. Thanh kiếm giết người tiêu diệt được cân và đánh chìm để tránh lời tiên tri.
505. M377.1. Viên đá giết người được nghiền thành bột và ném xuống biển xa.
506. M381. Người mà cái chết đã được tiên tri núp ở nhà thờ, nhưng vô tình bị giết vì mũi tên bắn nai bay qua cửa sổ.
507. M382. Di chuyển vô ích để tránh cái chết.
508. M391.1. Tránh thực thi lời tiên tri một cách thành công.
509. M391.1.1. Lời tiên tri về sự bất hạnh của hoàng tử đã được tránh thực thi một cách thành công.
510. M391.2. Đầu lâu lang thang đáp ứng lời tiên tri.
511. M392. Nữ hoàng chết vì sợ hãi trước lời tiên tri ác.
512. M393. Những lời tiên tri thuận lợi: Phước lành, phúc lạc.
513. M393.1. Đứa bé tuyên bố phước lành theo những quốc gia nào sẽ được lấp đầy với những gì nổi tiếng họ có sau này.
514. M394. Tiên tri anh hùng xuất hiện.

515. M395. Tiên tri: Con trai có một cái tên nào đó sẽ trở thành vua; mọi đứa con trai đều có tên vậy.
516. M396. Tiên tri: Cuộc họp chỉ diễn ra sau khi chết.
517. M397. Lời tiên tri: Thợ săn sẽ gặp một số con heo rừng.
518. M398. Sự vô ích của những lời tiên tri thời tiết.
519. N120. Sự quyết định về may mắn hoặc định mệnh.
520. N121. Xác định vận may trước khi sinh.
521. N121.1. Trẻ sinh ra với vật thể cho biết số phận.
522. N121.1.1. Tinh thần của đứa trẻ mới sinh trong đồng phục. Chúa dã quyết định số phận của tất cả mọi người.
523. N121.1.2. Trẻ sơ sinh có vũ khí và một con thú trò chơi: Định mệnh là thợ săn.
524. N121.2. Cái chết đoán trước số phận xấu xa.
525. N121.3. Số phận cô bé mới sinh sẽ là gái giang hồ.
526. N121.4. Con gái thứ bảy tiền định là ảo thuật gia.
527. N122. Những nơi may mắn hoặc không may.
528. N122.0.1. Sự lựa chọn con đường.
529. N122.1. Những nơi không may mắn.
530. N125. Chọn lựa ngẫu nhiên.
531. N125.1. Người nào có lông vũ rứt lên là thằng hề của vua.
532. N125.2. May mắn được chọn bởi vị thần trái đất mũi cong đang nhìn.
533. N125.3. Vua sẽ được chiến thắng miễn là ông cưỡi ngựa thiến bịt mỏm.
534. N125.4. Các quận được đặt tên từ người đầu tiên gặp trong quận.
535. N126. Xác định may mắn hay số phận.
536. N126.1. Xác định ai sẽ thực hiện cuộc phiêu lưu.
537. N126.2. Xác định cha của đứa con ngoài giá thú.
538. N127. Ngày may mắn.
539. N127.0.1. Các loại may mắn khác nhau cho những người sinh ra vào những ngày trong tuần.
540. N127.1. Thứ ba là ngày tốt lành.
541. N127.2. Thứ tư là ngày tốt lành (bất hạnh).
542. N127.3. Thứ năm là ngày may mắn.
543. N127.4. Thứ sáu là ngày tốt lành.
544. N128. Ngày không may.
545. N128.0.1. Những ngày trong tuần mà một số cái chết bi thảm xảy ra.
546. N128.1. Các thảm hoạ quốc gia xảy ra cùng ngày.
547. N128.2. Thứ hai và thứ tư là những ngày không may.

548. N130. Thay đổi may mắn hay số phận.
549. N131. Hành động để thay đổi vận may.
550. N131.1. Hành động thực hiện để thay đổi may mắn.
551. N131.2. Vận may thay đổi sau khi sống chung.
552. N131.2. Vặn phía tay phải có thể đem lại vận may.
553. N131.3. Muối đổ sẽ mang lại rủi ro.
554. N131.3.1. Judas Iscariot làm đổ vào bữa tiệc cuối.
555. N131.4. Vận may thay đổi sau khi thay đổi tên.
556. N131.5. Vận may thay đổi sau khi thay đổi địa điểm.
557. N134. Người thay đổi vận may.
558. N134.1. Người mang lại xui xẻo.
559. N134.1.1. Xui xẻo khi có người đàn ông ở nhà trong khi vải đang được nhuộm.
560. N134.1.2. Vợ mang lại xui xẻo cho gia đình chồng.
561. N134.1.3. Người bị mất may mắn như hình phạt.
562. N134.1.4. Tinh thần chống đối mang lại xui xẻo cho nhà.
563. N134.1.5. Hành khách mang lại xui cho tàu.
564. N135. Đối tượng thay đổi vận may.
565. N135.1. Mười ba là số không may mắn.
566. N135.2. Sở hữu tiền mang lại may mắn.
567. N135.2.1. Khám phá kho tàng mang lại may mắn.
568. N135.3. Cái áo may mắn.
569. N135.4. Dấu hiệu may mắn trên cơ thể.
570. N136. Vận xui của quan toà đem ủng đến.
571. N137. Triết gia chinh phục số phận xấu xa.
572. N140. Bản chất của may mắn và số phận - chủ đề hỗn độn.
573. N186. Người đã chế giễu niềm tin của người khác vào các ngôi sao trở thành nhà chiêm tinh đáng kính.
574. N200. Các món quà đẹp của vận may.
575. N252. Sứ giả loan báo những điều không may xảy ra liên tiếp.
576. N252.1. Các sứ giả loan báo những tai hoạ liên tiếp cho người chiến binh khi ông ra đánh trận.
577. V210. Những bậc tối cao trong tôn giáo.
578. V211.0.4. Chúa Kitô như vị tiên tri.
579. V211.1.1. Không khí thơm lành ở lễ Giáng sinh.
580. V211.1.2. Ngôi sao chiếu sáng ngày Giáng sinh.

581. V211.1.2.1. Ngôi sao lông xuất hiện trước lễ Giáng sinh.
582. V211.1.3. Đám mây lấp lánh đánh dấu nơi Giáng sinh.
583. V211.1.3.1. Ánh sáng vô vàn trong đêm Chúa Giáng sinh.
584. V211.1.4. Mẹ Đồng Trinh không đau đớn khi sinh Chúa.
585. V211.1.5. Những vật im lặng và bất động tại lễ Giáng sinh.
586. V211.1.6. Một "vương miện của gai" trong số những món quà của những người chăn cừu cho Joseph, chồng của mẹ đồng trinh Mary.
587. V211.1.7. Ba (bảy) tu sỹ đến để âu yếm trẻ sơ sinh Giêsu.
588. V211.1.8.3. Chúa Kitô như một đứa trẻ sơ sinh trong cánh tay mẹ khiến cho những cánh đồng trống trở thành cánh đồng lúa mì để bảo vệ.
589. V211.2.1. Cột lửa như là dấu hiệu của chuyến thăm của Đức Kitô.
590. V211.2.3.0.1.Thiên thần cảnh báo nguy hiểm cho Chúa.
591. V211.2.3.0.2. Vợ của Smith làm những cây đinh cho cây Thánh giá bởi vì chồng cô ấy tin Chúa là nhà tiên tri thật.
592. V211.10. Thư (sứ điệp) của Đấng Đức Kitô.
593. V211.10.1. Chúa Kitô gửi thông điệp đến các mục sư đang trên hành trình.
594. V212.1. Những cuốn sách thiêng liêng nhận được từ Đức Phật trực tiếp.
595. V212.2. Giới luật nghe từ Phật.
596. V510.1. Thiên Chúa nói với tầm nhìn cho người mộ đạo.
597. V511.1.1. Các Thánh có tầm nhìn trên trời.
598. V511.1.2. Tầm nhìn của thiên thần bảo vệ con đường lên trời chống lại ma quỷ.
599. V511.2. Tầm nhìn của địa ngục.
600. V511.2.1. Tầm nhìn của lửa của địa ngục.
601. V511.2.2. Tầm nhìn của cửa địa ngục.
602. V511.2.3. Cô gái nhìn thấy cảnh mẹ cô trong địa ngục.
603. V511.3. Tầm nhìn sự đau khổ luyện tội.
604. V511.4. Tầm nhìn của Đất Thánh.
605. V512. Tầm nhìn của phán quyết.
606. V512.1. Niềm tin của Chúa vào cân bằng.
607. V512.2. Con người có hành động tốt duy nhất là không chủ ý nhìn thấy hành động này lớn hơn tất cả các tội ác của mình trong các cán cân công lý.
608. V513. Các Thánh có những tầm nhìn kỳ diệu.
609. V513.1. Thánh khuyến khích (hướng dẫn) thông qua tầm nhìn.
610. V513.2. Tầm nhìn trái đất trong bẫy của quỷ dữ.

611. V514. Tầm nhìn không tôn giáo.
612. V515. Những viễn cảnh tượng trưng.
613. V515.1. Những viễn cảnh tượng trưng - tôn giáo.
614. V515.1.1. Tầm nhìn của ghế (ngai) trên trời.
615. V515.1.2. Vợ nhìn thấy mặt trăng đi vào miệng của chồng; chồng nhìn thấy ngôi sao vào miệng của vợ: một đứa trẻ nổi danh (Thánh) sẽ được sinh ra.
616. V515.1.3. Thánh thấy tầm nhìn của ngọn lửa bao trùm Ireland dập tắt trừ những tia lửa, sau đó ánh sáng tuyệt vời xuất hiện, xua tan bóng tối.
617. V515.1.3.1. Khi vòi sen rơi, đá nhỏ trở nên lớn hơn, đá lớn bị vứt đi.
618. V515.1.3.2. Tầm nhìn trong đó người chăn lợn nhìn thấy cây thủy tùng trên một tảng đá, với một nhà thờ ở phía trước và các thiên thần bay lân từ đó.
619. V515.1.4. Viễn ảnh của Constantine về Thập giá.
620. V515.1.5. Viễn cảnh về xương khô.
621. V515.2. Những viễn cảnh tượng trưng - chính trị.
622. V515.2.1. Tầm nhìn trong đó thuyền trưởng nhìn thấy cặp hải cẩu xám hút vào hai vú của ông ta.
623. V515.2.1.1. Tầm nhìn trong đó vua nhìn thấy con chó ông nuôi bị chó của Ireland và nước Anh cắn và chống trả nhưng cuối cùng chịu chết trong trận chiến.
624. V515.2.2. Tầm nhìn mà trong đó Thánh nhân tiên đoán trước những hậu quả của gia đình nhà vua.

Phụ lục 3:

THỐNG KÊ CÁC TRUYỆN XUẤT HIỆN TYPE/MOTIF ĐIỀM BÁO TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

(Thống kê theo Nguyễn Thị Huế (Chủ biên) (2012), *Từ điển Type truyện dân gian Việt Nam*, Nxb Lao động, H.)

STT	Truyện số	Tên truyện	Nội dung type/ motif dự báo	Trang
1	76	*Hai anh em thần Cao Sơn, Quý Minh*	Sinh nở thần kì nhờ (1) nuốt trứng, (2) nuốt sao, (3) ánh hào quang sa xuống	129
2	178	*Người anh hùng khổng lồ*	Ra đời do (a) người mẹ dẫm vào dấu chân lạ, hay (b) từ tảng đá	132
3	80	*Người anh hùng lịch sử có phép thuật*	Ra đời từ giấc mộng về đám mây ngũ sắc	134
4	83	*Sự âm phù của thần miếu*	Cầu đảo trước khi xuất trận (được mộng báo thắng)	137
5	88	*Trương Hống - Trương Hát hai vị thần sông*	Nhân vật là con thuỷ thần (Mẹ chiêm bao tắm sông bị giao long quấn)	144
6	89	*Truyền thuyết về ngôi mộ*	(8 bản kể trong dân gian): Phát hiện ra huyệt đất tốt; suy tàn vì vi phạm điều thoả ước	146
7	91	*Vị thần núi phù trợ vua*	Sự phù trợ của thần núi thông qua báo mộng	148
8	93	*Lí Công Uẩn và những điềm triệu*	Những điềm triệu (hạt mận bên trong quả khế), cây gạo bị sét đánh trong đó có bài thơ họ Lý sẽ lên thay	150
9	94	*Người anh hùng của vùng đầm lầy lên ngôi vua*	Sinh ra với ánh sáng đỏ (người mẹ mơ hoa sen, sau sinh ra người con với ánh sáng đỏ đầy nhà nên đặt tên Quang Phục); được thần ban vuốt rồng	150
10	96	*Người có khả năng sai khiến được thánh thần*	Những điềm báo: (đất đùn giếng lấp mộ người cha, nhà sư mơ long thần báo	154

			mộng có Hoàng đế đến bèn sai tiểu quét dọn; chữ trên tay đứa bé: sơn hà xã tắc); đứa trẻ sai khiến được thần Phật	
11	97	*Người dẹp loạn cát cứ lên làm vua*	Đứa trẻ có nhiều điềm triệu là vị vua tương lai: a) Táng mộ cha vào ngôi hàm rồng dưới vực xoáy nước, b) được rồng vàng cõng qua sông khi có người đuổi, c) được viên ngọc lưu ly trong lưới cá	155
12	98	*Người lãnh đạo những người đi phu nổi lên chống ngoại xâm và làm vua*	Ra đời với những dấu hiệu thần kì: mẹ nằm mộng thấy thiếu phụ áo đỏ trao cho viên ngọc (bà cầm hụt và viên ngọc vỡ tan), bên đùi trái có vết xanh đen giống đồng tiền	156
13	99	*Người phụ tá cho nhà vua được lên ngôi vua*	Sự ra đời thần kì: mẹ mơ thấy Phật trao cho bông sen kết hạt; khi ngủ có con ngựa bạch và con rồng vàng ngậm sen hồng toả hào quang ấp lên (Lê Hoàn)	157
14	101	*Sự phù trợ của thần tiên cho nhà vua tương lai*	Sinh ra nhờ sự phù trợ của thần tiên: mẹ mang thai luôn có rồng hiện ra ấp bóng	159
15	103	*Hoàng hậu sinh ra từ rắn*	Sinh ra do mẹ nằm mơ bị rắn quấn; sinh ra trong hương thơm, sao Đẩu hạ xuống, chim thú chầu về	162
16	105	*Người anh hùng là nữ tướng tài thác sinh từ pho tượng Phật*	Mẹ nằm mơ thấy đám mây bay lên trời, được chỉ cho xem bức tượng Phật Quan Âm hoá thành người con gái đẹp; người em báo mộng hết hạn ở trần gian	164
17	110	*Người con gái bị chết đuối sau hiển thánh*	Hiển thánh và âm phù: Lê Đại Hành đi diệt quân Tống, bà hiện lên trong giấc mơ hứa dâng kế sách và âm phù	169
18	111	*Người con gái nghèo khổ với câu hát khẩu khí đế vương trở thành hoàng hậu*	Người con gái tay cầm bán nguyệt; mây ngũ sắc che đầu	170

19	119	*Hai vị anh hùng thác sinh từ hoa đào, hoa huệ diệt giặc Hán*	Cặp song sinh ra đời từ giấc mộng hoa đào, hoa huệ	180
20	123	*Người anh hùng sinh ra từ giấc mộng của người mẹ về con thạch sùng*	Mẹ mộng thấy thạch sùng	184
21	124	*Người anh hùng sinh ra từ giấc mộng của người mẹ về con gấu*	Mẹ mộng thấy gấu	185
22	125	*Người anh hùng sinh ra từ giấc mộng của người mẹ về đôi chim sẻ*	Mẹ mơ thấy rồng vàng biến thành đôi chim sẻ sau sinh con trai; mơ rùa vàng và đám mây đỏ đưa mình lên trời sau sinh con gái	186
23	126	*Người anh hùng được sinh ra từ hoa sen trắng*	Mẹ mộng thấy thần trao hoa sen trắng; người anh hùng được báo mộng về trời: họ mơ sứ giả triều đình báo đã hết hạn ở trần gian	187
24	127	*Người anh hùng được sinh ra từ ngôi sao*	Mẹ nằm mộng thấy ngôi sao rơi vào miệng	188
25	128	*Người anh hùng được sinh ra từ râu rồng*	Mẹ nằm mơ thấy cưỡi và nhổ râu rồng, có mang và sinh anh hùng trong ánh sáng và hương thơm	189
26	129	*Người anh hùng được thác sinh từ rắn và rết*	Mẹ mộng thấy một người mang con rắn hổ từ phía Tây tới	190
27	130	*Người anh hùng được trời cho lưỡi gươm giết giặc*	Nhân vật được thần trao cho gươm báu	191

28	132	*Người anh hùng là các cặp vợ chồng thuỷ thần*	Ra đời từ giấc mộng về rồng vàng: mẹ nằm mộng thấy rồng vàng diễu quanh, tắm ở sông thì giao long phun giãi thơm vào; bố mộng có người bưng cá chép đến cho	193
29	123	*Người anh hùng là con của hoàng xà thuỷ thần*	Ra đời do hoàng xà quấn lấy bà mẹ; tướng lạ: cằm hổ, trán rồng, mắt sư tử	195
30	135	*Người anh hùng là con của một cây gỗ*	Cầu tự, được cây gỗ báo mộng sẽ đến làm con; Lê Thánh Tông cầu đảo được thần âm phù thắng trận	196
31	136	*Người anh hùng là con của thần cây-rắn*	Cầu tự ở chùa mộng thấy rắn; mộng thấy thiên thần đánh rơi bức tượng Quan Âm	198
32	137	*Người anh hùng là con của thành hoàng*	Cầu tự ở chùa mộng thấy thần bản thổ thành hoàng hiện lên báo sẽ đầu thai làm con	199
33	138	*Người anh hùng là con trời gửi xuống*	Ra đời từ giấc mộng được trao trẻ: đi cầu tự mộng thấy ông già trao cho đứa trẻ nói là trời cho đầu thai, sau này sẽ thành người tài giúp vua diệt giặc. Tướng mạo khác thường; hiển linh âm phù	200
34	139	*Người anh hùng là hai cặp nữ thiên thần và thuỷ thần: ra đời từ giấc mộng về hai vị thiên thần*	Người cha mơ lên trời được trao cho hai vị thiên thần làm con; nằm mộng đến động tiên lấy được sừng ngọc tê và chiếc kim tiên	201
35	140	*Người anh hùng là năm vị sơn thần đánh Triệu Đà*	Đến đền Đế Thích cầu tự mộng thấy sứ giả dẫn năm người đến cho giáng trần	202
36	141	*Người anh hùng là con của Phật*	Cầu tự ở chùa, mộng thấy có người nói là con của Phật cho họ làm con	202

37	142	*Người anh hùng là sơn thần đầu thai*	Bố được báo mộng là Ngọc Hoàng sai ba con hổ xám cũng là sơn thần xuống đầu thai làm con, người mẹ cũng mộng thấy ba con hổ xám sà chạy vào lòng	202
38	143	*Người anh hùng là thiên thần*	Hai bà mẹ cùng nằm mơ thấy Ngọc Hoàng cho một thanh niên xuống hạ giới để cứu quốc hộ dân, người thứ hai thấy ông lão cho một cái lưỡi bảo nuốt đi; khi sinh có đám mây vàng, tiếng sấm nổ, hương thơm ngào ngạt	206
39	144	*Người anh hùng là thuỷ thần đầu thai*	Mộng thấy thuỷ thần nói sẽ thác sinh làm con; sinh ra có vảy lạ	207
40	146	*Người anh hùng ra đời do mẹ dẫm dấu chân hổ*	Mẹ dẫm dấu chân hổ	211
41	147	*Người anh hùng sinh ra từ cái bọc*	Mẹ bị giao long quấn, mơ thấy có người trên trời xuống	212
42	148	*Người anh hùng ra đời từ giấc mơ về một cái kim thoa*	Mẹ thấy thần hiện lên trong mộng trao cho kim thoa	214
43	149	*Người anh hùng sinh ra từ quả trứng*	Mẹ nằm mơ thầy giao long quấn	214
44	150	*Người anh hùng sinh ra từ trứng rồng*	Mẹ nằm mộng bắt được sao hay trứng rồng hay ngọc	216
45	151	*Người anh hùng sinh ra từ cầu vồng*	Thấy có cầu vồng năm sắc trên trời nhằm thẳng vào bụng bà mẹ mà sa xuống	217

46	152	*Người anh hùng thác sinh từ đá*	Phiến đá nứt, hiện ra bài thơ nói về thần đá giáng trần	218
47	153	*Người anh hùng thác sinh từ hoa hồng*	Cha mẹ nằm mộng thấy một bông hoa hồng từ trời ném vào lòng nói là điềm tốt sinh thánh tử	219
48	154	*Người anh hùng thác sinh từ mây*	Người cha được thần báo mộng với một cô gái trong vùng. Hai vợ chồng được báo mộng ra giếng cầu khẩn, thấy đám mây hồng quấn, tối mộng thấy đứa bé xinh xắn hiện ra đầu giường; lớn lên có tài tiên đoán, được vua trọng dụng, giúp vua kén rể và đối phó kẻ địch	220
49	155	*Người anh hùng thác sinh từ ngọc*	Mẹ nằm mộng thấy ông già trao cho viên ngọc trắng	221
50	156	*Người anh hùng thác sinh từ ngựa thần*	Mẹ nằm mơ thấy con ngựa hồng	222
51	157	*Người anh hùng thác sinh từ râu rồng thần*	Ra đời từ giấc mộng về hai con cá chép đỏ hoặc rồng vàng phủ	223
52	158	*Người anh hùng thác sinh từ voi trắng*	Mộng thấy voi trắng, người kia mộng thấy cây bách diệp; công trạng từ lời tiên tri: họ mộng thấy sao Thái Âm hiện ra, soi tỏ bài thơ ghi rõ mệnh trời Trưng Trắc sẽ lên làm vua	224
53	160	*Người anh hùng xuất hiện trong giấc mơ của vua*	Người anh hùng xuất hiện trong giấc mơ của vua, có công dẹp giặc Ân, hiện lên trong giấc mộng khi vua tìm người hiền tài	225
54	160	*Người bảo vệ vua khi mới lên ngôi*	Mẹ ướm lên dấu chân lạ	226

55	165.	*Vị thần đá phò vua giúp nước*	Mẹ nằm mơ thấy rắn trắng quấn quanh	231
56	383	*Chưa đỗ ông Nghè đã đe hàng tổng*	Điềm báo đỗ đạt: Tượng thần chào, chó đá nhổm lên mừng	505
57	342	*Những lời tiên tri*	Thầy địa lí Tả Ao tìm được ngôi mả tốt phát trạng nguyên; dặn chờ đến khi con chó đá đầu đình đổ máu thì đi thi	.455
58	390	*Thầy cứu trò bằng những lời tiên tri*	Thầy đọc 4 câu thơ và làm theo cuối cùng lên làm vua	513
59	670	*Mả phát Trạng nguyên*	Thầy địa lí tìm được mả phát trạng nguyên cho người nọ, lúc đi thi chép cả truyện Nôm vào. Giám khảo đưa nhầm quyển cho vua…	751
60	699	*Trạng gặp người tiên*	Trạng được tiên đoán tương lai	780
61	700	*Trạng Lợn là con trời*	Điềm lạ: tắm ở giếng thấy ngôi sao sa bay vào trong giếng nước	780
62	739	*Câu thơ kì lạ*	Thấy câu thơ kì lạ	815

Phụ lục 4:

THỐNG KÊ CÁC PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO
TRONG TRUYỆN NÔM KHUYẾT DANH

(Khảo sát, thống kê trong Bùi Văn Vượng (Chủ biên) (2000), *Kho tàng truyện Nôm khuyết danh*, Nxb Văn học, H.)

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO										
		Tiên tri	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên	Điềm triệu	Mộng	Phong thủy	Tướng	Kinh dịch	Tử vi	Trạch cát	Lục nhâm, độn giáp, thái ất	Hình thức khác, không rõ loại hình
1	*Phạm Tải Ngọc Hoa*						x					
2	*Tryện Trinh thử*											
3	*Mã Phụng - Xuân Hương*				x							
4	*Truyện Phương Hoa*											
5	*Tống Trân Cúc Hoa*										X	
6	*Truyện Phan Trần*											
7	*Nhị Độ Mai*											
8	*Lục súc tranh công*											
9	*Phan Trần truyện dẫn giải*											

10	*Bà chúa Ba*		x	x	x		x					
11	*Hoàng Trừu*				x							
12	*Lí Công*			x			x					
13	*Truyện Lưu nữ tướng*										x	
14	*Bần nữ than*											
15	*Chuyện chàng Chuối*						x					
16	*Trinh thử tân truyện*								x			X
17	*Câu chuyện cái Tấm cái Cám*		x									
18	*Phạm Công - Cúc Hoa*		x		x		x				x	X
19	*Truyện Từ Thức*		x									
20	*Từ Thức tiên hôn*											
21	*Thoại Khanh - Châu Tuấn*											
22	*Gương sáng trời răn*			x								
23	*Truyện Trê Cóc diễn ca*											
24	*Phạm Công tân truyện*		x		x		x					X
25	*Thạch Sanh*	x	x		x		x					
26	*Truyện Trên Cóc*											
27	*Nhị Độ Mai diễn ca*		x		x							
28	*Liễu Hạnh công chúa diễn âm*		x									
	Tổng số	1	8	3	7	0	7	0	1	0	3	3

Phụ lục 5. BẢNG THỐNG KÊ PHÂN LOẠI CÁC PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

(Khảo sát, thống kê trong cuốn Trần Nghĩa (Chủ biên) (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, 4 tập, Nxb Thế giới, H.**)**

(Chúng tôi tiến hành khảo sát 738 tác phẩm, trong đó có 245 tác phẩm xuất hiện dự báo. Phần bảng biểu dưới đây thống kê số lượng dự báo xuất hiện trong 245 tác phẩm)

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
1	*Bố Cái Đại Vương*				2								2
2	*Triệu Việt Vương và Lý Nam Đế*				1								1
3	*Hiệu Úy Uy Mãnh Anh Liệt Phụ Tín Đại Vương*						1						1
4	*Bảo Quốc Trấn Linh Định Bang, Quốc Đô Thành Hoàng Đại*				1								1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
	Vương												
5	*Đô Đốc Khuông Quốc Tá Thánh Vương*						1						1
6	*Quả Nghị Cương Chính Uy Huệ Vương*				1								1
7	*Quảng Lợi Thánh Hựu Uy Tế Phu Ứng Đại Vương*	1			1								2
8	*Lệ Hải Bà vương ký*						1						1
9	*Hương lãm Mai Đế ký*				1								1
10	*Truyện Nghệ Vương*			1									1
11	*Trúc Lâm thị tịch*	1											1
12	*Linh hồn ông định ngôi cho cháu (Tổ linh định mệnh)*			1									1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
13	*Sự kiên trinh, sáng suốt của một bà phi (Phụ đức trinh minh)*	1											1
14	*Dũng lực phi thường (Dũng lực thần dị)*						1						1
15	*Áp Lãng chân nhân*	1											1
16	*Sự thần dị của Minh Không*	1											1
17	*Tờ tấu Thiên đình ứng nghiệm*		2										2
18	*Chiêm bao chữa bệnh*				1								1
19	*Ni sư đức hạnh*	1					1						2
20	*Điềm thơ để phúc về sau*	1		1									2
21	*Truyện Nhất Dạ Trạch*				1								1
22	*Truyện Đổng Thiên Vương*		1					1					2

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
23	*Truyện Bánh chưng*				1								1
24	*Truyện Man Nương*	1											1
25	*Truyện Hà Ô Lôi*		1				1						2
26	*Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu*				1								1
27	*Chuyện gã trà đồng giáng sinh*			1	1								2
28	*Chuyện đối tụng ở Long cung*		1										1
29	*Chuyện nghiệp oan của Đào Thị*		1		1								2
30	*Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*	1			3								4
31	*Truyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào*	1			1								2
32	*Truyện yêu quái ở Xương Giang*				1								1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
33	*Truyện người con gái Nam Xương*				1								1
34	*Truyện Lý Tướng quân*						1					1	2
35	*Cuộc nói chuyện thơ ở Kim Hoa*				1								1
36	*Truyện Tướng Dạ Xoa*		1										1
37	*Cổ quái bốc sư truyện*	1					6		1				8
38	*Truyện Đèn thiêng ở cửa bể*			1				1				1	3
39	*Truyện người liệt nữ ở An Ấp*		1										1
40	*Truyện nữ thần ở Vân Cát*				1								1
41	*Cuộc gặp gỡ kỳ lạ ở Bích Câu*				1								1
42	*Truyện họ Vũ ở Mộ Trạch*	1				1							2
43	*Truyện Trạng Vật*						1						1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
44	*Truyện Tể tướng xã Mộ Trạch*				1	1							2
45	*Truyện mộ tổ ở Vịnh Kiều phụ chép truyện Hiển Tích*					1							1
46	*Truyện ông Quế Am Vũ Đoán*				1								1
47	*Truyện Thượng thư Vũ Công Đạo*	1	1		1	1							4
48	*Truyện Thượng thư Lương Hữu Khánh*	2											2
49	*Truyện Trạng nguyên Lê Nại*				1								1
50	*Truyện Thượng thư Trịnh Thiết Tường*	1											1
51	*Truyện Trạng nguyên xã Dĩnh Kế*		1		1	1							3

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
52	*Truyện Phạm Trần và Đỗ Uông*		1			1							2
53	*Truyện Thám hoa Quách Giai*		1										1
54	*Truyện Lê Cảnh Tuân - phụ chép Truyện Quang Bí, Thúc Hiển, Thiếu Dĩnh*					1							1
55	*Truyện Chùa Quang Minh làng Hậu Bổng*	1			1								2
56	*Truyện Chùa Bối Khê*				1								1
57	*Truyện Thủy thần sông Kim Tung*		1										1
58	*Truyện ngôi đền thiêng ở Thanh Hoa*		1										1
59	*Truyện Cường Bạo Đại Vương*		3		1								4

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
60	*Truyện Nguyễn Giám Sinh ở La Sơn*				2								2
61	*Truyện Đinh Tiên Hoàng*					1							1
62	*Truyện mộ tổ nhà Trần*					1							1
63	*Truyện họ Vũ xã Trung Hành*				2								2
64	*Truyện bà cung phi ở làng Hoàng Xá*					1							1
65	*Truyện Trâu canh ở xã Tử Trầm*					1							1
66	*Truyện Hồ Ba Bể ở núi Côn Lôn*		1										1
67	*Truyện người nuôi hổ ở huyện Tống Sơn*		1										1
68	*Truyện ông lão mang lốt hổ*		1										1
69	*Truyện Trạng nguyên hai nước*					1	1						2

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
	Mạc Đĩnh Chi												
70	*Bảng nhãn Nguyễn Đức trinh*	1					1						2
71	*Thám hoa Đinh Lưu*				1	1							2
72	*Đông các Văn Phạm Bá Trần Bảo*				1	1							2
73	*Thượng thư Nghiêm Sơn Hầu Nguyễn Doãn Khâm*						1						1
74	*Trạng nguyên Phạm Duy Trĩ*				2								2
75	*Thượng thư trí sĩ Tuyền Quận Công Nguyễn Lê Dương Tồn*					1	1						2
76	*Thám hoa Thượng thư trí sĩ Cẩm Quận Công Nguyễn Thọ Xuân*	1			2							1	4
77	*Trí sĩ Nguyễn Quang Trạch*	1											1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
78	*Thám hoa Đông các Nguyễn Đăng Cảo*	1	1										2
79	*Nguyễn Quý Đức*		1										1
80	*Lương Hữu Khánh*	1											1
81	*Trạng nguyên Giáp Hải*			1									1
82	*Thượng thư Nguyễn Duy Thì*				1								1
83	*Trạng nguyên Nguyễn Giản Thanh*	1					1						2
84	*Thám hoa Vũ Tôn Sư*	1					1						2
85	*Quan Phục hầu Nguyễn Trãi*	1											1
86	*Mộng kí phụ tạp kí 33*	1			1								2
87	*Mộng kí phụ tạp kí 34*				2								2

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
88	*Mộng kí phụ tạp kí 35*	1			1								2
89	*Mộng kí phụ tạp kí 36*		1										1
90	*Mộng kí phụ tạp kí 37*				1							1	2
91	*Mộng kí phụ tạp kí 42*	1											1
92	*Mộng kí phụ tạp kí 45*	1											1
93	*Mộng kí phụ tạp kí 48*			1									1
94	*Lễ phi họ Nguyễn*	1				1							2
95	*Pháp Loa Tôn Giả*				1								1
96	*Thượng Kinh ký sự*		1					1					2
97	*Dốc Đầu Sấm*		1										1
98	*Thần Cửa Cờn*				2								2
99	*Mộng lạ*				1								1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
100	*Tả Chí Hầu*	1					1						2
101	*Cá voi*	1	1										2
102	*Mộng và số*								1				1
103	*Khoa cử*				1								1
104	*Điềm quái gở*			3									3
105	*Nguyễn Kính*			1									1
106	*Việc thi cử*				1								1
107	*Đỗ Uông*	1				1							2
108	*Vũ Thái Phi*			1									1
109	*Việc tai dị*			1									1
110	*Nhà họ Nguyễn ở Tiên Điền*				3								3
111	*Điếm Cây đa*			2									2

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
112	*Thần hồ Động Đình*			1	3								4
113	*Thần Tông Hoàng Đế*		1										1
114	*Hồ Gươm*			1									1
115	*Người nông phu ở An Mô*		1										1
116	*Ma Đồng Xuân*		1										1
117	*Nguyễn Công Hãng*						1						1
118	*Việc tế tự*					1							1
119	*Ông Đỗ Thế Giai và ông Hoàng Ngũ Phúc*	1		1									2
120	*Người làm mướn ở Kinh thành*		1										1
121	*Ông Nguyễn Công Hoàn*		1										1
122	*Ông Nguyễn Trọng Thường*				1								1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
123	*Tướng quân Đoàn Thượng*	1	1										2
124	*Núi Đông Liệt*		1										1
125	*Nội đạo tràng*		1										1
126	*Ông Chu Văn Trinh*	1	1										2
127	*Ông Lê Trãi*	1		1	6	1						1	10
128	*Thi hội*		1										1
129	*Cụ Thái Tể*				1								1
130	*Sông Độc*		1										1
131	*Mả tổ Quận Bằng*					1	1						2
132	*Ông Đặng Chất*		1										1
133	*Ông Nguyễn Tông Khuê*	1											1
134	*Tả Ao Tiên Sinh*					3	1					1	5

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
135	*Ông Phạm Đình Trọng*	1	1										2
136	*Ông Đặng Trần Côn*	1					1						2
137	*Đền Trần Võ*		1										1
138	*Mả tổ họ Nguyễn làng Quế Ổ*	2											2
139	*Ông Dương Công Cảo*				1								1
140	*Ông Bùi Huy Bích*				1								1
141	*Tiên Quận chúa*				1								1
142	*Ông Võ Công Trấn*		1										1
143	*Ông Nguyễn Trật*				1	1							2
144	*Chuyết Công Thiền sư*	1											1
145	*Thánh Tông Hoàng Đế*				1	1							2
146	*Ác ẩu truyện (Truyện mụ ác)*				1								1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
147	*Không tin nhảm thần quái*		1										1
148	*Thi cử đỗ đạt do tiền định*				1								1
149	*Tà không thể phạm tới chính*		1										1
150	*Vợ hiền*		1										1
151	*Cao Biền*	1		1		1							3
152	*Xét xử theo tình hình thực tế*				1								1
153	*Chuyện gặp gỡ kỳ lạ ở Việt Nam*		1	1	2			1			1		6
154	*Vân Cát Thần nữ cổ lục*				1								1
155	*Truyện hai thần nữ*							1					1
156	*Duyên lạ ở Hoa quốc*				4							1	5
157	*Truyện hai thần hiếu để*				1				1				2
158	*Lòng lành giữ vững được lái*		1						1				2

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
	thuyền												
159	*Gặp tiên ở hồ Lãng Bạc*		2										2
160	*Truyện một giấc mộng*				1								1
161	*Người trần ở thuỷ phủ*		1					1	1				2
162	*Một dòng chữ lấy được gái thần*				1								1
163	*Chuyện cũ về ông Thượng thư họ Trịnh*	1											1
164	*Truyện về Sinh Phong Đại Vương Tán trị công thần Thượng Tể Lộc Công họ Đinh*					1							1
165	*Truyện về Tĩnh Nạn công thần, Chưởng phủ, Thượng tướng Thái bảo, Cần Quận Công họ Đinh*			1									1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
166	*Chó đá*							1					1
167	*Mộ ở dưới nước*					1							1
168	*Hòn đá trên núi La Hán*				1								1
169	*Dâm nghiệp*	1											1
170	*Ma cọp*				1								1
171	*Nhìn vào việc nhỏ mà giao cho việc lớn*						1						1
172	*Quan sang cõi âm*		1		1								2
173	*Giấy thuê chết*				1								1
174	*Xem tướng xương*						1						1
175	*Giấc mộng non Thiền*				1								1
176	*Quỉ dòm nhà*				1								1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
177	*Nhà giàu tướng ăn mày*						1						1
178	*Khí đen*			1									1
179	*Xương cốt gái hiệp dưới gốc hồng mai*		1										1
180	*Xem khẩu khí biết hành trạng*	1		1									2
181	*Con buôn*		1										1
182	*Tiên giáng bút vạch chuyện giấu gấm*		1										1
183	*Nhà sư răn chuyện cờ bạc*						1`						1
184	*Cho vàng được phúc*				1	1							2
185	*Đốt văn tự được thừa phúc*			1									1
186	*Kính anh được hưởng phúc*								1				1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
187	*Rạng rỡ cửa nhà*				1	1							2
188	*Chuyện ông Kinh Lược*				1								1
189	*Đốt vàng mã thành tro*				1								1
190	*Dựng miếu thờ Đạo nhân*	1											1
191	*Như Chi được thêm tuổi thọ*				1								1
192	*Hiếu thảo trước sau*				1								1
193	*Lòng lành giữ vững được lái thuyền*		1										1
194	*Truyện quan Thái thú ở Diễn Châu*			1	1								2
195	*Truyện Trần Bá Kính*	1	1										2
196	*Truyện Tả Ao họ Nguyễn*		1			2	1						4

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
197	*Truyện Loa Đại Vương*		2										2
198	*Truyện Giáp Hải Trạng nguyên*	1	2				1						4
199	*Sự tích thần miếu xã Màn Xuyên*				1								1
200	*Truyện Trạng nguyên xã Bình Dân*				1								1
201	*Chuyện tiên Phạm Viên*	6											6
202	*Truyện Tiến sĩ Trần Danh Tiêu*				3								3
203	*Truyện Lê Kính*				1								1
204	*Truyện Tiến sĩ Nguyễn Trật*				2								2
205	*Truyện Nguyễn Mại ở Chí Linh*		1										1
206	*Truyện Thượng Thư họ Nguyễn*				1								1
207	*Truyện Thám hoa Quách Giai*		1										1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
208	*Ông Dương Tồn*					1							1
209	*Nguyễn Nghiêu Tư*				1								1
210	*Trạng nguyên họ Giáp*	2	1			1							4
211	*Họ Vũ ở xã Mộ Trạch*	1				1							2
212	*Vũ Phong*						1						1
213	*Vũ Duy Chí*	1			1	1							3
214	*Vũ Công Đạo*				1								1
215	*Lê Nại*				1								1
216	*Họ Nguyễn ở Vịnh Kiều*					1							1
217	*Họ Lương ở Ái Châu*	3											3
218	*Trịnh Thiết Tường*	1											1
219	*Họ Phạm và họ Đỗ ở huyện Gia*		1										1

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
	Phúc												
220	*Trạng nguyên đời Mạc*					1	1						2
221	*Ông Trần Bảo*				1								1
222	*Phạm Duy Trĩ*				2								2
223	*Nguyễn Thọ Xuân*				1							1	2
224	*Nguyễn Quang Trạch*	1											1
225	*Nguyễn Đăng Minh*		1										1
226	*Nguyễn Quý Đức*				1								1
227	*Tế Văn Hầu*	1		2	2								5
228	*Truyện Bạch Vân am*	5				1	3	1					9
229	*Bổ sung thêm về Bạch Vân am*	3											3
220	*Đinh Lưu*				1	1							2

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
231	*Nguyễn Giãn Thanh*	2											2
232	*Trạng nguyên họ Đào*				1							1	2
233	*Nguyễn Xí*		1			1							2
234	*Lý Thái Tổ*			1									1
235	*Ông Hội nguyên họ Trần và ông Đình nguyên họ Lưu*			1	4	1							6
236	*Hai thần kiện nhau*		1										1
237	*Việc lạ đời Hồng Đức*				1	1	1						3
238	*Truyện còn để sót: Lộc Tiên*	1											1
239	*Hoan Châu ký*	1	1	2	3	4	1	1					13
240	*Nam Triều công nghiệp diễn chí*	1	2	22	4	2	2				1	4	37
241	*Hoàng Lê nhất thống chí*	1	2	8	5	2	2		1	1		2	24

STT	Tác phẩm	PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO											Tổng số
		Tiên tri (Số lượng)	Tiếp xúc thế giới siêu nhiên (Số lượng)	Điềm triệu (Số lượng)	Mộng (Số lượng)	Phong thủy (Số lượng)	Tướng số (Số lượng)	Kinh dịch (Số lượng)	Tử vi (Số lượng)	Trạch cát (Số lượng)	Lục nhâm, độn giáp, thái ất (Số lượng)	Hình thức khác, không rõ loại hình (Số lượng)	
242	*Đào hoa mộng ký*	1	1	2	6								10
243	*Điểu thám kỳ án*				1								1
244	*Hoàng Việt Long Hưng chí*	1	1	4	1	2	1	1		1	5	4	21
245	*Việt Lam xuân thu*	1	3	9	1	1	1	1	1	1	5	2	27
	Tổng số lần dự báo xuất hiện/ Tổng số tác phẩm	83/66	76/68	79/32	144/101	54/45	45/34	10/10	8/8	3/3	8/4	51/13	561/245

Phụ lục 6:

NGHIÊN CỨU HIỆN TƯỢNG DỰ BÁO THÔNG QUA TIẾP XÚC VỚI THẾ GIỚI SIÊU NHIÊN TRONG *LÊN ĐỒNG*

(*Nghiên cứu trường hợp văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam*)

Tóm tắt: Để đoán trước tương lai vận số, con người có rất nhiều cách thức để tiến hành, trong đó tiếp xúc với thế giới siêu nhiên thông qua lên đồng là một trong những biện pháp tiêu biểu. Điều này không chỉ được thể hiện trong đời sống hiện thực mà con đi vào tác phẩm văn học như một biện pháp nghệ thuật độc đáo gắn với kĩ thuật phục bút để báo trước số phận nhân vật. Cũng thông qua phương thức dự báo lên đồng các nhà văn trung đại phản ánh đời sống văn hoá, đời sống hiện thực đương thời cũng như truyền tải quan niệm đạo đức nhân sinh: đề cao đạo đức, khuyến thiện trừng ác và thể hiện nhận thức về mối tương tác, cảm ứng giữa con người với trời đất, quỷ thần, vũ trụ.

Từ khoá: dự báo, thuật đồng cốt (mediumship), giáng bút

1. Một vài vấn đề về dự báo và lên đồng

Sự dự đoán là "một loại tiên tri trong đó thông tin về các sự kiện vị lai thu thập được thông qua người có khả năng tâm linh, thánh thần truyền linh hứng, đọc biết các biểu tượng, hay sự thay đổi ý thức. Trong khi lời tiên tri mang tầm vóc lớn liên quan đến nhiều người hay dân tộc, thì sự dự đoán chỉ liên quan đến cá nhân… Sự dự đoán dựa trên nhận biết trước, hay hiểu biết vị lai trực tiếp, hiểu biết này được tìm kiếm thông qua nhiều cách: trực giác, giấc mơ hay nhãn giới có được qua bói cầu, hoặc thông qua việc đọc các biểu tượng chẳng hạn như trong chiêm tinh, cỗ bài Tarot, xem chỉ tay, số khoa học, và các phương pháp bói toán khác" [3, tr. 680, 681]. Dự báo là một khoa học và nghệ thuật tiên đoán những sự việc sẽ xảy ra trong tương lai, trên cơ sở phân tích khoa học về các dữ liệu đã thu thập được. Khi tiến hành dự báo cần căn cứ vào việc thu thập, xử lý số liệu trong quá khứ và hiện tại để xác định xu hướng vận động của các hiện tượng trong tương lai nhờ vào một số mô hình toán học (Định lượng). Tuy nhiên, dự báo cũng có thể là một dự đoán chủ quan hoặc trực giác về tương lai (Định tính) và để dự báo định tính được chính xác hơn, người ta cố loại trừ những tính chủ quan của người dự báo. Thuật ngữ *dự báo* có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp "Pro" (nghĩa là trước) và "gnois" (có nghĩa là biết), "prognois" nghĩa là biết trước. Dự báo là sự tiên đoán có căn cứ khoa học, mang tính chất xác suất về mức độ, nội dung, các mối quan hệ, trạng thái, xu hướng phát triển của đối tượng nghiên cứu hoặc về cách thức và thời hạn đạt được các mục tiêu nhất định đã đề ra trong tương lai. Như vậy, dự báo là sự tiên đoán, bàn về tương lai, nói về tương lai. Dự báo trước hết là

một thuộc tính không thể thiếu của tư duy của con người, con người luôn luôn nghĩ đến ngày mai, hướng về tương lai. Hiện có vô số biện pháp tiên đoán, các nhà tiên đoán sử dụng phương pháp được nền văn hoá của mình tán thành. Theo những tài liệu chúng tôi có điều kiện tham khảo (xin xem *Tài liệu Từ điển tôn giáo và các thể nghiệm siêu việt* và *Phong thuỷ - Vũ trụ quan của người Trung Quốc về môi trường sống* đã dẫn ở tài liệu tham khảo) thì có rất rất nhiều cách chia, mỗi cách chia đều có những ưu và nhược điểm riêng. Phần lớn mỗi cách chia đều cố gắng bao quát các phương thức thuộc về nền văn hoá của mình nên chưa có sức bao quát chung. Dựa trên các cách chia cũ, chúng tôi tổng hợp, khái quát lại và đưa ra cách phân nhóm như sau: Nhóm 1: Dự báo thông qua linh cảm và năng lực tiên tri (tự có); Nhóm 2: Dự báo thông qua sự tiếp xúc với thế giới siêu nhiên (chủ động và bị động) (tiếp xúc với ngoại giới): hiện tượng sấm truyền, lên đồng, thánh ốp đồng, ma nhập…; Nhóm 3: Dự báo thông qua xem, phân tích các sự vật, hiện tượng tự nhiên, nhân tạo: thuật xem tướng, xem chỉ tay thuật xem phong thuỷ, thuật xem điềm triệu, thuật đoán mộng, thuật chiêm tinh, thuật xem bói mai rùa, thuật xem bói cỏ thi (bói dịch), thuật xem bói tiêm thơ, thuật bói chữ, thuật xem bói (nội tạng) động vật , thuật xem bói lá trầu, thuật xem bói cầu (gương), bàn cầu cơ, thuật xem bói bài Tarot, thuật xem bói. Ở đây, đối tượng chúng tôi quan tâm là hiện tượng dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên, mà cụ thể hơn là hiện tượng thánh nhập lên đồng, ốp đồng.

Về khái niệm *Thuật đồng cốt* (mediumship) "là sự giao tiếp trong trạng thái xuất thần với các thực thể được cho là phi thực thực thể, đôi khi đi kèm với hiện tượng tự nhiên kỳ bí. Thuật đồng cốt là một thông lệ xa xưa, phổ biến, được tiến hành để giao tiếp với thần thánh, đấng tiên tri, hồn ma người chết, thực hiện nhiều kì công siêu việt và truyền năng lượng phổ biến đời sống để chữa bệnh. Thuật đồng cốt được biết đến bằng nhiều tên gọi khác nhau như sấm truyền, thầy bói, pháp sư, nữ phù thuỷ, nữ pháp sư, thầy pháp, người chữa bệnh nam, thầy phù thuỷ, người tương đoán vị lai, đấng tiên tri và người truyền đạt. Thuật đồng cốt gồm hai nhóm chính: tinh thần và thể xác. Trong thuật đồng cốt tinh thần, đồng cốt giao tiếp thông qua nhãn giới nội tâm, nghe rõ, nói tự động và viết tự động. Thuật đồng cốt thể xác mang đặc điểm lời nói nhanh, thân xác bay bổng, hay làm đồ vật di chuyển và những hiện tượng siêu việt khác" [3, tr.525].

2. Những vấn đề liên quan đến dự báo thông qua lên đồng

So với các phương thức dự báo khác trong văn xuôi tự sự trung đại thì hiện tượng lên đồng, ốp đồng, thánh nhập, ma nhập (và những vấn đề xung quanh nó) chiếm không nhiều về số lượng nhưng hàm lượng thông tin mang đến khá dồi dào, thú vị đáng quan tâm:

Dự báo qua lên đồng giáng bút - những giá trị nhân sinh

Có thể kể đến đầu tiên là hiện tượng giải đáp hiện trạng, dự báo tương lai thông qua *lên đồng giáng bút*. Giáng bút là một hiên tượng saman giáo[55] trong văn hóa Việt có từ hàng trăm năm trước, đó là những vần thơ của các vị tiên, thánh. Theo Nguyễn Xuân Diện, giáng bút là hiện tượng "nhập thần" trong đó thực hiện nghi lễ cầu cúng để mong muốn có sự phán truyền dạy dỗ của thần linh thông qua văn tự (Hán Nôm) [4]. Trong các nghi lễ của người Việt thời trước, có một không gian nghi lễ khá đặc biệt rất đáng để ý là Thiện đàn. Ở đấy diễn ra một hình thức sinh hoạt văn hóa tâm linh độc đáo là giáng bút - một hiện tượng văn hóa tâm linh có thực trong xã hội Việt Nam, khi mọi người cầu Thánh - Thần - Tiên - Phật ban cho mình những bài thơ, thông qua một người có năng lực đặc biệt. Suốt nửa cuối thế kỷ 19, đã có nhiều Thiện đàn được mở ra ở hầu khắp các tỉnh ở Bắc Bộ: Hà Nội, Nam Định, Hà Đông, Sơn Tây, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Thái Nguyên, Hải Phòng, Ninh Bình, Hưng Yên, Phúc Yên… Hoạt động giáng bút tại các Thiện đàn nhằm thức tỉnh lòng yêu nước, chấn hưng văn hóa dân tộc và đạo làm người của toàn xã hội. Cách diễn ra của giáng bút được coi là sự nhập thần của tiên thánh vào người cầu cúng, ra lời chỉ bảo bằng thơ văn. Họ nhập đồng sau lời cầu xin và thông qua họ, tiên thánh ra chữ lên mặt chiếc mâm đồng rải gạo; có người thạo chữ nghĩa ngồi nhìn hình được vẽ đoán chữ rồi ghi thành văn tự. Lời văn thơ trong giáng bút thường khoáng hoạt, đôi lúc ẩn ý, người đọc phải đoán định về ý tứ điềm báo của thần thánh qua từng câu chữ. Thường giáng bút của thần tiên phần nhiều là nhắc bảo và răn dạy người, cùng thông báo niềm vui và cảnh báo về kiếp nạn. Sự linh nghiệm của giáng bút thần linh qua kiểm chứng của một số học giả như Nguyễn Văn Huyên, Đào Duy Anh thì mới chỉ là ghi nhận ở mức đánh giá hiện tượng, còn đọng lại nhiều bí ẩn chưa thể lí giải khẳng định.

Dự báo thông qua giáng bút dưới hình thức tâm linh có tính xã hội tích cực vì nội dung của các bài thơ giáng bút là lời răn dạy, cảnh báo để người nghe phải dè chừng về tương lại mà sửa mình. Trong *Tiên giáng bút vạch chuyện giấu gấm* kể chuyện người anh cả tham lam chiếm hết gia sản của bố mẹ để lại, một hôm bên hàng xóm làm lễ cầu đảo, gặp khi Bồng Lai Thiên Tiên hạ giáng đàn tế, người anh cả cũng ngồi đấy, bèn cúi lạy xin hỏi xem việc gia đình có được yên ổn hay không. Thiên Tiên giáng bút ban cho bài thơ rằng: "*Núi thẳm trời cao mây trắng bay/ Nhạn lượn về nam tựa lạc bầy/ Gấm vóc ngọc ngà hòm riêng cất/ Tình anh em thế hỏi chi đây*". Cả Tuyển xem thơ xong mặt thất sắc, tự

[55] **Saman giáo** là một hình thức tôn giáo cổ xưa thông qua những người môi giới để giao tiếp với thần linh, qua đó nhờ thần linh giúp đỡ những điều mình mong muốn. Saman giáo có nhiều yếu tố giống ma thuật nhưng khác ma thuật ở chỗ nếu ma thuật quan niệm tự bản thân người làm ma thuật có một sức mạnh siêu linh thì saman cho mình là người môi giới, là hình bóng của siêu linh

thấy hổ thẹn trong lòng. Về nhà cho gọi các em trở về, một lòng thành thực thương yêu, khuyên bảo, trợ cấp tiền giấy bút, tự lòng hối hận lỗi lầm ngày xưa [10, tr. 883]. Nhờ được thánh chỉ dạy mà người anh cả đã thực lòng hối cải, đối xử tốt với các em và sau này có kết cục tốt đẹp. Còn trong *Lòng thành giữ được lái thuyền* kể chuyện Phùng Cát Khánh thường xuyên đi biển ra Bắc Thành buôn bán. Vào khoảng năm Tự Đức, dân Nho Lâm huyện Kim Động làm lễ cầu Lý Tiên tổ sư giáng bút. Cát Khánh cũng đến tận nơi bái yết và xin hỏi chuyến đi thuyền lần này trở về lành dữ thế nào, được tiên phê cho bài thơ rằng: "*Gió cuốn mưa tuôn sóng vang lừng/ Vùng vẫy giao long giận bừng bừng/ Chiếc buồm luồn lách dò vượt biển/ Ngoảnh lại mới tin giẫm đất bằng*". Còn viết thêm: "*Vững bước trên đường tự mình hay/ Chớ quản ai dại với ai ngây/ Cửa miệng may nhờ còn phúc địa/ trên trời có đấng giúp một tay*". Xem thơ biết chuyến đi này tất sẽ gặp sóng gió hiểm nguy bèn hỏi ngày nào nhổ neo thì lành thì được trả lời rằng: "*Ngày nào cũng lành, ngày nào cũng chẳng lành. Với ngày lành thì sẽ tự nhiên lành, với người chẳng lành thì tự nhiên chẳng lành*". Chuyến đi ấy có 22 chiếc thuyền bị lật chìm xuống biển mất 18 chiếc. Riêng thuyền của Cát Khánh vượt qua nguy hiểm mà bình yên trở về. Có được kết cục như vậy là nhờ ông "*tính tình điềm đạm, ngay thẳng, khoan dung, công bằng*" [10, tr. 928]. Câu chuyện ngoài ý nghĩa khuyên răn con người làm điều thiện thì sẽ được thiện báo, quỷ thần che chở còn cho người đọc thấy một mặt của văn hoá xưa. Trước lúc quyết định việc gì, hay đi xa làm ăn người xưa thường muốn dò biết tương lai, và một trong những hình thức xem dự báo là hình thức lên đồng giáng bút. Những lời thơ trong giáng bút thường mang tính khuyến thiện trừ ác, hướng con người đến những giá trị nhân sinh tốt đẹp.

Dự báo và giải quyết vấn đề qua các thanh đồng, nghi lễ hầu đồng

Trong một số phương thức dự báo khác như chiêm mộng thì thần linh có thể xuất hiện đối thoại với đối tượng có lời khẩn cầu muốn biết trước tương lai nhưng ở đây, thần linh không hiện thân trực tiếp với dáng vẻ thực của mình mà mượn xác của phàm nhân, những người có cơ địa đặc biệt để phán truyền, dự báo. Các phàm nhân này là *các thanh đồng*. Từ quan niệm cho rằng linh hồn những người đã mất cùng với thần linh ma quỷ luôn hiện hữu ở đâu đó rất gần với con người, vẫn theo dõi, lắng nghe và có khả năng tác động tới cuộc sống của người đang sống ở thế giới hiện thực nếu được cầu viện tới. Bởi vậy đã xuất hiện nhiều phương thức liên lạc giữa người sống và người chết (chẳng hạn như hầu đồng của tín ngưỡng Mẫu) nhằm giải quyết nhu cầu đa dạng của con người khi họ cảm thấy bản thân và cộng đồng ở thế giới thực tại không đủ sức giải quyết. Họ cầu mong linh hồn người chết phù hộ cho mình sức khoẻ, bình an, gặp nhiều may mắn, và báo trước những vấn đề sắp tới của tương lai. Đôi khi lời cầu của những người bình thường không

thể thấu đến được thần linh để giải quyết những việc khó khăn thì họ phải nhờ đến một lực lượng trung gian là các thanh đồng. Đối với các tín đồ của tín ngưỡng Mẫu thì mỗi người sinh ra đã thuộc sự cai quản của chư vị thần thánh và quân gia thị thần của thánh Mẫu, do đó họ có trách nhiệm thờ phụng, cúng tế vị Thánh ấy. Từ nhận thức đó, người Việt đã đến với tín ngưỡng Mẫu, đến với nghi lễ lên đồng hầu Thánh một mặt thể hiện niềm tin vào tín ngưỡng đó, mặt khác là sự gửi gắm ý nguyện của con người đến các vị Thánh. Trong trí tưởng tượng của người Việt, hầu đồng là hình thức họ có thể giao tiếp với thần linh, bằng sự cầu khẩn thành tâm của mình, họ đưa các vị Thánh từ thế giới vô hình đến thế giới trần gian thông qua chính bản thân họ (dùng thể xác cho các Thánh ngự). Trong *Đạo Mẫu Việt Nam* (Ngô Đức Thịnh) có sưu tập khá nhiều bài hát chầu văn lúc lên đồng nói đến hiện tượng này: "*Bây giờ đệ tử kêu cầu/ Xin bà nghĩ lại trước sau thương đồng/ Bà lại hóa phép thần thông/ Tiếp lộc cho đồng cứu trợ bệnh nhân*" (*Chầu đệ tam thoải phủ*) [705, tr.8]; "*Ngự lên đồng cứu tử độ sinh/... Giá ngự lên cứu dân độ thế/ Nương uy trời sửa trí quân sinh/... Ra tay cải tử hoàn sinh/ Tà ma cũng phục yêu tinh tiềm tàng/ Giáng bản đàn trừ tà trị bệnh/ Phép anh linh hiển thánh cứu dân*" (*Đệ Bát hoàng tử văn*) [8]. Trong văn xuôi tự sự trung đại có kể đến khá nhiều trường hợp các thanh đồng làm ghế cho thần thánh để phán truyền dự báo, lúc thánh ngự vào xác đồng để phán bảo, dự báo thì có hiện tượng người lảo đảo, lắc lư: "*Lúc này linh thần đang giáng vào cô đồng. Cô đồng lắc lư phán bảo…*" (*Thượng Kinh kí sự*) [4].

Có nhiều trường hợp đặc biệt hơn là đôi lúc không phải con người *chủ động* tạo ra không khí, môi trường, thời điểm để mời thánh về ngự mà có nhiều trường hợp chính thánh thần, ma quỷ *tự động* về để giải quyết hay báo trước một vấn đề gì đó, những trường hợp này gọi là *Hiện tượng ốp đồng*. *Truyện thượng thư Vũ Công Đạo,* kể về chuyện người bị ốp đồng không phải là thanh đồng chuyên nghiệp ở các đền miếu mà là một bà lão bình thường: "*Có một bà lão đang ngồi trong đám đông tự nhiên đỏ mặt bốc đồng nhảy ra ngoài nói rằng: ta là tiên nhân giáng hạ, khoa này đỗ bao nhiêu tiến sĩ ta đã biết cả rồi. Làng Mộ Trạch văn tinh đang vượng, đức Ngọc Hoàng đã tuyển sẵn nên mới sai ta đến bảo cho các ngươi biết... đến lúc yết bảng đúng như lời bà lão nói, những bậc thức giả đều cho là việc gì cũng có tiền định, mà việc yết bảng các tiến sĩ ở cửa thiên đình không phải là việc ngoa truyền"* [4, tr. 481, 482]. Trong truyện *Việc tai dị* kể chuyện ông Nhữ Đình Toản, tin thuật phong thuỷ, muốn dời chùa Phổ Niên đi để chôn mả. Long thần *phải phụ vào miệng đồng nhân tranh biện* mãi với ông chùa mới khỏi phải dời đi [4, tr. 113]. Còn trong truyện *Quan sang cõi âm*, kể về Đan Hồ cư sĩ, trong làng ông có vị *thần thiêng thường ứng vào người để nói chuyện*. Một hôm đang lúc thần

ngự, ông đứng lẫn trong đám đông người, chợt thần trông thấy, liền đứng dậy mời ngồi nói chuyện, thái độ rất là kính cẩn [4, tr. 745]. Cũng có nhiều trường hợp không phải thần mà ma nhập, ma sống chung trong nhà với người: Trong nhà có con ma rất thiêng; sắp có việc gì xấu hoặc tốt xảy ra, *ma đều ứng vào người mà báo trước*, dần dà nghiệm lại không điều gì sai (*Con buôn*) [4, tr. 857].

Dự báo thông qua lên đồng thánh (ma) nhập giúp lí giải nhiều vấn đề của cuộc sống như nguyên nhân của những chuyện bất tường (ốm đau, tai vạ…). Đọc truyện *Sông Độc* (*Tang thương ngẫu lục*), chúng ta không chỉ phần nào hình dung được cách nhập đồng của các thầy phù thủy mà còn biết trong quan niệm xưa việc ốm đau của con người đôi khi là do vô ý xúc phạm đến thần linh: "*Trong tháng ấy, vị Quản Lĩnh Hầu Mỗ ở Kinh đô bị ốm nặng, thuốc thang cứu chữa mãi không công hiệu. Người nhà mời thầy phù thủy đến lập đàn thỉnh tướng. Tướng bốc đồng lên nói rằng: "Hầu ốm không cớ gì khác, chỉ tại tên Mỗ giết con thần sông mà nên. Kíp bảo nó đến đền chịu tội, nếu để thần sông quá giận, thì bệnh sẽ không thể khỏi được*" [5, tr.217]. Khi gặp chuyện lăng miếu nơi thờ cúng người đã khuất (nhất là của hoàng gia) thì hay có sự ứng cảm cao, thái độ của người đã khuất thể hiện qua các điềm báo là tương lai của con cháu sau này: trong nhà tẩm miếu trên lăng Thịnh-Phúc, tự dưng bao nhiêu đồ thờ bằng gỗ, bằng vàng hễ động tay vào là nát mủn như bùn. Viên giữ lăng miếu vội vàng gửi thư về Kinh trình rõ việc biến. Để biết người đã khuất, muốn truyền bảo điều gì, Thái phi cho đòi cô đồng vào hỏi thì được biết vì Chúa thượng (Trịnh Tông) đã làm trái ý tiên vương, phạm tội bất hiếu có hai điều: Chúa vừa lên ngôi, đã ngờ Đặng thị làm bùa yểm trong tử cung, rồi tự ý cạy mở tử cung, thay đổi quần áo khâm liệm, khiến cho xương ngọc không yên. Hơn nữa, Đặng thị là người mà tiên vương yêu dấu, bây giờ bị chúa làm cho tủi nhục đủ đường, khiến vong linh tiên vương phải áy náy, tai biến sẽ còn nhiều nữa (*Hoàng Lê nhất thống chí*) [6].

Bằng cách nhập đồng có thể lí giải được bệnh tật tai ương, biết được tương lai vận số và thông qua nhập đồng cũng đưa ra các phương án giải quyết vấn đề. Cách đơn giản nhất là làm theo lời hướng dẫn, yêu cầu của thánh thần (ma) nhập đồng. Hoặc chủ yếu là bằng bùa phép và tàn hương nước thải. Trong ý nghĩa biểu tượng văn hóa thế giới: "*Bùa được xem như vật có hiển hiện hoặc tàng ẩn một sức mạnh thần diệu: nó thực hiện cái mà nó biểu trưng, một mối quan hệ đặc biệt giữa người mang nó với sức mạnh mà nó biểu thị. Nó cố định và tập trung mọi sức mạnh... hoạt động ở mọi phương diện vũ trụ... nó đặt con người vào trung tâm các sức mạnh ấy, làm tăng sinh lực của nó, làm cho nó trở nên ảnh hưởng hữu thực hơn... Tùy theo hình thức và hình ảnh mà chúng thể hiện, người ta cho rằng bùa có năng lực truyền cho chúng ta sức khỏe, trí khôn, sự tươi vui trong cuộc sống*"

[1, tr. 109]. Để xin trừ tà chữa bệnh các tín đồ xin bùa thiêng: "*Kẻ xin phép nhiệm, người cầu bùa thiêng/ Nén hương bát nước khấn nguyền/ Lễ kêu cô Chín dâng lên Thánh Tòa/ Tàn hương nước thải ban ra/Uống vào đỡ bệnh cả nhà bình yên*" (*Cô Chín văn*) [8, tr. 750]. Bên cạnh bùa thì nước: "*Cô về trắc giáng điện tòa/ Đem nước chín giếng ban cho mọi người/ Lòng trần đã rửa sạch rồi/ Tu nhân tích đức muôn đời hiển vinh*" (*Cô Chín Giếng*) hoặc tàn nhang nước thải của thánh cũng được xem là thuốc trị bách bệnh: "*Thuốc bà ba vị thần tiên/ Giấy trắng, nước thải, tàn hương lại lành*" (*Chầu Quế Văn*) [8, tr. 652]. Đặc biệt trong dòng Thánh liên quan đến Trần triều thì có cách chữa bệnh lạ hơn là xin dấu thánh và đổi gươm thánh. Gươm có ý nghĩa trong việc biểu hiện sức mạnh và trừ tà ma: "*là công cụ chân lí hành động... là biểu tượng sức mạnh sáng suốt của tinh thần, dám cắt đứt vấn đề ở điểm xung yếu của nó: sự mù quáng kiêu căng và những sự đề cao giá trị sai lạc, mâu thuẫn và đối nghịch. Thanh gươm là biểu tượng của quyền lực có thể cho được sống hoặc bắt phải chết... biểu trưng cho sức mạnh thái dương*" [1, tr. 369] vì thế các con nhang đệ tử: *Người xin dấu cửa đền sân miếu/ Kẻ ra vào lĩnh chiếu đổi gươm/ Đem về tu thiết tĩnh đường/ Đêm ngày vọng bái đèn hương khẩn cầu/ Đặng sống lâu bách niên trường thọ/ Lợi lộc tài đôi chữ kiêm thu* (*Văn thờ nhị vị công chúa*) [8, tr. 659]. Trong truyện *Thần hồ Động Đình*, phu nhân của ông Hoàng Bình Chính mắc bệnh lúc tăng lúc giảm bất thường hình như bị ma ám… mới sai người đến Vạn Kiếp *cầu đảo* ở đền Hưng Đạo Vương[56], *đổi lấy cái chiếu thờ trong đền đem về trải giường* cho phu nhân nằm thì thấy bệnh hơi bớt. Nhưng sau lại vẫn như cũ. Người mỹ nhân hiện về trong mộng ông Hoàng Bình Chính bảo: "*Thiếp không phải là loài yêu ma, Hưng Đạo Vương làm gì được thiếp, thiếp hơi bơn bớt như thế là nể cái thể diện nhà vương đó thôi*" [4, tr. 135]. Như vậy, trong quan niệm xưa để bớt bệnh (nhất là bệnh phụ nữ) người ta có thể tiến hành một số cách thức, trong đó có thể đến cầu đảo ở đền Hưng Đạo Vương, xin dấu ấn, xin đổi chiếu trong đền về nằm hoặc xin tàn hương nước thải đều có tác dụng. Bằng cách nhập đồng, thần linh có thể giúp người nhân gian trừ yêu tà, trong *Truyện tinh chuột* (*Thánh Tông di thảo*), khi tinh chuột hóa thành người chồng giả, để tìm ra người thật, mọi người đã thắp hương khấn Đổng Thiên Vương, hơi hương bốc lên, Thiên Vương *nhập vào con đồng* bảo: "*Ma này là giống tinh chuột đấy. Chuột già lâu năm ăn nhiều tinh khí của các vật, thành giống quỷ quái này. Lửa không hại được, phù chú không trừ được.Thứ ma này thay*

[56]Đức Thánh Trần, là một vị thánh trong tứ phủ, thậm chí được đồng nhất với vua Cha trong sự đối sánh với Thánh Mẫu (Tháng Tám giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ), với tư cách một vị tướng, một đạo sĩ của Đạo giáo, vốn gốc dòng họ gắn liền với miền sông nước hạ lưu, lại lập những chiến công thủy chiến vang dội; ông dễ dàng được dân gian khoác thêm chiếc áo thần linh, quy về dòng Long Vương, được thờ phụng cùng với Bát Hải Đại Vương, vị thần chuyên coi vùng sông nước, biển cả. Trong lịch sử ông là nhân vật có thật, nguồn gốc rõ ràng, là nhân thần nhưng tâm thức dân gian ngài lại có nguồn gốc thần thánh, được lệnh xuống trần để thực hiện nhiệm vụ cứu nước cứu dân.

hình đổi dạng trăm vẻ, biến hóa giỏi nhất xưa nay… tôi thử dùng kiếm khí trừ con ma ấy cho bệ hạ. Bèn lấy hương thư phù vào hai đạo bùa, sai dán vào sau lưng hai người ấy. Dẫu ma muốn chạy thoát cũng không được nữa" [5, tr.614]. Trong tác phẩm *Không tin thần quái*, tác giả chỉ ra thói tục lúc bấy giờ là: "*ta thấy thói tục hủ lậu, hễ dân chúng có ai bị chút nạn nhỏ, khi hỏi đến thì đều nói: "thành hoàng ở ngoài, xin mời thầy phù thuỷ lên đồng mà triệu về". Cách làm là lấy một gậy tre dài chôn xuống đất, sâu độ 3, 4 thước. Dưới đất ghìm cọc chéo cho chắc. Thầy phù thuỷ vẽ bùa niệm chú còn người ngồi đồng thì nắm lấy cây gậy mà lắc lư làm cho nó lung lay, rồi nhổ lên mặt đất mà nói: "thần ứng"* [5, tr. 335, 336]. Tuy tác giả chê thói tục hủ lậu nhưng mặt khác những ghi chép dẫn chứng đã cung cấp cho chúng ta những ví dụ sinh động về văn hoá lúc bấy giờ, nhất là cách giải quyết khó khăn, vấn đề dự báo qua thánh nhập lên đồng. Lê Hữu Trác trong *Thượng Kinh kí sự* ghi lại nhật kí việc lên đường vào Kinhchữa bệnh cho Trịnh Cán cũng kể lại một sự kiện liên quan: "*Chiều tối tới trạm xã Kim Khê (Quán Mi), quan văn thư cho sửa lễ vật cúng ở đền xã này, và bày ra một tiệc hát mời tôi đến dự. Lúc này linh thần đang giáng vào cô đồng. Cô đồng lắc lư phán bảo… Có người nói với tôi rằng: Thánh Mẫu rất linh thiêng, báo ứng không sai điều gì bao giờ. Chuyến này cụ lên Kinh, nếu có cần xin gì thì tới mà cầu*" [4, tr. 663]. Như thế, trong các tiệc hát sau lễ cúng ngày xưa, ở một số nơi người ta sẽ tổ chức buổi lễ hầu đồng để lắng nghe lời phán truyền thần linh. Ở đây, cụ Lê Hữu Trác đã được dự một buổi lên đồng và được hỏi xem có cầu xin gì không vì Mẫu rất linh nghiệm nhưng cụ đã từ chối vì không mong muốn điều gì.

Lên đồng thánh nhập thường dự báo sự kiện, tương lại, vận số: trong truyện *Tướng quân Đoàn Thượng*, một hôm người coi miếu *bỗng ngã lăn ra đất* lúc lâu, rồi vùng dậy ngồi lên ghế cao, gọi kỳ cựu trong làng ra bảo: Ngày mai phải quét dọn sạch sẽ, có đức vua đến thăm cảnh. Người nào mặc áo đen và đi chân không là đúng đấy, phải chờ đón. Quả nhiên hôm sau có Điều Ngự Đại sĩ nguyên là vua Trần Nhân Tông đến [5, tr. 187, 188]. Như vậy trong trường hợp này, người coi miếu chính là thanh đồng, Đoàn Thượng tướng quân đã nhập vào thanh đồng để báo trước sự kiện thiên tử đến thăm. Trong truyện *Tà bất can chính*, Ông Bùi Tự Khánh lúc du học ở Trường An, hàng xóm có người thờ phụng tiên chúa hết sức kính cẩn. Người ở Kinh đô tới cầu cúng thường thường có ứng nghiệm, riêng ông coi khinh việc đó. Một hôm ông thấy người hàng xóm đang *lên đồng giáng bút*, ông liền khoét vách mà đái chõ vào đầu người ấy. Người hàng xóm giận lắm, nói: Nó không có đức hạnh của kẻ sĩ, tao lấy chiếc đinh đóng vào dương vật thì nó ắt hẳn phải chết. Người ngồi đồng nói: nó tuy vô lễ, nhưng cố gắng lập sự nghiệp, tiền đồ của nó xa rộng lắm. Từ nay về sau cần phải khéo giữ gìn, chớ có can phạm vào việc chê trách âm dương.

Người ngồi đồng nhờ năng lực đặc biệt hoặc do được Thánh báo đã biết trước tiền đồ của ông Bùi Tự Khánh nên đã báo trước vận số, đồng thời tha lỗi cho việc làm lỗi phép. Quả nhiên đúng như lời phán, năm Ất Mùi 1715, Sĩ Tiêm đi thi tiến sĩ, vào thi đình đỗ Hoàng Giáp [5, tr. 367, 368]. Đền, chùa, miếu mạo là nơi phản chiếu thế giới thần thánh "*đền miếu như thể những phiên bản trên thế gian của các mẫu gốc trên trời*" [1, tr. 298], đền miếu là hình ảnh biểu tượng của thiên nhiên, vũ trụ với những sức mạnh bí ẩn, đền thờ nguyên thủy có nghĩa là khu vực mà thầy bói chuyên giải các thiên triệu, trong đó có giấc mơ. Đền là không gian thiêng, nơi mà thần linh hiện diện trong thực tại vì thế đây là địa điểm để tạo ra sự giao kết, mối liên hệ với thần linh. Vậy nên, đây là không gian được lựa chọn để cầu mộng. Cầu mộng là việc cầu mong các thế lực siêu nhiên hiển linh trong giấc ngủ để phán bảo những điều quan tâm, hoặc quyết định những việc lớn. Người ta cầu mộng bằng cách đến không gian thiêng như đền, chùa, làm lễ bái trước khi đi ngủ và suy nghĩ, liên tưởng, chú tâm cầu khẩn thần thánh báo cho mình gặp mộng lành, tránh mộng dữ. Vì thế, trong chuyện *Đền Trấn Võ*, Quan Thượng Mỗ thấy đức Tử Đồng Đế Quân giáng bút nói rằng: An Nam là nước văn hiến, ta sẽ lấy những ngày 1 tháng 6 ứng mộng cho các học trò. Gặp năm có khoa thi Hội, sĩ tử bốn phương nhiều người tắm gội ăn chay sạch sẽ, đến đền cầu mộng, báo ứng rất nghiệm [5, tr. 245].

Lên đồng trong dòng chảy vận động biến đổi của các phương thức dự báo (CPTDB) qua các giai đoạn văn học và sự lí giải

Chúng ta biết rằng, văn học trung đại Việt Nam chia làm bốn thời kỳ phát triển chính và tương ứng với mỗi giai đoạn văn học trên là các tác phẩm văn xuôi tự sự trung đại tiêu biểu: giai đoạn 1 (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV), giai đoạn 2 (Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII), giai đoạn 3 (đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX), giai đoạn 4 (nửa cuối thế kỉ XIX). Giai đoạn 1, phương thức dự báo tiêu biểu nhất có số lần xuất hiện nhiều nhất là dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên. Điều này hoàn toàn dễ lí giải vì giai đoạn 1, văn học chịu ảnh hưởng của văn học dân gian và mang tính chất chức năng tôn giáo. Để khẳng định, ngợi ca sức mạnh, vẻ đẹp, sức ảnh hưởng, sự hiển linh của các thánh thần được kể đến trong tác phẩm văn học, một trong những nội dung và kĩ thuật viết văn được các tác giả khai thác là dự báo. Vấn đề đặt ra vì sao phương thức dự báo là mộng được gặp nhiều nhất? Trong tâm thức tiếp nhận, mộng có lẽ là phương thức dễ được tiếp nhận nhất đối với các tầng lớp người trong xã hội. Thêm nữa, trong loại truyện viết về thần thánh thì phần thứ 3, viết về cái chết và sự hiển linh của họ bao giờ cũng gắn với chi tiết họ thường xuất hiện trong giấc mộng của các đấng tướng lĩnh, quân vương để phù trợ như là một điều không thể thiếu để chứng minh cho sự bất tử của các bậc anh linh. *Việt điện u linh tập* viết

về những con người thật, lúc sống có công lao với nhân dân, dân tộc, lúc chết đi họ lại hiển linh âm phù để bảo quốc, lợi dân vì thế trong phần đầu, khi giới thiệu về xuất thân, tướng mạo của họ tác giả thường khai thác yếu tố dự báo thông qua tướng mạo để cho người đọc thấy được họ không phải người bình thường mà chắc chắn sẽ làm nên những điều vĩ đại, phi thường (Phùng Hưng, Bà Triệu, Lý Ông Trọng…). Giai đoạn 2: CPTDB xuất hiện đa dạng hơn, ngoài dấu ấn của mộng vẫn tiếp tục được khẳng định thì có sự xuất hiện đột phá của phương thức tiên tri và rải rác một số kiểu loại dự báo khác như điềm báo, tướng số, xem quẻ Dịch… So với giai đoạn 1 thì giai đoạn này CPTDB xuất hiện phong phú về kiểu loại hơn, đặc biệt có sự xuất hiện lớn của phương thức tiên tri bên cạnh mộng và các phương thức phân tích để có dự báo. Điều này không chỉ thể hiện một bước trong tư duy con người trung đại là đi từ việc chờ đợi dấu hiệu từ trời, thần tiên đến việc quan sát, phân tích mà còn phản ánh một đặc điểm của văn học là giai đoạn này văn học đã có dấu hiệu thoát ra chức năng nghi lễ tâm linh để bắt đầu phản ánh hiện thực cuộc sống. Giai đoạn 3: Có sự nở rộ của CPTDB cả về số lượng lẫn hình thức dự báo, có những tập truyện, hầu hết tác phẩm nào tác giả cũng sử dụng yếu tố dự báo, thậm chí dùng dự báo, hoặc liên quan đến dự báo đặt luôn tên cho tập truyện hoặc nhóm truyện trong tập: *Âm phần dương trạch* (Viết về mồ mả, chỗ ở của các nhân vật nổi danh) (*Công dư tiệp kí*), *Mộng kí, phụ tạp kí* (viết về các giấc mộng liên quan đến thi cử đỗ đạt của các triều sĩ) (*Công dư tiệp kí tục biên*)… Phương thức dự báo xuất hiện chiếm vị trí trung tâm trong giai đoạn này là phong thuỷ và mộng. Giai đoạn văn học này xuất hiện trong khoảng thời gian từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ VIX, giai đoạn lịch sử có nhiều biến động, chiến tranh, sự thay đổi triều đại… Con người đứng trước những biến động dữ dội của thời đại, không biết tương lai số phận ngày mai như thế nào. Vì thế, người ta rất cần đến dự báo, nhờ đến dự báo như một liều thuốc tâm lí để vượt qua hoàn cảnh. Tâm thức này được phản ánh rất rõ vào trong văn học. Để chấp nhận, hoặc lí giải hiện thực, con người tin vào định mệnh chi phối. Giai đoạn 4: CPTDB được sử dụng tương đối thưa hơn so với những giai đoạn trước. Phương thức dự báo chủ yếu được các nhà văn sử dụng là mộng (gặp thần tiên trong mộng) và lên đồng. Bên cạnh đó xuất hiện rải rác các trường CPTDB khác. Các nhà văn trung đại giai đoạn này tiến dần đến văn học hiện đại. Tâm thức thiên về duy lí hơn duy tâm của các nhà văn giai đoạn này thể hiện rõ trong việc sử dụng ít hơn CPTDB.

Như vậy, vấn đề dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên được các nhà văn ở cả bốn giai đoạn văn học trung đại sử dụng, nhưng trường hợp lên đồng thì xuất hiện tập trung vào hai giai đoạn sau cùng. Điều này không phải là một sự ngẫu nhiên mà nó có nguyên nhân từ đời sống văn hoá và văn học. Về mặt văn hoá mà xét thì đây là thời kì suy

tàn của Nho giáo nên các nguồn dòng tín ngưỡng dân gian bản địa như tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và con người, tín ngưỡng thờ Mẫu có dịp được bùng lên ảnh hưởng mãnh liệt đến đời sống đương thời. Nếu các vua Lý - Trần sùng cả Phật - Nho - Đạo và rất khoan nhượng với tín ngưỡng đa thần dân gian, văn hóa dân gian thì ngược lại đến thế kỷ XVI các vua Lê mô phỏng triều Minh xây dựng một nền quân chủ - nho giáo độc tôn, chuyên chế. Tác giả Việt Nam Phật giáo sử luận hạ lời bình: "*Nhà Lê thắng Minh về quân sự nhưng lại thất bại với Minh về văn hóa*". Đời vua Lê Thánh Tông thì độc tôn Nho giáo được đề cao trên mọi phương diện: nhã nhạc, phẩm phục, tang lễ… đều theo Trung Hoa; cấm điệu hát dân gian "Lý Liên" (Rí Ren); mở rộng Văn miếu - Quốc Tử Giám (1483), định lệ tế Khổng Tử (tế Đinh) Xuân Thu nhị kỳ ở các phủ huyện (1472); ra lệnh cấm dân làm mới chùa Phật, đạo quán, cấm các người làm nghề bói toán, đồng cốt cùng Thiền sư, Đạo sĩ toàn quốc từ nay về sau không được giao thiệp, chuyện trò với người trong cung đình. Tinh thần khai phóng, cởi mở, "Tam giáo tịnh hành" của nhà Lý, nhà Trần đã biến mất, chỉ còn lại sự độc chuyên tư tưởng Nho - Tống để độc quyền quân chủ. Thế "lưỡng phân văn hóa" (Dualisme culturel) giữa cung đình dân gian dần dà sâu sắc. Chính sự hà khắc và độc tôn Nho giáo đó đã dẫn đến sự phản ứng ngược, mà một trong những sự phản ứng gay gắt nhất là đề cao phụ nữ gắn với Tục thờ Mẫu, thờ Nữ thần phát triển. Đỉnh cao nhất của thờ Mẫu ở Đại Việt là sự xuất hiện bà mẫu cao nhất của các bà mẫu, "*Tối linh chi linh*", "*Thượng thượng thượng đẳng tối linh tôn thần*" là Mẫu Liễu Hạnh. Mặc dù ghi nhận sức mạnh và uy tín của tín ngưỡng thờ Mẫu (Nhiều triều vua công nhận sắc phong thần cho Thánh Mẫu Liễu Hạnh...) nhưng Đạo Mẫu chỉ thực sự bước lên vị trí danh giá hàng quốc đạo là gắn với sự kiện vua Đồng Khánh. Năm 1885, sau khi lên ngôi thay Vua Hàm Nghi, Vua Đồng Khánh đã cho tu sửa lại điện Hòn Chén và… xưng thần dưới trướng của Thiên Y A Na. Đây là một sự kiện chưa bao giờ có trong trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam, bởi lâu nay, chỉ có vua - người đứng trên bách thần để phong thần chứ chưa hề có ai đi "hạ mình" để xưng thần. Hành động xâm lược của thực dân Pháp đã làm phá vỡ ý thức hệ Nho giáo của triều đình Nguyễn, một lần nữa đẩy đất nước ta vào những bi kịch xã hội hết sức nặng nề, đời sống của dân chúng trở nên khốn cùng hơn bao giờ hết. Tình hình này, ở một mức độ nào đó cũng đã tạo điều kiện cho Đạo giáo phát triển và tục thờ Mẫu từ đó cũng được xem là cứu cánh tốt nhất cho không chỉ là một số hoàng thân quốc thích mà còn là tầng lớp quan lại, binh sĩ và kể cả người dân lao động nghèo khó. Tất cả đều trong tâm trạng cần được che chở, cứu rỗi và con người tìm đến Mẫu lúc này để gửi gắm niềm tin của mình trước sự nguy hiểm bấp bênh giữa cuộc sống và cái chết, giữa cái được và cái mất… Một trong những biểu hiện của đời sống văn

hoá ấy được khúc chiếu vào văn học được thể hiện qua việc nhà văn xây dựng nên những motif dự báo liên quan đến việc nhập đồng, lên đồng.

3. Kết luận: Trong ba nhóm các phương thức dự báo tương lai thì nhóm dự báo thông qua sự tiếp xúc với thế giới siêu nhiên có nguồn gốc xa xưa lâu đời nhất, có từ thời nguyên thuỷ. Con người với ước muốn biết được tương lai vận số, trừ diệt tai hoạ trong đời sống đã nghĩ ra cách thông giao với thần linh thông qua một số biện pháp mang tính ma thuật, mà tiêu biểu là lên đồng. Hiện tượng này là một trong những biểu hiện đặc trưng của tôn giáo bản địa (nội đạo) trước khi có ảnh hưởng du nhập của các tôn giáo, triết học bên ngoài. Sự xuất hiện nở rộ của dự báo thông qua lên đồng trong văn xuôi tự sự trung đại giai đoạn 3, 4 (thế kỉ XVIII-XIX) xuất phát từ những nguyên nhân văn hoá và văn học. Các tác giả trung đại đã sử dụng hiện tượng này như một thủ pháp đắc lực, đó là kĩ thuật phục bút để báo trước vận số nhân vật, dùng cái kỳ ảo, yếu tố huyền hoặc để phản ánh hiện thực và quan niệm nhân sinh. Trong đó nổi bật lên là sự đề cao đạo đức: trung, hiếu, tiết, nghĩa và quan niệm con người và trời đất, vũ trụ có thể thông linh, cảm ứng, quỷ thần chi phối đến hoạ, phúc nhân gian.

RESEARCH FORESEEINGPHENOMENON THROUGH COMMUNICATING WITH THE SUPERNATURAL WORLD IN THE "*TRANCE*"

(Study the case ofnarrative prosein Vietnamese Middle- age Literature)

Summary: In order to predict the future of the fate, human being had a number of ways to proceed, in which contacting with the supernatural world through "going into a trance"was one of the typical measures. This did not only occur in real life but also in literary works as a unique artistic method associated with the styling of the pen to tell the fate of characters. It was also through foreseeing mode "trance" that writers of the Middle Ages reflectedcontemporarycultural andrealisticlifeas well as transmited human morality thoughts, such as promoting morality, encouraging good and chastisingevil. Moreover, the writers also expressedtheir awareness of theinteraction between human and the supernatural world including heaven and earth, god and demon,…

Keywords: foresee, mediumship, psychic phenomena.

TRẦN THỊ THANH NHỊ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jean Chevaliev, Alain Gheerborant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng.
2. Lưu Bái Lâm (1994), *Phong thủy Quan niệm của người Trung Quốc về môi trường sống*, Nxb Đà Nẵng
3. Rosemary Ellen Guiley (2005), *Từ điển tôn giáo và các thể nghiệm siêu việt*, NXB Tôn giáo, Hà Nội,
4. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 1, NXB Thế giới, Hà Nội.
5. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 2, NXB Thế giới, Hà Nội.
6. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 3, NXB Thế giới, Hà Nội.
7. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết ViệtNam*, tập 4, NXB Thế giới, Hà Nội.
8. Ngô Đức Thịnh (2010), Đạo Mẫu Việt Nam, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
9. Nguyễn Hữu Thông (2001), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung*, NXB Thuận Hóa, Huế.
10. Nguyễn Xuân Diện, "Một trăm năm trước: thương nòi, thần tiên giáng bút", http://vietsciences.free.fr/vietnam/vanhoa/phongtuc/100-thuongnoigiong.ht

Phụ lục 7:

NHÂN VẬT CAO BIỀN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA PHONG THỦY

THE CAO BIEN CHARACTER IN THE LITERATURE OF VIETNAM FROM THE POINT OF VIEW OF FENG SHUI CULTURE

NCS: ***Trần Thị Thanh Nhị***

Đơn vị: Khoa Ngữ văn Trường ĐHSP Huế

Tóm tắt: Cao Biền là một nhân vật có thật, gắn với khá nhiều sự kiện lịch sử đáng quan tâm của Trung Quốc và Việt Nam. Từ lịch sử, Cao Biền đi vào văn học nước ta cả trong văn học viết lẫn văn học dân gian gắn với các sự kiện liên quan đến văn hóa phong thủy. Sự nhìn nhận, đánh giá với nhiều luồng ý kiến đa dạng, thậm chí trái chiều của các tác giả về nhân vật, cho thấy thấy đây là một hiện tượng văn học cần được suy ngẫm, nghiên cứu thêm.

Abstract: Cao Bien is real character attached to a number of remarkable historic events of China and Vietam. From the history, Cao Bien was brought into our literature, both in written and oral literatures on feng shui culture. Acknowledgements and evaluations with diversed, even contrary, viewpoints of authors about the character, show that this is a literature phenomenon, which needs thoroughly thought of and further researched.

Từ khóa: **Cao Biền**, **phong thủy, long mạch, trấn yểm**

Keyword: **Cao Bien**, **feng shui, long circuit, overwhelm**

1. Cao Biền trong lịch sử

Cao Biền (CB) vốn là một nhân vật lịch sử: CB là người U châu (Bắc Kinh ngày nay), ông là cháu nội của danh tướng Cao Sùng Văn, là người đã trấn áp cuộc nổi dậy của Lưu Tịch dưới triều đại của Đường Hiến Tông. Mặc dù gia tộc của CB đã vài đời làm quan trong cấm quân, song khi còn nhỏ CB là người giỏi văn, và thường thảo luận về chuyện lí đạo với các Nho sĩ. Ông có địa vị cao trong lưỡng quân của Thần Sách quân, được thăng dần đến chức Hữu Thần Sách đô ngu hậu. Năm Hàm Thông thứ 5 (863), quân Nam Chiếu (lúc này có quốc hiệu "Đại Lễ") chiếm được An Nam từ tay quân Đường; các chiến dịch sau đó của quân Đường nhằm đẩy lui quân Đại Lễ đều thất bại. Năm 864, Đồng bình chương sự Hạ Hầu Tư tiến cử kiêu vệ tướng quân CB tiếp quản quân lính dưới quyền Lĩnh Nam Tây đạo tiết độ sứ Trương Nhân để tiến công An Nam. CB được giữ chức An Nam đô hộ, kinh lược chiêu thảo sứ. Khi hay tin CB chiếm được thành Giao Chỉ, Đường Ý Tông đổi An Nam đô hộ phủ thành Tĩnh Hải quân, bổ nhiệm CB là tiết độ sứ. CB cho

xây thành chu vi 3000 bộ, hơn 40 vạn gian phòng ốc, từ đó quân Đại Lễ không còn xâm phạm. Sau đó, ông cũng tiến hành một dự án lớn để loại bỏ những trở ngại tự nhiên trên thủy lộ giữa Tĩnh Hải quân và Lĩnh Nam Đông đạo, khó khăn về giao thông của Giao Chỉ được loại bỏ [22].

Trong lịch sử Việt Nam cũng có đề cập đến CB, với tư cách là quan cai trị và liên quan đến sự kiện đắp thành Đại La. Theo sử cũ thì La Thành do CB cho đắp có chu vi 1.982,5 trượng (≈6,6 km); thành cao 2,6 trượng (≈8,67 m), chân thành rộng 2,5 trượng (≈8,33 m), với 55 lầu vọng địch, 6 nơi úng môn, 3 hào nước, 34 đường đi. Ông còn cho đắp đê vòng quanh ngoài thành dài 2.125,8 trượng (≈7,09 km), đê cao 1,5 trượng (≈5,00 m), chân đê rộng 2 trượng (≈6,66 m) và làm hơn 400.000 gian nhà. Riêng việc CB yểm bùa ở nước Nam thì các bộ sử giá trị của ta như *Đại Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư* không hề nhắc đến mà chỉ kể lại chuyện nhờ trời giúp sấm sét đánh tan đá núi mà CB khai thông được kênh Thiên Uy [8].

2. Vài nét về phong thủy và hoạt động phong thủy của Cao Biền được ghi lại trong văn học Việt Nam

Từ lịch sử CB xuất hiện như một nhân vật trong văn học Việt Nam, cả trong văn học dân gian và văn học viết, cả gián tiếp lẫn trực tiếp với nhiều giá trị ý nghĩa khá phong phú. Liên quan đến nhân vật này trong văn xuôi tự sự trung đại có một số tác phẩm sau: *Truyện sông Tô Lịch, Truyện Tản Viên Sơn Thánh (Lĩnh Nam chích quái); Bảo quốc trấn linh định bang Quốc đô thành hoàng đại vương, Truyện Dấu trâu vàng ở huyện Tiên Du, Thần chính khí Long Đỗ (Quảng Lợi Thánh hựu Uy tế Phu ứng Đại vương), Truyện Tướng quân họ Cao ở Vũ Ninh (Quả nghị cương chính uy huệ vương), Gia ứng thiện cảm linh vũ đại vương* (*Việt điện u linh tập*); *Truyện họ Vũ ở Mộ Trạch* (*Công dư tiệp kí*), *Nam triều công nghiệp diễn chí*. Về văn học dân gian có một số tác phẩm sau:*Truyền thuyết núi Cánh Diều ở Ninh Bình, Truyền thuyết Mả CB ở nước Nam, Đại Nam quốc sử diễn ca, Truyền thuyết Mả CB ở nước Nam,* ca dao (*Ngó ra ngoài mả CB/ Thấy đôi chim nhạn đang chuyền cành mai… CB chết tại đầm Môn/ Trên sơn dưới thủy trời chôn CB*). Những tác phẩm văn học Việt Nam kể trên ít khai thác nhân vật CB dưới khía cạnh lịch sử mà chủ yếu nghiêng về những chuyện liên quan đến vấn đề phong thủy.

Phong thủy theo *Từ Hải* viết "*Phong thủy còn gọi là Kham Dư, một loại mê tín ở nước trung Quốc cũ, cho rằng hình thế, hướng gió, dòng chảy xung quanh nhà ở hoặc mồ mả, có thể đem đến họa, phúc cho người ở hoặc người chôn. Cũng chỉ cách xem nhà ở, phần mộ*". *Từ Nguyên* viết: "*Phong thủy, chỉ địa thế, phương hướng, đất nhà ở hoặc phần mộ. Thời xa xưa, mê tín căn cứ vào đó để xem lành dữ tốt xấu về nhân sự*" [7]. Trong

cuốn *Nguồn gốc phong thủy*, Giáo sư Phan Cốc Tây trong lời tựa viết: "*Nội dung chính của phong thủy là một loại học vấn mà người ta dùng để xử lí và lựa chọn hoàn cảnh ăn ở, trong đó có nhà ở, cung thất, chùa chiền, lăng mộ, thôn xóm, thành thị; lăng mộ thì gọi là âm trạch, còn lại đều gọi là dương trạch* [7]. Là nơi phát tích của khoa địa lý phong thủy, các vua chúa Trung Quốc không những áp dụng cho bản thân mà còn đem áp dụng cả vào trong việc ngoại trị, điển hình là việc vua Đường sai Cao Biền sang trấn yểm các long mạch của nước ta.

Thời vua Đường Trung Tông đổi tên nước ta là An Nam đô hộ phủ và phong Cao Biền làm An Nam đô hộ sứ sang cai trị. Trong nhiều tác phẩm, nhân vật thầy phù thủy, nhà địa lý, quan đô hộ CB thường cưỡi diều, đi thuyền, chu du khắp nơi khắp nước ta để tìm những nơi có vượng khí để trấn yểm. Việc làm này xuất phát từ hai quan niệm phong thủy: 1. Quan niệm về thế đất linh thiêng: nhìn trên khía cạnh nhỏ, những thế đất đặc biệt nếu chôn ông bà, cha mẹ vào đó thì con cháu sẽ có kết quả tốt đẹp hoặc về công danh, hoặc về tài lộc, thọ yểu... tùy theo thế đất; nhìn trên khía cạnh lớn thì phong thủy của quốc gia, về cách bố trí hình thế núi sông, kênh rạch... có thể quyết định đến vận khí lâu dài của đất nước đó. Những quốc gia có hình thế đặc biệt, tập trung được nhiều long khí có thể làm sản sinh nhiều nhân tài hào kiệt, tạo nên sức mạnh quốc gia. Vì long mạch có ý nghĩa và sức ảnh hưởng như vậy nên con người luôn tìm cách tác động đến nó nhằm mang lại lợi ích cho mình. 2. Trấn yểm, cải tạo long mạch thay đổi vận khí (con người có thể tác động đến long mạch, cả về cải tạo lẫn phá hủy long mạch theo mục đích riêng).

Việc Cao Biền nhận lệnh trấn yểm phong thủy nước ta là có thật, theo tập sách mang tên *Cao Biền địa lý tấu thư kiểu tự*, năm 1427 Lê Lợi công phá thành Đông Quan bắt được Hoàng Phúc - Thượng thư bộ Công của nhà Minh nên thu được. Hoàng Phúc nói là do vua Minh trao cho nhiệm vụ xét duyệt lại xem còn huyệt lớn nào mà Cao Biền chưa yểm thì yểm nốt hòng làm cho Đại Việt không thể nào sản sinh ra được những thế hệ như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng... để Đại Việt lại bị cai trị như trước [9]. Tập *Cao Biền địa lý tấu thư kiểu tự* này nói đến 632 huyệt chính cùng 1517 huyệt bàng từ Ninh Bình trở ra (thời Đường, lãnh thổ nước ta chỉ mới vào đến khu vực này). Những kiểu đất này đều là đất phát nhân tài anh kiệt, văn thì đến Tam khôi Trạng nguyên, võ thì đến Quận công danh tướng… Tổng cộng là hơn 2000 ngôi đất quý. Ngoài tập *Cao Biền địa lý tấu thư kiểu tự*, Cao Biền còn một bản tấu nữa về phong thủy là *Cao Biền tấu thư cửu long kinh*. Bản tấu này đề cập đến 27 ngôi đại địa có thể phát đến đế vương ở nước ta. Trong 27 ngôi đất này có những ngôi đã kết phát rực rỡ như ngôi đất ở Tức Mặc - Nam Định đã tạo nên một Trần triều hiển hách võ công hay ngôi đất ở Cổ Pháp kết phát ra triều

Lý [9], [10]. CB từng đi khắp các nơi núi non sông biển nước ta xem những nơi nào có vượng khí linh thiêng thì tìm cách cắt yểm đi, ý là muốn cướp đoạn nước Nam ta: "*CB thấy trên núi có khí thiêng bèn đào hào phía sau chân núi để cắt mạch, khiến cho linh thiêng về sau không cự tụ được*" (*Nam triều công nghiệp diễn chí*).

Mặc dù quyền phép cao cường nhưng CB bao giờ cũng thua, thất bại cay đắng trong những âm mưu ngông cuồng hoặc trong trận đấu với thần và người nước Việt. Những việc làm độc ác, xấu xa của CB làm "bị thương", tổn hại đối với đất đai, sông ngòi nước Nam thì lập tức được trời sai Thiên Mụ xuống bày cách hóa giải: "*thấy có người đàn bà thể sắc còn trẻ nhưng mày tóc bạc phơ mình vận áo đỏ quần xanh ngồi dưới chân núi kêu gào than vãn, rồi cất tiếng nói to "đời sau nếu có bậc quốc chủ muốn bồi đắp mạch núi để làm sạch cho Nam triều thì nên lập chùa thờ Phật, cầu khẩn linh khí về nơi núi này để phúc dân giúp nước, tất không có gì phải lo*". Dân trong vùng ghi nhớ hình dáng người đàn bà ấy, đặt tên núi là Thiên Mụ" (*Nam triều công nghiệp diễn chí*). *Truyền thuyết núi Cánh Diều ở Ninh Bình* kể rằng CB khi cưỡi diều giấy bay đến đất Hoa Lư đã bị một Đạo sĩ cùng dân chúng ở đây dùng tên bắn. CB trọng thương, diều gãy cánh rơi xuống một hòn núi, từ đó hòn núi mang tên là núi Cánh Diều. Còn thành ngữ "*lẩy bẩy như CB dậy non*": (chữ "*dậy non*" ở đây nghĩa là dậy thiếu ngày, tương tự chữ đẻ non…) gắn với truyền thuyết dân gian ta kể chuyện CB có phép thuật "*tản đậu thành binh*". Khi cần quân lính, CB chỉ gieo đậu vào đất, ủ kín một thời gian, đọc thần chú rồi mở ra, mỗi hạt đậu hóa thành một người lính. Truyện kể có lần CB đọc thiếu thần chú, lúc mở ra những hạt đậu cũng thành binh nhưng còn non, chưa đủ sức nên đi lẩy bẩy. Một truyền thuyết khác lại kể rằng: khi sang nước Nam để yểm bùa và triệt hạ long mạch, CB có nuôi 100 âm binh. Đến nước Nam, CB ở trọ nhà một bà hàng nước và nhờ bà mỗi ngày thắp một nén hương, gọi dậy một âm binh, 100 ngày thắp đủ 100 nén hương sẽ gọi dậy được 100 âm binh. Bà lão nước Nam đã phá âm mưu của CB, giả vờ quên, thắp cả 100 nén hương trong một ngày. Kết quả là 100 âm binh của CB đã dậy đủ nhưng mà dậy non, thiếu ngày nên chẳng hiệu quả gì. Trong những nơi mà Biền nhắm đến có một điểm khá quan trọng, đó là làng Cổ Pháp - nơi sẽ sinh ra bậc đế vương của trời Nam. CB cùng các thầy pháp và thầy địa lý của Trung Quốc đã ra tay "cắt đứt long mạch" bằng cách đục đứt sông Điềm và 19 điểm ở Phù Chấn để yểm. Nhưng mưu thâm độc của vua Đường và CB trong việc phá hủy thế phong thủy và làm tan khí tượng đế vương ở nước ta đã bị một thiền sư thời ấy là ngài La Quý phá tan. Ngài La Quý là trưởng lão tu ở chùa Song Lâm rất thông tuệ, nhìn xuyên sông núi, biết rõ nguồn gốc phong thủy, biết quá khứ và tiên đoán được tương lai. Trước khi mất, vào năm 85 tuổi (năm 936), ngài gọi đệ tử truyền pháp là Thiền Ông đến căn dặn: "*Ngày trước, CB đã xây thành bên sông Tô Lịch, dùng phép phong thủy, biết vùng đất Cổ Pháp của ta có khí tượng đế vương, nên đã nhẫn*

tâm đào đứt sông Điềm và khuấy động 19 chỗ trấn yểm ở Phù Chẩn. Nay ta đã chủ trì lắp lại những chỗ bị đào đứt được lành lặn như xưa", "*Trước khi ta mất, ta có trồng tại chùa Châu Minh một cây bông gạo. Cây bông gạo này không phải là cây bông gạo bình thường, mà là vật để trấn an và nối liền những chỗ đứt trong long mạch, mục đích để đời sau sẽ có một vị hoàng đế ra đời và vị này sẽ phò dựng chính pháp của chư Phật*" [25]. Vị hoàng đế mà ngài La Quý báo trước là Lý Công Uẩn.

Phá hoại âm mưu của cao nhân như CB không chỉ có những bậc thần linh như thần núi Tản Viên, thần sông Tô Lịch, cao tăng đắc đạo... mà có cả những người phụ nữ từ thần thánh nhà trời đến một bà hàng nước bình dân. Qua đây, các tác giả muốn nhắn nhủ thông điệp là đối với âm mưu độc ác của kẻ thù thì toàn dân ta, từ già đến trẻ, từ người bình phàm đến thần linh, từ đàn ông đến phụ nữ đều cảnh giác và chống trả. Và mặt khác, "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên", những kẻ làm việc ác bao giờ cũng bị báo ứng, gặp kết quả không như ý. Ý nghĩa thực sự trong những tác phẩm kể trên trước hết là nhằm thể hiện niềm tự hào về vượng khí dân tộc. Dân tộc Việt, có vị trí địa lí đặc biệt, chủ quyền này đã được khẳng định trên bản đồ các vì sao như bài thơ *Thần* của Lí Thường Kiệt đề cập "*Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư*". Chính vì vị thế đặc biệt đó nên mấy ngàn năm tồn tại bên cạnh một cường quốc lớn như Trung Quốc với âm mưu bành trướng lãnh thổ mà vẫn giữ được độc lập. Vấn đề này là một câu chuyện dài tốn nhiều bút mực của các nhà quân sự, chính trị... nhưng xét trên quan điểm văn hóa nhất là văn hóa dân gian thì có thể kể đến một nguyên nhân là từ quan niệm phong thủy, địa lợi. Nước ta án ngự ở một vị thế đặc biệt, có nhiều dãy núi, sông hồ, biển... tạo nên nhiều long mạch có thể sản sinh nhiều anh tài giữ được vận nước hưng thịnh. Rất nhiều tác phẩm bàn luận về mạch thế đất, hình thế núi sông theo tinh thần loại sách *Dư địa chí*. Ta có thể kể ra vài ví dụ cho thấy các tác giả luôn đặt mạch địa nước Nam ta trong niềm tự hào và sự đối sánh với phương Bắc: Phạm Đình Hổ trong *Vũ trung tùy bút*, mục *Xét địa mạch và nhân vật chí* sau khi trình bày thế đất Việt Nam và Trung Quốc, ông viết: "*Địa thế nước ta, toàn thể cũng giống như nước Trung Quốc, chỉ có nhỏ hơn thôi",* các nhân vật *"đều là tinh anh của non sông đúc lại*" [114, tr. 28-29]. Ngô Giáp Đậu trong bài bạt sách "Trùng bổ Việt điện u linh tập toàn biên" ca ngợi: "*Nước Việt ta từ lập quốc, sơn kì thủy tú, địa linh nhân kiệt, so với các nước trong toàn cầu, thực là anh vĩ đặc biệt, cố nhiên là không chịu nhường ai rồi chung đúc cái chính khí lại, từ đó xuất hiện nhiều đấng thần kì, sống làm bậc danh tướng, chết làm bậc danh thần, làm bậc tiết nghĩa, làm bậc trinh liệt; chính khí của các bậc ấy bàng bạc vòng quanh vòm trời xanh, hoặc là tản ra mà thành tiên phong đạo cốt cũng đều lưu truyền bất hủ về sau*" [113, tr. 59].

3. Câu chuyện phong thủy: câu chuyện đấu tranh văn hóa, chính trị

Xét một khía cạnh khác, việc xuất hiện CB trong những tác phẩm văn học cả dân gian lẫn văn học viết gắn với chuyện phong thủy thể hiện sự đấu tranh văn hóa, chính trị. Một mặt, Trung Quốc khi cho quan sang cai trị nước ta ngoài sức mạnh quân sự, cường quyền còn trang bị, tô vẽ thêm sức mạnh tâm linh, thần quyền với các khả năng phép thuật thần bí nhằm làm gục ngã, bẻ gãy ý chí đấu tranh phản kháng của nhân dân ta. Nhưng hiện thực lại chứng minh một mặt khác, mặc dù ta có thể thua thế về mặt quân sự, sức mạnh vật chất nhưng luôn chiến thắng về mặt tinh thần. Cụ thể là ở các cuộc chạm trán với CB, thần linh Việt luôn hiện lên oai phong, ngạo nghễ, hào sảng: "*bỗng thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, dung mạo dị kì, tắm ở giữa dòng sông, cười nói hớn hở. Biền hỏi họ tên. Đáp: ta họ Tô tên Lịch. Biền lại hỏi: nhà ở đâu? Đáp: nhà ở trong sông này. Dứt lời, lấy tay đập nước bắn tung mù mịt, bỗng nhiên không thấy đâu nữa*" (*Truyện sông Tô Lịch*); ở vị thế chủ động, đứng trên cao một bậc, luôn chiến thắng, vạch trần mọi âm mưu của y: Biền rất kinh dị, muốn yểm thần. Đêm nằm mộng thấy thần tới nói rằng: "*Chớ yểm ta, ta là tinh ở Long Đỗ, đứng đầu các địa linh. Ông xây thành ở đây, ta chưa được gặp, cho nên tới xem đó thôi; ta có sợ gì bùa phép?*". Biền kinh hãi. Sáng hôm sau, Biền lập đàn niệm chú, lấy kim đồng thiết phù để yểm. Đêm hôm ấy, sấm động ầm ầm, gió mưa dậm dật, đất trời u ám, thần tướng hò reo, kinh thiên động địa. Trong khoảnh khắc, kim đồng thiết phù bật ra khỏi đất, biến thành tro, bay tan trên không. Biền càng kinh hãi, than rằng: "*Xứ này có thần linh dị, ở lâu tất chuốc lấy tai vạ*" (*Truyện thần Long Đỗ*); thấy Vương cưỡi ngựa trắng ở trên mây, nhổ nước bọt mà bỏ đi. Biền than rằng: "*Linh khí ở phương Nam không thể lường được. Vượng khí đời nào hết được…*" (*Truyện Tản Viên Sơn Thánh*); trong *Truyền thuyết núi Cánh Diều ở Ninh Bình*, CB khi cưỡi diều giấy bay đến đất Hoa Lư đã bị một Đạo sĩ cùng dân chúng ở đây dùng tên bắn. CB trọng thương, diều gãy cánh rơi xuống một hòn núi; những bùa phép mà CB trấn yểm thần Việt đều bị tiêu ra tro bụi không thành, những long mạch bị đào bới cũng được khôi phục lại... Không những vậy, một nhân vật tiếng tăm và nhiều ảnh hưởng như CB nhưng đối với thần linh bản địa cũng phải kiêng nể, kính trọng. Điều này thể hiện rõ trong thái độ với tướng Cao Lỗ: "*Khi CB dẹp quân Nam Chiếu trở về, qua châu Vũ Ninh, tới một chỗ, đêm nằm mộng thấy có một dị nhân mình cao chín thước, diện mạo cương nghị, búi tóc, mặc áo đỏ, tự xưng họ tên mà nói rằng: "Ta ngày trước phò tá An Dương Vương, giết giặc lập đại công, bị Lạc hầu gièm pha mà trừ bỏ. Sau khi ta chết, Thượng Đế thương tình vô tội, một lòng trung liệt nên phong cho làm Quản Lĩnh Đô Thống Tướng Quân ở một dải sơn hà này…; nay ngài trở về bản bộ, nếu không cáo tạ là trái lễ đó!*". CB tỉnh mộng, bụng còn ghi tên Vũ Ninh, bèn lập đền thờ, nay là

Đền Vũ Ninh tức là đền Gia Định, có một hang đá ăn vào sông Đại Than. Đền thường gọi là đền Đô Lỗ, ở xã Đại Than, huyện Gia Định (nay là Gia Bình), tỉnh Bắc Ninh. Còn một đền nữa ở thôn Tráng Liệt, xã Phúc Cầu, huyện Đường An (*Truyện Tướng quân họ Cao ở Vũ Ninh).* Chính CB lại là người lập đền thờ cho các vị thần linh Việt không chỉ có Cao Lỗ mà còn có cả thần sông Tô Lịch.

Những câu chuyện về CB cho thấy sự xâm nhập của Đạo giáo trong đời sống văn hóa Việt Nam. Những truyện truyền kì về phép thuật của CB cùng những hiển linh của các vị thần nước Nam đã vô hiệu hóa được mưu của CB… hầu hết chỉ ghi lại trong *Việt điện u linh tập, Lĩnh Nam chích quái* cùng một số các ngọc phả thần tích. Soạn niên của các tác phẩm này tuy còn có ý kiến bàn cãi nhưng chắc chắn là được viết sau thời CB nhiều thế kỉ; ví dụ như ở bài tựa đầu sách *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên ghi rõ là sách viết năm Kỷ Tị, Khai Hựu nguyên niên, tức là năm 1329. *Lĩnh Nam chích quái* cũng vậy, bài tựa của Vũ Quỳnh cho biết: ông tìm được sách này và tiến hành nhuận chính vào năm 1492; vậy là sách đều được viết sau thời CB làm quan ở nước ta đến hơn 500 năm. Cho thấy Đạo giáo đã có sự xâm nhập, ảnh hưởng trong đời sống tinh thần nước ta từ rất lâu. Từ phong thủy có thể xem xét các điềm dự báo về tương lai như phúc họa, thọ yểu, vinh nhục. CB khi xây thành Đại La một buổi thấy: mây mù nổi to, rồi có khí lành năm sắc rực rỡ lấp lóe như sao sáng rực,lạnh rợn người. Trong năm sắc ấy đỏ, đồng thời mùi hương ngào ngạt, tiếng nhạc vang lừng, hồi lâu mới tan. CB than rằng: "*Ta không biết làm chính trị, để quỷ thần trêu ta, điềm tốt hay điềm dở đây". Biền dựng đền, đắp tượng thờ, rồi lấy đồng sắt chôn để trấn áp... Bỗng một cơn mưa bão rất to, đổ cây, tung đất, bao nhiêu đồng sắt đã yểm bỗng biến ra thành tro bụi. Biền thấy vậy than rằng: Ta sắp về Bắc mất. Rồi quả nhiên Biền phải về thật*" (*Quảng Lợi Thánh hựu Uy tế Phu ứng Đại vương*). Ông tổ họ Vũ thấy xã Mộ trạch có phong thủy xinh đẹp, bèn đến cư trú ở đó. Cháu bảy đời của CB tên là Lư sang nước ta xem xét những kiểu đất quý. Khi đến cổng làng Mộ Trạch, ông chỉ tay và bảo rằng: Đây là tổ tiến sĩ. Trong khoảng niên hiệu Thịnh Đức và Vĩnh Thọ đời Lê Thần Tông, họ Vũ khoa nào cũng có người đỗ tiến sĩ. Khoa Bính Thân đỗ ba người, khoa Kỷ Hợi đỗ bốn người, còn các khoa khác, khoa thì đỗ hai người, khoa thì đỗ một người. Đồng thời có cùng ba mươi người cùng làm quan trong triều (*Truyện họ Vũ ở Mộ Trạch*). Đạo giáo xung quanh nhân vật CB còn thể hiện rõ trong những cách trấn yểm như: Truyện dân gian nước ta nay vẫn còn nhiều truyền thuyết hoang đường về nhân vật CB như cho rằng CB thấy đất Giao Châu có nhiều kiểu đất đế vương, thường cưỡi diều giấy bay đi xem xét, rồi dùng phép thuật phá những nơi có hình thế sơn thuỷ đẹp, và yểm những đất có long mạch bằng cách đào những giếng khơi rất sâu; để cắt vượng khí của núi thì đào sau chân

núi để khí thiêng không hội tụ được; để tiêu diệt các thần thì đắp tượng thờ, dùng đồng sắt chôn để trấn áp, yểm những nơi linh tích bèn mổ bụng con gái chưa chồng mười bảy tuổi, vứt ruột đi, nhồi cỏ bấc vào bụng, mặc quần áo vào, rồi đặt ngồi trên ngai, tế bằng trâu bò, hễ thấy cử động thì vung kiếm mà chém đầu... Từ văn hóa phong thủy, Đạo giáo kể trên, nếu đi sâu, bó tách thêm ta sẽ nhận ra nhiều cơ tầng văn hóa ẩn phía sau như tục thờ đất, thờ núi; ngũ hành tương sinh tương khắc, tín ngưỡng sùng bái vật tổ...vv mà muốn làm rõ thì cần một bài viết chuyên sâu khác.

4. Bàn về kết cục của Cao Biền

Một người quyền phép, sức mạnh dời sông, chuyển núi, lấp bể nhằm thay đổi vận khí nước người nhưng kết cục thì vận khí của chính y thì ra sao? Tài năng của CB không giúp y tránh khỏi việc bị triệu về nước và bị giết. Theo lịch sử Trung Quốc thì CB và toàn bộ gia quyến bị Tần Ngạn đồ sát vì lo ngại bị trấn yểm (887). Trong văn học viết, các tác giả xây dựng kết cục là chính CB khi chứng kiến khí thiêng nước Việt đã tự biết trước số mệnh không hay của mình đã than rằng: Ta sắp về Bắc mất, Rồi quả nhiên Biền phải về thật; *Truyện sông Tô Lịch* chép trong *Lĩnh Nam chích quái*: Biền càng kinh hãi, than rằng: "*Xứ này có thần linh dị, ở lâu tất chuốc lấy tai vạ*". Sau Ý Tông triệu Biền về, quả nhiên Biền bị giết và Cao Tàm được cử sang thay. Nhưng trong văn học dân gian lại nhìn theo khía cạnh khác: CB chết tại đất Việt. Trong truyện *Mã CB Phú Yên* trong *Truyện dân gian và truyện cổ Phú Yên* ghi lại việc CB âm mưu táng cốt cha vào vùng biển dọc dải Hoành Sơn có hàm rồng, long mạch để làm nên nghiệp đế vương nhưng mưu lớn không thành cộng với việc yểm đất thành Đại La bị thần sông Tô Lịch triệt phá CB sợ hãi linh khí đất phương Nam bèn tìm cách trở về nhưng lạc đường đến Phú Yên. Phát hiện ở đây có long mạch tốt, y quyết định ở lại và sinh sống tại đó. Trong thời gian ở đây y có giúp dân làng làm một số việc như xem đất xây nhà, để mả. Về già CB nhờ dân làng chôn xác vào nơi đã chọn [5]. Trong truyện *Dấu chân và mả CB* lại kể: Lúc các nước phương Nam bị giặc xâm lược phương Bắc đô hộ có một trận đánh ác liệt giữa quân CB và quân Lâm ấp diễn ra. Trận đánh ấy, quân CB bị quân Lâm ấp đánh cho đại bại. Con ngựa của y không chịu cất vó cho dù Biền có giật mạnh dây cương, ra roi, la hét. Tức giận, y rút kiếm chém đứt bốn chân con chiến mã. Máu của bốn chân con chiến mã vọt ra thành vòi vạch ngang vào vách đá của gành Cây Sung rồi nó ngã gục. Ngựa đã chết, CB bỏ đám tàn quân liều chết phá vòng vây, chạy bộ về phía biển và y đã kiệt sức, tắt thở trên một bãi cát thuộc xã An Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Nơi xác y nằm, qua bao năm tháng, gió, mưa vun thành một mô đất cao và được gọi là mả CB (theo *Văn học dân gian Sông Cầu*) [1]. Còn trong *Sự tích mả CB*: CB là một vị tướng của quân xâm lược phương Bắc rất thương yêu dân ta,

làm được hiều việc nhằm mang lại lợi ích cho người Việt Nam. Do làm trái lệnh triều đình phương Bắc, nên CB sợ rằng, một ngày kia, sau khi mình qua đời, rất có thể mả của mình sẽ bị người Hán quật lên. Vì thế, khi đã già yếu, trước lúc chết, CB dặn dò những người dân Việt thân thiết với ông rằng: Khi ta chết phải chôn sấp ta để phòng khi người Hán có quật mồ, lật ngược lại tư thế ta nằm lúc chết thì xác ta sẽ nằm ngửa. Có như vậy, người Việt mới còn xuất hiện nhiều người tài giỏi. Dù CB đã căn dặn như vậy, nhưng vì thiện cảm dành cho CB và còn vì phải làm theo tập tục chôn cất của người Việt nên khi CB chết, những người chôn cất ông vẫn cứ chôn ngửa. Sau đó, đúng như sự tiên đoán của CB, người Hán đã tìm mả ông, quật lên, lật ngược quan tài lại. Từ đó, một tai hoạ gieo xuống đất nước ta là nhân tài hết sức hiếm hoi. Mả CB là do trời vun đắp một cách tự nhiên mà thành. Không hiểu sao đây là nơi tập trung nhiều mèo. Vì thế, dân gian còn cho rằng, hằng năm vào thời điểm chỗ mả CB có nhiều mèo là lúc "nhà họ mèo" tổ chức cúng giỗ CB (Theo *Văn học dân gian Sông Cầu*) [1]. Ba truyện dân gian vừa kể đều đề cập đến sự tích mả CB, nhưng nội dung cụ thể và hình thức thể hiện lại có một số điểm khác xa nhau. Chẳng hạn, cùng nói về cái chết và sự chôn cất CB: trong truyện thứ nhất và truyện thứ ba, CB già, đau bệnh chết; ngược lại, ở truyện thứ hai, CB chết trong chiến trận. Trong truyện thứ nhất, CB chết được người dân Việt chôn cất. Ở truyện thứ hai, xác CB không được chôn cất mà theo năm tháng, gió, mưa vun đắp thành mồ. Truyện thứ ba, vừa cho rằng, người dân Việt chôn cất CB, vừa cho biết: mồ CB là do gió, mưa theo năm tháng tạo nên.… Theo Nguyễn Định: "*Sự khác nhau giữa các truyện nêu trên còn biểu hiện ở một số khía cạnh khác nữa và đó là những minh chứng về sự vận động đa dạng, phức tạp nhưng cũng độc đáo và thú vị của sáng tác folklore. Đặc biệt, từ sự khác nhau ấy, ta nhận ra tác giả dân gian đã có nhầm lẫn khi lưu truyền các truyện kể về CB*" [25]. Trong mỗi kết thúc trên của dân gian ta thấy văn hóa phong thủy qua sự tiếp nhận của dân gian Việt Nam có thêm những ý nghĩa: con người muốn dùng phong thủy để thay đổi số mệnh của mình nhưng mưu sự tại nhân thành sự tại thiên, địa lý không thắng nổi thiên lý, không phải cứ muốn là được. Cho nên những bậc đại gia về phong thủy như CB cuối cùng chỉ chẳng được toại nguyện táng mộ cha vào huyệt rồng mưu nghiệp đế vương, đành phải chấp nhận một mộ huyệt bình thường kiểu yên ổn không bị đời bới móc; thậm chí là không có mộ chôn tử tế mà phơi thây giữa trời qua năm tháng gió mưa mà thành mộ. Đó là một kết cục nhân quả báo ứng. *Sự tích mả CB* có một chi tiết đáng lưu tâm là CB dặn người thân chôn sấp hài cốt của mình. Rất nhiều tác phẩm trong kho tàng lịch sử và văn học thế giới nói đến nghi lễ chôn cất người ở tư thế nằm sấp, nhiều chuyên gia khẳng định đó là nghi lễ chôn cất không bình thường và thể hiện quan điểm nào đó của người sống đối với người

chết. Theo Arcini: "*Các xã hội cổ đại thừa nhận đặt tử thi nằm sấp là hình thức sỉ nhục hoặc trừng phạt người chết. Đó là một trong những hành vi cơ bản nhất của nhân loại*". Đặc biệt là: "*sau khi hành quyết **phù thủy**, tu sĩ phạm giáo luật, người xưa cũng chôn cất họ theo tư thế nằm sấp*" (**TTTN** nhấn mạnh) [24]. Vì CB biết rõ hình phạt dành cho mình khi "giúp" người Việt nhất định sẽ bị quật mã, chôn sấp nên ông đã dặn chôn sấp trước để sau này được chôn ngược lại nhưng không được làm theo nên kết cục vẫn bị chôn sấp. Một điểm đáng lưu ý nữa là, mã CB vừa nhân táng vừa được thiên táng, do năm tháng gió mưa trời đất vun mà thành, lại xuất hiện rất nhiều mèo vào một thời điểm trong năm được dân gian giải thích là có mèo làm cúng giỗ cho. Trường hợp thiên táng là một dạng rất đặc biệt của phong thủy được ghi lại khá nhiều trong các tác phẩm văn học như *mối táng, hầu táng, hổ táng*... trường hợp thiên táng thường là những người tốt, có công với đời hay có điều gì đó đặc biệt. Việc dân gian cho gió mưa, miêu táng và cúng giỗ CB phải chăng ngầm ca ngợi công lao đối với người dân.

5. Gợi mở những suy tưởng

Những bình luận, đánh giá xung quanh nhân vật có nhiều sự trái chiều như vậy nhưng tổng hợp lại ta thấy một số điểm cần ghi nhận: Nhân vật này có sức ám ảnh đặc biệt trong đời sống nhân dân, đến mức nhiều người vẫn tin mả CB ở Phú Yên (điều này đi vào truyền thuyết, truyện cổ nước ta, trong khi trong lịch sử đã ghi rõ CB chết ở Trung Quốc). Trong các quan giữ chức độ hộ tại nước Nam thì CB là một trong những nhân vật nổi tiếng nhất và có sức ảnh hưởng lâu dài nhất (thậm chí là cho đến ngày nay, người ta vẫn tin là bùa phép trấn yểm thành Đại La mới được bóc đi sau nhiều cố gắng nỗ lực mời các cao tăng Ấn Độ). Ắt hẳn, đây là một nhân vật có tài năng, có thực lực, được đánh giá cao nên mới được vua cử sang cai trị nước ta (một nơi có địa linh, nhân kiệt) kiêm nhiệm vụ quan trọng là triệt phá long mạch, làm suy kiệt người tài, vượng khí. CB trong quá trình cai trị ở đây vấp phải sự đối đầu kịch liệt với người dân và thần nhân nước Nam (điều này là đương nhiên), chiến thắng một nhân vật danh tiếng như CB là một cách chứng minh sức mạnh dân tộc. Nhưng chúng ta xem kĩ lại, những tác phẩm văn học viết, dù CB có những âm mưu xấu xa bị bóc trần, thậm chí bị thần linh Việt nhổ nước bọt vào mặt đi chăng nữa thì nhân vật này vẫn có một vị thế, uy quyền không thể xem nhẹ mà chính các tác giả văn học viết vẫn kể lại trong nhiều chi tiết như khi CB đào chân núi thì bà già trời cũng chỉ biết "*ngồi dưới chân núi kêu gào than vãn*" và cho lời khuyên đời sau bồi đắp long khí chứ bản thân cũng không thể chống lại hành động ấy (mang tính chất xử lí hậu họa chứ không phải đối đầu trực tiếp và ngăn chặn). Một nhân tài toàn diện (võ thuật quân sự, văn thơ và thậm chí bùa phép, phong thủy) như CB thì khát vọng không tầm thường, không thể chỉ dừng lại

ở quan đô hộ, khi mà thời vận cho phép. Có lẽ trong quá trình làm quan cai trị đô hộ tại đây, CB đã manh nha, có ý đồ cát cứ, xưng vương (dấu vết này có phản ánh trong truyện cổ nước ta về câu chuyện gây dựng âm binh từ hạt đậu thần). Thậm chí trong *Chiếu dời đô,* Lý Công Uẩn đã gọi đích danh CB là **Cao Vương** (**TTTN** nhấn mạnh): *Huống Cao Vương cố đô Đại La thành, trạch thiên địa khu vực chi trung; đắc long bàn hổ cứ chi thế* (*Huống chi thành Đại La, đô cũ của Cao Vương, ở giữa khu vực của trời đất, được thế rồng chầu hổ phục*). Có thể CB đã có sự chuẩn bị quân đội, lực lượng bí mật nhất định để chuẩn bị công cuộc về sau nhưng âm mưu bị lộ do bị chính chính người nhà phản bội, là tay sai nội gián của vua Trung Quốc cài vào (người con rể, học trò). CB bị triệu về nước và sau này không được tin dùng, phải tội. Việc nhân dân ca ngợi CB, thậm chí gọi CB là Cao Vương một mặt cho thấy sự nể sợ nhưng một mặt khác không thể không để ý ngẫm nghĩ đến là khi làm quan đô hộ CB không chỉ đứng ở vị thế như một ông quan mà thực sự như một ông vua. Nguyễn Định lí giải sự kiện nhân dân ca ngợi công lao CB chỉ thuần túy là do sự nhầm lẫn trong việc sưu tầm sáng tác văn học dân gian đã quá đơn giản khi nhìn về hiện tượng. Theo chúng tôi, cần phải bóc tách sâu hơn ý nghĩa thực sự của vấn đề. Câu chuyện đó cũng đã phần nào phản ánh một sự thực trong lịch sử khác với cách tiếp nhận thuận chiều của số đông (vốn nghĩ địch thua ta thắng, địch xấu ta tốt) là cũng thực sự có một CB nhân nghĩa, có công lao, giúp đỡ, có ảnh hưởng tốt đối với người dân Việt lúc bấy giờ (tất nhiên không phải là trong cả quá trình cai trị, với tất cả mọi người, và thực sự có động cơ tốt). Điều này có thể xuất phát từ một nguyên do thực sự là CB đã có sự chuẩn bị lâu dài cho âm mưu vương bá và đi những quân cờ đầu tiên từ sự thu phục nhân tâm, nên việc giúp đỡ người dân nhiều việc là điều dễ hiểu.

Còn một điều khá thú vị đặt ra là trước khi CB được lệnh sang trấn yểm thì nước ta vẫn chịu 1000 năm Bắc thuộc. Nhưng sau khi trấn yểm và sau cái chết của CB 51 năm thì có sự kiện đặc biệt là Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng giành được độc lập dân tộc, chấm dứt 1000 năm Bắc thuộc. Điều này có thể gợi thêm nhiều suy nghĩ, một là long mạch nước ta quá nhiều khiến các thầy địa lý Trung Quốc dù cao tay đến đâu cũng không thể trấn yểm hết được. Hoặc, CB đã chủ ý để lại những huyệt quan trọng để chuẩn bị thời cơ phía sau cho mình nhưng chưa kịp thực hiện thì đã bị triệu về và bị giết. Nhưng cũng có thể đặt ra giả thuyết là trong 1000 năm trước, các long mạch tuy đã tụ nhưng vẫn còn nằm yên nhưng những sự tác động của CB cùng các hành động lấp, vá long mạch của dân ta đã góp phần kích hoạt sự thực dậy của nó? CB từ lịch sử đi vào văn học với những ý kiến cách nhìn nhận có phần trái chiều như thế là một hiện tượng hiếm hoi, thú vị cần nhiều khám phá và suy ngẫm thêm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Định (Chủ biên) (2002), *Văn học dân gian Sông Cầu*, Uỷ ban Nhân dân huyện Sông Cầu, tr.57 - 58.

2. Vương Ngọc Đức, Diêu Vĩ Quân, Tăng Lôi Quang (1993), *Tổng tập văn hóa thần bí Trung Quốc - Bí ẩn của bát quái*, Nxb Nhân dân Quảng Tây (cuốn này được NXB văn hóa thông tin dịch xuất bản năm 1996)

3. Vương Ngọc Đức, Diêu Vĩ Quân, Tăng Lôi Quang (1993), *Tổng tập văn hóa thần bí Trung Quốc - Bí ẩn của phong thủy*, Nxb Nhân dân Quảng Tây (cuốn này được NXB văn hóa thông tin dịch xuất bản năm 1996)

4. A.JA.Gurevich (1996), *Các phạm trù văn hóa trung cổ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

5. Ngô Sao Kim, (2001), *Truyện dân gian và truyện cổ Phú Yên*, Hội Văn nghệ dân gian và Văn hoá các dân tộc Phú Yên xb, tr.15 - 22.

6. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật Giáo sử luận*, tập 1, NXB Văn học, Hà Nội.

7. Lưu Bái Lâm (1994), *Phong thủy Quan niệm của người Trung Quốc về môi trường sống*, Nxb Đà Nẵng

8. Ngô Sỹ Liên (1976), *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Vương Thị Nhị Mười (2006), *Phong Thủy Địa Lý Tả Ao Chính Tông*, Tập 1, Nxb Mũi Cà Mau

10. Vương Thị Nhị Mười (2009), *Phong Thủy Địa Lý Tả Ao*, Tập 2, Nxb Mũi Cà Mau

11. Nguyễn Đăng Na (2001), *Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam*, tập 1, Truyện ngắn, NXB Giáo dục.

12. Nguyễn Đăng Na (2001), *Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam*, tập 2, Kí, NXB Giáo dục.

13. Nguyễn Đăng Na (2001), *Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam*, tập 3, Tiểu thuyết chương hồi, NXB Giáo dục.

14. Thẩm Trúc Nhưng (2003) (Nguyễn Anh Vũ biên dịch), *Thẩm thị Huyền Không học-Phong thủy trong bối cảnh kiến trúc hiện đại*, Nxb Thời đại

15. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 1, NXB Thế giới, Hà Nội.

16. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 2, NXB Thế giới, Hà Nội.

17. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 3, NXB Thế giới, Hà Nội.

18. Trần Nghĩa (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 4, NXB Thế giới, Hà Nội.

19. Lê Mạnh Thát (1999), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, NXB Tp Hồ Chí Minh.

20. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần, người và đất Việt*, NXB Văn hóa thông tin.

21. Diêu Vĩnh Quân, Diêu Chu Huy (2006), *Bí ẩn của chiêm mộng và vu thuật*, NXB Văn

hóa thông tin, Hà Nội.

22. http://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_Bi%E1%BB%81n

23. http://xuantoan.vnweblogs.com/post/3899/351380

24. http://khoahoc.tv/khampha/khao-co-hoc/24189_bi-an-nhung-hai-cot-nam-sap.aspx

TRẦN THỊ THANH NHỊ

Phụ lục 8:

VẤN ĐỀ MA THUẬT, BÙA CHÚ TRONG CÁC PHƯƠNG THỨC DỰ BÁO (KHẢO SÁT TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM)

TÓM TẮT

Phân tích những nguyên lí, biểu hiện của ma thuật, bùa chú xuất hiện trong các phương thức dự báo ở văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam (VXTSTĐVN) có thể thấy chúng có mối liên hệ mật thiết và có vai trò quan trọng với các phương thức dự báo. Việc các nhà văn sử dụng các phương thức dự báo và các yếu tố phép thuật, bùa chú phản ánh khát vọng muốn biết trước tương lai, kéo gần hơn thế giới tâm linh huyền bí để khám phá những bí ẩn; muốn có khả năng phi thường hay những cách thức để giải quyết những vấn đề của cuộc sống.

Từ khóa: ma thuật, bùa chú, dự báo, Văn học trung đại Việt Nam.

ABSTRACT

A study on the magic and incantation in the methods of foreseeing

(Survey on Vietnamese middle-age narrative literature)

Through analysis of the principles and expression of magic and incantation appearing in the methods of foreseeing in Vietnamese Middle-Age narrative literature, we can realize that magic and incantation are connected closely and have an important role in the foreseeing methods. The fact that writers use foreseeing methods and these elements of magic and incantation reflects the human being aspirations and desires to foresee the future, to get closer to the spiritual world to discover mysterious secrets and to have extraordinary abilities or tools to solve their problems and puzzles in daily life.

Keywords: magic, spells, divination, Vietnamese Middle-Age narrative literature.

1. Một vài vấn đề về lí thuyết

Dự báo là vấn đề thuộc về tri thức, nhận thức luận, thậm chí là triết học, có nguồn gốc từ sự quan sát tự nhiên. Người ta tin mọi vật, mọi sự việc của nhân gian là do thần linh quyết định, thần linh rất quan tâm đến hành vi con người, luôn ra chỉ thị để con người theo đó mà làm. Sùng bái tự nhiên, sùng bái tô tem, sùng bái tổ tiên và sùng bái tôn thần ở thời đại viễn cổ phản ánh tư tưởng đó. Phổ biến là vu giáo nguyên thủy (một thứ tín ngưỡng nguyên thủy, thông qua vu sư thầy phù thủy để giao tiếp với thần linh, nhằm chữa bệnh, trừ tai họa, cầu phúc), bất cứ hoạt động gì: săn bắn, xuất hành, cày cấy, gặt hái, dựng nhà, cúng tế, kết minh, chinh chiến, truyền ngôi, cưới gả, sinh con… đều quyết định trên cơ sở

hỏi ý các thần. Theo quy luật phát triển tư duy thì thiên khải tương đối sớm, nhân vi là bổ sung vào mặt chưa đủ của thiên khải. Theo nghiên cứu, khảo sát các phương thức dự báo trong văn hóa và trong VXTSTĐVN, chúng tôi chia dự báo thành ba nhóm: Nhóm 1, dự báo nhờ linh cảm, năng lực tiên tri; nhóm 2, dự báo thông qua các tiếp xúc với thế giới siêu nhiên (lên đồng, thánh, ma nhập…, được thần tiên báo mộng, gặp thần tiên trực tiếp…); nhóm 3, dự báo trên cơ sở phân tích các sự vật, hiện tượng tự nhiên, nhân tạo (xem điềm triệu, bói Dịch, xem tướng số, trạch cát…).

Mối liên hệ giữa các phương thức dự báo và ma thuật, bùa chú: Dự báo là vấn đề của tương lai, mà tương lai là điều bất khả tri ở thời điểm hiện tại, vì thế nó mang bản chất mơ hồ. Và bản thân các phương thức dự báo xuất phát từ huyền học đã mang bản chất huyền hoặc rất giống bản chất của ma thuật, bùa chú, phép thuật. Phép thuật được biết đến như ma thuật, ảo thuật, phép thuật là những hành vi thay đổi sự thật dựa ý muốn: "Nó có thể điều khiển được diện mạo của sự thật qua một điều gì đó huyền bí hoặc qua quá trình được thần thánh hóa. Pháp thuật đã xuất hiện qua rất nhiều nền văn hóa trên thế giới, từ ngàn xưa nó được con người dùng để giải thích các hiện tượng con người không thể giải thích được" (Jame F., 2007, tr.36). Một mặt cần ghi nhận là để biết được nội dung, kết quả đôi lúc người ta cần thực hiện một số hành động kì lạ, bí mật gắn với những sức mạnh siêu nhiên hoặc sử dụng những phương thuật riêng. Mặt khác, bản thân các phương thức dự báo cũng có tác dụng như một ma thuật giúp tạo ra kết quả là điều tốt lành, như một nhận định của Levy Bruhl đã gợi ý cho chúng ta: "Những điềm báo trước có hiệu lực riêng. Chúng góp phần dẫn dắt điều mà chúng tiên đoán tới… Chúng không chỉ phát lộ một hành động có hại sắp được thực hiện hay đã được thực hiện ngay từ lúc này. Bản thân chúng đã thực hiện hành động ấy rồi" (Bruhl L., 2008, tr.98). Điều này một lần nữa được nhấn mạnh bởi A.Ja.Gurevich: "Thông qua ma thuật, có thể trở về quá khứ, có thể tác động đến tiến triển tương lai của những biến cố. Có thể tiên đoán tương lai… và thấy tương lai trong giấc mộng (những giấc mộng tiên tri có một vai trò khá quan trọng trong những saga)" (tr.105). Như vậy, trong bài viết này, chúng tôi đặt ra và giải quyết vấn đề là chỉ ra những nguyên lí, biểu hiện của ma thuật, bùa chú và vai trò của chúng trong các phương thức dự báo, từ đó đi đến kết luận là bên cạnh xuất phát từ tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và con người, chịu ảnh hưởng thuyết âm dương ngũ hành, quy luật thống nhất thông tin của vũ trụ thì các phương thức dự báo còn có đặc điểm chung là có mối liên hệ mật thiết với ma thuật, bùa chú nguyên thủy.

2. Phần nội dung chính

2.1. Những nguyên lí của ma thuật, phép thuật, bùa chú và biểu hiện của chúng trong những phương thức dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam

Nguyên lí thứ nhất đó là mọi vật giống nhau sẽ mời gọi vật đồng loại, hay là một hiệu quả sẽ tương tự như nguyên nhân của nó (Jame F. 2007, tr.38). Điều này được hiểu bằng việc bắt chước giản đơn, có thể làm nảy sinh mọi kết quả theo mong muốn. Nguyên lí này dựa trên việc "kết hợp các ý tưởng bằng trạng thái giống nhau" theo quy luật tương đồng. Ta thấy trong VXTSTĐVN, các tác giả khi sử dụng những yếu tố dự báo như tiên tri, nhập thánh, phong thủy, tướng số, bói Dịch, tướng thuật, trạch cát, tử vi, điềm triệu, mộng… đều trực tiếp hay gián tiếp phản ánh vấn đề này.

Trong mọi thời đại, vận dụng trong việc muốn làm tổn thương hay hủy diệt kẻ thù, người ta làm bằng cách hủy diệt hình nhân thế mạng của kẻ thù ấy, hành động này trong tín ngưỡng cho rằng nỗi đớn đau của hình nhân thế mạng ấy sẽ mang tới nỗi đau đớn cho cá nhân kẻ thù và việc tiêu diệt hình nhân sẽ dẫn đến cái chết của cá nhân kia (Jame F., 2007, tr.38). Trong Hoàng Lê nhất thống chí, phương thức lên đồng tiếp xúc với thần linh dự báo tương lai có đề cập vấn đề đồng cốt và các phương thuật của nó, ngoài sự kiện: "Trong nhà tẩm miếu trên lăng Thịnh-Phúc, tự dưng bao nhiêu đồ thờ bằng gỗ, bằng vàng hễ động tay vào là nát mủn như bùn. Viên giữ lăng miếu vội vàng gửi thư về Kinh trình rõ việc biến". Sự kiện trên theo quan niệm của người trung đại xếp vào điềm tai biến vì thế để biết thái độ của thế lực siêu nhiên, người đã khuất, người ta có thể tiến hành nhiều cách dự đoán, một trong số đó là lên đồng tiếp xúc với thế giới siêu nhiên: Thái phi cho đòi cô đồng vào hỏi thì được biết vì Chúa thượng đã làm trái ý tiên vương, phạm tội bất hiếu có hai điều: Chúa vừa lên ngôi, đã ngờ Đặng thị làm bùa yểm trong tử cung, rồi tự ý cạy mở tử cung, thay đổi quần áo khâm liệm, khiến cho xương ngọc không yên. Hơn nữa, Đặng thị là người mà tiên vương yêu dấu, bây giờ bị chúa làm cho tủi nhục đủ đường, khiến vong linh tiên vương phải áy náy, tai biến sẽ còn nhiều nữa. Còn có một sự kiện liên quan đáng lưu tâm trước đó là: Có kẻ tố cáo với chúa, nói là vì Tiệp Dư (Dương Thị Ngọc Hoan) không được yêu sinh ra ghen ghét, mượn bọn đồng cốt chôn hình người gỗ trong cung để trấn yểm. Chúa cứ để mặc cho Thị Huệ làm chay làm bùa, tha hồ cúng lễ (Ngô Gia Văn Phái, Trần Nghĩa giới thiệu, 2006). Rõ ràng ở đây, phản ánh tư duy của người đương thời, ảnh hưởng ma thuật vi lượng, tin rằng những hình nhân bằng gỗ bị trấn yểm bùa có thể gây nguy hiểm cho con người. Đây là trường hợp hắc vu thuật (làm hại con người) liên quan đến đồng cốt (dự báo tiếp xúc với thế giới siêu nhiên) và thuật trấn yểm.

Nhiều người lầm tưởng ma thuật này chủ yếu hại người nhưng không phải, một nhánh của nó thậm chí liên quan đến thuật làm cho chóng sinh, dự báo về sinh nở. Trong

truyện Thần Tông hoàng đế có kể về chi tiết ngày hoàng hậu lên giường cữ, mãi chưa sinh được, lòng vua lo lắng, chợt chiêm bao có người báo: hoàng tử còn ở chợ Báo Thiên, hậu cung sinh mau sao được. Tỉnh dậy vua sai nội giám thử ra chợ ấy dò xem, thấy dưới gầm phản hàng thịt có lão ăn mày đang nằm ngắc ngoải chờ chết. Nội giám vội chạy về tâu. Vua lại cho người ra hỏi xem, đến gần sáng thì lão ăn mày chết. Một điều đáng lưu tâm, mặc dù không được nhà văn đưa vào nhưng người đọc có quyền mường tượng và đặt câu hỏi là vào bối cảnh đương thời và trong một hoàn cảnh ngặt nghèo như vậy thì liệu người ta có sử dụng một phương thức tác động nào để làm cho chóng sinh không? Văn bản không đề cập, nhưng phần sau, miêu tả những sự kiện diễn ra trong ngày sinh nhật vua cho phép người đọc hình dung ra một số phương thuật lúc hoàng hậu lên giường cữ: "Hàng năm đến ngày ấy, nhà chức trách dựng hành tại ở chợ Báo Thiên; Bộ Lễ sắm xe giá tàn quạt, đến hành tại, rước hai cây thiên tuế, vạn tuế làm bằng trúc về cung; các quan ở tòa Kinh Diên lại rước hai cây ấy đi quanh giường ngự ba vòng, chúc Hoàng đế sống lâu muôn tuổi" (Thần tông Hoàng đế - Tang thương ngẫu lục) (Trần Nghĩa, 1997, tập 2, tr.143).

Thuật làm cho chóng sinh còn được miêu tả trong Truyện nữ thần Vân Cát, Bà vợ Lê Thái Công đã quá kì sinh nở tự nhiên mắc bệnh nặng, cả ngày không ăn uống gì cả, chỉ thích hương hoa thơm mà thôi. Một đêm trung thu có người khách tự xưng có kế lạ phục rồng trị hổ. Khi vào nhà, xem trong tay áo ông khách chỉ thấy một cái bùa ngọc, "vị Đạo nhân xõa tóc bước lên đàn, trong miệng đọc thần chú, lấy tay ném bùa ngọc xuống đất. Thái công liền bất tỉnh ngã ra thiếp đi. Trong mộng, Công thấy mấy người lực sĩ dẫn ông đi lên được một tầng, lại thấy cao thêm một tầng, sắc trời lờ mờ như bóng trăng nhạt" (Truyện nữ thần Vân Cát - Truyền kì tân phả) (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.378-379). Hành động bước lên đàn, dùng bùa, đọc thần chú chắc chắn liên quan đến một nghi lễ bài bản, quy củ thời đó dành cho những ca sinh khó. Chi tiết "liền bất tỉnh ngã ra thiếp đi" của Thái Công để có một giấc mơ lên thiên đình biết được nguồn gốc của người con sắp sinh, theo chúng tôi, có thể hiểu theo một khía cạnh khác, đó là để tác động cho việc sinh nở dễ dàng của người phụ nữ thì pháp sư sẽ tác động vào người chồng như sự gánh chịu những đau đớn…

Như vậy phép thuật trong hai trường hợp trên liên quan trực tiếp đến dự báo về sinh nở (dự báo qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên, trường hợp mộng).

Phần nhiều trường hợp vận dụng nguyên lí này không phải để làm hại mà cứu giúp người, thông qua ngôn ngữ dự báo như một ma thuật để chữa bệnh và báo tương lai tốt đẹp. Nhiều trường hợp không để hại người mà ma thuật vi lượng gắn với dự báo giúp chữa trị bệnh. Quý Kính bị bệnh mãi không khỏi bèn nhờ thầy số xem giúp, thầy phán: "Tháng Giêng mùa xuân năm tới, trời sẽ đem việc lớn của thiên hạ kí thác cho ông, làm

sao mà chết được". Người thầy số không chỉ phán truyền mà còn làm một việc mang tính ma thuật rất rõ, dùng chữ viết đề vào trong số cục (tử vi) tám chữ: "Cán truyền tạo hóa, trụ thạch càn khôn", quả nhiên bệnh khỏi (Cổ quái bốc sư truyện). Như vậy, việc dự báo không chỉ dừng lại ở hành vi thông báo tương lai, mà việc viết chữ cũng góp phần làm cho dự báo trở thành hiện thực. Việc viết chữ thể hiện tính ma thuật vì nó truyền năng lượng, ý chí, suy nghĩ của người viết cho người nhận. Chi tiết tương tự cũng được lặp lại trong truyện Thám hoa thượng thư trí sĩ cẩm quận công Nguyễn Thọ Xuân, một người bạn ông ốm đã lâu, Nguyễn Thọ Xuân đến thăm rồi viết câu đối lên vách rằng: Phùng Khứ Tật, Hoắc Khứ Bệnh, tật bệnh khử trừ/ Hàn Diên Thọ, Đỗ Diên Niên, thọ niên diên vĩnh (Ông Phùng Khứ tật, Ông Hoắc Khứ bệnh, tật bệnh khử trừ/ Ông Hàn Diên Thọ, thọ niên diên vĩnh). Quả nhiên bạn ông khỏi bệnh và được sống lâu. Câu đối của ông có thể gọi là thần bút linh nghiệm (Thám hoa thượng thư trí sĩ cẩm quận công Nguyễn Thọ Xuân - Công dư tiệp kí tục biên) (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.602). Đây là một ví dụ rất tiêu biểu của phương thức dự báo nhóm 1 tiên tri và nhóm 3 thông qua phân tích các hiện tượng tự nhiên và nhân tạo, trường hợp tử vi.

Cũng trong việc chữa bệnh, một trong những phương pháp phổ biến là dùng con vật truyền năng lượng cho con người (người ta tin rằng các con vật có phẩm chất hoặc những đặc tính giúp ích con người) và ma thuật vi lượng hay ma thuật bắt chước tìm cách truyền thụ, bằng nhiều cách khác nhau những phẩm chất ấy sang con người. Nhiều khi người ta tin rằng các con vật có những phẩm chất hoặc những đặc tính giúp ích cho con người. Ông Hoàng Đình Chính bị bệnh sắp chết, được mĩ nhân trong mộng là vợ kiếp trước của ông cho người biếu cá và chim ăn chữa bệnh. Quả nhiên, sớm mai ông thấy dân xã Lỗ Khê dâng vịt le và chim sẻ vàng; thuyền ra đến giữa dòng, thấy có cá nhảy lên thuyền, ăn những thức ấy bệnh tự nhiên khỏi (Thần hồ Động Đình - Vũ trung tùy bút) (Trần Nghĩa, 1997, tập 2, tr.135-136). Cá và chim ở đây đây nếu chỉ nghĩ đơn giản là một phương thuốc trị bệnh thì e rằng quá đơn giản, đằng sau đó, sâu xa hơn là một ma thuật chữa bệnh, dùng sức mạnh, thuộc tính, hành trạng của con vật để truyền cho con người: chim bay cá nhảy.

Một trong những cách chữa bệnh đậm chất ma thuật nữa là: "Một trong những lợi thế lớn của mình, ma thuật vi lượng cho phép việc thực hiện việc chữa trị bệnh trên con người ông thầy chữa bệnh, thay thế cho người bệnh, người này do tránh khỏi mọi phiền thức và khó chịu có thể ngắm nhìn ông thầy của mình, đang lăn lộn và đau đớn trước mặt mình" (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.43). Vua Lê Thần Tông mắc bệnh lạ dùng bùa thuốc trong mấy năm không đỡ. Tổ sư Trần Lộc chữa bệnh bằng cách "đấm tay vào ngực mà

niệm chú" và kết quả là hơn một tháng thượng hoàng khỏi bệnh (Nội đạo tràng - Tang thương ngẫu lục). Người thầy thuốc (cũng là pháp sư lừng danh) đã chữa trị cho bệnh nhân không phải bằng thuốc cụ thể mà thực hiện một hành vi ma thuật tác động vào chính thân thể của mình để chữa bệnh cứu người. Phép thuật chữa bệnh nói trên gắn với dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên.

Một biểu hiện rõ nét của nguyên lí mọi vật giống nhau sẽ mời gọi vật đồng loại, hay là một hiệu quả sẽ tương tự như nguyên nhân của nó gắn với các phương thức dự báo có sự tương thông rõ rệt với thần linh là vấn đề đảo vũ cầu mưa. Trong Chuyện Man nương, Sư Đồ Lê gửi đứa con gái của Man Nương vào cây và có lời tiên tri: "Ta gửi đứa con này của Phật cho ngươi giữ lấy, rồi sẽ danh thành Phật đạo". Sau này đoạn cây nơi đặt đứa con gái đã hóa thành một tảng đá rất rắn, rìu búa của thợ đều mẻ hết. Đem vứt xuống vực sâu, tảng đá bỗng phát ra những tia sáng rực rỡ, một chốc lâu mới chìm. Cả bọn thợ đều ngã ra chết. Mời Man Nương đến khấn vái, rồi nhờ dân chài đến vớt lên vào điện Phật, mạ vàng để phụng thờ. Sư Đồ Lê bèn đặt tên cho bốn pho tượng Phật là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Người bốn phương tới đây cầu mưa, không lúc nào không ứng nghiệm (Truyện Man Nương - Lĩnh Nam chích quái liệt truyện) (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.178-179). Việc cầu mưa qua một hòn đá thì nhiều tài liệu đã đề cập và lí giải dưới nhiều khía cạnh. Nhưng theo ý kiến của chúng tôi, không thể không suy nghĩ đến một hướng lí giải liên quan đến văn hóa ma thuật nguyên thủy bản địa gắn với việc sử dụng một số vật đặc trưng với những phẩm chất đặc biệt (như đá…) để tác động vào thần linh tương ứng. Hồ Quý Ly từng ra một câu đối cho Hồ Nguyên Trừng: "Hòn đá lạ bằng nắm tay, gặp dịp sẽ làm mây làm mưa để thấm nhuần dân chúng". Qua đây có thể thấy, vào thế kỉ XV, ở phương diện triều đình vẫn tiến hành cầu mưa qua một hòn đá (hòn đá chứ không phải là ông Phật mang tên Thạch Quang Phật).

Sự ứng dụng của ma thuật vi lượng còn liên quan đến chuyện đất đai phong thủy, tác giả James George Frazer trong tác phẩm lừng danh Cành vàng đã dẫn ra một ví dụ thú vị: người ta thấy được một vận dụng khác của câu châm ngôn: "Cái tương đồng làm nảy sinh cái tương đồng" trong tín ngưỡng của người Trung Quốc, cho rằng số mệnh của một thành phố rất gắn chặt với hình thù của nó và số mệnh đó phải thay đổi tùy theo tính chất thứ đồ vật mà nó giống nhất. Chính vì thế mà người ta kể lại rằng xưa kia thành phố Tsuen-cheu-fu vốn có đường bao quanh rất giống hình con cá chép đã thường xuyên làm mồi cho những trận cướp phá của thành phố láng giềng, Yung-chun, hình thù như một tấm lưới đánh cá; một hôm những cư dân của thành phố thứ nhất có sáng kiến xây dựng tại đó hai ngôi chùa cao, ngày nay vẫn còn sừng sững ở trung tâm thành phố. Một ảnh hưởng hết

sức may mắn đã tác động đến bộ phận thành phố, do ngôi chùa đã chặn đứng tấm lưới tương tượng của người láng giềng, trước khi nó rơi xuống và chụp lấy con cá chép tưởng tượng trong các mắt lưới của nó. Cách nhìn nhận và lí giải này có sự tương đồng với các nhà văn trung đại Việt Nam, nơi ở ảnh hưởng, tác động đến vận số con người. Tương truyền mộ tổ nhà Thám hoa Đinh Lưu ở cạnh núi Thần Đồng, núi này hình dáng giống quả cầu cho nên ông đá cầu rất giỏi (Thám hoa Đinh Lưu - Công dư tiệp kí tục biên). Thầy địa lí dẫn Trâu Canh đến chỗ cóc tía bên cạnh núi, khen chỗ đất này rất đẹp, nếu làm nhà ở thì tất được giàu sang. Và khuyên khi đã được gần vua chúa rồi, phải dời nhà đi chỗ khác ngay, chứ không nên ở lại, dù chỉ một ngày vì: "Chỗ ông ở phía trước có mấy mẫu ruộng cao hình giống chiếc bàn dao cắt thuốc, cho nên nổi tiếng về nghề làm thuốc. Nhà ở cạnh núi, mỗi khi có mặt trăng tà chiếu, bóng núi đổ xuống trông như con cóc ở trên nóc nhà, còn người thì ngồi tại cung trăng, cho nên được gần vua chúa, ra vào nơi cung cấm. Chỉ hiềm nhà ở cạnh núi, địa điểm hơi bức bách, phía trước lại hướng về kiếp sơn, đi lại vô định cho nên giàu sang không được lâu" (Chuyện Trâu Canh ở xã Tử Trầm - Công dư tiệp kí) (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.562).

Nguyên lí thứ hai, đó là những sự vật đã từng có một lần tiếp xúc với nhau, tiếp tục tác động lẫn nhau, kể cả khi cuộc tiếp xúc đó đã kết thúc, đến mức mọi việc người ta tác động đến cái này cũng sẽ tác động lên cái kia (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.73). Từ đó có thể kết luận rằng: việc có thể tác động lên một đối tượng vật chất sẽ cũng tác động cả lên con người mà đối tượng vật chất ấy đã có một lần tiếp xúc, rằng đối tượng ấy đã hoặc có hoặc không hình thành một bộ phận cơ thể của con người ấy. Ma thuật này dựa vào sự kết hợp các ý tưởng bằng trạng thái gần gũi kề cận, và nguyên lí thứ hai là quy luật của tiếp xúc hay là của sự lây truyền. Nếu nguyên lí thứ nhất là quy luật tương đồng và nguyên lí thứ hai là quy luật của tiếp xúc. Điều này thấy rất rõ trong nhiều tác phẩm khác, nhất là kiểu truyện được thần linh ban cho vật báu (mang thuộc tính thần linh, có phép màu) điềm báo cho chiến thắng, sự thay đổi vận mệnh.

Nước có một sự ám ảnh lớn, ta thấy trong rất nhiều tác phẩm các tác giả đã xây dựng chi tiết để nhân vật trên cạn có thể hoạt động dưới nước như người thủy phủ nhờ được truyền phép lạ: Truyện Dị nhân làng Hạ Bì (Công dư tiệp kí), thấy trâu chạy xuống biển để rơi bịu lông lại, dị nhân cho là vật thiêng, lấy mà nuốt. Từ đó sức khỏe phi thường, lặn xuống biển mà như đi trên đất bằng, sau đục thuyền của giặc phương Bắc. Chiếc lông trâu đã truyền năng lượng ma thuật cho dị nhân để từ đó có được khả năng đi dưới nước. Nàng Ngọa Vân trước lúc từ biệt chồng "nhả một điềm rãi trắng to", đem nó "hòa với nước mặn mà uống thì xuống nước không chìm, không bao giờ bị nạn chết đuối" (Truyện

lạ nhà thuyền chài - Thánh Tông di thảo). Như vậy, khi nhận được vật báu mang phép thuật, con người sẽ sở hữu một số khả năng như thần linh. Và ngay cả khi thần linh không còn ở bên cạnh con người. Rồng vàng "tháo móng chân" cho Triệu Việt vương, chỉ cần mang móng chân đó cài lên mũ đâu mâu, quân giặc trông thấy, tự nhiên sẽ khiếp sợ (Triệu Việt vương và Lý Nam Đế - Việt điện u linh tập). Khi An Dương Vương bị giặc đuổi đến bờ biển, Rùa vàng đưa nhà vua "sừng tê bảy tấc", giúp vua rẽ nước vào thủy cung (Truyện rùa vàng - Lĩnh Nam chích quái). Móng chân của rồng và sừng tê là một dạng vật thiêng mang năng lượng, sức mạnh thần bí giúp cho nhân vật mang nó có sức mạnh như chính chủ nhân của vật (sức mạnh của rồng và khả năng đi dưới nước).

Tiên Lã Động Tân, một trong bát tiên của Đạo giáo, trong tiểu thuyết, trong hí khúc và trong những câu chuyện Bát tiên truyền thuyết dân gian, phần nhiều cũng lấy Lữ Động Tân làm trung tâm, biểu hiện Lữ Động Tân là một vị thần tiên múa kiếm, uống rượu, làm thơ, hiếu sắc đậm nhân tình. Vị tiên này gặp Hà Ô Lôi sau khi nghe nguyện vọng muốn được thanh sắc đã nhổ nước bọt vào mồm Hà Ô Lôi và phán: "Thanh sắc của ngươi sẽ được và mất ngang nhau, tên tuổi của ngươi sẽ lưu tại cõi thế" (Trần Nghĩa, 1997, tập 1, tr.181). Hành động nhổ nước bọt vào mồm rõ ràng là một hành động mang đậm chất ma thuật, truyền khả năng đặc biệt cho người nhân. Quả nhiên sau đó Ô Lôi tuy không biết chữ nhưng thông minh nhanh nhẹn, mồm mép hơn người, từ chương thi phú, hát ca ngâm ngợi, cợt gió đùa trăng du dương theo mây bổng, ai cũng thích nghe và "lập được công lớn" cho vua là chinh phục được nàng quận chúa khó tính (Truyện Hà Ô Lôi - Lĩnh Nam chích quái).

2.2. Bùa chú hoặc các pháp cụ hỗ trợ dự báo

Ở phần này, chúng tôi chỉ làm rõ một số trường hợp tiêu biểu, có sự lặp lại với tần suất lớn. Thứ nhất là trường hợp gậy. Theo Jean C., Gheerborant A. (2002), trong ý nghĩa biểu tượng văn hóa thế giới thì gậy xuất hiện trong hệ biểu tượng dưới nhiều dáng vẻ, nhưng chủ yếu như một vũ khí, và trước hết như là một vũ khí ma thuật… Gậy với các nhà sư là biểu tượng của trạng thái tu hành và vũ khí trừ tà; nó xua đuổi những ảnh hưởng độc hại, giải thoát những âm hồn khỏi địa ngục, thuần hóa những con rồng và làm khơi chảy những nguồn nước. Ở người Trung Hoa cổ đại, cái gậy và nhất là gậy làm bằng gỗ cây đào có vai trò quan trọng: vào dịp Nguyên Đán người ta dùng gậy để xua đuổi những ảnh hưởng xấu hại. Ý nghĩa của gậy còn liên quan đến ý nghĩa biểu trưng của lửa và nước: làm mưa, làm cho mạch nước ngầm tuôn chảy… cái gậy tượng trưng cho sức sống con người, sự tái sinh và sự phục sinh (tr.349 - 350). Gậy xuất hiện trong nhiều tác phẩm như: Thiền uyển tập anh kể về Thiền sư Tịnh Giới "Trong lúc đi các nơi quyên mộ để đúc chuông làm

trống, có khi trời kéo mây đen sắp mưa, sư đứng giữa sân giơ gậy trừng mắt nhìn lên, chỉ trong chốc lát mây tan, mặt trời lại xuất hiện" (Thiền sư Tịnh Giới). Sư cụ Pháp Vân trong Đào thị nghiệp oan kí (Truyền kì mạn lục): dựng một đàn tràng ngay ở trên núi, treo đèn bốn mặt và lấy bút son vẽ bùa dấu. Ước một trống canh thì có đám mây đen mười trượng vây xung quanh đàn, một cơn gió lạnh thổi làm cho người phải ghê rợn. Sư cụ cầm cây tích trượng chỉ huy tả hữu, có lúc lại ra khỏi đàn làm bộ quát mắng. Cụ già khoác áo trắng, chống gậy sắt, mắng Huệ rằng: "Ông cha ngươi sinh ra trên đất Nguyễn chúa, đời đời là dân của Nguyễn chúa, sao ngươi dám phạm đến lăng tẩm?". Nói đoạn cụ già cầm gậy đánh vào thái dương Huệ. Huệ xây xẩm ngã vật xuống, hồi lâu mới tỉnh (Hoàng Việt hưng long chí). Truyện đầm Nhất Dạ Trạch (Lĩnh Nam chích quái), nhà sư tặng cho Đồng Tử một cái gậy và một cái nón và bảo linh thông tại đây đó. Khi Đồng Tử cắm gậy và để nón lên thì hiện ra nhà cửa lâu đài, thành quách. Truyện Man Nương (Lĩnh Nam chích quái liệt truyện), Sư Đồ-Lê cho Man Nương một chiếc gậy và bảo rằng: hễ năm nào gặp đại hạn thì lấy gậy vẩy vẩy dưới đất, tự nhiên có nước chảy ra để cứu người ta. Gặp năm trời hạn, nàng đem gậy vẩy trên đất, tự nhiên có nước suối chảy ra ào ào, dân chúng được nhờ vả rất nhiều. Từ Đạo Hạnh thường ngày đọc kinh *Đại bi đà la*, đọc trọn mười vạn tám nghìn lần. Một hôm thấy thần nhân đến trước mặt nói rằng: "Đệ tử tức là Trấn Thiên Vương cảm phục thầy có công đức to lớn kiên trì tụng kinh nên đến đây để thầy sai khiến". Lộ biết đạo thánh đã thành, thù cha có thể rửa, bèn thân đến cầu An Quyết, cầm cây gậy ở tay thử ném xuống dòng nước chảy xiết, gậy đi ngược dòng đến cầu Tây Dương thì dừng lại. Lộ mừng mà nói rằng: "Phép của ta thắng được Đại Điên rồi" (Truyện Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không - Lĩnh Nam chích quái). Chuyện tiên Phạm Viên (Nam thiên trân dị tập), Phạm Viên cho người ăn mày một cái gậy nói: khi đến nơi hoặc đến chợ nào, cụ cứ cắm cây gậy này cạnh lối đi, người ta nom thấy ắt sẽ treo tiền trên đầu gậy, đủ 100 đồng thì thôi, cụ hãy đi nơi khác… Được ba năm, người ăn mày chết, chiếc gậy cũng biến mất. Gậy, tích trượng trong hàng loạt ví dụ được kể trên cho thấy sức mạnh, sự đắc đạo của quá trình tu luyện của nhân vật.

Trường hợp thứ 2: Bùa và các pháp cụ khác. Bùa được xem như vật có hiển hiện hoặc tàng trữ một sức mạnh thần diệu, nó thực hiện cái mà nó biểu trưng, một mối quan hệ đặc biệt giữa người mang nó với những sức mạnh mà nó biểu thị. Nó cố định và tập trung mọi sức mạnh… hoạt động ở mọi phương diện vũ trụ… nó đặt con người vào trung tâm sức mạnh ấy, làm tăng sinh lực của nó, làm cho nó trở nên hữu thực hơn, đảm bảo cho nó một số phận tốt nhất sau khi chết (Jean C., Gheerborant A., 2002, tr.109). An Dương Vương xây dựng Loa Thành, thành xây xong lại đổ, sau nhờ thần Rùa vàng báo có yêu

quái ẩn nấp trong thành, vua mới rõ nguồn cơn: Có yêu quái ở chốn này/ Nó thì trêu gở chốn này vậy song/ Ông Quán hiệu là Ngộ Không/ Có đôi gà trắng nuôi trong thường lề/ Dầu vua giết được bạch kê/ Làm bùa yểm dưới vậy thì thành nên (Việt sử diễn âm). Ở câu chuyện trên, thần Rùa vàng vừa mách bảo cho vua căn nguyên của việc đổ thành vừa dặn dò cả việc làm "bùa yểm" - một phương thức thường được sử dụng cho việc diệt trừ yêu quái. Ông Võ Công Trấn trọ học gần miếu yêu tinh, một hôm yêu tinh hiện thành một cô gái đến trêu đùa ông, ông bèn cầm bút viết đùa ở khoảng không hai chữ "tróc phọc" rồi ôm lấy. Vừa ôm thì bỗng không trông thấy gì cả, nhưng buông tay ra thì thấy vẫn ngồi ở đấy. Bấy giờ mới biết là một yêu nữ. Cô ta ngồi lặng lúc lâu, không thể đi được, kêu van ông tha cho. Ông nhất định không nghe. Ông nhận lời rồi viết vào khoảng không một chữ "giải". Cô ta thoắt biến mất (Ông Võ Công Trấn - Tang thương ngẫu lục). Hành động viết chữ trên không trung của nhân vật kể trên là một trong những cách thực hành hành động có tính phép thuật, xuất hiện trong Mật tông và các tín ngưỡng đạo giáo phù thủy dân gian, đây là hành động vẽ bùa.

Ngoài ra, tùy vào sự tu luyện của mỗi pháp sư mà mỗi người có một loại pháp cụ làm phép riêng như Đạo sĩ trong Truyện Lí Tướng quân (Truyền kì mạn lục) dùng chùm hạt châu nhỏ để Lý tướng quân thấy trong đó có lò lửa, vạc sôi, bên cạnh có những người đầu quỷ ghê gớm, hoặc cầm thừng chão, hoặc cầm dao cưa, mình thì đương bị gông xiềng, bò khúm núm ở bên vạc dầu, lấm lét sợ toát mồ hôi. Dị nhân giở trong bọc ra đưa cho Ngọc Liễn một cái ví bằng giấy, thấy một cái kính vỡ làm hai mảnh, một bên viết chữ Lê, một bên viết chữ Mạc... thấy chữ Lê cứ đậm đậm mà to dần ra, chữ Mạc cứ nhàn nhạt mà nhỏ dần đi (Nguyễn Kính - Vũ trung tùy bút). Đạo nhân dùng cái Cái bùa ngọc để đưa Thái ông vào mộng lên thiên đình biết nguồn gốc của Giáng tiên (Truyện nữ thần ở Vân Cát - Truyền kì tân phả).

Những trường hợp này chủ yếu liên quan trực tiếp đến phương thức dự báo thông qua tiếp xúc với thế giới siêu nhiên (cả trực tiếp ngoài đời và gặp thần tiên trong mộng) và tiên tri thay vì phân tích các hiện tượng tự nhiên, nhân tạo. Điều này cũng dễ hiểu vì chúng thường liên quan đến nhóm nhân vật thiền sư hoặc các Đạo sĩ đạt đạo, có phép thuật cao nên có khả năng tiên tri biết trước sự việc hoặc có thể thông linh với thế giới siêu nhiên để biết mệnh trời.

2.3. Dự báo và những cấm kị, trấn yểm phá hủy

Ma thuật, phép thuật bùa chú có chung nguyên lí là truyền năng lượng đến một đối tượng nhằm đạt một kết quả nào đó theo mục đích định sẵn. Có những trường hợp sử dụng việc tác động, lây truyền, tiếp xúc nhưng có nhiều trường hợp để ngăn cản sự tác động, lây

truyền đó người ta phải dùng những cách trấn yểm để kìm hãm hoặc phá hủy nó. Theo Jame F. (2007), công cụ để trấn phá thường liên quan đến sắt: "Những cấm kị đối với sắt: nỗi ghê sợ của thần linh đối với sắt - người ta giả định như vậy - mạnh đến nỗi các thần linh không dám đến gần con người hay những đồ vật được bảo vệ bởi thứ kim khí có hại đó, như vậy là người ta có thể sử dụng đồ sắt để xua đuổi ma quỷ và các thần linh nguy hiểm khác. Vì vậy trên vùng thượng du xứ Escosse, phương tiện quan trọng để phòng vệ chống lại quỷ thần đó là đồ sắt và tốt hơn nữa, chất thép. Kim khí, cho dù dưới hình thái gì, thanh kiếm, lưỡi dao, nòng súng… đều mang lại hiệu quả hết sức mạnh mẽ" (tr.369).

Khảo sát những tác phẩm trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam ta thấy để ngăn cản, trấn yểm, kìm giữ hay phá hoại người ta thường dùng đến kim loại, phổ biến nhất là sắt, đặc biệt là sắt đã được đúc thành những vật có ý nghĩa thực và tượng trưng cao như gươm, búa, vòng sắt… càng có tác dụng ma thuật. Hiểu đúng bản chất của phong thủy có thể thấy đó là một dạng ma thuật vi lượng, dùng năng lượng lây truyền từ thiên nhiên để tác động vào cuộc sống con người. Trong phong thủy rất quan trọng chuyện tìm long mạch. Long mạch là mạch đất bên trong có chứa khí mạch, giống như trong cành cây có chứa nhựa cây, nó có thể chạy qua những dãy đồi núi cao, cũng có thể đi rất thấp, luồn qua sông qua suối, thậm chí qua biển, rồi đột ngột nhô lên với những thớ đất lắm khi uốn lượn sà sà trên mặt ruộng như hình con rồng đang cuộn mình vươn tới để ôm chầu vào một huyệt đất nào đó (gọi là long nhập thủ). Nơi đó có thể hạ huyệt chôn cất, hoặc cải táng mồ mả cha ông để con cháu đời sau phát vương, phát tướng, phát trạng, phát tài lộc phú quý. Trong truyện Đinh Tiên Hoàng kí (Công dư tiệp kí), Đinh Tiên Hoàng lừa người khách Tàu để lấy được ngôi huyệt quý hình con ngựa dưới đáy đầm. Để phá huyệt, người khách Tàu tặng một thanh gươm, đem xuống treo ở cổ ngựa với lời giải thích lừa mị nhưng nghe có vẻ có lí là để Đinh Tiên Hoàng sẽ được dọc ngang trời đất, đánh đâu được đấy. Rõ ràng đây là một dạng ma thuật phá hoại, vì nhờ đặt tiên phần trong mồm ngựa mà Đinh Tiên Hoàng làm nên nghiệp lớn. Đặt kiếm sắt treo cạnh cổ ngựa khác nào trảm mã, làm ngôi mộ hết thiêng. Vì thế mà sau này Đinh Tiên Hoàng và con bị ám hại.

Cao Biền từng đi khắp các nơi núi non sông biển nước ta xem những nơi nào có vượng khí linh thiêng thì tìm cách cắt yểm đi, ý là muốn cướp đoạt nước Nam ta. Cao Biền thấy trên núi có khí thiêng bèn đào hào phía sau chân núi để cắt mạch, khiến cho linh thiêng về sau không cự tụ được (Nam triều công nghiệp diễn chí). Đào hào không chỉ cắt mạch mà ở đây là có sự tác động của kim khí, và chắc chắn tuy không được ghi chép nhưng thường bao giờ cũng đi liền với trấn yểm sắt trong đất để trấn linh khí. Vì thế, trong Lĩnh Nam chích quái truyện Thần núi Tản Viên có chi tiết thể hiện ma thuật trấn yểm rất rõ (của một bậc

thầy pháp sư lừng lẫy Cao Biền): "Ở những nơi có linh khí mạnh Biền còn dựng đền, đắp tượng thờ, rồi lấy đồng sắt chôn để trấn áp" (Quảng Lợi Thánh hựu Uy tế Phu ứng Đại vương). Biền còn mổ bụng mười bảy người, tất cả đều là con gái chưa chồng, bỏ ruột đi, lấy cỏ chi độn vào ruột, cho mặc xiêm áo để ngồi trên ghế ỷ, dùng trâu bò mà tế, nhằm lúc nào thấy cử động thời lấy gươm chém đi. Phàm muốn đánh lừa các thần đều dùng thuật ấy. Cao Biền thường lấy thuật ấy trêu thần núi Tản Viên thì thấy vương cưỡi ngựa trắng đứng trên mây, khạc nhổ mà đi (Thần núi Tản Viên - Lĩnh Nam chích quái). Sau này, một bậc hậu sinh của Cao Biền khi sang nước Nam tìm được huyệt đất quý đế vương giao cho họ Trần đã làm một bản giao kèo. Cuối đời thì vua Trần đối đãi kém tử tế bèn đem di thư để lại đưa cho vua Trần xem sấm thư nói ngôi mộ phát tích ở Thái Đường nay sắp hết thịnh, cần phải khơi thông thủy đạo, thì mới giữ được lâu dài. Vua Trần tin lời ấy, bèn chiếu theo họa đồ ở sấm thư đào một thủy đạo từ sông Cái xã Phú Xuân đi vào, quanh đến xã Thái Đường. Không ngờ đào đứt long mạch, họ Trần bèn suy, rồi bị Xích thủy hầu thoán đoạt (Truyện mộ tổ nhà Trần - Công dư tiệp kí). Chi tiết này ta cũng thấy lặp lại trong truyện Nguyễn Xí (Nam thiên trân dị tập), Thánh Tông ghen ghét Nguyễn Xí, sai thầy địa lí về Sái Xá khai con sông cấm để dứt long mạch, thân long chảy máu ba ngày, năm viên trung úy đều đột ngột chết cùng một lúc. Từ đó con cháu sa sút dần. Truyện quan thái thú ở Diễn Châu (Thính văn dị lục) cũng có một chi tiết sử dụng ma thuật liên quan đến sắt là để giữ một thần linh người trời thì phải có vòng sắt cùm lại. Người cha mộng thấy thần nhân bảo: ngày mai cho ngươi lưỡi búa tầm sét. Tháng sau hễ sinh con trai thì dùng miếng sắt cùm chân nó lại. Người cha không hiểu hết ý thần nhân là dùng vòng sắt để giữ người con ở trần gian nên năm 17 tuổi bèn bẻ hai cái vòng sắt ấy đi, người con là Kim Tích tự nhiên lăn quay ra chết. Ngay tên nhân vật Kim Tích (Kim: sắt, tích: tích tụ) có nghĩa người con được sắt cầm giữ lại, mất cái vòng sắt nên người con cũng về trời. Những hiện tượng trấn yểm phá hoại trên chủ yếu gắn với phương thức dự báo phân tích các hiện tượng tự nhiên, nhân tạo, trường hợp phong thủy.

3. Chung cục và gợi dẫn

Như vậy, qua phân tích chúng ta có thể thấy ma thuật, phép thuật, bùa chú có mối liên hệ mật thiết và có vai trò quan trọng với các phương thức dự báo, có lúc nó là một phần của các phương thức dự báo, có khi là một phương tiện để tiến hành dự báo và đưa dự báo đến kết quả. Phép thuật bùa chú xuất hiện nhiều nhất trong nhóm dự báo thông qua tiên tri và tiếp xúc với thế giới siêu nhiên còn ít hơn ở nhóm dự báo thông qua phân tích các hiện tượng tự nhiên, nhân tạo. Điều này cũng tương đối dễ lí giải vì hai nhóm đầu liên quan đến thế giới siêu nhiên nhiều hơn, còn nhóm thứ 3 thì chủ yếu dựa trên duy lí, phân tích của con người. Việc sử dụng các phương thức dự báo và các yếu tố phép thuật, bùa chú phản ánh khao khát, nguyện vọng của con người muốn biết trước tương lai, kéo gần hơn thế giới tâm linh huyền bí để khám phá những bí ẩn, muốn có những khả năng phi thường hay những cách thức để giải quyết những vấn đề của cuộc sống. Vì thế, tuy nói đến những vấn đề có phần hoang đường (trong tiếp nhận người hiện đại) nhưng các nhà văn trung đại đã phần nào phản ánh nhận thức hiện thực đương thời. Vấn đề này được nhà nghiên cứu Lê Thu Yến (2014) khẳng định: "Văn học trung đại cũng không ngại đưa vào tác phẩm của mình yếu tố phép thuật vốn là nét đặc trưng riêng của văn học dân gian. Phép thuật đi cùng với các nhân vật thần linh cũng như những người bình thường nhưng có được sự trợ giúp của đấng quyền năng nên họ cũng có khả năng hô phong hoán vũ. Tất cả họ đều có khả năng di chuyển cũng như vượt qua ranh giới ngăn cách của các không gian. Họ có thể đi lại trên không trung, có thể đi từ trần gian xuống âm phủ, thủy phủ, đi xuống nước, bước vào lửa… Họ có thể hô mưa gọi gió, làm nên sấm sét, có thể lập đàn tràng yểm bùa, trừ yêu quái, chữa bệnh trừ tà, có thể làm vật hóa thành người, người hóa thành vật. Lãnh địa này vốn thuộc về các loại truyện dân gian như thần thoại, truyền thuyết, cổ tích… nhưng văn học trung đại cũng không ngại kế thừa, mặc khác còn kéo nó về gần với hiện thực làm cho câu chuyện tự nhiên hơn như vốn nó là thực" (tr.10). Từ đây gợi dẫn cho chúng ta suy nghĩ nên chăng có thể đặt vấn đề nghiên cứu này vào trong dòng chảy văn học nước nhà từ dân gian đến hiện đại để có thể khám phá chiều sâu văn hoá dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bruhl, L. (2008). Kinh nghiệm thần bí và biểu tượng ở người nguyên thủy. Ngô Bình Lâm dịch. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật. Hà Nội: NXB Thế giới.
2. Nguyễn Khoa Chiêm. (2003). Nam triều công nghiệp diễn chí. Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga giới thiệu. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn. tr.564.
3. Gurevich, A. (1996). Các phạm trù văn hóa trung cổ. Hoàng Ngọc Hiến dịch. Hà Nội: NXB Giáo dục.

4. Jame, F. (2007). Cành Vàng, bách khoa thư về văn hóa nguyên thủy. Ngô Bình Lâm dịch. Hà Nội: NXB Lao động.
5. Jean, C., Gheerborant, A. (2002). Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới. Phạm Vĩnh Cư (chủ biên) và cộng sự dịch. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.
6. Trần Nghĩa. (1997). Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam. Tập 1, 2, 3, 4. Hà Nội: NXB Thế giới.
7. Ngô Gia Văn Phái. (2006). Hoàng Lê nhất thống chí. Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch dịch, Trần Nghĩa giới thiệu. Hà Nội: NXB Văn học.
8. Tạ Chí Đại Trường. (2006). Thần, người và đất Việt. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
9. Lê Mạnh Thát. (1999). Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh. TPHCM: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Khuyết danh. (2005). Việt sử lược. Trần Quốc Vượng dịch và chú giải. Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây. Huế: NXB Thuận Hóa.
11. Lê Thu Yến. (2014). Giá trị hiện thực của yếu tố tâm linh trong văn học trung đại. Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 4.

Phụ lục 9:

NHÂN VẬT TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN TƯỚNG THUẬT

NCS: ***Trần Thị Thanh Nhị***

Giảng viên Khoa Ngữ văn – Trường ĐHSP Huế

Tóm tắt: Trong Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam, các tác giả khi xây dựng chân dung, miêu tả nhân vật không chỉ vay mượn công thức thánh nhân trong thần thoại Trung Quốc thể hiện ở những so sánh với động vật và thực vật, vũ trụ mà còn sử dụng, khai thác những yếu tố khác dưới góc nhìn tướng thuật (Thuật xem tướng chủ yếu thông qua quan sát các đặc trưng về diện mạo, ngôn hạnh, cử chỉ con người để dự đoán tiền đồ và vận mệnh cát hung, họa phúc, bần tiện, phú quý trong tương lai) nhằm dự báo trước vận mệnh nhân vật (chủ yếu qua hình tướng, vật tướng và tâm tướng).

Từ khoá: Dự báo, tướng thuật, hình tướng, nhân vật

Nghiên cứu văn học không thể không tiếp cận từ văn hóa. Một trong những cơ tầng văn hóa ảnh hưởng vào văn học trung đại là văn hóa tâm linh, huyền học với vẻ đẹp biến ảo, lạ kì. Bộ phận lớn, chủ đạo của văn hoá tâm linh, huyền học là hướng vào nội dung dự báo về tương lai mệnh số con người hình thành nên những trường phái như phong thủy, tướng số, chiêm bốc, bói toán... Những hiện tượng này được phản ánh đậm nét trong văn xuôi tự sự trung đại tạo thành những tip truyện, kiểu nhân vật đặc trưng cũng như chi phối đến kết cấu tác phẩm. Dự báo có sứ mệnh kép trong văn học nói chung và văn học trung đại nói riêng. Có nhiều tác phẩm văn học nói dự báo, lấy dự báo làm chất liệu, từ đó thể hiện nhiều chủ đề sinh động và có tính nghệ thuật cao. Thông qua các phương thức dự báo, các tác giả biểu hiện lí tưởng thẩm mĩ của mình. Các phương thức dự báo đảm nhận hai chức năng: vừa tham gia vào kiến tạo nội dung (ý nghĩa tác phẩm), (vừa là bản thân của cái đẹp), vừa là yếu tố tham gia vào hình thức tác phẩm (vừa là con đường dẫn đến cái đẹp), tạo nên giá trị thẩm mỹ đa chiều cho tác phẩm. Một trong những môn loại nổi bật đó là tướng thuật. Có thể thấy các tác giả văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam (VXTSTĐVN) đều có một vốn hiểu biết nhất định (thậm chí am hiểu sâu sắc) về tướng thuật nên trong quá trình xây dựng nhân vật họ đã vận dụng kĩ thuật, lí thuyết của tướng thuật vào nhằm dự báo trước cho số phận nhân vật về sau. Nếu xét về kĩ thuật văn chương thì có thể xem đây là kĩ thuật phục bút.

Một mặt với tư cách là văn hoá triết học, tôn giáo chính thống, các đạo Nho, Lão, Phật với những giải thích và qui định về nhân sinh đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống

hàng ngày và sự lựa chọn giá trị của con người; mặt khác, với tính chất là văn hoá thông tục, người xưa đã xây dựng nên một hệ thống triết học nhân sinh mang tính hiện thực và thế tục để tự nhận thức bản thân và nắm vững tương lai, như các thuật xem sao, xem tướng, bói toán... Thời nguyên thuỷ, con người sống trong thế giới nguyên thuỷ rậm rạp đầy thú dữ, nơi họ dựa vào để sinh tồn nhưng bất cứ lúc nào cũng mang hiểm hoạ. Việc quan sát môi trường sống với muôn vàn vẻ đẹp luôn thay đổi là nguồn vui lớn ngoài việc kiếm ăn. Cùng với sự phát triển của đại não và việc đi sâu tổng kết những điều quan sát được, tức kết hợp hình tượng tự nhiên và tư duy đại não, dẫn đến xu thế chú trọng tư duy hình tượng. Sự ra đời của chữ Hán là sản phẩm của lối tư duy hình tượng đó: "*Thời xưa, họ Bào Hy làm chúa tể thiên hạ, ngẩng lên xem cảnh tượng trên trời, cúi xuống xem phép tắc dưới đất, trông dáng vẻ cầm thú cùng trạng thái đất đai, gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy muôn vật, rồi bắt đầu làm tám quẻ Dịch để truyền lại hiện tượng về sau*" (Hứa Thân đời Hán - Bài tựa sách ***Thiên văn giải tự***) [5]. Đoạn văn trên cho thấy, họ Bào Hy khi ngẩng xem cảnh tượng trên trời, cúi xem phép tắc dưới đất, nhận dấu vết để phân biệt ý nghĩa, thậm chí không bỏ qua dấu vết chim muông, chứng tỏ sự quan sát rất tỉ mỉ. Tướng thuật cũng là ngành đi từ quan sát hình mạo con người rút ra nhận xét về số mệnh tốt xấu của người đó. Thuật xem tướng chủ yếu thông qua quan sát các đặc trưng về diện mạo, ngôn hạnh, cử chỉ con người để dự đoán tiền đồ và vận mệnh cát hung, họa phúc, bần tiện, phú quý trong tương lai. Lập luận cơ bản của thuật xem tướng truyền thống là căn cứ hình mạo con người đối ứng với vũ trụ và phân tích hình mạo con người có liên quan với âm dương ngũ hành để đi đến suy đoán tính cách, phẩm hạnh và vận mệnh của cá nhân. Có thể phân tướng thuật làm ba loại là hình tướng, vật tướng và tâm tướng.

Hình tướng: Người xưa cho rằng trời đất muôn vật đều có tướng, tướng là biểu trưng sự lưu động của sinh mệnh của trời đất muôn vật. Tượng trưng sinh mệnh trong tướng thuật chủ yếu gồm hai loại: tượng trưng ngũ hành (Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả, Thổ) và tượng trưng chim muông, thú vật. Loại căn cứ vào tính đặc trưng của ngũ hành để gán hình thái số mệnh của người vào đó, có thể gọi đây là phương pháp tượng trưng đặc tính (Như hoả gấp mãnh liệt, sáng rực, tượng trưng cho người có phẩm tính thuộc loại đó). Khảo sát trong VXTSTĐVN không thấy các tác giả miêu tả nhân vật theo kiểu này. Tuy nhiên lại vận dụng sự hài hoà của các yếu tố ngũ hành trong khi đề cập về tướng ngũ đoản: Trạng vật có tướng ngũ đoản, lúc trẻ tuổi rất giỏi nghề đánh vật (***Truyện trạng vật***) [7, tr. 465]. Ngũ đoản tướng khi có: Đầu ngắn, mặt ngắn, thân ngắn, tay ngắn, chân ngắn[57]. Còn

[57] Năm phần ngắn này cũng phải có sự cân đối, hài hòa: Thân ngắn nhưng bề ngang phải gần như người mập chắc thịt và nhiều, Cổ ngắn nhưng phải tròn, nảy nở, Mặt ngắn nhưng phải có thành quách rõ ràng, Đầu ngắn nhưng phải tròn trịa, vuông vắn, Chân ngắn nhưng đi phải nhanh nhẹn khác người thường. Trong 5 phần ngắn

cái tượng trưng chim muông thú vật là căn cứ hình trạng của động vật để gắn vào hình thái của người, từ đó để biểu thị hiện tượng số mệnh mang tính hình tượng. Có thể nói đây là phương pháp tượng trưng hình dạng. Phương pháp tượng trưng này tương đối thông tục dễ hiểu, nội dung cũng rất rộng rãi. Nhưng loại chim muông có hình phượng, hình hạc, hình chim ưng, hình chim én, hình bồ câu, hình ngỗng, hình công, hình uyên ương, hình chim hổ, hình voi, hình khỉ, hình rùa, hình rắn, hình ngựa, hình râu, hình dê, hình chó, hình gấu, hình cáo, hình mèo, hình chồn… Người thời viễn cổ đặc biệt chú ý đến động vật cho nên mới có sự gán ghép siêu hình như vậy truyền lại đời sau. Trong VXTSTĐVN ta thấy khi xây dựng kiểu nhân vật quân tử, thánh nhân, tướng tài các tác giả thường đưa vào những so sánh với thú vật, chim muông trong chân dung: Cảnh Kiên có hình tướng "*trán rộng, mắt sáng, đầu vích, lưng rùa, thật là một vị hổ tướng dáng mạo phi thường*" (***Hoan Châu kí***); Bà Triệu: "*mũi hổ, trán rồng, đầu báo, hàm én*" (***Lệ Hải Bà vương kí***); Mai Thúc Loan: "*đầu hổ, mắt rồng, tay vượn*" (***Hương Lãm Mai đế kí***); Nhân tôn hoàng đế: "*vua trán cao mặt rồng*" (***Đại Việt sử kí toàn thư***); Nguyễn Hữu Tiến "*vai như vai hổ*" (***Hoàng Việt hưng long chí***); Hoàng thượng Lê Hiển Tông "*râu rồng, mũi cao, tóc hạc, mắt phượng*", hoàng tôn Lê Duy Kỳ thì "*mày rồng mắt phượng*" (***Hoàng Lê nhất thống chí***)... Đặc trưng cơ bản của văn học trung đại Việt Nam là tính ước lệ, tượng trưng, không miêu tả sự vật một cách cụ thể mang tính cá thể đặc điểm, không gian, thời gian mà bao giờ cũng vay mượn những công thức có sẵn để miêu tả. Văn học Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn học Trung Quốc trên nhiều phương diện, một trong những điều có thể chỉ ra là trong cách tư duy, miêu tả nhân vật. Trong bài ***Tính chất kí hiệu của chân dung nhân vật bằng ngôn từ trong văn học cổ điển Trung Quốc*** của B. L. Riftin, Viện sĩ Nga (Trần Đình Sử dịch) đã chỉ ra hình tượng anh hùng văn hóa được mô hình hóa thành một toàn bộ các dấu hiệu của động vật và của con người, nhưng ở các giai đoạn sớm hơn thì chỉ có dấu hiệu động vật [18]. Thực chất của sự miêu tả này có thể được biểu đạt bằng một công thức cấu tạo giản đơn nhất. Ý nghĩa của hình tượng toát ra từ toàn bộ các dữ kiện được thông báo, ví dụ, "*Phục Hy mình rồng, đầu bò tót, vai rộng, nách rộng, mũi gồ lên như núi, sừng mặt trời, mắt rộng, lông mày ngọc, tóc dựng lên như bờm ngựa đang phi, chuôi tóc như lông chim, môi rồng, răng rùa, thân cao chín thước một tấc*" (Dẫn theo bài của B. L. Riftin) [18]. Đối chiếu chân dung nhân vật trong văn xuôi tự sự trung đại Việt

---

kể trên thì mắt mũi miệng và tiếng nói phải đầy đủ, hợp cách thì mới được liệt vào tướng cực quý. Về mặt xét đoán cũng vẫn như trên, nếu Ngũ đoạn mà xương thịt cân xứng, thần thái uy nghi, Ấn đường sáng sủa là tướng đại phú. Trái lại, nếu Ngũ doản mà thịt bệu, xương thô, tai dơi, mắt chuột, Ngũ nhạc lệch lạc, nửa thân dưới dài, mà nửa thân trên lại ngắn , v.v ... thì khó tránh khỏi cuộc đời quẫn bách, tầm thường. Ngũ đoản đều đặn mà trên dài dưới ngắn mới quý, còn ngược lại thì lưu lạc lênh đênh thành bại bất thường. Người nào được nét tướng ngũ đoản là người phát xuất công danh đứng về lãnh vực nào họ cũng đạt được kết quả; nhưng nếu có các nét tướng xấu khác thì bị chiết giảm.

Nam vào đây chúng ta thấy có sự tương đồng. Chân dung bà Bà Triệu trong Lệ Hải bà vương kí được miêu tả: "*mũi hổ, trán rồng, đầu báo, hàm én*" (***Lệ Hải Bà vương kí***). Đối chiếu theo sách của Hoàng Phủ Mật viết về chân dung các anh hùng văn hóa Trung Quốc thì Bà Triệu có "*mũi hùm*" giống Vua Vũ: "*mũi hổ, mồm lớn, tai có ba vành, trên đầu có móc và búa*". Cái "*mũi hùm*" mà chúng ta gặp trong chân dung vua Vũ trong thần thoại, trong các sách tướng số sau này xác định là dấu hiệu của người cực kì giàu có và do giàu có mà nổi tiếng. Điều này cũng góp phần nhấn mạnh, giải thích về gia thế của Bà Triệu: "*bỏ tiền ra cấp cho tân khách, chiêu kết đồng đảng. Tân khách trong nhà thường có hàng nghìn người*", còn "*đầu báo, hàm én*" là vay mượn từ hình ảnh Trương Phi (***Tam quốc diễn nghĩa***): "*Ông ta đầu báo, mắt tròn như cái vòng tròn đeo tai, hàm én, ria hổ, mình cao hơn chín thước, còn tiếng nói của ông ta vang lên như tiếng sấm*" [11]. Chân dung Bà Triệu ở đây được kí hiệu từ những chân dung nam giới, nếu không có thêm miêu tả "*Mặt hoa, tóc mây, môi đào, vú dài ba thước, sắc đẹp phải động lòng người*" thì khó mà nhận ra chân dung phụ nữ. Những kí hiệu nói trên không chỉ đảm nhiệm chức năng ngợi ca mà còn có vai trò quan trọng hơn, là điềm triệu mang tính dự báo về tài năng và hành trạng phi thường.

Trước đây, thời cổ đại các nhân vật tiên đế thần thoại được miêu tả qua sự so sánh hàng loạt với từng bộ phận của khuôn mặt và thân thể phù hợp với bộ phận tương ứng của thân thể một loài thú nào đó, mà thường là các vật tổ (tô tem). Dần dần khi hệ thống kí hiệu trở nên bền vững dùng để miêu tả thì các nhân vật lịch sử bắt đầu được miêu tả thông qua sự so sánh từng bộ phận của khuôn mặt và thân thể họ không phải với thú vật, mà với các vị tiên tổ đã được lí tưởng hóa. Một ví dụ bất ngờ nhất cho cách miêu tả đó được Vương Sung dẫn ra trong công trình của ông. Nhà triết học dẫn một trường hợp vui vui từ cuộc đời của Khổng Phu Tử. Nhà thông thái vĩ đại có lúc nào đó đi đến gặp vua nước Trịnh. Một người dân nước đó nhìn nhìn ông ta và bảo: "*Đầu ông ta giống đầu ông Nghiêu, má gợi nhớ Cao Dao, hai vai tương tự như viên quan Tử Sản, chỉ có từ thắt lưng trở xuống kém ông Vũ ba phân*" Thế là ở đây toàn bộ hình dáng bề ngoài của Khổng Tử được miêu tả bằng cách so sánh từng bộ phận riêng biệt của thân thể với từng bộ phận tương ứng từ trong chân dung nổi tiếng của các nhân vật thần thoại (chỉ ngoại trừ Tử Sản, tên thật là Công Tôn Kiều, có thời làm quan cho nước Trịnh [18]. Điều kì thú là điều này được lặp lại tương tự trong cách tác giả ***Nam triều công nghiệp diễn*** chí miêu tả chân dung Vương tôn (Nguyễn Phúc Chu): "*mặt Nghiêu mắt Thuấn, lưng Vũ, vai Thang, trạng mạo như Đường Tông, phong tư tựa Tống Tổ*" [3, tr. 597]. Khó có thể hình dung khuôn mặt cụ thể, sống động của nhân vật ra sao vì chúng hoàn toàn mang tính ước lệ, kí hiệu.

Truy tìm về nguồn cội những kí hiệu được dùng để so sánh: "*Hoàng Đế mặt rồng, Chuyên Húc trên đầu có mộc, Đế Khốc có những chiếc răng mọc liền, vua Nghiêu có lông mày tám sắc, vua Thuấn mắt có hai đồng tử, Vũ tai có ba vành, vua Thang mỗi vai có hai tay, Văn Vương có bốn vú, Vũ Vương bao giờ cũng nhìn lên trên, Chu Công lưng còng, Cao Dao có mồm ngựa, Khổng Phu Tử đầu có cái gò*"[58], ta có thể tạm hình dung ra chân dung nhân vật. Trong chân dung trên "*Mặt Nghiêu*" có đặc điểm nổi bật nhất là lông mày tám sắc. Đặc điểm này là dấu hiệu chỉ có ở người thông thái và sáng suốt, có kiến thức về các hiện tượng trên trời như mặt trời, mặt trăng và thiên giới. "*Mắt Thuấn*" có đặc điểm kì lạ là có "*hai đồng tử*". Các nhà chú thích đề nghị hiểu các đặc điểm của ông như sau: "*Mắt hai đồng tử làm nhớ tới ánh chớp*". Chúng tôi đề xuất thêm cách hiểu nữa là nói đến khả năng nhanh nhạy, bao quát, thấu suốt mọi vấn đề. Sau này, khi miêu tả chân dung của Nguyễn Huệ, các tác giả cũng sử dụng lại ý này, mặc dù không nói trực tiếp ra: Quang Trung có tướng kỳ lạ, nhất là cặp mắt sáng như chớp, có thể nhìn rõ mọi vật trong đêm tối, nó khiến nhiều người khi thấy đều run sợ, hãi hùng: "*không một người nào dám nhìn thẳng vào mắt ông*" (***Hoàng Lê nhất thống chí***), "*Đôi mắt lập lòe như ánh điện*" (***Đại Nam chính biên liệt truyện***), "*con mắt nhỏ nhưng cái* ***tròng rất lạ****, ban đêm ngồi không có đèn, ánh sáng từ mắt soi sáng cả chiếu*" (***Tây Sơn thuật lược***)…

Người ta thường nói tướng thuật, kỳ thực là chỉ hình tướng. Hình tướng là việc quan sát các bộ vị của thân thể và sự biến hoá tướng quan giữa chúng để, dự báo cát hung. Đó là nội dung chủ yếu của tướng thuật mà chúng ta thường nói. Tướng thuật cho rằng "*mệnh người do thiên bẩm và biểu lộ ở hình thể*", "*tính mệnh lộ ra ở hình cốt, cát hung thể hiện ở khí mạo*", "*phàm giữa mệnh và tướng giống như âm thanh và tiếng vang. Âm thanh từ mình phát ra, tiếng vang liền ứng theo, tuy mọi người thọ yểu khác nhau, hiền ngu không giống nhau, nhưng qui luật chung là có thể biết được*" [5]. Bởi vì thân thể không lúc nào không biểu lộ ra những dấu hiệu của sinh mệnh cho nên các thánh hiền thời xưa thường xem hình mạo để biết tính chất, biết tính chất thì hiểu rõ các tâm, hiểu rõ cái tâm thì biết cái đạo. Quan sát hình mạo sẽ thấy cát hung rõ ràng.

Ở trên chúng tôi đề cập đến những trường hợp các tác giả miêu tả chân dung khuôn mặt theo công thức thánh nhân, sử dụng những yếu tố gắn với các động vật. Tuy nhiên, nếu khảo sát kỹ chúng ta vẫn nhận ra nhiều dấu vết khác của tướng thuật trong khi các tác giả miêu tả các bộ phận khác. Nếu hình tướng lấy thân thể làm đối tượng quan sát, thì mọi bộ vị của thân thể có thể là dấu hiệu biểu lộ ra, như xương khớp, da thịt, lông mày, râu ria, lông tóc, trán má, mắt, mũi, miệng, môi, răng, lưỡi, tai, cổ, vai, nách, lưng, vú, bụng, eo

[58] Tài liệu đã dẫn

lưng, rốn, hậu môn, tứ chi, tay, chân, bàn tay, ngón tay, móng tay, móng chân, khí quan sinh dục, tinh thần khí sắc, bởi lẽ cử chỉ cho tới việc đại tiểu tiện đến những cái bao hàm sâu xa liên quan tới số mệnh khác nhau và trở thành đối tượng quan sát. Thoạt nhìn qua thì hình thái người ta khác nhau, nhiều biểu hiện rối rắm phức tạp, nhưng trên thực tế đều có dấu hiệu để nắm bắt, đều có ý nghĩa. Chỉ cần nắm vững qui tắc vận động của hình thái có thể hiểu rõ được đó, thì có thể vạch ra những thông tin về số mệnh hàm chứa trong đó. Trình độ cao thấp của các tướng sĩ biểu hiện ở sự thông hiểu các "mật mã" đó và trình độ thao tác của họ. Trong quan sát hình tướng chia ra nhiều bộ phận: tướng xương, tướng mặt, tướng thân, tướng tay, tướng hình thần, tướng khí sắc, tướng động tĩnh (ngồi vững như non), tướng nốt ruồi… Điều này được các tác giả VXTSTĐVN khai thác triệt để để xây dựng các tình tiết tạo nên sức hấp dẫn của tác phẩm. Ví dụ như, xem bói thì phải xem mới thấy, nhưng thầy bói nhiều khi lại mù loà, vì thế không lấy mắt để xem theo cách bình thường, mà dùng tay. Tuy mùa nhưng bà lão trong truyện ***Xem tướng xương***, nhận ra ngay đâu là quan, đâu là lính, còn biết xương quan lớn là xương ăn mày, nhưng mắt lại là mắt rồng, đó chính là tướng làm quan. Điều này khiến ông quan phục sát đất, ban thưởng hậu hĩnh. Ngày xưa bố quan lớn cầu mộng, được trời ban cho người con, lấy xác người ăn mày, bị chuột cáo khoét mắt, nhưng được lấy mắt rồng bù vào. Không chỉ xem tướng xương mà các bộ vị khác cũng được các nhà văn quan tâm khai thác nhất là nốt ruồi. Số lượng, màu sắc, vị trí của nốt ruồi trong quan niệm tướng thuật không phải là ngẫu nhiên, nó là cái lộ ra bên ngoài của những yếu tố bên trong. Nốt nhiều càng nhiều, mọc ở vai, chân, tay, lưng… thường là điềm báo cho những nhân vật kiệt xuất, văn võ toàn tài: Nguyễn Hữu Tiến lòng bàn chân có bảy nốt ruồi (***Nam triều công nghiệp diễn chí***), Ngô Quyền vai có nốt ruồi, trong sử thì chép ở lưng có ba cái nốt ruồi (***Đại Việt sử kí toàn thư***); Trần Nhân Tông ở hai bên vai tả có nốt ruồi đen, cho nên có thể cáng đáng được việc lớn (***Đại Việt sử kí toàn thư***), Lê Lợi Vua: vai có nốt ruồi (***Việt sử lược***)… Vị trí nốt ruồi xuất hiện cũng là một trong những vấn đề đáng lưu tâm, vì hầu hết chúng đều xuất hiện ở chân, tay, lưng, vai mà không phải ở những chỗ khác (ví dụ như nốt ruồi trên mặt của Vương Chiêu Quân do Mao Diên Thọ tự vẽ thêm vào, nốt ruồi trên má của Viên nương (***Việt Nam kì phùng sự lục***)…) chúng mang ý nghĩa ẩn dụ, biểu trưng, chỉ sự tập luyện vất vả thành tài, và có khả năng, được trời giao cho gánh vác những nhiệm vụ, trách nhiệm quan trọng liên quan đến quốc gia. Trường hợp Nguyễn Hữu Tiến, người được xem là một trong những đại công thần của chúa Nguyễn: Trong sách ***Quốc triều tiền biên toát yếu*** có đoạn khen ngợi ông, lược trích như sau: "(*Nguyễn Hữu) Tiến nhiều lần lập chiến công, được Ngài (Chúa Hiền) khen là Hổ tướng, còn người Bắc Hà thì gọi ông là Hổ Uy đại*

tướng. Ông cùng với (Nguyễn Hữu) Dật đều là Công thần khai quốc" [tr.32, 36] thì lòng bàn chân có những 7 nốt ruồi. Thường nốt ruồi trong lòng bàn chân đã tượng trưng cho sự phú quý, giàu sang, còn con số 7, trong văn hóa truyền thống của Trung Quốc, số 7 đại diện cho sự kết hợp của Yin, Yang (tạm dịch: Âm - Dương) và 5 nguyên tố căn bản của tự nhiên. Sự kết hợp này được coi là một sự hài hòa tuyệt hảo trong tư tưởng của Khổng giáo: "Nó cũng khiến người đọc liên tưởng Sao Bắc Đẩu còn gọi là Bắc Đẩu tinh (北斗星) hay tên tiếng Trung Quốc đầy đủ Bắc Đẩu thất tinh (北斗七星) là một mảng sao gồm bảy ngôi sao trong chòm sao Đại Hùng". Trạng mạo đặc biệt như thế là sự dự báo về một sự nghiệp lẫy lừng được sử nhà Nguyễn khen là "*võ công bậc nhất*" của quân Nguyễn trong suốt thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh.

Ngoài ra, những chi tiết miêu tả cụ thể theo kiểu tướng thuật khác cũng xuất hiện rất nhiều: *Thân hình*: Lý Ông Trọng thì thân dài hai trượng ba thước, khí chất thẳng thắn dũng mãnh, khác với người thường (***Hiệu Úy Uy Mãnh Anh Liệt Phu Tín Đại Vương***), Phụng Hiểu người cao lớn, tướng đẹp, râu tốt, có sức khỏe lạ thường (***Đô đốc Khuông tá Thánh vương***), Lê Như Hổ thân thể to lớn, cao năm thước năm tấc, lưng rộng một thước năm tấc (***Truyện thượng thư Lê Như Hổ***). Thân hình to lớn, khác người thường cũng là một điểm nhấn dự báo một sự nghiệp lừng lẫy, một võ tướng lập được nhiều chiến công nhờ sức vóc, uy vũ. *Tướng vai*: Nguyễn Hữu Tiến trang mạo khôi ngô, vai như vai hổ. Chi tiết này ngoài mang tính dự báo còn cho thấy, trước khi ra mắt Đào Duy Từ, Chúa Nguyễn thì Nguyễn Hữu Tiến đã trải qua những tháng ngày công phu võ luyện đến mức lúc gặp Lộc Khê thấy ông: "*anh hùng lẫm lẫm, tướng mạo đường đường, phong độ tư thế vượt khác người thường, lại có sức mạnh dời núi nâng vạc*" (***Nam triều công nghiệp diễn chí***)… Thậm chí *tướng phân* cũng được đề cập: Người Nguyên phục tài Mạc Đĩnh Chi. Nhưng xét tướng mạo ông, thì không có vẻ gì đáng quý. Họ nhân lúc ông ra nhà xí đại tiện, xem phân thì thấy phân vuông, họ cho là có ẩn tướng ở đó, mà rất đáng quý (***Lưỡng quốc trạng nguyên Mạc Đỉnh Chi***). *Tướng da dẻ*: ông Nguyễn Chí Diệu, Trên núi có một tảng đá, ban đêm nghe như có tiếng đọc sách ở đó. Cha ông nằm mơ thấy có người đi từ núi La Hán đến, muốn xin làm con. Từ đó sinh ra ông và cũng từ đó, tiếng đọc sách từ hòn đá trên núi không còn nữa. Ông được miêu tả chân dung nổi bật là ở *làn da*: nhan sắc tuấn tú, da dẻ mượt mà (***Hòn đá trên núi La Hán***); Hà Ôi Lôi da màu đen, mịn bóng như sáp (***Truyện Hà Ôi Lôi***). Theo quan điểm tướng thuật là đàn ông cũng như đàn bà ai da bóng láng như thoa mỡ có khả năng và nhu cầu cao về tình dục và lận đận tình duyên. Phú ***Ma y*** (***Ma y thần tướng***) nói: *Người nào mặt láng da ngà/Trai đôi ba vợ, gái đôi ba chồng*. Vì

thế, không phải ngẫu nhiên mà từ màu da đen, bóng mịn như sáp của nhân vật, Tạ Chí Đại Trường đã có những nhận xét sắc sảo đáng quan tâm: "*Trước hết là ở hình dạng nhân vật, được tả "da thịt đen như mực", đen nhưng "da láng như mỡ", được cả tiên Đồng Tân khen "đẹp lắm" tiếp khi tiếp thêm sức giọng hát tuyệt vời ngoài tính chất thông minh mẫn tiệp khác. "Đen" ở đây rõ ràng là da đen theo giống chứ không phải vì dang nắng! Đời Trần đã có rất nhiều giao tiếp với dân hải đảo có màu da sậm hơn người Việt, vậy thì việc có một người con lai như thế không phải là điều lạ… Học giả miền Bắc lúc có cơ hội đi điền dã đã gợi ý đây là một hậu duệ của tù binh Chàm trong vùng. Ô Lôi lúc lớn lên được vào hầu trong cung Dụ Tông. Phía trời Tây triều đình người Ả Rập đã có rất nhiều nô lệ người da đen "làm loạn" ở hậu cung như còn truyền lại trong Ngàn lẻ một đêm. Huyền thoại về khả năng tình dục của người da đen có ở khắp nơi, cho nên cung đình họ Trần có thêm một Ô Lôi cũng không là mới. Vậy phải chú ý đến sự "sủng ái" của nhà vua đối với "tân khách" Ô Lôi. "Vua thường bảo ở triều đình rằng nếu ai có thấy Ô Lôi gian phạm con gái nhà ai, bắt nó đến đây thì vua thưởng tiền một ngàn quan, nếu giết nó thì phải bồi thường một vạn quan. Đi chơi đâu vua cũng thường cho nó đi chơi cùng". Tuy sử quan có khen bài thuốc của Trâu Canh, nhưng chắc là không công hiệu lắm, vì rốt cuộc Dụ Tông vẫn không có con, đến lúc chết phải để Dương Nhật Lễ lên thay. Vậy thì Ô Lôi trong triều với những điều ghi lại "nhẹ nhàng" kia, chứng tỏ là một "boy friend" của Dụ Tông (Theo chỉ dẫn của Trâu Canh?), điều đã thấy rất nhiều ở Cổ Hi Lạp, cũng như trong chữ Hán "đoạn tụ", từ tích Hán Ai Đế (năm 6-1 trcn.) phải cắt ống tay áo của mình mới trỗi dậy được mà không làm kinh động người yêu-trai (Đổng Hiền) đang ngủ mê mệt nằm đè lên" (Hán thư, Đổng Hiền truyện)* [20]. Còn có *tướng ăn mày*, Có một mụ góa, nhà có bạc ngàn mà tính keo kiệt bần tiện, có người học trò xem tướng cho mụ tỏ vẻ ngạc nhiên nói: bà này nhà giàu, sao lại có tướng ăn mày? (***Nhà giàu tướng ăn mày***). *Tướng âm thanh* cũng phân biệt được vận số: Khi sinh Đỗ giám sinh đến cửa nghe tiếng khóc giật mình nói: đó là một kẻ gian hùng ở đời loạn. Ta làm hại thiên hạ rồi. Đứa trẻ lớn lên chính là Quận Bằng... một thầy xem tướng cho ông ta, trở ra nói: Đó là sao Thiên Cẩu giáng xuống, ngôi đế vương công, tai vạ tất không thể tránh khỏi. Chưa bao lâu... mắc nạn đúng như lời (***Mã tổ Quận Bằng***). Nhiều bậc tinh thông tướng thuật, có thể nhìn ra tướng người có thể sinh ra con quý tử, như Mẹ Nguyễn Bỉnh Khiêm sau 20 năm kén chọn không lấy ai, vừa thấy Văn Định bà biết ngay là ông có tướng sinh quý tử, liền kết phối. Được ít lâu sau gặp một chàng trai qua bến đò Hàn trên sông Tuyết Giang, bà sững sờ than rằng: Năm xưa sao chẳng gặp nhau, nay đến đây làm gì nữa. Tên anh chàng là Mạc Đăng Dung. Bà biết anh ta có tướng đế vương. Còn người Bắc quốc xem tướng cho Nguyễn Bỉnh Khiêm nói: nhìn kĩ

và lâu, thấy có chữ vương. Đáng tiếc bìa chữ hơi thô, nên chỉ làm đến trạng nguyên, tể tướng (***Chuyện Bạch Vân am***).

Tướng thuật lại đề xuất ra thuyết về khí sắc, tức là căn cứ vào màu sắc đỏ, vàng, xanh, đen, tía, trắng, độ sáng tối biểu hiện ở các bộ vị khác nhau trên mặt để suy ra hoạ phúc cát hung trước mắt và lâu dài về sau, cái đó với mệnh tướng của các bộ vị trên hình thể. Đặc trưng bộ vị quyết định số mệnh chung, còn khí sắc quyết định sự biến hoá cụ thể của cát hung hoạ phúc trong một phạm vi thời gian không gian. Do đó mà tạo nên thuyết mệnh vận vừa tương đối ổn định, vừa biến hoá vô cùng. Thần sắc, khí màu đen tối là điềm dữ cận kề. Nhà sư xem tướng cho Trần Phong Doanh nhận xét: "*đôi mắt... thần sắc rối loạn, trên mặt tuy đầy vẻ rạng rỡ bên ngoài nhưng có màu đen tối ẩn náu bên trong, ắt là khí suy đến nơi rồi*" (***Nhà sư răn chuyện cờ bạc***). Trần Nhân Tông được tinh anh của thánh nhân, "*đạo mạo thuần tuý, nhan sắc như vàng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng, hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim tiên đồng tử*" (***Đại Việt sử kí toàn thư***). Màu sắc tươi sáng ấy không chỉ là phong độ của một đế vương mà còn là phong thái của một vị Phật tại cõi trần, xem nhẹ vương quyền, tìm sự giải thoát. Theo ***Hoàng Lê nhất thống chí*** vẻ mặt của Quang Trung rực rỡ, nghiêm nghị: "*Vua Lê sai các quan lần lượt đến yết kiến. Thấy thần sắc của Bắc Bình Vương rực rỡ, nghiêm nghị, ai cũng run sợ, hãi hùng*". Sử gia nhà Nguyễn mô tả: "*Huệ tiếng nói như chuông, mắt lập loè như ánh điện, là người thông minh giảo hoạt, giỏi chiến đấu, người người đều kinh sợ*" (***Đại Nam chích biên liệt truyện***); "*Huệ ban đêm ngồi không có ánh đèn, ánh sáng từ mắt soi sáng cả chiếu, lúc lâm trận thì anh hùng lẫm liệt, cho nên mới bình định được phương Nam, tiến đến đâu thì không ai hơn được*" (***Tây Sơn thuật lược***). Chứng tỏ Nguyễn Huệ có đôi mắt rất sáng, thông minh sắc sảo mà sử gia nhà Nguyễn do ác cảm nên dùng từ giảo hoạt. Đó là cặp mặt soi tận tim gan người đối thoại nên kẻ dưới quyền không dám dối trá còn kẻ thù thì run sợ.

Người có kinh nghiệm xem tướng, không chỉ quan sát đường nét, dáng vẻ, màu sắc, khí thần mà còn quan sát hành vi cử chỉ, việc làm để đoán định con người. Ngay cả sự chuyển động cũng được để ý: Vua Lê Hiển Tông: "*Đi nhẹ như nước, ngồi vững như non*" trong con mắt người đương thời thì thật đúng phong độ bậc đế vương (***Hoàng Lê nhất thống chí***). Trong truyện ***Nhìn việc nhỏ mà giao cho việc lớn***, ông nội của tác giả Phạm Đình Hổ từ sự quan sát việc dùng vàng mã múc nước như trò trẻ con chơi, thế mà đoán trước sẽ hiển đạt, ít có ai hiểu, khi nghe ông giải thích mới rõ khiến tác giả khâm phục: "*Ôi chỉ mấy chữ "trí khôn chu đáo", "vận dụng rộng rãi" đủ để chống đỡ sấm sét, nghiêng ngửa đất trời. bùi tiên sinh thành đạt lớn lao không có gì lạ. Ông nội tôi, quan Thị giảng, lúc còn dạy học, hễ ai đến xin học cũng xem tướng mạo và tìm cách thử thách. Cho nên*

nhiều học trò làm đến công hầu khanh tướng. Thế mới biết cách xem xét của các bậc tiền bối đều chung một mối tâm truyền, và những người nào hành động cử chỉ thô vụng, quàng xiên, thế nào cũng là người bần tiện hoặc chết non, hoặc không làm nên công nghiệp lớn. Nghiệm thử trăm năm không sai một lần" [8, tr. 744].

Vật tướng: Trong lịch sử tướng học có một loại xem tướng dựa vào việc quan sát những đồ vật có liên quan đến con người để dự đoán cát hung quí tiện của người đó. Môn đó, gọi là vật tướng. Tướng thuật như một cây có nhiều cành lá, đẻ ra nhiều môn phái khác nhau, nên những người mê tín gán ghép phỏng đoán, cho rằng nếu như hình mạo đã có thể tỏ rõ quí tiện cát hung thì những vật phẩm gần gũi với con người cũng có thể rõ thị hiếu, tình tình của con người và đương nhiên cũng có thể căn cứ vào những vật đó để dự đoán cát hung. Vật tướng còn phân loại các vật phẩm khác nhau để xem tướng như xem tướng ấn, xem tướng chữ xem tướng tên, xem tướng hốt…. Phép xem tướng chữ, còn gọi là "chiết tự", "trắc tự". Phương pháp này chia chữ ra các bộ phận rồi gán ghép vào chuyện nhân sự để đoán cát hung. Bí quyết của phép xem tướng chữ xem ra là ở chỗ "*suy diễn sự liên quan mà đoán cát hung*", việc suy diễn này đáng để ta xem xét. Sự liên quan này là muốn nói những dấu hiệu chỉ sự biến hoá của sự vật. Với thầy tướng đoán chữ, đó là việc sau khi phân tích chữ, suy đoán ra sự cát hung của khách xem tướng. ***Cổ quái bốc sư truyện*** là một trong những truyện thuộc loại hiếm, lấy nhân vật thầy bói làm trung tâm tác phẩm, đặt nhân vật trong bối cảnh lịch sử thời vua Lê chúa Trịnh. Bốc sư là một kẻ sĩ thi mãi không đỗ, phải làm nghề thầy bói, giỏi nhất là môn chiết tự. Diễn biến câu chuyện gắn với các sự kiện lịch sử trong cung vua phủ chúa nhưng lại được móc trên những chiếc đinh là các chữ thầy bói cho các nhân vật. Trong buổi đầu gặp gỡ, mỗi vị khách viết mỗi người một chữ là Càn, Nguyên, Hanh thì thầy lập tức phán là "*Nước nhà có người rồi. Quốc gia vô sự, thiên hạ thái bình. Giám sinh sẽ làm cận thần, còn hai vị nội thị sẽ làm đại tướng. Tôi sẽ là thầy của ba vị khách quý... tôi sẽ đến Kinh đô để giúp các ông gây dựng nghiệp*" [7, tr. 325]. Vì Càn là trời, là vua, là cha; còn nguyên, hanh là đức của càn; ba chữ liền nhau, có nghĩa là xoay vần tạo dựng. Giám sinh viết chữ càn cho nên sẽ được trao chức quan cận thần, hai vị nội thị viết hai chữ nguyên, hanh cho nên sẽ được trao chức đại tướng. Kinh Dịch quý ở sự thông biến, đâu phải có nét chữ mà thôi... Còn khi gặp Vua Ý Tông, xem chữ Ý, liền phán: "*Vua không rủ áo tức là rồng không vẫy đuôi, e bệ hạ có nguy cơ phải thoái hưu, vì người đứng đầu bất chính. Chữ Ý rất tôn nghiêm, rất đưng đắn, rất yên ổn, nét trên dài mà thẳng, nét dưới mác mà tròn, lại có ba cái chấm để phò giúp, cho nên thế nước cũng như bản thân nhà vua không có gì phải lo. Nhưng từ giờ trở đi, nhà vua cần thoái hưu để làm những việc mà mình thích*" [tr. 327]. Còn thầy bói vừa nhìn thấy

chữ Thắng, liền đem dán lên vách, sửa mũ áo vái bốn vái, nói: "*Chữ thắng do chữ trẫm và chữ lực hợp thành, đó là vị Chúa anh minh vậy. Chữ lực ở dưới chữ Trẫm, đó là tượng trưng cho Cửu nhị đại nhân, chứ chưa phải là Cửu ngũ đại nhân. Muốn có Cửu ngũ, phải tìm kiếm một phen*". Và đến khi thấy chữ Cảnh của hoàng tử thứ nhất của vua Long Đức liền bảo: "*mặt trời chiếu Kinh sư không phải cửu ngũ là gì? Nhưng chữ nhật ngắn mà chữ Kinh dài, chữ nhật nhỏ mà chữ Kinh to, tuy hưởng lộc lâu dài, nhưng quyền không khỏi chuyển về tay kẻ dưới*" [tr. 328]. Qủa nhiên, sau vua Ý Tông nhường ngôi, Hiển Tông được lập, đặt niên hiệu là Cảnh Hưng.

Tâm tướng*:** Tướng thuật coi trọng sự tu dưỡng nội tâm như vậy, cho rằng sự tu dưỡng nội tâm và cử chỉ hành vi mẫu mực có tác dụng quyết định hoạ phúc tương lai. Đó là một nhận định tương đối khách quan. Đáng tiếc, các nhà nghiên cứu chưa thấy hết điều đó. Trên thực tế, rời bỏ tâm tướng mà bàn về tướng thuật là không toàn diện. Trong quan niệm của người xưa, tâm là khí quan đẻ ra tư duy và tình cảm, do đó tâm là chủ của thần khí, là nhà của ngũ tạng, nó thống nhiếp các bộ vị toàn thân, có thể ảnh hưởng đến mệnh tướng của người. Tuân Tử sau khi phủ định tác dụng và ý nghĩa của hình tướng, đã cho rằng "tâm" mới là nhân tố quyết định người ta có hạnh phúc hay không. Ông viết: "*Xem xét hình tướng không bằng luận về tâm, luận về tâm không bằng chọn thuật. Hình không thể thắng tâm, tâm không thể thắng thuật. Thuật đúng mà tâm theo, thì dù tướng xấu mà tâm thuận tốt thì vẫn không ảnh hưởng đến tư cách là quân tử. Hình tướng tốt mà tâm thuật xấu thì vẫn là tiểu nhân*" (Tuân Tử - ***Phi Tướng) [5]. Đoạn nói của Tuân Tử trên đây có nghĩa là: tư tưởng phẩm chất của người ta quan trọng hơn dáng vẻ bề ngoài. Sự suy nghĩ là chỗ dựa của tư tưởng phẩm chất. Tâm thuật tức là sự suy nghĩ tính toán trong lòng. Nếu tâm thuật thì dù hình tướng có xấu vẫn là chính nhân quân tử, trái lại hình vẻ bên ngoài rất đẹp, rất hợp yêu cầu của mệnh lý, nhưng tâm thuận bất chính thì vẫn cứ là tiểu nhân. Nếu nói tướng thuật là dùng văn hoá phong tục truyền thống để đánh giá số mệnh do hình dáng cơ thể tạo ra, thì lời nói trên kia của Tuân Tử là dùng sự tu dưỡng đạo đức để quy định hành vi đối nhân xử thế của người. Hai quan điểm trên khác nhau về điểm xuất phát và kết luận, nhưng nói đã nhấn mạnh tính quan trọng của "tâm tướng". Tướng thuật do ảnh hưởng của tư tưởng đó đã coi "tâm tướng" là bổ sung quan trọng của "hình tướng".

Hiếu liêm, và trinh tiết là một trong những nội dung chủ yếu của luân lý phong kiến, tiêu chuẩn của nó là sự hiếu đễ đối với cha mẹ anh em và sự trung trinh, không đổi của người phụ nữ. Quan niệm luân lý đó lại phụ thuộc vào tướng mạo, tức là từ tướng mạo có thể biết được một người nào đó có hiếu đễ và trinh tiết không. Trong cách tác giả miêu tả về nhân vật từ ngoại hình, phục sức, dáng vẻ, tâm tính cũng cho người đọc thấy được

thái độ của tác giả là khen hay chê: "*Tống thị tuy là phận gái nhưng có chí lớn, nhan sắc hoa thẹn, nguyệt mờ, dáng điệu nhạn rơi cá lặn, tính tình lẳng lơ mây sớm gió chiều, thần Hồ nhớ Việt, nói năng khéo léo khoái hoạt, cợt gió đùa trăng, phong thái chẳng kém gì Ly Cơ, Tiểu Muội*" đã tìm mọi cách quyến rũ chúa Nguyễn (***Nam triều công nghiệp diễn chí***). Sư cụ Pháp Vân là người có con mắt thiền nên không nhận Đào Hàn Than vào tu trong chùa đã bảo Vô Kỷ rằng: "*Người con gái này, nết không cẩn nguyệt, tính bén lẳng lơ. Tuổi đã trẻ trung, sắc lại lộng lẫy, ta e lòng thiền khôn phải sắt đá, sắc đẹp dễ mê người, tuy sen hồng chẳng nhuộm bùn đen, nhưng tấc mây dễ mờ bóng nguyệt*". Nhưng Vô Kỷ không nghe, quả nhiên sau này khi đã đi tu rồi mà Hàn Than vẫn tính nết vẫn cũ vẫn chưa trừ bỏ, mỗi lúc ở nhà dưới đi lên, mặc áo lụa, quần là, môi son, má phấn. Sau đó, Đào thị và Vô Kỷ không giữ giới luật yêu nhau đến mức Đào thị có thai và chết trong lúc sinh con (***Chuyện nghiệp oan của Đào thị***). Còn phu nhân của Đinh Hoàn thì được miêu tả: "*Nghi dung thanh nhã, cử chỉ đoan trang*" (***Truyện người liệt nữ ở An Ấp***) khi chồng mất, đến ngày lễ tiểu tường tự tử để đi theo chồng. Rõ ràng trong cách tác giả miêu tả với những so sánh trên gắn với quan niệm về Trinh/ Dâm. Người trung trinh phải là mẫu như Thuý Vân: chừng mực, đoan trang, nói năng, cử chỉ mực thước, được thiên nhiên, vũ trụ lui nhường, ủng hộ (*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang/ Hoa cười ngọt thốt đoan trang/ Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da* (***Truyện Kiều***)). Theo tướng mệnh học thì cuộc đời của người đàn bà hữu hạnh hay bất hạnh hoàn toàn thuộc về tướng cách của người đó, nhan sắc dễ đến với hạnh phúc nhưng cũng có thể trở nên tại họa, chỉ có tướng cách tốt mới khả dĩ có một thân phận yên ổn hạnh phúc.

Quan niệm luân lý còn được chiết xạ cụ thể vào đức hạnh của những người bình thường vì tướng thuật luôn lấy quan niệm luân lý làm một trong các căn cứ lý luận, nên phẩm đức, cái thể hiện của quan hệ luân lý chính thống cũng trở thành nguyên tắc xem xét quan trọng vượt trên hình thể của lý luận tướng thuật. Sách ***Thái Thanh Thần giám*** đời Thanh, thiên ***Luận Đức*** viết: "*Đức là cái nghĩa lớn vậy thay! Trời có đại đức, bốn mùa vận chuyển mà bậc trưởng ở vị cao, đất có chí đức, vạn vật sinh sôi mà bậc trưởng ở vị hậu; người có đức thì cũng như vậy. Cho nên, nếu được đạo trời bảo trợ thì lòng người theo về, được hưởng lộc trường thọ, có thể hiếu với người trên, giữ lòng trung với vua, hoà hợp với mọi người, giúp ích cho muôn vật, nêu gương về đức, làm tiêu biểu về hạnh; nếu không được ban thưởng của cõi dương thì tất được báo đáp ở cõi âm, nếu bản thân không được hưởng thì con cháu sẽ được hưởng. Cho nên người giỏi xem tướng trước hết xét cái đức rồi sau mới xem tướng mạo. Vì vậy, có đức tốt mà tướng mạo xấu không gây trở ngại cho việc trở thành người quân tử; tướng mạo tốt mà đức hạnh xấu không khỏi trở thành kẻ*

tiểu nhân" [5]. Có thể thấy, đức hạnh, quan điểm luân lý gồm cả trung hiếu là điều xuất phát và điểm cuối cùng của phép xem tướng. Trong lý luận tướng thuật, cái đức siêu hình phụ thuộc vào quan niệm chiếm vị trí có ý nghĩa quan trọng nhất so với mọi tư liệu cảm tính. Cho nên nói đức đặt trên tướng mạo, tướng mạo chiếm vị trí sau đức. Tiêu chuẩn đầu tiên của đối tượng xem xét được tướng thuật điển hình ca ngợi là thà có đức mà tướng xấu, chứ không nên có tướng mạo tốt mà vô đức. Đương nhiên, nếu một cá nhân có đủ cả đức lẫn tướng mạo, "tướng đức song toàn" thì sẽ được như tướng thuật tôn sùng [5, tr. 54]. ***Chuyện Lý tướng quân*** kể chuyện có ông thầy tướng số đến cửa xin ăn và có thể nói được những việc họa phúc. Lý bảo xem tướng mình, ông thầy đã thẳng thắn nói: "*Điều thiện ác tích lâu sẽ rõ, sự báo ứng không sai chút nào. Cho nên luận số trước phải luận lý, tướng diện không bằng tướng tâm. Nay Tướng quân có dữ mà không lành, khinh người mà trọng của, mượn oai quyền để làm bạo ngược, buông tham dục để thỏa ngông cuồng, đã trái lòng trời, tất bị trời phạt, còn cách nào mà trốn khỏi tai họa*". Tướng thuật dung hợp tiêu chuẩn luân lí và nhân sinh được Nho gia tôn sùng, nên có thể coi tướng thuật là chi lưu của Nho gia. Nho gia ra sức chủ trương nhân thế, coi trọng thực tế "*không nói chuyện thánh thần quái dị*" coi Thích gia, Đạo gia là tà thuyết dị đoan. Người tin ở mệnh cũng chỉ công nhận số trời đã định đoạt lúc tiên thiên, mà không lấy nhân sự hậu thiên (như chân thành cúng lễ và làm việc thiện) để bàn về mệnh. Nhưng theo thời gian sự thay đổi của tướng thuật ngầm bổ sung và dung nạp, hoà giải với hai tôn giáo kia. Và thế là tướng thuật trở thành một phương thuật chung cho cả Nho, Đạo, Phật. Nhiều tăng nhân và Đạo nhân cố ý dùng giáo nghĩa của Phật giáo và Đạo giáo để thay đổi mệnh lý, qua việc xem tướng để truyền bá tôn giáo. Từ đó tướng thuật nhuốm màu sắc tôn giáo. Những người đó có con mắt rất tinh tường họ bắt đầu từ những lí luận căn bản của tướng thuật rồi thản nhiên đem thay đổi cái "đạo" và "khí" quyết định số mệnh cá nhân bằng quỷ thần, âm ty; đánh tráo "định số luận" coi bản nguyên của tướng thuật là bẩm khí thành "*tiền định luận*" coi bản nguyên là nhân duyên. Loại trước là căn cứ vào bẩm phú tự nhiên để suy ra số mệnh đời người, loại sau thì lấy giáo nghĩa nhân quả luân hồi, truyền thế báo ứng của Phật giáo hoặc lí luận về thiện ác công tội, đời nào làm đời ấy nhận của Đạo giáo, đề từ hành vi trong xã hội mà mà suy ra kết quả số mệnh được đời trước hoặc đời này báo ứng.

Như vậy, qua khảo sát có thể thấy, trong cách xây dựng chân dung nhân vật trong VXTSTĐVN các tác giả vay mượn công thức thánh nhân trong thần thoại Trung Quốc thể hiện ở những so sánh với động vật và thực vật, vũ trụ và những lí thuyết về tướng thuật như tướng xương, da, phân, nốt ruồi… Ngoài những điều kể trên, do ảnh hưởng của Phật giáo nên ta thấy, các tác giả khi miêu tả nhân vật còn đưa thêm những so sánh gắn với các

tích hoặc nhân vật Phật giáo liên quan đến các quý tướng của Đức Phật hoặc La Hán như: Nhà sư luyện tập khổ hạnh, trì giới chuyên cần, mắt tuệ thông suốt, thường ngồi thiền định, mắt mũi giống hệt La Hán, kẻ đời người đạo xa gần không ai là không kính mộ (***Ni sư đức hạnh***); Nhân tôn hoàng đế: tay dài quá gối, sáng suất thần võ, trí tuệ hiếu nhân, nước lớn thì sợ, nước nhỏ thì mến, thần giúp đỡ…; Trần Nhân Tông: Được tinh anh của thánh nhân, đạo mạo thuần tuý, nhan sắc như vàng, thể chất hoàn toàn, thần khí tươi sáng, hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim tiên đồng tử (***Đại Việt sử kí toàn thư***). Và một điều đáng lưu tâm là mặc dù đã được viết lại dưới ngòi bút của các Nho gia nhưng dấu vết của tín ngưỡng phồn thực vẫn in lại trong chân dung nhân vật, đó là hình ảnh cặp vú dài quá khổ: "*Bà Triệu mang hình ảnh hai bà họ Tẩy trên vùng Nam Trung Hoa, một của thời Triệu Đà, một ở vào thế kỉ VI thuộc vào nửa phần phía Bắc có hệ thống người khổng lồ trong nền văn minh Man, theo tên đề nghị của E. Poée-Mápéro. Tính chất khổng lồ đó được nhấn mạnh ở sự khác thường của cơ quan sinh dục. Nhưng trong khi nhân vật nữ ở Phnom Ci (Kampuchia) được biểu hiện thô tục, gần với tính cách nguyên thuỷ hơn, thì Bà Triệu được tả thanh nhã hơn, bởi đám người chịu ảnh hưởng Hán rõ ràng không chấp nhận một hình ảnh dâm bôn tuy họ đã chịu nói đến cặp vú dài (kể cả đủ vắt lên vai!). Nghĩa là dấu vết nguyên thuỷ, bản xứ còn được giữ lại ở hình ảnh Bà Triệu huyền thoại trên vùng rừng núi, trên đất Cửu Chân xa*" [13, tr. 90]. Đối tượng được miêu tả, rõ ràng đối tượng được miêu tả hầu hết là những nhân vật lịch sử quân vương, văn thần, võ tướng, chỉ xuất hiện một vài trường hợp là thường dân. Có những trường hợp các tác giả chỉ sử dụng đặc tả một đặc điểm trong chân dung nhân vật, nhưng cũng có nhiều trường hợp (Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Huệ..), chân dung nhân vật được miêu tả tổng hợp của nhiều bộ vị (Ngô Quyền, Bà Triệu, Mai Thúc Loan…). Và để dự báo vận số nhân vật các tác giả thường kết hợp thêm nhiều phương thức dự báo khác đi kèm như phong thuỷ, giấc mơ, điềm triệu, Kinh Dịch…

PERSONAGE IN VIETNAMESE MIDDLE-AGE NARRATIVE LITERATURE IN THE VIEW OF PHYSIOGNOMY

Abstract: In Vietnamese middle-age narrative literature, the authors when building portrait and depicting the character often borrow the image of the saint or sage in Chinese mythology embodied in the comparison with animals, vegetals and the universe. They also use and exploit other factors in the perspective of physiognomy (primarily through general characteristics observed in appearance, language, human gestures to predict the progress and destiny of the character) to predict the fortune of the character (mainly through form, material and mental sign).

Keywords: Foreseeing, physiognomy, form, character

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jean Chevaliev, Alain Gheerborant (2002), ***Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới***, NXB Đà Nẵng.
2. Nguyễn Khoa Chiêm (Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thuý Nga giới thiệu) (2003), ***Nam triều công nghiệp diễn chí***, NXB Hội nhà văn, Hà Nội
3. Thiệu Vĩ Hoa (2012), ***Thuật xem tướng người***, NXB Thời đại, Hà Nội
4. Diêu Vĩnh Quân, Diêu Chu Huy (2006), ***Bí ẩn của chiêm mộng và vu thuật***, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
5. Diêu Vĩ Quân ((2004), ***Bí ẩn của tướng thuật***, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
6. Ngô Sỹ Liên (1976), ***Đại Việt sử ký toàn thư***, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Trần Nghĩa (1997), ***Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam***, tập 1, NXB Thế giới, Hà Nội.
8. Trần Nghĩa (1997), ***Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam***, tập 2, NXB Thế giới, Hà Nội.
9. Trần Nghĩa (1997), ***Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam***, tập 3, NXB Thế giới, Hà Nội.
10. Trần Nghĩa (1997), ***Tổng tập tiểu thuyết ViệtNam***, tập 4, NXB Thế giới, Hà Nội.
11. La Quán Trung, (bản dịch của Phan Kế Bính) (1988), ***Tam Quốc diễn nghĩa*** , NXB Văn học, Hà Nội
12. Nguyễn Cảnh Thị, (Trần Nghĩa giới thiệu) (2011), ***Hoan Châu kí***, NXB Thế giới, Hà Nội
13. Tạ Chí Đại Trường (2006), ***Thần, người và đất Việt,*** NXB Văn hóa thông tin.
14. Khuyết danh, Trần Quốc Vượng dịch và chú giải, ***Việt sử lược***, NXB Thuận Hoá, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Huế, 2005
15. Khuyết danh, (Nguyễn Gia Tường dịch, Nguyễn Khắc Thuần hiệu đính), (1993), ***Đại Việt sử lược***, NXB Thành phố Hồ Chí Minh
16. Quốc sử quán triều Nguyễn, (Đỗ Mộng Khương, Hoa Bằng hiệu đính), (2006), ***Đại Nam liệt truyện***, NXB Thuận Hoá, Huế
17. Ngô Gia Văn Phái, (Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch dịch, Trần Nghĩa giới thiệu), (2006), ***Hoàng Lê nhất thống chí***, NXB Văn học, Hà Nội
18. B.L.Riftin (Trần Đình Sử dịch), ***Tính chất kí hiệu của chân dung nhân vật bằng ngôn từ trong văn học cổ điển Trung Quốc***: https://trandinhsu.wordpress.com/2013/07/02/tinh-chat-ki-hieu-cua-chan-dung-nhan-vat-bang-ngon-tu-trong-van-hoc-co-dien-trung-quoc/
19. ***Tây Sơn thuật lược***, http://sachviet.edu.vn/threads/tay-son-thuat-luoc-nxb-phu-quoc-vu-khanh-1971-vo-danh-thi-58-trang.15689/
20. Tạ Chí Đại Trường, ***Sử Việt đọc một vài cuốn,*** http://www.vietnamvanhien.net/suvietdocvaiquyen.pdf

Phụ lục 10

CẢNH TINH PHÚ

(Đào Sư Tích)

Đào Sư Tích (1348 - 1396), người làng Cổ Lễ, huyện Nam Chân (sau đổi là huyện Trực Ninh), phủ Thiên Trường. Nay thuộc tỉnh Nam Định. Ông đỗ trạng nguyên khoa Giáp Dần niên hiệu Long Khánh thứ 2 (1374), đời Trần Duệ Tông. Tháng 5 năm 1381, ông được lấy làm Tả tư lang trung, Nhập nội hành khiển. Tháng 12 năm 1383, vua Phế Đế sai ông đề tựa ở đầu sách "Bảo Hòa [điện] dư bút". Tháng 12 năm 1392, thời Trần Thuận Tông, ông bị giáng xuống Trung tư thị lang, Tri thẩm hình viện sự, do Quốc tử trợ giáo Đào Xuân Lôi khai rằng ông có xem bức thư của chính Xuân Lôi dâng lên nhà vua để phê phán sách Minh đạo của Hồ Quý Ly. Sau khi qua đời dân làng Cổ Lễ thờ ông làm thành hoàng, được nhiều triều đại vua chúa ban sắc cho làm thượng đẳng thần.

Bài *Cảnh tinh phú* (phú sao Cảnh) chép trong *Quần hiền phú tập* là tập phú của các danh sĩ các đời từ Trần, Hồ và Lê, do ông Nguyễn Thiên Túng viết bài tựa biên năm Diên Ninh Đinh Sửu (1459).

Chúng tôi đưa bài phú này vào phần phụ lục vì đây là một trong những tác phẩm rất tiêu biểu nói về điềm lành xuất hiện gắn với đức của đế vương.

“Phấn càn cương hề ác khu,
Hoán minh tinh hề chúc u.
Nhân ân trạm hề bàng thiếp,
Phẩm vựng sán hề chiêu tô.
Đức ký mậu ư vô tư,
Thiên nãi tích hồ ứng phù.
Thử Cảnh Tinh chi dị thuỵ, sở dĩ gián đại nhi cẩn hiện, hữu dĩ chương long bình chi hưu giả hồ!
Quan kỳ quang huy huyến lạn, văn thái anh hoa,
Cảnh tố phách chi cô minh, trám Ngân Hà chi trừng bích.
Tiếp Đế Viên nhi chiêu tích, ánh hoàng đạo nhi đích lịch,
Ảnh động Tích Mộc chi tân, quang phù Phụ Lộ chi trắc.
Chu Bá hoàng hoàng, dương thái nhi bàng chúc,
Hàm Dự dực dực, phân huy nhi giao xạ.
Kiển sắc chính nhi mang hàn, viết Đức Tinh chi Cách Trạch.
Đương Nghiêu chi thời, thiên hạ quang trạch, đằng diệu vu thiên, tinh huỳnh huyễn hách,
Hà Hán, Đường chi mạt tạo, lũ minh minh nhi hôn thực!
Tế hưu minh chi thịnh thời, phục chiêu trứ hồ kim nhật,

Nghi kỳ vi chúng nhân chi sở khoái đổ, nhi túc nghiệm thiên tượng chi chiêu cách.
Duy phù thuỵ chi đặc dị, triệu vũ nội chi long bình.
Âm dương dĩ hoà, thiên địa dĩ ninh,
Phong vũ dĩ thời, bách cốc dụng thành.
Lang yên tức ư tam thuỳ, nhân phong tường hồ bát hoành.
Lễ nhạc chiêu trứ, pháp độ tu minh.
Nhân điềm vật hy, chính giản hình thanh.
Phật vạn quốc chi âu ca, dật tứ hải chi tụng thanh,
Thành túc dĩ biểu ngã quốc chi thịnh trị, tiến nhất nhân chi gia trinh.
Nhiên thường sát chi:
Thiên nhân nhất lý, cảm thông bất thắc.
Trưng bất vu thiên nhi vu nhân, phù bất tại tường nhi tại đức.
Cố thiên chi thuỵ Thuấn, bất tại thất chính chi tề, nhi tại sắc thiên chi thời cơ,
Thiên chi tích Vũ, bất tại Lạc thư chi trình, nhi tại lục phủ chi khổng tu.
Thẩn kim: đạo xiển Hy Hiên, trị dật Đường Ngu,
Tuấn đức khắc minh, quần công thừa hưu.
Kỵ Ky, Vĩ giả, thí Thương gia chi hiền,
Ứng Mão túc giả, lậu Hán thế chi trù.
Tắc sở dĩ chỉnh đốn càn khôn, để định hoàn khu,
Trí Cảnh Tinh chi hiệu tường, thực hợp điệp nhi ứng đồ.
Mạc phi ngã thánh hoàng tham tán chi diệu dụng, hữu dĩ khai ức vạn tải chi hoành mô,
Cẩn bái thủ khể thủ nhi hiến cú viết:
Chiêm bỉ thuỵ thái,
Hoa dương minh hề.
Thái bình chi phù,
Diệc khổng trinh hề.
Ư duy thánh hoàng,
Tại đức bất tại tinh hề!”

Phần Dịch thơ

(Bản dịch của Nguyễn Đức Vân, Tiên Sơn)

PHÚ SAO CẢNH

"Nắm chốt chấn hưng việc trời,
Sao sáng rọi soi đêm tối.
Ân đức thấm khắp gần xa,
Muôn vật tốt tươi, chói lọi.
Vô tư đức đã dồi dào,
Trời bèn ứng ban điềm mới.
Vì thế điềm tốt lạ Cảnh Tinh, sở dĩ muôn đời mới xuất hiện, là để làm nổi bật phúc lớn thái bình đó chăng!
Kìa xem: Màu sắc huy hoàng, anh hoa bát ngát,
Rọi vừng trăng bạc trắng ngần, choán dòng sông Ngân xanh ngắt.
Cạnh ngôi Đế Toạ rỡ ràng, phản chiếu mặt trời vằng vặc,
Long lanh Tích Mộc bến trời, Phụ Lộ bên sao nổi sắc,
Sáng ngời Chu Bá, ánh rọi nghiêng nghiêng.
Hàm Dự chiếu soi, tia giao rừng rực,
Này sắc nghiêm trang mà bóng lạnh lùng, chính đó là sao Cách Trạch theo bên sao Đức.
Đời vua Đường Nghiêu, thiên hạ sáng ngời, bầu trời chói lọi, rực rỡ khắp nơi.
Sao đến cuối đời Hán Đường, luôn tối tăm, mờ mịt đất trời!
Nay nhân gặp buổi thịnh thời, bầu trời lại rạng.
Người người xem thấy sướng vui, đủ nghiệm phép trời toả sáng.
Điềm tốt lạ lùng rất mực, làm cho thiên hạ thái bình.
Âm dương hoà hợp, đất trời yên minh,
Mưa hoà gió thuận, lúa tốt cây xanh.
Khói lửa ba bề yên tĩnh, gió nhân tám cõi bay quanh.
Lễ nhạc sáng tỏ, phép tắc phân minh.
Người yên vật thịnh, chính tốt hình thanh.
Âu ca muôn phương rộn tiếng, ngợi khen bốn bể lừng danh.
Thật đủ để nêu cao nước nhà thịnh trị, và dâng lên một đấng điềm lành.
Nhưng thường xét thấy rằng:
Trời người một lẽ, cảm thông rất mực.
Ứng nghiệm không ở trời mà ở người, tốt lành không tại điểm mà tại đức.
Cho nên: trời giúp vua Thuấn, không tại sánh bầy thất chính, mà tại thiên thời vâng kính.
Trời ban cho vua Vũ, không tại trình bày Lạc thư, mà tại sửa sang sáu phủ.
Huống gì hiện nay: đạo mở Hiên Hy, chính trị vượt hơn Thuấn Nghiêu,
Đức tốt sáng ngời, trăm quan vâng theo.

Cưỡi Ky, Vĩ, sánh khách Thương gia,
Ứng sao Mão, khinh người Hán triều.
Thế thì, chỉnh đốn cõi bờ, định yên đất nước,
Để Cảnh Tinh đưa lại điềm lành, thực hợp với Đồ Thư đời trước.
Không điều gì mà không nhờ thánh hoàng ta khéo vận dụng tài năng để mở rộng cho muôn đời bằng mưu lược.
Thần kính cẩn chấp tay cúi đầu mà dâng lời rằng:
Kìa xem điều báu,
Rực rỡ trời cao.
Điềm của thái bình,
Phúc biết dường bao.
Với thánh hoàng ta,
Tại đức không tại sao”